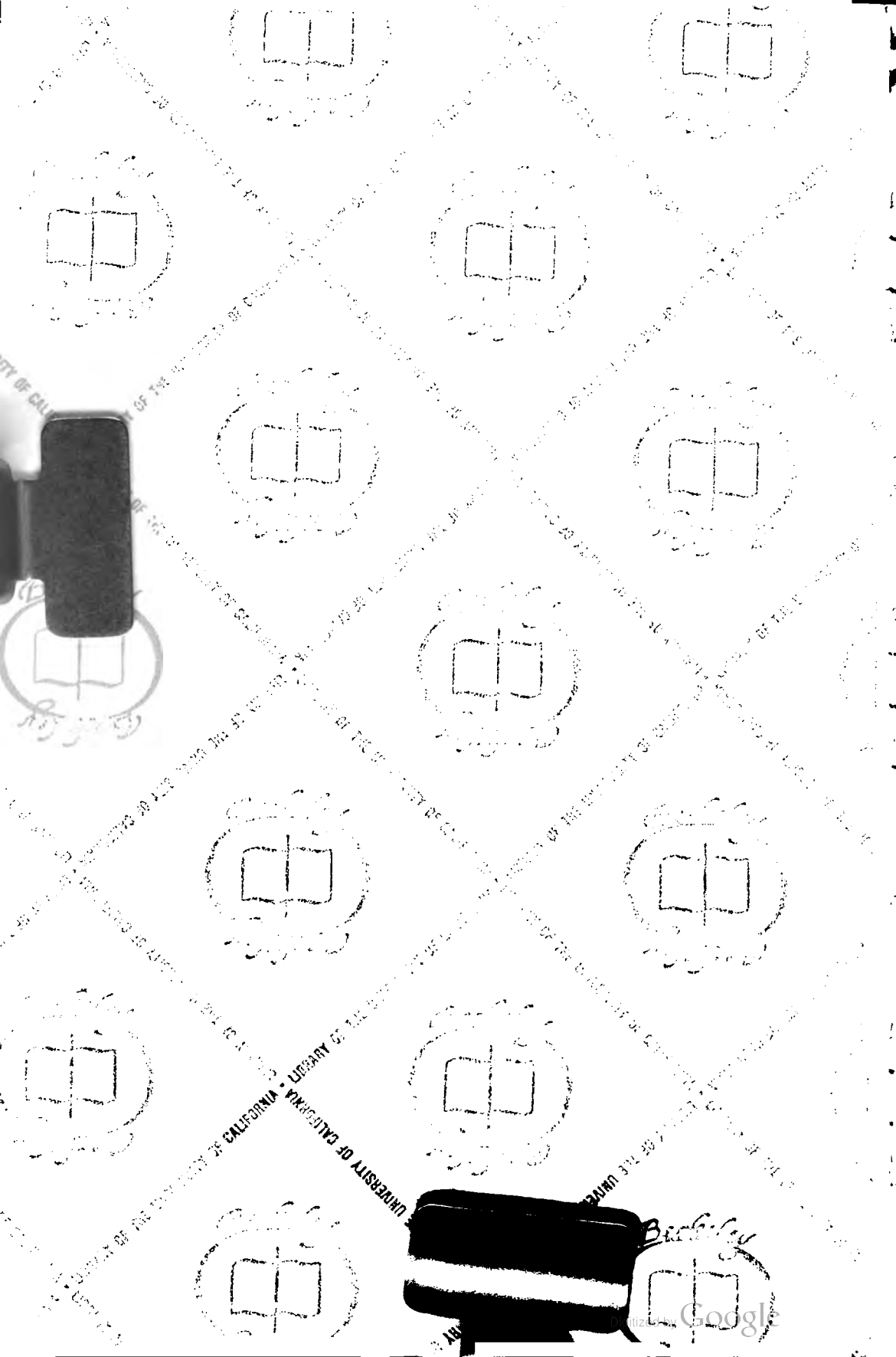
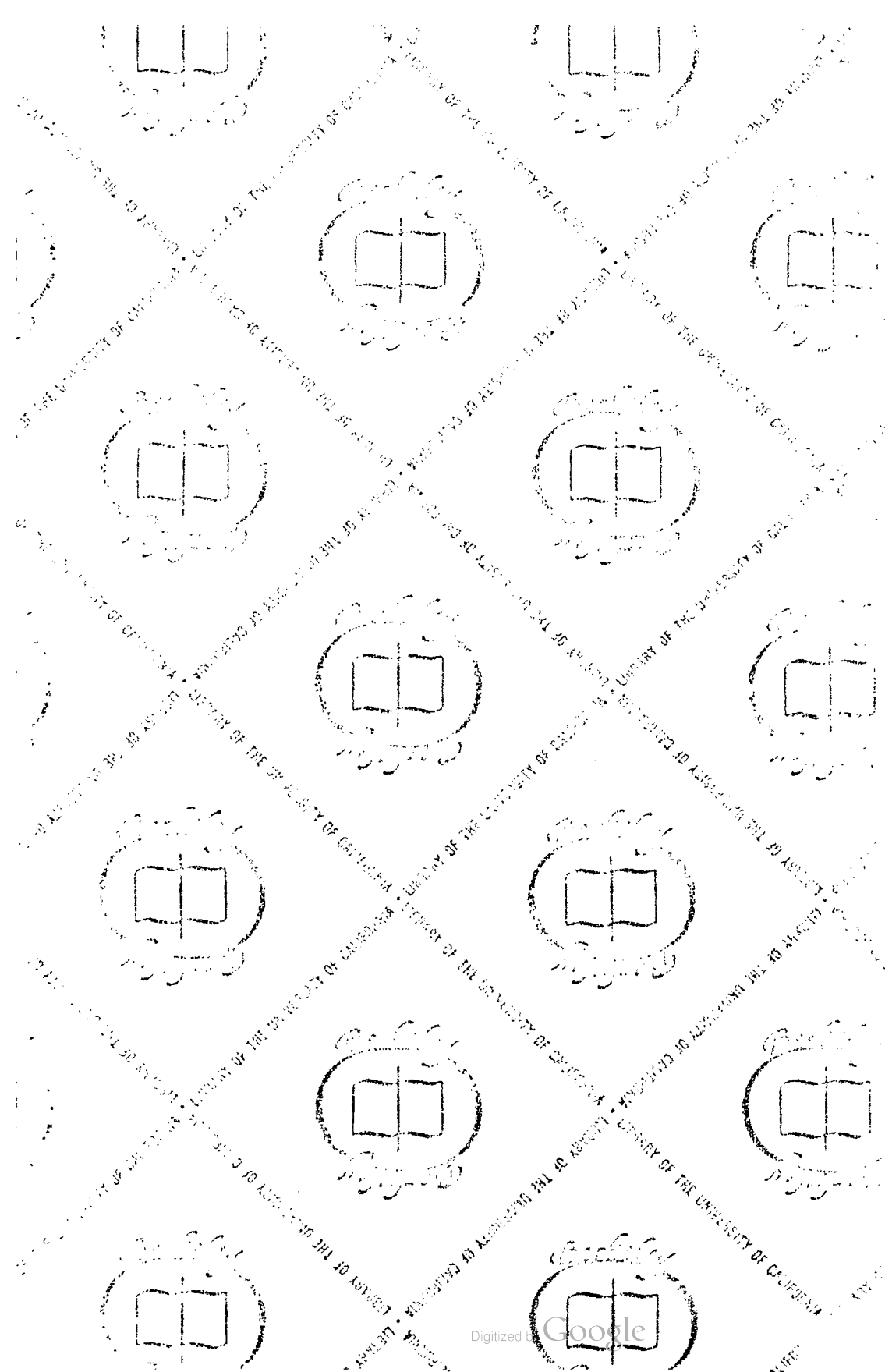


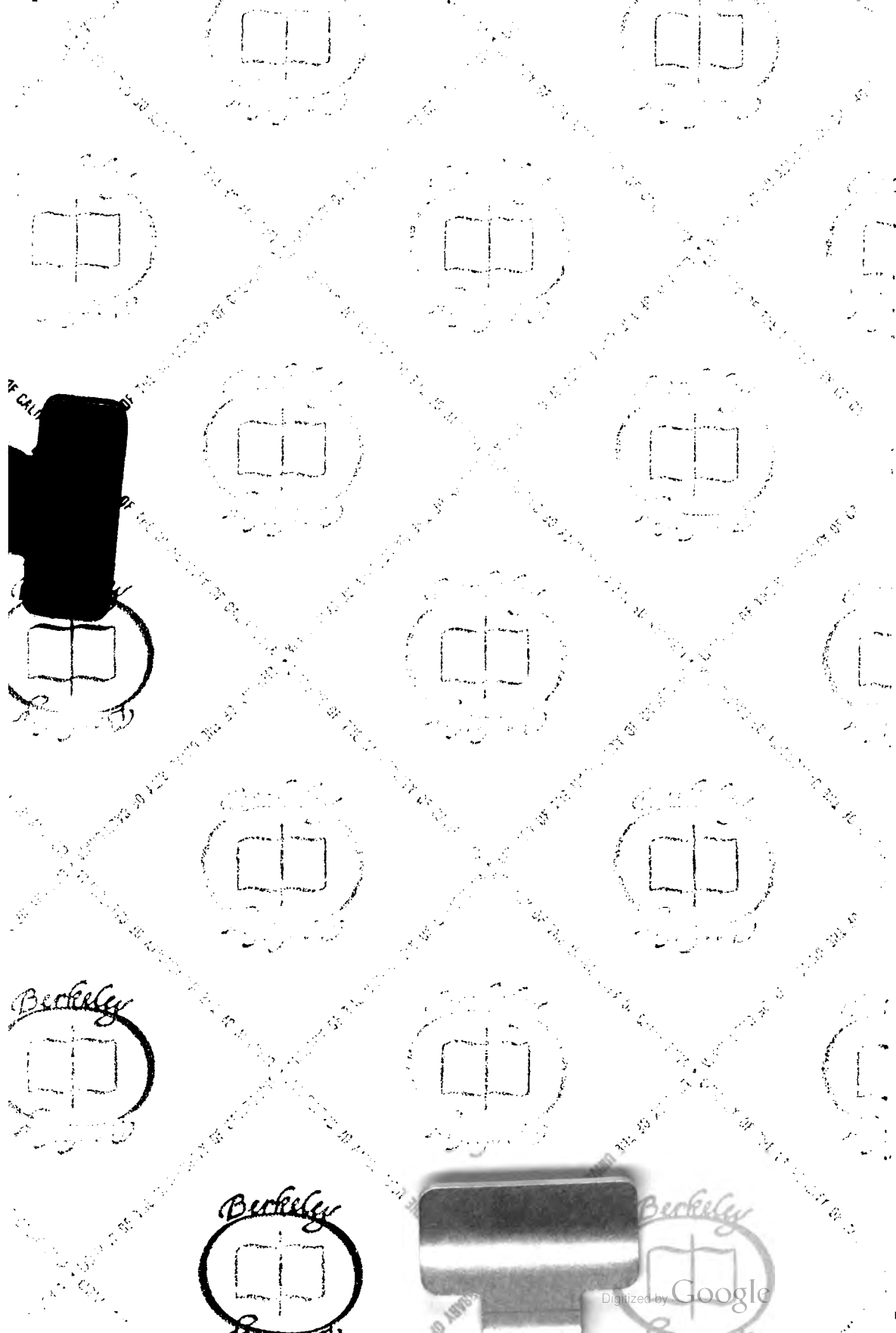
UC-NRLF

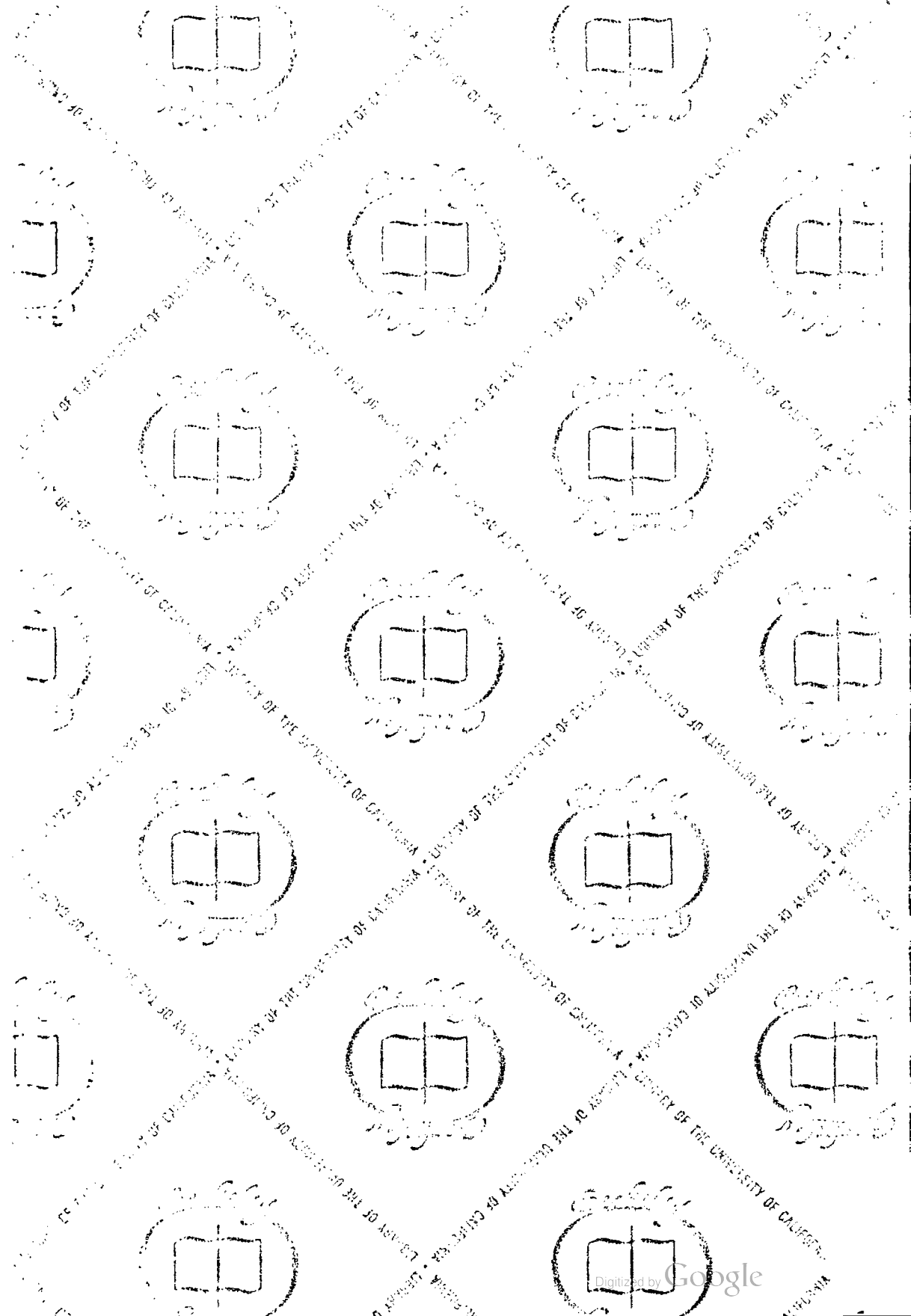


B 4 414 369









Tạp chí Cộng sản

1

1.1985

1911

1912

Xã luận

Nâng cao ý chí kiên cường, thực hiện thắng lợi kế hoạch kinh tế – xã hội năm 1985

NĂM 1984 vừa qua là một năm có những thử thách gay gắt về nhiều mặt : thiên tai xảy ra liên tiếp ở hầu khắp các miền đất nước ; bọn hành tẩu bá quyền Trung quốc đẩy mạnh cuộc chiến tranh lấn chiếm ở biên giới phía bắc, đồng thời tăng cường hoạt động chiến tranh phá hoại nhiều mặt ; khó khăn về năng lượng, vật tư nhập khẩu và ngoại tệ lớn hơn các năm trước. Tuy nhiên dưới sự lãnh đạo của Đảng, toàn dân, toàn quân ta đã phấn đấu kiên cường, vượt qua những thử thách đó và tiếp tục vững bước tiến lên. Chúng ta đã đánh bại một bước kế hoạch chiến tranh phá hoại nhiều mặt của bọn phản động Trung quốc, giữ vững an ninh chính trị, bảo vệ vững chắc biên giới phía bắc, tạo ra những chuyển biến quan trọng đáng phấn khởi trên mặt trận kinh tế, nhất là từ sau khi có nghị quyết Hội nghị thứ 6 của Trung ương Đảng.

Sản xuất nông nghiệp tiếp tục phát triển tốt. Mặc dù thời tiết không thuận đã gây ra nhiều thiệt hại, nhưng sản lượng lương thực tăng hơn năm 1983 30 vạn tấn. Đáng chú ý là trước đây, sản lượng lương thực tăng lên chủ yếu do tăng diện tích, nhưng từ 1981 đến nay chủ yếu do tăng vụ, thâm canh, tăng năng suất và thay đổi cơ cấu mùa vụ theo hướng mở rộng diện tích lúa đông xuân và hè thu. Các mặt chăn nuôi, cây công nghiệp, nuôi trồng, khai thác thủy sản, nghề rừng đều phát triển khá.

Trong công nghiệp, tuy có nhiều khó khăn về năng lượng, vật tư, nguyên liệu, nhưng nhiều xí nghiệp đã phát huy tinh thần chủ động sáng tạo, thực hiện hợp tác, liên kết kinh tế, cho nên sản xuất liên tục phát triển. Giá trị sản lượng công nghiệp tăng 7,5%. Đáng chú ý là trong công nghiệp quốc doanh, nhất là công nghiệp quốc doanh trung ương có nhiều tiến bộ rõ; một số sản phẩm công nghiệp quan trọng tăng khá so với năm 1983.

Giao thông vận tải đã cố gắng tập trung sức giải quyết các khâu yếu, các mặt hàng và tuyến đường quan trọng, khối lượng vận chuyển tăng khá. Xây dựng cơ bản đã tập trung hơn cho những công trình trọng điểm của Nhà nước, nhiều công trình đạt tiến độ thi công, đưa vào sử dụng đúng thời hạn, phát huy được hiệu quả của vốn đầu tư.

Công tác thu mua, nắm hàng hóa có nhiều tiến bộ, nhất là thu mua lương thực và các loại nông sản khác. Kim ngạch xuất khẩu tăng, tuy mức tăng còn chậm.

Phong trào hợp tác hóa nông nghiệp ở các tỉnh Nam bộ được đẩy mạnh. Việc cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với công thương nghiệp tư nhân, củng cố và mở rộng thương nghiệp xã hội chủ nghĩa, tăng cường quản lý thị trường được chỉ đạo kiên quyết và tập trung cho nên đã có nhiều chuyển biến mới ở các thành phố lớn và nhiều địa phương trong nước.

Công tác khoa học kỹ thuật, các mặt hoạt động giáo dục, văn hóa, y tế xã hội đã có cố gắng và tiến bộ.

Những cải tiến bước đầu trong cơ chế quản lý kinh tế thể hiện ở việc ban hành một số chủ trương, chính sách mới đã có tác dụng kích thích sản xuất phát triển; những nhân tố mới, những diễn biến tốt xuất hiện ngày càng nhiều ở các địa phương và cơ sở. Thực tế vừa qua chứng minh rằng, thấu suốt và cụ thể hóa đường lối đúng đắn của Đảng bằng một cơ cấu kinh tế hợp lý và một cơ chế quản lý thích hợp, phát huy mạnh mẽ quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động ở từng cơ sở, từng địa phương, từng ngành, động viên được sức mạnh của cả nước thì chúng ta có khả năng tạo ra một chuyển biến mạnh mẽ trong đời sống kinh tế - xã hội.

Tuy nhiên, bên cạnh những tiến bộ nói trên, nền kinh tế nước ta hiện nay vẫn đang còn nhiều khó khăn và mất cân đối lớn, tình hình kinh tế - xã hội chưa ổn định, nhịp độ phát triển kinh tế năm 1984 chậm hơn những năm 1981-1983. Sản xuất nông nghiệp còn bấp bênh, không vững chắc, sản xuất lương thực chưa ổn định. Sản xuất công nghiệp phát triển không đều, năng suất, chất lượng và hiệu quả đều thấp, tiêu hao vật tư năng lượng ngày càng lớn, do đó giá thành tăng hơn các năm trước. Giá cả thị trường vẫn diễn biến phức tạp, tình hình ngân sách và tiền mặt chưa bình thường. Đời sống của nhân dân, nhất là của cán bộ, công nhân, các lực lượng vũ trang còn nhiều khó khăn và chưa ổn định. Các hiện tượng tiêu cực trong kinh tế và xã hội chưa được ngăn chặn có hiệu quả.

Tình hình trên đây là do nhiều nguyên nhân, trong đó nguyên nhân khách quan vẫn là cơ sở vật chất kỹ thuật còn quá yếu, năng lượng, vật tư, ngoại tệ thiếu nghiêm trọng; thiên tai xảy ra liên tiếp; kẻ địch tăng cường phá hoại nhiều mặt. Song có những khuyết điểm chủ quan mà nổi bật là những khuyết điểm trong cơ chế quản lý kinh tế và kế hoạch hóa tuy đã được khắc phục một bước, nhưng tệ quan liêu bao cấp, tư tưởng bảo thủ trì trệ vẫn còn nặng; việc sửa đổi các chính sách cũ không còn phù hợp cũng như việc ban hành các chính

sách mới còn chậm, nhất là về các vấn đề giá cả, tiền lương, tiền lệ; việc sắp xếp lại sản xuất chưa làm được bao nhiêu, công tác kế hoạch hóa chưa được thật sự đổi mới. Công tác tổ chức cán bộ chuyển chậm, việc kiện toàn và sắp xếp tổ chức, tinh giản bộ máy, bố trí cán bộ chưa đáp ứng được yêu cầu cải tiến và xây dựng cơ chế quản lý mới; chưa xử lý thật nghiêm và kịp thời đối với những kẻ làm dối, báo cáo sai, tham ô, lãng phí, chưa đấu tranh kiên quyết để khắc phục những biểu hiện kém ý thức, tổ chức kỷ luật và cục bộ địa phương. Công tác chỉ đạo, điều hành tuy đã được cải tiến một bước nhưng vẫn còn là khâu yếu.



Tình hình cách mạng của nước ta hiện nay đòi hỏi phải có sự chuyển biến tích cực, mạnh mẽ, toàn diện trong công cuộc xây dựng và phát triển kinh tế - xã hội nhằm thực hiện tốt những nhiệm vụ do Đại hội thứ V của Đảng vạch ra.

Năm 1985 có vị trí rất quan trọng; đó là năm kết thúc kế hoạch 5 năm 1981 - 1985, đồng thời chuẩn bị cho kế hoạch 1986 - 1990. **Phải phấn đấu thực hiện cho được bốn mục tiêu kinh tế - xã hội và các chỉ tiêu chủ yếu của Đại hội V, đưa nền kinh tế đi vào thể ổn định và phát triển đúng đường lối chủ trương của Đảng.** Phải khẩn trương xúc tiến các công việc chuẩn bị cho kế hoạch 5 năm 1986 - 1990: tổng kết việc thực hiện kế hoạch 5 năm 1981 - 1985, vạch ra chiến lược kinh tế - xã hội dài hạn, chuẩn bị về đầu tư xây dựng cơ bản, phối hợp kế hoạch với các nước trong **Hội đồng tương trợ kinh tế**, với Lào và Cam-pu-chia; xây dựng và phát huy cơ chế quản lý mới để thúc đẩy nền kinh tế quốc dân phát triển mạnh mẽ, đồng thời chuẩn bị tốt về mặt tổ chức và cán bộ.

Những tư tưởng chỉ đạo và nội dung của nghị quyết Đại hội toàn quốc thứ 5 của Đảng cùng với những quan điểm cơ bản của các nghị quyết Hội nghị thứ 6 và thứ 7 của Trung ương Đảng phải được quán triệt và thể hiện đầy đủ trong kế hoạch Nhà nước năm 1985, trong đó những vấn đề quan trọng nhất là

Tiếp tục xem sản xuất nông nghiệp là mặt trận hàng đầu, trước hết là sản xuất lương thực, thực phẩm. Phát triển mạnh mẽ hơn nữa hàng tiêu dùng trong nước và hàng xuất khẩu, đồng thời tăng cường các cơ sở công nghiệp nặng then chốt phục vụ nông nghiệp và công nghiệp hàng tiêu dùng, bảo đảm phát triển cơ cấu công - nông nghiệp, làm cho công nghiệp ngày càng có tác dụng thúc đẩy sản xuất nông nghiệp, sản xuất hàng tiêu dùng và hàng xuất khẩu.

Phải xem việc ổn định và cải thiện một bước đời sống nhân dân, trước hết là đời sống của cán bộ, công nhân, bộ đội, công an là mục tiêu thứ nhất, đồng thời phấn đấu tăng thêm tích lũy để tiếp tục xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội.

Kiên quyết hoàn thành về cơ bản nhiệm vụ **cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với nông nghiệp ở Nam bộ và đối với công thương nghiệp tư doanh** trong cả nước với những hình thức và bước đi thích hợp, theo phương châm cải tạo kết hợp với xây dựng, lấy xây dựng làm chính; củng cố và tăng cường khu vực kinh tế xã hội chủ nghĩa.

Kết hợp tốt kinh tế với quốc phòng, quốc phòng với kinh tế, bảo đảm yêu cầu củng cố quốc phòng và an ninh, đấu tranh có hiệu quả làm thất bại cuộc

chấn tranh phá hoại nhiều mặt của địch, tăng cường toàn diện các tỉnh, huyện biên giới phía bắc, sẵn sàng đối phó với mọi tình huống.

Một chủ trương rất quan trọng của Đảng để làm chuyển biến tình hình là phải tiếp tục **cải tiến cơ chế quản lý** bằng cách đề ra càng sớm càng tốt những chính sách cụ thể, kiên quyết xóa bỏ lệ quan liêu bao cấp, bảo thủ trì trệ và tình trạng tự do, vô tổ chức, vô kỷ luật, chuyển hẳn sang hạch toán và kinh doanh xã hội chủ nghĩa, phát huy mạnh mẽ quyền chủ động và sáng tạo của các cấp, các ngành, nhất là của cơ sở, coi năng suất, chất lượng, hiệu quả là tiêu chuẩn hàng đầu để đánh giá các hoạt động sản xuất và kinh doanh. Cần có những quyết định để phân biệt rõ ràng chức năng quản lý hành chính — kinh tế của cơ quan Nhà nước với chức năng kinh doanh của các đơn vị kinh tế.

Phân phối, lưu thông đang là mặt trận nóng bỏng. Trong năm 1985 phải thực hiện bằng được trên phạm vi cả nước nghị quyết Hội nghị thứ 6 của Trung ương Đảng về việc **Nhà nước làm chủ thị trường**, thống nhất quản lý lương thực, các vật tư chiến lược và các hàng hóa thiết yếu, loại trừ chợ đen, đầu cơ, buôn lậu; giải quyết đồng bộ và vững chắc những vấn đề cấp bách về **giá cả, tiền lương, tài chính, tiền tệ**.

Đổi mới công tác kế hoạch hóa, **bố trí kế hoạch phải bảo đảm tính hiện thực và vững chắc** dựa trên cơ sở cân đối với điều kiện vật chất hiện có và **tích cực khai thác bốn nguồn khả năng**. Kiên quyết tập trung vào các trọng điểm, đồng thời phát triển đồng đều và cân đối các ngành, các vùng, các cơ sở; **phấn đấu đạt tốc độ phát triển và hiệu quả kinh tế cao hơn**. Để thực hiện thắng lợi kế hoạch Nhà nước, phải phát huy ý chí tự lực tự cường, phát động mạnh mẽ **phong trào cách mạng và tinh thần làm chủ tập thể** của nhân dân lao động, động viên sức mạnh tổng hợp của Nhà nước và nhân dân, khuyến khích các cơ sở, địa phương, ngành khai thác tốt nhất mọi tiềm năng về lao động, đất đai, ngành nghề, cơ sở vật chất hiện có, mở rộng hợp tác, liên kết kinh tế, tăng cường xuất nhập khẩu để bảo đảm sự cân đối giữa mục tiêu và biện pháp.

Triệt để thực hành **tiết kiệm** trong xây dựng và thực hiện kế hoạch, áp dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật, coi trọng các chỉ tiêu về số lượng cũng như chất lượng, tăng nhanh sản lượng, **nâng cao hiệu quả đầu tư, năng suất lao động và chất lượng sản phẩm**.

Trên cơ sở quán triệt những quan điểm cơ bản nói trên, phải tập trung sức giải quyết mấy vấn đề chủ yếu và cấp bách sau đây để đẩy mạnh nền kinh tế phát triển.

Về **nông nghiệp**, sản xuất lương thực vẫn là trọng tâm số một, có ý nghĩa quyết định đối với sự ổn định và phát triển kinh tế — xã hội. Phấn đấu cao để đạt sản lượng 19 triệu tấn lương thực quy thóc. Mở rộng thêm diện tích trồng cây lương thực ở những vùng có điều kiện, xây dựng các vùng lúa và màu cao sản, đưa hệ số sử dụng ruộng đất canh tác và độ đồng đều về năng suất cây trồng lên cao hơn, nhất là ở Nam bộ. Bảo đảm có đủ phân bón, thuốc trừ sâu, những vật tư cần thiết, và làm kịp thời vụ, nhất là ở những vùng trọng điểm lúa.

Cần làm tốt công tác huy động lương thực, có chính sách đúng để bảo đảm cho Nhà nước nắm tuyệt đại bộ phận lương thực hàng hóa nhằm thực hiện **chính sách Nhà nước thống nhất quản lý lương thực**. Bảo đảm vững chắc lương thực cho lực lượng vũ trang, các khu công nghiệp và thành phố lớn ở miền Bắc là trách nhiệm chung của cả nước. Phải tiết kiệm lương thực, chống tham ô, lãng phí lương thực.

Đẩy mạnh trồng cây công nghiệp ngắn ngày, nhất là đậu tương, lạc, đỗ, vừng, thuốc lá, mía, dứa... **Đối với cây công nghiệp dài ngày**, trước hết tập trung đầu tư để thâm canh trên diện tích đã có, đồng thời mở rộng diện tích trồng mới và hết sức coi trọng hiệu quả kinh tế.

Đẩy mạnh phát triển chăn nuôi, quan tâm hơn nữa đến việc chọn và cung cấp giống tốt, xây dựng cơ sở thức ăn ổn định, mở rộng mạng lưới thú y, khôi phục và phát triển chăn nuôi tập thể, quốc doanh, tổ chức và khuyến khích mạnh mẽ chăn nuôi gia đình.

Về **thủy sản**, đẩy mạnh đánh bắt cá biển, tích cực phát triển diện tích nuôi tôm, cá nước lợ; tận dụng và thâm canh diện tích nuôi cá nước ngọt ở khắp các vùng.

Đối với lâm nghiệp, có chính sách và tổ chức dễ nhanh chóng phủ xanh đất trống, đồi trọc; trồng và tái sinh rừng theo phương hướng nông - lâm kết hợp và chặn đứng nạn phá rừng, thực hiện việc giao đất, giao rừng cho hợp tác xã và nông dân.

Về quan hệ sản xuất, đẩy mạnh việc xây dựng và củng cố các tập đoàn sản xuất và hợp tác xã nông nghiệp, thủy sản ở miền Nam, căn bản hoàn thành hợp tác hóa nông nghiệp ở Nam bộ vào cuối năm 1985.

Trong lĩnh vực **công nghiệp**, khai thác mọi nguồn khả năng về vật tư, thiết bị, khoa học kỹ thuật, vốn... để đạt **tốc độ phát triển công nghiệp cao hơn năm 1984**.

Phát triển mạnh mẽ công nghiệp thực phẩm và hàng tiêu dùng thiết yếu. **Đối với ngành than** đang ở trong tình trạng giảm sút, cần phải tập trung sức giải quyết đồng bộ các yêu cầu về cơ sở vật chất kỹ thuật, cải tiến quản lý để nhanh chóng khôi phục và phát triển sản xuất. **Phát triển điện lực**, đẩy mạnh thâm dò và khai thác dầu khí, phát triển cơ khí, luyện kim, vật liệu xây dựng, hóa chất, nhất là phân bón và thuốc trừ sâu.

Nâng cao hệ số sử dụng công suất của các cơ sở quốc doanh, đồng thời tăng cường cơ sở vật chất kỹ thuật, tạo thêm nguồn nguyên liệu, củng cố hệ thống quản lý, bổ sung các chính sách để khuyến khích phát triển sản xuất **tiểu công nghiệp và thủ công nghiệp**. Tổ chức tốt việc liên kết, liên doanh, khai thác các khả năng sẵn có để nâng cao sản lượng công nghiệp.

Tổ chức thực hiện tốt quy chế kiểm tra bằng hệ thống định mức tiêu hao vật tư, sử dụng nhiều biện pháp để không ngừng nâng cao chất lượng sản phẩm, nhất là chất lượng hàng xuất khẩu.

Về **giao thông vận tải và bưu điện**, áp dụng cơ chế kinh doanh xã hội chủ nghĩa để huy động đến mức cao nhất năng lực các loại phương tiện. Có chính sách khuyến khích các cơ sở tập thể vận tải thô sơ, triệt để tiết kiệm xăng dầu, bảo đảm đáp ứng những nhu cầu tối thiểu của kinh tế, quốc phòng và việc đi lại của nhân dân. Nâng cao chất lượng và tăng cường các hoạt động thông tin bưu điện phục vụ sản xuất, đời sống và an ninh, quốc phòng.

Đối với xây dựng cơ bản, vốn đầu tư năm 1985 được bố trí bằng mức năm 1984 và phải được sử dụng có hiệu quả hơn. Muốn vậy, phải lĩnh toán cần thận, tiến hành sắp xếp theo thứ tự ưu tiên, nên lập trung sức làm cái gì trước, cái gì sau, để có đủ khả năng thực hiện và giải quyết bằng được những vấn đề then chốt, cấp bách nhất hiện nay, đồng thời tạo đà cho sự phát triển về mọi mặt của kế hoạch 5 năm 1986 - 1990. Với tinh thần đó, phải kiên quyết đình hoãn các công trình và hạng mục công trình chưa thật cấp thiết và chậm đem lại hiệu

quá. Đặc biệt coi trọng đầu tư chiều sâu, bổ sung và đồng bộ hóa để tận dụng những công suất hiện có, khắc phục tình trạng lãng phí trong xây dựng cơ bản và rất coi trọng chất lượng công trình.

Về kinh tế đối ngoại và xuất nhập khẩu, phấn đấu tăng nhanh kim ngạch xuất khẩu, bảo đảm chất lượng hàng xuất khẩu. Trước mắt, tập trung vốn đầu tư để hình thành các mặt hàng xuất khẩu chủ lực.

Phải có chính sách khuyến khích sản xuất và thu mua các hàng xuất khẩu chủ lực, khuyến khích mạnh các ngành, các địa phương, các cơ sở kinh doanh xuất, nhập khẩu dưới sự quản lý thống nhất về mặt Nhà nước của Bộ ngoại thương và Ngân hàng ngoại thương. Tiếp tục sắp xếp lại các tổ chức và hoạt động xuất khẩu.

Mở rộng hợp tác kinh tế với các nước trong Hội đồng tương trợ kinh tế; mở rộng sự liên kết kinh tế thiết thực và có hiệu quả giữa ba nước Đông dương. Mở rộng hợp tác và tranh thủ tín dụng của các nước xã hội chủ nghĩa và các nước khác cũng như của các tổ chức kinh tế quốc tế; có chính sách rộng rãi hơn để thu hút thêm nguồn vốn từ bên ngoài.

Trong lĩnh vực **phân phối lưu thông**, điều có ý nghĩa quyết định trước hết là Nhà nước phải tăng cường quản lý và làm chủ thị trường. Mở rộng hệ thống thương nghiệp xã hội chủ nghĩa, đặc biệt là kiên quyết thực hiện việc Nhà nước độc quyền kinh doanh vật tư chiến lược, thống nhất quản lý lương thực và hàng tiêu dùng thiết yếu.

Giá cả, tiền lương — tài chính — tiền tệ là những vấn đề nóng bỏng hiện nay có liên quan trực tiếp đến sản xuất, kinh doanh, phải được giải quyết một cách đồng bộ và khôn ngoan. Đây là một vấn đề hết sức phức tạp, cần tiến hành tích cực nhưng thận trọng. Trước mắt, Nhà nước có biện pháp thích đáng để bảo đảm đời sống, hết sức cố gắng cung cấp đủ và kịp thời các mặt hàng theo tiêu chuẩn định lượng cho bộ đội, công an và công nhân, cán bộ; thiết thực chăm lo đời sống nhân dân lao động.

Về giá cả, tiếp tục thực hiện các nghị quyết của Hội nghị thứ 6 của Trung ương Đảng; các ngành, các cấp và cơ sở sản xuất — kinh doanh phải tìm mọi biện pháp để duy trì và phát triển sản xuất, nghiêm chỉnh chấp hành kỷ luật giá của Nhà nước, nghiêm cấm việc lợi dụng chênh lệch giá để kiếm lãi một cách bất hợp pháp.

Ngành thương nghiệp phải vươn lên nắm toàn bộ khâu bán buôn, đại bộ phận khâu bán lẻ và dịch vụ, quản lý chặt chẽ các quỹ vật tư hàng hóa của Nhà nước.

Công tác tài chính — ngân hàng phải có sự chuyển biến vượt bậc trong việc tăng nhanh các nguồn thu ngân sách và tiền mặt; áp dụng nhiều chính sách và biện pháp thích hợp để huy động các nguồn vốn dư thừa trong xã hội và các nguồn vốn ngoại tệ; phấn đấu giảm đến mức thấp nhất bội chi tiền mặt.

Xây dựng bổ sung các chính sách tài chính — tín dụng — tiền tệ của Nhà nước để thực hiện đúng chế độ hạch toán kinh tế và kinh doanh xã hội chủ nghĩa, thực hiện quyền tự chủ tài chính của cơ sở.

Ngân hàng phải xóa bỏ chế độ bao cấp, chuyển mạnh sang cơ chế kinh doanh xã hội chủ nghĩa, cải tiến các chế độ chính sách, thủ tục tín dụng và thanh toán, phát triển hợp tác xã tín dụng và các hình thức tín dụng khác.

Tiếp tục thực hiện chủ trương phân bố lực lượng lao động và dân cư trên phạm vi cả nước theo quy hoạch và kế hoạch hợp lý; có chính sách và biện pháp cụ thể để bảo đảm đời sống cho những người đi xây dựng vùng kinh tế mới.

Tìm mọi cách giải quyết công việc cho những người chưa có việc làm, tăng cường kỷ luật lao động; kiên quyết tinh giản bộ máy, giảm biên chế. Có kế hoạch và biện pháp tích cực để hạn chế tỷ lệ tăng dân số, khẩn trương ban hành chính sách về dân số.

Trong công tác khoa học — kỹ thuật, phát huy mạnh mẽ thực hiện các chương trình nghiên cứu khoa học trọng điểm cấp Nhà nước; chú trọng các đề tài phục vụ nông nghiệp, các ngành công nghiệp chủ yếu, giao thông vận tải, xây dựng.

Về giáo dục, cần thực hiện tốt chương trình cải cách giáo dục, nâng cao chất lượng đào tạo toàn diện, đặc biệt coi trọng giáo dục chính trị, đạo đức, giáo dục hướng nghiệp, giáo dục quốc phòng, kết hợp chặt chẽ với lao động sản xuất. Tiếp tục sắp xếp mạng lưới các trường đại học, trung học và dạy nghề, cải tiến công tác tuyển sinh.

Đẩy mạnh các hoạt động văn hóa và nghệ thuật, thông tin và tuyên truyền nhằm động viên phong trào thi đua lao động sản xuất, thực hành tiết kiệm, sẵn sàng chiến đấu và chiến đấu tốt, chống mọi âm mưu phá hoại của địch, xây dựng nếp sống mới xã hội chủ nghĩa, đấu tranh chống hủ tục mê tín, các tệ nạn xã hội, bài trừ văn hóa đồi trụy, phản động. Phát triển rộng rãi phong trào thể dục thể thao, nhất là trong thanh niên và thiếu niên.

Củng cố tốt mạng lưới y tế hiện có, đẩy mạnh công tác vệ sinh phòng dịch, phòng bệnh. Thống nhất quản lý các dược liệu quan trọng, đẩy mạnh sản xuất thuốc chữa bệnh, mở rộng chữa bệnh ngoại trú cho nhân dân. Thực hiện tốt việc chăm sóc đời sống thương binh, gia đình liệt sĩ, những người có công với cách mạng, công nhân và cán bộ về hưu.

Thực hiện tốt việc kết hợp kinh tế với quốc phòng, động viên sức mạnh của cả nước bảo đảm các nhu cầu cần thiết cho quân đội để nâng cao sức chiến đấu và trình độ sẵn sàng chiến đấu. Đi đôi với việc quân đội đẩy mạnh lao động sản xuất để tự giải quyết một phần nhu cầu về sinh hoạt, cần có quy hoạch từng bước xây dựng và tăng cường nền công nghiệp quốc phòng, đồng thời tích cực huy động một bộ phận nhân lực của quân đội tham gia xây dựng kinh tế.



Để bảo đảm thực hiện tốt phương hướng và nhiệm vụ kế hoạch về kinh tế — xã hội năm 1985, cần phải làm tốt một số việc sau đây.

Một là, sửa đổi và ban hành gấp một số chính sách và chế độ quản lý kinh tế. Kiên quyết xóa bỏ quan liêu bao cấp, chuyển hẳn sang hạch toán và kinh doanh xã hội chủ nghĩa, thật sự mở rộng quyền chủ động của địa phương và cơ sở, đồng thời bảo đảm sự quản lý tập trung thống nhất của trung ương.

Nghị định chỉnh lý chức thực hiện nghị quyết Hội nghị thứ 7 của Trung ương Đảng về công tác xây dựng huyện và tăng cường cấp huyện, coi đó là một trong những biện pháp quan trọng nhất để bảo đảm thực hiện thắng lợi nhiệm vụ kế hoạch Nhà nước năm 1985 và các năm sau.

Hai là, **thi hành những biện pháp triệt để và nghiêm ngặt về thực hành tiết kiệm, chống tham ô lãng phí, ngăn chặn và đẩy lùi các biểu hiện tiêu cực trong mọi lĩnh vực.** Đây là vấn đề có ý nghĩa to lớn về kinh tế và xã hội, là chủ trương lớn của Đảng và Nhà nước và cũng là biện pháp rất quan trọng để giữ gìn phẩm chất, đạo đức cách mạng của cán bộ, đảng viên, nhân viên Nhà nước. Cần có kế hoạch tổ chức chỉ đạo cụ thể và phát động thành phong trào quần chúng rộng rãi để đạt kết quả tốt.

Ba là, **cải tiến mạnh mẽ công tác tổ chức cán bộ** — một biện pháp có tính chất quyết định. Sắp xếp lại bộ máy, cắt bỏ những bộ phận tổ chức công kênh không có tác dụng; kiên quyết tinh giản bộ máy hành chính từ trung ương đến cơ sở; điều chỉnh chức năng của một số ngành cho phù hợp với yêu cầu đòi hỏi cơ chế quản lý.

Phải có cách nhìn mới để đánh giá đúng phẩm chất và năng lực cán bộ; khắt khe đào tạo cán bộ nhằm đáp ứng yêu cầu xóa bỏ bao cấp, thực hiện hạch toán kinh doanh. Phát hiện, sử dụng, đề bạt những cán bộ đã được đào tạo, rèn luyện và có cách nghĩ, cách làm thích hợp với cơ chế quản lý mới. Kiên quyết thay đổi những cán bộ lãnh đạo và quản lý bảo thủ, thiếu năng lực và kém phẩm chất; nghiêm khắc thi hành kỷ luật của Đảng và Nhà nước đối với những cán bộ, nhân viên phạm khuyết điểm nghiêm trọng.

Bốn là, **tăng cường công tác giáo dục chính trị, công tác quần chúng của Đảng để động viên mạnh mẽ phong trào cách mạng của quần chúng.** Phát huy tinh thần làm chủ tập thể của nhân dân và ý chí tự lực tự cường, vượt qua mọi khó khăn để giành thắng lợi về mọi mặt. Các ngành, các cấp phải làm cho mỗi người hiểu rõ tình hình chung của đất nước, nhận rõ trách nhiệm và nghĩa vụ của mình, từ đó mà chủ động tích cực lao động sản xuất, góp phần tạo ra bước chuyển biến mới trong kinh tế — xã hội.

Năm là, **tăng cường sự chỉ đạo thực hiện kế hoạch Nhà nước.** Trong quá trình chỉ đạo, cần coi trọng các biện pháp kinh tế, hành chính, pháp luật, giáo dục, nhưng phải lấy biện pháp kinh tế làm chính. Các cơ quan của Đảng và Nhà nước ở trung ương phải cụ thể hóa và thể chế hóa các quyết định của Ban chấp hành trung ương thành các chính sách, chế độ cụ thể để hướng dẫn các cấp thi hành. Đồng thời, đi sát các địa phương và cơ sở, tăng cường công tác kiểm tra, theo dõi sát cách làm mới, phát huy những sáng kiến của bên dưới, kịp thời phổ biến những kinh nghiệm tốt và uốn nắn những lệch lạc, có kết luận kịp thời và rõ ràng về những việc đúng, sai, tổng kết đầy đủ việc thực hiện các chủ trương chính sách của Đảng.



Năm 1985 là năm kỷ niệm lần thứ 55 ngày Đảng ta ra đời, kỷ niệm lần thứ 10 ngày đánh thắng Mỹ và giải phóng miền Nam, lần thứ 40 ngày thành lập nước và cũng là năm kết thúc kế hoạch 5 năm thứ hai của nước ta. Để thiết thực kỷ niệm những ngày lịch sử trọng đại của Đảng và dân tộc, toàn Đảng, toàn quân và toàn dân ta hãy phát huy những thành quả cách mạng đã đạt được, nâng cao ý chí kiên cường, ra sức phấn đấu tạo ra sự chuyển biến mới trong sản xuất, ổn định tình hình kinh tế — xã hội, ổn định đời sống, liên tục giành những thắng lợi to lớn hơn nữa trong công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa

Xây dựng lối sống xã hội chủ nghĩa của chúng ta

MỖI xã hội có lối sống của nó.

Ngay sau Cách mạng Tháng Tám năm 1945, Bác Hồ đã kêu gọi thực hiện « đời sống mới ». Phong trào « đời sống mới » đã quét đi bao hủ tục, mê tín quàng xiên, cải tạo nhiều lề thói lỗi thời và từng bước hình thành những nếp sống mới tốt đẹp suốt trong thời gian kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ.

Ngày nay, nước ta đã độc lập, tự do thống nhất, và tiến lên chủ nghĩa xã hội. « Trong chặng đường trước mắt này, có những điều kiện khách quan và chủ quan cho phép chúng ta bước đầu tạo ra một xã hội đẹp về lối sống, về quan hệ giữa người và người, một xã hội trong đó nhân dân lao động cảm thấy sống hạnh phúc, tuy mức sống vật chất còn chưa cao » (1). Hạnh phúc đó « là từng bước thực hiện làm chủ xã hội, làm chủ thiên nhiên, làm chủ bản thân, mọi người cùng nhau lao động và chiến đấu cho sự phát triển của cộng đồng xã hội để có đủ cơm no, áo ấm, đồng thời có cuộc sống vui tươi, lành mạnh, bình đẳng và hòa hợp trong lao động tự do, tình thương và lẽ phải, mỗi người được phát triển đầy đủ nhân cách, tài năng và năng khiếu của mình, trong mối quan hệ hài hòa giữa cá nhân, gia đình và xã hội, thực hiện đạo lý cao cả « mỗi người vì mọi người, mọi người vì mỗi người » (2).

Như vậy là ngay từ chặng đường đầu tiên của thời kỳ quá độ này, cùng với việc xây dựng phương thức sản xuất xã hội chủ nghĩa, Đảng ta đã đặt vấn đề xây dựng lối sống xã hội chủ nghĩa Việt nam — lối sống lao động, làm chủ tập thể, chan chứa tình thương và thắm nhuần lẽ phải của những con người đã được giải phóng khỏi mọi áp bức bóc lột để phát triển hài hòa và toàn diện.

Giữ cho lành thổ toàn vẹn, cho bầu trời xanh tươi, với một tâm hồn trong sạch trong một thân thể lành mạnh, chúng ta muốn sống *cuộc sống lao động hòa bình của những người làm chủ tập thể nước nhà*. Trên cơ sở lao động tự giác và trung thực, có tổ chức, có kỷ luật, có kỹ thuật, có năng suất cao, chúng ta thỏa mãn được ngày càng đầy đủ hơn nhu cầu của con người — không chỉ nhu cầu vật chất mà cả nhu cầu tinh thần, không chỉ nhu cầu tiêu dùng mà cả nhu cầu sáng tạo. Hiện nay, đời sống vật chất còn nhiều khó khăn, chúng ta phải tập trung trước hết vào mặt trận sản xuất và phân phối lưu thông để ai cũng có cơm no áo ấm, có nhà ở, phương tiện đi lại, thuốc men, v.v., nhưng đồng

(1), (2) *Vấn kiện Đại hội V*. Nxb Sự thật. Hà Nội. 1982, tập 1, tr. 93.

thời chúng ta vẫn không ngừng chăm lo đến sự phong phú của đời sống tinh thần, sự trong sáng của tư tưởng và đạo đức, sự phát triển và hoàn thiện của nhân cách. Rồi đây, những nhu cầu vật chất được thỏa mãn đến một mức nào đó, chúng ta lại càng chú trọng hơn nữa đến nhu cầu tinh thần vốn là vô hạn. Chúng ta hiểu rằng con người chứng tỏ sự có mặt của mình ở đời không phải bằng sự hưởng thụ mà bằng sự sáng tạo, bằng tính tích cực xã hội, bằng sự cống hiến của mình; hơn nữa, chỉ khi nào sự sáng tạo ấy, tính tích cực xã hội ấy, sự cống hiến ấy trở thành nhu cầu bên trong của nhân cách thì cuộc sống của con người mới thật sự có ý nghĩa cao quý.

Chúng ta muốn sống trong những quan hệ xã hội tốt đẹp nhất — quan hệ xã hội chủ nghĩa — giữa người với người, từ trong gia đình ra đến xã hội. Làm chủ tập thể là mặt chủ đạo của những quan hệ xã hội chủ nghĩa, đồng thời cũng chính là đặc trưng quan trọng nhất của lối sống xã hội chủ nghĩa của chúng ta. Trên cơ sở làm chủ tập thể về tư liệu sản xuất, làm chủ tập thể trong quá trình sản xuất, phân phối, lưu thông và tiêu dùng mà quan hệ giữa người và người ở đây xét về bản chất là sự hợp tác tương trợ, sự thống nhất giữa tập thể và cá nhân, sự quan tâm trước hết đến lợi ích của cả cộng đồng, nhờ đó mà lợi ích của từng cá nhân trong cộng đồng cũng được bảo đảm. Ở đây, nguyên tắc là “mỗi người vì mọi người, mọi người vì mỗi người”. Ai có sức lao động đều lao động. Mọi người bình đẳng về nghĩa vụ và quyền lợi, giữ gìn của công, tôn trọng pháp luật. Mọi người yêu thương, quý trọng lẫn nhau, chân thành mong muốn cho nhau những điều tốt đẹp, giúp đỡ nhau những lúc khó khăn hoạn nạn, săn sóc người già yếu và trẻ em, tôn trọng phụ nữ. Tình cha con, vợ chồng, anh em, xóm giềng, đồng nghiệp, đồng bào, đồng chí, tất cả đều thấm đượm

mối quan hệ mới, xã hội chủ nghĩa giữa người và người, đều thấm đượm tình người theo quan điểm của chủ nghĩa Mác — Lê-nin mà cũng rất gần gũi với truyền thống cộng đồng nhân ái xa xưa của dân tộc ta.

Chúng ta muốn sống cuộc sống có văn hóa tinh thần phong phú, phát triển trên cơ sở những giá trị truyền thống của dân tộc từ nghìn xưa và của cách mạng từ hơn nửa thế kỷ nay. Sự tiến bộ của văn hóa vật chất trong xã hội ta ngày nay phải đi đôi với sự phát triển toàn diện của văn hóa tinh thần xã hội chủ nghĩa Việt nam. Trong điều kiện Nhà nước chuyên chính vô sản nắm trong tay tất cả những phương tiện «sản xuất tinh thần» quan trọng nhất thì hết thảy người lao động sẽ có trình độ văn hóa ngày càng cao. Nhân dân lao động chúng ta từ chỗ bị nhồi nhét thứ văn hóa nô dịch, phản động của đế quốc và phong kiến đang trở thành những người vừa hưởng thụ vừa sáng tạo nền văn hóa mới, trở thành «chủ thể» xây dựng và phát triển nền văn hóa mới, xã hội chủ nghĩa. Họ là những người có lý tưởng đẹp, có hiểu biết rộng, có năng lực hoạt động thực tiễn dồi dào, có phẩm chất đạo đức trong sáng và thị hiếu lành mạnh, luôn luôn lạc quan tin tưởng vào sức mình, vào thắng lợi của cách mạng.

Được bảo đảm cả về đời sống vật chất lẫn đời sống tinh thần, mỗi người chúng ta sẽ phát triển đầy đủ trí tuệ, năng khiếu, tài năng, nhân cách của mình trong sự hài hòa chung với toàn xã hội.



Mấy năm qua, chúng ta đã bước đầu chú ý xây dựng lối sống mới, xã hội chủ nghĩa trong phạm vi cả nước. Song song với việc tạo ra những tiền đề vật chất và văn hóa cho lối sống xã hội chủ nghĩa ở nước ta, xây dựng lối sống xã hội chủ nghĩa từ những

mọi dung và đặc trưng cơ bản của nó, chúng ta đồng thời cũng đẩy mạnh các cuộc vận động xây dựng nếp sống mới như là những biểu hiện cụ thể, từng mặt, được định hình hóa, được quy chế hóa để trở thành ổn định của lối sống xã hội chủ nghĩa của chúng ta. Nhiều thành tựu đã được ghi nhận. Sáng soi những tấm gương lao động và chiến đấu dũng cảm quên mình, thể hiện tinh thương lớn lao và lễ phải cao quý của những con người mới làm chủ tập thể trên mặt trận sản xuất, tổ chức và quản lý đời sống ở hậu phương cũng như ở vị trí tiền tiêu chống địch nơi biên giới. Trong khó khăn, lễ sống xã hội chủ nghĩa ở đồng đảo cán bộ và nhân dân ta vẫn chẳng lu mờ. Trên lĩnh vực những nếp sống cụ thể, « nhiều tỉnh và thành phố đã có những việc làm thiết thực để đẩy mạnh cuộc vận động; bước đầu hình thành một số nghi thức mới trong đám cưới, đám ma, cải tạo phong tục, tập quán cũ, xây dựng phong tục, tập quán mới, xây dựng gia đình văn hóa mới » (3).

Tuy nhiên, do nhiều nguyên nhân khách quan và chủ quan, đặc biệt là do buông lỏng quản lý cả về kinh tế lẫn văn hóa, trong xã hội nảy sinh nhiều hiện tượng tiêu cực ngày càng nghiêm trọng, lối sống đang có nhiều biến động đáng lo ngại. Mức sống vật chất còn thấp, gánh nặng đời sống hằng ngày ngày càng đè nặng lên vai những con người chính trực, cần cù, dũng cảm. Những định hướng giá trị xã hội chủ nghĩa chưa tỏ rõ được uy lực và tác dụng vốn có của nó. Trong khi nhân dân ta nói chung hăng hái lao động và chiến đấu, giữ vững phẩm chất cách mạng thì một bộ phận trong xã hội lại có những biểu hiện thoái hóa nghiêm trọng, chạy theo lối sống thực dụng, cá nhân, ích kỷ, thiếu ý thức trách nhiệm xã hội, tự do vô kỷ luật, lười biếng, trộm cắp, đòi trụy. Ngay trong thanh thiếu niên cũng có một bộ phận không có nhu

cầu xác định lễ sống, xây dựng lý tưởng; không thích nói đến việc rèn luyện bản thân theo tiêu chuẩn con người mới, đến những vấn đề cơ bản của nhân cách như lao động, tinh thương, lễ phải; không quan tâm đến tình hình chung của đất nước, đến nghĩa vụ người công dân bình thường. Số thanh thiếu niên phạm tội có chiều hướng tăng lên. Không ít thói quen, nếp sống tốt đẹp ngày một mất dần. Các tập tục lạc hậu, mê tín quàng xiên, cờ bạc, phát triển...

Đúng như Nghị quyết Hội nghị thứ 4 Ban chấp hành trung ương Đảng (khóa V) đã nhận định: « Trên mặt trận văn hóa, xã hội, nhân dân lao động ta nói chung giữ vững và phát huy bản chất tốt đẹp, dũng cảm lao động và chiến đấu, chịu đựng gian khổ, khó khăn. Song một bộ phận trong xã hội, trong đó có cả nhân dân lao động, công nhân, thanh niên, cán bộ, đảng viên, có những biểu hiện hư hỏng nghiêm trọng về đạo đức và lối sống: lười lao động, làm dối, làm ẩu, ăn cắp, đầu cơ, buôn lậu, làm ăn phi pháp, chạy theo đồng tiền, sống xa hoa, trụy lạc. Ảnh hưởng văn hóa phản động, đòi trụy của chủ nghĩa đế quốc, thực dân mới chưa bị quét sạch. Những hủ tục của xã hội cũ sống lại ở nhiều nơi. Nhìn chung, lối sống xã hội chủ nghĩa chưa được xây dựng thành một tập quán phổ biến trong xã hội ta ». Chỉ thị về nếp sống mới ngày 25-10-1984 vừa qua của Ban bí thư Trung ương Đảng cũng nhấn mạnh: « Nhưng đến nay, cuộc vận động xây dựng nếp sống mới chưa đều khắp, đồng bộ, đạt kết quả còn thấp. Các tổ chức Đảng, chính quyền, đoàn thể ở nhiều nơi chưa lãnh đạo chặt chẽ và chưa thật sự chăm lo tổ chức nếp sống mới, xây dựng phong tục tập quán

(3) Chỉ thị của Ban bí thư Trung ương Đảng về vận động thực hiện nếp sống mới, bài trừ hủ tục, mê tín dị đoan, xóa bỏ tệ nạn xã hội, quét sạch văn hóa phản động, đòi trụy (25-10-1984).

môi, thiếu cảnh giác đối với những thủ đoạn phá hoại của địch trên mặt trận tư tưởng, văn hóa, xã hội, chưa có sự phối hợp giữa các ngành và các địa phương để làm tốt công tác này ở cơ sở. nếp sống cũ, phong tục, tập quán cũ vẫn còn phổ biến; văn hóa phản động, đồi trụy chưa bị quét sạch; gần đây các hủ tục, tệ mê tín và các tệ nạn xã hội khác lại đang phát triển ở một số địa phương ».

Tình hình ấy đòi hỏi chúng ta càng phải quan tâm đầy đủ hơn, tích cực và chủ động xây dựng lối sống xã hội chủ nghĩa của chúng ta, thực hiện nếp sống mới trong mọi lĩnh vực của đời sống xã hội.



Sự hình thành lối sống xã hội chủ nghĩa có những quy luật của nó. Chúng ta phải giải quyết đúng đắn theo quan điểm khoa học và cách mạng mối quan hệ giữa cái vật chất và cái tinh thần, giữa cái chung và cái riêng, (kể cả cái quốc tế và cái dân tộc, tập thể và cá nhân), giữa truyền thống và hiện đại, giữa giáo dục và cưỡng chế, giữa ta và địch trong việc xây dựng lối sống xã hội chủ nghĩa.

Xây dựng lối sống xã hội chủ nghĩa là một quá trình lâu dài bởi vì nó gắn liền với vấn đề xây dựng cả một chế độ xã hội xã hội chủ nghĩa, song cũng lại là công việc hằng ngày, bởi vì hằng ngày chúng ta vẫn đang sống, đang biểu hiện đời sống của mình.

Ở đây, có những việc cơ bản như tổ chức và quản lý thống nhất cả ba quá trình kinh tế, chính trị — xã hội và tinh thần, tức là giải quyết thật tốt cả ba loại quan hệ cơ bản trong đời sống của con người là quan hệ với tự nhiên, với xã hội và với chính bản thân mình theo hướng xã hội chủ nghĩa; đồng thời lại có những việc cụ thể, trước mắt như cải tạo và xây dựng nếp sống trong việc cưới, việc

tang, trong ứng xử, giao tiếp hằng ngày. Coi xây dựng lối sống xã hội chủ nghĩa chỉ là chuyện ăn mặc, tóc tai, trật tự, vệ sinh nơi công cộng v.v. mà không quan tâm đến lao động sản xuất, phân phối lưu thông, dịch vụ tiêu dùng, đến việc động viên nhân dân lao động tích cực tham gia quản lý Nhà nước và xã hội, đến việc xây dựng những giá trị văn hóa tinh thần Việt nam ngày nay mà cốt lõi là thể giới quan duy vật biện chứng và nhân sinh quan cộng sản chủ nghĩa làm chức năng chuẩn mực trong lối sống, thì đó là một cách hiểu rất nông cạn, nếu không nói là sai lầm. Nhưng ngay cả những nội dung cơ bản của lối sống xã hội chủ nghĩa của chúng ta lại cũng phải dần dần được quy chế hóa, mô hình hóa, nghi thức hóa, trở thành những thói quen, thành nền nếp trong đời sống xã hội và đời sống cá nhân, ví dụ thành nếp sống lao động xã hội chủ nghĩa, thành nếp sống tôn trọng pháp luật, bảo vệ của công, thành những lễ hội mới, thành nếp sống dân chủ, bình đẳng trong gia đình văn hóa mới, v.v. Bởi vì như Lê-nin đã nói: « Chỉ có cái gì đã ăn sâu vào đời sống văn hóa, vào phong tục, tập quán mới có thể coi là đã được thực hiện » (4).

Chỉ thị về nếp sống mới ngày 25-10-1981 vừa qua của Ban bí thư Trung ương Đảng yêu cầu các cấp, các ngành, các đoàn thể tập trung vào ba việc cấp bách là « 1) Xây dựng và phổ biến nhanh một số mô hình thích hợp về nếp sống trong lễ cưới, lễ tang, ngày giỗ, ngày kỷ niệm. Kiên quyết bài trừ hủ tục, mê tín; 2) Xây dựng nếp sống trật tự văn minh. Chống các tệ nạn xã hội: ăn cắp, cờ bạc, nấu rượu lậu và thuốc phiện, đi đĩ; 3) Xóa bỏ tàn dư các loại văn hóa thực dân mới, đồi trụy, phản động », cũng là nằm trong hệ thống

(4) V.I. Lê-nin: *Toán tập*, Nxb Tiến bộ, Mát-xcơ-va, 1978, tập 45, tr. 443.

vấn đề xây dựng lối sống xã hội chủ nghĩa đã được ghi trong các văn kiện của Đại hội thứ V và các nghị quyết sau đó của các hội nghị của Ban chấp hành trung ương Đảng. Chính chỉ thị này đã xác định: « xây dựng nếp sống mới, bài trừ hủ tục, mê tín, là một bộ phận quan trọng của cách mạng tư tưởng và văn hóa nhằm xây dựng con người mới xã hội chủ nghĩa, con người làm chủ xã hội, có nếp sống lành mạnh, tiến bộ, văn minh. Cuộc vận động xây dựng nếp sống mới gắn với cuộc đấu tranh chống chiến tranh phá hoại nhiều mặt của địch... ». Thấy rõ cách đặt vấn đề như vậy thì nhận thức của chúng ta về những việc cụ thể, cấp bách trước mắt của lối sống xã hội chủ nghĩa, về từng nếp sống cần phải xóa bỏ hoặc xây dựng mới thật sáng tỏ.

Trong điều kiện cụ thể của Việt nam, chúng ta phải luôn luôn nhớ rằng quá trình xây dựng lối sống xã hội chủ nghĩa mới chúng cũng như xây dựng từng nếp sống cụ thể cũng là quá trình đấu tranh gay gắt và phức tạp giữa cái mới và cái cũ, giữa ta và địch. Chúng ta phải thắng được sức ỳ rất lớn, « sức mạnh kinh khủng » của những nếp sống, phong tục tập quán cũ lạc hậu. Chúng ta càng không một phút nào được lơ lỏng và phải giành lấy thế chủ động trong cuộc đấu tranh chống sự phá hoại thâm độc của kẻ thù trong lĩnh vực lối sống, phải thắng được cả cuộc « chiến tranh về văn hóa và lối sống » đang diễn ra trên thế giới và lan tới nước ta.

Xây dựng lối sống xã hội chủ nghĩa không chỉ là trách nhiệm của ngành văn hóa, tuy ngành văn hóa có vai trò quan trọng hàng đầu, mà dưới sự lãnh đạo của Đảng « mọi ngành hoạt động trong xã hội đều có trách nhiệm xây dựng lối sống xã hội chủ nghĩa cho nhân dân lao động, trên các mặt

lao động, công tác, sinh hoạt tinh thần và quan hệ xã hội » (5). Chỉ thị về nếp sống mới ngày 25-10-1984 vừa qua của Ban bí thư Trung ương Đảng cũng yêu cầu các tổ chức Đảng, chính quyền, đoàn thể đều phải thật sự « chăm lo công tác này, lôi cuốn mọi người, mọi lực lượng tham gia, tạo nên một phong trào quần chúng thật rộng rãi.

Mỗi tổ chức Đảng, chính quyền, đoàn thể, mỗi đơn vị, thậm chí mỗi cá nhân trong xã hội ta đều phải tự quản lý lấy mình trong lối sống theo những định hướng giá trị xã hội chủ nghĩa. Hãy nhiệt liệt biểu dương những tấm gương sáng về đạo đức và lối sống xã hội chủ nghĩa. Hãy nghiêm khắc lên án tất cả những ai sống càn quấy, xấu xa, hèn kém, những kẻ sống giả dối, nói năng rất đúng cách, thậm chí lên lớp cho những người khác về lối sống, nhưng trong hành động thực tế thì lại rất ích kỷ, giành giật lấy quyền lợi cho riêng mình, « sống chết mặc bay ». Hãy xử lý bằng pháp luật tất cả những ai vi phạm pháp luật. Ở đây cũng như trong bất cứ lĩnh vực nào khác, vai trò đầu tàu gương mẫu của mỗi cán bộ, đảng viên, đoàn viên thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh rất quan trọng. Hơn ai hết, họ phải là những con người mới xã hội chủ nghĩa, là hiện thân của lối sống mới xã hội chủ nghĩa. Họ « phải nêu gương chấp hành các quy định của Đảng và Nhà nước, nêu gương về nếp sống mới, chống mê tín, bài trừ hủ tục, coi đây là một tiêu chuẩn cụ thể của đảng viên, đoàn viên » (6).

Chúng ta phấn đấu cho mỗi người đều sống đẹp trong một xã hội đẹp về lối sống.

(5) Nghị quyết Hội nghị thứ 4 BCH TƯ Đ.

(6) Chỉ thị đã dẫn.

Phấn đấu giành thắng lợi lớn nhất cho kế hoạch Nhà nước năm 1985

VÕ VĂN KIỆT

Những nét đáng chú ý về tình hình kinh tế xã hội năm 1984.

Năm 1984, cùng với những mất cân đối về vốn, vật tư, xăng dầu và hàng tiêu dùng, thiên tai xảy ra ở cả 3 miền của đất nước: úng lụt ở hai miền Nam, Bắc, bão lụt và lốc xoáy ở miền Trung, thiệt hại bằng hoặc hơn so với những năm thiên tai nặng nề nhất. Do lũ lụt, sâu bệnh, gió rét kéo dài và lốc xoáy, sản lượng thóc chiêm xuân giảm khoảng 17 vạn tấn, vụ mùa giảm từ 60 đến 70 vạn tấn. Nhiều thiết bị kho tàng bị hỏng, đường giao thông, hệ thống mạng điện, cầu cống, nhà cửa, trường học bị hư hại, thuyền bè bị mất, thiệt hại ước tới hàng chục tỷ đồng. Bên cạnh đó, cuộc chiến tranh phá hoại nhiều mặt của địch cùng với kiểu chiến tranh lấn chiếm trên tuyến biên giới phía bắc làm cho nền kinh tế của chúng ta vốn đã mất cân đối nghiêm trọng lại phải gánh thêm những hậu quả nặng nề. Về đời sống, tuy Đảng và Nhà nước đã hết sức cố gắng để bù đắp cho đồng lương bị sút kém nhằm giữ vững mức sống cho những người ăn lương, nhưng do chúng ta buông lỏng công tác cải tạo xã hội chủ nghĩa cho nên không nắm được tiền và hàng, không quản lý

được thị trường và giá cả. Giá cả tăng đến mức phi lý mà vẫn còn xu hướng tăng lên, làm cho đời sống của lực lượng vũ trang, công nhân viên chức gặp nhiều khó khăn, lờ ra không đến mức đó, phát sinh nhiều tiêu cực trong xã hội.

Tuy có khó khăn như trên, nhưng nhìn chung, so với năm 1983 thì trong năm 1984, sản lượng lương thực vẫn tăng hơn chừng 30 vạn tấn; trồng cây công nghiệp, trồng rừng, chăn nuôi và khai thác thủy sản có bước phát triển khá; một số sản phẩm công nghiệp quan trọng (trừ than) đều có mức tăng, giá trị sản lượng công nghiệp tăng 7,5%, kim ngạch xuất khẩu tăng 3%, vận tải trong nước tăng 6%; thu nhập quốc dân tăng 5,5%. Các hoạt động khoa học kỹ thuật, giáo dục, đào tạo, văn hóa, y tế, xã hội tiếp tục phát triển.

Nét nổi bật của tình hình chung là sáu tháng cuối năm diễn ra trong điều kiện khó khăn, đồng thời cũng chính là sáu tháng phấn đấu khăn trương vừa khắc phục hậu quả thiên tai, vừa giữ vững an ninh xã hội, vừa cố gắng thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch đến mức cao nhất. Nghị quyết Hội nghị thứ 6 của Ban chấp hành trung

trong Đảng (khóa V) đã góp phần tạo thêm khí thế mới, làm xuất hiện nhiều mô hình về cách làm ăn mới, bước đầu phát huy được tinh thần chủ động, sáng tạo của các ngành, địa phương và cơ sở trong việc khai thác tiềm năng bên trong của đất nước, góp phần đẩy mạnh sản xuất và ổn định đời sống. Việc tiến hành công tác cải tạo công thương nghiệp, tư doanh, sắp xếp lại sản xuất, quản lý thị trường trên các địa bàn trọng điểm ở hầu hết các tỉnh đã bước đầu có những kết quả đáng phấn khởi.

— Giá trị sản lượng công nghiệp quý 3 năm 1984 so với cùng kỳ năm 1983 tăng 20%

— Giá trị sản lượng công nghiệp tháng 10 so với bình quân tháng của quý 3 tăng 12,6%, trong đó, hàng tiêu dùng tăng 14,6%.

Thu tài chính bằng thuế và kinh doanh thương nghiệp đều tăng.

Xây dựng cơ bản các công trình trọng điểm trong quý IV tăng 30,2% về xây lắp (so cùng kỳ năm 1983).

— Việc sắp xếp lại sản xuất trong từng ngành hàng được chú trọng, nhiều địa phương, nhất là ở các thành phố, đã tạo ra nhiều mặt hàng mới có giá trị đối với đời sống và xuất khẩu.

— Phương thức liên kết và hợp tác kinh tế được quan tâm hơn, nhất là trong lĩnh vực công nghiệp chế biến; các ngành công nghiệp này đã liên kết với nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp để giải quyết vấn đề nguyên liệu và tận dụng công suất thiết bị; nhờ đó, nhiều xí nghiệp cân đối được từ 25 đến 45% vật tư

Trên mặt trận phân phối lưu thông, nhờ năm hàng đạt kết quả khá, cho nên việc làm chủ thị trường và giá cả được thuận lợi hơn. Mặc dù Nhà nước phải chi một lượng tiền khá lớn để phụ cấp đất đỏ cho những người ăn lương (50 – 70% lương), chỉ cho những

vùng thiên tai nặng và chỉ cho thu mua một khối lượng nông sản lớn, nhưng giá cả thị trường không biến động nhiều so với những trường hợp tương tự trước đây. Cuộc đấu tranh giữ vững kỷ luật giá và chấp hành tốt chính sách giá trong nội bộ các cơ quan Nhà nước và địa phương đã có ảnh hưởng tích cực và hạn chế được tình trạng tranh mua tranh bán, là một bộ phận quan trọng của thắng lợi nói trên.

Cùng với việc cải tạo thương nghiệp tư doanh; thương nghiệp xã hội chủ nghĩa đã được tăng cường về lực lượng và bước đầu đã có những chuyển biến về phương thức kinh doanh, có những ngành và địa phương đã xác lập được vai trò chủ đạo của thương nghiệp xã hội chủ nghĩa đối với thị trường xã hội, đã vận dụng tốt hơn phương châm kết hợp chặt chẽ cải tạo với xây dựng và tiến hành đồng bộ các biện pháp kinh tế, hành chính và giáo dục trong quá trình cải tạo.

Tuy nhiên, những kết quả trên vẫn còn hạn chế do còn những thiếu sót sau đây:

Một là, chậm cụ thể hóa Nghị quyết hội nghị thứ 6 của Ban chấp hành trung ương Đảng (khóa V) thành các chủ trương, chính sách và quy chế quản lý, chưa thực hiện đồng bộ các chính sách biện pháp theo đúng yêu cầu của nghị quyết. Mặc dù từ khi có nghị quyết này đến nay, Thường vụ Hội đồng bộ trưởng đã ban hành 20 văn bản chính sách và chế độ mới về quản lý kinh tế, nhưng các địa phương và cơ sở vẫn còn có nhiều vấn đề mắc mưu chưa được tháo gỡ, nhiều quy định lỗi thời và bất hợp lý chưa được sửa đổi, do đó địa phương và cơ sở chưa được hỗ trợ mạnh mẽ để chủ động phát huy khả năng của mình.

Hai là, lẻ ra các ngành trung ương, đặc biệt là các ngành tổng hợp như: kế hoạch, tài chính, ngân hàng, vật

giá, phải chuyển biến trước đề thúc đẩy bên dưới và cũng đề tạo ra bước đi thống nhất và đồng bộ cho nền kinh tế cả nước, nhưng chúng ta lại chưa làm được như vậy. Cho đến nay, những đổi mới về công tác kế hoạch hóa mới được ban hành và chưa được triển khai đến cơ sở. Tất cả những thiếu sót đó đang là những trở ngại cho bước tiến chung. Trong năm 1985 và ngay từ bây giờ, những thiếu sót trên phải được khắc phục nghiêm túc.

Một số ý kiến về kế hoạch Nhà nước năm 1985.

** Việc lựa chọn mục tiêu của kế hoạch Nhà nước năm 1985.*

Từ nhiều năm nay, chúng ta luôn luôn đứng trước một tình trạng là có rất nhiều nhu cầu phải giải quyết mà nếu xét riêng từng mặt thì nhu cầu nào cũng cần thiết, cũng cấp bách, trong khi đó trong tay chúng ta thứ gì cũng thiếu, từ những vật tư chủ yếu của nền kinh tế đến những hàng hóa tiêu dùng thông thường cho cuộc sống hằng ngày của nhân dân. Hơn thế nữa, ngay cả những nguồn hàng với số lượng ít ỏi mà chúng ta cũng chưa đủ ổn định và vững chắc, không phải lúc nào cần là có ngay để sử dụng, chẳng hạn như xăng dầu, gạo, than, nguyên liệu giấy, thuốc lá v.v. Năm 1985, các nguồn vốn và vật tư chủ yếu không hơn gì so với năm 1984; lại chịu những hậu quả trực tiếp của năm 1984, đồng thời phải giải quyết những phần việc còn lại để hoàn thành những chỉ tiêu của Đại hội thứ V của Đảng ta. Đó là chưa kể năm 1985 còn phải chuẩn bị điều kiện tốt cho bước mở đầu của kế hoạch 5 năm 1986 - 1990. Vì vậy, việc lựa chọn những mục tiêu chủ yếu của năm 1985 sao cho vừa đáp ứng được yêu cầu của thực tiễn lại vừa phù hợp với khả năng của chúng ta là một điều có ý nghĩa quan trọng đặc biệt:

Đại hội đại biểu toàn quốc thứ V của Đảng ta đã đề ra bốn mục tiêu, trong đó mục tiêu hàng đầu là « ổn định và cải thiện đời sống ». Hội nghị Bộ chính trị cuối năm 1983 cũng đã khẳng định tính chất cấp bách của vấn đề đời sống. — nhất là đời sống của những người ăn lương — coi đây là vấn đề nóng bỏng cần tập trung giải quyết bằng cách thực hiện một bước cải tiến tiền lương ngay từ quý I năm 1984. Hội nghị thứ 6 của Ban chấp hành trung ương Đảng (khóa V), một lần nữa khẳng định nhiệm vụ cấp bách này. Mặc dù trong suốt năm qua chúng ta đã có những cố gắng đáng kể để bù đắp cho đời sống của những người ăn lương, nhưng tỷ lệ bù đắp không sánh kịp tốc độ tăng giá, cho nên, cuộc sống thực tế của những người ăn lương vẫn liên tiếp giảm sút và hiện nay vẫn nổi lên như một vấn đề cấp bách hàng đầu của xã hội. Trong năm 1985 và những năm tiếp theo, vấn đề đời sống vẫn là mục tiêu số một. Mọi cố gắng của kế hoạch, của chính sách, của quản lý điều hành phải hướng vào mục tiêu đó, việc chỉ đạo phải nhất quán vào hướng đó. Nếu để cho đời sống tiếp tục không ổn định, thì khó lòng mà nói đến năng suất, chất lượng, và hiệu quả trong lao động, kể cả trong chiến đấu. Giữa sản xuất và đời sống có mối quan hệ khăng khít thúc đẩy lẫn nhau, sản xuất là gốc, đời sống là kết quả của sản xuất, nhưng đời sống tác động tích cực trở lại sản xuất. Chính vì vậy mà *ổn định đời sống là yêu cầu của phát triển sản xuất, là yêu cầu của việc thực hiện quy luật kinh tế cơ bản của chủ nghĩa xã hội.*

Trong điều kiện xã hội của nước ta hiện nay, việc ổn định đời sống còn có ý nghĩa như một động lực chủ yếu thúc đẩy sự phát triển không chỉ đối với quá trình sản xuất mà đối với cả các quá trình xã hội. Nếu trong năm 1985, chúng ta tạo điều kiện cho những người ăn lương và bộ đội sống một

mức tương đối ổn định, — chủ yếu bằng đồng lương và phụ cấp của mình —, thì cũng đã có thể tạo nên sự phấn khởi mới tác động đến nhiệt tình trong lao động, sản xuất và chiến đấu, đẩy lùi dần những tiêu cực mà hiện nay hằng ngày, hằng giờ đang làm day dứt tâm tư của mỗi chúng ta.

Năm 1985, đời sống chính là “nút quyết định”, nếu bật tung được cái nút này thì sẽ tạo ra những tiền đề bật tung nhiều nút khác. Phải tập trung trí tuệ, biện pháp, lực lượng và những cố gắng của chúng ta cho điểm nút này. Trong chỉ đạo, cần dứt khoát, không do dự. Nếu không dứt khoát ở thời điểm này, thì sẽ dẫn sâu vào lúng túng, bị động và phải trả giá ngày một nặng nề hơn. Khi nhấn mạnh mục tiêu số một không có nghĩa là đòi hỏi một mức sống quá với khả năng cho phép của nền kinh tế, cũng không có nghĩa là hoàn toàn không chú ý gì đến các mục tiêu khác, nhất là mục tiêu xây dựng cơ bản tạo nên cơ sở vật chất — kỹ thuật lâu dài cho chủ nghĩa xã hội. Chúng ta cố gắng phấn đấu cho ba mục tiêu tiếp sau đến mức tối đa, chừng nào mức phấn đấu ấy không làm giảm sút mục tiêu số một.

2. Về kế hoạch Nhà nước năm 1985.

Việc xây dựng kế hoạch Nhà nước năm 1985 được triển khai theo tinh thần của Nghị quyết hội nghị thứ 6 của Ban chấp hành trung ương Đảng (khóa V). Điểm tiến bộ so với trước là việc xây dựng kế hoạch có mức tổng hợp từ dưới lên, phản ánh tương đối sát hơn nhu cầu của địa phương và ngành. Địa phương và cơ sở đã có những cố gắng đáng kể trong việc xây dựng kế hoạch của đơn vị mình, nhưng kế hoạch mới chỉ cân đối chủ yếu dựa trên nguồn vốn và vật tư của trung ương. Ba nguồn khả năng còn lại chưa được khai thác hoặc khai thác ở một mức rất thấp. Trong năm 1985, cần tập trung giải quyết mấy vấn đề sau đây:

Một là: Phải thật sự làm lại kế hoạch từ cơ sở, từ dưới lên và tập trung vào khai thác mọi nguồn khả năng, tìm thêm mọi biện pháp, để mở rộng khả năng cân đối của kế hoạch. Đồng thời, tìm mọi khả năng liên kết, hợp tác để tạo thêm nguồn vốn nước ngoài, trong đó kể cả việc trả nợ để tìm kiếm nguồn vay. Trên cơ sở của 4 nguồn cân đối, đầu quý II—1985 mới giao chỉ tiêu pháp lệnh chính thức.

Hai là: Các cấp ủy và chính quyền các cấp, các ngành cần trực tiếp chỉ đạo việc xây dựng kế hoạch; trong đó cơ quan kế hoạch phải làm đúng chức năng và nhiệm vụ của mình là hướng dẫn, củng cố xây dựng, bổ sung, tổng hợp và cân đối kế hoạch. Song xây dựng kế hoạch từ cơ sở lên và tìm kiếm bốn nguồn khả năng để cân đối chính là công việc của các ngành, các địa phương. Xây dựng tốt một dự án kế hoạch của ngành và địa phương phải là sự tổng hợp trí tuệ của cả cơ quan lãnh đạo và cơ quan phụ trách Đảng và chính quyền, có như vậy kế hoạch mới thật sự trở thành công cụ chủ yếu của quá trình quản lý và điều hành ở các ngành, các cấp, tránh được tình trạng kế hoạch một dạng, điều hành một nẻo, thậm chí nhiều khi trái ngược nhau.

Thực tế cho thấy địa phương nào, ngành nào thực hiện được điều này, thì kế hoạch có một tác dụng to lớn và công tác quản lý có hiệu quả rõ rệt.

3. Về biện pháp.

Để đạt được mục tiêu số một là: ổn định và cải thiện một bước đời sống nhân dân, phải tìm mọi biện pháp như: sử dụng lao động và đất đai, nâng cao ngày công và năng suất lao động, sử dụng tiền vốn một cách có hiệu quả để nâng cao thu nhập quốc dân, tạo ra nhiều của cải cho xã hội, giải quyết tốt công tác phân phối, lưu thông và thực hiện mạnh mẽ công tác kế hoạch hóa dân số và gia đình. Điều này đòi hỏi phải có những biện

pháp đồng bộ. Vấn đề dân số và kế hoạch hóa gia đình đã có chủ trương cụ thể, ở đây chỉ đề cập đến một số biện pháp quan trọng khác:

Một là: phải thực hành triệt để tiết kiệm. Đảng và Nhà nước ta coi tiết kiệm là quốc sách. Nhưng hiện nay ở nước ta tiết kiệm mới chỉ là "khẩu hiệu". Nhiều lĩnh vực chưa có tiêu chuẩn, định mức (cả về số lượng và chất lượng), nhiều phát minh, sáng kiến và tiến bộ kỹ thuật chưa được đưa vào sử dụng, đặc biệt là chưa có một chính sách khuyến khích vật chất thích đáng cho những hành động tiết kiệm và cũng chưa có hình phạt nghiêm khắc đối với những người và đơn vị gây ra lãng phí. Nước ta đang nghèo, còn rất nghèo, nhưng lãng phí ghê gớm. Hội nghị khoa học về chống tiêu cực vừa qua mới đánh giá sơ bộ thiệt hại do lãng phí trong các khâu bảo quản, vận chuyển, phân phối và tiêu dùng đối với một vài mặt hàng cũng đã làm cho chúng ta đáng lo ngại. Nước ta đang còn thiếu lương thực, nhưng vấn đề lương thực hư hao, mất mát, kém phẩm chất, thậm chí phải bỏ đi hàng chục vạn tấn; việc tiêu dùng xăng dầu quá lãng phí, nếu hợp lý hóa việc sử dụng các xe con thì mỗi năm có thể tiết kiệm được ít ra là 1 vạn tấn xăng; tổn thất tài diện hiện nay là 20%; nếu giảm tổn thất này 2% và tiết kiệm 10% diện tiêu dùng gia đình, các hiệu buôn, các cơ quan và các hộ tập thể, thì sẽ có thêm 180 triệu ki lô oát giờ, tương đương 6 vạn tấn xăng dầu; chi phí ngoại tệ để mua dầu lọc cho thực là tiêu dùng trong nước cũng đến 2 triệu đô la/năm. Nếu tổng hợp được sự lãng phí của tất cả các ngành, các cấp thì chắc chắn đó không phải là con số nhỏ. Lãng phí trong sản xuất làm cho giá thành cao, sức mua của đồng lương giảm xuống, đời sống do đó mà tụt xuống theo. Nếu chúng ta tiết kiệm được 10% trong mỗi lĩnh

vực thì cũng tạo ra một khối lượng vật tư và hàng hóa đáng kể.

Hai là cùng với các biện pháp huy động bốn nguồn khả năng, cần tìm mọi biện pháp quay vòng vốn thật nhanh. Cùng một số vốn lưu động, nếu quay vòng thêm mấy lần thì thu nhập quốc dân cũng tăng thêm bấy nhiêu lần. Điều này đòi hỏi phải có cách làm ăn thật năng động, chuyên mạnh, bộ máy từ quản lý hành chính quan liêu, bao cấp sang hạch toán kinh doanh với đầy đủ tinh thần trách nhiệm không chỉ đối với đơn vị mình mà đối với cả các đơn vị liên quan. Vòng quay vốn của nước ta rất chậm làm cho hiệu quả kinh tế giảm sút nghiêm trọng. Đó là do sự trì trệ của chúng ta. Có hàng, cần tìm mọi cách bán hàng để thu tiền về, hết sức tránh tình trạng hàng nằm yên trong kho và ngày càng giảm phẩm chất, vốn ứ đọng, trong khi đó nhân dân không có hàng để tiêu dùng. Có tiền, phải tìm mọi cách khơi nguồn hàng và nắm hàng, qua đó vừa nắm được tiền vừa nắm được hàng, làm cho vốn quay vòng nhanh, hàng lưu thông mạnh, và thông qua đó hoạt động phân phối lưu thông tác động và thúc đẩy sản xuất phát triển, các hoạt động xã hội khác cũng do đó mà nhộn nhịp và sinh động hơn.

Ba là: phải kiên quyết tập trung cho đầu tư, trước tiên cần ưu tiên đầu tư cho nông nghiệp, giải quyết cho được vấn đề lương thực trong cơ cấu, từng bước hình thành nền nông nghiệp toàn diện. Trong năm 1985, bằng mọi cách bảo đảm cho được thuốc trừ sâu, phân bón và sức kéo để giải quyết thắng lợi vấn đề lương thực (đủ ăn và có dự trữ). Chúng ta bước vào năm 1985 trong tình hình lương thực có nhiều khó khăn. Ở nước ta, năm nào cũng có thiên tai, nhưng không năm nào có thiên tai ở cả 3 miền như năm nay, và cứ mỗi lần thiên tai thì cả nước lại chao đảo về

lượng thực. Trước sức ép của một loại chiến tranh lấn chiếm ở biên giới phía bắc, chúng ta phải luôn luôn sẵn sàng đề đối phó với mọi tình huống. Trong điều kiện thiên tai không tránh khỏi, lượng thực thật sự trở thành một vấn đề sống còn của đất nước; chúng ta phải tìm một biện pháp để giải quyết lượng thực hết sức khẩn trương và vững chắc trong vài năm tới, trực tiếp ngay là năm 1985 (kể cả lúa và màu). Về các cây công nghiệp khác, trong năm 1985, chúng ta cố gắng thực hiện tốt những đề án đã được thông qua, nhằm mau chóng hình thành các vùng chuyên canh cây công nghiệp lớn.

Đối với công nghiệp, phát triển mạnh hơn nữa công nghiệp hàng tiêu dùng, trong đó tập trung cho đầu tư chiều sâu, đồng bộ hóa đề-tận dụng công suất của những nhà máy hiện có, mau chóng tạo ra sản phẩm đáp ứng cho nhu cầu tiêu dùng hiện nay. Hướng đầu tư này vừa nhanh chóng tạo ra sản phẩm, vừa đem lại hiệu quả đầu tư cao, vì vậy chừng nào chưa tận dụng hết những công suất đã có thì việc xây dựng thêm công trình mới phải được cân nhắc kỹ lưỡng.

Đối với công nghiệp nặng, cần đầu tư thích đáng cho những ngành trực tiếp liên quan đến nông nghiệp, công nghiệp nhẹ và giao thông vận tải như: điện, phân bón, cơ khí v.v. và bằng mọi cách nâng cao sản lượng than.

Năm 1985, chúng ta còn có nhiệm vụ phải đầu tư những công trình gối đầu cho kế hoạch 5 năm 1986 - 1990, đặc biệt là những công trình năng lượng có ý nghĩa lớn đối với nền kinh tế quốc dân, tích cực chuẩn bị khai thác nguồn thủy năng của miền Trung và Tây nguyên, đẩy mạnh thăm dò và khai thác dầu khí, khẩn trương chuẩn bị đầu tư khu lọc dầu, hóa dầu và các công trình có liên quan đến khai thác và chế biến dầu khí. Với

yêu cầu trên, vốn đầu tư năm 1985 không thể ở mức của năm 1984.

Ở thời điểm hiện nay, khi chúng ta chưa tìm ra được thêm nguồn vốn và vật tư cho xây dựng cơ bản, mặt khác cũng cần dành thêm ngân sách chi cho đời sống, thì Ủy ban kế hoạch Nhà nước chỉ bố trí được vốn đầu tư cho năm 1985 bằng mức đầu tư của năm 1984. Vốn chỉ đang có với mức đó, bắt buộc chúng ta phải chấp nhận việc giảm tiến độ của một số công trình trọng điểm gối đầu cho 5 năm 1986 - 1990. Việc sửa chữa và mở rộng hệ thống kho tàng, tu bổ cho giao thông vận tải chỉ đề đáp ứng được yêu cầu vận tải hiện nay, mà cũng không đủ vốn đầu tư, trong khi lẽ ra giao thông vận tải phải đi trước một bước.

Trong điều kiện nền kinh tế còn khó khăn như hiện nay, ở mọi nơi, chúng ta phải sử dụng đúng mức hai nguồn vốn sẵn có là lao động và đất đai. Phải phấn đấu cao nhất, sử dụng một cách có hiệu quả nhất nguồn vốn mà cũng là thế mạnh này của chúng ta. Nhưng rõ ràng thiếu vốn và vật tư cũng ảnh hưởng rất lớn đến việc khai thác thế mạnh về đất đai và lao động của ta.

Vì vậy, chỉ tiêu vốn đầu tư bằng năm 1984 là mức đầu tư tối thiểu; trong quá trình thực hiện kế hoạch, sẽ cố gắng tìm mọi biện pháp tăng thêm nguồn vốn và vật tư.

Bốn là đẩy mạnh công cuộc cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với công thương nghiệp tư doanh, giải quyết thật tốt vấn đề phân phối lưu thông. Đề ổn định đời sống, không thể chỉ lo phát triển sản xuất mà còn phải giải quyết một cách đồng bộ vấn đề tài chính, tiền tệ, giá cả và tiền lương. Cách giải quyết tách rời và cắt khúc từng vấn đề như thời gian qua đã làm tăng thêm sự đảo lộn nhiều mặt trong đời sống xã hội. Nâng giá bộ phận này lại giữ nguyên giá bộ phận khác, làm tăng thêm lộn xộn trong giá cả và thị

trường. Đến nay, công trái ước thu 2 tỷ đồng, nhưng tổn kém cho việc phát hành công trái, tiền mặt thu về quá ít, lãi suất không đáng kể so với mức đồng tiền sụt giá. Chính vì vậy, hàng mấy chục tỷ đồng tiền mặt trôi nổi ngoài xã hội đã gây ra bao nhiêu hậu quả tai hại cho sản xuất và đời sống. Các cơ quan tài chính - ngân hàng phải chuyển mạnh hoạt động của mình sang kinh doanh hạch toán, không nên giữ mãi cách làm ăn hành chính bao cấp của một người thủ kho cần mẫn lo gom tiền, giữ tiền, in tiền nhưng tiền lúc nào cũng thiếu. Đề cân đối tiền mặt cho thu mua, như ở các tỉnh phía nam từ tháng 12-1984 đến 15-1-1985, cần có hơn 7 tỷ đồng. Ngân hàng Nhà nước cho biết chỉ có thể bồi xuất được 500 triệu đồng; nhưng riêng Công ty kinh doanh lương thực của thành phố Hồ Chí Minh bước đầu dự kiến có thể vận động được khoảng 800 triệu đồng. Vấn đề ở đây là cách làm ăn; công ty đã đặt vấn đề vay trước số tiền mua gạo theo tiêu chuẩn hằng tháng, sau trả bằng gạo với một tỷ lệ lãi không đáng kể. Riêng ngành ngân hàng cũng nên chấn chỉnh những phương thức hoạt động của mình để bảo đảm chủ quyền và sự thuận tiện cho người gửi tiền và rút tiền, đẩy mạnh hoạt động kinh doanh tiền, cố gắng đáp ứng ngày càng nhiều hơn nhu cầu tiền mặt cho sản xuất, thu mua và kinh doanh. Vấn đề tiền mặt hiện nay đang là một vấn đề nóng bỏng. Động viên lòng yêu nước của nhân dân để nhân dân cho Nhà nước vay tiền là một yếu tố có ý nghĩa, song tác dụng của nó chỉ có mức độ. Vấn đề cơ bản là phải giải quyết mối quan hệ lợi ích giữa Nhà nước và người dân, nghĩa là Nhà nước và nhân dân đều có lợi hoặc ít ra là người dân không thiệt. Cần áp dụng nhiều hình thức phong phú, như vay nóng với lãi suất cao vào những thời vụ; sửa đổi thời hạn và lãi suất của công trái (thời hạn từ 1 đến 10 năm), nâng cao

lãi suất của tiền tiết kiệm, đồng thời có hình thức bảo đảm cho tiền gửi không bị sụt giá, có thể dùng hiện vật bảo đảm giá trị tiền gửi và tiền lãi.

Về giá, cần từng bước nghiên cứu quan hệ tỷ giá để sớm hình thành một mặt bằng giá mới có căn cứ khoa học và sát với thực tế tình hình nước ta để đưa dần giá cả vào thể ổn định. Giá cả và tiền lương phải được giải quyết đồng thời. Giá cả tăng thì tiền lương cũng phải tăng tương ứng để bảo đảm mức ổn định của tiền lương thực tế. Vấn đề tiền lương cần phải được giải quyết kịp thời dù chỉ là một bước. Tiến hành cải tiến tiền lương đương nhiên là phải chỉ thêm tiền, tốn thêm hàng, nhưng năng suất lao động tăng, sản xuất tăng và các hiện tượng tiêu cực giảm, vì thế không nên do dự. Vấn đề chính là tìm mọi biện pháp khơi nguồn tiền, nguồn hàng để cải tiến tiền lương. Chúng ta cũng không đòi hỏi phải cải tiến toàn bộ tiền lương ngay một lúc, mà nên làm dần từng bước. Trong năm 1985, bước cải tiến tiền lương đầu tiên nhằm đạt được một mức lương có ý nghĩa để cho người ăn lương sống chủ yếu bằng đồng lương của mình

Các vấn đề tài chính, tiền tệ, giá cả và tiền lương trên thực tế, gắn chặt với công cuộc cải tạo, sắp xếp lại sản xuất, cải tạo và quản lý thị trường. Đó cũng là phần nội dung lớn của mục tiêu phải phấn đấu của kế hoạch Nhà nước năm 1985. Hơn 6 tháng qua ở các thành phố lớn và hầu hết các tỉnh, công tác này được triển khai một cách đồng đều cùng với việc triển khai thực hiện nghị quyết hội nghị thứ 6 của Ban chấp hành trung ương Đảng (khóa V). Kết quả thực tế bằng vật chất do công tác cải tạo xã hội chủ nghĩa đem lại tuy chưa nhiều nhưng ý nghĩa của việc thực hiện chủ trương công tác này có một tầm rộng lớn. Chúng ta đã phát hiện và xây dựng được những điển hình và

những mô hình về phương thức và hình thức làm ăn mới, có hiệu quả nhanh ở nhiều cấp khác nhau, với nhiều quy mô khác nhau. Từ đó, gọi cho chúng ta cách thức 'năm hàng, năm tiền, quản lý giá cả và thị trường, mẫu chống làm cho thương nghiệp xã hội chủ nghĩa vươn lên nắm quyền chủ động trong bán buôn cũng như bán lẻ, góp phần ổn định đời sống, ổn định tình hình. Cần khẳng định dù cho trình độ sản xuất đạt được đến mức nào và lực lượng thương nghiệp xã hội chủ nghĩa mạnh, yếu đến mức nào, Nhà nước xã hội chủ nghĩa vẫn phải đặt vấn đề quản lý cho được thị trường xã hội. Rất sai lầm, nếu cho rằng chỉ khi nào thương nghiệp xã hội chủ nghĩa có đủ hàng, có đủ lực lượng và phương tiện thay thế thương nghiệp tư nhân, thì mới đặt vấn đề quản lý thị trường. Đó là một nhận thức không đúng.

Vừa qua, thiên tai xảy ra ở cả nước, nếu thị trường như những năm 1982 và 1983 thì giá cả có thể có nhiều biến động. Vừa rồi, tuy giá cả có tăng ở một số nơi, nhưng sau đó đã mau chóng ổn định. Tình hình đó phản ánh sự cố gắng chung của cả nước và mỗi địa phương, nhưng cái gốc của nó chính là chính quyền ở mỗi địa phương đã nắm và chỉ phối được thị trường với một mức độ nhất định.

Năm 1985, chúng ta cần tiếp tục tập trung cao và tiến hành đồng bộ công tác cải tạo và quản lý thị trường; tăng cường mạnh mẽ lực lượng thương nghiệp xã hội chủ nghĩa để ổn định đời sống nhân dân, đồng thời phấn đấu thực hiện mục tiêu thứ ba của Đại hội đại biểu toàn quốc thứ V của Đảng ta là hoàn thành cơ bản công cuộc cải tạo xã hội chủ nghĩa ở miền Nam.

Một số ý kiến về chỉ đạo.

Cơ chế hành chính, quan liêu, bao cấp đang là trở ngại lớn nhất đối với

mọi cố gắng của chúng ta. Mặc dù nhiều nghị quyết của Đảng đã phê phán cái tệ đó, nhưng nhìn chung nó vẫn chưa bị đẩy lùi như chúng ta mong muốn, nhiều chỗ còn y nguyên như cũ. Vì vậy, việc tháo gỡ cơ chế hành chính, quan liêu, bao cấp là một nhiệm vụ quan trọng mà nghị quyết Hội nghị thứ 6 và Hội nghị thứ 7 của Ban chấp hành trung ương Đảng đã khẳng định và đặc biệt nhấn mạnh. Một điều làm cho nhiều người băn khoăn là có không ít vấn đề đã được đề cập đến trong nhiều nghị quyết của Đảng, được bàn đi bàn lại rất nhiều lần trong các Hội nghị trung ương, nhưng trên thực tế chưa thực hiện được bao nhiêu. Điều đó làm giảm lòng tin và nhiệt tình của đảng viên và quần chúng, điều đó cũng thể hiện sự trì trệ trong cơ chế quản lý, cũng như sự kém hiệu lực trong điều hành bộ máy Nhà nước của chúng ta. Điều quan trọng là chúng ta chưa tập trung lực lượng để giải quyết dứt điểm những vấn đề mấu chốt nhất, chưa đột phá đúng khâu xung yếu nhất để tháo gỡ, nếu không phải là toàn bộ, thì ít ra cũng là một bộ phận, một mắt xích của tình hình hiện nay. Để làm tốt và tạo ra một chuyển biến thật sự có ý nghĩa trong tình hình hiện nay, trong công tác chỉ đạo, cần đặc biệt quan tâm giải quyết mấy vấn đề sau đây :

1 - Tạo sự nhất trí cao hơn nữa trong nội bộ Đảng các cấp về đánh giá tình hình, những phương hướng và biện pháp giải quyết tình hình. Chúng ta có thuận lợi lớn là Nghị quyết Hội nghị thứ 6 của Ban chấp hành trung ương Đảng (khóa V) đã tạo được sự nhất trí cao trong toàn Đảng. Sự nhất trí đó đang phát huy tác dụng trong thực tiễn và được Hội nghị thứ 7 của Ban chấp hành trung ương vừa qua củng cố thêm một bước. Tuy nhiên, cũng còn không ít vấn đề mới chỉ thống nhất trên những nét lớn; khi đi vào cụ thể từng vấn đề, ở từng

ngành và từng địa phương, thì về nhận định tình hình và giải pháp, chúng ta cũng chưa phải đã hoàn toàn nhất trí với nhau, chẳng hạn như việc đánh giá tình hình và biện pháp giải quyết vấn đề đời sống hiện nay; việc đánh giá các mô hình và hình thức làm ăn của các địa phương, các biện pháp và hình thức cải tạo v.v.

Những vấn đề đó phải được nghiên cứu khẩn trương và sâu sắc, tổ chức bàn bạc đến nơi đến chốn để biến sự nhất trí trên những phương hướng chung thành sự nhất trí toàn diện về những chính sách cụ thể và biện pháp thực hiện.

2—*Khẩn trương sửa đổi và ban hành gấp một số chính sách và chế độ quản lý.* Đây là biện pháp quan trọng nhằm triển khai mạnh mẽ việc xóa bỏ cơ chế hành chính, quan liêu, bao cấp. Các ngành và các địa phương cần rà soát lại toàn bộ những chính sách, chế độ để kịp thời kiến nghị bổ sung và sửa đổi những vấn đề không còn phù hợp, đồng thời ban hành ngay những chế độ, chính sách mới trong tầm quyền của mình.

Việc sửa đổi, bổ sung và ban hành chính sách phải nhằm vào việc tháo gỡ những vướng mắc, phát huy quyền chủ động và sáng tạo của các ngành và địa phương trong mối quan hệ hài hòa của sự quản lý, điều hành tập trung và thống nhất của trung ương trong phạm vi cả nước, khuyến khích các ngành và địa phương khai thác tiềm năng và thế mạnh của mình, chuyên mạnh cách làm ăn sang hạch toán, kinh doanh xã hội chủ nghĩa; chú trọng năng suất, chất lượng và hiệu quả.

3—*Cắt tiền mạnh mẽ và nhanh chóng công tác tổ chức và cán bộ.* Khi đã tạo nên được sự nhất trí về chủ trương, nội dung và biện pháp, thì kết quả của công việc phụ thuộc chủ yếu vào năng lực bộ máy và cán bộ, cho nên chúng ta cần quan tâm thật sự đến công tác

tổ chức bộ máy và việc sắp xếp cán bộ. Về công tác này, Ban chấp hành trung ương Đảng đã ra nghị quyết từ lâu, nhưng cho đến nay công việc vẫn chưa tiến triển được bao nhiêu. Bộ máy ngày càng phình lên, đầu mối ngày càng nhiều thêm; các cấp trung gian chưa có dấu hiệu giảm. Người trong biên chế thì rất nhiều, nhưng hiệu lực của bộ máy vẫn kém. Đã đến lúc chúng ta phải soát xét lại bộ máy, soát xét lại cán bộ mọi cấp thông qua kết quả công tác của họ trong việc thực hiện các nghị quyết của Đảng. Chẳng lẽ sự trì trệ và kém hiệu lực của bộ máy hiện nay, sự thoát ly thực tế, sự thoái hóa và biến chất của không ít cán bộ, sự quá chậm trễ và thực hiện sai lệch các nghị quyết của Đảng, những tổn thất nặng nề do cán bộ kém năng lực và thiếu trách nhiệm gây ra, lại không đáng để cho chúng ta suy nghĩ gì về tính chất cấp bách của công tác này hay sao? Một điều đáng chú ý là từ ngày giải phóng miền Nam đến nay cũng như trong nhiều năm sắp tới, trong công tác xây dựng kinh tế và nhất là trong công tác kế hoạch hóa, chúng ta luôn luôn ở tình trạng mất cân đối trên nhiều mặt. Trong tình hình như vậy, nếu bộ máy trì trệ, sự chỉ đạo kém hiệu lực, cán bộ kém phẩm chất, thiếu năng động và nhiệt tình, không đủ tinh thần trách nhiệm thì làm sao có thể thực hiện được kế hoạch, còn nói gì đến vượt kế hoạch và tạo ra những chuyển biến mới.

Việc tháo gỡ cơ chế cũ, xây dựng cơ chế mới phải tiến hành đồng bộ ở các ngành, các cấp, từ trên xuống và cả từ dưới lên, nhưng cũng phải làm từng bước, có điều tra và tính toán.

Năm 1985 có nhiều ngày kỷ niệm lớn. Phải thiết thực kỷ niệm những ngày lịch sử đó bằng những kết quả thực tế trong công tác của chúng ta, mà trước hết là sự hình thành một cơ chế mới, một phong cách làm ăn mới, tạo ra một khí thế mới trong cả nước

Thủy lợi phục vụ sản xuất nông nghiệp.

NGUYỄN CẢNH DINH

THỦY lợi là ngành có quan hệ gần bó mật thiết với nông nghiệp. Ngay từ những ngày đầu bước vào khôi phục và phát triển kinh tế ở miền Bắc, Đảng ta đã chủ trương « thủy lợi hóa đi liền với hợp tác hóa », coi « thủy lợi là biện pháp hàng đầu » trong phát triển sản xuất nông nghiệp.

Phục vụ mục tiêu phát triển kinh tế của Đảng, đặc biệt là phát triển sản xuất nông nghiệp, trong những năm qua công tác thủy lợi đã đạt được kết quả đáng kể. Chúng ta đã xây dựng được nhiều hệ thống công trình thủy lợi bảo đảm tưới nước cho 2,2 triệu héc ta, tiêu nước cho 85 vạn héc ta và ngăn mặn cho 70 vạn héc ta đất nông nghiệp, hình thành các tuyến đê dài trên 2000 ki lô mét ở các sông lớn, trên 2000 ki lô mét đê sông nhánh và hệ thống công trình phân lũ (có khả năng chống mức nước lũ cao nhất đã từng xảy ra ở miền Bắc); xây dựng và tu bổ gần 3000 ki lô mét đê biển có khả năng ngăn mặn khi có bão... đây là cơ sở vật chất kỹ thuật rất quan trọng của nền nông nghiệp xã hội chủ nghĩa ở nước ta, tạo điều kiện cho việc thực hiện thâm canh, tăng năng suất cây trồng, tăng vụ và mở rộng diện tích canh tác trên nhiều vùng rộng lớn, đưa sản xuất nông nghiệp đi dần vào thế ổn định, thực

hiện phòng chống lũ lụt, bảo vệ đời sống nhân dân. Trong khi chúng ta chưa có điều kiện đưa nhiều máy móc nông nghiệp xuống hợp tác xã, tập đoàn sản xuất, thì đây là « cơ sở kinh tế kỹ thuật hàng đầu, bảo đảm giữ vững và củng cố phong trào hợp tác hóa, bảo đảm đưa nền nông nghiệp hợp tác hóa từng bước tiến lên sản xuất lớn xã-hội chủ nghĩa » như đồng chí Tổng bí thư Lê Duẩn đã chỉ rõ.

Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả trên, công tác thủy lợi ở nước ta còn nhiều khó khăn chưa được giải quyết. Diện tích có công trình thủy lợi bảo đảm tưới nước và tiêu nước chỉ mới đạt 37% so với tổng diện tích canh tác. Đồng bằng sông Hồng, một trong hai vùng trọng điểm lúa của nước ta có hệ thống thủy lợi khá hoàn chỉnh bảo đảm tưới nước cho 90% diện tích canh tác, có khả năng lớn về thâm canh, tăng vụ, nhưng về cơ bản vẫn chưa chủ động khắc phục được úng; trong những năm thời tiết khắc nghiệt, việc chống hạn cũng khó khăn, nhất là khi nguồn điện chưa được bảo đảm vững chắc.

Đồng bằng sông Cửu Long là trọng điểm số một về sản xuất lương thực của nước ta, song những công trình thủy lợi đã được xây dựng ở đây cũng chỉ mới bảo đảm tưới nước cho

khoảng 20% diện tích canh tác. Phương tiện đưa nước lên ruộng chủ yếu là bơm dầu (dễ bị hỏng hóc nhiều), các công trình tiêu nước chống lũ chưa làm được bao nhiêu, hằng năm còn hàng triệu héc ta bị ngập lụt, chua phèn và mặn, do đó việc tăng vụ, thâm canh, mở rộng diện tích còn bị hạn chế.

Các công trình thủy lợi đã bảo đảm tưới được 28% diện tích canh tác ở vùng núi Bắc bộ, 60% diện tích canh tác ở vùng trung du Bắc bộ. Ở vùng khu 4 cũ các công trình thủy lợi bảo đảm tưới được 55% diện tích canh tác, chủ yếu là tưới nước cho lúa, còn tưới nước cho màu và cây công nghiệp thì chưa được bao nhiêu; các công trình tiêu nước chưa làm được nhiều, do đó việc giải quyết úng còn khó khăn. Khu bốn cũ còn nhiều vùng phải lo giải quyết vấn đề tưới nước cho vụ hè thu (vì phải chuyển vụ mùa làm vụ hè thu để tránh lũ chính vụ). Vùng duyên hải miền Trung sau ngày giải phóng, tuy xây dựng thủy lợi rất nhanh, rất mạnh nhưng cũng chỉ mới bảo đảm tưới được 28% diện tích canh tác; ở vùng này chưa có hệ thống công trình chống lũ lụt, do đó biện pháp phòng tránh vẫn là chủ yếu. Các tỉnh Tây nguyên là vùng có khả năng nông nghiệp rất lớn, diện tích canh tác hiện nay đã có 30 vạn héc ta, nhưng các công trình thủy lợi mới tưới được khoảng 3 vạn héc ta, chủ yếu là tưới cho lúa, các vùng trồng cây công nghiệp gần ngày, dài ngày chưa có công trình bảo đảm nước. Vùng Đông Nam bộ chỉ mới có 15% diện tích canh tác có công trình tưới nước.

Tình hình trên cho thấy rằng việc thực hiện thâm canh, tăng vụ và mở rộng diện tích nhằm khai thác tốt tiềm năng đất đai nông nghiệp ở nước ta đòi hỏi thủy lợi phải đi trước một bước, phải vươn lên mạnh mẽ hơn nữa. Những hạn chế hiện nay trong

việc khai thác các vùng chua phèn, các vùng bị ngập lụt ở đồng bằng sông Cửu long, các vùng ven biển thiếu nước ngọt, trong việc mở rộng thâm canh trên các vùng cao nguyên và miền núi cũng như trong việc tiêu nước cho các cánh đồng thường bị ngập úng ở đồng bằng và trung du Bắc bộ đang cấp bách đòi hỏi phải giải quyết tích cực vấn đề thủy lợi, tạo tiền đề cho việc phát triển sản xuất nông nghiệp.

Tuy nhiên, đối với diện tích đã có công trình thủy lợi tưới nước, tiêu nước cũng không thể nghĩ giản đơn rằng đã giải quyết triệt để được hạn, úng trong mọi tình hình diễn biến phức tạp của thời tiết. Ngay như ở đồng bằng sông Hồng, mặc dù các công trình thủy lợi đã được xây dựng nhiều hơn tất cả các vùng khác, nhưng tiêu chuẩn thiết kế của các công trình đã có cũng chưa đủ thỏa mãn yêu cầu về nước rất khát khe của các giống lúa mới, ngắn ngày, thấp cây, và yêu cầu tăng thêm vụ đông trong điều kiện thời tiết khó khăn.

Thực tế trên đây đặt ra cho công tác thủy lợi nhiệm vụ hết sức nặng nề: giải quyết thỏa đáng yêu cầu cấp thiết, toàn diện, to lớn về nước cho các ngành kinh tế quốc dân, nhất là đáp ứng yêu cầu về nước cho sản xuất nông nghiệp một cách phù hợp với điều kiện kinh tế, xã hội của đất nước trong từng thời kỳ.

Kế hoạch phát triển thủy lợi trước hết là nhằm vào thực hiện nhiệm vụ thủy nông; chú ý đúng mức củng cố và nâng cao chất lượng phòng chống lũ lụt; kết hợp với khai thác nguồn nước để phát điện và cung cấp nước cho yêu cầu phát triển công nghiệp, giải quyết nước sinh hoạt cho nhân dân vùng cao, vùng biên giới phục vụ việc sẵn sàng chiến đấu và chiến đấu.

Kế hoạch đầu tư vào thủy lợi thực chất là đầu tư của công nghiệp cho

phát triển nông nghiệp. Sản phẩm của thủy nông là nước, cung cấp nước đúng lúc, đúng lượng, tiêu nước kịp thời có ảnh hưởng trực tiếp đến sinh lý cây trồng, đến thâm canh, tăng vụ, cải tạo đất, đến khả năng tăng năng suất và sản lượng cây trồng. Hiệu quả đầu tư vào thủy nông còn có tác dụng góp phần củng cố và hoàn thiện quan hệ sản xuất mới trong nông nghiệp và xây dựng nông thôn mới xã hội chủ nghĩa. Tuy nhiên cũng cần thấy rõ hiệu quả đầu tư vào thủy nông chỉ có thể được phát huy cao nhất khi có sự phối hợp chặt chẽ và hợp lý của tổng thể cơ chế quản lý và các biện pháp kinh tế kỹ thuật khác trong nông nghiệp. Do đó kế hoạch xây dựng hệ thống thủy nông ở mỗi vùng, mỗi tỉnh, huyện, xã phải được nghiên cứu, xem xét cân đối trong quy hoạch tổng thể của cả nước, của mỗi vùng, mỗi tỉnh, huyện, xã, và có bước đi phù hợp.

Nhiệm vụ thủy lợi phục vụ phát triển nông nghiệp phải xuất phát từ mục tiêu chiến lược mà Đại hội toàn quốc thứ V của Đảng đã đề ra: «Phân đấu trong khoảng ba kế hoạch 5 năm sử dụng cả 10 triệu héc ta đất nông nghiệp, 15 triệu héc ta đất lâm nghiệp, và gieo trồng bình quân hai vụ trên đất trồng cây hằng năm...». Để thực hiện mục tiêu đó, công tác thủy lợi phải tập trung giải quyết những vấn đề chủ yếu như: quản lý, khai thác các hệ thống thủy nông đã có phục vụ mục tiêu sản xuất nông nghiệp từng vụ và từng năm; tiếp tục đầu tư thỏa đáng nhằm đẩy mạnh thi công các công trình trọng điểm, công trình hiện đang thi công dở dang để nhanh chóng đưa vào sử dụng và phát huy hiệu quả; đồng thời khởi công xây dựng một số công trình cấp thiết phục vụ thâm canh, tăng vụ, mở rộng diện tích nông nghiệp.

Như trên đã nói mức độ xây dựng các hệ thống thủy nông bảo đảm tưới nước và tiêu nước ở mỗi vùng có

khác nhau, do đó phương hướng những năm trước mắt về xây dựng, tu bổ và hoàn chỉnh thủy nông không thể dừng lại ở hướng chung mà phải được cụ thể hóa đối với từng vùng.

Các tỉnh đồng bằng sông Hồng, trung du, miền núi Bắc bộ và khu bốn cũ đã có hệ thống thủy nông bảo đảm tưới nước và tiêu nước tương đối hoàn chỉnh, do đó việc tăng cường công tác quản lý, khai thác, bảo vệ, tu sửa và hoàn chỉnh công trình ở đây được gắn liền với việc áp dụng mạnh mẽ tiến bộ khoa học kỹ thuật, phát huy cao nhất năng lực thiết kế của các công trình đầu mối. Khó khăn lớn nhất hiện nay và có ảnh hưởng nhiều đến sản xuất vụ mùa ở vùng này là diện tích bị úng còn rất lớn. Để có thể tiến tới giải quyết cơ bản nạn úng, lũ, cần khẩn trương xúc tiến nghiên cứu đặc điểm và diễn biến phức tạp của lũ, lụt, phân loại diện tích bị lũ, úng khác nhau, ưu tiên nguồn diện cho việc phát huy cao độ các trạm bơm hiện có và đầu tư xây dựng từng bước và có hiệu quả các công trình chống úng, phối hợp với các biện pháp kỹ thuật khác trong nông nghiệp. Một số diện tích canh tác ở các vùng đồi, vùng mới khai khẩn biên, diện tích các bãi sông... chưa bảo đảm nước tưới, cần xây dựng một số công trình tưới nước với quy mô vừa phải nhằm góp phần phát huy cao độ tiềm năng đất đai và lao động tại chỗ.

Các tỉnh khu 5, Tây nguyên và Đông Nam bộ cũ, diện tích có công trình bảo đảm tưới nước, tiêu nước còn thấp so với diện tích có khả năng canh tác. Từ sau ngày miền Nam được giải phóng, Nhà nước đã đầu tư và nhân dân đã ra sức làm thủy lợi để phát triển sản xuất, một số công trình loại lớn và loại vừa đã được đưa vào khai thác, những công trình loại nhỏ do nhân dân tự làm, Nhà nước giúp đỡ về kỹ thuật, vật tư đã có tác dụng

phục vụ tốt sản xuất nông nghiệp. Vấn đề quan trọng là trong thời gian tới làm thế nào để có thể khai thác tới mức cao nhất năng lực thiết kế của các công trình đã xây dựng, bổ sung và hoàn thiện hệ thống cống và kênh mương dẫn nước tới mặt ruộng, đồng thời khẩn trương thi công các công trình hiện đang làm, bảo đảm thực hiện đúng tiến độ đã được duyệt, đưa nhanh vào khai thác từng phần và cả hệ thống phục vụ cho sản xuất; chuẩn bị tích cực các đồ án kỹ thuật về quy hoạch, thiết kế và lực lượng thi công để khi có các điều kiện về vốn, vật tư, thiết bị thì có thể thi công được ngay một số công trình trọng điểm. Chú ý thích đáng xây dựng các công trình tưới nước cho các cây công nghiệp ngắn ngày, dài ngày, trồng tập trung, giải quyết nước ăn, nước sinh hoạt cho đồng bào các dân tộc, cho các khu kinh tế mới, cho quốc phòng, kết hợp với công tác thủy nông, đẩy mạnh xây dựng các trạm thủy lực, trạm thủy điện nhỏ phục vụ yêu cầu phát triển cơ khí nhỏ và chế biến, phát động mạnh mẽ phong trào quần chúng làm thủy lợi nhỏ và vừa ở địa phương nhằm góp phần bảo đảm thực hiện kế hoạch từng vụ, từng năm.

Các tỉnh đồng bằng sông Cửu long, có nhiều điều kiện thuận lợi về khí hậu, đất đai và nguồn nước để phát triển sản xuất nông nghiệp, nhưng đến nay chưa khai thác được nhiều, một phần do chưa làm tốt công tác thủy lợi. Cùng với việc đầu tư thực hiện các biện pháp kỹ thuật nông nghiệp, cần gấp rút chuẩn bị các điều kiện kinh tế kỹ thuật, quy hoạch, khảo sát, thiết kế, thi công cho việc xây dựng hệ thống công trình thủy lợi loại lớn và loại vừa cho từng vùng, xây dựng hệ thống thủy nông trên địa bàn huyện nhằm bảo đảm tưới nước và tiêu nước, thau chua, xả phèn... Quán triệt sâu sắc phương châm « Nhà nước và nhân dân cùng làm », phát động mạnh mẽ phong trào quần chúng tham

gia nạo vét, đào mới các kênh trục đưa nước vào đồng, củng cố và hoàn thiện hệ thống đê bao, cống đập ngăn mặn, thau chua, chống lũ đầu vụ, bảo vệ lúa hè thu.

Do tình hình khai thác tiềm năng đất đai nói chung còn thấp, do những điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội cụ thể ở đồng bằng sông Cửu long, công tác thủy lợi cần lựa chọn bước đi phù hợp để góp phần tăng vụ, mở rộng diện tích canh tác và bảo đảm nước phục vụ thâm canh cải tạo đất.

Việc xây dựng hệ thống thủy lợi ở đồng bằng sông Cửu long gắn bó chặt chẽ với quy hoạch dân cư, bảo đảm môi trường nước kết hợp giao thông thủy bộ, trồng cây, nuôi và khai thác thủy sản... nhằm phát huy hiệu quả tổng hợp của công trình.

Cùng với việc xây dựng hệ thống thủy nông, chúng ta phải có biện pháp tích cực và thường xuyên chăm lo công tác phòng, chống lũ, lụt. Để phòng, chống lũ, lụt, chúng ta cần kết hợp thực hiện cả mấy biện pháp cơ bản: trồng rừng và bảo vệ rừng đầu nguồn; xây dựng hồ chứa nước và quản lý, bảo vệ tốt các hồ chứa đã có; đắp đê và tăng cường, củng cố, bảo vệ đê; giải phóng lòng sông; xây dựng và quản lý công trình phân bố lũ dòng chính.

Ở các tỉnh miền Bắc có hệ thống đê sông lớn và các sông nhánh, đê biển, cần luôn quan tâm củng cố, nâng cao chất lượng đê, loại trừ hư hỏng ngầm trong thân đê, thường xuyên chăm lo xây dựng và củng cố lực lượng quản lý, bảo vệ đê, kè, cống, bảo đảm xử lý đúng kỹ thuật ngay từ đầu những đoạn đê có nguy cơ bị vỡ khi có lũ.

Tại nhiều nơi thuộc các tỉnh miền Trung chưa xây dựng được công trình chống lũ, thì biện pháp tốt nhất là tđ

(Xem tiếp trang 33)

Thực hiện tốt chính sách giao đất giao rừng

PHAN XUÂN ĐỢT

RỪNG và đất rừng là một trong những bộ phận tài nguyên quý báu nhất của đất nước, có tác dụng quan trọng đối với sản xuất, đời sống, môi sinh và quốc phòng. Việc xây dựng rừng và phát triển lâm nghiệp luôn luôn là yêu cầu cấp bách của nền kinh tế và gắn liền với đời sống của nhân dân, nhất là nhân dân các dân tộc miền núi và trung du. Vì vậy trong khi coi trọng củng cố và tăng cường các tổ chức quốc doanh làm rừng, Đảng và Nhà nước ta chủ trương *đẩy mạnh giao đất, giao rừng cho huyện quản lý và hợp tác xã kinh doanh theo quy hoạch, kế hoạch và pháp luật Nhà nước.*

I — Giao đất giao rừng là thực hiện quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động đối với tài nguyên rừng và đất rừng.

1. Rừng và đất rừng là tài sản của quốc gia, do Nhà nước thống nhất quản lý và khai thác, sử dụng theo quy hoạch, kế hoạch nhằm phục vụ cho những lợi ích chung của toàn xã hội. Song rừng và đất rừng lại phân bố khắp nơi, xen kẽ với các vùng dân cư, các loại đất đai sản xuất khác, ở đó rừng luôn luôn gắn liền với nhu

cầu cuộc sống hằng ngày của nhân dân. Để tăng cường quản lý, bảo vệ những diện tích rừng hiện có và sử dụng có hiệu quả hàng chục triệu héc ta đất trống, đồi núi trọc và các loại đất đai khác, cần phải giao rừng, đất rừng cho các đơn vị quốc doanh (lâm trường, nông trường) các cơ quan, đơn vị quân đội, trường học, các đơn vị tập thể (hợp tác xã, tập đoàn sản xuất) để xác lập trách nhiệm làm chủ trong quản lý kinh doanh, bảo đảm tất cả các loại đất đai, các loại rừng đều có chủ, được quản lý, bảo vệ tốt và sử dụng đúng theo quy hoạch, kế hoạch và pháp luật của Nhà nước. Ngoài việc tổ chức những đơn vị quốc doanh bao gồm các đơn vị chủ lực thuộc trung ương và tỉnh quản lý, đảm nhiệm việc khai thác và xây dựng rừng trên những địa bàn trọng yếu, giữ vai trò nòng cốt về kinh tế — kỹ thuật trong sản xuất kinh doanh, Nhà nước cần phải thông qua chính sách giao đất, giao rừng và các chính sách đòn bẩy kinh tế khác để thu hút thêm khả năng to lớn về lao động, nguồn vốn, kinh nghiệm sản xuất của đông đảo nhân dân ở các vùng để họ tích cực tham gia vào sự nghiệp trồng cây gây rừng và bảo vệ rừng ở nước ta.

mau chóng hoàn thành mục tiêu phủ xanh hàng triệu héc ta đất trống, đồi núi trọc và các loại đất đai hoang hóa khác. Giao đất giao rừng chính là tạo điều kiện để nhân dân lao động thực hiện quyền làm chủ của mình trong việc quản lý, bảo vệ và xây dựng lại tài nguyên, bảo đảm cho mỗi người dân sinh sống gần rừng, thật sự được hưởng quyền lợi và thực hiện nghĩa vụ của mình đối với các bộ phận tài nguyên đó.

Thực hiện chính sách giao đất giao rừng, trong những năm qua ngành lâm nghiệp đã cùng Ủy ban nhân dân các tỉnh, huyện giao gần 3 triệu héc ta rừng và đất rừng cho các đơn vị tập thể và nhân dân bảo vệ, kinh doanh. Nhiều lâm trường, nông trường, hợp tác xã... được nhận đất, nhận rừng đã bước đầu tổ chức lại sản xuất; quản lý, bảo vệ chặt chẽ và gây trồng theo phương thức nông lâm kết hợp, đã góp phần giải quyết khó khăn về đời sống và thực hiện mục tiêu phát triển lâm nghiệp ở địa phương. Ở huyện Chiêm Hóa tỉnh Hà Tuyên, sau khi đã quy hoạch và phân loại đối tượng rừng theo mục đích sử dụng, đã giao 19 000 héc ta rừng phòng hộ cho Ủy ban nhân dân các xã tổ chức việc bảo vệ, giao 31 500 héc ta rừng kinh tế và đất rừng cho 71 hợp tác xã sản xuất kinh doanh, trong đó có gần 9 500 hộ gia đình được giao thêm 3 600 héc ta đất để xây dựng vườn rừng. Các hợp tác xã đã sắp xếp lại lao động, tổ chức 295 đội nông lâm, 36 đội chuyên lâm, thực hiện vượt mức kế hoạch lâm nghiệp do Nhà nước giao. Toàn bộ rừng và đất rừng của huyện đã được giao và xác định trách nhiệm lâm chủ cụ thể. Cả ba khu vực quốc doanh, tập thể và hộ gia đình đều cùng nhau quản lý, bảo vệ tốt vốn rừng, phát triển sản xuất lâm nghiệp, nạn phá rừng cháy rừng giảm đi rõ rệt. Năm 1983, diện tích rừng bị đốt làm nương rẫy giảm xuống bằng 1/10 so với thời kỳ 1970 - 1971.

Nhiều tỉnh, thành phố đã căn cứ tinh thần chỉ thị 29/CT ngày 12-11-1983 và quyết định 184 của Hội đồng bộ trưởng về công tác giao đất, giao rừng đề cụ thể hóa nội dung chính sách nhằm thực hiện tốt hơn công tác này ở địa phương.

Tuy nhiên, do nhận thức chưa đầy đủ về ý nghĩa quan trọng của công tác giao đất giao rừng, có nơi còn ngại không muốn giao, có nơi giao nhưng buông trôi, khoán trắng, thiếu chỉ đạo, giúp đỡ, tạo điều kiện thuận lợi để các hợp tác xã và nhân dân sớm đi vào sản xuất, quản lý, bảo vệ tốt những diện tích rừng được giao; thậm chí có nơi đã tùy tiện chặt phá, sử dụng không theo quy hoạch, kế hoạch và pháp luật Nhà nước, gây thiệt hại đến tài sản quốc gia, không thực hiện đúng mục đích yêu cầu của chính sách này.

2. Rừng là tài sản quốc gia thuộc sở hữu toàn dân, như vậy khi giao đất giao rừng cho hợp tác xã quản lý, kinh doanh có phải là làm thay đổi quyền sở hữu về rừng và đất rừng không? Đó là điều băn khoăn của một số cán bộ trong khi thực hiện chính sách giao đất, giao rừng. Đây cũng là nguyên nhân dẫn đến hiện tượng rút rờ, e ngại không mạnh dạn giao rừng, đất rừng như chủ trương Nhà nước đã quy định.

Ở đây cần khẳng định tính chất sở hữu của rừng, đất rừng cũng như mọi tài nguyên khác: *"Đất đai, rừng núi, sông, hồ, hầm mỏ, tài nguyên thiên nhiên trong lòng đất... cùng các tài sản khác mà pháp luật quy định là của Nhà nước đều thuộc sở hữu toàn dân"*(1). Như vậy, dưới chế độ ta, rừng và đất rừng chỉ có một hình thức sở hữu duy nhất, đó là sở hữu toàn dân do Nhà nước thống nhất quản lý theo quy hoạch, kế hoạch và pháp luật thống nhất. Vì lẽ đó, rừng và đất

(1) Điều 19 Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

rừng dù được giao cho quốc doanh, tập thể hay người lao động quản lý, sử dụng thì tính chất sở hữu nói trên vẫn không hề thay đổi. Đơn vị quốc doanh, tập thể hay hộ gia đình được nhận đất nhận rừng sẽ có quyền quản lý, sử dụng ổn định theo quy hoạch, kế hoạch nhưng không phải là người chủ sở hữu, nghĩa là không có quyền mua bán, đổi, nhượng cho người khác (trừ trường hợp đặc biệt được quyền thừa kế kinh doanh hoặc thu hoạch sản phẩm cho người thân trong gia đình). Việc giao cho từng đơn vị quốc doanh, tập thể và hộ gia đình những diện tích rừng và đất đai nhất định là để xác định rõ trách nhiệm làm chủ cụ thể đối với mỗi khu đất, khu rừng, đề cao trách nhiệm và phát huy năng lực chủ động sáng tạo của mỗi cơ quan, đơn vị tập thể và mỗi người lao động - bảo vệ, khai thác và sử dụng có hiệu quả các nguồn tài nguyên thiên nhiên vì lợi ích của Nhà nước, của tập thể và của cá nhân người lao động, chấm dứt tình trạng rừng "vô chủ", buông lỏng quản lý rừng và hiện tượng tùy tiện trong quản lý kinh doanh đã kéo dài trong nhiều năm. Giao đất giao rừng cho các cơ quan, đơn vị, không có nghĩa là chia cắt manh mún để tùy tiện sử dụng với bất cứ mục đích và phương thức nào, trái lại phải kinh doanh, sử dụng theo đúng quy hoạch, kế hoạch và pháp luật của Nhà nước. Sau khi giao đất giao rừng, Nhà nước tăng cường hướng dẫn, kiểm tra, uốn nắn việc quản lý, sử dụng; nếu cần thiết có thể buộc đơn vị và cá nhân phải bồi thường thiệt hại về vật chất do kinh doanh sử dụng rừng không đúng quy hoạch, kế cả việc thu hồi lại các diện tích rừng và đất đai đã giao nếu xét thấy đơn vị và cá nhân không đủ điều kiện tiếp tục quản lý, kinh doanh có hiệu quả.

Thực hiện đúng đắn chính sách này sẽ tạo nên động lực mới thúc đẩy nhanh quá trình xây dựng và phát

triển lâm nghiệp ở nước ta, làm cho đồng đảo nhân dân lao động quan tâm bảo vệ vững chắc tài nguyên rừng, và phát huy hiệu quả công tác trồng cây, xây dựng vốn rừng.

II - Kết hợp chặt chẽ giao đất giao rừng với tổ chức lại sản xuất lâm nghiệp trên địa bàn huyện và trong từng đơn vị cơ sở.

Mục đích chủ yếu của công tác giao đất giao rừng là để thúc đẩy sản xuất, tăng cường quản lý, bảo vệ tốt hơn tài nguyên rừng, bảo đảm sử dụng có hiệu quả cao từng khu đất, khu rừng; giao rừng để bảo vệ, giao đất trồng, đồi trọc để trồng cây, xây dựng vườn cây, vườn quả, vườn rừng, sản xuất theo phương thức nông - lâm kết hợp, làm cho mỗi đơn vị diện tích rừng và đất đai đều sản xuất được nhiều, của cải phục vụ kinh tế và đời sống. Muốn vậy, sau khi giao rừng và đất rừng cho đơn vị sản xuất cơ sở, phải hết sức coi trọng công tác tổ chức lại sản xuất, tổ chức lại rừng và đất đai, sắp xếp lại lao động, đáp ứng yêu cầu mới của sản xuất lâm nghiệp được mở ra trên địa bàn huyện, trong từng lâm trường, nông trường, hợp tác xã, tập đoàn sản xuất.

1. Tổ chức lại sản xuất theo hướng kết hợp chặt chẽ nông nghiệp với lâm nghiệp, kinh doanh toàn diện, sử dụng tổng hợp tài nguyên. Phương hướng khai thác hợp lý để phát huy thế mạnh đó là phải kết hợp nông - lâm, gắn nông nghiệp với lâm nghiệp, chăn nuôi và ngành nghề khác trong một cơ cấu thống nhất. Rừng là cơ sở tài nguyên để khai thác những sản phẩm trực tiếp phục vụ sản xuất, đời sống và xuất khẩu. Đất trồng, đồi núi trọc là tư liệu sản xuất quý báu để sản xuất ra lương thực thực phẩm nuôi sống con người, nhất là gây trồng các loại cây công nghiệp và cây đặc sản có giá trị xuất khẩu cao. Vì vậy việc giao đất giao rừng phải gắn với yêu

cầu xác định lại cơ cấu kinh tế đúng đắn, nhằm phát huy được tiềm năng lao động, đất đai, tài nguyên và truyền thống, kinh nghiệm sản xuất của mỗi vùng. Chấm dứt lối sản xuất du canh, đốt rừng, phá rừng, phá hủy tài nguyên thiên nhiên, gây thiệt hại cho môi trường sống. Căn cứ quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế và quy hoạch lâm nghiệp theo hướng kết hợp nông - lâm như đã nêu, mỗi huyện xác định rõ phương hướng phát triển kinh tế và phương hướng kinh doanh, sử dụng rừng để sắp xếp lại địa bàn sản xuất, điều chỉnh lại quy mô, ranh giới quản lý của các đơn vị quốc doanh hiện có và sẽ xây dựng thêm, từ đó thực hiện giao rừng và đất rừng để các hợp tác xã, tập đoàn sản xuất, các cơ quan, đơn vị quân đội, trường học quản lý, kinh doanh theo đúng phương hướng quy hoạch và tổ chức lại sản xuất lâm nghiệp cho từng vùng nhất định. Như vậy, mỗi đơn vị quốc doanh và tập thể khi nhận đất, nhận rừng đều phải xác định rõ phương hướng quản lý kinh doanh cụ thể đối với từng loại đối tượng rừng và đất rừng. Đây cũng là căn cứ để hợp tác xã thực hiện bước tiếp theo là giao rừng cho từng đội sản xuất và thực hiện khoán chăm sóc, bảo vệ, gây trồng đến từng người lao động, từng hộ gia đình.

2. *Tổ chức lại rừng* là yêu cầu quan trọng đặc biệt để bảo vệ và sử dụng tốt tài nguyên, phát huy tác dụng cụ thể của công tác giao đất, giao rừng.

Rừng phải được phân loại theo đối tượng và mục đích sử dụng bao gồm: rừng có công dụng đặc biệt (gọi tắt là rừng cấm), rừng phòng hộ và rừng kinh doanh. Các loại rừng khác nhau sẽ có quy chế quản lý, bảo vệ và được giao cho từng đối tượng cụ thể. Đối với các loại rừng cấm, phải tổ chức các lực lượng chuyên trách bảo vệ và kinh doanh theo chế độ đặc biệt. Rừng phòng hộ chủ yếu giao cho Ủy

ban nhân dân các cấp đề tổ chức lực lượng bảo vệ tại chỗ. Rừng kinh tế và đất trồng rừng ngoài phạm vi quản lý của các lâm trường, sẽ giao cho các hợp tác xã bảo vệ, gây trồng. Đất trồng, đồi trọc phân tán, diện tích nhỏ, gần địa bàn dân cư, chủ yếu giao cho hợp tác xã, tập đoàn sản xuất hoặc các hộ gia đình xã viên và gia đình cán bộ, công nhân, viên chức xây dựng vườn rừng, kết hợp trồng cây lương thực thực phẩm, cây ăn quả, đặc sản, với cây trồng nhằm tụt gốc, củi, tăng nguồn thu nhập cho kinh tế gia đình.

Rừng và đất rừng không những được phân loại theo mục đích sử dụng như trên mà còn phải được tổ chức lại theo từng đơn vị tiểu khu (1000 héc ta trở lại), thuận tiện cho công tác quản lý, bảo vệ và khai thác, gây trồng cũng như thực hiện cơ chế khoán quản trong khi giao đất, giao rừng. Toàn bộ diện tích rừng và đất rừng trên mỗi địa bàn huyện phải được phân chia thành các tiểu khu, các khoảnh và các lô rừng một cách thống nhất từ trên bản đồ và được xác định ranh giới cụ thể, được thiết kế tỉ mỉ, được kiểm tra đánh giá số lượng, chất lượng, chủng loại ngoài thực địa, quy định rõ nội dung quản lý và chế độ kinh doanh theo đúng trình tự mở mang; đây là căn cứ để kiểm tra, giám định việc sử dụng rừng, đất rừng của mỗi đơn vị, mỗi hộ gia đình.

3. *Tổ chức phân bố lại lao động hợp lý* sau khi đã giao đất giao rừng. Trên cơ sở cơ cấu kinh tế quy mô sản xuất và loại hình tổ chức (loại hình huyện nông - lâm - công nghiệp; lâm - nông - công nghiệp hoặc nông - lâm - ngư nghiệp... loại hình hợp tác xã nông - lâm nghiệp hoặc lâm - nông nghiệp đã được xác định) mà bố trí lại lực lượng sản xuất, phân bố lại lao động từ trong nông nghiệp nhằm đáp ứng yêu cầu phát triển nghề rừng và các nghề khác. Đối với các

hợp tác xã và tập đoàn sản xuất được nhận thêm rừng và đất rừng, tùy theo khối lượng nhiệm vụ cụ thể mà tính toán số lao động cần phải đầu tư cân đối với nhiệm vụ bảo vệ, tu bổ, trồng rừng, khai thác, chế biến, vận tải, tiêu thụ sản phẩm. Lao động làm rừng trong hợp tác xã được tổ chức thành các đội chuyên hoặc kết hợp đội chuyên với hình thức huy động lao động theo thời vụ, hoặc do các đội sản xuất cơ bản thực hiện theo hình thức vừa làm ruộng vừa làm rừng. Ngoài diện tích rừng do hợp tác xã trực tiếp kinh doanh và điều hành sản xuất, hợp tác xã có thể khoán một số diện tích nhất định cho từng hộ gia đình để bảo vệ, chăm sóc hoặc gây trồng theo những hợp đồng sản xuất cụ thể. Việc giao rừng, đất rừng cho từng đội sản xuất cơ bản hoặc khoán rừng cho hộ gia đình chăm sóc, bảo vệ phải theo nguyên tắc tiện canh tiện cư, gần với địa bàn dân cư, rừng trên ruộng dưới, thuận tiện cho việc quản lý, bảo vệ và thu hoạch sản phẩm. Mặt khác, cần kết hợp giao đất, giao rừng với thực hiện kế hoạch phân bổ lại lao động và dân cư, từng bước giãn dân và mở rộng vùng dân cư, góp phần thúc đẩy sự phân bổ lao động mới trên phạm vi cả nước.

III— Thực hiện cơ chế quản lý mới phù hợp với chủ trương giao đất giao rừng cho huyện quản lý và hợp tác xã kinh doanh.

Một trong những nguyên nhân cản bản làm hạn chế tác dụng tích cực của chính sách giao đất giao rừng là do chậm đổi mới cơ chế quản lý nhằm khuyến khích sản xuất, tăng cường quản lý bảo vệ rừng sau khi đã giao đất, giao rừng. Chính sách giao đất giao rừng thể hiện đúng đắn đường lối phát triển lâm nghiệp dựa vào sức dân, theo phương châm « Nhà nước và nhân dân cùng làm ». Chính

sách đó phù hợp với tình hình kinh tế nước ta trong thời kỳ quá độ, phù hợp với nguyện vọng của nhân dân ta, được đông đảo nhân dân đồng tình, hưởng ứng, đã và đang tạo nên những chuyển biến mạnh mẽ trong nghề rừng ở nước ta. Vì vậy, cần mau chóng đổi mới cơ chế quản lý kinh doanh lâm nghiệp theo hướng khuyến khích và thu hút rộng rãi nhân dân làm rừng.

1. Trước hết phải thực hiện phân cấp quản lý rừng và nghề rừng cho huyện, tăng cường trách nhiệm và quyền hạn quản lý rừng cho xã và mở rộng quyền chủ động sản xuất kinh doanh cho cơ sở.

Huyện là địa bàn sát rừng, sát dân, có vị trí đặc biệt quan trọng trong quá trình xây dựng và phát triển kinh tế lâm nghiệp, vì vậy huyện phải là cấp quản lý trực tiếp đối với rừng và nghề rừng ở đây. Vấn đề quan trọng là phải xác định rõ nội dung phân cấp quản lý rừng cho huyện, tăng cường xây dựng và phát triển kinh tế lâm nghiệp huyện tương xứng với vị trí tài nguyên và thế mạnh của mỗi vùng. Ủy ban nhân dân huyện là người chịu trách nhiệm trực tiếp chỉ đạo việc kiểm kê đất đai, tài nguyên, bổ sung lại quy hoạch huyện, trên cơ sở đó tổ chức chỉ đạo việc giao đất giao rừng, hướng dẫn các đơn vị quốc doanh, tập thể và hộ gia đình xây dựng, phát triển vốn rừng, bảo vệ và khai thác tài nguyên rừng một cách có hiệu quả.

Với tư cách là người đại diện Nhà nước ở cơ sở, Ủy ban nhân dân xã có trách nhiệm giám sát, kiểm tra các hợp tác xã và tổ chức kinh tế được nhận đất nhận rừng thực hiện đúng các yêu cầu quản lý, bảo vệ và khai thác, sử dụng rừng, đất rừng như pháp luật đã quy định; đồng thời tổ chức phong trào quần chúng thực hiện tốt công tác bảo vệ, phòng và chống lửa rừng, ngăn ngừa các hành

động dẫn tới phá rừng, đầy mạnh trồng cây gây rừng, thực hiện mục tiêu phủ xanh đất trống đồi trọc của địa phương.

Đối với các đơn vị cơ sở được nhận đất, nhận rừng, cần mở rộng quyền chủ động kinh doanh, tận dụng đất đai làm nông - lâm nghiệp kết hợp, tăng thêm nguồn lương thực và nông sản, tổ chức gây trồng, chế biến các loại cây công nghiệp, cây đặc sản được liệt kê giá trị kinh tế cao, khai thác, tận dụng, tiết kiệm các nguồn lâm sản để tạo vốn tự có; quyền chủ động trong việc liên kết kinh tế để tranh thủ thêm nguồn vốn, lao động, vật tư; kỹ thuật nhằm khai thác có hiệu quả nhất các điều kiện thuận lợi của địa phương. Đối với các lâm trường, nông trường, ngoài việc sản xuất các sản phẩm chính theo chỉ tiêu pháp lệnh, cần tận dụng đất đai để sản xuất thêm các sản phẩm khác nhằm tăng thu nhập cho tập thể. Thực hiện cơ chế gắn sản xuất, gây trồng, chế biến với lưu thông sản phẩm. Mở rộng quyền được phép trao đổi phần sản phẩm do sản xuất vượt kế hoạch và sản phẩm tận thu; xây dựng quỹ lương thực và quỹ vật tư hàng hóa để phục vụ sản xuất nghề rừng, lâm cho lưu thông thông suốt, sản xuất phát triển, người lao động làm rừng có thu nhập và đời sống ổn định.

2. Cần tăng cường cải tiến công tác kế hoạch hóa lâm nghiệp cho phù hợp với tình hình tài nguyên và yêu cầu mới sau khi đã giao đất, giao rừng. Hiện nay năng lực khai thác các sản phẩm chính đã giảm sút, đã đến lúc phải tính toán và xây dựng kế hoạch khai thác hợp lý theo khả năng tăng trưởng của mỗi khu rừng, không khai thác lâm vào vốn rừng. Sau khi giao đất giao rừng và tổ chức lại sản xuất, kinh tế lâm nghiệp huyện và hợp tác xã ngày càng phát triển và trở thành bộ phận hợp thành trong kế hoạch kinh tế - xã hội của địa phương, do

đó cần thông qua các hợp đồng kinh tế về thu mua và cung ứng vật tư, dịch vụ để hướng dẫn, chỉ đạo các hợp tác xã xây dựng kế hoạch sản xuất lâm nghiệp như bảo vệ, tu bổ, trồng rừng, khai thác, chế biến lâm sản đồng thời tích cực giúp đỡ, chỉ đạo để các hợp tác xã thực hiện tốt các chỉ tiêu đó.

3. Hoàn thiện các chính sách khuyến khích tập thể và nhân dân nhận rừng để bảo vệ, nhân đất trống, đồi trọc để trồng cây, thực hiện có kết quả chủ trương giao đất giao rừng. Đầu tư cho lâm nghiệp là loại đầu tư chỉ sau một thời gian dài mới mang lại hiệu quả, đầu tư cho một ngành lao động nặng nhọc, vất vả. Cần có chính sách thật sự khuyến khích, như chính sách đầu tư cho vay vốn với điều kiện ưu đãi, giúp đỡ một phần hạt giống, vật tư, hướng dẫn kỹ thuật, đào tạo, huấn luyện cán bộ để hợp tác xã và nhân dân có điều kiện sản xuất, kinh doanh tốt. Hệ thống giá cả do Nhà nước thu mua cũng cần được đổi mới kèm theo chính sách bán đổi lưu lương thực, hàng hóa tiêu dùng như đối với việc thu mua các loại sản phẩm khác. Đặc biệt đối với những vùng còn du canh du cư, vùng sản xuất, chế biến sản phẩm xuất khẩu, vùng trồng cây nguyên liệu công nghiệp, cần có chính sách cung cấp phân lương thực còn thiếu để nhân dân yên tâm sản xuất.

Vận dụng và cụ thể hóa quyết định 181 của Hội đồng bộ trưởng về giao đất, giao rừng, chỉ thị 100 của Ban bí thư về khoán sản phẩm đến nhóm lao động và người lao động vào sản xuất lâm nghiệp. Trên cơ sở xây dựng các định mức kinh tế kỹ thuật hợp lý đối với các khâu của sản xuất nghề rừng mà mở rộng diện khoán sản phẩm đối với tất cả các khâu của quá trình sản xuất, bảo đảm cho người lao động làm rừng có thu nhập thỏa đáng, kết hợp hài hòa các lợi ích Nhà nước, tập thể

và cá nhân người lao động, làm cho sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp và các ngành nghề khác giúp đỡ nhau cùng phát triển.



Giao đất giao rừng cho huyện quản lý và hợp tác xã kinh doanh là chính sách lớn của Đảng và Nhà nước ta.

Làm đúng, làm tốt chính sách này, nhất định sẽ tạo nên chuyển biến mạnh mẽ trong quản lý, bảo vệ rừng và phát triển nghề rừng, tăng nhanh năng lực sản xuất và hiệu quả sử dụng tài nguyên, đáp ứng những đòi hỏi cấp bách của cuộc sống hiện tại, phục vụ tích cực cho việc thực hiện những mục tiêu kinh tế - xã hội của cả nước.

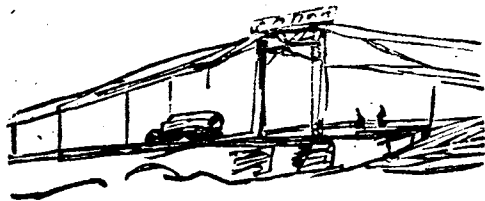
Thủy lợi phục vụ sản xuất...

(Tiếp theo trang 26)

chức sản xuất và sinh hoạt xã hội thích nghi với lũ lụt, đẩy mạnh trồng rừng và bảo vệ rừng đầu nguồn, quản lý chặt chẽ dòng sông thoát lũ, đồng thời tích cực chuẩn bị các điều kiện để xây dựng các hồ chứa nước giảm lũ, lợi dụng tổng hợp nhiều mặt.

Tình hình ngập lụt ở các tỉnh đồng bằng sông Cửu long có đặc điểm riêng biệt. Lũ sông Cửu long có mối liên hệ quốc tế; do đó việc giải quyết lũ, lụt ở đồng bằng sông Cửu long phải được nghiên cứu chu đáo. Để hạn chế ngập lụt, bảo đảm gieo cấy trên phần lớn diện tích hai vụ lúa, kinh nghiệm thực tế ở nhiều vùng khác nhau cho thấy, nếu tiến hành đắp bờ bao, ngăn lũ sớm, chống lũ muộn, làm cống, đào kênh tiêu thoát nước và kết hợp bố trí giống cây trồng, mùa vụ hợp lý thì những vùng ngập nông vẫn có thể tăng vụ, thâm canh và ổn định sản xuất.

Quá trình giải quyết nước cho nông nghiệp cũng là quá trình giải quyết nước phục vụ cho các ngành kinh tế quốc dân và lợi dụng tổng hợp nguồn nước. Muốn chủ động nguồn nước phải đẩy mạnh công tác nghiên cứu nắm vững đặc điểm thiên nhiên Việt nam, nắm vững quy luật của nước để có hành động phù hợp, có biện pháp chính phục, cải tạo và điều khiển nhằm phục vụ cho lợi ích của nền kinh tế quốc dân. Đi đôi với khai thác hợp lý nguồn nước, cần hết sức quan tâm bảo vệ nguồn nước, gắn với lâm nghiệp định canh định cư giữ rừng đầu nguồn; quản lý nguồn nước chặt chẽ, bảo vệ môi trường nước, không để nước thải công nghiệp gây ô nhiễm nguồn nước ảnh hưởng xấu đến tài nguyên nước của ta



Một thắng lợi quan trọng của nhân dân ta

BƯỚC sự giúp sức của nhân dân nhiều nơi ở miền Nam, các lực lượng an ninh của chúng ta đã tóm gọn hơn một trăm tên gián điệp của Bắc kinh và tình báo Thái lan xâm nhập nước ta, thu một khối lượng lớn vũ khí đạn dược và các phương tiện hoạt động gián điệp, phá hoại, đồng thời bắt giữ đồng bọn của chúng, những tên cầm đầu một số tổ chức nhen nhóm phản cách mạng trong nước. Tòa án nhân dân tối cao đã xét xử công khai trước đông đảo quần chúng nhân dân vụ án gián điệp quan trọng và nguy hiểm này. Những tên phản quốc, làm tay sai cho bọn bành trướng Bắc kinh, hoạt động gián điệp chống Nhà nước ta, đã bị trừng trị đích đáng. Đây là những tên đã có quá trình lâu dài ồm ồm chân đế quốc và các thế lực phản động nước ngoài, có nhiều hoạt động điên cuồng phá hoại cách mạng Việt nam, lại phạm tội đặc biệt nghiêm trọng làm tay sai cho bọn bành trướng bá quyền Trung quốc, kẻ thù trực tiếp, nguy hiểm của nhân dân ta. Bọn chúng đã thật sự biến thành công cụ xấu xa, bỉ ổi của bọn phản động trong giới cầm quyền Bắc kinh trong chiến tranh phá hoại nhiều mặt nhằm thực hiện những mưu đồ cực kỳ nguy hiểm đối với nước ta là tiến hành các hoạt động phá hoại và tiến tới vũ trang bạo loạn bên trong kết hợp với tiến công từ bên ngoài vào để lật đổ chế

độ Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt nam. Từ trước đến nay, số phận dành cho những tên việt gian bán nước bao giờ cũng là số phận của những kẻ bị nhân dân căm ghét, phỉ nhổ và trừng trị nghiêm khắc.

Thắng lợi to lớn của nhân dân ta trong vụ án gián điệp quan trọng này cũng chính là thất bại thảm hại của bọn bành trướng bá quyền Trung quốc câu kết với đế quốc Mỹ và các thế lực phản động khác trong chính sách điên cuồng phá hoại, làm suy yếu, tiến tới thôn tính nước ta.

Trong vụ án gián điệp này, điều đáng chú ý nhất là những tên tội phạm chủ mưu chính là bọn bành trướng bá quyền Trung quốc. Bản chất, âm mưu và thủ đoạn cực kỳ độc ác, xấu xa của chúng một lần nữa bị bóc trần. Tuy bị thất bại nặng nề trong hai cuộc chiến tranh xâm lược phía tây nam và phía bắc nước ta, bọn bành trướng bá quyền Trung quốc vẫn tiếp tục thực hiện âm mưu thôn tính nước ta bằng cách vừa tiến hành chiến tranh lấn chiếm biên giới phá hoại nhiều mặt, vừa chuẩn bị điều kiện gây chiến tranh xâm lược quy mô lớn chống nước ta khi cần thiết. Trong chiến tranh phá hoại nhiều mặt, bọn phản động trong giới cầm quyền Trung quốc câu kết với đế quốc Mỹ và các thế lực phản

động khác đánh phá nước ta bằng những hành động ngày càng điên cuồng, trắng trợn hơn trên nhiều lĩnh vực kinh tế, chính trị, văn hóa, tư tưởng, ở nhiều địa bàn và theo nhiều hướng khác nhau với những mưu mô, thủ đoạn hết sức thâm độc, nguy hiểm. Một trong những mối nhọc quan trọng của chúng là tăng cường hoạt động gián điệp gắn liền với hoạt động phá hoại, vũ trang bạo loạn. Chúng tìm mọi cách tung những toán gián điệp, biệt kích từ biên giới phía bắc, phía tây nam, từ ngoài biển, từ Thái lan vào nội địa ta nhằm thu thập tình báo, nhen nhóm, móc nối với bọn phản cách mạng trong nước, tiến hành các hoạt động gây rối, phá hoại các mặt, tạo điều kiện gây bạo loạn và lật đổ. Vụ án gián điệp này đã phơi bày những mưu đồ xấu xa, những thủ đoạn nham hiểm và cả những hành động trắng trợn của chúng bất chấp luật pháp quốc tế và những tiêu chuẩn sơ đẳng nhất trong quan hệ quốc tế; nó cũng phơi bày rõ sự cấu kết có tính quy luật giữa kẻ thù bên ngoài và kẻ thù bên trong nước ta.

Đồng thời, vụ án này là một thực tế rõ ràng chứng minh nhận định đúng đắn, sáng suốt của Đảng ta là chiến lược và sách lược của bọn bành trướng bá quyền Trung quốc đối với nước ta chưa hề thay đổi, trái lại, càng tỏ ra thù địch hơn.

Đồng lõa với bọn bành trướng bá quyền Trung quốc trong vụ án này là những thế lực phản động cực hữu trong giới cầm quyền Thái lan đã theo đuôi Trung quốc và Mỹ, thi hành chính sách thù địch đối với nhân dân ta, xâm phạm chủ quyền, an ninh của nước ta. Cục tình báo lực quân Thái lan và giới cầm quyền Thái lan phải chịu trách nhiệm hoàn toàn về mọi hậu quả nghiêm trọng do những việc làm cực kỳ xấu xa của chúng gây nên.

Tiếng vang của vụ án này làm cho các nước Đông Nam Á và thế giới thấy rõ bọn bành trướng bá quyền Trung quốc là mối đe dọa chính đối với hòa bình, an ninh, ổn định ở Đông dương và Đông Nam Á.

Đối với nhân dân ta, việc đập tan tổ chức gián điệp nguy hiểm này là một thắng lợi quan trọng của sự nghiệp bảo vệ an ninh Tổ quốc trong tình hình phức tạp hiện nay. Đó là chiến công lớn của các lực lượng an ninh mưu trí dũng cảm, đã tiến hành xuất sắc các biện pháp nghiệp vụ, và được sự giúp đỡ đầy hiệu quả của nhân dân và các lực lượng vũ trang nhân dân. Đó cũng là thắng lợi của việc sử dụng và phát huy sức mạnh tổng hợp của các lực lượng chuyên chính và quần chúng nhân dân ta trong cuộc đấu tranh chống kiên chiến tranh phá hoại nhiều mặt của kẻ địch.

Qua vụ án gián điệp này, toàn Đảng, toàn dân, toàn quân ta càng thấy rõ phải luôn luôn nâng cao tinh thần cảnh giác cách mạng, sẵn sàng chiến đấu và chiến đấu tốt, đánh thắng mọi âm mưu và hành động phá hoại của kẻ địch; chú trọng bảo vệ nội bộ trong từng đơn vị cơ sở, bảo vệ các cơ sở kinh tế, quốc phòng, các nơi xung yếu, đẩy mạnh phong trào quần chúng bảo vệ an ninh, đồng thời củng cố quốc phòng vững mạnh. An ninh và quốc phòng chưa bao giờ gắn chặt với nhau như bây giờ. Có làm tốt cả an ninh lẫn quốc phòng thì nội trị mới yên vui, biên cương mới vững chắc, kẻ thù mới không thực hiện được âm mưu phá từ trong ra, đánh từ ngoài vào, hòng lật đổ chính quyền của ta. Điều quan trọng là mỗi người chúng ta cần luôn luôn nhận rõ kẻ thù, hiểu rõ bản chất, âm mưu, thủ đoạn của chúng, không mơ hồ, ảo tưởng về chúng, có thái độ rõ ràng, dứt khoát.

(Xem tiếp trang 47)

Xây dựng huyện và tăng cường cấp huyện

BỀ góp phần vào việc thực hiện chủ trương của Đảng về xây dựng huyện và tăng cường cấp huyện, từ số 2 đến số 12 năm 1981, trong mục *Trao đổi ý kiến*, Tạp chí Cộng sản đã đăng nhiều bài của các cán bộ nghiên cứu và cán bộ lãnh đạo các cấp, các ngành. Có bài bàn một cách tổng quát, có bài đề cập đến một, hai mặt của vấn đề, có bài giới thiệu thực tiễn xây dựng huyện và tăng cường cấp huyện trong một tỉnh, một huyện với các loại hình và vị trí địa lý khác nhau; các bài viết nói trên cho thấy công tác xây dựng huyện và tăng cường cấp huyện có vị trí hết sức trọng yếu, có ý nghĩa chiến lược trong toàn bộ sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa. Thực tế khẳng định chủ trương xây dựng huyện và tăng cường cấp huyện là đúng.

Trong quá trình thực hiện chủ trương xây dựng huyện và tăng cường cấp huyện, các vấn đề về nội dung và phương pháp xây dựng huyện ngày càng rõ, sự lãnh đạo và tổ chức thực hiện của trung ương và của các tỉnh, các ngành, nhất là của các huyện ngày càng có hiệu quả; các huyện đều có những tiến bộ về đổi mới cơ chế quản lý, thực hiện chế độ khoán sản phẩm, ứng dụng tiến bộ kỹ thuật và xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật. Ở nhiều nơi, năng lực chỉ đạo của

cấp huyện và cơ sở được tăng cường một bước, tinh thần làm chủ tập thể của nhân dân lao động được phát huy. Nhiều huyện đạt được những thành tích quan trọng về phát triển nông nghiệp và tiểu công nghiệp, thủ công nghiệp, xây dựng cơ cấu kinh tế nông - công nghiệp, xây dựng nông thôn mới, nâng cao đời sống nhân dân, bảo đảm tốt an ninh quốc phòng. Ở khắp các vùng, đã xuất hiện một số huyện tiên tiến, có nhiều kinh nghiệm tốt.

Tuy vậy, nhìn chung công tác xây dựng huyện tiến triển chưa đều, còn nhiều huyện chưa có chuyển biến rõ về sản xuất và đời sống, chưa phát huy được đầy đủ tính chủ động sáng tạo của địa phương và tinh thần làm chủ tập thể của nhân dân lao động, còn nặng tư tưởng trông chờ ỷ lại vào cấp trên. Một số cấp ủy Đảng và một số ngành chưa thấy rõ vị trí của công tác xây dựng huyện, chưa nắm vững nội dung xây dựng cơ cấu kinh tế nông - công nghiệp trên địa bàn huyện, xây dựng huyện phải phát triển toàn diện và gắn với cơ sở. Những vướng mắc, khó khăn của cấp huyện và cơ sở, nhất là về chính sách cụ thể, về xây dựng cơ cấu kinh tế, tổ chức sản xuất, cơ chế quản lý, tổ chức bộ máy và đội ngũ cán bộ chậm được giải quyết.

Do vị trí trọng yếu của công tác này, Hội nghị thứ bảy của Trung ương Đảng đã nêu lên phương hướng, nhiệm vụ xây dựng huyện và tăng cường cấp huyện.

Để xây dựng huyện vững mạnh, trước hết phải tập trung xây dựng cơ cấu kinh tế nông - công nghiệp hoặc nông - lâm - công nghiệp, lâm - nông - công nghiệp, nông - ngư - công nghiệp... trên địa bàn huyện với nội dung sát hợp với từng vùng; phát triển nông nghiệp toàn diện, tập trung, chuyên canh, từng bước đi lên theo hướng sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa. Có cấu đó bảo đảm phát triển nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp, công nghiệp và phân phối lưu thông, thể hiện mối quan hệ gắn bó giữa sản xuất với phân phối lưu thông, tạo điều kiện phát huy tiềm lực kinh tế một cách hợp lý và có hiệu quả.

Trong cơ cấu kinh tế huyện hiện nay, trọng tâm vẫn là nông nghiệp. Như vậy, xây dựng cơ cấu kinh tế huyện phải bắt đầu từ nông nghiệp (bao gồm cả lâm nghiệp, ngư nghiệp) làm tiền đề để phát triển công nghiệp và làm tốt công tác phân phối lưu thông trên địa bàn huyện. Ở vùng đồng bằng, phát triển nông nghiệp toàn diện bằng cách tập trung sản xuất lương thực (lúa, màu), đồng thời phát triển mạnh cây công nghiệp và chăn nuôi; tăng nhanh nông sản xuất khẩu và nguyên liệu cho công nghiệp chế biến; phấn đấu đẩy mạnh sản xuất để bảo đảm nhu cầu đời sống nhân dân trong huyện, đồng thời có nhiều nông sản hàng hóa; khai thác thế mạnh của địa phương đồng thời mở rộng sản xuất kinh doanh tổng hợp; từng bước xây dựng vùng chuyên canh tập trung kết hợp với phát triển sản xuất theo quy mô nhỏ và phân tán. Ở vùng đồi núi, các huyện phát triển kinh tế theo hướng nông - lâm nghiệp. Ở vùng sông biển và có mặt nước lớn, các huyện đi theo hướng phát triển nông - ngư nghiệp.

Xây dựng cơ cấu kinh tế theo hướng đó, chính là nhằm khai thác và sử dụng tốt tiềm năng lao động, đất đai, ngành nghề, cơ sở vật chất kỹ thuật, giúp cho các huyện thoát khỏi tình trạng độc canh và sản xuất tự túc, tự cấp, làm cho huyện có điều kiện giải quyết tốt nhu cầu lương thực và các nhu cầu khác của đời sống nhân dân trong huyện, tăng nhanh khối lượng nông sản hàng hóa để cung cấp cho Nhà nước, xuất khẩu và hợp tác, liên kết kinh tế.

Việc phát triển công nghiệp huyện có vai trò hết sức quan trọng đối với việc phát triển nông nghiệp và đưa nông nghiệp từng bước lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa. Tùy theo đặc điểm và điều kiện của từng nơi, xây dựng công nghiệp huyện bao gồm phát triển tiểu công nghiệp, thủ công nghiệp ở các hợp tác xã và phát triển công nghiệp, xây dựng cơ bản, giao thông vận tải... trên địa bàn huyện, để hình thành cơ cấu kinh tế nông - công nghiệp, nông - lâm - công nghiệp, lâm - nông - công nghiệp, nông - ngư - công nghiệp, hoặc nông - lâm - ngư - công nghiệp, tạo điều kiện thúc đẩy phát triển nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp trên địa bàn huyện.

Phát triển các ngành công nghiệp huyện trong điều kiện hiện nay có thể bao gồm mấy lĩnh vực chủ yếu: xây dựng các cơ sở sản xuất công cụ (nông cụ, ngư cụ), cơ khí sửa chữa, năng lượng phục vụ sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp trên địa bàn huyện; xây dựng các cơ sở chế biến (bao gồm sơ chế và tinh chế) nông sản, lâm sản và thủy sản; xây dựng các cơ sở sản xuất hàng tiêu dùng bằng nguyên liệu tại chỗ, nguyên liệu gia công và hợp tác, liên kết với các nơi khác; xây dựng các cơ sở phục vụ xây dựng cơ bản (bao gồm sản xuất vật liệu xây dựng, thiết kế và thi công); xây dựng các cơ sở

phục vụ giao thông vận tải và thông tin bưu điện.

Trong việc xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật và ứng dụng tiến bộ kỹ thuật, ngoài những cơ sở nói trên, chú trọng giải quyết tốt vấn đề thủy lợi, sức kéo, giống, phòng trừ sâu bệnh, thú y, cung ứng vật tư; chú trọng kết hợp với xây dựng thị trấn, huyện, xây dựng các cụm kinh tế - xã hội và xây dựng nông thôn mới.

Để bảo đảm cho huyện và cơ sở làm chủ được sản xuất, phân phối lưu thông, chăm lo đời sống nhân dân, sẵn sàng chiến đấu và chiến đấu tốt, tạo điều kiện cho huyện và cơ sở phát huy tinh thần tự lực tự cường, chủ động sáng tạo, bảo đảm cho cấp huyện thật sự vừa là cấp quản lý toàn diện về hành chính kinh tế xã hội, vừa là cấp kế hoạch và ngân sách, cần phải có cơ chế quản lý đúng đắn, thích hợp. Phải kết hợp chặt chẽ quản lý theo ngành và quản lý theo lãnh thổ trên địa bàn huyện. Xây dựng huyện mạnh phải đi đôi với xây dựng tỉnh mạnh và xây dựng ngành mạnh.

Hội nghị thứ bảy của Trung ương Đảng đã quyết định: từ nay đến năm 1990 phấn đấu xây dựng trên 400 huyện phát triển toàn diện, trước hết là các huyện trọng điểm, các huyện có vị trí trọng yếu về kinh tế, quốc phòng.

Để thực hiện những mục tiêu nói trên cần làm tốt một loạt công tác lớn.

Tiếp tục đẩy mạnh xây dựng và bổ sung quy hoạch huyện, tổ chức sản xuất, phân cấp quản lý, phân giao cơ sở cho huyện. Với sự hướng dẫn của các cơ quan chức năng ở trung ương và các tỉnh, các huyện chủ động làm tốt quy hoạch huyện và cơ sở, gắn với tổng sơ đồ của tỉnh. Kết hợp chặt chẽ quy hoạch sản xuất với quy hoạch phân phối lưu thông; quy hoạch kinh tế với quy hoạch văn hóa, giáo dục, y tế, thể dục thể thao, sinh đẻ có kế hoạch; quy hoạch kinh tế - xã hội

với quy hoạch xây dựng pháo đài quân sự huyện và bảo đảm an ninh trật tự trong huyện.

Hoàn thành việc phân cấp quản lý và phân giao cơ sở cho huyện; phân cấp, phân giao các ngành và cơ sở còn lại như cá, muối, vận tải, nông trường, lâm trường, công ty lương thực, công ty thương nghiệp, công ty vật tư tổng hợp. Coi trọng việc giao đất, giao rừng. Phân cấp quản lý, phân giao cơ sở phải đi đôi với xác định quyền hạn, trách nhiệm và giải quyết hợp lý lợi ích giữa cấp trên và cấp dưới, đạt hiệu quả thiết thực, tránh kéo dài hoặc làm đại khái. Trước khi phân giao cơ sở cho huyện, cần tạo điều kiện về vật chất, cán bộ, tổ chức và chuyển sang hạch toán độc lập, chuẩn bị cho huyện đủ sức tiếp thu và phát huy hiệu quả quản lý cơ sở sau khi được phân giao.

Chúng ta đang tiếp tục tiến hành cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với nông nghiệp ở miền Nam, củng cố và hoàn thiện quan hệ sản xuất mới ở miền Bắc. Hiện nay việc xây dựng huyện đổi mới khuôn trương hoàn thành hợp tác hóa nông nghiệp, đẩy mạnh việc củng cố và từng bước hoàn thiện quan hệ sản xuất mới. Đối với các huyện ở Nam bộ chưa hoàn thành hợp tác hóa, ngay từ đầu gần, việc chuẩn bị và cải tạo ở cơ sở với xây dựng huyện, không chờ cải tạo xong mới xây dựng huyện. Phát huy hơn nữa vai trò của huyện đối với hợp tác xã và tập đoàn sản xuất, nhất là những nơi còn yếu kém. Việc củng cố, tăng cường các hợp tác xã và tập đoàn sản xuất cần tiến hành theo hướng mở rộng sản xuất, kinh doanh tập thể, tăng cường sở hữu tập thể, nâng cao thu nhập từ kinh tế tập thể, phát triển kinh tế gia đình. Chú trọng củng cố và phát huy vai trò của các cơ sở quốc doanh sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và công nghiệp trực thuộc huyện; tăng

cường quan hệ hợp tác liên kết với các cơ sở quốc doanh thuộc tỉnh và trung ương nằm trên địa bàn huyện; mở rộng sự hợp tác liên kết giữa các cơ sở phục vụ với các cơ sở sản xuất, từng bước hình thành các tổ chức liên doanh, liên hiệp theo cây trồng, con vật nuôi, ngành nghề và theo từng khâu trên địa bàn huyện.

Cần làm tốt công tác phân phối lưu thông, thực hiện tốt việc cải tạo và làm chủ thị trường huyện. Làm tốt việc thu mua, nắm tuyệt đại bộ phận hàng hóa nông sản, lâm sản, thủy sản và hàng tiêu công, nghiệp, thủ công nghiệp, củng cố và phát triển mạnh thương nghiệp xã hội chủ nghĩa, tăng cường sự trao đổi và hợp đồng trong kế hoạch, quản lý chặt chẽ thị trường có tổ chức; trên thị trường «tự do» chỉ còn sự trao đổi trực tiếp giữa người sản xuất và người tiêu dùng. Mở rộng hệ thống ngân hàng và hợp tác xã tín dụng và đẩy mạnh hoạt động của các tổ chức này. Tổ chức tốt việc liên kết kinh doanh ngoài diện, ngoài mức kế hoạch giữa các cơ sở sản xuất với tổ chức thương nghiệp huyện. Trên cơ sở đẩy mạnh sản xuất nông nghiệp, công nghiệp và tổ chức tốt phân phối lưu thông mà từng bước cải thiện đời sống nhân dân.

Tiến hành xây dựng kế hoạch từ cơ sở lên, thật sự bảo đảm quyền chủ động của cơ sở, không gò ép, áp đặt chỉ tiêu từ trên xuống. Chú trọng phát huy tiềm năng hiện có, mở rộng liên kết kinh tế giữa các cơ sở trong huyện, giữa các huyện trong tỉnh và thuộc các tỉnh khác, đồng thời phấn đấu phát triển xuất nhập khẩu để có thêm vật tư kỹ thuật.

Xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa là hai nhiệm vụ chiến lược của toàn Đảng, toàn dân ta hiện nay. Vì vậy quá trình xây dựng kinh tế trên địa bàn huyện cũng là quá trình kết hợp với xây dựng pháo đài quân sự và an ninh

trên địa bàn huyện, xây dựng thế trận làm chủ của chiến tranh nhân dân, bảo đảm chiến đấu và hậu cần tại chỗ, bảo đảm an ninh chính trị và trật tự, an toàn xã hội. Trước mắt tập trung sức của cả nước kết hợp với phát huy cao độ tinh thần tự lực tự cường của các địa phương, khẩn trương xây dựng các huyện ở 6 tỉnh biên giới phía bắc, nhất là 31 huyện, thị biên giới và các huyện kề cận để có đủ sức cùng bộ đội chủ lực bảo vệ vững chắc biên cương của Tổ quốc trong mọi tình huống.

Việc xây dựng cơ cấu kinh tế trên địa bàn huyện và đổi mới cơ chế quản lý đòi hỏi một bộ máy vững mạnh và một đội ngũ cán bộ có phẩm chất, có năng lực. Trước hết cần tăng cường sự lãnh đạo của huyện ủy, tích cực xây dựng đảng bộ huyện vững mạnh gắn với xây dựng đảng bộ xã và các đảng bộ cơ sở khác trong sạch, vững mạnh; phát huy chức năng quản lý của ủy ban nhân dân và vai trò của hội đồng nhân dân huyện, xã và các tổ chức quần chúng. Chú trọng tăng cường đội ngũ cán bộ của huyện, nhất là cán bộ chủ chốt của huyện ủy, đảng ủy, chi ủy, ủy ban nhân dân huyện, xã, các phòng ban và các cơ sở sản xuất kinh doanh. Cần có quy hoạch cán bộ lâu dài để có thể chủ động đáp ứng yêu cầu xây dựng huyện.

Công tác xây dựng huyện và làng cường cấp huyện cần được sự lãnh đạo và chỉ đạo chặt chẽ của trung ương và của cấp tỉnh. Song trước hết đó là sự nghiệp của đảng bộ và nhân dân mỗi huyện. Cấp ủy Đảng và chính quyền cấp huyện nắm vững chủ trương và nội dung xây dựng huyện, phát huy tinh thần tự lực tự cường, ý thức chủ động sáng tạo, vừa làm vừa rút kinh nghiệm, thực hiện tốt các mặt công tác xây dựng huyện. Cùng với sự nỗ lực của bản thân huyện

(Xem tiếp trang 73)

Nghiên cứu

về các quy luật của cách mạng xã hội
chủ nghĩa và xây dựng chủ nghĩa xã hội *

Thực hiện sự đoàn kết giữa giai cấp công nhân
nước này với giai cấp công nhân tất cả các
nước khác, thực hiện chủ nghĩa quốc tế vô sản

QUYẾT TIẾN

VẤN đề đoàn kết giai cấp vô sản tất cả các nước trên thế giới từ lâu đã được các nhà sáng lập ra chủ nghĩa Mác nêu lên như một trong những vấn đề có tính chất sống còn của cách mạng vô sản.

Hơn một thế kỷ trước đây, ngay từ năm 1848, khi kết thúc cuốn sách nổi tiếng của mình là *Tuyên ngôn của Đảng cộng sản*, Mác và Ăng-ghe-nơ đã nêu lên khẩu hiệu vĩ đại: « Vô sản tất cả các nước, đoàn kết lại! ». Cơ sở sâu xa của khẩu hiệu này chính là ở chỗ: giai cấp vô sản tất cả các nước có lợi ích *thống nhất* trong cuộc đấu tranh chống kẻ thù chung của mình là chủ nghĩa tư bản quốc tế. Khẩu hiệu đó cũng được rút ra từ thực tiễn đấu tranh cách mạng của giai cấp vô sản, đúng như Các Mác, người thầy vĩ đại của giai cấp vô sản quốc tế, đã chỉ rõ: « Kinh nghiệm của quá khứ chứng tỏ rằng thái độ coi thường sự liên minh anh em, — sự liên minh phải có giữa công nhân các nước khác nhau và phải thúc đẩy họ

kể vai sát cánh trong cuộc đấu tranh để tự giải phóng, — sẽ bị trừng phạt bằng cách bắt những cố gắng phản tán của họ phải chịu sự thất bại chung » (1). Hơn nữa, Mác còn mong muốn công nhân không những nhận thức được mà còn phải thực hiện trên thực tế sự liên minh quốc tế ấy. Người chỉ rõ: « Một trong những mục tiêu lớn của Hội (tức Hội liên hiệp công nhân quốc tế — QT) là phấn đấu làm cho công nhân các nước không những cảm thấy mà còn hành động như những người anh em và những người đồng chí đang đấu tranh tự giải phóng mình trong một đạo quân thống nhất » (2).

Chủ nghĩa quốc tế vô sản do Mác và Ăng-ghe-nơ nêu lên, bao gồm những điểm cơ bản sau đây:

1. Đề đạt tới mục đích đấu tranh cách mạng là chủ nghĩa xã hội và

* Xem Tạp chí Cộng sản từ số tháng 1-1984

(1) Mác — Ăng-ghe-nơ: *Tuyên ngôn*. Nxb Sự thật, Hà nội, tập III, 1982, tr. 20.

(2) Mác — Ăng-ghe-nơ: *Sách đã dẫn*, tr. 180.

chủ nghĩa cộng sản, công nhân toàn thế giới cần đoàn kết với nhau.

2. Giai cấp công nhân và đảng của nó ở tất cả các nước đều phải đứng trên lập trường của chủ nghĩa Mác—hệ tư tưởng thống nhất của giai cấp công nhân.

3. Do tính chất cộng đồng về lợi ích và mục đích, công nhân toàn thế giới phải ủng hộ lẫn nhau về vật chất và tinh thần trong cuộc đấu tranh chung chống bọn bóc lột, giành giải phóng xã hội và giải phóng dân tộc.

4. Chủ nghĩa quốc tế vô sản bảo đảm sự bình đẳng của các dân tộc, bảo đảm tự do chân chính và chủ quyền thật sự của họ.

5. Giai cấp công nhân mỗi nước có nghĩa vụ quốc tế đối với giai cấp vô sản quốc tế.

Sự thống nhất biện chứng giữa các nguyên tắc nói trên tạo nên nội dung của chủ nghĩa quốc tế vô sản.

Hoạt động trong thời đại mới của lịch sử thế giới — thời đại đế quốc chủ nghĩa. Lê-nin đã phát triển và làm phong phú thêm những nội dung của chủ nghĩa quốc tế vô sản do Mác và Ăng-ghe-nh đã vạch ra. Cống hiến nổi bật nhất của Lê-nin về mặt này là Người đã bổ sung khẩu hiệu cũ của Mác và Ăng-ghe-nh bằng một khẩu hiệu mới, phù hợp với tính chất và yêu cầu của thời đại mới. Đó là « Vô sản tất cả các nước và các dân tộc bị áp bức, đoàn kết lại! ».

Giải thích vì sao Lê-nin đưa ra khẩu hiệu mới ấy, đồng chí Lê Duẩn đã viết:

« Từ khi chủ nghĩa Mác ra đời đến nay, nội dung đấu tranh giai cấp của giai cấp công nhân trong lịch sử cũng có những bước phát triển rõ rệt. Trong *Tuyên ngôn của Đảng cộng sản*, C. Mác và Ph. Ăng-ghe-nh đã nêu ra khẩu hiệu: « Vô sản tất cả các nước,

đoàn kết lại! » Khẩu hiệu đó xuất phát từ luận điểm của C. Mác cho rằng cách mạng xã hội chủ nghĩa chỉ có thể thắng lợi đồng thời trong các nước, rằng cách mạng xã hội chủ nghĩa là kết quả của cuộc đấu tranh giai cấp giữa giai cấp công nhân và giai cấp tư sản trong những nước tư bản chủ nghĩa phát triển mà ở đó mâu thuẫn giữa lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất đã trở nên sâu sắc, và ở đó sự phát triển của nền kinh tế đã làm cho sự xung đột giai cấp diễn ra chủ yếu là giữa giai cấp công nhân và giai cấp tư sản. Giai cấp công nhân tất cả các nước phải đoàn kết lại để đánh đổ chế độ tư bản chủ nghĩa, làm cách mạng vô sản thế giới.

« Đến cuối thế kỷ XIX, chủ nghĩa tư bản bước sang giai đoạn tột cùng của nó, giai đoạn đế quốc chủ nghĩa. Giai cấp tư sản ở những nước đế quốc chẳng những bóc lột giai cấp công nhân trong nước mà còn áp bức và bóc lột các dân tộc thuộc địa và nửa thuộc địa trên thế giới. Các dân tộc bị áp bức trở thành bạn đồng minh thân thiết của giai cấp vô sản « chính quốc », và cuộc đấu tranh của họ để giành độc lập dân tộc trở thành một bộ phận khăng khít của cuộc cách mạng vô sản thế giới. Vì thế, Lê-nin đề ra khẩu hiệu « Vô sản tất cả các nước và các dân tộc bị áp bức, đoàn kết lại ». Đây là một bước phát triển mới của cuộc đấu tranh giai cấp của giai cấp công nhân chống giai cấp tư sản trên phạm vi thế giới. Muốn cho cách mạng vô sản thành công, giai cấp công nhân phải đoàn kết với phong trào giải phóng dân tộc, và phong trào giải phóng dân tộc muốn thắng lợi, phải trở thành một bộ phận của phong trào cách mạng vô sản. Luận điểm đó chống lại một khuynh hướng sai lầm cho rằng cách mạng vô sản chỉ có thể nổ ra ở những nước tư bản chủ nghĩa phát triển, còn các nước có nền kinh tế lạc hậu thì

chưa thể làm cách mạng vô sản được » (3).

Vào đầu thế kỷ này, trước khi Cách mạng Tháng Mười Nga giành được thắng lợi, Lê-nin chẳng những đã chứng minh rằng cách mạng vô sản có thể chọc thủng hệ thống đế quốc chủ nghĩa ở khâu yếu nhất của nó, nơi này có thể kém phát triển về mặt kinh tế, mà còn thấy trước cao trào giải phóng dân tộc tất yếu xảy ra và cần phải gắn nó với phong trào cách mạng của giai cấp vô sản

Trong thời đại đế quốc chủ nghĩa, Lê-nin đánh giá phong trào giải phóng của các dân tộc thuộc địa và nửa thuộc địa như một lực lượng xã hội, chính trị mà cuối cùng giai cấp tư sản thế giới không còn có thể dùng làm nguồn dự trữ cho mình trong cuộc đối chọi với giai cấp vô sản. Lê-nin cho rằng mặc dù có thành phần xã hội khác nhau và có những mâu thuẫn bên trong nhất định, phong trào giải phóng dân tộc có tiềm lực cách mạng to lớn, nó là một lực lượng tích cực và độc lập trong cuộc đấu tranh cách mạng thế giới; đối với nó giai cấp vô sản cần phối hợp hành động và liên minh. Lê-nin đã chỉ ra rằng cuộc đấu tranh của các dân tộc để giải phóng khỏi chủ nghĩa đế quốc, không chỉ có nội dung dân tộc, không chỉ mang những yêu cầu dân chủ chung mà nhất định sẽ quay sang chống lại chủ nghĩa tư bản và chủ nghĩa đế quốc. Lê-nin lập luận một cách khoa học rằng, trong những điều kiện lịch sử mới, các dân tộc đã thoát khỏi ách thực dân có khả năng tiến thẳng lên chủ nghĩa xã hội, bỏ qua giai đoạn phát triển tư bản chủ nghĩa. Lê-nin nhấn mạnh rằng, trong thái độ đối với vấn đề giải phóng dân tộc, những người mao xít cần phải kiên quyết và thật sự ủng hộ cả về tinh thần lẫn vật chất các phần tử cách mạng của các phong trào giải phóng dân tộc. Lê-nin cho rằng, trong thời đại đế quốc chủ nghĩa «cuộc

cách mạng xã hội chủ nghĩa sẽ không phải chỉ là và chủ yếu là một cuộc đấu tranh của giai cấp vô sản cách mạng ở từng nước chống lại giai cấp tư sản ở nước mình; không phải thế, đó sẽ là cuộc đấu tranh của tất cả các thuộc địa và tất cả những nước bị chủ nghĩa đế quốc áp bức, của tất cả các nước phụ thuộc chống lại chủ nghĩa đế quốc quốc tế » (4).

Những tư tưởng khoa học nói trên của Lê-nin về phong trào giải phóng dân tộc cũng như về tính chất của cách mạng xã hội chủ nghĩa thế giới (mà phong trào giải phóng dân tộc là một bộ phận, là một trong những động lực) đã mở ra triển vọng sáng sủa cho các dân tộc đang đấu tranh để giải phóng dân tộc và giải phóng xã hội, đã tạo ra cơ sở tư tưởng - lý luận và chính trị vững chắc để củng cố liên minh giữa giai cấp vô sản ở các «chính quốc» với các lực lượng giải phóng dân tộc.

Sau thắng lợi của Cách mạng Tháng Mười Nga, Lê-nin nhấn mạnh thêm đến tình đoàn kết quốc tế giữa nước Nga xô viết với các dân tộc bị áp bức. Lê-nin nói: «Nước Cộng hòa xô viết chúng tôi phải tập hợp chung quanh mình tất cả các dân tộc phương Đông đang thức tỉnh, để cùng họ tiến hành cuộc đấu tranh chống chủ nghĩa đế quốc quốc tế » (5). Người cho rằng: «Ngày nay, hiển nhiên là phong trào cách mạng đó của các dân tộc ở phương Đông chỉ có liên hệ trực tiếp với cuộc đấu tranh cách mạng của nước Cộng hòa xô viết chúng ta chống chủ nghĩa đế quốc quốc tế thì mới phát triển thắng lợi được, mới thành công được » (6).

Như vậy là từ lâu, Lê-nin đã đặt cơ sở tư tưởng và lý luận, chính trị

(3) Lê Duẩn: *Chủ nghĩa yêu nước và chủ nghĩa quốc tế vô sản* Nxb Sự thật. Hà nội, 1979, tr. 64 — 65.

(4), (5), (6) : V.I. Lê-nin: *Toàn tập*, Nxb Tiến bộ, Mát-xcơ-va, 1979, tập 39, tr. 370, 372, 360.

cho sự liên minh chiến đấu giữa tất cả các bộ phận khác nhau của quá trình cách mạng xã hội chủ nghĩa thế giới: giai cấp vô sản chiến thắng ở nước xã hội chủ nghĩa, phong trào vô sản ở các "chính quốc" và phong trào cách mạng ở các nước thuộc địa và phụ thuộc. Sự liên minh chiến đấu theo tinh thần của chủ nghĩa quốc tế vô sản đó, về sau này đã được mở rộng thành liên minh rộng lớn giữa ba dòng thác cách mạng của thời đại, khi mà hệ thống xã hội chủ nghĩa thế giới đã hình thành và phát triển, trở thành trụ cột của quá trình cách mạng thế giới.

Cần thấy rằng, tư tưởng hoàn chỉnh về chủ nghĩa quốc tế vô sản đã được Lê-nin trình bày sâu sắc trong bản luận cương nổi tiếng về các vấn đề dân tộc và thuộc địa, mà chúng ta đã biết. Trong bản luận cương đó, Lê-nin đã nêu rõ thái độ quốc tế chủ nghĩa của những người cộng sản, những người mác xít và nói chung của giai cấp công nhân hoạt động trong những địa bàn khác nhau của cách mạng thế giới: ở nước xã hội chủ nghĩa, ở nước tư bản chủ nghĩa, và ở những nước thuộc địa và phụ thuộc. Những tư tưởng về chủ nghĩa quốc tế vô sản mà Lê-nin nêu ra, đã và đang có giá trị chỉ đạo lớn đối với sự nghiệp cách mạng và hòa bình của nhân dân thế giới hiện nay và lâu dài về sau.

Nghiên cứu chủ nghĩa quốc tế vô sản, chúng ta không thể không ghi nhớ câu nói nổi tiếng sau đây của Lê-nin: «Chỉ có một chủ nghĩa quốc tế thật sự, duy nhất và độc nhất là: làm việc quên mình cho sự phát triển của phong trào cách mạng và của cuộc đấu tranh cách mạng ở trong nước mình, ủng hộ (bằng sự tuyên truyền, bằng sự đồng tình, bằng một sự giúp đỡ vật chất) cũng cuộc đấu tranh ấy, cũng đường lối ấy, và chỉ đường lối ấy mà thôi, trong tất cả các nước không trừ một

nước nào» (7). Lê-nin còn nói thêm rằng, chủ nghĩa quốc tế vô sản đòi hỏi: «1) Lợi ích đấu tranh của giai cấp vô sản trong một nước phải phục tùng lợi ích đấu tranh của giai cấp vô sản trong phạm vi quốc tế; 2) các dân tộc đã thắng giai cấp tư sản, phải có khả năng và tự nguyện chịu đựng những hy sinh rất lớn của dân tộc mình để lật đổ tư bản quốc tế» (8).

Xem thế đủ thấy rằng, chủ nghĩa quốc tế vô sản, theo tinh thần của Mác, Ăng-ghe-n và Lê-nin, kết hợp hài hòa trong bản thân nó hai yếu tố dân tộc và quốc tế, kết hợp đúng đắn những lợi ích quốc tế và những lợi ích dân tộc—những lợi ích này được xem một cách chỉ lý như là sự thống nhất biện chứng của các mặt đối lập, khi mà «cái chung chỉ tồn tại trong cái riêng, thông qua cái riêng. Mọi cái riêng (thể này hoặc thể khác) cũng là cái chung. Mọi cái chung là (một bộ phận, hoặc một mặt, hoặc bản chất) của cái riêng» như Lê-nin đã nói. Với đặc tính như vậy, chủ nghĩa quốc tế vô sản vừa chống lại chủ nghĩa dân tộc hẹp hòi, chủ nghĩa dân tộc vị kỷ và chủ nghĩa dân tộc số vạnh là những cái, do tính ích kỷ của chúng mà chỉ quan tâm đến lợi ích dân tộc mình, còn thì coi thường, thậm chí xâm phạm đến lợi ích chính đáng của các dân tộc khác, cũng tức là xâm phạm đến lợi ích chung của giai cấp vô sản và nhân dân toàn thế giới; lại vừa chống lại chủ nghĩa hư vô dân tộc, phủ nhận sự tồn tại của dân tộc và các lợi ích dân tộc. Xét về bản chất, các dạng tư tưởng sai lầm nói trên đều là những biểu hiện của chủ nghĩa dân tộc tư sản và tiêu tư sản, nảy sinh trên cơ sở lợi ích ích kỷ của các giai cấp phi vô sản, chủ yếu là của giai cấp tư sản bóc lột. Chúng

(7) V.I. Lê-nin: *Tuyên tập*, Nxb Sự thật, Hà Nội, 1960, quyển II, phần 1, tr. 36.

(8) V.I. Lê-nin: *Tuyên tập*, Sách đã dẫn, phần II, tr. 430.

không có gì giống với chủ nghĩa quốc tế vô sản chân chính của chủ nghĩa Mác - Lê-nin cả.

Cũng như mọi sự vật khác, chủ nghĩa quốc tế vô sản có tính lịch sử của nó. Nó nảy sinh và phát triển cùng với sự ra đời và phát triển thắng lợi của phong trào cách mạng của giai cấp công nhân quốc tế. Đương nhiên, *bản chất* của chủ nghĩa quốc tế vô sản với ý nghĩa là tinh đoàn kết của giai cấp công nhân, của những người cộng sản ở tất cả các nước trong cuộc đấu tranh cho những mục đích chung, với ý nghĩa là tinh đoàn kết của họ với cuộc đấu tranh của các dân tộc cho sự giải phóng dân tộc và tiến bộ xã hội, với ý nghĩa là sự hợp tác tự nguyện của các đảng anh em trong việc tôn trọng triệt để sự bình đẳng và độc lập của mỗi đảng, thì không bao giờ thay đổi. Song *nội dung* của chủ nghĩa quốc tế vô sản thì luôn luôn phong phú thêm, và những hình thức thể hiện của nó cũng rất đa dạng và thay đổi tùy theo những điều kiện lịch sử khác nhau, tùy theo địa điểm và thời gian. Về mặt này, chúng ta đã từng thấy sự phong phú thêm về nội dung của chủ nghĩa quốc tế vô sản trong thời Lê-nin so với thời hoạt động của Mác và Ăng-ghe-n. Và trong thời đại ngày nay, khi mà độc lập dân tộc, dân chủ và chủ nghĩa xã hội gắn liền với nhau; khi mà ba dòng thác cách mạng đang tiến công vào chủ nghĩa đế quốc thế giới, chủ nghĩa quốc tế vô sản không thể không bao hàm trong nó những mục tiêu độc lập dân tộc, dân chủ và chủ nghĩa xã hội gắn bó hữu cơ với nhau, không thể không thu hút thêm những lực lượng cách mạng mới vào cuộc đấu tranh chung chống chủ nghĩa đế quốc quốc tế.

Trong lịch sử, chủ nghĩa quốc tế vô sản đã phát triển qua nhiều giai đoạn khác nhau. Song nếu xét một cách tổng quát thì có hai giai đoạn lớn sau đây: giai đoạn giai cấp vô sản còn bị

áp bức, bóc lột, đang đấu tranh giành chính quyền, và giai đoạn giai cấp công nhân đã giành được chính quyền, trở thành lực lượng lãnh đạo chính quyền Nhà nước trong nhiều nước. Tương ứng với sự chuyển biến giai đoạn ấy là sự biến đổi chủ nghĩa quốc tế vô sản thành *chủ nghĩa quốc tế xã hội chủ nghĩa*. Điểm nút của sự biến đổi chủ nghĩa quốc tế lên một giai đoạn cao hơn về chất lượng được đánh dấu không chỉ bằng sự thay đổi căn bản trong hoàn cảnh xã hội và những điều kiện hoạt động của giai cấp công nhân trở thành giai cấp thống trị, không chỉ bằng sự thay đổi của đảng tiên phong của giai cấp công nhân thành đảng lãnh đạo chính quyền Nhà nước, mà còn bằng cả sự xuất hiện những nhiệm vụ mới mà giai cấp công nhân và đảng của nó phải đương đầu: đó là việc xây dựng chủ nghĩa xã hội, việc bảo vệ những thành quả của cách mạng, việc tổ chức sự hợp tác với các nước xã hội chủ nghĩa khác, việc củng cố những vị trí quốc tế của chủ nghĩa xã hội thế giới. Tất cả những cái đó, gộp lại, quyết định những nét mới của chủ nghĩa quốc tế xã hội chủ nghĩa.

Mối quan hệ giữa các nước xã hội chủ nghĩa dựa trên cơ sở chủ nghĩa Mác - Lê-nin và chủ nghĩa quốc tế xã hội chủ nghĩa. Trong quan hệ quốc tế giữa các nước xã hội chủ nghĩa với nhau, chủ nghĩa quốc tế xã hội chủ nghĩa bao gồm cả một hệ thống những nguyên tắc cấu thành, bao gồm: tinh hữu nghị bền chặt, sự hợp tác đa dạng, những hoạt động phối hợp và tương trợ thân ái trong công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội cũng như trong việc bảo vệ những thành quả xã hội chủ nghĩa, sự tôn trọng chủ quyền và độc lập của nhau, sự không can thiệp vào công việc nội bộ của nhau, bình đẳng, tự nguyện và cùng có lợi. Những nguyên tắc này đã được thể hiện trong thực tiễn quan hệ giữa các

nước xã hội chủ nghĩa với nhau, đặc biệt là được phản ánh trong những hiệp ước hữu nghị, hợp tác và tương trợ ký kết giữa hai bên.

Thực tiễn chứng tỏ rằng, chủ nghĩa quốc tế xã hội chủ nghĩa là một nguồn sức mạnh to lớn góp phần tăng cường nhanh chóng hệ thống xã hội chủ nghĩa thế giới — lực lượng có tác dụng quyết định đối với chiều hướng phát triển của xã hội loài người, đối với việc đẩy mạnh cuộc đấu tranh của nhân dân thế giới vì những mục tiêu cao cả của thời đại. Sức mạnh của chủ nghĩa quốc tế xã hội chủ nghĩa thể hiện đặc biệt rõ rệt trong hoạt động có hiệu quả của Hội đồng, tương trợ kinh tế cũng như của các nước trong Hiệp ước Vác-sa-va.

Gần 3/4 thế kỷ qua, bộ mặt chính trị của thế giới đã có sự biến đổi căn bản theo hướng ngày càng có lợi cho các lực lượng xã hội chủ nghĩa, độc lập dân tộc, dân chủ và hòa bình. Tình hình đó sẽ không thể nào có được nếu không có tình đoàn kết quốc tế giữa giai cấp công nhân ở tất cả các nước, không có liên minh chiến lược giữa hệ thống xã hội chủ nghĩa thế giới với phong trào giải phóng dân tộc và phong trào vô sản trong các nước tư bản chủ nghĩa, không có chủ nghĩa quốc tế vô sản. Và nhân loại sẽ không bao giờ quên công ơn của những người cộng sản và nhân dân Liên xô được giáo dục sâu sắc theo tinh thần quốc tế chủ nghĩa của Lê-nin, đã có sự đóng góp to lớn nhất vào quá trình cách mạng thế giới, cũng như vào sự nghiệp bảo vệ hòa bình trên trái đất.

Tất cả những tình hình đó chứng tỏ rằng: thực hiện sự đoàn kết giữa giai cấp công nhân nước này với giai cấp công nhân tất cả các nước khác, thực hiện chủ nghĩa quốc tế vô sản, là một quy luật có ý nghĩa phổ biến của cách mạng xã hội chủ nghĩa và xây dựng chủ nghĩa xã hội.

Hiện nay, tình hình thế giới hơn lúc nào hết đòi hỏi phải tăng cường tình đoàn kết chiến đấu giữa ba dòng thác cách mạng của thời đại, cũng như giữa các lực lượng cách mạng và hòa bình trên trái đất; chỉ có như vậy mới đập tan được sự phản kích của chủ nghĩa đế quốc quốc tế, đứng đầu là Mỹ, bảo đảm cho sự nghiệp cách mạng thế giới phát triển không ngừng, bảo đảm cho hòa bình thế giới được bảo vệ vững chắc chống những mưu toan điên rồ của bọn đế quốc muốn đẩy loài người vào một cuộc chiến tranh hạt nhân hủy diệt toàn cầu. Và cũng như trước đây, việc thực hiện chủ nghĩa quốc tế vô sản đòi hỏi phải kiên quyết đấu tranh chống mọi biểu hiện của chủ nghĩa dân tộc tư sản và tiểu tư sản, trong đó chủ nghĩa dân tộc nước lớn của Bắc kinh là biểu hiện cực đoan tệ hại nhất. Nó cũng đòi hỏi phải đấu tranh chống mọi luận điệu xuyên tạc, thậm chí phủ định chủ nghĩa Mác — Lê-nin, cơ sở tư tưởng duy nhất của tình đoàn kết giữa giai cấp công nhân tất cả các nước, của chủ nghĩa quốc tế vô sản.

Ở nước ta quy luật phổ biến nói trên đã được vận dụng sáng tạo trong quá trình cách mạng xã hội chủ nghĩa và xây dựng chủ nghĩa xã hội, kể từ khi Đảng ta ra đời và lãnh đạo cách mạng Việt nam.

Mọi người đều biết rằng, Chủ tịch Hồ Chí Minh, người sáng lập ra Đảng ta, chẳng những là một nhà yêu nước nhiệt thành mà cũng là một chiến sĩ quốc tế vĩ đại, Người là tượng trưng cao đẹp nhất cho sự kết hợp nhuần nhuyễn lòng yêu nước nồng nàn với tinh thần quốc tế vô sản trong sáng. Sở dĩ như vậy là vì Người đã thấm nhuần sâu sắc chủ nghĩa Mác — Lê-nin — học thuyết cách mạng vĩ đại của giai cấp công nhân quốc tế, sử dụng học thuyết ấy vào sự nghiệp giải phóng dân tộc và giải phóng giai cấp, và thể hiện nhất quán trong suốt cuộc đời cách

mạng vĩ đại của mình chủ nghĩa quốc tế vô sản của học thuyết ấy.

Dưới ánh sáng của chủ nghĩa Mác-Lênin, Hồ Chủ tịch đã sớm thấy rằng: « Chủ nghĩa tư bản là một con đũa có một cái vôi bám vào giai cấp vô sản ở chính quốc và một cái vôi khác bám vào giai cấp vô sản ở thuộc địa. Nếu muốn giết con vật ấy, người ta phải đồng thời cắt cả hai vôi. Nếu người ta chỉ cắt một vôi thôi, thì cái vôi còn lại kia vẫn tiếp tục hút máu của giai cấp vô sản, con vật vẫn tiếp tục sống và cái vôi bị cắt đứt lại sẽ mọc ra » (9). Từ đó, Người chủ trương rằng: muốn đánh đổ chủ nghĩa đế quốc, phải kết hợp cách mạng của các dân tộc thuộc địa với cách mạng của giai cấp vô sản ở các nước đế quốc, coi đó là hai cái cánh của cách mạng vô sản thế giới. Người nhấn mạnh « Cuộc cách mạng giải phóng trong các nước bị áp bức và cuộc cách mạng vô sản trong nước đi áp bức phải ủng hộ lẫn nhau » (10). Đặc biệt, Người luôn luôn giáo dục cho nhân dân ta lòng biết ơn đối với nhân dân Liên xô, người đi tiên phong trong sự nghiệp giải phóng nhân loại, cũng như đối với Lê-nin - vị lãnh tụ vĩ đại rất quan tâm đến số phận đau khổ của nhân dân và các dân tộc bị áp bức, và chỉ ra cho họ con đường đấu tranh để tự giải phóng khỏi ách thống trị của chủ nghĩa đế quốc.

Dưới sự lãnh đạo và giáo dục của Hồ Chủ tịch, Đảng ta ngay từ đầu đã đi theo con đường cách mạng đúng đắn: đó là con đường cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân tiến lên cách mạng xã hội chủ nghĩa, con đường kết hợp đúng đắn lợi ích dân tộc với lợi ích quốc tế, con đường đoàn kết chặt chẽ với giai cấp công nhân và nhân dân lao động toàn thế giới trong cuộc đấu tranh chống chủ nghĩa đế quốc, vì sự nghiệp giải phóng dân tộc và giải phóng xã hội.

Những thắng lợi vĩ đại của cách mạng nước ta trong hơn nửa thế kỷ

qua số dĩ có được chủ yếu là do sự phấn đấu đầy hy sinh của giai cấp công nhân và nhân dân ta do Đảng lãnh đạo. Song những thắng lợi ấy cũng hoàn toàn không thể tách rời sự ủng hộ và giúp đỡ quốc tế, trước hết là của Liên xô và các nước xã hội chủ nghĩa anh em khác. Đương nhiên, về phần mình, giai cấp công nhân và nhân dân ta cũng có quyền tự hào chính đáng là đã góp phần xứng đáng vào sự nghiệp cách mạng thế giới, nhất là sự nghiệp giải phóng của các dân tộc bị áp bức. Và nhân dân ta làm được điều đó, không chỉ bằng cuộc đấu tranh cách mạng trên lãnh thổ nước mình, nhất là bằng sự nghiệp chống Mỹ, cứu nước vĩ đại, mà còn trực tiếp làm nghĩa vụ quốc tế với các dân tộc anh em trên bán đảo Đông dương.

Tổng kết những kinh nghiệm cách mạng Việt nam và những bài học của Cách mạng Tháng Mười Nga, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nêu lên một cách chỉ lý bài học sau đây:

— « Kết hợp chặt chẽ lòng yêu nước với tình thân quốc tế vô sản, trong cách mạng giải phóng dân tộc cũng như trong cách mạng xã hội chủ nghĩa. Trong thời đại ngày nay, cách mạng giải phóng dân tộc là một bộ phận không thể tách rời của cách mạng vô sản trong phạm vi toàn thế giới, cách mạng giải phóng dân tộc phải phát triển thành cách mạng xã hội chủ nghĩa thì mới giành được thắng lợi hoàn toàn. Thắng lợi của cuộc đấu tranh vì độc lập, tự do của các dân tộc gắn liền với sự ủng hộ và giúp đỡ tích cực của phe xã hội chủ nghĩa và của phong trào công nhân ở các nước tư bản chủ nghĩa.

« Giai cấp vô sản và các dân tộc bị áp bức đoàn kết lại ». Lời kêu gọi

(9) Hồ Chí Minh: *Kết hợp chặt chẽ lòng yêu nước với tình thân quốc tế vô sản*. NXB Sự thật, Hà Nội, 1976, tr. 57.

(10) Sách đã dẫn, tr. 137.

thiêng liêng ấy của Lê-nin còn vang mãi bên tai chúng ta, nhắc nhở chúng ta luôn luôn bảo vệ và tăng cường tinh đoàn kết vĩ đại giữa các lực lượng cách mạng vì lợi ích chung của giai cấp công nhân và của loài người » (11).

Lời nhắc nhở đó của Hồ Chủ tịch sẽ được Đảng và nhân dân ta nhất quán thực hiện bằng cách đẩy mạnh sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa, tiếp tục làm trọn nghĩa vụ quốc tế

của mình đối với nhân dân Cam-pu-chia và nhân dân Lào anh em, đồng thời tăng cường sự hợp tác tương trợ với các nước xã hội chủ nghĩa anh em, tăng cường tinh đoàn kết chiến đấu với các đảng cộng sản, giai cấp công nhân và nhân dân lao động toàn thế giới vì thắng lợi của sự nghiệp đấu tranh cho những mục tiêu cao cả của thời đại là : hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và chủ nghĩa xã hội.

(11) Hồ Chí Minh : Sách đã dẫn, tr. 200—201.

Một thắng lợi quan trọng...

(tiếp theo trang 35)

kiên định đối với chúng, sẵn sàng và kiên quyết đánh bại chúng. Đó cũng là thước đo trình độ giác ngộ chính trị, lập trường, ý chí chiến đấu, phẩm chất cách mạng của mỗi người. Chỉ có trên cơ sở đó, chúng ta mới không lo là cảnh giác cách mạng, mới nâng cao bản lĩnh chiến đấu, tỉnh táo không bị lừa gạt bởi những trò bịp bợm, những thủ đoạn chiến tranh tâm lý hết sức xảo quyệt của kẻ địch, luôn luôn sẵn sàng và nhảy bèn trong cuộc đấu tranh chống lại chúng, có những biện pháp tích cực, chủ động phòng ngừa và chống trả có hiệu quả đối với mọi âm mưu và hành động phá hoại, xâm lược của chúng.

Hiện nay, kẻ thù của chúng ta đang ráo riết đẩy mạnh cuộc chiến tranh

phá hoại về nhiều mặt, leo những nấc thang mới về quân sự cực kỳ nguy hiểm trên tuyến biên giới phía bắc nước ta, cùng với bọn tay sai tiến hành những hoạt động chống phá mới ở Lào và Cam-pu-chia. Cuộc đấu tranh chống bọn bành trướng bá quyền Trung quốc để bảo vệ Tổ quốc Việt nam xã hội chủ nghĩa gắn chặt với cuộc đấu tranh giữa con đường xã hội chủ nghĩa và con đường tư bản chủ nghĩa ở nước ta đang diễn ra rất phức tạp, quyết liệt. Nhân dân ta cũng như nhân dân Lào và Cam-pu-chia, nhân dân Đông Nam Á và thế giới còn phải cảnh giác rất cao, cảnh giác lâu dài với âm mưu và hành động phá hoại, xâm lược của bọn bành trướng bá quyền Trung quốc và các thế lực đế quốc hiếu chiến.

Sinh hoạt tư tưởng

« LIÊN HOAN »

TRONG đời sống thường ngày thiếu gì những cuộc liên hoan: liên hoan mừng một đám cưới, một đứa con đầu lòng ra đời; liên hoan chào đón một công trình mới dựng; liên hoan nhân dịp hội nghị tổng kết công tác, nhân những ngày lễ, ngày tết v.v. Vào những dịp đó, người ta gặp gỡ nhau, tay bắt mặt mừng, nâng cốc chúc nhau, mừng cho nhau và tự hào về nhau.

Đó là những cuộc liên hoan theo đúng nghĩa chân chính của nó.

Song giờ đây, ở nhiều nơi đang có không ít những cuộc « liên hoan » không còn đúng tính chất và ý nghĩa chân chính của nó nữa. Người ta liên hoan lu bù, đánh chén bữa bãi, tiêu tốn rất nhiều tiền của của Nhà nước và tập thể. Có những cuộc họp chẳng cần liên hoan họ cũng bày đặt ra đề chè chén. Có những cuộc liên hoan chỉ nên làm vừa mức thì họ cũng phóng cho to ra, tiệc tùng nhậu nhẹt linh đình. Thôi thì đủ kiểu, đủ cách: nào tiệc mặn, tiệc ngọt, nào tiệc đứng, tiệc ngồi; nơi này rượu Na-pô-lê-ông chính hiệu, nơi kia « chất cay » mười phần nếp cái; cơ quan kinh tế ăn theo « dạng kinh tế », cơ quan văn hóa ăn theo « một văn hóa »; nơi đặc sản này, nơi đặc sản khác; ăn công khai và cả ăn bí mật, dấm dúi... Sang trọng đến mức trong thực đơn

thấy có cả yến sào và tôm hùm nguyên con !

Ăn uống, chè chén đang trở thành một cái « mốt » của nhiều nơi, nhiều đơn vị. Dường như họp mà không có ăn thì không thành họp; ban tổ chức cảm thấy day dứt như thiếu một cái gì, hình như mình « ki bo », kém cỏi (!). Và nếu có tiếp khách, ăn uống thấp hơn nơi khác một tý thì họ bần khoả, không chịu được. Đối với họ, không ăn thì thôi, đã ăn là phải ăn ra trò. Người ta đua nhau, tranh tài cả trong chuyện liên hoan đánh chén !

Ta hãy xem một cơ quan nọ tổ chức hội nghị sơ kết công tác như thế nào? Các đại biểu được tiếp đãi ra sao? Thoạt đầu đại biểu được mời lót dạ một tô phở nóng, giữa buổi « đệm » chiếc ga tô, vài hộp bia hoặc cốc cà phê giải khát; thuốc lá đầu lọc, nước chè mốc cầu, khói bay nghi ngút, đậm đà hương vị. Trên bục, chủ tọa thao thao bất tuyệt. Dưới nhà, dịch vụ ngược xuôi như con thoi. Khách cứ việc ngồi lim dim mà nghe, mà gật gù. Rồi trưa đến sẽ được mời xơi « chén rượu nhạt », gọi là để mừng thành tích chung. Nói là « rượu nhạt » nhưng khi nhìn vào bàn ăn, khách mới thấy rõ tài của chủ. Chiều ra về mỗi đại biểu còn được gửi theo một gói nhỏ, chút đặc sản quê nhà làm quà cho các

cháu. Thật đúng là « sáng kính thưa, trưa kính mời, chiều kính biểu »!...

Đó là hội nghị sơ kết, tổng kết công tác. Các loại hội nghị khác như hội nghị mừng công, tập huấn, chuyên đề... đại loại cũng phỏng theo « mô típ » đó, cũng có chuyện ăn uống bằng hoặc hơn thế. Thậm chí có nơi họp bàn về tiết kiệm, về công trái cũng phải có lòng lợn, tiết canh, « nâng lên đặt xuống »; có trường họp nhận một cái bằng khen mà cũng mổ bò ăn mừng! Rồi còn những cuộc đón khách, đưa khách, khách có chức có quyền cấp trên, khách thanh tra, kiểm tra, khách tham quan, trao đổi kinh nghiệm, khách ban thi đua, khách nhà báo khách chi nhánh ngân hàng, phòng vật tư, bạn hàng kinh tế... Toàn những « sự kiện quan trọng » cả, chẳng lẽ không tổ chức chu đáo, không tiếp đãi nồng hậu! Và thế là người ta có biết bao nhiêu dịp để liên hoan, đề thù tiếp. Liên hoan, thù tiếp một ngày, cũng có khi diễn ra lai rai vài ba ngày.

Thật ra, nhiều người chẳng thích thú gì cái chuyện ăn uống tốn kém, mệt người như thế. Trong hoàn cảnh còn khó khăn, thiếu thốn đủ thứ, phải chạy vạy ngược xuôi để lo cho được một bữa liên hoan hoặc một buổi tiếp khách là điều cực chẳng đã mà họ phải làm. Nếu gặp phải những vị khách lại « gọi ý » về việc ăn sang thì họ càng ngán ngẩm. Nhưng cũng có những người thích đánh chén thật sự. Họ cho rằng gặp nhau mà có chút « nhấm nháp » mới vui, họp mà có liên hoan mới xôm trò. Vả lại có như thế, cán bộ, nhân viên mới được dịp « cái thiện »!

Chúng ta không phản đối những cuộc liên hoan chính đáng, những cuộc tiếp khách cần thiết. Một hội nghị có đại biểu từ nhiều nơi xa về dự, việc tổ chức ăn uống chung với mức khá khá một chút là chuyện bình thường. Một địa phương, một đơn vị có khách

về công tác cần phải đón tiếp chu đáo là việc đáng làm. Nhân một ngày vui có thể tổ chức liên hoan chung đề cổ vũ, động viên phong trào quần chúng, đó là điều nên có. Nhưng chúng ta không thể đồng tình với những cuộc « liên hoan » chèn chèn vượt quá tính chất và giới hạn của nó, làm tốn kém quá nhiều tiền của, thời gian của Nhà nước và tập thể. Trong hoàn cảnh hiện nay của đất nước, cần phải đề rất cao vấn đề tiết kiệm. Tiết kiệm chẳng những là quốc sách, là vấn đề chiến lược, vấn đề kinh tế, mà còn là lương tâm, là tình cảm của mỗi người chúng ta. Mỗi đồng tiền, bát gạo là một vật báu thấm đượm mồ hôi, nước mắt và cả máu của đồng bào, chiến sĩ ta. Biết bao người trên đèo tựa tiền tiêu, ngoài hải đảo đang còn thiếu thốn đủ mọi thứ! Bao sản phẩm công nghiệp đang mong mỏi giảm giá thành từng hào, từng đồng! Bao thửa ruộng đang cần một liều thuốc trừ sâu, một cân phân đạm! Trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc đã có rất nhiều tấm gương tập thể và cá nhân hằng ngày hằng giờ chắt chiu từng đồng tiền, từng giọt dầu, cân than... chạy đua với thời gian giành nhiều thành tích trong sản xuất và chiến đấu. Có những đảng bộ và chính quyền địa phương phải cố gắng lắm mới có thể cấp thêm cho mỗi cháu ở nhà trẻ một tháng 10 đồng bù vào suất ăn trưa. Thế mà ở nơi này nơi nọ lại có những cuộc « ăn xả láng », chi hàng nghìn đồng cho mỗi suất. Có trường học chi vài trăm người, một bữa ăn mừng đón Huân chương mà đã ngốn hết 120 000 đồng! Một hội nghị của Bộ nọ, riêng khoản chiêu đãi, ngủ, nghỉ ở khách sạn đã tiêu hết gần một triệu đồng; trong khu vực khách sạn trên địa bàn một thành phố nọ mới tính sơ sơ các khoản chi phí liên hoan, tiếp đón khách trong 6 tháng đã hết hàng tỷ đồng!... Một năm các địa phương, các đơn vị có bao nhiêu cuộc họp, bao nhiêu kỳ tiếp khách! Sẽ là bao nhiêu

tỷ đồng, bao nhiêu tấn gạo, tấn thịt, bao nhiêu sản vật quý bị tiêu hao vô ích trong cả nước! Miệng ăn núi lở Nghĩ mà giật mình!

Đó là chưa kể sự lãng phí sức người, lãng phí thời gian. Tiếp khách thì phải có chủ, liên hoan thì phải có người nấu nướng, phục vụ. Nào là khách, nào là chủ, đại biểu chính thức ăn thì những người phục vụ cũng phải ăn, đây là lẽ đương nhiên. Đã có hội nghị 500 đại biểu mà huy động đến 400 nhân viên phục vụ, định làm trong 3 ngày mà kéo dài tới 7 ngày. Tổng kém không biết bao nhiêu mà kè. Và cũng đã có không ít lời chê trách.

Điều cần chú ý nữa là những cuộc liên hoan linh đình như thế có khi cũng là đầu mối của nhiều nỗi bất hòa, mất đoàn kết nội bộ, là nguyên nhân phát sinh những thói nghiện ngập, nhậu nhẹt, nói năng tùy tiện, vói vỉnh, biền lận, làm biến chất con người. Chung quanh mâm cơm, chén rượu không phải không có những chuyện tiêu cực đã xảy ra. Có kẻ đã lợi dụng bữa liên hoan chiêu đãi làm phương tiện để khoa trương thành tích, hoặc che giấu tội lỗi, lừa dối cấp trên, hoặc lừa bịp dư luận, vô vàn, ve vuốt những người có chức có quyền, móc ngoặc, tham ô vật tư, hàng hóa của Nhà nước. Thực tế đã chẳng có những anh «dục nước béo cò», tư túi, biền thủ nhân những «vụ đánh chén» đó sao? Chẳng phải đã có một số người «há miệng mắc quai» vì những bữa «chén thủ chén tạc» đó sao?

Chắc có người sẽ đặt câu hỏi người ta lấy tiền, lấy lương thực, thực phẩm ở đâu để chi cho những cuộc «liên hoan», tiếp khách vung tay quá trán như vậy? Xin thưa: có nhiều cách lắm. Những vị «trưởng trò liên hoan» có rất nhiều «phép» để «biến tấu». Họ có thể «khoán» cho những đơn vị đăng cai hội nghị (thường là những

đơn vị điển hình, hoặc lâu nay ít khách về thăm, hoặc là nơi có danh lam thắng cảnh); có thể nhờ các cơ quan, các địa phương «kết nghĩa» phụ giúp; có thể «xuống lệnh» cho các đơn vị cấp dưới đóng góp tiền hoặc hiện vật; có thể vận dụng «sáng tạo», «linh hoạt» các chế độ, chính sách của Nhà nước. Đại thể như lấy khoản này đập vào khoản nọ; «xà xê», nhập nhèm giữa giá ngoài và giá trong; chêm dẽm, thêm bớt vào danh sách những người dự; đưa ra những số liệu ma, những chứng từ giả, «làm xiếc» để có tiền mặt chi dùng v.v. và v.v.

Càng ngắm càng thấy chuyện «liên hoan» đánh chén là có nhiều cái hai Hại về kinh tế, tài chính, hại về đạo đức, phẩm giá con người. Nó tạo ra một thói xấu, một nếp sống không lành mạnh trong xã hội. Nó gây ra một tâm lý, một thông lệ cứ hạp là phải có ăn, cứ khách đến là phải đánh chén, chẳng khác gì hủ tục «việc làng» của các ông chánh, ông lý ngày xưa. Không phải ngẫu nhiên mà Đảng và Nhà nước ta đã nhiều lần phê phán thói tệ này. Khi còn sống, Hồ Chủ tịch luôn nhắc nhở cán bộ, đảng viên phải gương mẫu trước quần chúng, chống mọi thứ liên hoan chè chén lãng phí, thực hành chặt chẽ chế độ tiết kiệm. Bác gọi những thói «liên hoan lu bù» là «thiếu đạo đức cách mạng». Thiếu đạo đức cách mạng là vì «dần người ta làm cả ngày cả đêm mà một số ít người thì dụng tới cái gì cũng chén, mà lại chén nhiều chứ không phải chén ít!» (1).

Rõ ràng là đã đến lúc cần kiên quyết bằng mọi cách xóa bỏ tệ «liên hoan» chè chén lu bù này.

DƯƠNG TÙNG.

(1) Hồ Chí Minh: Về xây dựng Đảng. Nxb Sự thật, Hà Nội, 1982, tr. 218.

Trao đổi ý kiến

XÂY DỰNG LỐI SỐNG XÃ HỘI CHỦ NGHĨA Ở VIỆT NAM HIỆN NAY

LỜI Bộ biên tập—Vừa qua, Tạp chí Cộng sản mở hội nghị khoa học về xây dựng lối sống xã hội chủ nghĩa ở Việt nam hiện nay. Tham dự hội nghị có các đồng chí: Hà Xuân Trường, Trần Độ, Vũ Mão, Nông Quốc Chấn, Quang Đạm, Hồng Long, Bùi Văn Nguyên, Lê Anh Trà, Trương Lai, Phan Lang, Đức Minh, Võ Quý, Bùi Đăng Duy, Đặng Thanh Lê, Đỗ Huy, Bùi Ngọc Trinh, Hoàng Vinh, Lê Việt Thu... Hội nghị đã bàn về các vấn đề lối sống và nếp sống, lối sống và phương thức sản xuất, đánh giá thực trạng lối sống hiện nay ở nước ta, khẳng định chúng ta hoàn toàn có thể, ngay trong chặng đường trước mắt này, bước đầu tạo ra được một xã hội đẹp về lối sống tuy mức sống vật chất còn chưa cao; đề ra những biện pháp lớn nhằm xây dựng lối sống xã hội chủ nghĩa ở Việt nam, đẩy mạnh cuộc vận động thực hiện nếp sống mới theo chỉ thị ngày 25-10-1984 của Ban bí thư Trung ương Đảng.

Vì số trang có hạn, chúng tôi trích đăng một số ý kiến rút từ các bản tham luận phong phú và nhiều vẻ ở hội nghị này.

HÀ XUÂN TRƯỜNG:

... Lối sống là sự thể hiện đời sống thông qua cách thức và các hình thức hoạt động xã hội có liên quan trực tiếp hoặc gián tiếp đến sản xuất, theo những lý tưởng nhất định. Cùng một nội dung với đời sống, nhưng sống như thế nào, sống cách nào, sống theo lý tưởng nào, đó là lối sống. Nói một cách khác, lối sống là văn hóa của đời sống. Ở nước ta, trong cách sử dụng hàng ngày, kể cả trong văn bản của Đảng và Nhà nước, danh từ lối sống và nếp sống thường được dùng theo một khái niệm giống nhau. Tôi nghĩ rằng về mặt học thuật nên có sự phân biệt rành rọt thì tốt hơn. Lối sống là một khái niệm mang tính khái quát hơn nếp sống. Nếp sống là những mặt cụ thể của lối sống đã trở nên thường ngày, ăn sâu vào đời sống như những

tập quán, nghĩa là đã thành "nếp". Có lẽ chữ "lối" làm cho người ta dễ nghĩ đến cách thức, hình thức bề ngoài, nhưng danh từ nào cũng mang ít nhiều tính ước lệ và nhiều khi do thói quen.

Mặc đã từng nói: mỗi phương thức sản xuất tạo nên một phương thức sinh sống tương ứng. Cả lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất đều chi phối, quyết định lối sống của một xã hội. Tiêu chuẩn hàng đầu của lối sống xã hội chủ nghĩa ở nước ta là sống bằng lao động của mình, sống với cái mà nền kinh tế đất nước có thể bảo đảm được, đó là lối sống phù hợp với quy luật phát triển kinh tế và lý tưởng xã hội chủ nghĩa. Hưởng thụ vật chất thoát ra ngoài điều kiện kinh tế của đất nước cho phép thường gây nên sự mất cân đối của nền kinh tế, từ đó gây rối loạn trong xã hội. Phân phối

không phản ánh quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa càng làm cho sự hỗn loạn trên trầm trọng thêm. Nhưng lối sống không chỉ phụ thuộc vào phương thức sản xuất, tự nó chứa đựng một sự tồn tại bản thân, mặc dù là tương đối, nó hình thành và phát triển theo quy luật tương đối độc lập của văn hóa. Theo tôi, lối sống vừa chịu sự quy định của kinh tế, vừa chịu sự quy định của văn hóa, nhưng nó nằm trong quỹ đạo của văn hóa, nó thể hiện trình độ văn hóa của một dân tộc. Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc thứ V của Đảng đề ra bước đầu tạo nên một xã hội đẹp về lối sống, trong lúc nền kinh tế ta chưa phát triển cao. Đó là một luận điểm chính xác. Nhất trí với luận điểm ấy, chúng ta thấy nhân sinh quan, thế giới quan và tư tưởng xã hội giữ vai trò quyết định đối với một lối sống. Lối sống phong kiến, lối sống tư sản hay lối sống xã hội chủ nghĩa tùy thuộc ở nhân sinh quan, thế giới quan, lý tưởng xã hội phong kiến, tư bản hay xã hội chủ nghĩa.

Một cuộc đấu tranh tư tưởng và văn hóa đang diễn ra trên thế giới giữa chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa tư bản. Trong cuộc đấu tranh này, sự giành giật thế hệ trẻ bằng truyền bá lối sống đang diễn ra theo nhiều phương thức, nhiều con đường khác nhau, trước hết là trên lĩnh vực tư tưởng và văn hóa, nghệ thuật. Từ các «mốt» quần áo, tóc, lông mày, lông mi đến các sinh hoạt ca nhạc, nhảy múa, phim ảnh và văn học, nghệ thuật khác, từ các hình thức trao đổi văn hóa, du lịch đến các liên hoan quốc tế, các nước tư bản đang cố chứng minh cho tính «ưu việt» của lối sống tư sản, và đế quốc Mỹ hơn mình hơn tự cho «lối sống Mỹ» là cao nhất. Khác với giai cấp phong kiến cổ tách biệt lối sống của tầng lớp quý tộc với lối sống của nhân dân bị khống chế bởi hệ tư tưởng của chúng, giai cấp tư sản phá vỡ sự ngăn

cách ấy, tạo nên lối sống tư sản như một cái gì phi giai cấp, phi dân tộc, «lối sống của mọi người». Những thập kỷ gần đây, các nước tư bản chủ nghĩa, giai cấp tư sản quốc tế dùng mọi thủ đoạn tiến công bằng cách tuyên truyền cho lối sống của chúng. Chưa bao giờ lực lượng thông tin đại chúng của chúng được sử dụng với một mức độ kinh khủng như ngày nay để truyền bá lối sống tư sản. Về thực chất, đó là sự truyền bá nhân sinh quan và thế giới quan tư sản trong thời kỳ suy thoái của chủ nghĩa tư bản, và cuộc đấu tranh về lối sống thực chất là cuộc đấu tranh về tư tưởng, về nhân sinh quan, về thế giới quan lâu dài và kiên nhẫn giữa giai cấp tư sản và giai cấp công nhân, giữa chủ nghĩa tư bản và chủ nghĩa xã hội. Vì vậy, xây dựng lối sống xã hội chủ nghĩa không chỉ là công việc tổ chức, hướng dẫn, mà trước hết là giáo dục, giáo dục từ bé, từ hình thức thấp đến hình thức cao, nhân sinh quan và thế giới quan Mác - Lênin, giáo dục đức tính người công dân mới cùng với những hình thức giao tiếp, xử lý mang tính văn hóa giữa người và người, trong đó mỹ học, văn học và nghệ thuật giữ một vị trí rất quan trọng. Một bộ phận thanh niên ta bị tiêm nhiễm nhanh chóng những thói hư, tật xấu của xã hội cũ, dễ bị tiến công bởi những kiểu cách lối sống, những thị hiếu hưởng thụ nghệ thuật tầm thường từ nước ngoài hay từ tàn dư của chủ nghĩa thực dân mới Mỹ, một phần rất lớn là do sự coi thường hoặc lơ là việc giáo dục nhân sinh quan và thế giới quan, bỏ quên khá lâu việc giáo dục đạo đức công dân mới, sự phê phán không triệt để lối sống tư sản, nhân sinh quan và thế giới quan tư sản trong nhà trường cũng như ngoài xã hội. Hình thức giao tiếp là một mặt quan trọng của lối sống, nhưng cái chính của lối sống bắt nguồn từ lý tưởng sống dựa trên một

hệ tư tưởng, hơn nữa bắt nguồn từ những truyền thống tốt đẹp của dân tộc. Việc giáo dục lịch sử dân tộc, giáo dục lòng tự hào dân tộc có tầm quan trọng đặc biệt trong việc xây dựng lối sống mới xã hội chủ nghĩa Việt nam. Tạo nên một lối sống Việt nam hiện đại thích ứng với điều kiện kinh tế của đất nước, đồng thời tác động tích cực tới đời sống xã hội, tới sự hình thành nền kinh tế mới và chế độ mới, đó là một trong những yêu cầu cơ bản của sự nghiệp xây dựng con người mới Việt nam, văn hóa Việt nam.

Lối sống là một phạm trù văn hóa mang tính thẩm mỹ và đạo đức, có tính giai cấp rõ rệt. Do đó nó đòi hỏi tính tự giác rất cao, đồng thời cũng yêu cầu tổ chức và lãnh đạo sát sao. Lối sống mà chúng ta xây dựng hiện nay ở Việt nam là lối sống xã hội chủ nghĩa—*lối sống làm chủ tập thể*. Làm chủ tập thể là một quan điểm cơ bản thuộc về đường lối cách mạng xã hội ở nước ta, đã được đồng chí Lê Duẩn phân tích và phát triển sâu sắc. Tinh thần ấy phải được thể hiện đầy đủ trong lối sống mà chúng ta đang đấu tranh xây dựng, bao gồm các quan hệ cá nhân, gia đình, xã hội, một lối sống « mỗi người vì mọi người, mọi người vì mỗi người », « sự phát triển tự do của mỗi người là điều kiện cho sự phát triển tự do của tất cả mọi người ». Lối sống làm chủ tập thể tôn trọng cá nhân, nhưng hoàn toàn đối lập với lối sống của giai cấp tư sản, lối sống cá nhân chủ nghĩa, thực dụng, thờ ơ với nỗi đau khổ của con người. Lối sống làm chủ tập thể tôn trọng kỷ luật, có kỷ cương, nhưng hoàn toàn đối lập với lối sống khắc nghiệt, gò bó, gia trưởng của giai cấp phong kiến, đồng thời cũng không dung thứ thói bàng quan, nhu nhược, buông thả của giai cấp tiểu tư sản.

Lối sống có phần tùy thuộc, có phần không tùy thuộc vào mức sống. Mức sống càng cao càng tạo điều kiện cho

sự thực hiện một lối sống đẹp, văn minh. Nhưng mức sống cao không phải lúc nào cũng dẫn tới lối sống đẹp. Mức sống của nhiều nước phương Tây rất cao, nhưng lối sống của họ đang bị tha hóa nghiêm trọng, « văn hóa về chiều », « trở lại cội nguồn » đang là tiếng kêu cứu của nhiều người ở các nước đó. Nhưng mặt khác, mức sống quá thấp, không đủ bảo đảm nhu cầu thiết yếu, tối thiểu cho đời sống vật chất bình thường, cũng gây nên sự tha hóa trong lối sống. Nếu việc tổ chức quản lý kinh tế và xã hội không tốt, sự tha hóa ấy càng nghiêm trọng hơn, gây hậu quả sâu xa đến tương lai của đất nước. Mấy năm nay, Đảng và Nhà nước ta đã đề ra nhiều chính sách, nhiều biện pháp nhằm ổn định và nâng cao dần mức sống của nhân dân, chủ yếu về ăn, mặc, ở, di lại. Những thành tựu đã đạt được là to lớn, rất đáng kể, tuy nhiên vẫn còn nhiều khó khăn trên các mặt sản xuất, tổ chức và quản lý. Những khó khăn ấy tất nhiên ảnh hưởng tới việc xây dựng lối sống của chúng ta. Chính vì vậy cần quan tâm đặc biệt đến xây dựng lối sống đẹp của con người Việt nam lúc này. Mức sống quan hệ trực tiếp đến lối sống, nhưng không phải là yếu tố quyết định nhất. Trong lúc mức sống chưa cao, chúng ta có thể xây dựng từng bước một lối sống đẹp. Trên thực tế các ngành và các đoàn thể, từ trung ương đến địa phương đã làm được nhiều việc trên địa hạt này. Ở miền Bắc, một thời gian khá dài, ngay trong khói lửa của chiến tranh, đã gây được những phong trào như « gia đình văn hóa », « đẹp làng tốt ruộng », « bốn công trình », « nuôi con khỏe, dạy con ngoan », « nói lời hay, làm việc tốt », v.v. Nhưng mấy năm gần đây, tình hình hư hỏng trong một bộ phận nhân dân và cán bộ làm cho nhiều người lo ngại đến một sự suy thoái về đạo đức, về nhân cách trong xã hội. Vấn đề xây dựng lối sống mới đang trở nên cấp thiết. Đồng chí

Lê Duẩn thường nhắc nhở : trong điều kiện của nước ta, cần phải hết sức coi trọng và phát huy cao độ ý thức giác ngộ của nhân dân. Theo tôi, điều đáng lo ngại nhất không phải là những hiện tượng tiêu cực trong xã hội, mà là thái độ bàng quan trước những hiện tượng đó, thái độ bàng quan này có khi ở ngay trong một số người chịu trách nhiệm giữ trật tự và an ninh xã hội. Thái độ bàng quan là một hiện tượng phi đạo đức không thể chấp nhận được ở bất cứ xã hội nào, nhất là trong chế độ làm chủ tập thể của chúng ta.

Lối sống cũ đã tan rã, lối sống mới đang hình thành. Thời kỳ giao thời bao giờ cũng dễ xảy ra lộn xộn, tốt xấu lẫn lộn, thăng bậc giá trị xã hội không rõ ràng. Chống các thói hủ lậu phong kiến là đúng, nhưng đáng tiếc là có một số người lại chuốc lấy các tệ hại tư sản. Cần cảnh giác với hiện tượng nhân danh mao xít mà bảo vệ khuynh hướng tư sản. Do đó công tác nghiên cứu xã hội cần được tiến hành sâu sát, nghiêm túc, song song với việc sớm có những quy chế và nhanh chóng đưa chúng thành nếp trong xã hội.

Thực hiện lối sống mới ở nước ta hiện nay đồng thời với việc tổ chức, quản lý xã hội một cách khoa học và hợp lý, là một cuộc đấu tranh gay gắt trên các lĩnh vực văn hóa và tư tưởng, mà vấn đề nổi lên hàng đầu là cùng với việc từng bước tạo nên kỷ cương mới, cần đẩy mạnh việc giáo dục và truyền bá sâu rộng nhân sinh quan và thế giới quan mới từ trong nhà trường đến ngoài xã hội, trong từng đơn vị đến mỗi cá nhân. Trong cuộc đấu tranh này, vai trò của văn học và nghệ thuật giữ một vị trí hết sức quan trọng. Chức năng cao quý nhất của văn học và nghệ thuật là giáo dục nhân sinh quan và thế giới quan cách mạng cho công chúng bằng những hình tượng nghệ thuật, bằng sự phân

tích cuộc sống, bằng sự sáng tạo một hiện thực nghệ thuật mang tính chân thật và tính lý tưởng sâu sắc. Không có gì có thể thay được văn học và nghệ thuật trong việc xây dựng tư tưởng và tình cảm làm cơ sở cho một lối sống đẹp của con người mới...

QUANG ĐẠM :

..Có thể khẳng định trước hết rằng, quan hệ giữa phương thức sản xuất và lối sống phản ánh rõ quan hệ giữa vật chất và tinh thần, quan hệ giữa tồn tại và ý thức con người, cũng như quan hệ giữa cơ sở và cấu trúc thượng tầng xã hội. Quy luật vận động của ba mối quan hệ này cũng quyết định về cơ bản sự vận động của quan hệ giữa phương thức sản xuất và lối sống. Lý luận là như vậy, thực tế khách quan cũng là như vậy. Chủ nghĩa Mác nhận định rằng mỗi phương thức sản xuất có một lối sống tương ứng với nó.

... Dĩ nhiên không phải chỉ có sự quyết định một chiều của phương thức sản xuất. Mác đã từng phê phán những người đi từ chỗ thừa nhận nhân tố quyết định trong lịch sử, xét đến cùng là sự sản xuất và tái sản xuất ra đời sống hiện thực đến chỗ coi như chỉ có nhân tố kinh tế là nhân tố duy nhất quyết định.

Trong những điều kiện và mức độ nhất định, ý thức và tư tưởng con người có những tác động quan trọng trở lại đối với vật chất, đối với tồn tại xã hội, và cũng có những trường hợp phát huy tác động quyết định cải tạo thiên nhiên, cải tạo tồn tại. Văn hóa xã hội cũng có thể có những tác động quan trọng trở lại, có khi có ý nghĩa quyết định đối với kinh tế, tuy rằng, về lâu dài và xét đến cùng, sự quyết định cơ bản là thuộc về kinh tế.

Và lại, con người không phải chỉ sống trong một cái khung duy nhất

là phương thức sản xuất. Là một sinh vật xã hội, con người sống trong những cộng đồng nhỏ, lớn khác nhau (như gia đình, giai cấp, dân tộc...) và những hoàn cảnh địa lý, những môi trường sinh thái, những trung tâm văn hóa - xã hội rất đa dạng. Lối sống không phải chỉ mang dấu ấn giai cấp, dấu ấn phương thức sản xuất mà thôi. Cùng với các dấu ấn ấy, còn có nhiều dấu ấn mang màu sắc đậm nhạt khác nhau của miền núi và đồng bằng, thành thị và nông thôn, tuổi trẻ và tuổi già, lao động trí óc và lao động chân tay v.v. Phớt bỏ tính giai cấp, nhiều nhà lý luận văn hóa tư sản nêu ra muôn nghìn sắc thái đời sống khác nhau bắt nguồn từ các yếu tố kể trên rồi đi đến đề cao những hứng thú và thị hiếu cá nhân đề lập luận là không có những lối sống chung gì đáng kể, mà chỉ có sự "lựa chọn" riêng của các cá nhân giữa vô vàn « phong cách sống », « kiểu cách sống », « loại hình sống »... biến đổi hằng ngày không sao lường được, như những « mốt » áo quần, giày dép vậy. Tất nhiên, xã hội tiêu xài và thị trường tư bản chủ nghĩa tán thưởng lập luận ấy, mặc cho cuộc sống kinh tế và văn hóa diễn biến ra sao. Trái lại, cách đây khoảng mười năm về trước, ở nước Trung hoa « một nghèo hai trắng » chủ nghĩa Mao lại áp đặt một cách cực kỳ thô bạo ở khắp mọi nơi và đối với mọi giới, một lối sống « vô sản » khô khan, tẻ nhạt, ngột ngạt, thỉnh thoảng nhốn nháo lên với những cuộc đấu đá điên loạn tàn ác.

Bất kỳ hình thái kinh tế - xã hội nào muốn phát triển vững vàng, tốt đẹp, cũng cần có sự tương ứng và hài hòa cơ bản giữa các lĩnh vực hoạt động, trước hết là sự tương ứng hài hòa cơ bản giữa cơ sở là kinh tế và cấu trúc thượng tầng (chính trị, văn hóa, tư tưởng...). Có thể coi sự tương ứng hài hòa theo hướng đi lên vững chắc là một trong những điều kiện lý

tưởng cho sự phát triển tốt đẹp của đất nước, xã hội. Cuộc sống loài người từ những buổi đầu có sử cho tới ngày nay cho thấy điều kiện lý tưởng không dễ dàng trở thành hiện thực rộng khắp và lâu dài.

Thế giới xã hội chủ nghĩa cũng chưa dễ và chưa phải đã thực hiện được mọi sự tương ứng hài hòa mong muốn. Tuy nhiên, những cuộc khủng hoảng trường thành của thế giới mới và cuộc tổng khủng hoảng triển miên của thế giới cũ là khác nhau về căn bản. Chủ nghĩa duy vật lịch sử và chủ nghĩa xã hội khoa học cho phép khẳng định rằng sự tương ứng giữa chế độ sở hữu xã hội chủ nghĩa với yêu cầu và xu thế phát triển của sức sản xuất ở thời hiện đại này là cơ sở quyết định nhất trong việc tạo điều kiện cơ bản thuận lợi cho những sự tương ứng hài hòa tất yếu của hình thái kinh tế - xã hội xã hội chủ nghĩa và cộng sản chủ nghĩa.

Trên thực tế, không phải ở đâu các vấn đề cũng dễ có những công thức chung sẵn sàng để có thể một khi bắt tay vào giải quyết là thành công ngay. Lấy riêng vấn đề quan hệ giữa phương thức sản xuất và lối sống mà nói cũng vậy. Xuất phát từ vai trò quyết định lớn nhất của kinh tế, có quan điểm cho rằng cứ phương thức sản xuất bảo đảm mức sống vật chất cao đến đâu thì lối sống biểu hiện mức cao đến đó cả về tri thức văn hóa, về phong cách thẩm mỹ và về đạo đức ứng xử. Còn nếu phương thức sản xuất chỉ đem lại mức sống vật chất thấp thì lối sống cũng thấp kém. Đó là quan điểm của chủ nghĩa duy vật thô thiển, máy móc, lẩn tránh trách nhiệm của văn hóa hoặc phủ định tính độc lập tương đối của văn hóa. Trái lại, cường điệu tính độc lập nói trên và tính năng động chủ quan của ý thức và tư tưởng, có quan điểm cho rằng dù tình hình, phương thức sản xuất phức tạp, kém cỏi như

thế nào, công tác văn hóa và tư tưởng vẫn có thể xây dựng lối sống xã hội chủ nghĩa tốt đẹp, khắc phục một cách có hiệu quả các thói hư, tật xấu trong xã hội. Đây lại là quan điểm của chủ nghĩa duy tâm, chủ nghĩa xã hội không tưởng, coi thường tác động có tính quy luật của kinh tế, nguy hiểm cho kinh tế, lẫn tránh trách nhiệm của mình trước dư luận và có thể nói cả trước pháp luật.

Sự nhận định tác động qua lại giữa kinh tế và văn hóa cũng như giữa phương thức sản xuất và lối sống yêu cầu phải có cách nhìn nhất quán đối với cả hai, và phải đặt cả hai vào khuôn khổ cùng một hình thái kinh tế-xã hội nhất định. Kinh tế và phương thức sản xuất có thể là cao hay là thấp; văn hóa và lối sống cũng có thể là cao hay là thấp. Nhìn theo một cạnh khía khác, văn hóa có thể có những biểu hiện tích cực hay là những biểu hiện tiêu cực; kinh tế cũng có thể có những biểu hiện tích cực hay là những biểu hiện tiêu cực. Trong những điều kiện cụ thể khác nhau, không nhất định kinh tế, văn hóa đạt trình độ cao thì phát huy tác động tích cực, còn ở trình độ thấp thì phát huy tác động tiêu cực. Suốt thời kỳ kháng chiến chống Pháp, nền kinh tế quốc dân nước Việt nam dân chủ cộng hòa còn ở trình độ rất thấp, năng lực hoạt động văn hóa và tổ chức đời sống văn hóa xã hội của chúng ta cũng rất hạn chế; song cả kinh tế và văn hóa đều phát huy tác động tích cực đối với nhau, đối với sự nghiệp kháng chiến, đối với chế độ chính trị. Ở các nước tư bản phát triển Tây Âu, Hoa kỳ, Nhật bản, v.v. kinh tế và văn hóa hiện đại đạt mức phát triển cao hơn các thời kỳ trước rõ rệt, song lại phát huy tác động tích cực ngày càng ít hơn, phát huy tác động tiêu cực ngày càng nhiều hơn so với những thời Phục hưng - Khai sáng. Cách mạng tư sản Pháp, Cách mạng

tư sản Anh ở Tây Âu, thời Oa-sinh-ton ở Hoa kỳ, thời Minh Trị Thiên Hoàng ở Nhật bản, cả đối với nhau, nói riêng và đối với hình thái kinh tế-xã hội tư bản chủ nghĩa nói chung.

Tách riêng ra, cả kinh tế và văn hóa, cả phương thức sản xuất và lối sống đều bao gồm những bộ phận cấu thành không phải luôn luôn phát triển đồng đều và phát huy tác động thống nhất với nhau...

LÊ ANH TRÀ :

... Lối sống gắn liền với hình thái kinh tế-xã hội, hình thái kinh tế-xã hội nào thì có lối sống thích ứng với phương thức sản xuất, với chế độ chính trị đó. Và như vậy, muốn xây dựng lối sống một cách cơ bản, không chỉ có việc cải tạo hay xây dựng một số phong tục tập quán, một số nếp sống, mà là vấn đề xây dựng cả một hình thái kinh tế-xã hội, xây dựng cả một nền văn hóa xã hội, xây dựng con người mới. Còn xây dựng nếp sống mới là một bộ phận quan trọng của vấn đề xây dựng lối sống, chứ không phải là tất cả. Xây dựng nếp sống mới không thể triệt để, nếu không đồng thời và tiếp tục xây dựng toàn bộ lối sống. Vấn đề xây dựng nếp sống mới hiện nay cũng đồng thời phải gắn chặt với việc xây dựng cuộc sống mới, con người mới, nền văn hóa mới, với cuộc "đấu tranh giữa hai con đường".

Không thể không có sự đồng bộ trong việc phát triển chế độ xã hội, nền văn hóa và lối sống, nếp sống. Không thể xây dựng đơn độc một lối sống nào đó không tương ứng với môi trường chính trị, xã hội. Ví dụ, không thể xây dựng lối sống và nếp sống xã hội chủ nghĩa dưới chế độ phong kiến hay thực dân; cũng như không thể xây dựng một lối sống xã hội chủ nghĩa phát triển ở một đất nước vừa mới thoát khỏi chế độ áp bức, bóc lột và mới chỉ bắt đầu xây

xây dựng chủ nghĩa xã hội. Nhưng sự tương ứng ấy có phải là tuyệt đối không? Nếu sự tương ứng ấy là tuyệt đối, chúng ta sẽ rất khó giải thích vì sao ngày nay, trong chặng đường đầu tiên của thời kỳ quá độ tiến lên chủ nghĩa xã hội, chúng ta vẫn chủ trương xây dựng lối sống và nếp sống xã hội chủ nghĩa, mà không nói là xây dựng một lối sống và nếp sống của thời kỳ quá độ. Cũng có những người cho cái ý sau là đúng, và nếu như vậy thì phải đặt ra những tiêu chuẩn cụ thể cho một lối sống quá độ, cũng như đồng thời phải đề ra một mô hình cho một con người của thời kỳ quá độ (chứ chưa phải là con người mới xã hội chủ nghĩa) tương ứng với lối sống đó.

Việc làm như vậy là hoàn toàn không biện chứng, vì ngay trong chặng đường đầu tiên của thời kỳ quá độ, chúng ta vẫn chủ trương xây dựng lối sống xã hội chủ nghĩa, nền văn hóa mới và con người mới xã hội chủ nghĩa. Có điều ta chưa có thể đạt ngay đến mức hoàn chỉnh, nhưng không phải vì vậy mà thay đổi mục tiêu. Sự tương ứng giữa lối sống và chế độ xã hội không phải là tuyệt đối, mà sự tương ứng đó có thể có những sự chênh nhau, cái này đi trước cái kia một ít hay ngược lại, cái đó diễn ra trong những hoàn cảnh cụ thể mà ta cần phải nghiên cứu, phân tích kỹ lưỡng.

Trước hết cần thấy trong lối sống (và cả nếp sống) có những yếu tố cấu thành khá phức tạp và xuất hiện, hình thành không đồng đều. Những yếu tố trung tâm của lối sống như các tư tưởng, quan niệm, lý tưởng về đời sống, là do tình hình kinh tế, xã hội quyết định. Nhưng trong lịch sử, những tư tưởng, quan niệm tiến bộ có thể xuất hiện rất sớm, dựa trên những yếu tố kinh tế tiến bộ ngay trong các chế độ cũ. Lê-nin đã chỉ rõ trong luận điểm nổi tiếng về hai nền văn hóa trong mỗi nền văn hóa dân

tộc, rằng ở các thời kỳ trước, trong mỗi nền văn hóa dân tộc đều đã có những yếu tố dân chủ và xã hội chủ nghĩa. Cho nên, không chờ đến khi đất nước xây dựng xong chủ nghĩa xã hội mới có tư tưởng xã hội chủ nghĩa. Trên thế giới, C. Mác, Ph. Ăng-ghe-n là những con người có tư tưởng xã hội chủ nghĩa trước hiện thực, còn ở ta thì Hồ Chủ tịch và nhiều nhà cách mạng tiền bối cũng có tư tưởng, lẽ sống xã hội chủ nghĩa, và lối sống xã hội chủ nghĩa trước Cách mạng Tháng Tám rất lâu. Nhưng muốn có một xã hội mang tư tưởng đó, thì phải có môi trường mới, phải thiết lập chế độ xã hội chủ nghĩa.

Ta không thể để cho những tàn dư kinh tế - xã hội tư bản chủ nghĩa tự do tác động về mặt văn hóa và lối sống. Có điều là chưa thể đề ra một mục tiêu hoàn chỉnh, mà phải có mức độ phù hợp với hoàn cảnh đất nước. Chúng ta không thể vin vào sự phát triển còn yếu của kinh tế - xã hội mà chủ trương xây dựng một lối sống phi xã hội chủ nghĩa hay lối sống quá độ. Khắc phục các sự hạn chế của tình hình, chúng ta kiên quyết xây dựng lối sống xã hội chủ nghĩa, lối sống của con người mới xã hội chủ nghĩa, loại bỏ dần các lối sống phi xã hội chủ nghĩa còn tồn tại trong xã hội. Chỉ có như vậy chúng ta mới xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội; nếu không, sẽ giậm chân tại chỗ, thậm chí còn có thể mất chủ nghĩa xã hội ở nhiều mặt. Chúng ta càng thấu suốt lời dạy của Hồ Chủ tịch: « Muốn xây dựng chủ nghĩa xã hội trước hết phải có những con người xã hội chủ nghĩa ». Chúng ta có thể và phải xây dựng bằng được con người mới xã hội chủ nghĩa, lối sống xã hội chủ nghĩa ngay trong chặng đường đầu tiên của thời kỳ quá độ tiến lên chủ nghĩa xã hội..

VỤ MÃO:

.. Cuộc vận động xây dựng lối sống xã hội chủ nghĩa trong thanh niên có

nội dung rất phong phú, đa dạng. Song trước mắt cần tập trung giải quyết tốt một số vấn đề cơ bản sau đây :

Một là, xây dựng phong cách lao động mới cho thanh niên.

Lao động là bản chất của lối sống xã hội chủ nghĩa. Lối sống xã hội chủ nghĩa đối lập với lối sống tư sản, một lối sống ăn bám dựa trên sự cướp đoạt những thành quả lao động của người khác. Từ cội nguồn của nó, văn hóa là lao động. Hành vi văn hóa đầu tiên của con người chính là lao động tác động vào tự nhiên. Có lao động mới có con người và có con người là có văn hóa.

Dưới chế độ xã hội chủ nghĩa, lao động là phẩm chất hàng đầu của con người làm chủ tập thể. Và phong cách lao động mới trước hết biểu hiện ở tinh thần tập thể trong lao động. Chỉ có lao động trong một tập thể, con người mới tìm được niềm vui và sự hứng thú trong lao động, những mối quan hệ tốt đẹp giữa người và người mới nảy sinh và phát triển, tính tích cực xã hội và sự sáng tạo của con người mới bộc lộ một cách sâu sắc. Tinh thần tập thể trong lao động hoàn toàn đối lập với sự bất hợp tác trong lao động và mọi thứ tư tưởng kèn cựa, địa vị.

Phong cách lao động mới còn biểu hiện ở tinh thần lao động tự giác, lao động có kỷ luật, có kỹ thuật và đạt năng suất cao ; biểu hiện ở ý thức tôn trọng và bảo vệ của công, dũng cảm đấu tranh chống những biểu hiện sai trái trong lao động như làm dối, làm ẩu, ăn cắp của công, không tôn trọng quy trình, quy phạm kỹ thuật và tiền độ công việc được ghi trong kế hoạch Nhà nước.

Tóm lại, xây dựng phong cách lao động mới trong thanh niên là xây dựng ý thức làm chủ tập thể trong lao động, tinh thần lao động tự giác, sáng tạo, lao động trung thực và có khoa học.

Hai là, xây dựng nếp sống văn hóa nơi công cộng.

Nếp sống nơi công cộng là một biểu hiện của trình độ văn hóa, văn minh của một địa phương, một dân tộc, một nước.

Nội dung xây dựng nếp sống nơi công cộng nói chung bao gồm việc ổn định trật tự xã hội, an toàn giao thông và cảnh quan văn hóa, bảo vệ sự trong lành của môi trường sống và xây dựng phong cách văn minh lịch sự trong quan hệ đối xử giữa người và người.

Xây dựng nếp sống nơi công cộng phải được tiến hành đồng thời trên cả hai mặt khách thể và chủ thể. Mặt khách thể bao gồm công chúng qua lại trong đó có thanh niên, thiếu niên ; mặt chủ thể bao gồm cơ quan tổ chức và người phục vụ. Hai mặt này có tác động qua lại và ảnh hưởng trực tiếp đến nhau. Nếu cơ quan và người tổ chức không xuất phát từ việc đáp ứng nhu cầu văn hóa của quần chúng, không có thái độ phục vụ có văn hóa và tôn trọng quần chúng, thì rất khó có thể yêu cầu công chúng ứng xử có văn hóa được. Do đó, một mặt đề cao vai trò quản lý của Nhà nước, mặt khác phát huy cao độ tinh thần làm chủ tập thể của nhân dân lao động, đặc biệt của thanh niên, chắc chắn chúng ta sẽ tạo được những chuyển biến mới trong nếp sống nơi công cộng.

Ba là, xây dựng gia đình văn hóa mới.

Trong việc xây dựng gia đình văn hóa mới cần tập trung làm tốt mấy vấn đề sau :

Trước hết thường xuyên giáo dục cho thanh niên chưa lập gia đình có quan niệm đúng về tình yêu và hôn nhân ; có ý thức đầy đủ về trách nhiệm và nghĩa vụ của bản thân đối với gia đình và xã hội, tự giác thực hiện việc chọn tuổi kết hôn (tối thiểu đối với nam là 24 - 25, với nữ 22 - 24 tuổi) ; có những hiểu biết cần thiết

về làm chồng, làm vợ, làm bố, làm mẹ, nuôi dạy con theo phương pháp khoa học, hiểu biết về sinh hoạt nam nữ, về vấn đề dân số. Cần xóa bỏ quan niệm cho rằng làm như vậy là «vẽ đường cho hươu chạy» vì đó là một quan niệm phong kiến, là bất chấp tồn tại khách quan. Do tính ưu việt của chế độ xã hội chủ nghĩa, so với cha, anh, con em của chúng ta đã phát triển sớm hơn về thể chất, sớm được tiếp xúc với phim ảnh và các phương tiện thông tin đại chúng, do đó về tâm lý và sinh lý cũng phát triển sớm hơn.

Đối với những thanh niên đã lập gia đình, cần giúp đỡ họ biết tổ chức cuộc sống gia đình khoa học, vợ chồng hòa thuận, tôn trọng và giúp đỡ nhau trong công việc gia đình cũng như công việc của tập thể; có quan hệ tốt với bà con lối xóm; gương mẫu đáng kỷ thực hiện sinh đẻ có kế hoạch (trong tuổi thanh niên chỉ nên có 1 con).

Với những người chuẩn bị lập gia đình, một mặt giúp họ hiểu biết luật hôn nhân và gia đình, gương mẫu thực hiện việc cưới theo nếp sống mới, kiên quyết đấu tranh chống tệ mê tín và việc phục hồi các hủ tục. Mặt khác, Đoàn có trách nhiệm phối hợp với gia đình, cơ quan hoặc địa phương chăm lo ngày vui của các bạn trẻ sao cho vui tươi, trang trọng, lành mạnh và tiết kiệm...

Bốn là, *xây dựng nếp sống cá nhân*.

Xây dựng nếp sống cá nhân tức là làm cho nhân cách của mỗi người phát triển toàn diện, cuộc sống trở nên đa dạng, đầy sức sáng tạo và tươi đẹp hơn. Xây dựng nếp sống cá nhân tốt là trực tiếp góp phần phát triển, hoàn thiện lối sống của toàn xã hội. Nó hoàn toàn trái với sự xuyên tạc của các nhà tư tưởng tư sản cho rằng lối sống xã hội chủ nghĩa là sự đồng nhất hóa tất cả các đặc điểm cá nhân, là sự thủ tiêu vai trò của cá nhân

Xuất phát từ mục tiêu xây dựng con người mới xã hội chủ nghĩa của Đảng ta, nội dung xây dựng nếp sống cá nhân trong tuổi trẻ gồm: xây dựng nếp sống khoa học trong ăn, mặc, ở, làm việc, sinh hoạt, vui chơi, giải trí và nghỉ ngơi.

Vấn đề tạo dáng cũng rất quan trọng. Không phải ngẫu nhiên mà trong thanh niên lưu truyền câu «nhất dáng, nhì da, thứ ba là nét». Tiêu chuẩn về vẻ đẹp của thanh niên ngày càng mang những nét hiện đại. Cái đẹp đồng nghĩa với sự khoẻ khoắn. Cái đẹp của mỗi cá nhân làm phong phú thêm vẻ đẹp của toàn xã hội. Qua sự tạo dáng cá nhân của con người, ta có thể chứng nào nhận ra vẻ đẹp, khiêu thâm mỹ của xã hội. Qua cách ăn mặc, kiểu đầu tóc, tô điểm, làm dáng của mỗi người, ta cũng có thể chứng nào hiểu được tư cách đạo đức của người ấy. Vẻ đẹp rất phong phú, dáng vẻ của mỗi người lại khác nhau, sở thích, nguyện vọng, tâm lý và thị hiếu của thanh niên ở từng vùng, từng miền không giống nhau, do đó, không nên và không thể đòi hỏi có một khuôn mẫu, một kiểu cách chung cho tất cả mọi người. Tuy nhiên, chúng ta hoàn toàn có thể đưa ra những chuẩn mực, những nguyên tắc chung của việc tạo dáng, đó là: phải hài hòa, cân xứng, thanh lịch; phải khoẻ khoắn, lành mạnh, không gây trở ngại cho công việc và sinh hoạt của bản thân, cũng như không gây khó chịu, gai mắt cho số đông người, không gây nhiều tốn kém, lãng phí thời gian và của cải.

Con người có văn hóa cao là con người biết dùng thời gian và của cải vật chất một cách hợp lý nhất, tiết kiệm nhất. Phải giáo dục cho thanh niên thái độ coi nhu cầu vật chất như là phương tiện, chứ không phải là mục đích cuộc sống của con người. Phải lên án thái độ chạy theo lối sống của «xã hội tiêu thụ», ham

muốn lối sống « đầy đủ tiện nghi » và tìm mọi cách thoả mãn ham muốn đó không phải bằng chính sức lao động của mình.

Các sinh hoạt ca nhạc, điện ảnh, sân khấu, hát múa tập thể, đọc sách, tham quan, du lịch, thể dục thể thao v.v. là một nhu cầu không thể thiếu trong đời sống cá nhân của mỗi thanh niên. Với tư cách vừa là khách thể, vừa là chủ thể của văn hóa, tuổi trẻ không những là người hưởng thụ, mà còn là người tham gia vào các quá trình sáng tạo văn hóa, nghệ thuật ấy.

Năm là, *quét sạch văn hóa phản động, đời trụy; bắt trừ hủ tục, mê tín; xóa bỏ các tệ nạn xã hội.*

Trong xã hội ta hiện nay, tình trạng thanh niên nghiện hút, rượu chè, cờ bạc, bói toán, cúng bái nhảm nhí, v.v. đang có chiều hướng phát triển. Điều đáng chú ý là tình trạng đó không phải chỉ xảy ra ở trong số thanh niên có học vấn thấp, mà còn ở cả những thanh niên trí thức, thanh niên có trình độ học vấn cao. Vì vậy, xây dựng lối sống xã hội chủ nghĩa trong thanh niên phải đi liền với quá trình cải tạo phong tục, tập quán cũ, kiên quyết bài trừ hủ tục, mê tín.

Sau ngày miền Nam được hoàn toàn giải phóng, chúng ta phải tiếp thu một di sản nặng nề của đế quốc Mỹ để lại, bao gồm những tệ nạn xã hội và tàn dư văn hóa phản động, đời trụy của chủ nghĩa thực dân mới. Đó là chưa nói hằng ngày, hằng giờ chúng ta phải đối phó với những mối hiểm nguy hiểm của các loại kẻ thù nhằm làm sa đoạ, tha hóa tuổi trẻ, kích động những tình cảm, lối sống thấp hèn, nhằm làm cho tuổi trẻ từng bước xa rời lý tưởng cách mạng. Do đó, bên cạnh việc tăng cường truy quét những tàn dư văn hóa phản động, đời trụy, chúng ta phải luôn nêu cao cảnh giác để bảo vệ tuổi trẻ một cách có hiệu quả trước những âm mưu nham hiểm của kẻ thù...

TƯƠNG LAI:

... Nhận thức đúng về mối quan hệ biện chứng giữa *mức sống* và *lối sống* không chỉ có ý nghĩa định hướng về một mô hình xã hội mà còn có ý nghĩa lớn trong chỉ đạo thực tiễn.

Đại hội thứ V của Đảng ta đã chỉ rõ « trong chặng đường trước mắt này, có những điều kiện khách quan và chủ quan cho phép chúng ta bước đầu tạo ra được một xã hội đẹp về *lối sống*, về quan hệ giữa người và người, một xã hội trong đó nhân dân lao động cảm thấy sống hạnh phúc tuy mức sống vật chất còn chưa cao ». Đó là một định hướng đúng đắn về một mô hình xã hội mà chúng ta cần xây dựng và cũng là một vấn đề lý luận có ý nghĩa chỉ đạo thực tiễn trong chiến lược kinh tế - xã hội.

Không thể tách rời lối sống khỏi mức sống vì không làm sao tách rời lối sống ra khỏi điều kiện vật chất hiện thực của nó. Tuy nhiên, không thể có một cách hiểu cứng nhắc về sự phụ thuộc máy móc một chiều của mối liên hệ giữa lối sống và mức sống để đi đến một luận điểm bi quan cho rằng khi mức sống vật chất chưa cao thì chưa thể xây dựng một lối sống đẹp được.

Ở chặng đường trước mắt này, khi « mức sống vật chất còn chưa cao », chúng ta cần và có thể xây dựng một lối sống đẹp, tôi hiểu rằng đây là một lối sống đẹp nhất *tương ứng* với mức sống ấy. Tức là, trong một điều kiện của một mức sống nhất định, cần phải tìm, phải xây dựng một *lối sống* *tối ưu* cho mức sống ấy. Cũng có nghĩa là trong một mức sống nhất định, có thể có nhiều cách sống, nhiều lối sống, trong đó có thể tìm ra giải pháp *tối ưu*. Đương nhiên, đã nói là *tối ưu* thì có nghĩa là *tối ưu* trong một điều kiện xác định. Vượt ra khỏi điều kiện đó là một ảo tưởng. Cũng cần hiểu rằng sau cái *tối ưu* là những thang bậc khác, trong một mức sống ấy, có thể

nuôi dưỡng một lối sống không đẹp, thậm chí, ở những mức sống vật chất rất cao, vẫn có những lối sống xấu. Có thể tìm thấy những tấm gương phản diện từ những xã hội tư bản phương Tây.

Khi chỉ ra hình ảnh phản diện này tôi không hề bị ám ảnh bởi một thứ triết lý: «an bản lạc đạo», «ta về ta tắm ao ta», mà đề từ chỗ đứng ấy, cách nhìn ấy, chối bỏ một nền văn minh tư sản bế tắc và lên án một lối sống đạo lạc.

Không tạo ra được một cái cốt vật chất của chủ nghĩa xã hội, không thể nói đến việc hình thành lối sống xã hội chủ nghĩa. Tuy nhiên, điều kiện vật chất là nhân tố chủ yếu chứ không phải là nhân tố duy nhất. Quan hệ kinh tế là nòng cốt của lối sống, nhưng xoay quanh quan hệ kinh tế ấy — cái trục chính của đời sống hiện thực ấy —, còn có những quan hệ khác nữa. Chất lượng mới của lối sống mà chúng ta đang tạo ra không phải chỉ căn cứ vào chỉ tiêu tiện nghi vật chất, và mức sống cũng không chỉ đơn thuần là bình quân thu nhập tính theo đầu người, mặc dù đó là một chỉ báo quan trọng. Mỗi quan hệ tốt giữa người và người không chỉ tùy thuộc vào số lượng và chất lượng của cái mà xã hội đã tạo ra được. Mỗi quan hệ ấy tùy thuộc trước hết vào vị trí của con người trong sản xuất và phân phối sản phẩm.

Chúng ta hiểu rằng: «Với chế độ mới, nhân dân ta đã vứt bỏ được những xiềng xích nghìn năm trói buộc con người; người lao động tự địa vị làm thuê đã bước lên vị trí người chủ chân chính của đất nước và xã hội, giành lại những phẩm giá dân tộc và phẩm giá làm người. Đó là thành quả cách mạng vĩ đại nhất» (1). Đó cũng là tiền đề số một để hình thành một quan hệ tốt đẹp giữa người và người, hình thành một xã hội đẹp về lối sống. Vấn đề đặt ra là phải củng cố

và phát huy thành quả ấy, làm cho chế độ mới được xác lập vững chắc trên một cơ sở kinh tế mới, đạt tới trình độ đại công nghiệp cơ khí hóa. Lối sống mới mà chúng ta xây dựng nhằm hướng tới một lối sống công nghiệp hiện đại. Đó là một mục tiêu lâu dài, song đó là một đòi hỏi khách quan của sự phát triển lịch sử. Một «xã hội đẹp về lối sống» phải là kết quả tổng hợp của ba cuộc cách mạng mà nòng cốt của nó là thành tựu của sự nghiệp công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa.

Khi nhấn mạnh đến cái then chốt trong việc quyết định sự chuyển đổi và định hình của lối sống, nhấn mạnh đến cung cách làm ăn, đến cách mạng khoa học kỹ thuật, đến công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa, chúng ta đã không quên nói đến con người, càng không quên nói đến cách mạng tư tưởng và văn hóa. Chúng ta hiểu rằng: «Sức mạnh kinh tế không thể tách rời sức mạnh văn hóa, sức mạnh con người, và sức mạnh của văn hóa, của con người phải được hiện thực hóa trong sức mạnh kinh tế» (2). Trên lĩnh vực lối sống, điều ấy càng có ý nghĩa trực tiếp. Hơn nữa, chúng ta hiểu rằng «chỉ có cái gì đã ăn sâu vào đời sống văn hóa, vào phong tục, tập quán, mới có thể coi là đã được thực hiện» (3).

PHAN LANG:

...Mười năm trở lại đây, trong kho từ vựng chính trị hiện đại của thế giới, xuất hiện một thuật ngữ mới: chủ nghĩa đế quốc văn hóa.

Cuộc chiến tranh văn hóa của chủ nghĩa đế quốc nhằm vào tất cả các

(1) Văn kiện Đại hội V. Nxb Sự thật, Hà Nội, 1982, tập I, tr. 91.

(2) Lê Duẩn: «Năm vàng quy luật, đời mới quản lý kinh tế», Tạp chí Cộng sản, số 9-1984, tr. 30.

(3) V. I Lê-nin: Toàn tập, Nxb Tiến bộ, Mát-xcơ-va, 1978, tập 45, tr. 443.

tầng lớp nhân dân, đặc biệt tập trung mũi nhọn vào thế hệ trẻ, và *điềm dọt* phá là lối sống

Phân tích những mặt hàng dịch tung ra, cũng như «lối sống hiện đại» của những thanh niên nạn nhân của cuộc «chiến tranh văn hóa» trong xã hội ta cũng như trong các nước khác thì các chủ điềm tuyên truyền của địch là:

— Đề cao triết lý sống cá nhân cực đoan nhất — «sống là tiêu cho bằng hết cái tôi», cổ vũ cho một lối sống ích kỷ, tàn nhẫn, thu mình lại sau bốn bức tường «pháo đài của gia đình», lia bỏ các vấn đề chính trị nóng hổi trong cuộc đấu tranh cho độc lập dân tộc và tiến bộ xã hội.

— Thực hiện một thủ đoạn có thể gọi là chủ nghĩa ngu dân mới. Nó tìm cách du nhập vào đời sống xã hội, biến thành thị hiếu xã hội một nền văn hóa què quặt, thấp kém, hầu như teo lại chỉ còn một chức năng duy nhất là giải trí, cổ lối kéo ngay cả những người có học thức cao vào thói quen thưởng thức một kiểu văn hóa chỉ cần «không đau đầu», còn nhắm nhĩ thế nào cũng được, lấy đó thay cho những nội dung nghiêm túc phục vụ hoạt động trí tuệ, tình cảm của con người trước những vấn đề lớn đang được đời sống đặt ra.

— Tuyên truyền một dạng chủ nghĩa thực dụng tẻ nhạt, hăm lại học thuyết Phrôt, cường điệu phân «con», tức phân bản năng trong con người, tán dương một kiểu sống «buông thả», «hết ga», một kiểu sống mà sự sa đọa được xem là «chơi chơi», còn những hoạt động lành mạnh của con người có hoài bão, ước mơ, lý tưởng cao đẹp thì bị chế giễu.

Đây không phải chỉ là sự đồi bại về triết học. Nhìn kỹ càng sau những triết lý «sống hiện đại» đó, chúng ta sẽ thấy ngay ra mưu đồ chính trị cực kỳ nguy hiểm của địch. Đây thế hệ trẻ chui vào cái vỏ sống vì bản ngã,

qua đó, tách họ ra khỏi các cuộc đấu tranh xã hội ở những nơi chủ nghĩa đế quốc, phản động còn thống trị, tuyệt đối hóa lối sống cá nhân chống lại trật tự cách mạng, đó là những mục tiêu chính trị mà địch muốn đạt tới. Chúng ru ngủ, kích động thế hệ trẻ của chúng ta, chủ trương gây rối, phá hoại nhiều mặt, kích động các làn sóng đi cư, cổ nùu giữ các trận địa còn lại, tranh thủ phản kích giành lại những «thiên đường đã mất» của chúng

Chúng ta không thể nói được rằng, kẻ địch không thu được cái gì. Chỉ cần nhìn vào xã hội ta và ngay cả xã hội một số nước xã hội chủ nghĩa khác, chúng ta cũng lập tức phát hiện thấy rằng, bên cạnh lối sống lành mạnh, đã xuất hiện những rác rưởi, nhất là trong lớp trẻ ở các thành phố, khiến chúng ta phải giật mình. Một số không ít thanh niên của chúng ta đang trở thành nạn nhân của cuộc chiến tranh văn hóa của địch. Chúng làm được như vậy, là do chúng ta có nhiều sơ hở.

Trước hết, đó là thiếu sót trong nhận thức vấn đề. Một số đồng chí chúng ta chỉ mới dừng lại ở chỗ lên án «văn hóa đồi trụy» nhưng chưa nhìn nhận thật sâu sắc cuộc chiến tranh văn hóa xoay quanh chủ đề lối sống của kẻ địch đúng với tâm chiến lược của nó. Chính điều này đã dẫn tới hậu quả là chúng ta chưa được sắc bén lắm trong cuộc đấu tranh chống địch trên trận địa này, thậm chí có lúc, có nơi, còn có hiện tượng «bỏ trống trận địa».

Lê-nin từng căn dặn các chiến sĩ cộng sản thuộc thế hệ đi trước rằng: cần phải nhớ là thế hệ trẻ tiếp nhận chủ nghĩa xã hội bằng con đường không hoàn toàn giống con đường của thế hệ cha anh. Lê-nin phải tìm cho ra con đường mà Lê-nin nói, thì trong chúng ta nhiều người lại thỏa mãn với những bài bản cũ kỹ, với lòng tin rằng những bài bản nào đã có kết quả

(Xem tiếp trang 88)

Mấy suy nghĩ về lễ hội quần chúng hiện nay

LÊ NHƯ HOA

Từ xưa, trong đời sống xã hội của dân tộc ta đã có phong tục mở hội để kỷ niệm những nhân vật, những chiến công trong lịch sử dựng nước và giữ nước. Dần dần, lễ hội trở thành nhu cầu giao lưu tư tưởng, tình cảm giữa cá nhân với cộng đồng. Lễ hội truyền thống của nhân dân ta không chỉ có cúng lễ, tưởng niệm tổ tiên mà còn tổ chức diễn xướng, vui chơi, ca hát, tái hiện những nhân vật có công trong lịch sử hay những kỳ tích trong lao động, chiến đấu. Lễ hội cũng là dịp đi du lịch, tham quan cảnh đẹp của đất nước.

Với tư cách là một hình thái sinh hoạt văn hóa, lễ hội truyền thống có tính lịch sử cụ thể. Lễ hội đã là một nhân tố cổ truyền của nền văn minh nông nghiệp, văn minh xóm làng, là sinh hoạt văn hóa của làng quê xưa, là một cách sử dụng thời gian nhân rồi dưng màu sắc « văn hiến ». Lễ hội đã hun đúc và phát triển thêm mối quan hệ cộng đồng làng xã của dân tộc Việt nam. Từ lễ hội, người ta tìm thấy những suy nghĩ, ước mơ, phong tục tập quán, tâm lý xã hội cũng như những tinh hoa văn hóa của dân tộc. Trải qua bốn nghìn năm lịch sử, lễ hội được duy trì, kế thừa, phát triển. Đến nay, cùng với những lễ hội mới, nhiều lễ hội truyền thống vẫn là nhu cầu văn hóa không thể thiếu được

trong đời sống tinh thần của nhân dân ta. Chẳng hạn: hội Gióng là hội lịch sử có quy mô lớn, kỷ niệm Phù Đổng thiên vương đánh thắng giặc Ân. Hằng năm khách cả nước về bốn xã của tổng Phù Đổng dự hội. Hội được tổ chức trong nhiều ngày gồm nhiều nghi thức và nhiều thể loại vui chơi tổng hợp: hát, hò, trò, hội, ca múa, lễ, nhạc...

Nhiều lễ hội đã ăn sâu trong tiềm thức của nhân dân:

« Ai ơi mừng chín tháng tư

Không đi hội Gióng cũng hờ mất đời»
hay:

« Dù ai đi ngược về xuôi

Nhớ ngày giỗ Tổ mùng mười
tháng ba ».

Đó là những nét đẹp trong truyền thống, trong tinh cảm của dân tộc ta.

Tuy nhiên, lễ hội truyền thống — sản phẩm của nền nông nghiệp sản xuất nhỏ — đến nay có những mặt không còn phù hợp nữa. Lễ hội xưa bao hàm hai hình thức không tách rời nhau: nghi lễ và hội hè. Phần nghi lễ của lễ hội xưa có nhiều yếu tố gắn liền với tôn giáo. Trong hội hè thường có cúng tế, rước xách linh đình. Tế lễ kéo dài, tốn kém, ảnh hưởng rất lớn đến sản xuất, đời sống của nhân dân. Những phong tục lạc hậu, mê tín, xem bói, xem tướng, xin thẻ, cầu hồn, đốt

vàng mã, v.v. cũng nhân lễ hội mà phát triển. Mấy năm gần đây, do nhiều nguyên nhân, những phong tục tập quán lạc hậu của chế độ phong kiến kết hợp với những ảnh hưởng của chế độ thực dân mới của Mỹ ở miền Nam trước đây, đã thâm nhập vào đời sống xã hội, đáng chú ý nhất là trong tầng lớp thanh niên. Một số lễ hội hoàn toàn mang tính chất mê tín trước đây đã bị lãng quên nay lại được khôi phục. Do chúng ta buông lỏng quản lý, buông lỏng tổ chức, nội dung lễ hội nhiều khi không còn ý nghĩa giáo dục phát huy những yếu tố tích cực trong nguồn gốc hình thành của nó. Nhiều lễ-hội kéo dài hàng tháng làm cản trở giao thông, buông lơi sản xuất và gây nhiều khó khăn cho địa phương có hội. Nhiều khi cảm hứng của người đi dự hội chỉ là niềm tin mù quáng vào thần thánh, sự cầu mong may mắn cho cá nhân hay một sự giải trí tầm thường. Lễ hội trở thành một chỗ dựa, một dịp làm ăn của những kẻ « buôn thần bán thánh », cờ bạc, đầu cơ trục lợi, nâng giá, bắt chẹt khách v.v. Từ đây, nảy sinh thêm bao nhiêu hiện tượng tiêu cực khác nữa. Ấy là chưa nói đến sự lợi dụng, sự phá hoại của kẻ thù.

Đã đến lúc chúng ta phải quan tâm tổ chức, quản lý lại lễ hội quần chúng. Đây cũng là một mặt của cuộc đấu tranh giữa « hai con đường » trên lĩnh vực tư tưởng và văn hóa mà chúng ta không thể xem nhẹ. Chúng ta phải chủ động làm cho lễ hội quần chúng có ý nghĩa giáo dục và đạt được mục đích cuối cùng là thỏa mãn nhu cầu văn hóa của nhân dân, xây dựng cuộc sống mới, con người mới xã hội chủ nghĩa. Vì vậy, khi xét một lễ hội quần chúng đáng giữ lại hay không đáng giữ lại, cải tạo hoặc nâng cao thế nào, tổ chức hội mới ra sao, điều quan trọng là phải xét đến chức năng giáo dục và chức năng thẩm mỹ của ngày hội đó như một phương tiện giáo dục tư tưởng, tình cảm. Đường nhiên,

chúng ta không đơn giản hóa vấn đề, làm mất đi những nét phong phú, độc đáo gây ấn tượng sâu sắc của từng lễ hội, mà phải tạo được không khí hồ hởi, tung bừng, vừa vui chơi, vừa có thưởng thức, vừa có cả hoài niệm thiêng liêng.

Có nhiều phương pháp đề kế thừa, phát triển, làm phong phú thêm lễ hội quần chúng. Một trong những phương pháp có hiệu quả là sân khấu hóa các hình thức lễ hội. Phương pháp này nhằm làm cho lễ hội khơi lại trong chúng ta tình cảm thiêng liêng đối với truyền thống dựng nước và giữ nước, lòng tự hào dân tộc, yêu quê hương, đất nước, thiên nhiên, khoái cảm thẩm mỹ; giúp chúng ta tìm thấy ở lễ hội những nét đẹp đẽ, độc đáo của văn hóa Việt-nam; đáp ứng nhu cầu giao lưu tình cảm, thưởng thức văn hóa của nhân dân. Phương pháp này giúp cho các nhà tổ chức lễ hội phát huy tài năng sáng tạo của mình nhằm làm sáng rõ mục đích, ý nghĩa và sự hấp dẫn của các lễ hội quần chúng.



Sân khấu hóa lễ hội quần chúng là một quá trình sáng tạo, tổ chức những tư liệu có thật trong cuộc sống dựa trên cơ sở những đặc trưng và những yếu tố cấu thành của lễ hội đó. Trước kho tàng lễ hội truyền thống phong phú của dân tộc ta, trước nhu cầu văn hóa ngày càng cao của quần chúng hiện nay, chúng ta cần kịp thời tìm tòi, sáng tạo đề kế thừa và phát triển cho phù hợp với điều kiện mới, góp phần xây dựng lối sống xã hội chủ nghĩa.

1 - Đối với lễ hội truyền thống - Lợi bỏ cái áo khoác tôn giáo và mê tín trong các lễ hội truyền thống, ta có thể thấy rõ chủ đề chính của lễ hội là : đánh giặc và sản xuất. Những người thợ giỏi có công tạo dựng nên một ngành nghề nào đó được nhân

dân tôn là ông tổ, ông thành hoàng làng, bà chúa vùng. Những vị anh hùng dân tộc có công cứu nước được tôn thờ thành ông thần, ông thánh... Trong các ngày hội của các dân tộc thiểu số người ta còn tôn thờ vật tổ. Yếu tố thần linh, mê tín choán ngập trong các ngày hội truyền thống, nhiều khi làm lu mờ những cái lễ ra phải được đề cao như lòng căm thù giặc ngoại xâm, tinh thần chiến đấu dũng cảm của các vị anh hùng dân tộc, tinh thần lao động sáng tạo của những người có công sáng lập ra các ngành nghề sản xuất, tình yêu thiên nhiên, đất nước... Nếu làm sáng rõ chủ đề chính của lễ hội là đánh giặc và sản xuất, tình yêu đất nước, gọi lên những tình cảm đẹp đẽ về truyền thống dựng nước và giữ nước của dân tộc ta, thì lễ hội truyền thống trở nên đầy ý nghĩa giáo dục về tư tưởng, tình cảm. Tất nhiên, không thể áp đặt những hình thức mới, xa lạ, không phù hợp, làm đơn điệu và mất đi sự phong phú của lễ hội truyền thống. Phải thấy rằng sự bền vững của truyền thống tốt đẹp đã tạo nên bản sắc văn hóa độc đáo của dân tộc ta. Cơ sở truyền thống của lễ hội xưa không phải chỉ biểu hiện ở những trò chơi như đua thuyền, tung còn, đánh đu, những cuộc đấu vật, chọi gà, thả chim, cò tướng, ở những bộ áo tứ thân của các cô gái, những chiếc áo the dài của những chàng trai đội khăn xếp v.v.; cũng không phải chỉ biểu hiện ở những món ăn đậm đà hương vị dân tộc như bánh gai, bánh cây tiến vua, bánh dày, bánh gói, bánh đa... mà cốt lõi là tinh cộng đồng bền vững trên một đất nước có bốn nghìn năm lịch sử. Từ đó, chúng ta có thể làm sáng rõ cấu trúc, đường nét và những thành phần cấu thành của lễ hội truyền thống. Thí dụ: lễ dâng hương ở hội đền Hùng, hương khói dường như không còn bao phủ màu sắc thần linh, huyền bí như xưa, mà đã tạo nên một không khí trang nghiêm,

tưởng nhớ tổ tiên dựng nước, mà vẫn giữ được nét rất Việt nam.

Bên cạnh việc tước bỏ những cái lỗi thời, chọn lọc những cái tinh túy của lễ hội truyền thống, cũng cần đưa hơi thở của cuộc sống hiện nay vào lễ hội, làm cho nó không chỉ có giá trị gợi nhớ một giai đoạn lịch sử đã qua, mà trở nên sống động với nhịp điệu của cuộc sống mới.

Đất nước ta đang thực hiện hai nhiệm vụ chiến lược: xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội và bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt nam xã hội chủ nghĩa. Cho nên, chủ đề chính của lễ hội truyền thống là đánh giặc và sản xuất trở nên gần gũi và phù hợp với yêu cầu giáo dục tư tưởng, tình cảm của con người hôm nay. Đó là một trong những điều kiện thuận lợi để các nhà nghiên cứu, các nhà tổ chức lễ hội truyền thống khai thác và phát huy. Họ có thể nêu gương các nhân vật lịch sử thông qua cách nhìn, cách đánh giá của con người mới. Hoặc cũng có thể gắn yêu cầu của cuộc sống hiện nay vào nội dung của lễ hội lịch sử. Trong một ngày hội tưởng nhớ một ông tổ nghề thủ công nào đó, có thể làm rõ những cái hay, cái đẹp đáng giữ gìn, đáng kế thừa của nghề đó, và người đã mở ra nghề đó. Trong ngày hội truyền thống đầy chất trữ tình với những làn điệu dân ca như hội Lim, bên cạnh những cô gái áo dài tứ thân, những chàng trai khăn xếp diễn lại cảnh hát quan họ ngày xưa, chúng ta vẫn có thể đưa các nhóm ca hát mới, với ý phục hiện đại ra biểu diễn để thỏa mãn nhu cầu văn hóa của lớp trẻ, và làm cho nội dung lễ hội thêm phong phú. Tất nhiên, những tiết mục ca hát mới đó phải được xếp đặt cho khéo, cho hài hòa trong bố cục chung, miễn sao đạt được mục đích giáo dục và thẩm mỹ lành mạnh, và hợp với nhu cầu giao lưu văn hóa, tình cảm, thưởng thức, vui chơi của quần chúng. Có thể dùng các phương tiện hiện đại như ánh

sáng điện, âm thanh điện tử v.v. nhưng phải nghiên cứu đưa vào sao cho thích hợp.

2 - *Đối với lễ hội hiện đại* - Các hình thức lễ hội hiện đại không phải du nhập từ đâu vào mà nảy sinh ngay trong cuộc sống của nhân dân: trong sự đòi hỏi sáng tạo, trong sinh hoạt văn hóa. Những năm qua, nhiều lễ hội mới đã ra đời: "Đại hội công nhân, lao động thủ đô chào mừng Đại hội thứ IV của Đảng", "Rước được truyền thống chào mừng Đảng 50 tuổi", "Hội tuổi trẻ lên đường bảo vệ Tổ quốc", "Hội xuống đồng", "Hội giao lương", "Hội hoa xuân" v.v. Tổ chức lễ hội hiện đại là đề tạo điều kiện cho người ta có dịp thể hiện và tiếp nhận những phẩm chất tốt đẹp của con người mới, thể hiện những tình cảm của mình đối với sự kiện này hay sự kiện khác ở làng xã mình, thành phố mình, đất nước mình và cả những vấn đề quốc tế nữa. Khi mùa màng thắng lợi, hợp tác xã hoàn thành một công trình phúc lợi lớn..., người ta muốn có một hội mừng công đề bộc lộ niềm hân hoan, tin tưởng, sự đánh giá, nhìn nhận về nhau, những mơ ước về tương lai... Khi thanh niên nhập ngũ, người ta muốn có một ngày hội đề bày tỏ niềm tự hào về truyền thống anh dũng của quê hương, về tình cảm của người ra đi với người ở lại... Cuộc sống mới hiện nay có biết bao nhiêu con người mới, nhu cầu tinh cảm mới, tài năng mới cần được thể hiện trong cộng đồng mà lễ hội xưa không chứa đựng hết.

Lễ hội truyền thống dù sao cũng đã có đường nét cơ bản được quần chúng chấp nhận như một thói quen. Lễ hội mới đòi hỏi phải có thử thách của thời gian. Cái khó nhất đối với các nhà tổ chức lễ hội mới là làm sao sáng tạo ra những hình thức cụ thể trên cơ sở tiếp thu lễ hội truyền thống phù hợp với điều kiện của ta. Làm sao cho những tinh hoa văn hóa

của bốn nghìn năm văn hiến được biểu hiện trong ứng xử, quan hệ giữa người và người, trong sinh hoạt văn hóa của con người Việt nam hiện đại. Nhiều ngày hội mới của ta lâu nay thường đơn giản, lễ nhạt vì thiếu sự nghiên cứu, tổ chức luộm thuộm, hoặc vì áp dụng máy móc lễ hội quần chúng hiện đại của nước ngoài, làm mất đi dáng vẻ, tính độc đáo của lễ hội truyền thống Việt nam.

Ngược với tiến trình sản xuất hóa lễ hội truyền thống, tổ chức lễ hội mới nên bắt đầu từ cái nền truyền thống. Khi chúng ta đã có đầy đủ những tư liệu của cuộc sống hiện nay, ta có thể xây dựng lễ hội mới trên cơ sở truyền thống vốn đã có sức lôi cuốn hàng triệu người qua bao đời nay. Đó là một quá trình tiếp thu không gián đoạn, là sự kế thừa vốn truyền thống mà không ngừng sáng tạo. Trong lễ hội hiện đại, bên cạnh những tư liệu của cuộc sống mới, có thể dùng những tư liệu truyền thống trong lịch sử. Chẳng hạn, tổ chức ngày hội của thanh niên nhập ngũ, có thể tái hiện những anh hùng dân tộc, những người có công đánh giặc giữ nước trong địa phương mình... Qua lễ hội đó, người ra đi cũng như người ở lại có dịp ôn lại truyền thống anh dũng của quê hương, tự hào về dân tộc với tâm hồn, tình cảm trong sáng, cao đẹp. Ngày hội mới ở «đất quan họ», bên cạnh những hình thức mới, những biểu hiện mới, không thể thiếu những làn điệu dân ca quan họ với màu sắc của những chiếc áo dài tư thân v.v., vì những «đặc sản văn hóa» này chỉ nơi đó mới có. Đồng thời cần mạnh dạn tiếp thu các hình thức hội hiện đại của thế giới như diễn hành được sản xuất hóa, mít tinh được sản xuất hóa... lễ hội hiện đại của chúng ta ngày càng phong phú, thỏa mãn nhu cầu văn hóa ngày càng cao của nhân dân



Lễ hội quần chúng được sân khấu hóa khác với buổi diễn trong nhà hát. Người xem trong nhà hát thường giữ vai trò thụ động: từng cá nhân cảm thụ, lĩnh hội nội dung buổi diễn. Lễ hội quần chúng không phải là nhà hát thứ hai. Người tham dự trở thành diễn viên của ngày hội. Ở đó, tình cảm của mỗi cá nhân hòa nhập trong cảm xúc chung của cộng đồng, có thể gọi là không khí của ngày hội. Làm thế nào để tạo được không khí ngày hội, tạo được cảm xúc chung của ngày hội? Đó chính là cốt lõi của sự thành công hay không thành công của một ngày hội, và cũng là yêu cầu đầu tiên của nghệ thuật biên kịch và đạo diễn lễ hội. Ngày hội quần chúng thành công là một ngày hội tổ chức được sự giao lưu tình cảm và hành động của quần chúng; mỗi người dự hội đều phát huy hết tính năng động sáng tạo, góp phần mở rộng giới hạn của nghệ thuật. Để đạt được hiệu quả đó, người biên kịch và đạo diễn lễ hội quần chúng cần có vốn tư liệu phong phú, được khai thác, tìm tòi từ cuộc sống. Tư liệu phong phú sẽ là tiền đề để có một cốt chuyện hay. Ngày hội được coi là hoàn thiện phụ thuộc vào sự chọn lọc tư liệu, phụ thuộc vào việc lựa chọn mục đích, chủ đề và công việc hình tượng hóa của các nhà soạn kịch và đạo diễn.

Quá trình sáng tạo hình tượng của lễ hội quần chúng phải dựa trên nguyên tắc kích thích hành động của người tham dự. Người tham dự lễ hội là người làm chủ lễ hội. Nghệ thuật biên kịch và nghệ thuật đạo diễn lễ hội quần chúng thể hiện ở chỗ không chỉ tổ chức hành động trên sân biểu diễn mà còn tổ chức hành động của chính những người tham dự, biết khai thác những yếu tố kích thích hành động, biết dự đoán những hành

động, những phản ứng của quần chúng. Kinh nghiệm qua một số lễ hội quần chúng cho thấy trò chơi ứng tác nghệ thuật được sân khấu hóa có sức kích thích hành động của quần chúng. Mỗi người sẽ hào hứng tham gia một cuộc chơi, một nhóm hành động hoặc sẽ ứng tác và đóng vai một nhân vật nào đó trong lễ hội.

Lễ hội quần chúng là một tổ hợp hoạt động văn hóa quần chúng, trong đó sự tổng hợp là một phương pháp xây dựng bất kỳ một hoạt cảnh đại chúng sân khấu hóa nào. Sử dụng phương pháp tổng hợp ở trình độ cao sẽ tạo ra được một tác phẩm đồ sộ mà biểu hiện là sự kết hợp hài hòa giữa nghệ thuật và tư liệu. Ở đó, ta nhận thấy các hình thức được sân khấu hóa như hòa quyền với nhau thành một thể thống nhất trong một chủ đề nhất định. Sự tổng hợp này không phải là sự lắp ghép mà là sự tổng hợp đã làm nảy sinh những phẩm chất hoàn toàn mới. Nếu chỉ chú ý tới lĩnh vực cảm xúc trong sự cảm thụ của người tham dự, không chú ý tới lĩnh vực hấp thụ bằng lý trí, không đánh giá đúng sự hướng tới cái đẹp của con người mà chỉ chú ý tới vui chơi giải trí, sẽ làm giảm tính tư tưởng của lễ hội. Mặt khác, nếu không thấy tính đặc thù nghệ thuật của lễ hội là vui chơi, giải trí, giao lưu tình cảm thì sẽ làm cho ngày hội công thức, tẻ nhạt.

Sân khấu hóa các lễ hội quần chúng, với ý thức loại bỏ những yếu tố mê tín, lạc hậu, tiêu cực, đưa nội dung cuộc sống mới vào lễ hội quần chúng sẽ góp phần nâng cao tính tư tưởng, tính nghệ thuật của lễ hội quần chúng, thỏa mãn nhu cầu văn hóa ngày càng cao của nhân dân, góp phần xây dựng nền văn hóa mới và con người mới xã hội chủ nghĩa.

VĂN HỌC VIỆT NAM VỚI ĐỀ TÀI CHIẾN TRANH CÁCH MẠNG VÀ LỰC LƯỢNG VŨ TRANG

ĐINH XUÂN DŨNG

NỀN văn học cách mạng Việt nam ra đời và phát triển trong một thời kỳ lịch sử đặc biệt của dân tộc : thời kỳ sụp đổ của xã hội cũ và nảy sinh, chiến thắng của xã hội mới. Đó là một thời kỳ vô cùng sôi động và phong phú. Sự chiến thắng của cái mới, cái cách mạng phải trải qua một cuộc đấu tranh quyết liệt, mất còn từng bước đánh gục, đánh bại sự chống trả dai dẳng của cái cũ, cái phản động. Cuộc đấu tranh đó diễn ra trên mọi bình diện của cuộc sống gần bốn mươi năm qua, mà trung tâm, điểm nóng, điểm bùng nổ là cuộc chiến tranh giải phóng dân tộc chống Pháp, chống Mỹ ba mươi năm (1945 - 1975) và cuộc chiến tranh bảo vệ Tổ quốc chống bọn bành trướng, bá quyền Trung quốc hiện nay.

Là tiếng nói của cái mới, cái cách mạng, nền văn học của chúng ta luôn luôn vươn lên, đứng ngay ở nơi trung tâm đó của cuộc đấu tranh, phản ánh những mặt bản chất nhất, sôi động nhất của hiện thực ấy và tích cực góp phần vào sự chiến thắng của xã hội mới, sự nảy sinh và phát triển của con người mới. Vì thế, một trong những thành tựu lớn nhất của nền văn học Việt nam là sự phản ánh trung

thành, chân thật, sinh động hiện thực chiến tranh cách mạng của nhân dân ta gần bốn mươi năm qua.

Trước hết, nền văn học đó đã luôn luôn có mặt cùng nhân dân đang chiến đấu, có mặt ở những nơi mà cuộc đấu tranh diễn ra quyết liệt nhất. Việc đó đầu phải là đơn giản và dễ dàng đạt tới. Sự vận động, biến đổi của hiện thực bốn mươi năm qua diễn ra cực kỳ nhanh chóng, sôi động. Văn học của chúng ta đã nỗ lực vươn lên không ngừng để theo kịp bước tiến không ngừng của nhân dân trong đấu tranh ; nhận thức nhanh nhạy với những tình cảm chân thành, trong sáng và nồng nàn những cái đẹp, cái mới, cái anh hùng đang nảy sinh và phát triển trong cuộc chiến đấu, cố gắng góp phần mình vào quá trình đấu tranh bằng cách nhân lên trong con người sức mạnh tinh thần, niềm tin và lý tưởng chiến đấu. Trong đấu tranh, nhân dân cần đến văn học, thiết tha và quý trọng văn học, bởi vì đó là tiếng nói, là tình cảm, là âm vang và sự cộng hưởng tinh thần của chính họ, và cũng bởi vì đó là nền văn học do những người trong cuộc sáng tạo nên để chiến đấu bằng vũ khí của riêng mình. Có thể nghĩ rằng, nguyên nhân sâu xa nhất

của những thành công xuất sắc trong văn học của chúng ta bốn mươi năm qua là ở chỗ: trong những tháng năm chiến tranh gian khổ và vĩ đại ấy, trái tim của người nghệ sĩ đã hòa cùng nhịp với trái tim của nhân dân đang chiến đấu. Bài học tưởng như là hiển nhiên, nhưng thật sự trở thành vĩnh hằng và luôn luôn là mới đối với một nền văn học muốn lúc nào cũng giữ đúng vị trí của nó: người kỹ sư tâm hồn của cuộc đấu tranh vì những lý tưởng vĩ đại.

Trước một hiện thực chiến tranh đang diễn ra cực kỳ sôi động, phức tạp, phong phú và mang những đặc điểm rất độc đáo, ngay từ đầu, văn học của chúng ta phải giải quyết một nhiệm vụ không đơn giản: vừa phải bao quát cuộc chiến tranh ấy trong tiến trình rất khẩn trương, đầy biến đổi của nó với những chiều rộng luôn luôn mở ra trên mọi bình diện của đời sống, vừa phải chiếm lĩnh, đi vào bản chất, chiều sâu của hiện thực với những vấn đề cốt lõi, nóng bỏng của nó. Trong những năm tháng chống Pháp và chống Mỹ, văn học của chúng ta đã vươn tới những thành tựu xuất sắc khi giải quyết nhiệm vụ trên. Một loạt những tác phẩm tiêu biểu ra đời trong hai thời kỳ này hoặc thai nghén ngay trong những ngày chiến đấu sôi động đó và hoàn thành vào những năm sau như *Xung kích*, *Vùng mỏ*, *Con trâu*, *Đất nước đứng lên*, *Truyện Tây bắc*, *Một chuyện chép ở bệnh viện*, *Sống mãi với thủ đô*, *Trước giờ nổ súng*, *Gao đêm cuối cùng*... (viết về thời kỳ kháng chiến chống Pháp) và *Dấu chân người lính*, *Vùng trời*, *Chiến sĩ*, *Thôn ven đường*, *Kun Lích*, *Cửa sông*, *Phù sa*, *Người cầm súng*, *Mầm sông*, *Họ sống và chiến đấu*, *Những ngày nổi giận*, *Đường lớn*, *Hà nội ta đánh Mỹ giỏi*, *Mặn và lợ*, *Gia đình má Bảy*, *Về làng*, *Hồn đất*, *Bức thư Cà mau*, *Dắt Quảng*, *Trên quê hương những anh hùng Điện ngọc*, *ở xã Trung nghĩa*, *Người mẹ cầm súng*, *Rừng U minh*,

Chiếc lược ngà, *Bông cầm thạch*, *Bất khuất*... (viết về thời kỳ kháng chiến chống Mỹ) đã thể hiện nổi bật một bước tiến lớn của văn học chúng ta: vươn lên chiếm lĩnh hiện thực chiến tranh, bao quát và tái tạo trong những bức tranh rộng lớn và toàn cảnh, đi sâu khai thác các tương quan bản chất nằm trong hiện thực ấy, vẽ ra được một bức tranh phong phú về các loại nhân vật rất khác nhau và cố gắng khai thác sâu các số phận, đường đời, tâm lý của các loại người trong chiến tranh, từ đó làm sáng lên những vấn đề đặc thù, độc đáo trong hiện thực chiến tranh ở Việt nam.

Cái đặc thù, độc đáo được văn học chúng ta khám phá và khẳng định trước hết là *chủ nghĩa anh hùng cách mạng được phát triển đến cao độ với những biểu hiện vô cùng phong phú* của nó trong chiến đấu của nhân dân ta, quân đội ta. Chủ nghĩa anh hùng trở thành một nội dung đạo đức - thẩm mỹ, đứng ở vị trí trung tâm trong sự khám phá và miêu tả con người Việt nam của văn học chúng ta bốn mươi năm qua. Không chỉ miêu tả chủ nghĩa anh hùng mang tính phổ biến sâu sắc trong quần chúng, văn học của chúng ta còn luôn luôn vươn lên để khám phá quá trình hình thành những phẩm chất anh hùng ấy với mọi biểu hiện sinh động của nó để đi sâu vào bản chất và vẻ đẹp dân tộc độc đáo của con người Việt nam. Chưa bao giờ trong văn học của chúng ta lại xuất hiện nhiều đến thế những điển hình cao đẹp, sáng ngời chất lý tưởng của con người mới, con người anh hùng trong chiến tranh. Nhiều điển hình ấy đã từ trang sách của tác giả bước vào đời sống chiến đấu của nhân dân, của bộ đội, trở thành những tấm gương, những người bạn thân thiết và lý tưởng của những người đang cầm súng chiến đấu giải phóng và bảo vệ Tổ quốc. Miêu tả và khám phá chủ nghĩa anh hùng của con người không phải chỉ vì mục đích

phục vụ trước mắt, cõ vũ động viên con người trong chiến tranh, mà chính là một cơ sở, một nền tảng tư tưởng – thẩm mỹ của văn học hiện thực xã hội chủ nghĩa của chúng ta. Đó chính là một kinh nghiệm tư tưởng – nghệ thuật của văn học viết về chiến tranh những năm qua. Kinh nghiệm đó cần được phát huy và giữ vai trò chỉ đạo, định hướng cho văn học những năm sắp tới.

Một hình tượng văn học rực rỡ và đặc sắc trong nhiều sáng tác của chúng ta bốn mươi năm qua là hình tượng *cả dân tộc hành quân, cả dân tộc ra trận*. Hình tượng đó nhằm nhận thức cuộc hành trình vĩ đại của dân tộc ta hơn nửa thế kỷ qua đi tới độc lập, tự do và chủ nghĩa xã hội, đồng thời nhằm khám phá một đặc điểm độc đáo của hiện thực chiến tranh ở nước ta: cuộc chiến tranh nhân dân vĩ đại. Thành quả lớn lao của bản thân hiện thực đời sống đã trở thành – thông qua sự khám phá của người sáng tạo nghệ thuật – một nội dung đặc sắc của bản thân nghệ thuật. Những bức tranh rất đẹp, sinh động về chiến tranh nhân dân mà nhân vật trung tâm là các lực lượng vũ trang anh hùng với ba thứ quân đã được nhiều tác giả dày công miêu tả. Diện mạo và những hình thái biểu hiện cực kỳ đa dạng của chiến tranh nhân dân như hậu phương với tiền tuyến, chiến đấu và xây dựng, sự phối hợp giữa ba thứ quân, đấu tranh chính trị và đấu tranh vũ trang... đã được khám phá và chuyển hóa thành những hình tượng độc đáo, trong đó, nổi lên như một trong những thành công lớn nhất của văn học ta là hình tượng quần chúng anh hùng và những người anh hùng từ quần chúng. Chúng ta có không ít những tác phẩm thành công trong việc xử lý đúng đắn quan hệ này như *Dắt nước đứng lên*, *Sống như Anh*, *Người mẹ cầm súng*, *Dấu chân người lính*, *Hòn đất*... Quan hệ biện chứng

giữa quần chúng và anh hùng, giữa tập thể và cá nhân anh hùng là một vấn đề mang ý nghĩa cách tân sâu sắc trong văn học hiện thực xã hội chủ nghĩa. Cảm hứng và sự nhận thức sâu sắc về chiến tranh nhân dân đã giúp cho văn học ta không chỉ đặc tả được những vẻ đẹp của mỗi cá nhân, mà còn dựng lên được những bức tranh hoành tráng về sức mạnh tổng hợp của quần chúng. Chính cảm hứng ấy đã tạo nên trong nhiều tác phẩm một loại hình tượng độc đáo. Đó là hình tượng nhân dân – người anh hùng chủ yếu trong chiến tranh. Có thể, văn học của chúng ta chưa sáng tạo được thật nhiều những điển hình có tầm vóc lớn tương xứng với thời đại, nhưng những bức tranh miêu tả về nhân dân vĩ đại, những bức tranh về tập thể những con người bình thường nhưng vĩ đại lại chính là một thành công nổi bật trong nhiều tác phẩm viết về cuộc chiến tranh nhân dân ở nước ta.

Phát triển trong khói lửa của ba mươi năm chiến tranh, tự khẳng định mình là vũ khí tinh thần lợi hại của nhân dân trong những tháng năm khốc liệt nhất để giành độc lập, tự do và chủ nghĩa xã hội, nền văn học của chúng ta mang tính chiến đấu sắc bén. Nó luôn luôn nhạy cảm và đồng cảm với những khát vọng tinh thần lớn nhất của dân tộc, vì thế tính chiến đấu của nền văn học ấy lại hòa quyện hữu cơ với một chủ nghĩa nhân đạo cao quý, bởi vì từ trong bản chất và truyền thống lâu đời của mình, dân tộc ta là một dân tộc của lễ phải và tình thương, trong lễ phải và tình thương. Thấm đượm trong toàn bộ nền văn học này (ngay cả những khi nó phải đề cập tới những cái khốc liệt nhất) là một tình yêu lớn, một tình thương sâu thẳm. Đó là tình yêu Tổ quốc, yêu lý tưởng, yêu con người, yêu thiên nhiên, yêu tất cả những gì làm nên vẻ đẹp của cuộc sống và con người. Con người mà nền văn học này

bao giờ cũng dành cho những tình yêu thiết tha và nồng nàn nhất chính là người chiến sĩ cầm súng — những người đã và đang chiến đấu quên mình vì lý tưởng cao cả của dân tộc. Nếu như chiều sâu của nền văn học ta chưa được bộc lộ đầy đủ trong việc khám phá những vấn đề triết học, tâm lý ẩn sâu trong hiện thực chiến tranh, thì lại được thể hiện ở mức độ đậm đặc nhất trong khả năng phát hiện những vẻ đẹp tâm hồn, tình cảm của con người đang chiến đấu. Nhiệt tình và phẩm chất nhân đạo sâu sắc của văn học ta gắn liền với sự phát hiện ấy, gắn liền với một tình yêu lớn dành cho những người «đám đóm những phong ba dữ dội» của chiến tranh để đi tới tự do và giải phóng.



Cuộc sống của dân tộc ta trong bốn mươi năm qua đã có những biến đổi long trời, chuyển đất. Cả dân tộc đã «sống những ngày vĩ đại nhất của lịch sử. Đúng là chúng ta đang sống dồn, dồn thời gian, dồn không gian» (1). Sự vận động sôi động, mãnh liệt và sự dồn tụ những vấn đề nóng hổi nhất của dân tộc và thời đại vào trong một thời điểm lịch sử ngắn là hai đặc điểm nổi bật của hiện thực bốn mươi năm qua. Đứng trước một hiện thực như vậy, dù đã có những nỗ lực to lớn, văn học của chúng ta vẫn không thể chiếm lĩnh và ôm trùm được trọn vẹn hiện thực ấy. Chưa có được những tác phẩm tương xứng với thời đại. Chưa có được những điển hình có tầm vóc lớn, tiêu biểu cho con người của chúng ta trong những tháng năm vĩ đại ấy. Những nhược điểm, khuyết điểm như thế là khó tránh khỏi đối với nền văn học còn non trẻ của chúng ta

Hiện thực cực kỳ phong phú, dồi dào. Những nguyên mẫu hấp dẫn của văn học luôn luôn sẵn có. Nhiều khi chỉ cần kê tả lại, tái dựng lại một

cách sinh động, có chọn lọc với một tình cảm nồng nàn, một sự xúc động chân thành là đã có thể tạo được một tác phẩm đứng vững trong tình cảm của người đọc. Mặt khác, rất nhiều tác phẩm được viết ra trong những điều kiện khắc nghiệt, đầy khó khăn của chiến tranh. Vì vậy, chiều sâu của sự khám phá những vấn đề của đời sống, độ dày của hiện thực được miêu tả, tính tổng hợp của sự khái quát hóa nghệ thuật, không thể tránh khỏi những hạn chế.

Những đặc điểm, khuyết điểm trên đây còn gắn liền với một nguyên nhân khác, đó là sự thiếu biện chứng trong quá trình tư duy của người cầm bút. Bề mặt, bề nổi của chiến tranh với tổng số các sự kiện, biến cố, tiến trình cụ thể và bề sâu, bề chìm của hiện thực ấy trong nhiều tác phẩm chưa có một sự hòa quyện chặt chẽ. Phạm vi và hoàn cảnh được miêu tả trong nhiều tác phẩm bị bó hẹp trong một trận đánh, một chiến dịch, một vùng quê, làng xã. Hai mặt của chiến tranh: cái khốc liệt, dữ dội, tàn phá và cái anh hùng, dịu ngọt, cái lãng mạn của những chiến công, chưa được soi sáng trong một tổng thể hữu cơ để từ đó làm bật lên những vấn đề triết học, đạo đức, tâm lý của con người. Sự vận động đề đi tới chiến thắng, sự vận động tình vi, phong phú, phức tạp của con người trong văn học ta mới chỉ được vẽ ra với những đường nét cằn đơn giản, đôi khi đơn điệu và mòn cũ.

Các mốc lịch sử trong ba mươi năm chiến tranh như chiến dịch Điện Biên phủ, cuộc tiến công Tết Mậu Thân (1968), chiến dịch Hồ Chí Minh đã để lại những dấu ấn sâu sắc về mặt lịch sử. Đối với văn học, các mốc lịch sử ấy chính là điểm hội tụ, dồn tụ, có đặc của những đặc điểm toàn cục của cuộc chiến đấu, của con người tham

(1) Phạm Văn Đồng: Về văn hóa—văn nghệ. Nxb Văn hóa, Hà Nội, 1972, tr. 389.

gia chiến đấu. Bởi vậy, chúng vốn là đề tài hấp dẫn đối với sáng tạo nghệ thuật. Chúng ta còn thiếu nhiều tác phẩm dựng lại các điểm mốc ấy, làm chúng sống mãi trong tâm khảm, tình cảm con người như những chiến công hiển hách của dân tộc.



Từ việc đánh giá thành tựu và nhược điểm của văn học ta viết về chiến tranh trong những năm qua, có thể thấy hai vấn đề cấp bách đang đặt ra cho quá trình sáng tạo văn học trong những năm tới là: đồng thời phải giải quyết cả chiều rộng và chiều sâu của sự phản ánh, miêu tả chiến tranh để có thể tạo ra một dòng văn học phong phú với những tác phẩm ưu tú viết về đề tài chiến tranh cách mạng và lực lượng vũ trang nhân dân.

Chiều rộng chính là khả năng chiếm lĩnh các mặt khác nhau, các bình diện khác nhau, các mốc lịch sử, các địa phương, địa bàn, các tầng lớp, các loại người và số phận khác nhau của chiến tranh mà trước đây chưa có điều kiện chiếm lĩnh hết. Một bức tranh toàn cảnh như vậy chỉ có thể được giải quyết với toàn bộ nền văn học trong nhiều năm tới. Gắn liền với nhiệm vụ và mong ước không lồ ấy là một công việc khác không kém phần quan trọng, nếu như không muốn nói là rất cấp bách, hiện nay: sự quy hoạch tổng thể và cụ thể đội ngũ sáng tác của tất cả các thể hệ, sự phát huy và khuyến khích cao độ tiềm năng sáng tạo của đội ngũ ấy và của những người đã từng tham gia chiến tranh, để có thể tìm thấy và nuôi dưỡng những tài năng mới.

Chiều sâu chính là năng lực khám phá bằng nghệ thuật ý nghĩa lịch sử — thời đại của cuộc chiến đấu, tâm vóc của những chiến công và của chủ nghĩa anh hùng của nhân dân, cội nguồn của sức mạnh dẫn đến chiến

thắng của con người chúng ta và những vấn đề triết học, nhân sinh, đạo đức, tâm lý được đặt ra qua hiện thực chiến tranh. Lúc này, chiều sâu của tác phẩm viết về chiến tranh còn là sự tham gia của nó — bằng việc đúc rút những bài học, những kinh nghiệm trong chiến tranh — vào việc góp phần giải quyết những vấn đề nóng bỏng của con người trong hiện tại, bởi vì tác phẩm viết về chiến tranh gần bốn mươi năm qua phải là nhịp cầu tinh thần nối liền quá khứ với hiện tại.

Để đạt tới một chiều sâu mới trong sự phản ánh chiến tranh, văn học cần tiếp tục khám phá nhiều hơn nữa sự tác động qua lại hết sức phức tạp, tinh vi giữa chiến tranh và con người, giữa con người với nhau trong biến cố chiến tranh, bởi vì chiến tranh là sự sàng lọc nghiêm ngặt nhất phẩm chất con người, những giá trị tinh thần của con người. Trải qua những đau thương, hy sinh vô bờ bến, con người của chúng ta được sự cõ vũ bởi lý tưởng chiến đấu cao cả, đã vươn tới một cuộc sống mới, đã bảo vệ và phát triển những phẩm chất, những giá trị thật sự cao quý của dân tộc. Đồng thời, cũng trong cuộc chiến tranh khốc liệt ấy, những gì là tội ác, đen tối, xấu xa, thấp hèn, yếu đuối... cũng được hiện nguyên hình. Chính cái quá trình phong phú, phức tạp và rất hiện chứng ấy phải trở thành chủ đề, thành nội dung của những tác phẩm viết về chiến tranh hiện nay, bởi vì con người ngày hôm nay không thỏa mãn với cách miêu tả những cái gì sẵn có, bất biến, lý tưởng hóa, mà cần ở nghệ thuật những lý giải sâu sắc, trí tuệ, đầy sức thuyết phục về những câu hỏi không chỉ cần cho con người trong chiến tranh, mà cần cả cho con người trong hiện tại như: vì sao con người có thể đứng vững và tự khẳng định được những giá trị của mình trước những thử thách? Vì sao có người đã gục ngã.

đã thoát hóa, trở nên đen tối hoặc thấp hèn? Có như thế văn học mới có thể góp phần giúp mỗi người tự rèn luyện để có bản lĩnh hoàn thành tốt nhiệm vụ của mình trong sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa. Hơn lúc nào hết, những giá trị đã được kết tinh trong khối lửa, trong bom đạn, trong thử thách khốc liệt của chiến tranh như lòng yêu nước xã hội chủ nghĩa, sự hiểu biết sâu sắc và sẵn sàng hy sinh vì lý tưởng, chủ nghĩa anh hùng cách mạng, những phẩm chất đạo đức cao quý và vẻ đẹp tinh thần của con người Việt nam phải được khẳng định mạnh mẽ trong văn học viết về chiến tranh lúc này, khi con người chúng ta đang đứng trước những thử thách mới, những nhiệm vụ to lớn, nặng nề và khi kẻ thù của cách mạng đang điên cuồng tìm mọi mưu kế để đánh phá các giá trị ấy trong con người của chúng ta.

Lực lượng vũ trang nhân dân anh hùng của chúng ta đang gánh vác những nhiệm vụ nặng nề: sẵn sàng chiến đấu và chiến đấu để bảo vệ vững chắc từng tấc đất của Tổ quốc, để bảo vệ những thành quả của công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội và đang làm nghĩa vụ quốc tế cao cả đối với hai dân tộc anh em thân thiết: Lào và Cam-pu-chia. Trong cùng một chiến hào, trên cùng một trận địa, một điểm tựa ở vùng biên cương của Tổ quốc, cả ba thế hệ những người chiến sĩ chống Pháp, chống Mỹ và chống bọn bành trướng Bắc kinh đang sát cánh bên nhau, chịu đựng nhiều gian khổ, chiến đấu và sẵn sàng chiến đấu. Đó chính là đối tượng phản ánh và đối tượng phục vụ ưu tiên nhất của văn học viết về chiến tranh giải phóng và bảo vệ Tổ quốc của dân tộc ta. Nhân lên nhiều lần trong họ những sức mạnh vĩ đại, những giá trị cao quý của truyền thống ba mươi năm chiến đấu, huy đúc trong họ một ý

chí sắt đá, khi cần thiết sẵn sàng hy sinh quên mình vì sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc, nuôi dưỡng trong họ những phẩm chất đạo đức, tình cảm cao đẹp... là trách nhiệm lớn nhất của văn học chúng ta khi viết về chiến tranh. Chính vì vậy, văn học viết về chiến tranh là cần thiết không phải chỉ để khẳng định cái quá khứ anh hùng mà còn để cho quá khứ ấy; chiến công ấy sống trong hiện tại và tương lai như một sức mạnh tinh thần, góp phần định hướng cho những chiến công mới trong một thời kỳ lịch sử mới: xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội và sẵn sàng chiến đấu bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt nam xã hội chủ nghĩa.



Xây dựng huyện...

(Tiếp theo trang 39)

và cơ sở, sự giúp đỡ của trung ương và tỉnh sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho huyện và cơ sở phát huy khả năng của mình.

Với việc phát huy mạnh mẽ quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động, phát động phong trào thi đua sôi nổi, liên tục xây dựng huyện giữa các cơ sở ở từng huyện, giữa các huyện với nhau, bảo đảm sự giúp đỡ tích cực của tỉnh và trung ương, chúng ta sẽ làm cho các huyện trong cả nước trở thành huyện vững mạnh về mọi mặt.

Chiến thắng Rạch găm – Xoài mút cách đây vừa chẵn 200 năm

VĂN TÂN

CHIẾN thắng Rạch găm – Xoài mút ngày 20-1-1785 là một chiến thắng lớn trong lịch sử chống ngoại xâm của dân tộc Việt nam, 200 năm rồi, vẫn còn vang dội.

Hồi bấy giờ, chế độ phong kiến Việt nam đang suy tàn, bọn phong kiến phản động ở Đàng trong đứng đầu là Nguyễn Ánh bị phong trào Tây sơn đánh đổ, đã đi vào con đường phản bội Tổ quốc, cầu cứu quân Xiêm giúp chúng lấy lại đất Gia định. Vua Xiêm bấy giờ là Chắt Tri đã chiếm được nước Chân Lạp mà không mất một viên đạn nào, muốn nhân cơ hội này đánh chiếm luôn lấy đất Gia định của Việt nam. Chắt Tri liền cho hai cháu là tướng Chiêu Tăng và tướng Chiêu Sương đem quân thủy, tướng Chiêu Chùy Biên đem quân bộ, tất cả gồm 50 000 tên tiến đánh Gia định.

Tháng 6 năm Giáp Thìn (1784) quân thủy của Xiêm do Chiêu Tăng và Chiêu Sương chỉ huy xuất phát từ Vọng các xuôi dòng sông Mê nam ra cửa biển Bắc nôm rồi vượt vịnh Thái lan tiến vào Hà tiên, quân bộ Xiêm do Chiêu Chùy Biên chỉ huy từ Chân Lạp cũng tiến vào Gia định.

Mở đường cho quân Xiêm xâm lược là quân bản bộ của Nguyễn Ánh. Vào

khoảng tháng 7 năm Giáp Thìn, quân Xiêm chiếm Ba xác, Trà Ôn, Mân thít, Sa đéc...

Đầu tháng 11 năm Giáp Thìn, phần lớn quân Tây sơn đã rút về Sài gòn, nhưng hậu đội của họ còn ở lại Mỹ Tho. Quân Xiêm và quân Nguyễn Ánh không những đã kiểm soát ba tỉnh miền Tây mà còn hoạt động ở nhiều nơi thuộc tỉnh Định Tường. *Đạt nam thực lục chính biên* chép biết: « Quân Xiêm tàn bạo đi đến đâu là cướp bóc đến đấy, dân ta oán giận rất nhiều ».

Theo dõi chặt chẽ hoạt động của quân Xiêm và tích cực chuẩn bị kế hoạch phản công chiến lược nhằm quét sạch quân xâm lược ra khỏi bờ cõi, cuối tháng 11 năm Giáp Thìn, Nguyễn Huệ dẫn quân đến Sài gòn. Quân Xiêm và quân Nguyễn Ánh đóng ở Trà tân, một vị trí nằm ở bờ phải con rạch Trà tân. Nguyễn Huệ cho một người Chân Lạp mang vàng bạc đến doanh trại quân Xiêm đề nghị giảng hòa. Sứ giả Tây sơn nói đại khái như sau: « Nước tôi có sự tranh chấp giữa cựu triều (chỉ Nguyễn Ánh) và tân triều (chỉ Tây sơn), Vương tử (chỉ Chiêu Tăng) từ xa đến đây để làm gì ? Chi bằng cùng chúa tôi giảng hòa... ». Chiêu Tăng nhận lễ, giả vờ đồng ý

giảng hòa rồi thưởng cho sứ Tây sơn, nhưng lại hẹn với Nguyễn Ánh là đến đêm mùng 9 tháng 12 năm Giáp Thìn (tức đêm 19 tháng 1 năm 1785) sẽ mở đầu cuộc đại tiến công đề tiêu diệt quân Tây sơn. Chiêu Tăng nói: «Quốc vương mang thuyền chiến đi trước, xông lên phá thuyền chiến của giặc, còn tôi, tôi mang thuyền chiến lớn nhỏ phá thuyền chiến của giặc ở ngang sông, thì tất giành được toàn thắng» (theo *Mạc thị gia phả*) (1).

Như thế là Chiêu Tăng đã chủ động mở cuộc đại tiến công vào quân Tây sơn đêm 19 tháng 1 năm 1785, cho rằng đó sẽ là một đòn rất bất ngờ đối với Nguyễn Huệ. Nhưng Chiêu Tăng không ngờ Nguyễn Huệ lại biết rất rõ ý định này của y, đã bố trí trận địa phục kích ở Rạch gầm — Xoài mút để đón đánh quân địch.

Vào khoảng canh tư, canh năm đêm 19 rạng ngày 20 tháng 1 năm 1785, khi quân Xiêm và quân Nguyễn Ánh đã ở tư thế sẵn sàng chiến đấu thì thuyền chiến của Tây sơn kéo đến thách thức. Tức thì Chiêu Tăng ra lệnh cho quân Xiêm và quân Nguyễn Ánh mở đầu cuộc tiến công.

Từ ngày vào Kiên giang, quân Xiêm liên tiếp chiếm Trấn Giang, Sa đéc, Long hồ, Mân thít, Ba lai, Trà tân... mà không gặp một sức kháng cự nào đáng kể. Lần này chúng tưởng cũng sẽ chiến thắng dễ dàng như các lần trước. Lúc chúng mở cuộc tiến công, thuyền chiến Tây sơn rút chạy. Nước triều ở cửa Tiểu, cửa Đại đang xuống mạnh, thuyền chiến Tây sơn và thuyền chiến địch xuôi dòng sông Mỹ tho với một tốc độ rất lớn. Độ nửa giờ thuyền chiến của Xiêm và Nguyễn Ánh đã lọt vào trận địa phục kích của quân Tây sơn trên đoạn sông Mỹ tho từ Rạch gầm đến Xoài mút. Thuyền chiến Tây sơn mai phục ở rạch Xoài mút bất ngờ lao ra sông Mỹ tho, dùng đại bác các cỡ và hỏa hổ bắn như mưa vào thuyền địch. Từ Rạch gầm thuyền

chiến Tây sơn cũng tiến ra sông Mỹ tho vút kín đường rút lui của thuyền chiến giặc, rồi nhả đại bác và hỏa hổ vào chúng. Súng lớn, súng nhỏ của Tây sơn từ bờ bắc sông Mỹ tho, từ cồn Bà Kiêu, cồn Bồn thôn, từ cù lao Thới sơn cũng thi nhau bắn vào thuyền chiến của giặc đang rối loạn. Quân thủy, quân bộ của Tây sơn từ các ngả cũng tới tập đánh vào thuyền chiến địch. Hơn 300 thuyền chiến của Chiêu Tăng và Nguyễn Ánh bị tiêu diệt gọn. Mấy nghìn quân của Nguyễn Ánh hoặc bị bắt, hoặc bị giết sạch. *Đại nam thực lục chính biên* cho biết khi Nguyễn Ánh chạy đi Trấn giang, «bây tôi theo hầu chỉ còn có hơn mười người». Năm vạn quân Xiêm chỉ còn lại hơn một vạn là những quân đóng ở nơi xa trận địa Rạch gầm — Xoài mút, số quân này không bị đánh cũng tự tan rã vì mất hết tinh thần chiến đấu trước đòn sấm sét của quân Tây sơn ngày 20-1-1785 tại Rạch gầm — Xoài mút.



Chiến thắng Rạch gầm — Xoài mút ngày 20-1-1785 đã đập tan sự xâm lược và mưu đồ hành tẩu của bọn phong kiến Xiêm, trừng trị đích đáng hành động bán nước của bọn Nguyễn Ánh, một lần nữa giải phóng đất Gia định, bảo vệ độc lập dân tộc và toàn vẹn lãnh thổ của Việt nam.

Cần chỉ ra rằng khi «Nguyễn Ánh công răn cần gà nhà» thì sự can thiệp của quân Xiêm không phải không là một mối nguy cơ cho nền độc lập của nước ta thời bấy giờ. Đất nước đang bị chia cắt, rối loạn, nhân dân đói khổ, lầm than. Bọn phong kiến Xiêm theo chủ nghĩa Đại Thái luôn luôn mưu toan mở rộng lãnh thổ của mình.

(1) *Mạc thị gia phả* là gia phả họ Mạc do Võ Thế Vi, một chân tay của Mạc Tử Sinh viết, Võ Thế Vi theo Nguyễn Ánh và phục vụ Nguyễn Ánh được Nguyễn Ánh phong cho tước đình đức hầu, chức cai đội.

xâm lược các nước láng giềng, sau khi chiếm được Chân Lạp năm 1783, lại đang dòm ngó đất đai Việt nam. Quân đội Xiêm thời bấy giờ là một lực lượng vũ trang đáng kể. Chúng đã được trang bị một số vũ khí của phương Tây tư bản chủ nghĩa. Chúng đã nhiều lần xâm phạm lãnh thổ Việt nam, quen tác chiến trên các địa hình nhiều sông rạch ở miền Nam nước ta. Mới hơn 10 năm trước, năm 1771, hai vạn quân thủy bộ Xiêm đã đánh chiếm đất Hà tiên của Việt nam, cướp của giết người rất tàn bạo. Lần này, khi nhận lời "giúp" Nguyễn Ánh về đánh nhau với quân Tây sơn, quân Xiêm đã có sẵn một kế hoạch chiến lược, sử dụng và phát triển hết ưu thế tiến công của chúng bằng thủy quân; chúng đánh chiếm các vùng từ vịnh Xiêm la đến Tiền giang, đánh đến đâu cũng cố đến đấy và tăng cường lực lượng để chờ tiêu diệt nghĩa quân Tây sơn từ Quy nhơn kéo vào tăng viện. Nếu nghĩa quân Tây sơn do Nguyễn Huệ chỉ huy không đại phá quân xâm lược Xiêm ở Rạch gầm - Xoài mút thì đất Gia định đã biến thành đất Xiêm. Và vua Xiêm Chắt Tri cũng sẽ không dừng lại ở Gia định, mà rất có thể sẽ tiến lên đe dọa toàn bộ lãnh thổ Việt nam và lãnh thổ các nước khác ở Đông Nam châu Á.

Chiến thắng Rạch gầm - Xoài mút ngày 20 tháng 1 năm 1785 không chỉ - theo *Đại nam thực lục* - làm cho người Xiêm sợ quân Tây sơn như cọp", không chỉ đánh tan tác tổ thầy bọn Nguyễn Ánh, mà còn đặt cơ sở cho việc quân Tây sơn dưới sự chỉ huy của Nguyễn Huệ tiến ra tiêu diệt tập đoàn phong kiến Bắc Hà, thống nhất đất nước vào năm 1786, và ba năm sau đó, năm 1789, đại phá quân Mãn Thanh xâm lược, củng cố thêm một bước nền độc lập và thống nhất của Tộc quốc. Thật thế, trải 10 năm ròng, vì không rảnh tay ở phía Nam nên nghĩa quân Tây sơn cứ phải đề cho

bọn chúa Trịnh thổi nát thống trị từ Thuận hóa trở ra. Nay, sau chiến thắng Rạch gầm - Xoài mút, miền Nam đã tương đối ổn định, Nguyễn Huệ có thể mở chiến dịch giải phóng Phú xuân rồi tiến quân ra Thăng long lật đổ họ Trịnh. Nhờ thống nhất cả Bắc Nam vào một mối mà khi mấy chục vạn quân Mãn Thanh theo sự cầu cứu của tên vua bán nước Lê Chiêu Thống kéo sang xâm lược nước ta, chúng liền vấp phải sức mạnh đoàn kết chiến đấu quật cường bất khuất của cả nước, bị tiêu diệt hoàn toàn và bị thất bại nhục nhã. Mặc dù sau chiến thắng Rạch gầm - Xoài mút mấy năm, lợi dụng lúc Nguyễn Huệ bận công việc ở Bắc Hà, bọn Nguyễn Ánh lại quay về đánh phá Gia định, nhưng chiến thắng Rạch gầm - Xoài mút đã làm cho nước ta cơ bản thoát khỏi tình thế bị ngoại xâm đánh phá cả ở hai đầu - một tình thế mong muốn, một phương sách xâm lược cổ truyền của bọn hành trưởng bá quyền Trung quốc đối với nước ta - để tập trung lực lượng đối phó với Tôn Sĩ Nghị. Cho nên, cũng có thể nói rằng không có chiến thắng Rạch gầm - Xoài mút năm 1785 thì cũng không thể có chiến thắng Đống đa sáng ngày 5 tháng giêng năm Kỷ Dậu (1789).

Chiến thắng Rạch gầm - Xoài mút chứng tỏ sức mạnh vĩ đại của nhân dân ta ở miền Nam luôn luôn nêu cao truyền thống yêu nước, anh hùng và hướng về chính nghĩa, xứng đáng là thành đồng phía Nam của Tộc quốc. Từ trước năm 1784, nhân dân Gia định đã chán ghét chế độ phong kiến phản động của bọn chúa Nguyễn, đã hướng về nghĩa quân Tây sơn, và nhờ vậy mà nghĩa quân Tây sơn đã nhiều lần đánh đuổi được bọn Nguyễn Ánh ra khỏi đất liền. Khi quân Xiêm kéo vào xâm lược Việt nam, nhất là từ tháng 7 năm 1784, nhân dân Gia định lại càng tích cực ủng hộ quân Tây sơn, hướng về là cơ cứu nước của

Tây sơn, sẵn sàng đứng lên góp phần chặn đánh quân xâm lược, bảo vệ quê hương. Nhờ vậy mà khi cần rút lui thì quân Tây sơn bảo toàn được lực lượng, khi bố trí trận địa, giấu quân mai phục thì giữ được bí mật tuyệt đối, như được dịch vào trận địa phục kích để tiêu diệt chúng. Ngay cả những người đã từng đi theo Nguyễn Ánh như Lê Xuân Giác chẳng hạn cũng nhìn ra đâu là gian tà, đâu là chính nghĩa, và chính Nguyễn Ánh cũng có lúc đã phải than thở: “Muốn được nước thì phải được lòng dân...”
(Đạt nam thực lục chính biên).

Chiến thắng Rạch găm - Xoài mút làm rạng rỡ thiên tài quân sự của Nguyễn Huệ, vị tướng trẻ của Tây sơn bấy giờ mới 32 tuổi. Chiến lược và chiến thuật do Nguyễn Huệ vạch ra đã được vận dụng hết sức tài tình. Trận địa phục kích không quá rộng cũng không quá hẹp, vừa đủ để 10 vạn quân của hai bên vận động dễ dàng. Hai đầu trận địa phục kích có hai con rạch cho thuyền chiến mai phục, khi thuyền chiến Tây sơn từ Xoài mút cũng như từ Rạch găm tiến ra sông Mỹ tho thì quân địch bị vây kín không còn có lối nào chạy trốn. Xung quanh trận địa lại có những cồn như cồn Bà Kiêu, cồn Bồn thôn, những củ lao như củ lao Thới sơn rất tốt cho công việc bố trí đại bác và hỏa hồ để tiêu diệt địch. Trên bờ trái sông Mỹ tho từ Rạch găm đến Xoài mút, bộ binh Tây sơn từ sông Ba lại có thể vận động qua quãng sông nằm giữa cồn Bà Kiêu và cồn Bồn thôn bắt ngờ lao vào giữa đội hình địch để tiêu diệt chúng. Những đặc điểm đó của chiến dịch càng nêu rõ nghệ thuật quân sự tài tình của Nguyễn Huệ chỉ đạo chiến lược đúng đắn, biết tranh thủ thời cơ và hành động chiến lược bất ngờ, táo bạo, biết tổ chức chu đáo và tiến công kiên quyết, mạnh mẽ, đập tan liên quân Xiêm - Nguyễn giành thắng lợi rực rỡ cho chiến dịch,

★

Năm nay, chúng ta kỷ niệm lần thứ 200 chiến thắng Rạch găm - Xoài mút trong tình hình nước ta đã độc lập, thống nhất và tiến lên chủ nghĩa xã hội sau 30 năm tiến hành chiến tranh anh dũng chống Pháp và chống Mỹ, hiện nay lại đang phải chống chủ nghĩa bành trướng Trung quốc

Chúng ta tự hào về truyền thống anh hùng của dân tộc, sức mạnh vĩ đại của nhân dân ta, tài thao lược của ông cha ta và hết lòng tin tưởng ở tiền đồ xán lạn của nước ta trong cộng đồng các nước xã hội chủ nghĩa, trong liên minh đặc biệt giữa ba nước Đông dương.

Chúng ta muốn sống hòa bình và hữu nghị với tất cả các dân tộc, các nước láng giềng. Trong lịch sử, Việt nam chưa bao giờ xâm lược Thái lan, nhưng giới cầm quyền Thái lan thì đã nhiều lần xâm lược Việt nam, chứ không phải chỉ có một lần đến Rạch găm - Xoài mút. Nhưng tất cả các cuộc xâm lược ấy, hoặc chủ động tổ chức, hoặc hòa theo các nước lớn, kể cả việc đưa hai sư đoàn Thái lan theo đuôi quân Mỹ, cung cấp căn cứ không quân cho máy bay Mỹ đánh phá Việt nam trong chiến tranh xâm lược Việt nam vừa qua, hay là tiếp tay cho bọn bành trướng Trung quốc hiện nay, đều bị thất bại thảm hại.

Lịch sử còn ghi rõ từ thế kỷ XIII đến nay, quân xâm lược Xiêm đã thôn tính đất đai, thống trị hầu hết các nước láng giềng, đã từng cầu kết với các thế lực phong kiến và bọn bành trướng Trung quốc, với chủ nghĩa thực dân Anh, Pháp, với bọn quân phiệt Nhật bản và với đế quốc Mỹ trong chính sách xâm lược và thống trị nhiều nước ở Đông Nam châu Á. Thái lan là nước duy nhất ở Đông Nam châu Á có tham vọng bành trướng và bá quyền. Thái lan đã nhiều lần trực tiếp đem quân xâm lược Lào, Cam-pu-chia và các nước láng giềng

(Xem tiếp trang 84)

Những kẻ phản bội chủ nghĩa Mác tự vạch mặt

VŨ TIÊN

GẦN đây, tờ *Nhân dân nhật báo*, cơ quan ngôn luận chính thức của giới cầm quyền Trung quốc, đã nói toạc ra rằng chủ nghĩa Mác đã lỗi thời, chủ nghĩa Mác không thể giải quyết những vấn đề của Trung quốc. Thế là chiếc lá nho che đậy bản chất xấu xa giả danh chủ nghĩa Mác đã được chính giới cầm quyền Bắc kinh lột bỏ, khiến họ lộ nguyên hình là những kẻ đã hoàn toàn phản bội chủ nghĩa Mác. Dư luận báo chí phương Tây bình luận đủ kiểu. Có người cho rằng đây là đòn cảnh cáo những người đối lập đang kịch liệt chống lại đường lối cải cách của phe Đặng, thất bại thong lộng vào cổ họ. Nhưng nhiên số người chống lại đường lối của Đặng không phải ít. Nhưng ông Đặng đâu phải là người kém mưu mẹo trong việc trừng trị những người không ăn cánh với mình. Chẳng phải ông ta dưới chiêu bài «chỉnh đảng» đang thẳng tay trấn áp những người đối lập, đó sao? Cũng có người cho rằng đây là «cứ chỉ có tính chất chiến thuật» hơn là sự từ bỏ chủ nghĩa Mác về mặt lý luận vì ông Đặng vẫn là «cộng sản». Lập luận này là không có cơ sở. Bởi vì sự phản bội chủ nghĩa Mác của giới cầm quyền Bắc kinh đã hai năm rưỡi rồi, và chính họ đã nói lên điều đó trên cơ quan ngôn luận của mình.

Không phải bây giờ họ mới phản bội chủ nghĩa Mác

Giới cầm quyền Bắc kinh phản bội chủ nghĩa Mác từ lâu nhưng suốt quá trình đó, họ khoác bộ áo Mác-Lên-nin để lừa bịp thiên hạ, nhất là lừa bịp nhân dân nước họ nhằm che giấu việc họ đi với Mỹ và phương Tây, làm cho đất nước Trung hoa «biến đổi màu sắc» theo hướng tư bản chủ nghĩa, và che giấu việc họ câu kết với chủ nghĩa đế quốc trên thế giới để chống các nước xã hội chủ nghĩa, chống phong trào cách mạng thế giới, thực hiện chủ nghĩa bành trướng, bá quyền đại Hán. Ông Đặng thường hay nói: «Thực tiễn là tiêu chuẩn của chân lý». Vậy cái thực tiễn ở Trung quốc hiện nay là gì? Như mọi người đều biết, ở Trung quốc, tiếp sau cải cách «cải cách nông thôn» trước đây, cuộc «cách mạng ở thành thị» do hội nghị thứ ba của Trung ương Đảng cộng sản Trung quốc vừa đặt ra, chẳng đã chứng minh rằng Trung quốc đang phát triển theo hướng tư bản chủ nghĩa đó sao? Thực tiễn đó khiến cho giới cầm quyền Bắc kinh không thể tiếp tục che giấu cái «chân lý» đi theo phương Tây được nữa. Cũng cái «thực tiễn» đó đang đòi hỏi họ nhanh chóng thu hút được nhiều vốn và kỹ thuật của phương

Tây đề thực hiện « bốn hiện đại hóa », tăng gấp bốn lần tổng sản lượng quốc dân vào cuối thế kỷ này. Phương Tây nửa tin nửa ngờ, nếu họ cứ mập mờ giả danh chủ nghĩa Mác mà một tay bắt một tay thả thì phương Tây khó lòng dốc tiền của cho những ông bạn ở Trung nam hải. Cho nên họ phải nói thẳng với phương Tây rằng họ không theo chủ nghĩa Mác đâu, họ quyết tâm chen chúc anh với phương Tây để dần dần biến Trung quốc thành một nước tư bản chủ nghĩa như phương Tây. Và như vậy phương Tây mới dốc hầu bao cho họ. Chẳng phải có lần Hồ Diệu Bang, người cầm đầu Đảng cộng sản Trung quốc, đã nói rằng nền kinh tế Trung quốc phải liên kết với nền kinh tế phương Tây thì mới hiện đại hóa được đó sao ?

Ta hãy nhìn lại quá trình phản bội chủ nghĩa Mác của giới cầm quyền Bắc kinh xem nó diễn ra như thế nào.

Năm 1949, cách mạng dân chủ Trung quốc thành công. Chỗ dựa chủ yếu của thắng lợi đó không phải là khu Diên an, mặc dù không ai phủ nhận tác dụng to lớn của Diên an trong lịch sử cách mạng Trung quốc, mà là căn cứ quân sự Mãn châu do Liên xô trực tiếp giúp đỡ xây dựng sau khi Hồng quân đã đập tan đội quân Quan đông của Nhật bản trong chiến tranh thế giới thứ hai. Ngay trước khi cách mạng Trung quốc thắng lợi, nhóm mao ít trong ban lãnh đạo Trung quốc đã tỏ ra do dự trên vấn đề đi theo con đường nào. Khi thành lập nước Cộng hòa nhân dân Trung hoa, Mao Trạch Đông rêu rao thuyết « con đường thứ ba » tức là đứng giữa chủ nghĩa tư bản và chủ nghĩa xã hội. Chỉ với sự giúp đỡ của anh em bạn bè, trước hết là Đảng cộng sản Liên xô, « nền dân chủ mới » của Mao về cơ bản mới có nội dung xã hội chủ nghĩa, và vấn đề quá độ từ cách mạng dân chủ lên chủ nghĩa xã hội mới được đặt ra. Lúc ấy, lập trường dân tộc tiểu tư sản của

Mao bị đẩy lùi, lập trường của lực lượng mao xít lẻ nin nít được duy trì, đưa đến thắng lợi của Đại hội 8 Đảng cộng sản Trung quốc (tháng 9-1956). Đại hội này đã khẳng định đường lối xây dựng chủ nghĩa xã hội nhằm biến Trung quốc thành một nước xã hội chủ nghĩa phát triển với công nghiệp và nông nghiệp hiện đại, khẳng định chính sách đối ngoại củng cố tình hữu nghị anh em với Liên xô và các nước xã hội chủ nghĩa khác, đấu tranh chống chủ nghĩa đế quốc, chống việc dùng vũ lực trong quan hệ quốc tế.

Nhưng sau đó, Mao Trạch Đông và tập đoàn của ông ta đã phản kích quyết liệt. Những nhà lãnh đạo mao ít đã thay thế chủ nghĩa quốc tế vô sản bằng chủ nghĩa dân tộc hẹp hòi, xa rời những nguyên lý của chủ nghĩa xã hội khoa học, những quy luật chung của công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội. Về đối nội là chủ nghĩa phiêu lưu về kinh tế với cái gọi là « đại nhảy vọt » và « công xã nhân dân », bất chấp những quy luật kinh tế của chủ nghĩa xã hội, đưa nền kinh tế quốc dân Trung quốc đến bờ thảm họa: tổng sản phẩm quốc dân của Trung quốc năm 1964 giảm 15% so với năm 1958. Về đối ngoại, núp dưới những khẩu hiệu « cách mạng » cực tả, Trung quốc đoạn tuyệt với các nước xã hội chủ nghĩa. Hội nghị toàn thể Trung ương Đảng cộng sản Trung quốc tháng 8-1966 vạch ra đường lối « đấu tranh không khoan nhượng chống Liên-xô », mà đỉnh cao là cuộc xâm lược Liên-xô tháng 3-1969.

Cuộc « đại cách mạng văn hóa » được tiến hành trong thời gian này đã thật sự trở thành một thảm họa phổ biến mà đến nay, ngay ở Trung quốc người ta cũng lấy làm xấu hổ, ghê rợn và giận dữ khi nhắc tới. Nó đã phá hoại ghê gớm những thành quả mà nhân dân Trung quốc đã đạt được trong 10 năm đầu xây dựng đất nước.

Chính sách đối ngoại của Trung quốc dần dần « quay ngoắt sang hữu ». Từ năm 1971, Bắc Kinh thiết lập và duy trì các cuộc tiếp xúc thường xuyên với Nhà trắng. Đại hội 10 (1973) và Đại hội 11 (1977) Đảng cộng sản Trung quốc không hề nhắc đến đấu tranh chống chủ nghĩa đế quốc, khẳng định đường lối xích gần các nước phương Tây, tiếp tục tăng cường sự thù địch chống Liên xô và cộng đồng xã hội chủ nghĩa.

Phản bội chủ nghĩa Mác, họ đưa Trung quốc đi tới đâu?

Thời kỳ sau Mao với con người hùng Đặng Tiểu Bình là thời kỳ tay lái chính trị « chuyển mạnh sang cực hữu », được đánh dấu bằng cái gọi là Hội nghị thứ ba của Trung ương năm 1978. Trong thời kỳ này, nhất là những năm gần đây, những đồ võ trong « cách mạng văn hóa » được khắc phục một phần, tình hình Trung quốc có mặt được cải thiện. Nhưng phải nói rằng tình hình chính trị, xã hội Trung quốc trên một loạt phương hướng có tính nguyên tắc kém xa tình hình Trung quốc cuối thập kỷ đầu sau khi thành lập nước Cộng hòa nhân dân Trung hoa. Đặng tiểu Bình ngày càng dần sâu vào con đường liên kết kinh tế với chủ nghĩa tư bản, câu kết với chủ nghĩa đế quốc trên trường quốc tế. Nền kinh tế Trung quốc ngày càng xa rời quỹ đạo xã hội chủ nghĩa ; những hình thức tư hữu và phương pháp kinh doanh tư bản chủ nghĩa được phát triển mạnh mẽ thu hút rộng rãi vốn của tư bản nước ngoài, tạo khả năng cho phương Tây gây ảnh hưởng đối với đường lối chính trị của Trung quốc. Nhất là từ sau Đại hội 12, cán bộ và nhân dân Trung quốc bị mất phương hướng, bị « khủng hoảng lòng tin », bị « hỗn loạn về tư tưởng », cuộc « đấu tranh bẻ phái » lan rộng trong đảng và ngoài xã hội.

Chủ nghĩa thực dụng kiểu « mèo trắng mèo đen » của Đặng Tiểu Bình

được thực hiện triệt để. Phát biểu ý kiến trước những đại diện của Hoa kiều tại buổi chiêu đãi nhân dịp kỷ niệm lần thứ 35 ngày thành lập Cộng hòa nhân dân Trung hoa, Triệu Tử Dương đã khẳng định rằng vì « sự phồn vinh và sự phát triển » của Trung quốc, « chúng tôi (ban lãnh đạo Trung quốc - VT) sẵn sàng thực hiện bất kỳ phương hướng chính trị nào nhằm đáp ứng những yêu cầu nói trên, trong trường hợp ngược lại, chúng tôi cũng sẵn sàng bác bỏ, chúng tôi không bị kim hãm bởi bất kỳ mô hình nào, bất kỳ những nghị quyết và những nguyên tắc nào ». Không phải ngẫu nhiên mà tại quảng trường Thiên an môn nhân dịp quốc khánh Trung quốc năm vừa qua, người ta đã trưng lên cái biểu hiện con đại bàng bay vút lên không trung, chẳng cần « chim bé thì lông bé, chim to thì lông to » nào hết. Chẳng phải người ta đã xuất phát từ những nguyên tắc đó để tiến hành « cải cách nông thôn » đó sao ? Với cái gọi là chế độ trách nhiệm sản xuất, người ta đã « giải phóng » nông dân khỏi nền kinh tế tập thể, bằng cách giao hẳn ruộng đất cho họ, khuyến khích họ hãy làm giàu cho bản thân và hãy bỏ chính sách « đồ mạt », tức là đừng có hăn học đối với những người giàu hơn mình. Những ông « vua cà chua », « vua miến »,.... những « vạn phú » xuất hiện ngày càng nhiều ở nông thôn Trung quốc. Những « hộ chuyên » khá giàu, có tới hàng nghìn hàng vạn hộ. Tạp chí *Liễu vọng* số tháng 10-1984 cho biết: số ô tô của các hộ chuyên vận tải ở tỉnh Hà bắc lên tới 1309 000 chiếc, nhiều hơn cả số lượng ô tô của ngành vận tải quốc doanh tỉnh. Những hộ chuyên ở các tỉnh phát triển mạnh việc nhận khoán ruộng, tổ chức những liên hợp đầu tư và liên hợp kinh doanh tư nhân chẳng những trong ngành trồng trọt mà cả trong các nghề rừng, chăn nuôi, vận tải, dịch vụ.

Và cũng chính là xuất phát từ những nguyên tắc nói trên, người ta đã đề ra « cuộc cách mạng thành thị » tại Hội nghị thứ ba của Trung ương Đảng cộng sản Trung quốc gần đây (tháng 10-1984). Đó là chính sách cải cách kinh tế mà tư tưởng trung tâm là « xây dựng chủ nghĩa xã hội mang màu sắc Trung quốc », thực chất là « chủ nghĩa xã hội thị trường ». Nói về kết quả của cuộc hội nghị này, *Nhân dân nhật báo* ngày 26-10-1984 cho rằng tất cả những gì diễn ra trước đây trong thực tiễn xây dựng chủ nghĩa xã hội đều là « mô hình cứng nhắc ». Tư tưởng của nghị quyết đó là sự hạn chế vai trò lãnh đạo của Đảng cộng sản, chức năng pháp chế của Nhà nước, mở rộng quyền hành của các xí nghiệp và vai trò điều tiết của thị trường. Đó là thứ « chủ nghĩa xã hội » gắn với « nền kinh tế thị trường tự do », với sự cạnh tranh, với trò chơi giá cả, tức là những hiện tượng vốn có của phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa. Chiều hướng này đang và sẽ tạo nên sự phân tán mạnh mẽ tài sản và sự phân hóa về mặt xã hội, sự « bùng nổ » rõ rệt của tâm lý tư hữu nhỏ và sự tăng cường xâm nhập vốn của tư bản nước ngoài, đồng thời, sự du nhập lối sống và luân lý tư bản chủ nghĩa. Tạp chí *Tám gương* của Cộng hòa liên bang Đức, số 42 (1984) viết : « Trung hoa đang trong cơn say tiêu dùng, chính quyền khuyến khích những thêm khát vật chất ». Những hiện tượng tiêu cực như lạm phát, thất nghiệp, kinh tế ngày càng mất cân đối, phân hóa giàu nghèo, chạy theo lối sống tiêu dùng chủ nghĩa đang phổ biến, nhất là ở cái gọi là « đặc khu kinh tế » nơi tư bản nước ngoài thả sức hoành hành. Cuộc cải cách này rõ ràng là rất hợp khẩu vị các ngài tư bản, cho nên không phải ngẫu nhiên mà sau hội nghị đó phương Tây đã tán tụng hết lời.

Chính sách « mở cửa » là một bộ phận của cái « chủ nghĩa xã hội màu

sắc Trung quốc ». Nếu đường lối xây dựng các công ty tư bản tập quyền được thực hiện ở Trung quốc kết hợp với nhiều yếu tố khác như sự tác động có phối hợp của các nước tư bản chủ nghĩa đối với Trung quốc, sự phát triển của các khuynh hướng sở hữu nhỏ và tự phát tiểu tư sản, thì tức là Đặng Tiểu Bình thực hiện được giấc mơ « mang lại cho Trung hoa một khuôn mặt mới » (tư bản chủ nghĩa). Và trong việc này có ảnh hưởng không nhỏ của 25 triệu Hoa kiều đối với chính sách của Trung quốc, lực lượng Hoa kiều này có quan hệ quốc tế đáng kể, kiểm soát một số vốn 140 tỷ đô la

Thật ra, học thuyết của Đặng không phải là mới mà cũng chẳng độc đáo như các nhà tuyên truyền Trung quốc mô tả. Đó chẳng qua là sự « Trung quốc hóa » học thuyết hội tụ chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa tư bản do các nhà tư tưởng của chủ nghĩa đế quốc như Pi-ti-rim, Xo-ro-kin, Rô-xtâu, Bo-gie-gin-xki đề xuất từ cuối những năm 50 đầu những năm 60. Học thuyết này có mục đích tạo cơ sở chính trị và tư tưởng cho việc lợi dụng chính sách cùng tồn tại hòa bình giữa hai hệ thống xã hội về mặt quốc tế để phá hoại chủ nghĩa xã hội từ bên trong bằng « diễn biến hòa bình phản cách mạng ». Nó nhằm tư bản hóa các nước xã hội chủ nghĩa thông qua kinh tế thị trường, « tự do hóa » chế độ xã hội, gieo rắc quan niệm đa nguyên chủ nghĩa về chính trị và cùng tồn tại hòa bình về tư tưởng. Nhân dịp kỷ hiệp định với Anh vừa qua về việc trao trả Hương cảng cho Trung quốc vào năm 1997, Đặng Tiểu Bình lại lặp lại công thức « một nhà nước, hai chế độ », đó là sự cùng tồn tại của hai hệ thống chính trị xã hội khác nhau trong phạm vi một quốc gia. Thực chất, đó là sự sẵn sàng tạo ra « các cơ sở của chủ nghĩa tư bản » ở Trung quốc, tạo ra hàng chục Hương cảng mới.

Trượt xa hơn trên con đường phản bội trong chính sách đối ngoại.

Chính sách đối nội và đối ngoại của một nước bao giờ cũng thống nhất với nhau. Nếu về mặt đối nội, giới cầm quyền Bắc kinh phản bội chủ nghĩa Mác, thì hành một đường lối hướng theo chủ nghĩa tư bản thì về mặt đối ngoại, họ cũng thực hiện một chính sách cực kỳ phản động mà cốt lõi là chủ nghĩa bành trướng bá quyền nước lớn. Những cải cách kinh tế trong nước và chương trình "bốn hiện đại hóa" gắn liền với sự hợp tác toàn diện với chủ nghĩa đế quốc, với những yêu sách về lãnh thổ đối với các nước láng giềng, với mưu toan dùng sức mạnh áp đặt bá quyền, thậm chí xâm lược các nước láng giềng.

Sự thay đổi bản thù của họ từ những năm 60 đến nay, những hành động phản động của họ chống phá ba dòng thác cách mạng trên thế giới là những điều mà mọi người đã rõ. Đáng chú ý là những năm gần đây, chính sách của họ có thay đổi về sách lược, nhưng bản chất bành trướng, bá quyền của họ không hề thay đổi.

Nếu như trước đây họ lập «mặt trận thống nhất chống Liên xô» trên quy mô toàn cầu thì nay họ *trưng ra thuyết «hai siêu cường»*. Động cơ thực dụng của thuyết này là sử dụng chủ nghĩa chống Liên xô như một thứ ngoại tệ trả cho bọn đế quốc về các khoản giúp đỡ và viện trợ của bọn này cho công cuộc "bốn hiện đại hóa", đồng thời lợi dụng sự đối đầu giữa Mỹ và Liên xô để chiếm vị trí có lợi trong thế «tam cường» Trung quốc - Mỹ - Liên xô. Một bài phát biểu của một đại diện của Bắc kinh cho thấy: "Trung quốc chỉ cần xích lại gần một trong hai siêu cường này là chúng ta có khả năng cứng rắn hơn khi đối thoại với siêu cường kia". Trong thực tế, thuyết "hai siêu cường" chia mũi nhọn vào Liên xô và tăng cường hợp

tác với Mỹ và các nước đế quốc khác về mọi mặt, đặc biệt là tăng cường hợp tác về quân sự. Những chuyển viêng thăm liên tục của những người cầm đầu quân sự hai bên, những hiệp định ký kết trong lĩnh vực quân sự, kể cả việc mở cảng Trung quốc cho các tàu của hạm đội 7 Mỹ vào là những bằng chứng cụ thể. Tháng 8-1984, Hồ Diệu Bang nói với những người lãnh đạo Tây Âu: "Trung quốc phát triển quan hệ quân sự với Mỹ vì những quan hệ này có ý nghĩa to lớn đối với việc bảo đảm an ninh cho Trung quốc". Té ra là dựa vào sự giúp đỡ về quân sự của đế quốc Mỹ để bảo đảm an ninh cho Trung quốc! Đã quá rõ ràng, lập trường «chống hai siêu cường» là nhằm chống ai và liên minh với ai.

Nếu như trước đây, giới cầm quyền Trung quốc phủ định sự cùng tồn tại hòa bình giữa các nước có chế độ kinh tế - xã hội khác nhau, thì nay họ nói nhiều đến *«tính chất quan hệ giữa các nước khác nhau không phụ thuộc vào hệ thống kinh tế - xã hội khác nhau»*. Trong cuộc họp báo ở Brúc-xen ngày 6-7-1984, Triệu Tử Dương khẳng định rằng «đối khi các nước có chế độ kinh tế - xã hội khác nhau lại dễ duy trì quan hệ tốt với nhau hơn nhiều... Còn giữa những nước có cùng chế độ kinh tế - xã hội giống nhau thì tình hình quan hệ nhiều khi phức tạp hơn và đôi khi có quan hệ thù địch công khai»!

Vì sao giới cầm quyền Trung quốc quay ngoắt như vậy? Động cơ đầu tiên của họ là biện bạch cho lập trường phản động của họ trong việc phát triển quan hệ với các nước tư bản bằng cách chứng minh rằng có thể đứng ngoài «mâu thuẫn giữa hai hệ thống xã hội thế giới», và về thực tế là bảo chữa cho đường lối xích lại gần các nước đế quốc. Hai là, họ tô điểm và đề cao đường lối đối ngoại của các nước đế quốc, cố tình lấp liếm bản

chất của đường lối đó là xâm lược, là can thiệp vào công việc nội bộ của nước khác, là áp đặt sự thống trị chính trị, trục lợi về kinh tế, khuất phục về tư tưởng... Ba là, họ xuyên tạc cực kỳ thô bạo bản chất các quan hệ giữa các nước xã hội chủ nghĩa với nhau, cho rằng quan hệ ấy có thể có tính chất thù địch, chứ không phải là quan hệ quốc tế chủ nghĩa. Chính cái triết lý này đã đưa Trung quốc đến chỗ phủ định hệ thống xã hội chủ nghĩa, thậm chí đem quân xâm lược một nước xã hội chủ nghĩa như nước Việt nam ta.

Thời gian gần đây, giới cầm quyền Trung quốc cố gây ra cảm tưởng rằng họ đã thay đổi cơ bản lập trường trên vấn đề chiến tranh và hòa bình. Quả là họ không lặp lại những tuyên bố trước kia về "chiến tranh thế giới là không thể tránh khỏi", họ nói trung thành với nguyên tắc cùng tồn tại hòa bình và quan tâm đến việc giữ gìn hòa bình và làm dịu tình hình quốc tế căng thẳng. Nhưng đó chỉ là lời nói, không hơn không kém. Còn hành động thực tế của họ là duy trì tình hình quốc tế căng thẳng, duy trì những điểm nóng cũ và tạo ra những điểm nóng mới, phá hoại những biện pháp xây dựng của các nước xã hội chủ nghĩa nhằm bảo vệ hòa bình và giải trừ quân bị những hành động của Bắc kinh lần chiếm biên giới nước ta, gây căng thẳng trên biên giới Cam pu chia - Thái lan, Lào - Thái lan, gây rối loạn ở Đông nam Á cũng chứng tỏ Bắc kinh không hề có ý muốn hòa bình. Những lời tuyên bố "yêu chuộng hòa bình" của Bắc kinh chẳng qua chỉ là nhằm tranh thủ thời gian để Trung quốc tăng cường tiềm lực quân sự - kinh tế của mình. Bằng chứng là Trung quốc đang ráo riết tham gia chạy đua vũ trang, sẵn sàng khắp nơi những quy trình công nghệ quân sự mới, tăng cường quan hệ quân sự với các nước phương Tây.

Không thể không chú ý đến một hoạt động quốc tế quan trọng của

giới cầm quyền Bắc kinh là chính sách phân hóa đối với các nước trong cộng đồng xã hội chủ nghĩa. Chính sách đó nhằm chia rẽ các nước xã hội chủ nghĩa, đem nước này đối lập với nước kia, trước hết nhằm chống Liên xô, Việt nam. Họ chia các nước xã hội chủ nghĩa thành nhiều loại. Trong báo cáo tại kỳ họp gần đây của Quốc hội Trung Quốc, Triệu Tử Dương gọi Cộng hòa dân chủ nhân dân Triều tiên, Rumania, Nam tư là "các nước xã hội chủ nghĩa có quan hệ hữu nghị với Trung quốc", hoàn toàn không nói gì tới Mông cổ, Lào, Cu ba. Liên xô bị coi là "siêu cường" đang đe dọa an ninh của Trung quốc, còn Việt nam thì bị coi là nước thù địch. Điều đó cho thấy rõ bản chất cực kỳ phản động của giới cầm quyền Bắc kinh.

Nhân dân ta không hề mơ hồ đối với bọn bành trướng bá quyền Bắc kinh

Đối với nhân dân ta, bộ mặt phản bội chủ nghĩa Mác của bọn bành trướng bá quyền Bắc kinh đã quá rõ từ lâu. Chúng đã trở thành kẻ thù trực tiếp và nguy hiểm của nhân dân ta.

Trong chiến lược toàn cầu của nhà cầm quyền Bắc kinh, Việt nam là đối tượng quan trọng cần khuất phục và thôn tính để dễ bề đạt được lợi ích chiến lược của chúng, tức là lợi ích bành trướng và bá quyền. Chính vì vậy, như văn kiện của Bộ ngoại giao ta "Sự thật về quan hệ Việt nam - Trung quốc" công bố ngày 4 tháng 10 năm 1979 đã vạch trần, bọn phản động Trung quốc đã ba lần phản bội nhân dân ta.

Từ sau khi nhân dân ta đánh thắng hoàn toàn đế quốc Mỹ, chúng công khai thi hành chính sách thù địch chống Việt nam, kể cả bằng biện pháp quân sự, mà đỉnh cao là hai gọng kìm xâm lược (một qua tay người khác, một trực tiếp) từ phía nam và từ phía

bắc những năm 1978 – 1979. Một nước Việt nam độc lập, thống nhất và giàu mạnh, có đường lối độc lập tự chủ và có đường lối quốc tế đúng đắn là một cản trở lớn cho chiến lược toàn cầu của chúng, trước hết là cho chính sách bành trướng của chúng ở Đông Nam Á.

Thất bại rồi, chúng chưa chịu rút ra bài học. Chúng chuyển sang tiến hành chiến tranh phá hoại về nhiều mặt đối với nhân dân ta. Chiến tranh gián điệp đi đôi với chiến tranh tâm lý, chiến tranh lấn chiếm biên giới đi đôi với những hoạt động phá hoại về kinh tế, chính trị, văn hóa... Vụ án xử lũ gián điệp của Trung Quốc và Thái lan ở thành phố Hồ Chí Minh vừa qua đã cho thấy bộ mặt ghê tởm của kẻ thù.

Nhân dân ta hiểu rõ tim đen, mọi âm mưu, thủ đoạn của kẻ thù. Bản chất bành trướng, bá quyền của giới cầm quyền Bắc kinh chưa hề thay đổi dù thủ đoạn, chiến thuật, sách lược

của chúng thay đổi theo kiểu thực dụng chủ nghĩa. Chúng tuyệt đối không phải là những người theo chủ nghĩa Mác – Lê-nin, theo chủ nghĩa xã hội.

Đáng tiếc là trên thế giới vẫn còn những người chưa nhận ra bản chất xấu xa và nguy hiểm đó của bọn bành trướng bá quyền Trung quốc. Vô tình hoặc hữu ý, có người cho « Trung quốc đã thay đổi » cho nên có thể đặt quan hệ với Trung quốc vô điều kiện. Thậm chí có người trong phong trào cộng sản trước đây từng ca ngợi « cách mạng văn hóa » Trung quốc với một giọng đầy phấn chấn thì nay lại ca ngợi những cuộc cải cách hiện nay của Trung quốc « là sự tiến bộ chưa từng có đối với Trung quốc ».

Là những nạn nhân trực tiếp của chủ nghĩa bành trướng, bá quyền Bắc kinh, nhân dân ta không hề mơ hồ đối với nó, luôn luôn mài sắc cảnh giác, kiên quyết đập tan mọi âm mưu, hành động của nó.

Chiến thắng Rạch găm...

(Tiếp theo trong 77)

khác. Từ năm 1975 đến nay Thái lan là chỗ dựa và công cụ đắc lực của bọn bành trướng Bắc kinh, là đất thánh cho bọn diệt chủng Pôn Pốt và bọn phản động lưu vong chống lại nhân dân ba nước Đông dương. Trong các cuộc chiến tranh xâm lược và những sự cầu kết bần thủ ấy, ngay cả nhân dân Thái lan cũng là nạn nhân của chính sách sai lầm của giới cầm quyền phản động Thái lan. Nhân dân Việt nam, cũng như nhân dân Lào và nhân dân Cam-pu-chia luôn luôn mong muốn chung sống hòa bình và hữu

nghị với nhân dân Thái lan, sẵn sàng bỏ qua quá khứ nặng nề và nhìn về tương lai. Nếu Thái lan vẫn tiếp tục chính sách cầu kết với các thế lực bên ngoài chống nhân dân ba nước Đông dương thì nhất định sẽ chuốc lấy thất bại nặng nề hơn.

Chiến thắng Rạch găm – Xoài mút cách đây vừa chẵn 200 năm vẫn sáng ngời những bài học lịch sử lớn. Lịch sử sẽ không lặp lại y như cũ, nhưng lịch sử dạy rằng: *những nguyên nhân giống nhau tất sẽ dẫn đến những kết quả giống nhau.*

Nước Cộng hòa Ấn độ trên đường phát triển

THÀNH TÍN

NHÂN dân Ấn độ giành được quyền tự trị từ tay bọn thực dân Anh ngày 15-8-1947 Nhưng việc tuyên bố Ấn độ là một xứ tự trị không làm thỏa mãn đa số nhân dân trong nước. Nhân dân Ấn độ không ngừng tiếp tục đấu tranh để Ấn độ thật sự là một nước độc lập, có chủ quyền. Kết quả là, ngày 26-1-1950, nước Cộng hòa Ấn độ được thành lập. Trải qua 35 năm xây dựng, nhân dân Ấn độ giàu nghị lực và tài năng đã giành được những thắng lợi to lớn về nhiều mặt, làm biến đổi bộ mặt của đất nước; từ một nước thuộc địa nghèo nàn và lạc hậu trở thành một quốc gia độc lập và thống nhất, có nền kinh tế phát triển, có nền khoa học kỹ thuật tiến bộ, có quốc phòng vững chắc, có văn hóa và nghệ thuật kết hợp truyền thống với hiện đại một cách hài hòa. Vị trí quốc tế của nước Cộng hòa Ấn độ không ngừng được nâng cao, đứng hàng đầu các nước không liên kết và các nước đang phát triển, góp phần củng cố hiện đáng kể trong cuộc đấu tranh chung của nhân loại tiến bộ vì hòa bình, độc lập dân tộc, tiến bộ xã hội cũng như cho một trật tự chính trị, kinh tế, văn hóa và thông tin mới trên thế giới.

Các bạn Ấn độ thường cho rằng, thắng lợi chính trị to lớn và cơ bản nhất, có ý nghĩa lịch sử trong gần

bốn mươi năm qua là, trên tiêu lục địa Ấn độ đã xuất hiện một nước Cộng hòa Ấn độ thống nhất, một thực thể dân tộc Ấn độ thống nhất gồm hơn 700 triệu người cố kết thành một khối dân tộc thống nhất cùng chung một vận mệnh, một tương lai. Chúng ta càng hiểu sâu sắc thắng lợi vĩ đại này khi biết rằng từ xa xưa, trên lãnh thổ Ấn độ hiện nay, có đến hàng trăm dân tộc lớn nhỏ rất khác nhau về tiếng nói, tôn giáo, phong tục và tập quán, thường có những xung đột và mâu thuẫn dai dẳng chống đối nhau. Trong gần 200 năm thống trị Ấn độ, bọn thực dân Anh thực hiện chính sách "chia để trị", kích động sự đối lập giữa dân tộc này với dân tộc khác, giữa Ấn độ giáo với Hồi giáo, giữa thành thị với các vùng nông thôn, giữa tiểu vương quốc này với tiểu vương quốc khác, và ngay trong mỗi tiểu vương quốc, chúng cũng kích động sự đối lập giữa các dân tộc, các bộ tộc, các tôn giáo v.v.

Để quốc Mỹ và bọn hành trưởng, bá quyền Trung quốc cũng đã lợi dụng những mâu thuẫn tồn tại từ quá khứ lịch sử Ấn độ để kích động sự chống đối giữa các dân tộc nhằm phá vỡ thực thể dân tộc Ấn độ thống nhất. Đặc biệt gần đây chúng lợi dụng một số phần tử quá khích mù quáng trong dân tộc Xích ở bang Pun-giáp, xúi

bầy và cung cấp vũ khí cho bọn này nổi dậy chiếm ngôi Chùa Vàng của những người theo đạo Xích trong thị trấn Am-rit-xa, đòi ly khai khỏi nước Ấn độ thống nhất. Âm mưu của chúng bị vạch trần, hành động phản cách mạng của chúng bị trấn áp kiên quyết trước sự vui mừng của toàn thể nhân dân Ấn độ. Trong đó có đông đảo người dân tộc Xích. Toàn thể nhân dân Ấn độ coi việc củng cố thực thể dân tộc Ấn độ thống nhất cổ kết trong một đại gia đình duy nhất - nước Cộng hòa Ấn độ - là nguyện vọng thiêng liêng của mình. Sự thống nhất dân tộc và quốc gia là thành quả vĩ đại nhất mà nhân dân Ấn độ và Nhà nước Ấn độ quyết bảo vệ và củng cố, không một thế lực đế quốc thực dân, bành trướng và phản động nào có thể phá vỡ được.

Trong xây dựng đất nước tiến tới phồn vinh và hùng mạnh, Ấn độ đã thực hiện thắng lợi 6 kế hoạch năm năm và năm 1985 sẽ bước vào kế hoạch năm năm thứ 7. Cuộc « cách mạng xanh » nổi tiếng đã được tiến hành thắng lợi với việc áp dụng rộng rãi những thành tựu khoa học kỹ thuật mới nhất trong nông nghiệp trên các lĩnh vực: chọn giống lúa mì và lúa nước có năng suất cao, làm thủy lợi, cải tạo đất, đưa máy móc và điện phục vụ đồng ruộng. Từ một nước mà tuyệt đại đa số là nông dân, sống trong bần cùng và nghèo đói liên miên, hồi trước có những năm chết đói hàng chục triệu người, Ấn độ đã vươn lên giải quyết thành công vấn đề bảo đảm lương thực cho toàn xã hội, lại còn có khối lượng lương thực dự trữ ngày càng lớn để đề phòng bất trắc do thiên tai gây nên, và có điều kiện giúp đỡ các nước láng giềng và bầu bạn. Hiện nay, Ấn độ là một trong những nước đứng hàng đầu thế giới về sản xuất gạo và lúa mì.

Ngành chăn nuôi cũng được chú trọng. Công tác nghiên cứu khoa học

phục vụ chăn nuôi được tập trung vào việc lai tạo các giống gia súc trong nước với các giống nước ngoài nhằm nâng cao sản lượng gia súc. Ấn độ đã bảo vệ và phát triển mạnh đàn bò và trâu sữa trong cả nước, chủ trương lựa chọn những giống cho năng suất sữa cao, tổ chức tốt hệ thống cung cấp sữa hằng ngày cho các thành phố, thị trấn, thực hiện thắng lợi điều được gọi là « cuộc cách mạng trắng » rất đặc sắc trong nông nghiệp.

Công cuộc công nghiệp hóa đất nước bắt đầu từ cuối những năm 50 của thế kỷ này, đến nay đã đạt những kết quả to lớn. Từ một nước thuộc địa chuyên cung cấp nguyên liệu cho Vương quốc Anh, nền công nghiệp bị đình trệ và què quặt, chỉ có công nghiệp dệt là tương đối phát triển, ngày nay hằng năm Ấn độ đã có hơn 10 triệu tấn sắt thép, 140 triệu tấn than, 35 triệu tấn dầu khai thác. Các nhà máy điện của Ấn độ có tổng công suất gần 40 triệu ki lô oát. Ấn độ có nền công nghiệp cơ khí phong phú và phát triển cao, có công nghiệp điện tử và vi điện tử đặc sắc, và nền công nghiệp nguyên tử trên đà phát triển khá mạnh... Ấn độ đã tự sản xuất xe ô tô du lịch, xe vận tải hành khách và xe chở hàng, đầu máy xe lửa chạy dầu và chạy điện, toa xe chở khách và chở hàng các loại, tàu biển, máy bay, và cũng đã sản xuất được vệ tinh và các phương tiện đề phóng vệ tinh. Ngành năng lượng nguyên tử cũng được phát triển với mục đích hàng đầu là phục vụ những mục tiêu hòa bình. Các trung tâm nghiên cứu về nguyên tử, các xưởng đóng tàu biển và tàu ngầm quân sự, các nhà máy cơ khí điện tử và vi điện tử đạt trình độ cao đã để lại cho khách có dịp đến thăm Ấn độ những ấn tượng sâu sắc về trình độ công nghiệp hóa của đất nước đầy tiềm năng này.

Một nét đặc sắc trong nền kinh tế Ấn độ là khu vực kinh tế Nhà nước

ngày càng phát triển. Các ngành công nghiệp then chốt như gang thép, nhiệt điện, thủy điện, điện nguyên tử, giao thông vận tải đường biển, đường không, các cơ sở hóa chất lớn, các mỏ than, v.v. phần lớn thuộc sở hữu Nhà nước. Nhà nước rất chú trọng củng cố, mở rộng và phát triển các cơ sở kinh tế quốc doanh, coi đó là nền móng của nền công nghiệp độc lập, tự chủ của đất nước, giữ vị trí chủ đạo trong nền kinh tế quốc dân, có tác dụng hướng dẫn khu vực kinh tế tư nhân theo hướng phục vụ nền kinh tế chung và đời sống chung của xã hội. Tỷ trọng của khu vực kinh tế Nhà nước trong tổng sản phẩm xã hội đã tăng từ 8% trong các năm 1960 - 1961 lên 29% trong các năm 1977 - 1978. Kinh tế tập thể đã hình thành và phát triển ở nông thôn và trong các ngành tiểu công nghiệp, thủ công nghiệp, với nhiều hình thức: hợp tác xã sản xuất nông nghiệp, hợp tác xã tín dụng, hợp tác xã mua bán ở nông thôn, hợp tác xã tiểu công nghiệp, hợp tác xã đánh cá, hợp tác xã chăn nuôi v.v.

Những cố gắng của Ấn độ trong việc tiến hành công nghiệp hóa đất nước, huy động và sử dụng có kế hoạch lao động kỹ thuật và lao động thủ công của toàn xã hội, giải quyết từng bước những bất công xã hội, nạn mù chữ triền miên, nạn đói liên miên, nạn thất nghiệp kéo dài do quá khứ và chế độ thực dân để lại ở một nước có số dân đông hàng thứ hai trên thế giới v.v. đã nêu một tấm gương về ý chí đấu tranh và lao động theo tinh thần tự lực tự cường, khơi dậy và huy động mọi tiềm năng của dân tộc vào công cuộc xây dựng đất nước tiến tới phồn vinh và hùng mạnh. Gia-oa-hác-lan Nê-ru, lãnh tụ kiệt xuất của nhân dân Ấn độ, nhà kiến trúc có tầm nhìn xa trông rộng của đất nước Ấn độ hiện đại - như các bạn Ấn độ thường đánh giá - nhiều lần nhắc đến việc Ấn độ đã học tập và vận dụng một số kinh nghiệm của

Liên xô, nhất là của các nước Xô viết ở miền Trung Á, để phát triển đất nước mình, đặc biệt là những kinh nghiệm về công nghiệp hóa, về thực hiện các kế hoạch 5 năm, về xây dựng khu vực kinh tế quốc doanh lớn mạnh, về tập thể hóa trong nông nghiệp...



Nhân dân Việt nam rất vui mừng trước những thành tựu to lớn mà nhân dân Ấn độ anh em đã đạt được trong 35 năm qua. Chúng ta càng thêm phấn khởi trước những biểu hiện sinh động về tình hữu nghị bền vững và mối quan hệ hợp tác từng được Chủ tịch Hồ Chí Minh và Thủ tướng Gia-oa-hác-lan Nê-ru dày công xây dựng và vun đắp, đang được mở rộng trên nhiều lĩnh vực giữa Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt nam và Cộng hòa Ấn độ, qua kết quả tốt đẹp của chuyến đi thăm hữu nghị chính thức Ấn độ hồi tháng 9-1984 của đồng chí Tổng bí thư Đảng ta Lê Duẩn, theo lời mời của Thủ tướng Chính phủ Ấn độ In-di-ra Gan-đi. Chúng ta chia sẻ với các bạn Ấn độ niềm đau thương vô hạn trước cái chết của bà Thủ tướng In-di-ra Gan-đi, nhà lãnh đạo vĩ đại của nhân dân Ấn độ, người bạn lớn của nhân dân Việt nam. Chúng ta phấn khởi được biết Thủ tướng Ra-gíp Gan-đi khẳng định sẽ tiếp tục một cách nhất quán đường lối chính trị và chính sách đối ngoại của cố Thủ tướng In-di-ra Gan-đi, tăng cường tình hữu nghị với Liên-xô, Việt-nam và các nước xã hội chủ nghĩa khác, kiên quyết hướng phong trào không liên kết vào mục đích chống chủ nghĩa đế quốc, chủ nghĩa thực dân, chủ nghĩa bành trướng, bá quyền, chống chạy đua vũ trang, bảo vệ vững chắc hòa bình trên thế giới.

Việt nam và Ấn độ có nhiều nét tương đồng. Hai nước cùng bị chủ nghĩa thực dân cũ thống trị và bóc

lột, cùng đấu tranh để tự giải phóng. Hai nước có chung những kẻ thù nguy hiểm. Chủ nghĩa đế quốc Mỹ từng xâm lược Việt nam, đang khống chế vùng biên Ấn độ, tiếp sức cho nhà cầm quyền Pa-ki-xtan và cho bọn phản động phá hoại sự ổn định của Ấn độ. Bọn bành trướng, bá quyền Bắc kinh đang tiến hành cuộc chiến tranh phá hoại nhiều mặt đối với nước ta, xâm lấn, bắn phá vùng biên giới phía Bắc nước ta cũng là kẻ đang ngoan cố chiếm hơn 60 nghìn ki lô mét vuông lãnh thổ Ấn độ. Trong cuộc đấu tranh chung cho hòa bình, độc lập dân tộc và tiến bộ xã hội, nhân dân Việt nam và nhân dân Ấn độ không ngừng ủng hộ và giúp đỡ lẫn nhau, hợp tác chặt chẽ với nhau.

Nhân dân Việt nam biết ơn sâu sắc nhân dân và Chính phủ Ấn độ, bởi vì, như đồng chí Lê Duẩn đã nói trong dịp đi thăm Ấn độ hồi tháng 9-1984: « Trong hai cuộc chiến tranh giải phóng trước đây cũng như trong công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc hiện nay, nhân dân Việt nam đã nhận được từ nhân dân Ấn độ anh em sự ủng hộ và giúp đỡ chân tình... ».

Chào mừng kỷ niệm lần thứ 35 quốc khánh Ấn độ, chúng ta chân thành chúc nhân dân Ấn độ, trên cơ sở những thắng lợi đã giành được, tiếp tục phấn đấu không ngừng xây dựng Cộng hòa Ấn độ thành một nước hiện đại, phồn vinh, hạnh phúc, góp phần ngày càng xứng đáng vào sự nghiệp bảo vệ hòa bình ở châu Á và trên thế giới.

Xây dựng lối sống...

(Tiếp theo trang 62)

Đối với việc giáo dục thế hệ trẻ thì cũng sẽ đạt kết quả đối với thế hệ con. Trong khi kẻ địch đang tìm trăm phương nghìn kế, không ngừng cải tiến thủ đoạn để làm sao việc tuyên truyền « lối sống hiện đại » của chúng ngày càng hấp dẫn được thanh niên, thì đối với thế hệ trẻ, bài bản giáo dục lối sống của chúng ta vẫn gần giống như những bài bản đã dùng cách đây mấy thập kỷ : lên lớp chính trị, mạn đàm, thảo luận, giải đáp thắc

mắc. Cho nên, cũng không lấy làm lạ là thanh niên đang có chiều hướng rất ngại những buổi học chính trị « khô khan », trong đó có những buổi giáo dục lối sống, giáo dục nhân sinh quan cộng sản.

Nếu khắc phục được những khuyết điểm, nhược điểm trên, thì cuộc đấu tranh xây dựng lối sống xã hội chủ nghĩa chắc chắn sẽ còn đạt được những kết quả khả quan hơn rất nhiều.



ПЕРЕДОВАЯ. Крепя непоколебимость воли, успешно осуществить социально — экономический план 1985 г. ★ ★ ★ Создать наш социалистический образ жизни. ВО ВАН КИЕТ. Всеми силами добьемся наибольшей победы в выполнении государственного плана на 1985 г. НГУЕН КАНЬЗИНЬ. Водное хозяйство на службе сельскому хозяйству. ФАНСУАН ДОТ. Хорошо проводить политику лесопользования. ПОЛИТИЧЕСКИЙ КОММЕНТАРИЙ. Важная победа нашего народа. ОБМЕН МНЕНИЯМИ. Создать социалистический образ жизни в современном Вьетнаме. ВУ ТЬЕН. Ренегаты марксизма разоблачили себя. ТХАНЬ ТИН. Республика Индия на пути развития.

REVIEW OF COMMUNISM № 1-1985

Editorial — Strengthening Our Determination to Successfully Fulfil the 1985 Socio-Economic Plan. ★ ★ ★ — Building Our Socialist Way of Living. VÕ VĂN KIẾT — Striving for the Greatest Achievements of the 1985 State Plan. NGUYỄN CẢNH DINH — Irrigation in the Service of Agricultural Production. PHAN XUÂN ĐỢT — Correctly Implementing the Policy of Entrusting Land and Forest to the People. **Political Commentary** — A Great Victory of Our People. **Exchange of Views** — Developing the Socialist Way of Living in Vietnam. VŨ TIÊN — Renegades of Marxism Unmask Themselves. THÀNH TÍN — The Republic of India on the Road to Development.

REVUE DU COMMUNISME № 1-1985

Editorial — Armons d'une ferme résolution pour mener à bien le plan socio — économique de 1985. ★ ★ ★ — Edifier notre mode de vie socialiste. VÕ VĂN KIẾT — Lutter pour un succès maximum du plan d'Etat pour 1985. NGUYỄN CẢNH DINH — L'hydraulique au service de la production agricole. PHAN XUÂN ĐỢT — Mener à bien la politique de remise des terres et des surfaces forestières. **Commentaire politique** — Une victoire importante de notre peuple. **Echanges d'idées** — Edification du mode de vie socialiste au Vietnam. VŨ TIÊN — Les renégats du marxisme se démasquent. THÀNH TÍN — La République de l'Inde sur la voie du développement.

REVISTA DEL COMUNISMO № 1-1985

Editorial — Elevar la voluntad indomable y realizar victoriosamente el plan económico-social del año 1985. ★ ★ ★ — Edificar nuestro modo de vida socialista. VÕ VĂN KIẾT — Esforzarnos por lograr la victoria más grande en el plan estatal 1985. NGUYỄN CẢNH DINH — La hidráulica al servicio de la producción agrícola. PHAN XUÂN ĐỢT — Aplicar bien la política de «entregar la tierra y selva» a los trabajadores. **Comentario político** — Una victoria importante de nuestro pueblo, **Intercambio de opiniones** — La formación del modo de vida socialista en Viet nam. VŨ TIÊN — Los traidores del Marxismo se desenmascaran. THÀNH TÍN — La República de la India en la vía de desarrollo.

Mục lục

Xã luận — Nâng cao ý chí kiên cường, thực hiện thắng lợi kế hoạch kinh tế — xã hội năm 1985	1
★ ★ ★ — Xây dựng lối sống xã hội chủ nghĩa của chúng ta	9
VÕ VĂN KIẾT — Phấn đấu giành thắng lợi cao nhất cho kế hoạch 1985	14
NGUYỄN CẢNH DINH — Thủy lợi phục vụ sản xuất nông nghiệp	23
PHAN XUÂN ĐỢT — Thực hiện tốt chính sách giao đất, giao rừng	27
Bình luận chính trị — Một thắng lợi quan trọng của nhân dân ta	34
Trao đổi ý kiến — Xây dựng huyện và tăng cường cấp huyện	36
Nghiên cứu ★ QUYẾT TIẾN — Thực hiện sự đoàn kết giữa giai cấp công nhân nước này với giai cấp công nhân tất cả các nước khác, thực hiện chủ nghĩa quốc tế vô sản	40
Sinh hoạt tư tưởng ★ DƯƠNG TÙNG — « Liên hoan »	48
Trao đổi ý kiến — Xây dựng lối sống xã hội chủ nghĩa ở Việt nam hiện nay (Hà Xuân Trường, Quang Đạm, Lê Anh Trà, Vũ Mão, Trương Lai, Phan Lang)	51
LÊ NHƯ HOA — Mấy suy nghĩ về lễ hội quần chúng hiện nay	63
DINH XUÂN DŨNG — Văn học Việt nam với đề tài chiến tranh cách mạng và lực lượng vũ trang	68
VĂN TÂN — Chiến thắng Bạch Đằng — Xoài mút cách đây vừa chẵn 200 năm	74
VŨ TIỀN — Những kẻ phản bội chủ nghĩa Mác tự vạch mặt	78
THÀNH TÍN — Nước cộng hòa Ấn độ trên đường phát triển	85
Bìa 3: Thu nhập quốc dân sản xuất	
Bìa 4: Tranh của Dương Ảnh	

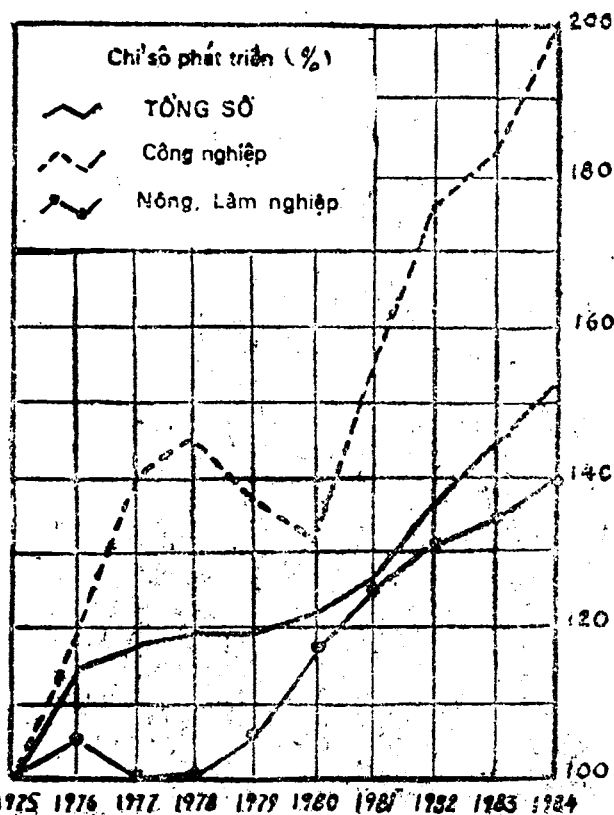
Trụ sở Bộ biên tập:

1, Nguyễn Thượng Hiền — Hà nội. Dãy nói: 52061 — 52062

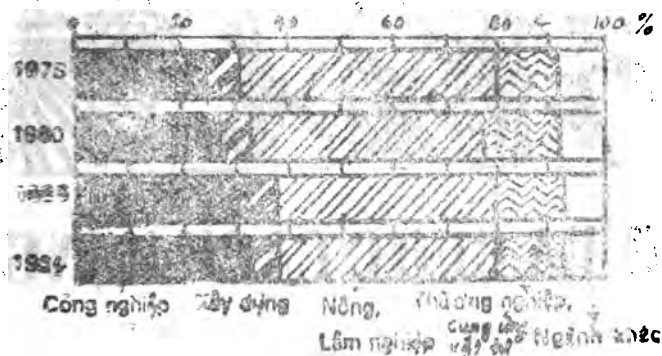
Trụ sở cơ quan thường trú tại miền Nam:

19, Duy Tân — T.P. Hồ Chí Minh. Dãy nói: 25768 — 22040

THU NHẬP QUỐC DÂN SẢN XUẤT



CẤU PHÂN THEO NGÀNH KINH TẾ QUỐC DÂN





ĐẨY MẠNH BA CUỘC CÁCH MẠNG

Tạp chí Cộng sản

CƠ QUAN LÝ LUẬN VÀ CHÍNH TRI
CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT-NAM

2

2.1985

ĐẢNG TA CÓ THỂ TỰ HÀO LÀ NGƯỜI KẾ TỤC
NHỮNG TRUYỀN THỐNG VÊ VANG CỦA DÂN TỘC
TA, LÀ NGƯỜI MỞ ĐƯỜNG CHO NHÂN DÂN TA
TIẾN LÊN MỘT TƯƠNG LAI RỰC RỠ.

HỒ CHÍ MINH

(Diễn văn khai mạc Đại hội III của Đảng)

Cơ quan lý luận và chính trị của Đảng cộng sản Việt nam

Xã luận

Bảo đảm tư cách đảng viên, nâng cao danh hiệu đảng viên

Tư cách đảng viên là một trong những vấn đề cơ bản của công tác xây dựng Đảng của chính đảng Mác - Lê-nin. Nó « là những điều kiện cơ bản mà đảng viên cần có và là những điều cơ bản làm cơ sở để phân rõ ranh giới giữa đảng viên và quần chúng tích cực ngoài Đảng » (1).

Tư cách đảng viên có những yêu cầu của nó. Đó cũng là những yêu cầu của Đảng đối với mọi đảng viên, không có sự phân biệt giữa đảng viên là cán bộ cấp trên với đảng viên là cán bộ cấp dưới, giữa cán bộ lãnh đạo với cán bộ, đảng viên thường. Tư cách đảng viên không phải là khái niệm chỉ nói về đạo đức, phẩm chất cách mạng mà còn bao hàm cả năng lực công tác của người đảng viên.

Vấn đề tư cách đảng viên được đặt ra xuất phát từ tính chất giai cấp, vai trò và sứ mệnh lịch sử của Đảng cộng sản. Đảng ta là đội tiên phong, bộ tham mưu chiến đấu có tổ chức và là tổ chức cao nhất của giai cấp công nhân Việt nam. Đảng là người lãnh đạo, người tổ chức mọi thắng lợi của cách mạng nước ta. Sứ mệnh lịch sử của Đảng ta là lãnh đạo nhân dân phấn đấu xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản trên đất nước ta và góp phần tích cực vào cuộc đấu tranh cách mạng của nhân dân các nước trên thế giới.

(1) Báo cáo tổng kết công tác xây dựng Đảng và sửa đổi Điều lệ Đảng, Nxb Sự thật, Hà nội, 1977, tr. 144.

Đề thực hiện thắng lợi sứ mệnh lịch sử ấy, điều kiện quyết định đầu tiên là Đảng biết vận dụng sáng tạo những nguyên lý của chủ nghĩa Mác - Lê-nin vào hoàn cảnh cụ thể của nước ta để vạch ra đường lối cách mạng một cách đúng đắn. Tuy nhiên, chỉ riêng sự đúng đắn của đường lối chưa thể tạo thành thắng lợi của cách mạng. Sau khi có đường lối đúng, Đảng còn phải tổ chức tốt việc thực hiện, bảo đảm cho đường lối của Đảng trở thành hiện thực trong cuộc sống. Muốn vậy, một vấn đề có ý nghĩa quyết định là Đảng phải xây dựng được một đội ngũ đảng viên trong sạch, vững mạnh có đủ những tiêu chuẩn về tư cách đảng viên, những chiến sĩ cộng sản tuyệt đối trung thành với sự nghiệp của Đảng, quyết tâm phấn đấu giành thắng lợi cho cách mạng.

Từ trước tới nay, trong phong trào cộng sản và công nhân quốc tế, tư cách người đảng viên, danh hiệu người đảng viên cộng sản luôn luôn được nêu cao. Mác và Ăng-ghe-n, những nhà sáng lập chủ nghĩa xã hội khoa học, đã viết: « Về thực tiễn, những người cộng sản là bộ phận kiên quyết nhất, bao giờ cũng cổ vũ tiên lên, của các đảng công nhân ở tất cả các nước, về lý luận, họ có ưu thế hơn bộ phận còn lại của giai cấp vô sản ở chỗ họ có một nhận thức sáng suốt về điều kiện, bước tiến và kết quả chung của phong trào vô sản » (2).

Lê-nin, người sáng lập chính đảng kiểu mới của giai cấp công nhân, đã đấu tranh không khoan nhượng chống mọi khuynh hướng cơ hội chủ nghĩa muốn hạ thấp vai trò, tư cách người đảng viên cộng sản. Lê-nin nhấn mạnh: « Nhiệm vụ của chúng ta là bảo vệ tính vững chắc, tính kiên định, tính trong sạch của Đảng. Chúng ta phải cố gắng làm cho danh hiệu và ý nghĩa của đảng viên ngày càng cao hơn lên mãi » (3). Hồ Chủ tịch cũng nói mỗi đảng viên « phải xứng đáng là người lãnh đạo, là người đầy tớ thật trung thành của nhân dân ».

Lời dạy nói trên của Hồ Chủ tịch là sự khái quát rất sâu sắc tư cách của người đảng viên theo đúng tinh thần của chủ nghĩa Mác - Lê-nin. Lời dạy đó càng có ý nghĩa quan trọng trong điều kiện Đảng lãnh đạo chính quyền Nhà nước. Mỗi đảng viên đều có trách nhiệm lãnh đạo, dìu dắt quần chúng, bởi vì đảng viên là người có giác ngộ lý tưởng cộng sản chủ nghĩa, nắm được đường lối, quan điểm của Đảng, đem tư tưởng, đường lối, chính sách của Đảng tuyên truyền, giáo dục quần chúng để quần chúng hăng hái chấp hành. Mỗi đảng viên đều phải là người đầy tớ trung thành của nhân dân, bởi vì người đảng viên vào Đảng không có mục đích nào khác là suốt đời phấn đấu cho sự nghiệp cách mạng của Đảng, cho hạnh phúc của nhân dân.

Là người lãnh đạo quần chúng, đảng viên không bao giờ được xa rời quần chúng, càng không được đứng lên trên quần chúng mà phải liên hệ chặt chẽ với quần chúng, hết lòng phục vụ quần chúng. Là người đầy tớ trung thành của nhân dân, đảng viên không được lẫn lộn mình với quần chúng, không được theo đuổi quyền lợi riêng, mà phải là chiến sĩ tiên phong của giai cấp công nhân, có trách nhiệm lãnh đạo, giáo dục, tổ chức quần chúng thực hiện đường lối cách mạng của Đảng. Hai yêu cầu về người lãnh đạo, đồng thời là người đầy tớ của nhân dân không hề mâu thuẫn nhau mà thống nhất với nhau một cách hài hòa.

6 Nhấn mạnh tư cách đảng viên, phân rõ ranh giới giữa đảng viên với người ngoài Đảng, không có nghĩa là biến đảng viên thành những nhóm người biệt

(2) C. Mác và Ph. Ăng-ghe-n: *Tuyên tập*, Nxb Sự thật, Hà Nội, 1970, tập 1, tr. 42.

(3) V. I. Lê-nin: *Tổng tập*, Nxb Sự thật, Hà Nội, 1963, tập 6, tr. 537.

phát, tách rời quần chúng mà là nhằm chỉ rõ người đảng viên phải luôn luôn đứng vững ở vị trí của mình đề lu dưỡng, rèn luyện và phấn đấu không mệt mỏi cho lý tưởng của Đảng.

Trong quá trình xây dựng Đảng ở nước ta, Hồ Chủ tịch và Đảng ta đã vận dụng sáng tạo những nguyên lý của học thuyết Mác - Lê-nin về xây dựng Đảng kiểu mới của giai cấp công nhân vào hoàn cảnh cụ thể của nước ta để định ra những chủ trương, biện pháp đúng đắn về xây dựng đội ngũ cán bộ, đảng viên. Đảng chỉ rõ phương châm phát triển Đảng, đối tượng kết nạp vào Đảng, những điều kiện, những tiêu chuẩn, những thủ tục kết nạp người vào Đảng, những yêu cầu về tư cách đảng viên, nhiệm vụ đảng viên. Đảng chăm lo giáo dục cán bộ, đảng viên về lý luận chủ nghĩa Mác - Lê-nin, về đường lối, chính sách của Đảng, về đạo đức, phẩm chất cách mạng; đồng thời chăm lo bồi dưỡng những kiến thức về văn hóa, nghiệp vụ, về khoa học kỹ thuật, về công tác quản lý. Đảng thường xuyên tiến hành những đợt sinh hoạt tự phê bình và phê bình trong tổ chức Đảng kết hợp với việc phê bình của quần chúng đối với Đảng giúp cho cán bộ, đảng viên củng cố, phát triển những phẩm chất cách mạng tốt đẹp, sửa chữa những sai lầm, khuyết điểm. Đảng quan tâm đưa ra khỏi Đảng những phần tử thoái hóa, biến chất, những người không đủ tư cách đảng viên.

Kinh nghiệm của Đảng ta trong suốt quá trình hoạt động của mình, nhất là trong những năm gần đây, cho thấy rõ muốn nâng cao chất lượng đội ngũ đảng viên, điều hết sức quan trọng là phải chăm lo giáo dục đảng viên phần đầu bảo đảm những yêu cầu về tư cách đảng viên. Mỗi đảng viên, mỗi tổ chức Đảng, trước hết là tổ chức cơ sở Đảng cần luôn luôn nắm vững 5 yêu cầu về tư cách đảng viên đã được Đảng ta chỉ ra là:

« Đảng viên phải là người có giác ngộ lý tưởng cộng sản chủ nghĩa, tuyệt đối trung thành với cách mạng, tự nguyện suốt đời hy sinh, phấn đấu vì độc lập, tự do của Tổ quốc, vì chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản.

Đảng viên phải có hiểu biết nhất định về chủ nghĩa Mác - Lê-nin, nắm được đường lối, chính sách của Đảng, có năng lực đảm đương công việc được giao, có năng lực lãnh đạo quần chúng và góp phần vào công tác lãnh đạo của tổ chức Đảng. Vì vậy, đảng viên phải không ngừng học tập và tích cực rèn luyện về mọi mặt.

Đảng viên phải tôn trọng và ra sức góp phần xây dựng chế độ làm chủ tập thể của nhân dân lao động, liên hệ chặt chẽ với quần chúng, làm tốt công tác tuyên truyền, vận động, tổ chức quần chúng.

Đảng viên phải chăm lo xây dựng Đảng, có ý thức tổ chức và kỷ luật, có tinh thần tự phê bình và phê bình, bảo vệ Đảng, bảo vệ sự đoàn kết thống nhất của Đảng.

Đảng viên phải nêu cao tinh thần quốc tế vô sản, góp phần làm tròn nghĩa vụ quốc tế của Đảng » (4).

Năm yêu cầu nói trên về tư cách đảng viên là một thể thống nhất, có quan hệ chặt chẽ với nhau, xuất phát từ yêu cầu của nhiệm vụ chính trị của Đảng trong giai đoạn cách mạng hiện nay. Năm nhiệm vụ đảng viên ghi trong Điều lệ Đảng chính là sự thể hiện những yêu cầu nói trên về tư cách đảng viên. Mỗi đảng viên,

(4) Nghị quyết Đại hội IV. NXB Sự thật, Hà Nội. 1977, tr. 87—88.

dù là đảng viên chính thức hay đảng viên dự bị, dù ở cương vị công tác nào, đều phải phấn đấu để có đủ tư cách đảng viên và làm tròn nhiệm vụ đảng viên.



Đề xứng đáng với danh hiệu đảng viên cộng sản, đảng viên chúng ta phải nỗ lực phấn đấu, rèn luyện trên nhiều mặt. Song, yêu cầu quan trọng hàng đầu là phấn đấu nâng cao **sự giác ngộ về lý tưởng cộng sản chủ nghĩa**. Đó cũng là điều cơ bản nhất để phân rõ ranh giới giữa đảng viên với người ngoài Đảng. Báo cáo về xây dựng Đảng tại Đại hội toàn quốc thứ V đã nhấn mạnh: **“Đảng viên dù ở cương vị công tác nào cũng đều phải là những chiến sĩ cộng sản có lý tưởng...”** (5).

Từ trước tới nay, trong mọi giai đoạn cách mạng, Đảng đều coi trọng việc giáo dục lý tưởng cộng sản chủ nghĩa cho các đảng viên. Song, cần chú ý rằng, ở mỗi giai đoạn cách mạng, sự giác ngộ về lý tưởng cộng sản chủ nghĩa lại có nội dung cụ thể gắn liền với yêu cầu của nhiệm vụ chính trị của Đảng. Trước đây, khi đất nước còn ở trong cảnh tối tăm nô lệ, bị đế quốc và phong kiến thống trị, Đảng còn phải hoạt động bí mật, sự giác ngộ lý tưởng cộng sản chủ nghĩa đòi hỏi người đảng viên phải có gan đứng lên đấu tranh và tổ chức quần chúng đấu tranh một mất một còn với quân thù, không sợ tù đầy, chém giết, nhằm đập tan ách thống trị của đế quốc và phong kiến, giành chính quyền về tay nhân dân. Trong những năm kháng chiến chống Pháp, chống Mỹ xâm lược, sự giác ngộ lý tưởng cộng sản chủ nghĩa đòi hỏi người đảng viên phải có lòng căm thù giặc sâu sắc, không được dừng dưng trước cảnh đất nước bị dày xéo, tàn phá, chia cắt, trái lại phải chiến đấu, sẵn sàng hy sinh, để đánh thắng quân xâm lược, giành độc lập tự do cho Tổ quốc.

Trong giai đoạn cách mạng xã hội chủ nghĩa hiện nay, người đảng viên vẫn phải thường xuyên nâng cao tinh thần cảnh giác cách mạng, sẵn sàng chiến đấu và chiến thắng mọi hành động phá hoại và xâm lược của bọn bành trướng bá quyền Trung quốc câu kết với đế quốc Mỹ và các bọn phản động khác, bảo vệ vững chắc Tổ quốc thân yêu, bảo vệ vững chắc những thành quả của cách mạng. Nhưng chỉ như vậy thì không đủ. Cách mạng xã hội chủ nghĩa là xóa bỏ bóc lột, xóa bỏ giai cấp, là tiến công vào nghèo nàn, lạc hậu nhằm xây dựng một xã hội mới tốt đẹp nhất trong lịch sử nước ta. Đó là một sự nghiệp rất vẻ vang nhưng cũng hết sức khó khăn phức tạp. Nó đặt ra trước đội ngũ đảng viên những yêu cầu, những thử thách hoàn toàn mới mẻ mà nếu không có sự giác ngộ cao thì ngay một số người đã từng được rèn luyện cũng không thể xứng đáng là người cộng sản. Hiện nay sự giác ngộ lý tưởng cộng sản chủ nghĩa đòi hỏi người đảng viên trước hết phải thấu suốt những vấn đề then chốt trong đường lối, chính sách của Đảng về cải tạo xã hội chủ nghĩa, về xây dựng chủ nghĩa xã hội, về nghĩa vụ quốc tế để từ đó xác định cho mình một thái độ đúng đắn phù hợp với yêu cầu của Đảng trước những vấn đề đặt ra trong cuộc sống, có ý chí quyết thắng trong xây dựng chủ nghĩa xã hội như ý chí quyết thắng quân thù nơi tiền tuyến. Ý chí quyết thắng của người đảng viên không chỉ thể hiện ở nhiệt tình cách mạng mà còn phải thể hiện ở việc không ngừng nâng cao kiến thức và năng lực công tác, bởi vì thiếu những cái đó sẽ không thể xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội.

Sự giác ngộ lý tưởng cộng sản chủ nghĩa tuy có nội dung cụ thể gắn liền với yêu cầu của nhiệm vụ chính trị của Đảng trong từng giai đoạn cách mạng,

(5) Văn kiện Đại hội V, Nxb Sự thật, Hà nội, 1982, tập III, tr. 104.

nhưng cần chú ý rằng, trong mọi giai đoạn cách mạng, sự giác ngộ lý tưởng cộng sản chủ nghĩa lại có một yêu cầu cơ bản giống nhau. Đó là yêu cầu người đảng viên phải nêu cao vai trò tiên phong gương mẫu trong mọi mặt hoạt động. Đã không phát huy được vai trò tiên phong gương mẫu thì trên thực tế người đảng viên đã tự hạ thấp vai trò của mình, tự tước bỏ danh hiệu đảng viên của mình.

Vai trò tiên phong gương mẫu của người đảng viên phải thể hiện trước hết ở việc chấp hành nghiêm chỉnh mọi đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước, sẵn sàng làm tròn mọi nhiệm vụ theo sự phân công của Đảng, có ý thức trách nhiệm đầy đủ trong mọi mặt sản xuất, công tác và chiến đấu. Cần chú ý rằng, trong công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội, sản xuất giữ vai trò quyết định đối với mọi mặt đời sống xã hội. Lê-nin đã nói: « Một khi chiếm được chính quyền nhà nước, giai cấp vô sản có một lợi ích căn bản nhất, sống còn nhất, là phải tăng số lượng sản phẩm, phải nâng cao theo những quy mô rộng lớn sức sản xuất của xã hội » (6). Những đảng viên trực tiếp tham gia sản xuất, hoạt động trong các ngành phục vụ sản xuất càng phải có nhận thức sâu sắc về vấn đề này, nêu cao vai trò tiên phong gương mẫu trong sản xuất và phục vụ sản xuất.

Đề bảo đảm tư cách đảng viên, một yêu cầu quan trọng hiện nay là phải tiếp tục đấu tranh khắc phục những biểu hiện không lành mạnh về phẩm chất và lối sống trong một bộ phận cán bộ, đảng viên. Những năm qua, cùng với việc tăng cường giáo dục chính trị, tư tưởng và qua công tác phát triển đảng viên, Đảng ta đã thi hành kỷ luật, kể cả việc khai trừ ra khỏi Đảng một số không ít cán bộ, đảng viên phạm những sai lầm nghiêm trọng. Tuy vậy, đây vẫn là vấn đề mà các đảng viên và tổ chức Đảng phải hết sức quan tâm.

Phẩm chất và lối sống của đảng viên là vấn đề có ảnh hưởng trực tiếp tới tư cách đảng viên, tới uy tín của Đảng, của Nhà nước, tới mối liên hệ giữa Đảng với quần chúng. Sự giác ngộ lý tưởng cộng sản chủ nghĩa đòi hỏi mỗi cán bộ, đảng viên, dù trong hoàn cảnh nào cũng phải có bản lĩnh vững vàng, không được buông lỏng việc rèn luyện, giữ gìn tư cách đảng viên. Hiện nay, đời sống của nhân dân lao động nước ta, nhất là đời sống của công nhân, viên chức, các lực lượng vũ trang đang có nhiều khó khăn. Mỗi quan tâm sâu sắc của Đảng và Nhà nước hiện nay là cố gắng ổn định và từng bước cải thiện đời sống của nhân dân Đảng và Nhà nước ta đã đề ra những biện pháp tích cực nhằm giải quyết vấn đề này. Song đó không phải là một việc đơn giản, dễ dàng. Thái độ đúng đắn của cán bộ, đảng viên ta trong lúc này là thông cảm với tình hình khó khăn chung của đất nước, tích cực góp phần cùng với Đảng và Nhà nước giải quyết khó khăn của đất nước bằng cách gương mẫu thực hiện và động viên nhân dân thực hiện những chủ trương biện pháp do Đảng và Nhà nước đề ra, đồng thời tự mình cố gắng khắc phục những khó khăn trong đời sống, tăng thêm thu nhập của bản thân và gia đình bằng lao động chân chính, không chạy theo tiền tài và lợi ích phi pháp, không dễ bị ảnh hưởng bởi lối sống xa hoa đồi trụy.

Nhấn mạnh phẩm chất hoàn toàn không có nghĩa là coi nhẹ kiến thức, coi nhẹ năng lực. Muốn phát huy được vai trò của mình, người đảng viên phải rèn luyện, phấn đấu để vừa nâng cao phẩm chất cách mạng vừa nâng cao kiến thức và năng lực công tác, bảo đảm hoàn thành tốt mọi nhiệm vụ được giao phó. Hơn nữa, chưa có giai đoạn cách mạng nào đề ra cho đội ngũ cán bộ, đảng viên những yêu cầu cao về phẩm chất, về kiến thức và năng lực như giai đoạn cách mạng

(6) V.I. Lê-nin: Toàn tập, Nxb Tiến bộ, Mát-xcơ-va, 1978, tập 44, tr. 422.

xã hội chủ nghĩa hiện nay. Nó đòi hỏi tất cả đảng viên, tất cả cán bộ của Đảng, của Nhà nước phải nỗ lực phấn đấu để không ngừng nâng cao kiến thức về khoa học — khoa học xã hội, khoa học tự nhiên, khoa học kỹ thuật, có năng lực vận dụng những kiến thức ấy vào từng hoàn cảnh cụ thể nhằm giải quyết đúng đắn những yêu cầu đang đặt ra cho cách mạng. Lê-nin đã nói: « Không có cái vốn hiểu biết, kỹ thuật và văn hóa thì không thể xây dựng được chủ nghĩa cộng sản » (7). Tất cả cán bộ, đảng viên của Đảng, nhất là những cán bộ, đảng viên hoạt động trong các ngành kinh tế cần ra sức học tập nâng cao kiến thức và năng lực hoạt động kinh tế, góp phần tích cực vào việc thực hiện nhiệm vụ trung tâm của Đảng hiện nay là lãnh đạo kinh tế. Cần đấu tranh khắc phục thói lười biếng, ngại khó, bằng lòng với cái vốn hiểu biết, với những kinh nghiệm đã có, không chịu học tập để nâng cao trình độ. Báo cáo chính trị tại Đại hội toàn quốc thứ V đã nói, đó « cũng là một biểu hiện thoái hóa nghiêm trọng về phẩm chất đảng viên » (8).

Phấn đấu bảo đảm tư cách đảng viên không chỉ là trách nhiệm của bản thân đảng viên mà cũng chính là trách nhiệm của các tổ chức Đảng, trước hết là tổ chức cơ sở Đảng. Cần khắc phục tư tưởng chủ quan trong một số cấp ủy và cán bộ cho rằng đã qua công tác phát triển đảng viên, đến nay trong đảng bộ mình không còn vấn đề gì về tư cách đảng viên. Chúng ta đều biết, số đông cán bộ, đảng viên có bản chất tốt, có nghị lực phấn đấu, rèn luyện giữ gìn phẩm chất, tư cách đảng viên, song trong một bộ phận cán bộ, đảng viên đang bộc lộ những biểu hiện không lành mạnh về phẩm chất và lối sống, mặt khác, ở một số tổ chức Đảng vẫn còn những người không đủ tư cách đảng viên chưa được đưa ra khỏi Đảng. Bởi vậy, các cấp ủy Đảng, các tổ chức cơ sở Đảng cần thường xuyên chăm lo giáo dục đảng viên, quản lý đảng viên, kiểm tra công tác và phẩm chất của đảng viên, kiên quyết đấu tranh chống những biểu hiện vô tổ chức, vô kỷ luật, không chấp hành đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước, liệng lựu đưa ra khỏi Đảng những người không đủ tư cách đảng viên theo đúng tinh thần các chỉ thị, nghị quyết của Đảng. Cần chủ ý kết hợp chặt chẽ biện pháp về tư tưởng với biện pháp về tổ chức, khắc phục những biểu hiện hữu khuynh trong việc xem xét tư cách đảng viên, xử lý những cán bộ, đảng viên mắc sai lầm nghiêm trọng, khắc phục tình trạng lỏng lẻo, quan liêu trong công tác quản lý cán bộ, đảng viên hiện nay.



Từ ngày Đảng ta ra đời đến nay vừa đúng 55 năm. Trong 55 năm qua, dưới sự lãnh đạo của Đảng, cách mạng nước ta trải qua muôn vàn thử thách, khó khăn nhưng đã giành được những thắng lợi cực kỳ to lớn. Đảng viên chúng ta rất tự hào được đứng trong đội ngũ chiến đấu của Đảng. Chúng ta nguyện nỗ lực phấn đấu rèn luyện, không ngừng nâng cao phẩm chất cách mạng, nâng cao kiến thức và năng lực công tác để phát huy hơn nữa vai trò của mình trong sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc, xứng đáng với lòng tin cậy của Đảng, của quần chúng nhân dân, xứng đáng với danh hiệu người đảng viên cộng sản.

(7) V.I. Lê-nin: Toàn tập, Nxb Tiến bộ, Mát-xcơ-va, 1977 tập 39, tr. 356.

(8) Văn kiện Đại hội V, Nxb Sự thật, Hà nội, 1982, tập I tr. 173.



CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH
(1890 — 1969)

Vì Tổ quốc xã hội chủ nghĩa, vì hạnh phúc của nhân dân *

LÊ DUÂN

Thưa Đoàn Chủ tịch,

Thưa các vị khách nước ngoài,

Thưa các đồng chí và các bạn,

NĂM mươi lăm năm đã qua kể từ ngày thành lập Đảng ta, ngày 3 tháng 2 năm 1930. Sự ra đời của Đảng cộng sản Việt nam mãi mãi được ghi trong lịch sử hiện đại của nước ta như một mốc son chói lọi đánh dấu một bước ngoặt vĩ đại.

Cách mạng Việt nam, trong sự nghiệp giải phóng đất nước và giải phóng xã hội, đã có một lực lượng lãnh đạo tiêu biểu cho dân tộc và thời đại. Đó là Đảng ta, Đảng của giai cấp công nhân và nhân dân lao động Việt nam, do Chủ tịch Hồ Chí Minh sáng lập và rèn luyện, được vũ trang bằng chủ nghĩa Mác - Lê-nin, đỉnh cao của trí tuệ loài người.

Dân tộc ta, «thà hy sinh tất cả chứ nhất định không chịu mất nước, nhất định không chịu làm nô lệ», dưới ngọn cờ vẻ vang của Đảng, đã vùng lên giành độc lập, tự do, và để giữ vững quyền làm chủ thiêng liêng ấy, đã liên tiếp tiến hành những cuộc chiến tranh giải phóng và giữ nước vang dội địa cầu, viết nên những trang hào hùng và rạng rỡ trong lịch sử hàng nghìn năm của Tổ quốc.

Đất nước ta, sau gần một thế kỷ bị chà đạp dưới chế độ thuộc địa và

phong kiến, đã bước vào kỷ nguyên mới, kỷ nguyên giải phóng dân tộc gắn liền với giải phóng giai cấp công nhân và nhân dân lao động, kỷ nguyên độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội, cách mạng Việt nam trở thành một hệ phận khăng khít của cách mạng thế giới.

Thành quả có ý nghĩa lịch sử làm biến đổi sâu sắc tình hình chính trị và xã hội của đất nước là Đảng ta đã kiên trì lãnh đạo nhân dân đấu tranh hoàn thành giải phóng dân tộc, hoàn thành cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân. Để làm nên sự nghiệp thần kỳ đó, Đảng và nhân dân ta đã phải chiến đấu 45 năm.

Mười lăm năm đầu là mười lăm năm đấu tranh sinh tử chống ách đô hộ cực kỳ tàn bạo của bọn thực dân, phát xít và chế độ phong kiến thối nát. Trong mười lăm năm đó, Đảng ta đã tổ chức và lãnh đạo quần chúng liên tiếp dấy lên ba cao trào cách mạng 1930 - 1931, 1936 - 1939, 1940 - 1945, dẫn đến thành công của Cách mạng Tháng Tám. Đây là cuộc cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân tiêu biểu, do giai cấp công nhân lãnh đạo, lần đầu tiên thắng lợi ở một nước thuộc địa. Thắng lợi của Cách mạng Tháng Tám

* Diễn văn đọc tại lễ kỷ niệm lần thứ 55 Ngày thành lập Đảng cộng sản Việt nam.

làm thay đổi toàn bộ vận mệnh của nước ta. Dân tộc ta từ chỗ mất nước đã trở thành người chủ đất nước. Cách mạng Tháng Tám bảo hiệu sự vùng dậy không gì ngăn cản nổi của các dân tộc bị áp bức, đi theo con đường của Cách mạng Tháng Mười, đập tan ách thống trị của các thế lực đế quốc chủ nghĩa, giành quyền làm chủ chân chính của mình.

Ba mươi năm tiếp theo đã diễn ra hai cuộc kháng chiến cứu nước long trời lở đất chống lại những thế lực đế quốc hiếu chiến hung hãn, đại biểu cho chủ nghĩa thực dân cũ và chủ nghĩa thực dân mới. Những kẻ thù của dân tộc ta nuốt bóp chết ngay từ đầu. Nhà nước công nông mới thành lập. Chúng muốn đập tan ngay từ đầu chủ nghĩa xã hội mới mọc ra trên cái nền độc lập dân tộc. Nhưng chúng đã thất bại hoàn toàn. Nhân dân ta giành được những thắng lợi có ý nghĩa lịch sử và thời đại, vừa làm tròn nhiệm vụ dân tộc, vừa làm tròn nghĩa vụ quốc tế đối với nhân dân Lào và nhân dân Cam-pu-chia anh em, góp phần xứng đáng vào sự nghiệp cách mạng của nhân dân thế giới.

Thắng lợi của cuộc kháng chiến thứ nhất, kết thúc bằng cuộc tiến công chiến lược đông xuân 1953 - 1954 và chiến thắng Điện Biên phủ oanh liệt, đã mở đường đưa miền Bắc tiến lên chủ nghĩa xã hội, chấm dứt sự thống trị của chủ nghĩa thực dân cũ trên đất nước ta, mở đầu thời kỳ sụp đổ của nó trên bán đảo Đông dương và trên toàn thế giới.

Thắng lợi của cuộc kháng chiến thứ hai, kết thúc bằng cuộc tổng tiến công và nổi dậy mùa xuân năm 1975 mà đỉnh cao là Chiến dịch Hồ Chí Minh, đã chấm dứt vĩnh viễn ách đế quốc chủ nghĩa, giành lại độc lập hoàn toàn, mở ra giai đoạn đất nước thống nhất, tiến theo con đường xã hội chủ nghĩa. Thắng lợi đó đã giáng một đòn nghiêm trọng vào chiến lược toàn cầu phản

động của đế quốc Mỹ, bảo hiệu sự phá sản không tránh khỏi của chủ nghĩa thực dân mới trên thế giới.

Thắng lợi trọn vẹn của cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân ở nước ta làm nổi bật chân lý của thời đại là độc lập dân tộc phải gắn liền với chủ nghĩa xã hội. Nhờ nắm chắc thực chất cách mạng và khoa học của chủ nghĩa Mác-Lê-nin, lấy đó làm kim chỉ nam để giải quyết một cách sáng tạo các vấn đề của cách mạng ở một nước thuộc địa và nửa phong kiến, Đảng ta đã sớm phát hiện chân lý ấy và thể hiện thành đường lối nhất quán và phương pháp cách mạng có hiệu lực.

Từ những năm 20 của thế kỷ này, đồng chí Nguyễn Ái Quốc đã khẳng định: « Chỉ có chủ nghĩa xã hội, chủ nghĩa cộng sản mới giải phóng được các dân tộc bị áp bức và những người lao động trên thế giới khỏi ách nô lệ ». Ngay sau khi thành lập, trong Luận cương chính trị năm 1930 do đồng chí Trần Phú khởi thảo, Đảng ta đã nêu ra cương lĩnh cách mạng dân tộc dân chủ, đánh đổ đế quốc đi đôi với đánh đổ phong kiến, rồi tiến thẳng lên chủ nghĩa xã hội, bỏ qua giai đoạn phát triển tư bản chủ nghĩa. Giương cao ngọn cờ độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội trở thành nền tảng cho mọi chiến lược và sách lược của Đảng ta.

Nắm vững đường lối cơ bản đó, khi chưa có chính quyền, Đảng ta đã luôn luôn đặt nhiệm vụ trung tâm là thu hút phục vụ quần đại quần chúng, tổ chức sâu rộng nhân dân lao động, động viên và tập hợp mọi lực lượng dân tộc và dân chủ, thiết lập liên minh công nông làm cơ sở để tổ chức quân đội cách mạng, xây dựng mặt trận dân tộc thống nhất và chính quyền nhân dân, sáng tạo ra phương pháp đấu tranh giành chính quyền bằng bạo lực cách mạng dựa trên hai lực lượng: lực lượng chính trị và lực lượng quân sự.

Nhà nước Việt nam dân chủ cộng hòa thực chất là Nhà nước làm chủ



tập thể của nhân dân lao động làm nhiệm vụ cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân. Đảng đặt toàn bộ công cuộc chống đế quốc và chống phong kiến trong quỹ đạo cách mạng vô sản, từ đó chủ động, tự giác giải quyết đúng đắn mối quan hệ giữa dân tộc và dân chủ phù hợp với đặc điểm cụ thể của từng thời kỳ và thể phát triển của cách mạng.

Khi kháng chiến chống Pháp, cải cách ruộng đất được tiến hành ngay trong chiến tranh; kháng chiến đi đôi với xây dựng kinh tế, văn hóa, xây dựng chế độ làm chủ của nhân dân lao động. Trong kháng chiến chống Mỹ, độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã

hội quyện vào nhau, cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân ở miền Nam và cách mạng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc đồng thời tiến hành, hỗ trợ và thúc đẩy lẫn nhau, nhằm mục tiêu chung hoàn thành giải phóng dân tộc, thực hiện thống nhất nước nhà, đưa cả nước tiến lên chủ nghĩa xã hội.

Ngày nay, độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội hòa vào nhau, dân tộc và chủ nghĩa xã hội là một. Chỉ có chủ nghĩa xã hội mới bảo đảm vững chắc dân tộc được độc lập, mọi khả năng và tinh hoa của dân tộc được phát huy, đời sống nhân dân được ấm no, hạnh phúc. Mặt khác, việc xây dựng chủ nghĩa xã hội chỉ thành công khi những

quy luật phổ biến của nó được vận dụng sáng tạo, phù hợp với những điều kiện kinh tế, xã hội, lịch sử của dân tộc.

Gắn liền độc lập dân tộc với chủ nghĩa xã hội, Đảng ta đã giải quyết vấn đề bản chất nhất của cách mạng, vấn đề nhân dân lao động làm chủ đất nước và xã hội. Quá trình ngày càng quyện vào nhau của độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội chính là quá trình ngày càng xác lập và nâng cao quyền làm chủ ấy. Giải phóng dân tộc, bảo vệ nền độc lập quốc gia là xác lập và giữ vững quyền làm chủ của nhân dân đối với đất nước, quyền làm chủ cơ bản nhất của một dân tộc. Thực hiện những nhiệm vụ của cách mạng xã hội chủ nghĩa là từng bước xây dựng và hoàn thiện quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động, làm chủ về chính trị, kinh tế, văn hóa, làm chủ đối với xã hội, thiên nhiên và bản thân.

Thưa các đồng chí và các bạn,

Mười năm qua, cách mạng Việt nam chuyển sang giai đoạn mới, nhân dân ta đã và đang phấn đấu thực hiện hai nhiệm vụ chiến lược: xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc.

Dưới sự lãnh đạo của Đảng, các lực lượng vũ trang nhân dân và đồng bào các tỉnh biên giới phía tây nam và phía bắc đã đánh thắng oanh liệt hai cuộc chiến tranh xâm lược do bọn phản động Trung quốc gây ra, chặn đứng âm mưu bành trướng và thôn tính của chúng đối với nước ta và cả Đông dương, góp phần cứu nhân dân Cam-pu-chia khỏi họa diệt chủng. Hiện nay, cuộc chiến đấu chống chiến tranh lấn chiếm và kiểu chiến tranh phá hoại nhiều mặt của địch đang tiếp tục, nhằm bảo vệ vững chắc biên cương của Tổ quốc và thành quả của chủ nghĩa xã hội.

Trong công cuộc xây dựng đất nước, Đảng ta đã đề ra tại Đại hội IV đường lối chung và đường lối kinh tế cho cả

thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, tiếp đó tại Đại hội V đã vạch ra mục tiêu, nội dung và các chính sách lớn cho chặng đường đầu tiên.

Cốt lõi của đường lối của Đảng là xây dựng chế độ làm chủ tập thể của nhân dân lao động, phát động quần chúng nhân dân tự giác, chủ động tiến hành đồng thời ba cuộc cách mạng: cách mạng về quan hệ sản xuất, cách mạng khoa học - kỹ thuật, cách mạng tư tưởng và văn hóa, trong đó cách mạng khoa học - kỹ thuật là then chốt, công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa là nhiệm vụ trung tâm. Đường lối đó được thực tiễn chứng minh là đúng.

Chủ nghĩa tư bản dựa trên sở hữu tư bản chủ nghĩa là chế độ trong đó giai cấp tư sản tập trung tiên thành tư bản, thành phương tiện để bóc lột sức lao động làm thuê, tạo ra một nền kinh tế đối lập công nghiệp với nông nghiệp, hoạt động theo cơ chế thị trường, lấy giá trị và lợi nhuận của giai cấp tư sản làm mục đích.

Chủ nghĩa xã hội dựa trên sở hữu xã hội chủ nghĩa là chế độ trong đó làm chủ tập thể của nhân dân lao động, với tư cách một tổ chức kinh tế - xã hội, vừa là quan hệ sản xuất mới vừa là lực lượng sản xuất lớn nhất, liên kết công nghiệp với nông nghiệp thành cơ cấu, vận dụng khoa học kỹ thuật tiên tiến, thực hiện cơ chế quản lý gắn liền kế hoạch là công cụ trung tâm với hạch toán kinh tế và kinh doanh xã hội chủ nghĩa, lấy việc thỏa mãn nhu cầu vật chất và văn hóa của nhân dân lao động làm mục đích.

Theo đường lối đã được vạch ra, các tổ chức đảng và bộ máy quản lý kinh tế, văn hóa vừa làm vừa học, tìm tòi, thử nghiệm, từng bước nhận thức đường lối thấu suốt và thống nhất hơn, vận dụng và cụ thể hóa đường lối sát đúng với thực tế hơn. Đến nay, qua các kỳ hội nghị Ban chấp hành trung ương Đảng khóa IV và

khóa V, qua thực tiễn cách mạng, chúng ta đã tìm ra những vấn đề có tính quy luật của việc đưa sản xuất nhỏ lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa. Đặc biệt, đã làm sáng tỏ nội dung của cơ cấu kinh tế mới, gắn liền công nghiệp với nông nghiệp, kinh tế trung ương với kinh tế địa phương, lực lượng sản xuất với quan hệ sản xuất, phân công lao động trong nước với hợp tác quốc tế thông qua xuất nhập khẩu và kinh tế đối ngoại.

Trong chặng đường đầu tiên của thời kỳ quá độ, chúng ta thiết lập ngay chế độ làm chủ tập thể của nhân dân lao động, lấy đó làm động lực để tổ chức lại và phát triển sản xuất; trước hết sử dụng đến mức cao nhất lao động và tài nguyên, đáp ứng ngày càng tốt nhu cầu đời sống nhân dân và từng bước tạo ra nền đại công nghiệp cơ khí. Chúng ta bước đầu đổi mới công tác kế hoạch hóa, thực hiện ba cấp cơ bản làm chủ kế hoạch, sửa đổi và bổ sung một số chính sách, dần dần xóa bỏ tệ quan liêu bao cấp, xây dựng một bước cơ chế quản lý mới của chế độ làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa.

Mười năm qua là mười năm đầy thử thách. Dịch họa, thiên tai liên tiếp và nặng nề. Mặc dù vậy, chúng ta đã làm được nhiều việc lớn. Ngay từ đầu, quyền làm chủ tập thể của nhân dân được xác lập trong cả nước và từng bước được củng cố. Đời sống của nhân dân được bảo đảm về cơ bản, đang dần dần ổn định; ở nhiều vùng nông thôn đời sống được cải thiện, tuy qua mười năm số dân tăng hơn mười triệu người. Quan hệ sản xuất cũ đang được cải tạo theo chủ nghĩa xã hội. Cơ sở vật chất - kỹ thuật được tăng cường; nhiều công trình lớn được xây dựng, một số đã đi vào sản xuất. Nông nghiệp nhất là sản xuất lương thực tăng khá; công nghiệp đã phục hồi và đang có đà phát triển; xuất khẩu những năm gần



Đồng chí TRẦN PHÚ
Tổng bí thư đầu tiên của Đảng

Sinh ngày 1-5-1904 trong một gia đình nhà nho nghèo tại huyện Tuy an, tỉnh Phú Khánh; nguyên quán ở xã Tùng ánh, Đức thọ, Nghệ Tĩnh.

Tháng 7-1925, tham gia thành lập Hội Phục Việt. Tháng 7-1926, được kết nạp vào Cộng sản đoàn, nông cốt của Việt nam thanh niên cách mạng đồng chí hội. Năm 1927, sang học Trường đại học Đông phương (Liên xô). Tháng 4-1930, trở về nước hoạt động và khởi thảo Luận cương chính trị của Đảng

Tháng 10-1930, được bầu làm Tổng bí thư của Đảng. Bị địch bắt ngày 19-4-1931 tại Sài gòn và hy sinh ngày 6-9-1931.

đây có tiến bộ. Quốc phòng và an ninh được bảo đảm. Công tác khoa học kỹ thuật và giáo dục, văn hóa ngày càng gắn liền với xây dựng và quản lý kinh tế. Diện hình tiên tiến và nhân tố tích cực xuất hiện ngày càng nhiều, sáng tạo ra cách sản xuất, kinh doanh và quản lý thể hiện rõ vai trò làm chủ tập thể của nhân dân lao động, nhất là ở địa phương và cơ sở.

Thành tựu của mười năm qua làm nổi bật ý nghĩa lịch sử lớn lao của thắng lợi cách mạng ba nước Đông dương, của tình đoàn kết đặc biệt Việt nam - Lào - Cam-pu-chia được vun đắp từ khi có Đảng, đến nay phát triển thành liên minh vững mạnh, gắn bó với cộng đồng xã hội chủ nghĩa do Liên xô làm trụ cột. Ngày nay, nhân dân ta có thể và lực lớn mạnh hơn bất cứ thời kỳ nào trước đây để xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc. Bất chấp sự phá hoại thâm độc của kẻ thù, Việt nam, trong tình cảm của nhân dân tiến bộ trên thế giới, vẫn là biểu tượng của chủ nghĩa anh hùng và lòng nhân đạo cách mạng được mọi người yêu mến và tin cậy.

Thành tựu mười năm qua là to lớn. Nhưng chúng ta có sai sót trong bố trí cơ cấu kinh tế, trong cải tạo xã hội chủ nghĩa, trong công tác quản lý, trong công tác tư tưởng và văn hóa, trong công tác tổ chức và cán bộ. Có những việc có thể làm được mà chưa làm, có những khả năng trong tâm tay chưa được phát huy. Khuyết điểm nổi bật là chưa phát động được phong trào sâu rộng của nhân dân lao động ở thành thị và nông thôn đầy mạnh ba cuộc cách mạng; là chưa thực hiện được đồng thời và đồng bộ việc làm chủ sản xuất và làm chủ phân phối, lưu thông, tiêu dùng. Do đó, đã để kéo dài một số khó khăn về đời sống lẽ ra có thể khắc phục được, đã chậm ngăn chặn những biểu hiện tiêu cực trong hoạt động kinh tế và đời sống xã hội.

Trong thời gian sắp tới, để bảo vệ vững chắc Tổ quốc, lực lượng vũ trang nhân dân cần được tiếp tục xây dựng thành đội quân hùng mạnh, có quân chủ lực hiện đại và tinh nhuệ, có quân địa phương làm chủ trên các địa bàn. Toàn dân phải được phát động để phục vụ tiền tuyến và sẵn sàng đánh giặc. Thế trận chiến tranh nhân dân phải được bố trí khắp các vùng của đất nước cho đến tận cơ sở; mỗi làng, bản là một trận địa, mỗi huyện là một pháo đài. Đi đôi với không ngừng nâng cao trình độ sẵn sàng chiến đấu và chiến đấu tốt, quân đội ta dành một phần lực lượng làm nhiệm vụ xây dựng kinh tế, góp phần cải thiện đời sống và tích lũy cho sự nghiệp công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa. Các lực lượng vũ trang nhân dân cùng với sức mạnh tổng hợp của chế độ làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa là bảo đảm vững chắc cho nền quốc phòng và an ninh của đất nước.

Trong công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội, những năm sắp tới, chúng ta tiếp tục điều chỉnh cơ cấu kinh tế theo đường lối của Đảng, sắp xếp lại và tận dụng các năng lực sẵn có, phân bố hợp lý vốn đầu tư, chú ý chiều sâu, phần đầu dùng hết lao động và đất đai, dành một lực lượng quan trọng làm hàng xuất khẩu. Chúng ta tiếp tục phấn đấu đưa nông nghiệp một bước lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa, phát triển nhanh công nghiệp hàng tiêu dùng, tăng cường công nghiệp nặng và giao thông vận tải, trước hết nhằm thúc đẩy mặt trận nông nghiệp; đồng thời chuẩn bị điều kiện và tranh thủ mọi khả năng xây dựng một số công trình công nghiệp nặng then chốt, nhất là năng lượng, cơ khí, luyện kim. Chúng ta tiếp tục đẩy mạnh cải tạo xã hội chủ nghĩa, kết hợp chặt chẽ với xây dựng, thiết lập kỷ luật và trật tự xã hội chủ nghĩa trên các lĩnh vực.

Khắp nơi phải đẩy lên phong trào cách mạng sôi nổi; Nhà nước và nhân

dân cũng làm, trung ương, địa phương và cơ sở cũng làm. Liên kết các thành phần: quốc doanh, tập thể và gia đình, kết hợp các loại quy mô và các trình độ kỹ thuật, coi trọng quy mô vừa và nhỏ, khai thác mọi tiềm năng kinh tế, đẩy mạnh sản xuất, mở rộng kinh doanh, nhằm làm thêm của cải và tăng cường lực lượng của chủ nghĩa xã hội. Ra sức mở mang tiểu công nghiệp và thủ công nghiệp với công nghệ tinh xảo, đi đôi với phát huy hết công suất các cơ sở công nghiệp hiện có và xây dựng những công trình lớn có kỹ thuật hiện đại.

Phải hướng về cơ sở, củng cố và tăng cường các đơn vị cơ sở; nhanh chóng xây dựng các huyện thành đơn vị kinh tế nông - công nghiệp; phát huy năng lực kinh tế toàn diện của thành phố Hà nội, thành phố Hồ Chí Minh, các thành phố khác và các tỉnh; tích cực kiện toàn các ngành kinh tế trong cả nước đi sâu vào khoa học kỹ thuật.

Làm chủ sản xuất nhất thiết phải luôn luôn đi đôi với làm chủ thị trường, làm chủ phân phối, lưu thông và tiêu dùng.

Trên cơ sở phát triển sản xuất, lấy sản xuất làm gốc, cần nắm hàng và tiền vào tay Nhà nước, quản lý tốt giá cả, lưu thông hàng hóa và lưu thông tiền tệ, điều chỉnh hợp lý hệ thống giá và cải tiến tiền lương, nâng cao mức sống thực tế của công nhân, viên chức, lực lượng vũ trang và nhân dân lao động.

Đẩy mạnh cách mạng tư tưởng và văn hóa, nâng cao giác ngộ chính trị và trình độ văn hóa, khoa học kỹ thuật. Phê phán các tư tưởng sai lầm, tẩy trừ nọc độc của các loại văn hóa đồi trụy, phản động và lạc hậu, xóa bỏ những thói quen lâu đời của sản xuất nhỏ. Bằng phong trào cách mạng ở từng cơ sở, từng địa phương, phải đưa tư tưởng làm chủ tập thể thâm nhập vào quần chúng, xây dựng những



Đồng chí LÊ HỒNG PHONG

Ủy viên Ban chấp hành Quốc tế cộng sản, người chủ trì công việc của Đảng ta từ năm 1932 đến năm 1937

Sinh năm 1902 tại xã Hưng thông, Hưng nguyên, Nghệ tĩnh.

Đầu năm 1924, sang Thái lan, Trung quốc để liên lạc cách mạng và được kết nạp vào Tâm tâm xã. Sau đó, gia nhập Cộng sản đoàn và được cử đi học lý luận và quân sự tại Liên xô. Năm 1932, về nước hoạt động. Đầu năm 1934, thành lập Ban lãnh đạo hải ngoại của Đảng ở nước ngoài. Tháng 7-1935, được bầu làm Ủy viên Ban chấp hành Quốc tế cộng sản. Cuối năm 1937, về Sài gòn hoạt động, bị địch bắt giữ một thời gian ngắn. Tháng 9-1939, bị bắt lần thứ hai và bị đày ra Côn đảo. Hy sinh ngày 6-9-1942.

con người mới có lòng yêu nước nồng nàn và tinh thần quốc tế trong sáng, biết quý lao động, giàu tình thương, trọng lễ phải, có đầy đủ ý thức và năng lực xây dựng và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa.

Tiếp tục đổi mới quản lý kinh tế và xã hội, xóa bỏ triệt để tệ quan liêu bao cấp, uốn nắn lệch lạc chạy theo thị trường vô tổ chức, vun vén cho lợi ích cục bộ, hẹp hòi. Kiên trì mở rộng quyền hạn và tăng thêm trách nhiệm cho cơ sở, địa phương và ngành; khuyến khích tích cực lợi ích vật chất của người lao động; phát huy sáng kiến và năng lực của cá nhân gắn bó với sức mạnh của tập thể, của cộng đồng; xây dựng và hoàn chỉnh cơ chế quản lý của chế độ làm chủ tập thể, quán triệt vai trò trung tâm của kế hoạch, thực hiện kinh doanh, nhanh, nhạy, đồng thời bảo đảm cho nguyên tắc tập trung, thống nhất của nền kinh tế được tôn trọng một cách nghiêm túc.

Chúng ta phấn đấu xây dựng một xã hội có mức sống vật chất và văn hóa được bảo đảm và từng bước nâng cao, có lối sống đẹp "mỗi người vì mọi người, mọi người vì mỗi người", có khung cảnh sống kết hợp hài hòa con người với thiên nhiên đất nước. Xã hội làm chủ tập thể của chúng ta có thể mức sống vật chất chưa cao, song chất lượng của cuộc sống làm cho con người vui tươi, phấn khởi, thật sự tự do và hạnh phúc. Trong xã hội ấy, người với người là bạn; cá nhân, gia đình và xã hội gắn bó chặt chẽ và cùng phát triển nhịp nhàng.

Thưa các đồng chí và các bạn,

Bốn mươi năm qua, kể từ ngày chủ nghĩa phát xít bị đánh bại, các thế lực đế quốc hiếu chiến do Mỹ cầm đầu không ngừng chống phá sự nghiệp cách mạng của nhân dân thế

giới. Hiện nay, trong thế thất bại và suy yếu, đế quốc Mỹ điên cuồng đẩy mạnh chạy đua vũ trang hạt nhân và sử dụng khoảng không vũ trụ vào mục đích quân sự, đặt loài người trước nguy cơ chiến tranh hủy diệt. Đồng thời chúng ta kết với các thế lực bành trướng, quân phiệt hòng phản kích các trào lưu cách mạng của thời đại và chính Mỹ đã trực tiếp gây ra các lò lửa chiến tranh ở nhiều khu vực. Nhưng chúng không ngăn cản được sự lớn mạnh, thế tiến công và thắng lợi của ba dòng thác cách mạng trong cuộc đấu tranh vì hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội.

Nhân dân ta nhiệt liệt hoan nghênh và hoàn toàn ủng hộ những sáng kiến hòa bình quan trọng của các nước xã hội chủ nghĩa, đặc biệt là lập trường đúng đắn của Liên xô trong cuộc đàm phán Xô - Mỹ hiện nay nhằm ngăn chặn cuộc chạy đua vũ trang hạt nhân, làm giảm tình hình quốc tế căng thẳng, củng cố hòa bình và an ninh của các dân tộc. Chúng ta luôn luôn đứng bên cạnh nhân dân các nước Á, Phi, Mỹ la-tinh đang đấu tranh bảo vệ chủ quyền và độc lập dân tộc, hướng theo con đường phát triển không tư bản chủ nghĩa. Chúng ta ủng hộ mạnh mẽ giai cấp công nhân và nhân dân lao động các nước phát triển đang đấu tranh vì dân chủ và tiến bộ xã hội. Chúng ta phối hợp hành động chặt chẽ với phong trào đấu tranh rộng lớn của nhân dân thế giới, vì một nền hòa bình lâu dài, vì quan hệ hợp tác và hữu nghị bền vững giữa các dân tộc.

Trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, chúng ta nêu cao tinh thần tự lực tự cường, đồng thời trân trọng biết ơn và cố gắng sử dụng tốt sự giúp đỡ của Liên xô và các nước anh em, bầu bạn, sự ủng hộ của các lực lượng tiến bộ khắp năm châu.

Thực hiện Tuyên bố chung Hội nghị cấp cao ba nước Đông dương tháng 2-1983, chúng ta tiếp tục tăng cường liên minh chiến đấu, thiết thực mở rộng liên kết kinh tế, hợp tác văn hóa, khoa học kỹ thuật với Lào và Cam-pu-chia. Đó là lợi ích sống còn của ba dân tộc, đồng thời là trách nhiệm lịch sử của nhân dân ba nước trong cuộc đấu tranh chống các thế lực đế quốc và bành trướng ở châu Á - Thái bình dương, nhất là ở Đông Nam châu Á.

Chúng ta phát triển mạnh mẽ hợp tác với các nước xã hội chủ nghĩa, đặc biệt ra sức phấn đấu nâng cao chất lượng và hiệu quả của sự hợp tác toàn diện với Liên xô theo Hiệp ước hữu nghị và hợp tác Việt nam - Liên xô. Đó là nguyên tắc chiến lược của Đảng ta, là một nhân tố quyết định thắng lợi của cách mạng nước ta, là lợi ích dân tộc đồng thời là nghĩa vụ quốc tế của nhân dân ta.

Chúng ta phấn đấu mở rộng quan hệ kinh tế, văn hóa, khoa học kỹ thuật với các nước khác trên cơ sở bình đẳng và hai bên cùng có lợi.

Chúng ta sẵn sàng bình thường hóa quan hệ giữa nước ta với Trung quốc, và chắc rằng tình hữu nghị giữa nhân dân hai nước phải được khôi phục, không thể nào khác được.

Chúng ta mong muốn và quyết tâm cùng các bên có liên quan đi vào đối thoại nhằm sớm đạt được một giải pháp đem lại hòa bình, ổn định cho các nước Đông Nam Á. Nước Việt nam độc lập, tự do, phồn vinh và hạnh phúc là một bảo đảm quan trọng cho độc lập dân tộc và hòa bình ở khu vực này.

Thưa các đồng chí và các bạn,

Năm mươi lăm năm qua, Đảng ta đã ghi đậm dấu ấn của mình vào kỷ nguyên mới của đất nước. Trong giai đoạn cách mạng hiện nay, Đảng ta



Đồng chí NGUYỄN VĂN CỪ

Tổng bí thư của Đảng từ năm 1938
đến năm 1940

Sinh ngày 9-7-1912 ở làng Cẩm giang,
Tiền sơn, Hà bắc.

Là một trong những đảng viên đầu tiên của Đông dương cộng sản đảng. Sau khi Đảng cộng sản Việt nam ra đời, được bầu làm Bí thư đặc ủy đặc khu Hòn gai - Uông bí. Bị địch bắt và đày ra Côn đảo. Năm 1936, được ra tù. Năm 1937, được cử vào Ban thường vụ Trung ương Đảng và năm sau giữ chức Tổng bí thư của Đảng. Đã viết cuốn *Tự chỉ trích* nổi tiếng và chủ trì Hội nghị thứ 6 (khóa I) của Trung ương Đảng. Bị địch bắt tháng 6-1940 và bị bắn ngày 28-8-1941.

phải tăng cường sức chiến đấu và năng lực lãnh đạo lên ngang với yêu cầu của hai nhiệm vụ chiến lược.

Đảng phải nêu cao ý chí “không có gì quý hơn độc lập, tự do”, lãnh đạo toàn dân, toàn quân bảo vệ vững chắc chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ của đất nước.

Đảng phải nêu cao tinh thần cách mạng triệt để, bảo đảm cho chủ nghĩa xã hội giành được thắng lợi về các mặt chính trị, kinh tế, văn hóa, tư tưởng. Cuộc đấu tranh này không chỉ yêu cầu cán bộ, đảng viên đứng vững trên lập trường cách mạng xã hội chủ nghĩa, mà còn đòi hỏi Đảng có đủ năng lực lãnh đạo tiến hành ba cuộc cách mạng nhằm xây dựng chế độ làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa có kinh tế mới, văn hóa mới và con người mới. Đảng phải đi sâu vào mặt trận kinh tế, từng bước nắm được các tri thức về kinh tế, tình thông công việc quản lý kinh tế, xã hội. Đảng phải nêu cao vai trò then chốt của cách mạng khoa học-kỹ thuật, có chính sách toàn diện về giáo dục, bồi dưỡng, bố trí và sử dụng tốt đội ngũ cán bộ khoa học xã hội, khoa học tự nhiên và khoa học kỹ thuật.

Đề nâng cao năng lực và hiệu quả lãnh đạo kinh tế, điều cơ bản là các cấp ủy, các tổ chức đảng, nhất là chi bộ và đảng bộ cơ sở, cũng như toàn thể cán bộ, đảng viên phải thấm suốt đường lối của Đảng, nắm chắc những vấn đề có tính quy luật thể hiện trong đường lối. Phải thông qua việc thực hiện các nghị quyết của Trung ương mà đấu tranh khắc phục óc bảo thủ và sức ỳ của tập quán, luôn luôn nắm cái mới mà tiến lên, tạo điều kiện cho cái mới không ngừng phát triển.

Đảng lãnh đạo, nhân dân làm chủ, Nhà nước quản lý là cơ chế tổng hợp của chế độ làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa. Nhà nước là công cụ qua đó Đảng thực hiện sự lãnh đạo và nhân dân thực hiện quyền làm chủ của

mình. Nhà nước mạnh thì Đảng mạnh và nhân dân mạnh.

Nhà nước ta, chủ yếu là bộ máy quản lý kinh tế, văn hóa, phải được kiện toàn để có đủ năng lực quản lý tốt; quản lý hành chính kinh tế với tầm nhìn xa rộng và toàn diện, với pháp chế xã hội chủ nghĩa nghiêm minh và có hiệu lực; quản lý sản xuất, kinh doanh năng động và linh hoạt, phát huy mạnh mẽ động lực làm chủ tập thể, đạt năng suất, chất lượng và hiệu quả cao.

Vấn đề mấu chốt bảo đảm sự lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước là phải đào tạo một đội ngũ cán bộ đủ về số lượng, có phẩm chất chính trị, có năng lực công tác tương ứng với yêu cầu của nhiệm vụ. Cán bộ của Đảng phải vươn lên nắm vững công tác quản lý kinh tế, xã hội, nắm vững khoa học, kỹ thuật. Đảng phải rà soát lại đội ngũ cán bộ hiện có, bố trí những cán bộ tốt và giỏi đúng vào những khâu có ý nghĩa quyết định trong bộ máy quản lý kinh tế và văn hóa.

Đảng lãnh đạo và Nhà nước quản lý đều nhằm thực hiện quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động. Trách nhiệm thuyết phục, giáo dục quần chúng, khơi dậy phong trào cách mạng làm chủ tập thể của quần chúng là trách nhiệm trực tiếp của các tổ chức đảng. Trong thời gian tới, Đảng ta nhất thiết phải phát động được công nhân, nông dân, trí thức xã hội chủ nghĩa, thanh niên, phụ nữ, động viên hàng chục triệu người lao động hăng hái và liên tục đẩy mạnh ba cuộc cách mạng.

Đảng ta phải luôn luôn tăng cường mối liên hệ mật thiết với quần chúng, đấu tranh nghiêm khắc chống thói quan liêu, hách dịch, cửa quyền, lên án những hành động vi phạm quyền làm chủ của nhân dân, ngăn ngừa tình trạng đảng viên xa rời quần chúng.

Tư cách, đạo đức của cán bộ, đảng viên có ảnh hưởng một cách quyết định đến uy tín của Đảng, đến mối liên hệ giữa Đảng với quần chúng. Cán bộ, đảng viên phải tiên phong, gương mẫu trong lao động sản xuất cũng như trong chiến đấu; chủ động, sáng tạo thực hiện đường lối, chủ trương của Đảng và Nhà nước, kiên quyết đấu tranh khắc phục các biểu hiện tiêu cực. Cán bộ, đảng viên phải giữ vững và phát huy truyền thống tốt đẹp của Đảng, không ngừng học tập, tu dưỡng để trở thành những con người mới tiêu biểu về đạo đức chí công vô tư, về lối sống trong sạch, lành mạnh, về tác phong gần gũi quần chúng.

Đoàn kết nhất trí là nguồn sức mạnh cực kỳ to lớn của Đảng ta. Các cấp ủy, các tổ chức đảng và toàn thể cán bộ, đảng viên phải ra sức phấn đấu tăng cường đoàn kết trên cơ sở đường lối đúng đắn và những nguyên tắc tổ chức của Đảng. Phải kiên quyết đập tan mọi thủ đoạn chia rẽ của kẻ thù, bảo đảm cho Đảng ta luôn luôn là một khối thống nhất ý chí và hành động, làm tròn vai trò hạt nhân đoàn kết toàn quân, toàn dân, đoàn kết các dân tộc anh em trong nước, đề hoà thành thắng lợi những nhiệm vụ lịch sử trong giai đoạn mới.

Thưa các đồng chí và các bạn,

- Mỗi lần kỷ niệm ngày thành lập Đảng là một dịp toàn Đảng, toàn dân ta phấn khởi nhìn lại những chặng đường cách mạng đã qua, thấy sáng hơn triển vọng cách mạng sắp tới, từ đó tăng thêm lòng tự hào, niềm tin tưởng và ý chí chiến đấu.

Chúng ta kỷ niệm thành lập Đảng vào năm có nhiều ngày lễ lớn của dân tộc, năm kết thúc kế hoạch 5 năm lần thứ ba, chuẩn bị bước vào kế hoạch 1986 — 1990.

(Xem tiếp trang 27)



Đồng chí NGÔ GIA TỰ

**Một trong những cán bộ lãnh đạo
đầu tiên của Đảng**

Sinh năm 1910 ở xã Tam sơn, Tiên sơn, Hà bắc.

Tham gia phong trào đòi thực dân Pháp trả tự do cho cụ Phan Bội Châu, bị đuổi học. Về quê dạy học và gia nhập Việt nam thanh niên cách mạng đồng chí hội. Tháng 3-1929, tham gia thành lập chi bộ cộng sản đầu tiên tại số nhà 5D Hàm long (Hà nội). Tích cực vận động thành lập Đông dương cộng sản đảng. Năm 1930, được bầu làm Bí thư Ban chấp hành lâm thời Đảng cộng sản Việt nam ở Nam kỳ. Cuối năm 1930, bị địch bắt, khép án tù chung thân và đày ra Côn đảo. Hy sinh lúc 23 tuổi.

Mấy vấn đề cấp bách nâng cao chất lượng lãnh đạo của các tổ chức cơ sở Đảng ở đơn vị kinh tế quốc doanh

NGUYỄN ĐỨC TÂM

I - Nắm vững và thực hiện tốt chức năng lãnh đạo và kiểm tra của tổ chức cơ sở Đảng.

NÂNG cao chất lượng lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng từ trung ương đến cơ sở là một vấn đề then chốt của công tác xây dựng Đảng, bảo đảm thực hiện thắng lợi hai nhiệm vụ chiến lược: xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa. Đại hội toàn quốc thứ V của Đảng đã đề ra một loạt biện pháp để cải tiến và tăng cường sự lãnh đạo của các tổ chức Đảng, trong đó có tổ chức cơ sở Đảng ở đơn vị kinh tế quốc doanh.

Là hạt nhân lãnh đạo chính trị trong tập thể lao động và là người kiểm tra có hiệu quả các hoạt động của thủ trưởng và cơ quan quản lý ở những cơ sở giữ vị trí chủ đạo trong nền kinh tế xã hội chủ nghĩa, các tổ chức cơ sở Đảng ở đơn vị kinh tế quốc doanh chẳng những giữ vai trò hết sức quan trọng đối với sự phát triển của nền kinh tế quốc dân và đời sống xã hội, mà còn có vị trí rất quan trọng đối với sự nghiệp xây dựng Đảng ta, đảng của giai cấp công nhân. Không phải ngẫu nhiên mà ngay từ những ngày đầu đầu tranh để thành lập và củng cố đảng của giai cấp vô sản Nga, Lê-nin đã chủ trương phải kiên quyết và tích cực xây dựng trong các nhà

máy, xí nghiệp những tổ chức cơ sở Đảng, làm cho nó trở thành « những pháo đài », những « hạt nhân vững chắc không gì lay chuyển nổi của phong trào công nhân cách mạng và dân chủ - xã hội » (1).

Hiện nay cả nước ta có 4 811 tổ chức cơ sở Đảng ở các đơn vị kinh tế quốc doanh, trong đó 38,7% là ở các xí nghiệp sản xuất công nghiệp, 23% ở các nông trường, lâm trường, 8% ở các đơn vị giao thông vận tải, 30,3% ở các công ty, cửa hàng thương nghiệp. Đó là những đơn vị chiến đấu giữ vị trí rất quan trọng trong hệ thống tổ chức của Đảng, ở một khu vực tuy số công nhân, viên chức chỉ chiếm 6% số dân, 16% lực lượng lao động xã hội, nhưng hằng năm làm ra một khối lượng sản phẩm có giá trị bằng 37,5% giá trị tổng sản phẩm xã hội, bảo đảm hơn 65% số thu ngân sách Nhà nước và góp phần quan trọng vào việc ổn định và nâng cao đời sống của nhân dân.

Từ sau Đại hội toàn quốc thứ V của Đảng, quán triệt Nghị quyết của Đại hội, Ban chấp hành trung ương Đảng, Bộ chính trị, Ban bí thư, các cấp ủy Đảng đã coi trọng việc củng cố các tổ chức cơ sở của Đảng, đặc biệt là các cơ sở Đảng ở đơn vị kinh tế quốc doanh.

(1) Xem: V.I. Lê-nin: *Tổng tập* Nxb Tiến bộ, Mát-xcơ-va, 1979, tập 17, tr. 8.

Các tổ chức cơ sở Đảng ở đơn vị kinh tế quốc doanh đã có những tiến bộ đáng kể về các mặt phát huy vai trò làm chủ tập thể của nhân dân lao động, phát động phong trào quần chúng, tiến hành đồng thời ba cuộc cách mạng nhằm khắc phục khó khăn, đẩy mạnh sản xuất và kinh doanh, hoàn thành kế hoạch Nhà nước, chăm lo đời sống công nhân, viên chức, củng cố, xây dựng tổ chức Đảng và các đoàn thể quần chúng. Nhiều đảng ủy, chi ủy đã nắm vững chức năng, nhiệm vụ của mình, tạo điều kiện thuận lợi để giám đốc và cơ quan quản lý phát huy tinh thần chủ động, sáng tạo, vươn lên tìm cách cải tiến công tác, tháo gỡ những vướng mắc trong quản lý, khắc phục những khó khăn về vật tư, nguyên liệu, nhiên liệu, hạn chế và sửa chữa khuyết điểm, tạo ra những chuyển biến mới trong sản xuất và kinh doanh. Việc sắp xếp lại sản xuất và cải tiến quản lý xí nghiệp công nghiệp, phân phối, lưu thông theo phương hướng và yêu cầu của Nghị quyết Hội nghị thứ 6 của Ban chấp hành trung ương Đảng đang được triển khai một cách tích cực. Việc tổng kết công tác phát thể Đảng, tiến hành đại hội đảng bộ cơ sở, rà soát lại đội ngũ cán bộ, đảng viên... gắn liền với việc từng bước đổi mới cơ chế quản lý ở cơ sở đã mang lại những kết quả tốt trong việc kiện toàn cơ sở Đảng ở khu vực kinh tế quốc doanh. Số đảng bộ được công nhận là « đảng bộ trong sạch và vững mạnh » ngày càng nhiều.

Tuy nhiên, sự tiến bộ đó chưa đều và chưa mạnh. Ở một số cơ sở còn nhiều hiện tượng tiêu cực trong sản xuất và kinh doanh, việc thực hiện kế hoạch Nhà nước chưa tốt; năng suất, chất lượng, hiệu quả lao động chưa cao; kỷ luật lao động và quản lý tài sản xã hội chủ nghĩa còn lỏng lẻo. Tổ chức Đảng ở nhiều nơi chưa làm tròn chức trách lãnh đạo và kiểm tra của mình; chưa phát huy được vai trò tiên phong, gương mẫu của đảng viên,



Đồng chí NGUYỄN THỊ MINH KHAI

Một thành viên trong đoàn đại biểu Đảng ta đi dự Đại hội thứ VII của Quốc tế cộng sản năm 1935

Tên thật là Nguyễn Thị Vịnh, sinh năm 1910 tại Vinh (Nghệ tĩnh).

Tham gia hoạt động cách mạng từ năm 1926. Năm 1930, được kết nạp vào Đảng cộng sản Đông dương, phụ trách công tác tuyên truyền, huấn luyện đảng viên ở Bến thủy, Trường thi... Năm 1931, bị địch bắt ở Hương cảng (Trung quốc). Năm 1934 ra tù. Năm 1935 là đại biểu tham dự Đại hội thứ VII của Quốc tế cộng sản. Năm 1937, về nước hoạt động, là ủy viên Ban chấp hành đảng bộ Nam kỳ kiêm Bí thư thành ủy Sài gòn - Chợ lớn. Bị địch bắt tháng 7-1940 và hy sinh ngày 28-8-1941.

chưa củng cố và kiện toàn tốt các tổ chức quần chúng ; còn lúng túng về lề lối làm việc, lẫn lộn chức năng của tổ chức Đảng với chức năng của cơ quan quản lý ; đội ngũ cốt cán yếu, có nơi thiếu cán bộ chuyên trách công tác Đảng và công tác quần chúng.

Để đáp ứng yêu cầu phát triển sản xuất, đổi mới công tác quản lý kinh tế, phát huy hơn nữa tính năng động, sáng tạo của các đơn vị kinh tế quốc doanh, vấn đề quan trọng có ý nghĩa quyết định là phải nhanh chóng nâng cao chất lượng lãnh đạo và sức chiến đấu của các tổ chức cơ sở Đảng ; các tổ chức cơ sở Đảng trong khu vực kinh tế quốc doanh phải nắm vững và thực hiện tốt chức năng lãnh đạo và kiểm tra của mình.

Sự lãnh đạo của các tổ chức cơ sở Đảng ở các đơn vị kinh tế quốc doanh là nhân tố quyết định bảo đảm phát huy quyền làm chủ tập thể của quần chúng, phát huy trí tuệ, kinh nghiệm, nghị lực của cán bộ, đảng viên và công nhân, viên chức, đấu tranh khắc phục và ngăn ngừa những việc làm sai trái, không theo đúng chỉ thị, nghị quyết của Đảng, vi phạm chính sách và pháp luật của Nhà nước ; đồng thời nâng cao trách nhiệm, tính chủ động, sáng tạo của người thủ trưởng và cơ quan quản lý.

Nhằm xác định rõ chế độ trách nhiệm ở các đơn vị hoạt động theo chế độ thủ trưởng và tôn trọng những nguyên tắc quản lý xí nghiệp xã hội chủ nghĩa, điều 36 của Điều lệ Đảng đã quy định ở các cơ sở kinh tế quốc doanh, các tổ chức Đảng không quyết định các vấn đề về chỉ tiêu và kế hoạch cụ thể trong sản xuất, kinh doanh và các biện pháp kinh tế, kỹ thuật, chuyên môn, nghiệp vụ thuộc trách nhiệm quản lý của thủ trưởng. Nhưng tổ chức Đảng có trách nhiệm lãnh đạo đảng viên, công nhân, viên chức tham gia xây dựng kế hoạch và phấn đấu hoàn thành thắng lợi các

nhệm vụ, chỉ tiêu kế hoạch đã đề ra. Muốn thế, tổ chức Đảng phải nắm chắc tình hình, lắng nghe ý kiến của quần chúng, giáo dục quần chúng nắm vững đường lối, quan điểm và các chính sách của Đảng và Nhà nước ; đồng thời tập trung lãnh đạo tốt phong trào thi đua lao động sản xuất và tiết kiệm, nhằm đạt năng suất, chất lượng và hiệu quả ngày càng cao ; động viên quần chúng phát hiện và khai thác tốt các tiềm năng về lao động, vật tư, điều kiện sản xuất sẵn có, áp dụng các tiến bộ kỹ thuật và kinh nghiệm tiên tiến vào sản xuất, kiên quyết đấu tranh bảo vệ tài sản của Nhà nước và của tập thể, chống lãng phí, tham ô, chống lười nhác, vô trách nhiệm, vô kỷ luật.

Tổ chức Đảng lãnh đạo các đoàn thể quần chúng phối hợp chặt chẽ với thủ trưởng đơn vị và cơ quan quản lý, hành động theo một phương hướng và kế hoạch thống nhất, phát huy vai trò tham gia quản lý của Công đoàn, vai trò xung kích cách mạng của Đoàn thanh niên, bảo đảm sự đoàn kết, thống nhất trong toàn đơn vị. Tổ chức Đảng và đảng ủy, chi ủy ở cơ sở phải thường xuyên làm tốt công tác giáo dục chính trị, tư tưởng cho đảng viên và quần chúng, góp phần thực hiện tối nhất nhệm vụ chính trị, công tác chuyên môn và mọi hoạt động của đơn vị.

Buồng lỏng sự lãnh đạo của tổ chức Đảng đối với tập thể lao động và các đoàn thể quần chúng ở các đơn vị kinh tế quốc doanh là một khuyết điểm nghiêm trọng làm hạn chế việc hoàn thành và hoàn thành vượt mức kế hoạch Nhà nước, ảnh hưởng xấu đến việc xây dựng chế độ làm chủ tập thể ở các đơn vị này.

Kiểm tra hoạt động của cơ quan quản lý và của người thủ trưởng là một chức năng cơ bản của tổ chức Đảng trong các đơn vị kinh tế quốc doanh, một khâu đặc biệt quan trọng

trong việc bảo đảm chức năng lãnh đạo kinh tế - xã hội của Đảng, bảo đảm thực hiện tốt chế độ thủ trưởng, phát huy quyền làm chủ tập thể của quần chúng, quán triệt và thực hiện một cách nghiêm túc mọi chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước. Qua kiểm tra, tổ chức Đảng phát hiện những ưu điểm để phát huy, những thiếu sót, khuyết điểm để uốn nắn, khắc phục. Từ đó càng nêu cao được vai trò lãnh đạo và sức chiến đấu của tổ chức Đảng, phát huy được hiệu lực quản lý và chất lượng công tác của các cơ quan quản lý.

Nội dung kiểm tra tập trung vào những vấn đề trọng yếu nhất trong sản xuất, kinh doanh, công tác chuyên môn của đơn vị; kiểm tra việc xây dựng và thực hiện kế hoạch; kiểm tra việc bảo đảm chất lượng sản phẩm, việc áp dụng các tiến bộ kỹ thuật vào sản xuất, hiệu quả kinh tế, chính trị của việc thực hiện các biện pháp quản lý; kiểm tra việc chấp hành các chế độ, chính sách, pháp luật của Nhà nước (như chính sách tiết kiệm, chính sách bảo hộ lao động, tiền lương, tiền thưởng, phúc lợi, tổ chức đời sống, bảo đảm quyền làm chủ tập thể của công nhân, viên chức, v.v.). Ở các đơn vị thương nghiệp, vận tải, cung ứng vật tư... còn cần chú trọng kiểm tra ý thức trách nhiệm và thái độ phục vụ sản xuất, phục vụ nhân dân, chấp hành các nội quy, quy chế công tác.

Chính vì không nắm vững chức năng lãnh đạo và kiểm tra nói trên mà thời gian qua, có những đảng ủy, chi ủy bao biện, quyết định cả những công việc thuộc trách nhiệm của cơ quan quản lý xí nghiệp, những vấn đề thuộc phạm vi quyền hạn của giám đốc. Ngược lại, ở khá nhiều nơi, tổ chức Đảng buông lỏng lãnh đạo, không làm tốt công tác giáo dục chính trị tư tưởng, bỏ lơ công tác cán bộ, công tác quần chúng, công tác



Đồng chí PHAN ĐĂNG LƯU

Một trong những người tham gia các hội nghị thứ 6 và thứ 7 của Trung ương Đảng (khóa I)

Sinh ngày 5-5-1902 ở xã Hoa thành, Yên thành, Nghệ tĩnh.

Cuối năm 1925, gia nhập Hội phục Việt. Ngày 14-7-1928, được bầu làm Ủy viên thường vụ Tổng bộ Tân Việt cách mạng đảng. Tháng 9-1929, bị địch bắt, và đẩy lên Buồn mê thuật. Năm 1936, ra tù. Tháng 9-1936, tham gia Ủy ban lâm thời vận động Đông dương đại hội ở Trung kỳ. Chỉ đạo các báo chí công khai của Đảng ở Trung kỳ và lãnh đạo các dân biểu của Mặt trận dân chủ tại Viện dân biểu Trung kỳ. Tháng 9-1939, rút vào hoạt động bí mật, vào công tác ở Nam kỳ. Bị địch bắt ngày 22-11-1940 và bị bắn ngày 28-8-1941.

kiểm tra. Có những đảng ủy chẳng những không ngăn chặn và uốn nắn mà còn cùng với giám đốc quyết định cả những việc làm trái với nghị quyết của Đảng, pháp luật của Nhà nước, vì lợi ích riêng của đơn vị.

II - Xây dựng đội ngũ của Đảng trong giai cấp công nhân

Có xây dựng đội ngũ đảng viên vững mạnh mới tạo ra sức mạnh của tổ chức Đảng. Xây dựng đội ngũ đảng viên trong giai cấp công nhân là vấn đề có tính nguyên tắc, vấn đề về đường lối, quan điểm trong công tác xây dựng Đảng, là phương hướng đề xây dựng thành phần phân công nhân trong Đảng. Các tổ chức cơ sở Đảng ở các đơn vị kinh tế quốc doanh, nơi tập trung hầu hết lực lượng công nhân trực tiếp sản xuất và kinh doanh, có trách nhiệm rất lớn trong vấn đề này.

Trong những năm gần đây, việc phát triển Đảng trong giai cấp công nhân tuy có tăng song còn chậm. Ở các thành phố, các khu công nghiệp, công tác phát triển Đảng vào công nhân chưa được chú ý đúng mức; chỉ đạo thiếu thường xuyên và tập trung, còn có những biểu hiện của tư tưởng hẹp hòi, sợ trách nhiệm. Số đảng viên là công nhân trực tiếp sản xuất còn ít. Tình hình đó đã ảnh hưởng không tốt đến việc củng cố, kiện toàn đội ngũ của Đảng, nâng cao sức chiến đấu của các tổ chức cơ sở Đảng. Chúng ta cần nhanh chóng khắc phục những thiếu sót đó, đẩy mạnh hơn nữa công tác phát triển Đảng trong giai cấp công nhân. Đây chẳng những là một yêu cầu cấp bách để củng cố, kiện toàn tổ chức cơ sở Đảng ở đơn vị kinh tế quốc doanh, mà còn là một yêu cầu cơ bản, lâu dài của toàn bộ công tác xây dựng Đảng.

Phương hướng phát triển Đảng trong công nhân hiện nay là chú trọng

bồi dưỡng những công nhân có lập trường chính trị kiên định, vững vàng trước khó khăn và thử thách, có khả năng đi đầu lôi cuốn quần chúng phấn đấu hoàn thành tốt những nhiệm vụ được giao; chú ý những công nhân xuất thân từ gia đình công nhân lâu đời, công nhân có tay nghề khá, công nhân nữ và công nhân còn trong lứa tuổi thanh niên. Ở những đơn vị còn có quá ít đảng viên hoặc phân bố đảng viên không đều, cần tích cực làm công tác phát triển Đảng, và nếu có thể thì điều chỉnh lực lượng đảng viên, bảo đảm ở những khâu sản xuất trọng yếu, ở những lĩnh vực công tác khó khăn, phức tạp đều có đảng viên. Muốn làm tốt công tác phát triển Đảng, phải tạo ra phong trào cách mạng của quần chúng, thông qua phong trào quần chúng mà phát hiện những người ưu tú để bồi dưỡng, tạo điều kiện đưa họ vào Đảng. Mặt khác, đề phòng khuynh hướng phát triển Đảng một cách ồ ạt, hạ thấp tiêu chuẩn đảng viên, điều chỉnh đảng viên một cách tùy tiện, gây ra những xáo trộn không cần thiết.

Đi đôi với công tác phát triển Đảng, vấn đề hết sức quan trọng là giáo dục, rèn luyện, nâng cao chất lượng đảng viên, làm tốt việc quản lý, phân công đảng viên, kịp thời kiểm tra và xử lý nghiêm minh những đảng viên vi phạm Điều lệ Đảng, pháp luật của Nhà nước, kiên quyết đưa những người không đủ tư cách đảng viên ra khỏi Đảng. Việc nâng cao chất lượng đảng viên, đưa những người không đủ tư cách đảng viên ra khỏi Đảng phải là việc làm thường xuyên, kiên quyết và không do dự. Hiện nay, trong các đơn vị kinh tế quốc doanh, bên cạnh những đảng viên gương mẫu, tích cực, cũng còn những đảng viên làm trái đường lối, chính sách của Đảng, vi phạm kỷ luật của Đảng, pháp luật của Nhà nước, không còn đủ tư cách ở trong Đảng. Các tổ chức cơ sở

Đảng cần tích cực cải tiến-sinh hoạt Đảng, nâng cao chất lượng-sinh hoạt chi bộ, đẩy mạnh tự phê bình và phê bình, kết hợp với vận động quần chúng, phê bình các công việc của Đảng, phê bình cán bộ, đảng viên, kiểm tra công tác và phẩm chất của đảng viên, giúp đảng viên hoàn thành tốt nhiệm vụ.

Thực tế cho thấy, công tác xây dựng, củng cố đội ngũ đảng viên ở các đơn vị kinh tế quốc doanh chỉ có ý nghĩa và thu được hiệu quả thiết thực nếu nó được tiến hành đồng thời và kết hợp chặt chẽ với việc xây dựng đội ngũ công nhân, củng cố và kiện toàn các tổ chức quần chúng. Nếu không bồi dưỡng, rèn luyện đội ngũ công nhân thì không có điều kiện để xây dựng đội ngũ đảng viên của Đảng.

Các tổ chức quần chúng như Công đoàn, Đoàn thanh niên, có trách nhiệm lớn trong việc giáo dục, vận động và lôi cuốn công nhân tham gia các công việc quản lý sản xuất, quản lý xí nghiệp, phấn đấu hoàn thành kế hoạch sản xuất, kế hoạch công tác của đơn vị, bồi dưỡng, rèn luyện công nhân, trên cơ sở đó giới thiệu những công nhân ưu tú để tổ chức Đảng xem xét, kết nạp vào Đảng, tham gia tích cực vào việc xây dựng đội ngũ đảng viên, tham gia xây dựng Đảng. Cấp ủy Đảng và cơ quan quản lý cần khắc phục thiển hướng xem nhẹ vai trò của các tổ chức quần chúng, chỉ huy động hoặc giao việc cho các tổ chức quần chúng khi cần, không quan tâm đầy đủ đến công tác giáo dục, bồi dưỡng, phát huy quyền làm chủ tập thể của quần chúng. Tăng cường hơn nữa công tác lãnh đạo xây dựng và củng cố các tổ chức quần chúng thật sự vững mạnh, làm nòng cốt trong phong trào quần chúng và chỗ dựa đáng tin cậy của Đảng.



Đồng chí **VÕ VĂN TẦN**

Ủy viên Trung ương Đảng,
bí thư Xứ ủy Nam kỳ
từ năm 1937 đến năm 1940

Sinh năm 1894 tại Đức hòa, Chợ lớn.

Năm 1926 gia nhập Việt nam thanh niên cách mạng đồng chí hội. Cuối năm 1929, gia nhập An nam cộng sản đảng.

Ngày 4-6-1930, lãnh đạo một cuộc biểu tình lớn ở xã Tân phú thượng (Đức hòa), bị địch kết án tử hình vắng mặt. Sau đó, được cử làm Bí thư Tỉnh ủy Chợ lớn. Năm 1932, làm Bí thư Tỉnh ủy Gia định. Năm 1937, làm Bí thư Xứ ủy Nam kỳ và sau đó được cử vào Ban chấp hành trung ương Đảng. Bị địch bắt giữa năm 1940, và hy sinh ngày 28-8-1941.

III — Nâng cao vai trò của bí thư, kiện toàn đội ngũ cốt cán và cán bộ chuyên trách công tác Đảng, công tác quần chúng ở cơ sở.

Sự lãnh đạo của chi bộ, đảng bộ cơ sở đối với tập thể lao động là sự lãnh đạo tập thể; sự kiểm tra của tổ chức Đảng đối với hoạt động của giám đốc và cơ quan quản lý là sự kiểm tra tập thể. Trong cấp ủy, mỗi thành viên đều có vai trò và vị trí quan trọng nhất định đối với chất lượng hoạt động của tập thể. Song về lý luận cũng như về thực tiễn, ở bất cứ đơn vị kinh tế nào cũng cần phải có một đội ngũ cốt cán tốt, trước hết phải có bí thư và giám đốc tốt mới có khả năng bảo đảm chất lượng hoạt động của tập thể đảng ủy, chất lượng điều hành quản lý của giám đốc, chất lượng làm chủ tập thể của quần chúng. Người bí thư ở bất cứ cấp nào, đơn vị nào cũng có vai trò quan trọng hàng đầu trong tập thể cấp ủy. Thực tế nhiều năm qua đã chỉ ra rằng, những nơi có phong trào khá, tổ chức cơ sở Đảng mạnh thường là những nơi có đội ngũ cán bộ cốt cán mạnh, có bí thư vững, có giám đốc giỏi. Ngược lại, những nơi yếu kém thường là do không xây dựng, kiện toàn được đội ngũ cốt cán, nhất là không bố trí đúng bí thư và giám đốc.

Bí thư là linh hồn, là trụ cột của tập thể chi bộ, đảng bộ. Chức năng kiểm tra của đảng ủy, chỉ ủy đối với hoạt động của giám đốc và cơ quan quản lý đòi hỏi phải nâng cao trình độ, năng lực và chất lượng lãnh đạo của bí thư. Bí thư tổ chức cơ sở Đảng phải là người tuyệt đối trung thành với Đảng, nắm vững đường lối của Đảng, kiên quyết đấu tranh bảo vệ đường lối của Đảng, có lập trường kiên định trong cuộc đấu tranh giữa hai con đường xã hội chủ nghĩa và tư bản chủ nghĩa, có năng lực lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện, có kiến thức về

quản lý kinh tế, về ngành nghề, có hiểu biết cần thiết về khoa học kỹ thuật, có đầu óc tổ chức, có khả năng đoàn kết, tập hợp đảng viên và quần chúng, được đảng viên và quần chúng tín nhiệm. Có làm tốt công tác đào tạo, bồi dưỡng và bố trí đúng bí thư đồng thời với việc củng cố và kiện toàn đội ngũ cốt cán, mới tạo điều kiện nâng cao vai trò lãnh đạo của chi bộ, đảng bộ cơ sở tương xứng với vị trí của nó.

Đến nay, ở các xí nghiệp, các đơn vị kinh tế quốc doanh đã có hàng nghìn cán bộ chuyên trách công tác Đảng. Nhìn chung đội ngũ bí thư đảng ủy xí nghiệp đã tỏ rõ lòng trung thành với Đảng, tận tụy với cách mạng, giữ gìn tốt phẩm chất đạo đức và ngày càng tiến bộ về năng lực công tác. Nhiều đồng chí đã đóng góp tích cực vào công tác xây dựng Đảng, công tác lãnh đạo và quản lý xí nghiệp, vươn lên đáp ứng những yêu cầu mới về cải tiến quản lý kinh tế, tăng cường công tác chính trị tư tưởng trong đảng bộ, xây dựng và phát huy quyền làm chủ tập thể của công nhân, viên chức.

Tuy nhiên, công tác đào tạo, bồi dưỡng, xây dựng đội ngũ bí thư ở một số nơi chưa được quan tâm đúng mức. Việc lựa chọn, bố trí bí thư đảng ủy còn chắp vá, bị động. Nhiều đồng chí chưa được bồi dưỡng về các mặt quản lý kinh tế, về phương thức công tác Đảng, công tác quần chúng. Số đồng chí xuất thân từ công nhân mới có khoảng 38%. Một số bí thư đảng ủy xí nghiệp chưa đủ sức làm tròn chức trách của mình trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo, nhất là trong việc kiểm tra hoạt động của giám đốc và cơ quan quản lý ở xí nghiệp.

Chỉ thị số 49/CT — TƯ ngày 29-9-1984 của Ban bí thư Trung ương Đảng « Về việc nâng cao sức chiến đấu, chất lượng lãnh đạo của tổ chức cơ sở Đảng ở đơn vị kinh tế quốc doanh » đã đề ra yêu cầu, phương hướng, biện pháp kiện toàn đội ngũ bí thư, nâng

cao vai trò của bí thư trong việc kiện toàn tổ chức cơ sở Đảng. Ở đây điều quan trọng là cần xác định đúng vị trí và trách nhiệm của bí thư, khắc phục khuynh hướng xem nhẹ dẫn đến bố trí không đúng bí thư, không chăm lo đào tạo, bồi dưỡng và quản lý đội ngũ bí thư.

Việc kiện toàn đội ngũ bí thư phải được tiến hành khẩn trương cùng với việc kiện toàn đội ngũ giám đốc và các cán bộ cốt cán khác. Phương thức tốt nhất là kết hợp chặt chẽ việc học tập ở trường lớp với việc rèn luyện, thử thách trong công tác, thực tế; kết hợp việc chuyên môn hóa cán bộ với việc thường xuyên đổi mới cán bộ; kết hợp việc lựa chọn, sử dụng cán bộ tại chỗ với việc điều động cán bộ từ nơi khác đến. Cùng với việc lập quỹ hoạch đào tạo cán bộ trong 5 năm 1986 - 1990, trước mắt cần rà soát lại đội ngũ bí thư và cán bộ chủ chốt ở cơ sở để thay ngay những người không đủ tiêu chuẩn theo yêu cầu nêu trong các nghị quyết và chỉ thị gần đây của Trung ương. Cần sắp xếp bí thư có năng lực tương xứng với vị trí công tác đó, đồng thời tích cực bồi dưỡng đội ngũ giám đốc, đào tạo những giám đốc giỏi về quản lý, có tinh thần cao, hiểu biết về công tác Đảng, công tác quần chúng; xây dựng mối quan hệ đoàn kết, hợp tác giữa bí thư và giám đốc.

Các cấp, các ngành cần chú ý vào yêu cầu công tác, vào quy định của Trung ương để xác định lại biên chế và có kế hoạch đào tạo đội ngũ cán bộ chuyên trách công tác Đảng (trước hết là bí thư), công tác quần chúng (trước hết là thư ký Tổng đoàn, và bí thư Đoàn thanh niên) theo phương hướng tăng cường cán bộ cho những khâu, những lĩnh vực có vị trí quan trọng về chính trị, kinh tế, quốc phòng, nâng cao chất lượng và hiệu quả lãnh đạo của tổ chức Đảng. Đồng thời có chính sách, chế độ đúng đắn đối với bí thư và cán bộ chuyên trách công tác Đảng, công tác quần chúng ở cơ sở.



Đồng chí HOÀNG VĂN THỤ

Ủy viên Thường vụ Trung ương Đảng
từ năm 1940 đến năm 1943

Sinh năm 1906 tại châu Diêm he, Lạng sơn, người dân tộc Tày.

Năm 1933, trở thành đảng viên Đảng cộng sản Đông dương. Năm 1935, sau khi dự Đại hội toàn quốc thứ nhất của Đảng cộng sản Đông dương họp ở Ma cao (Trung quốc), về Việt bắc hoạt động, làm chủ bút báo *Tranh đấu*, cơ quan phản đế miền thượng du. Sau đó viết báo *Lao động* và lãnh đạo phong trào Mặt trận dân chủ ở Việt bắc.

Tháng 5-1941, được cử vào Trung ương Đảng rồi vào Ban thường vụ Trung ương Đảng, phụ trách công tác Mặt trận và công tác binh vận. Bị bắt tháng 8-1943 và hy sinh ngày 24-5-1944.

IV — Tăng cường sự chỉ đạo của cấp trên.

Kết quả thực hiện nhiệm vụ chính trị ở đơn vị cơ sở trước hết tùy thuộc vào khả năng lãnh đạo, phát huy sức mạnh tổng hợp của chính bản thân cơ sở đó; nhưng mặt khác không kém phần quan trọng, và trong không ít trường hợp có tính quyết định, còn là do sự chỉ đạo của cấp trên. Các chi bộ, đảng bộ ở các đơn vị kinh tế quốc doanh hoạt động thường xuyên trong mối liên hệ với quần chúng, hằng ngày hằng giờ phải giải quyết những vấn đề nóng hổi do cuộc sống đặt ra, chỉ có thể phát huy được tính chủ động và sáng tạo của mình trên cơ sở quán triệt đường lối, chính sách của Đảng và được sự chỉ đạo, giúp đỡ tích cực của cấp trên, nhất là cấp trên trực tiếp. Vì vậy, việc củng cố và nâng cao sức chiến đấu của các tổ chức cơ sở Đảng trong các đơn vị kinh tế quốc doanh nhất thiết phải gắn liền với việc tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của các cơ quan cấp trên.

Thời gian qua, theo nghị quyết của Trung ương, các cấp ủy Đảng, các cơ quan chính quyền, các ngành kinh tế kỹ thuật, các đoàn thể quần chúng đã hướng về cơ sở, tích cực chỉ đạo, giúp đỡ cơ sở về các mặt, nhất là về tăng cường cơ sở vật chất kỹ thuật, phương tiện sản xuất, tăng cường cán bộ, coi việc phục vụ cơ sở là một nhiệm vụ trực tiếp của mình. Tuy vậy, do tổ chức chưa được kiện toàn, quy chế và lề lối làm việc chưa được quy định rõ, cho nên nhiều khi các cấp, các ngành còn lúng túng trong việc lãnh đạo, chỉ đạo, quản lý, giúp đỡ cơ sở kinh tế quốc doanh. Một số cấp ủy địa phương được giao trách nhiệm quản lý các tổ chức cơ sở Đảng ở các đơn vị kinh tế quốc doanh đóng trên địa bàn của mình chưa quan tâm đầy đủ đến vấn đề này. Nhiều cơ quan giúp việc cho cấp ủy chưa thực hiện tốt chức năng giúp cấp ủy lãnh đạo và kiểm tra các

tổ chức cơ sở Đảng ở các đơn vị kinh tế quốc doanh, mới chỉ dừng lại ở những công việc đảng vụ đơn thuần. Không ít cấp ủy lãnh đạo các tổ chức cơ sở này còn thiếu cụ thể và thiết thực.

Để tăng cường và cải tiến sự lãnh đạo, chỉ đạo của cấp trên đối với các tổ chức cơ sở Đảng, các cấp ủy Đảng, các cơ quan chính quyền cần nhận thức đầy đủ trách nhiệm của mình đối với các cơ sở kinh tế quốc doanh, quan tâm hơn nữa đến vấn đề này, nhất là cần sớm kiện toàn các cơ quan tham mưu giúp cấp ủy chỉ đạo công tác xây dựng Đảng trong các đơn vị kinh tế quốc doanh; chú trọng chỉ đạo cụ thể đối với từng loại cơ sở: xí nghiệp công nghiệp, xây dựng, vận tải, thương nghiệp, vật tư, v.v. chú ý hơn nữa đến những cơ sở quan trọng nằm nhiều hàng hóa, vật tư. Theo quy định của Trung ương, ở các liên hiệp xí nghiệp nói chung không thành lập đảng bộ toàn liên hiệp; các chi bộ, đảng bộ cơ sở ở đây trực thuộc tỉnh ủy, huyện ủy, nơi đơn vị đóng. Trường hợp các xí nghiệp trong liên hiệp (hoặc đơn vị tương tự) về cơ bản nằm gọn trong phạm vi một thành phố hoặc ở gần nhau trong phạm vi một tỉnh thì tỉnh ủy, thành ủy trực thuộc Trung ương có thể cho phép thành lập đảng ủy liên hiệp xí nghiệp là cấp trên trực tiếp của các tổ chức cơ sở Đảng trong liên hiệp. Đảng ủy liên hiệp xí nghiệp thực hiện quyền kiểm tra đối với hoạt động của giám đốc, tổng giám đốc và cơ quan quản lý liên hiệp xí nghiệp và lãnh đạo công tác của các tổ chức Đảng trực thuộc. Nếu các cơ sở Đảng trực thuộc này ở trong phạm vi một tỉnh, cấp ủy tỉnh, thành phố có thể thành lập Hội đồng các bí thư cơ sở trong liên hiệp để trao đổi ý kiến về công tác lãnh đạo và kiểm tra của tổ chức cơ sở Đảng, bàn biện pháp phối hợp hành động, thực hiện tốt nhiệm vụ của toàn liên hiệp. Trường hợp liên hiệp

xí nghiệp có cơ sở ở nhiều tỉnh, thì tỉnh ủy, thành ủy nơi có cơ quan liên hiệp đóng bàn bạc, thống nhất với Ban tổ chức trung ương và các tỉnh ủy nơi có các xí nghiệp đóng để quyết định việc thành lập Hội đồng bí thư hoặc định ra chế độ hội nghị các bí thư, bảo đảm lãnh đạo, chỉ đạo các tổ chức cơ sở Đảng một cách chặt chẽ, thường xuyên và có hiệu quả. Hội đồng bí thư và Hội nghị bí thư cơ sở là một hình thức tổ chức thích hợp để chỉ đạo các tổ chức cơ sở Đảng ở đơn vị kinh tế quốc doanh. Nó vừa

bảo đảm thực hiện tốt nguyên tắc tổ chức của Đảng, vừa tạo điều kiện để các cơ sở thường xuyên trao đổi kinh nghiệm với nhau, làm cho công tác xây dựng Đảng gắn chặt với nhiệm vụ chính trị của đơn vị cơ sở.

Đương nhiên, tăng cường sự chỉ đạo, giúp đỡ của cấp trên không có nghĩa là cấp trên làm thay cho đảng bộ cơ sở mà là nhằm động viên, phát huy vai trò chủ động, sáng tạo của đảng bộ cơ sở, tạo điều kiện cho đảng bộ cơ sở thực hiện tốt chức năng và nhiệm vụ của mình.

Vì Tổ quốc xã hội chủ nghĩa...

(Tiếp theo trang 17)

Tiền đồ đất nước ta rạng rỡ. Tình thế cách mạng nước ta tốt đẹp. Con đường tiến lên đã được Đại hội IV và Đại hội V vạch rõ. Nghị quyết các hội nghị lần thứ 6 và lần thứ 7 vừa qua của Trung ương Đảng đã đề ra những chủ trương và cách làm đúng đắn, sáng tạo. Bước vào năm 1985, với nhận thức về đường lối sáng tỏ hơn và kinh nghiệm phong phú hơn, với lực lượng hùng hậu và tinh thần phấn chấn hơn, chúng ta nhất định sẽ vượt qua mọi khó khăn, phát huy những tiềm năng to lớn, tạo chuyển biến mạnh đưa đất nước tiến lên một bước phát triển mới.

Ở tuổi 55, Đảng ta dồi dào sức sống, dày dặn trong lãnh đạo đấu tranh giữ nước, đang trưởng thành trong lãnh đạo cách mạng xã hội chủ nghĩa. Toàn

Đảng, từ Ban chấp hành trung ương đến mỗi đảng viên, quyết vươn lên hoàn thành sứ mệnh lịch sử, lãnh đạo toàn dân, toàn quân mãi mãi giữ gìn độc lập, tự do, xây dựng đất nước ta "đàng hoàng hơn, to đẹp hơn", đem lại cuộc sống hạnh phúc cho toàn xã hội, cho từng gia đình và cho mỗi người Việt nam chúng ta.

Đảng cộng sản Việt nam quang vinh muôn năm!

Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt nam muôn năm!

Nhân dân Việt nam anh hùng muôn năm!

Chủ tịch Hồ Chí Minh vĩ đại sống mãi trong sự nghiệp của chúng ta!

Tất cả vì Tổ quốc xã hội chủ nghĩa, vì hạnh phúc của nhân dân!

Về sự lãnh đạo của Đảng đối với sự nghiệp xây dựng kinh tế

ĐÀO DUY TÙNG

LÃNH đạo sự nghiệp xây dựng kinh tế là cốt lõi trong toàn bộ hoạt động của các đảng cộng sản đã lãnh đạo chính quyền. Nội dung lãnh đạo kinh tế bao gồm nhiều việc. Trong điều kiện nước ta, một nước tiến lên chủ nghĩa xã hội từ nền kinh tế chủ yếu là sản xuất nhỏ và đang ở chặng đường đầu tiên của thời kỳ quá độ, để đưa nền kinh tế tiến lên, Đảng ta phải đáp ứng được những yêu cầu sau đây :

Một là, phát hiện được những vấn đề có tính quy luật của cách mạng xã hội chủ nghĩa ở nước ta, xác định được đường lối chung để chỉ đạo sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội. Đó là tiền đề, là cơ sở để lãnh đạo sự nghiệp xây dựng kinh tế.

Hai là, đề ra đường lối xây dựng nền kinh tế xã hội chủ nghĩa mà nội dung chủ yếu là chỉ ra được phương hướng xây dựng cơ cấu kinh tế phù hợp.

Ba là, định ra chiến lược kinh tế, từ chiến lược ấy lãnh đạo việc xây

dựng các kế hoạch kinh tế, chỉ ra được những mục tiêu hiện thực và những biện pháp chủ yếu để thực hiện mục tiêu ấy.

Bốn là, lãnh đạo việc xây dựng một cơ chế quản lý kinh tế có khả năng kích thích tất cả các lực lượng tham gia sản xuất phấn đấu đạt được những mục tiêu đã định.

Năm là, lãnh đạo việc tổ chức thực hiện, tiến hành công tác cán bộ, công tác kiểm tra, động viên được phong trào cách mạng của quần chúng, biến những quyết định của Đảng và Nhà nước thành hiện thực.

Đó là nội dung lãnh đạo kinh tế của Đảng ta. Chất lượng và hiệu quả sự lãnh đạo ấy phụ thuộc vào năng lực của Đảng ta trong việc xử lý từng khâu và liên kết cả 5 khâu nói trên trong một thể thống nhất. Đảng ta có khả năng đáp ứng những yêu cầu nói trên không? Đó là vấn đề cần làm rõ.

I

Từ khi thành lập đến nay, do nhu cầu phải đánh thắng nhiều kẻ thù để giành và bảo vệ chính quyền, Đảng ta phải đầu tư khá nhiều sức lực vào việc

tìm ra các giải pháp cách mạng. Đánh thắng các đội quân xâm lược của ba cường quốc, giải phóng hoàn toàn đất nước, thống nhất nước nhà, đưa cả

nước tiến lên chủ nghĩa xã hội, không phải là do sự may rủi. Đó là thắng lợi của chủ nghĩa Mác - Lê-nin, của đường lối và phương pháp cách mạng, của khoa học và nghệ thuật chiến tranh nhân dân Việt nam. Đó là thắng lợi của tư duy khoa học của Đảng ta trong cách mạng dân tộc dân chủ. Về cách mạng xã hội chủ nghĩa, khả năng tư duy của Đảng ta ra sao? Thành quả thế nào? Có thể tìm câu trả lời ấy trong các báo cáo chính trị, các nghị quyết của Đại hội thứ III, thứ IV, thứ V của Đảng, các nghị quyết của Ban chấp hành trung ương, các tác phẩm của Chủ tịch Hồ Chí Minh, của đồng chí Lê Duẩn và các đồng chí lãnh đạo khác của Đảng, trong đó có tác phẩm quan trọng *Năm vững quy luật, đổi mới quản lý kinh tế* mới xuất bản. Thành quả tư duy của Đảng ta về cách mạng xã hội chủ nghĩa đã được thể hiện một phần ở đường lối chung đề ra trong Đại hội thứ III, được phát triển và hoàn chỉnh trong Đại hội thứ IV:

«*Năm vững chuyên chính vô sản, phát huy quyền làm chủ lập thể của nhân dân lao động, tiến hành đồng thời ba cuộc cách mạng: cách mạng về quan hệ sản xuất, cách mạng khoa học - kỹ thuật, cách mạng tư tưởng và văn hóa, trong đó cách mạng khoa học - kỹ thuật là then chốt; đẩy mạnh công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa là nhiệm vụ trung tâm của cả thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội; xây dựng chế độ làm chủ lập thể xã hội chủ nghĩa, xây dựng nền sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa, xây dựng nền văn hóa mới, xây dựng con người mới xã hội chủ nghĩa...*».

Đường lối chung nói trên, trước hết, chỉ rõ nội dung chủ nghĩa xã hội mà nhân dân ta đang xây dựng là gì? Đó là chế độ làm chủ tập thể, nền sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa, nền văn hóa mới, con người mới. Đây là một quan niệm cơ bản về chủ nghĩa xã hội. Quan niệm ấy không chỉ nêu lên những nét

chung, mà từng bước một đã có nội dung cụ thể, không chỉ trên nhận thức mà đã đi vào cuộc sống. Ví dụ, khi nêu lên chế độ làm chủ tập thể, điểm cốt lõi của đường lối, Đảng ta đã xác định rõ nội dung cụ thể của chế độ làm chủ về chính trị, kinh tế, văn hóa; làm chủ tập thể vừa là mục tiêu vừa là động lực; cơ chế làm chủ: Đảng lãnh đạo, nhân dân làm chủ, Nhà nước quản lý. Giá trị của một quan niệm đúng đắn về chủ nghĩa xã hội mà nhân dân ta đang xây dựng trên đất nước mình giống như giá trị của một bản thiết kế đúng về một tòa lâu đài đẹp.

Đường lối chung không những chỉ ra nội dung chủ nghĩa xã hội mà ta xây dựng, mà còn vạch rõ con đường hình thành chủ nghĩa xã hội ở nước ta. Đó là con đường đồng thời tiến hành ba cuộc cách mạng trong đó cách mạng khoa học - kỹ thuật là then chốt, công nghiệp hóa là nhiệm vụ trung tâm của cả thời kỳ quá độ. Bài học lớn của 20 năm chống Mỹ, cứu nước là bài học về phương pháp cách mạng, về con đường giành chính quyền. Phương pháp cách mạng ấy là nhân tố chủ yếu quyết định thắng lợi của sự nghiệp chống Mỹ, cứu nước. Việc nêu ra ba cuộc cách mạng, xác định rõ nội dung và cách tiến hành từng cuộc cách mạng và mối quan hệ giữa ba cuộc cách mạng cũng có giá trị tương đương như sự sáng tạo ra phương pháp cách mạng giành chính quyền. Cũng có thể nói đó là phương pháp cách mạng tổng hợp trong cách mạng xã hội chủ nghĩa ở nước ta. Khi Đảng ta nói tất cả những cái mới đã, đang và sẽ nảy sinh trên đất nước Việt Nam, từ lực lượng sản xuất đến quan hệ sản xuất, từ cơ sở hạ tầng đến cấu trúc thượng tầng, từ chế độ mới đến con người mới đều là sản phẩm của ba cuộc cách mạng cũng giống như ta uới tất cả những thắng lợi trong cuộc kháng chiến chống Mỹ

không thể tách rời sự chỉ đạo của phương pháp cách mạng.

Đường lối chung còn chỉ rõ, để xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội thì phải nắm vững chuyên chính vô sản phát huy quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động, coi đó là *công cụ chủ yếu để xây dựng chủ nghĩa xã hội*. Trong quan niệm về chuyên chính vô sản nêu ra ở Đại hội thứ IV của Đảng có nhiều yếu tố đáng chú ý. Đảng ta đưa quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động vào trong phạm trù này, làm nổi bật lực lượng nào làm chủ Nhà nước, làm rõ vai trò chủ thể của xã hội mới, đó là những người lao động. Những người lao động làm chủ tập thể bằng Nhà nước dưới sự lãnh đạo của Đảng. Quan niệm ấy phản ánh đúng thực tế nước ta, đồng thời có tác dụng động viên lực lượng quần chúng tích cực tham gia quá trình cải biến cách mạng.

Đường lối chung, đường lối cách mạng xã hội chủ nghĩa được xây dựng, như trên đã nói, là tiền đề giải quyết các vấn đề kinh tế. Có xuất phát từ

đường lối chung, chúng ta mới có phương hướng giải quyết các vấn đề kinh tế, đưa nền kinh tế nước ta phát triển theo đúng quỹ đạo của chủ nghĩa xã hội, bảo đảm bản chất xã hội chủ nghĩa của nền kinh tế, tìm ra được những động lực cơ bản để thúc đẩy nền kinh tế tiến lên. Hơn nữa, có quan triệt đường lối chung, nắm những vấn đề có tính quy luật được phản ánh vào đường lối, chúng ta mới có được tư duy khoa học để xem xét giải quyết các vấn đề kinh tế. Đồng chí Lê Duẩn có nói: “Chúng ta không thể quản lý thành công nền kinh tế nếu không vượt lên nắm lấy vũ khí lý luận sắc bén nhất của thời đại — phương pháp duy vật biện chứng và duy vật lịch sử. Đảng phải trang bị cho cán bộ, đảng viên những hiểu biết sâu sắc về lý luận và thực tiễn, tạo ra trong đội ngũ cán bộ lãnh đạo và cán bộ quản lý một tư duy kinh tế đúng đắn, tức là nắm vững và vận dụng đúng các quy luật kinh tế, và các vấn đề có tính quy luật của cách mạng xã hội chủ nghĩa ở nước ta” (1).

II

Đường lối chung là tư tưởng chỉ đạo sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội trong nhiều thập kỷ, chỉ đạo tất cả các lĩnh vực của đời sống, trước hết là lĩnh vực kinh tế. Nhưng để phát triển nền kinh tế, chỉ có đường lối chung chưa đủ. Cần có đường lối kinh tế. Đại hội thứ IV của Đảng đã xác định đường lối kinh tế một cách hoàn chỉnh như sau:

«*Đẩy mạnh công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa nước nhà, xây dựng cơ sở vật chất — kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội, đưa nền kinh tế nước ta từ sản xuất nhỏ lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa. Ưu tiên phát triển công nghiệp nặng một cách hợp lý trên cơ sở phát triển nông nghiệp và công nghiệp nhẹ, kết*

hợp xây dựng công nghiệp và nông nghiệp cả nước thành một cơ cấu công — nông nghiệp; vừa xây dựng kinh tế trung ương vừa phát triển kinh tế địa phương, kết hợp kinh tế trung ương với kinh tế địa phương trong một cơ cấu kinh tế quốc dân thống nhất; kết hợp phát triển lực lượng sản xuất với xác lập và hoàn thiện quan hệ sản xuất mới; kết hợp kinh tế với quốc phòng; tăng cường quan hệ hợp tác, tương trợ với các nước xã hội chủ nghĩa anh em trên cơ sở chủ nghĩa quốc tế xã hội chủ nghĩa, đồng thời phát triển quan hệ kinh tế với các nước khác trên cơ sở

(1) Lê Duẩn: “Nắm vững quy luật, đổi mới quản lý kinh tế”. *Tạp chí Cộng sản* số 9-1984.

giữ vững độc lập, chủ quyền và các bên cùng có lợi... ».

Đường lối trên đây được nêu ra trên cơ sở phân tích thực tế nước ta, rút ra được nhiều vấn đề có tính quy luật của quá trình tiến từ sản xuất nhỏ lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa. Chúng ta đều biết quy luật là mối liên hệ phổ biến giữa các sự vật trong tự nhiên cũng như xã hội, những mối liên hệ được lặp đi lặp lại nhiều lần. Những mối liên hệ giữa công nghiệp và nông nghiệp, giữa kinh tế trung ương và kinh tế địa phương, giữa việc phát triển lực lượng sản xuất và cải tạo quan hệ sản xuất cũ, xây dựng quan hệ sản xuất mới, giữa kinh tế và quốc phòng, giữa kinh tế trong nước và kinh tế ngoài nước thực sự là những mối liên hệ cơ bản trong nền kinh tế nước ta. Nhận thức được những mối liên hệ ấy — những mối liên hệ mà chúng ta thường nói là những vấn đề có tính quy luật của quá trình chuyển biến từ sản xuất nhỏ lên sản xuất lớn phản ánh vào trong đường lối — là một thành quả quan trọng về tư duy lý luận của Đảng.

Trong các mối liên hệ ấy, mối quan hệ giữa công nghiệp và nông nghiệp, hai ngành sản xuất lớn nhất của xã hội, là mối quan hệ cơ bản nhất của nền kinh tế quốc dân. Đảng ta đã xử lý mối quan hệ ấy theo hướng kết hợp công nghiệp và nông nghiệp thành một cơ cấu công — nông nghiệp thống nhất ngay từ đầu. Đường lối xây dựng cơ cấu ấy là *«Ưu tiên phát triển công nghiệp nặng một cách hợp lý trên cơ sở phát triển nông nghiệp và công nghiệp nhẹ»*. Nó có giá trị chỉ đạo sự nghiệp xây dựng kinh tế nước ta suốt cả thời kỳ quá độ tiến lên chủ nghĩa xã hội. Trong chỉ đạo phải biết rõ bước đi để vận dụng đường lối cho thích hợp. Đại hội thứ V đã kiểm điểm việc thực hiện kế hoạch 5 năm 1976 — 1980, khẳng định những thành tựu to lớn đã đạt được, đồng thời nghiêm khắc vạch rõ những khuyết

điểm trong chỉ đạo kinh tế, trong đó nổi lên khuyết điểm *vừa nóng vội vừa bảo thủ*. Biểu hiện của khuynh hướng nóng vội là đề ra một số chỉ tiêu quá lớn về quy mô và quá cao về nhịp độ xây dựng cơ bản và phát triển sản xuất, nặng về xây dựng mới, nhẹ về cải tạo, sắp xếp lại và mở rộng cơ sở cũ. Qua những khuyết điểm ấy ta thấy: Một là, trong việc định phương hướng đầu tư vào các ngành kinh tế có thiếu sót, trong đó có thiếu sót về giải quyết mối quan hệ giữa công nghiệp và nông nghiệp; hai là, hệ thống chỉ tiêu, tức sự thể hiện cơ cấu kinh tế về mặt số lượng thiếu hiện thực, quá cao. Rõ ràng bài học ở đây là phải biết phân rõ ranh giới, biết rõ mối quan hệ giữa việc xác định đường lối xây dựng cơ cấu kinh tế trong suốt thời kỳ quá độ với việc định hướng cũng như định lượng trong việc xây dựng cơ cấu kinh tế cho từng chặng đường phát triển. Nói cách khác là cần tìm ra những bước đi thích hợp. Chặng đường đầu tiên của thời kỳ quá độ ở nước ta được Đại hội thứ V nêu ra là kết quả rút ra từ bài học trên đây.

Vấn đề đặt ra cho Đại hội thứ V phải giải quyết là vận dụng đường lối *«Ưu tiên phát triển công nghiệp nặng một cách hợp lý trên cơ sở phát triển nông nghiệp và công nghiệp nhẹ»* để xây dựng cơ cấu kinh tế công — nông nghiệp trong chặng đường đầu tiên như thế nào? Đây là bài toán không đơn giản. Có nhiều phương án để lựa chọn:

Phương án thứ nhất, tập trung ngay mọi lực lượng vào việc xây dựng một hệ thống công nghiệp nặng phát triển với những xí nghiệp gang thép hàng triệu tấn, hàng chục nhà máy cơ khí nặng, v.v.

Phương án thứ hai, chỉ tập trung sức phát triển nông nghiệp, không phát triển hoặc xây dựng rất ít công nghiệp nặng

Phương án thứ ba, vừa phát triển nông nghiệp vừa phát triển công nghiệp một cách đồng đều, không có hướng tập trung, không có hướng ưu tiên.

Cả ba phương án trên đều không phù hợp với chặng đường hiện nay.

Phân tích tình hình kinh tế trước mắt cũng như lâu dài, rút kinh nghiệm việc đầu tư xây dựng cơ cấu kinh tế 5 năm 1976 — 1980, Đảng ta lựa chọn phương án: « Tập trung phát triển mạnh nông nghiệp, coi nông nghiệp là mặt trận hàng đầu, đưa nông nghiệp một bước lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa, ra sức đẩy mạnh sản xuất hàng tiêu dùng và tiếp tục xây dựng một số ngành công nghiệp nặng quan trọng ». Phương án này chỉ cho ta hướng phải tập trung hơn vào nông nghiệp, đưa nông nghiệp lên sản xuất lớn, ra sức đẩy mạnh sản xuất hàng tiêu dùng. Đảng ta chủ trương như vậy vì vốn quý nhất của ta là lao động sống; đối tượng lao động có thể thu hút nhiều lao động nhất là đất đai, rừng, biển, ngành nghề; động lực quan trọng nhất để khai thác tiềm năng là chế độ làm chủ tập thể. Vì vậy Đại hội đã khẳng định: « ...điều kiện quan trọng nhất, việc có thể và cần phải làm trước tiên là làm chủ tập thể để sử dụng hợp lý và có hiệu quả lao động và đất đai, mở mang mạnh ngành, nghề tại từng cơ sở, trên từng địa phương và trong cả nước; để mọi người lao động đều có việc làm, mọi đất đai được khai thác, mọi ngành nghề đều được phát triển cả chiều rộng lẫn chiều sâu, tạo ra năng suất lao động xã hội cao hơn, giá trị tổng sản lượng lớn hơn, cơ cấu sản phẩm phong phú hơn ».

Nhưng nông nghiệp và công nghiệp hàng tiêu dùng phát triển được hay không lại phụ thuộc một phần quan trọng vào công nghiệp nặng: năng lượng, phân bón, thuốc trừ sâu, nông cụ, vận chuyển v.v.. Cho nên để phát triển nông nghiệp và công nghiệp hàng

tiêu dùng thì phải sử dụng và phát huy tốt các năng lực công nghiệp sẵn có, xây dựng hợp lý những ngành công nghiệp nặng cần thiết. Hướng phát triển của công nghiệp nặng trong chặng đường hiện nay chủ yếu và trước hết nhằm thúc đẩy nông nghiệp và công nghiệp hàng tiêu dùng phát triển.

Theo hướng nói trên, sản xuất nông nghiệp và công nghiệp nước ta trong những năm gần đây có những chuyển biến, những tiến bộ, nhưng đồng thời cũng nảy sinh nhiều vấn đề mới. Nông nghiệp, phát triển với tốc độ khá, nhưng sản xuất lương thực vẫn chưa vững chắc. Đầu tư trực tiếp cho nông nghiệp của Nhà nước cũng chưa đáp ứng được yêu cầu của nông nghiệp. Trong khi đó sự yếu kém của công nghiệp nặng đã kìm hãm nhiều sự phát triển của nông nghiệp và công nghiệp nhẹ. Vấn đề đặt ra là trong những năm 1986—1990, phải giải quyết sự mất cân đối giữa công nghiệp nặng với nông nghiệp và công nghiệp nhẹ như thế nào? Để phục vụ nông nghiệp và công nghiệp nhẹ, nhất thiết phải xây dựng những xí nghiệp công nghiệp nặng nào, xây dựng với quy mô nào, theo công nghệ nào? phải cải tạo và mở rộng cơ cấu nào? Có loại sản phẩm nào mà công nghiệp nặng chưa đáp ứng được, phải thông qua con đường xuất nhập khẩu để cung cấp cho nông nghiệp và công nghiệp hàng tiêu dùng? Đây là vấn đề lớn về xây dựng cơ cấu công — nông nghiệp — về mặt định hướng cũng như định lượng — mà chúng ta phải xử lý trong kế hoạch 5 năm 1986 — 1990, trên cơ sở tổng kết tình hình 10 năm xây dựng cơ cấu kinh tế.

Cũng cần lưu ý là trong khi chưa xây dựng được một hệ thống công nghiệp nặng phát triển, chúng ta phải ngày đêm suy nghĩ, phấn đấu tạo ra những điều kiện cần thiết để thực hiện mục tiêu ấy. Một nước 60 triệu

dân, sản lượng thép bằng năm chưa đầy 6 vạn tấn, bình quân đầu người 1 kg thép/năm, đó là điều đau khổ đối với chúng ta. Phải làm cho mọi

người có giác ngộ sâu sắc về công nghiệp hóa, và bằng hành động thiết thực góp phần tích cực vào sự nghiệp vĩ đại và khó khăn này.

III

“Cơ cấu kinh tế và cơ chế quản lý gắn bó với nhau thành một tồn tại, trong đó cơ cấu kinh tế quyết định cơ chế quản lý, và cơ chế quản lý phục vụ cơ cấu kinh tế, thúc đẩy sự hình thành cơ cấu kinh tế mới” (2).

Trước đây, trong một thời gian dài, do nhiều nguyên nhân, cơ chế quản lý kinh tế của ta mang nặng tính chất tập trung quan liêu, hành chính bao cấp. Từ năm 1979 đến nay, sau hội nghị thứ 6 của Ban chấp hành trung ương Đảng (khóa IV), chúng ta đã làm nhiều việc để xóa bỏ cơ chế cũ, xây dựng cơ chế mới.

Từ thực tiễn của việc đổi mới quản lý kinh tế, chúng ta rút ra được những kết luận gì về sự lãnh đạo của Đảng trong việc đổi mới cơ chế quản lý kinh tế?

1- Trước hết, chúng ta càng ngày càng nhận thức rõ việc lãnh đạo đổi mới cơ chế quản lý kinh tế thật sự trở thành nhiệm vụ thường xuyên rất quan trọng. nếu không nói là quan trọng nhất trong sự lãnh đạo của Đảng về kinh tế. Đây là một nhu cầu vừa cấp bách vừa lâu dài của nền kinh tế nước ta hiện nay. Trước đây trong một thời gian dài, khi kiểm điểm những việc chưa làm được, chúng ta đều đặt câu hỏi nguyên nhân vì đâu? Câu trả lời thường là: đường lối đúng, nhưng việc cụ thể hóa đường lối chậm, việc tổ chức thực hiện kém. Nhận định ấy đúng nhưng chưa cụ thể, chưa sâu sắc. Dần dần, qua thực tiễn, Đảng ta thấy rõ cơ chế quản lý không kịp thời đổi mới là một nguyên nhân chủ yếu của những trì trệ trong đời sống kinh tế. Thấy rõ việc xây dựng

các kế hoạch dài hạn, ngắn hạn, việc tổ chức thực hiện các kế hoạch ấy là những nhiệm vụ không thể thiếu được trong công tác quản lý kinh tế, nhưng dù có làm tốt tất cả những việc ấy, mà trong hoạt động kinh tế thiếu hoặc không có một cơ chế quản lý kinh tế phù hợp, thì mọi mục tiêu đề ra đều không thể nào biến thành hiện thực. Chúng ta thường nói, muốn đạt được bất cứ một thành tựu nào trong kinh tế thì đều phải thực hiện đồng bộ cả ba biện pháp: giáo dục, hành chính, kinh tế, mà kinh tế là chủ yếu. Kinh tế ở đây chính là cơ chế quản lý. Cuộc sống hằng ngày đang đòi hỏi chúng ta, trên bất cứ lĩnh vực nào của đời sống kinh tế, từ nông nghiệp đến công nghiệp, từ sản xuất đến phân phối lưu thông, phải kiên quyết thay đổi những quy định lỗi thời của cơ chế cũ, xây dựng những chính sách mới. Bởi vì cơ chế tập trung quan liêu, hành chính bao cấp, theo nhận định của hội nghị thứ 6 của Ban chấp hành trung ương Đảng (khóa V), còn nặng nề, còn ăn sâu trong cơ thể nền kinh tế. Hiểu đúng nhu cầu ấy, chúng ta mới đặt đúng vị trí vấn đề đổi mới cơ chế quản lý trong hoạt động lãnh đạo của Đảng, và tìm được phương thức thích hợp để nâng cao hiệu quả sự lãnh đạo của Đảng đối với việc đổi mới cơ chế quản lý kinh tế.

2- Lãnh đạo việc đổi mới cơ chế quản lý, xét cho cùng là lãnh đạo các cơ quan Nhà nước, các tổ chức kinh tế, những người lao động tìm ra được

(2) Lê Duẩn: Sách đã dẫn.

những hình thức kinh tế cụ thể thích hợp: hình thức tổ chức sản xuất, hình thức kinh doanh, hình thức phân công và tổ chức lao động, hình thức trả công, v.v. Đây cũng là việc cải tiến công tác kế hoạch, các chính sách đòn bẩy, hệ thống tổ chức quản lý sản xuất và kinh doanh. Không phải ngay từ đầu mọi người đều hiểu được tầm quan trọng của hình thức kinh tế. Khi hình thức khoán sản phẩm nông nghiệp ra đời và đi vào cuộc sống, trở thành một động lực to lớn thúc đẩy quần chúng đầy mạnh sản xuất nông nghiệp, thì nhiều người chúng ta mới hiểu được vai trò của các hình thức kinh tế cụ thể, hiểu được hình thức kinh tế chính là biểu hiện sự hoạt động của các quy luật kinh tế. Không bao giờ có sự hoạt động của các quy luật kinh tế mà lại không có những hình thức kinh tế cụ thể phù hợp với nó. Sự vận dụng các quy luật kinh tế phản ánh bản chất của các quan hệ sản xuất gắn liền với lực lượng sản xuất, thể hiện thành đường lối, chính sách của Đảng. Còn sự thực hiện đường lối, chính sách biểu hiện sự vận động của các quy luật kinh tế trong thực tiễn nhất thiết phải thông qua các hình thức kinh tế cụ thể. Khoán sản phẩm trong nông nghiệp, giao đất giao rừng cho hợp tác xã quản lý, phát huy quyền chủ động sản xuất kinh doanh của xí nghiệp, v.v. những cái đó làm nổi bật vai trò của các hình thức kinh tế cụ thể.

Tại sao việc tìm ra hình thức kinh tế cụ thể có thời gian chậm chạp? Trước hết phải thấy nguyên nhân khách quan. Hình thức kinh tế cụ thể do con người sáng tạo ra. Một hình thức kinh tế cụ thể chỉ có giá trị khi nó phản ánh được, thể hiện được quy luật — không phải một quy luật mà là nhiều quy luật cùng tác động trong bản thân nó. Hơn nữa, các hình thức kinh tế cụ thể còn phụ thuộc vào những điều kiện của lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất trong không gian và

thời gian nhất định. Cho nên, tìm ra một hình thức kinh tế cụ thể thích hợp không đơn giản.

Về chủ quan, sự hiểu biết về kinh tế của ta lúc đầu có hạn chế. Có lúc trong chúng ta có người còn có những nhận thức cũ kỹ, những nhận thức giản đơn về chủ nghĩa xã hội, về làm ăn tập thể, muốn có chủ nghĩa xã hội thật « trong sáng » không còn chút tàn dư nào của pháp quyền tư sản, một thứ chủ nghĩa xã hội không còn phải áp dụng những hình thức trung gian quá độ. Những quan niệm coi tập thể là đối lập với cá nhân, nhầm lẫn cá nhân với tư nhân, coi khuyến khích kinh tế gia đình của xã viên là khuyến khích kinh tế cá thể, coi khuyến khích bằng lợi ích vật chất là chạy theo chủ nghĩa tư bản, v.v. đã cản trở khá nhiều sự ra đời những hình thức kinh tế mới.

Đó là chưa nói tới tính bảo thủ của những hình thức kinh tế cũ. Những hình thức này khi đã được thể chế hóa trở thành nếp sống của hàng triệu người, thì không dễ dàng thay đổi. Hơn nữa, trong khi đó có những người thiếu nhạy cảm, nhận thức không chuyển biến kịp sự thay đổi của tình hình, tìm cách ngăn cản những hình thức mới ra đời. Vì vậy, phải trải qua cuộc đấu tranh dai dẳng giữa hình thức cũ và hình thức mới, thì hình thức mới mới giành được vị trí của nó trong đời sống kinh tế.

Cần phân tích những nguyên nhân nói trên, tìm ra những biện pháp thích hợp để xóa bỏ, khắc phục những trở ngại đối với việc xuất hiện những hình thức kinh tế mới.

Một trong những biện pháp quan trọng là *phát huy mạnh mẽ quyền chủ động của các cơ sở, các địa phương trong việc sáng tạo các hình thức kinh tế mới*. Nhìn lại 5 năm qua, chúng ta thấy nhiều quyết định lớn của Đảng và Nhà nước về thay đổi cơ chế quản lý bắt nguồn từ việc tổng kết

những sáng kiến của các cơ sở tiên tiến. Điều này cũng dễ hiểu. Quần chúng lao động và cán bộ cơ sở là những người gắn liền với cuộc sống kinh tế, trực tiếp chịu những hậu quả của một chính sách đúng hay không đúng. Họ có yêu cầu bức thiết phải thay đổi những chính sách, những quy định lỗi thời. Họ hiểu tình hình của cơ sở và có những kinh nghiệm nhất định về quản lý. Trong hàng vạn cơ sở sản xuất và kinh doanh, nếu phát huy được tinh thần chủ động của họ, thì sớm muộn sẽ xuất hiện một số cơ sở tìm ra được những hình thức kinh tế phù hợp. Đương nhiên sự ra đời của các hình thức kinh tế mới ấy không khỏi ít nhiều mang tính tự phát và chúng chưa thể hoàn chỉnh ngay được. Cho nên, cần có sự tác động của nhiều lực lượng.

Ai cũng biết, đối với một hình thức kinh tế mới xuất hiện, thường có nhiều ý kiến khác nhau. Tình hình đó là bình thường. Điều quan trọng ở đây là thái độ của các cấp lãnh đạo trên cơ sở. Chúng ta đã từng chứng kiến nhiều cách xử lý khác nhau đối với sự xuất hiện của một hình thức kinh tế mới. Có đồng chí mang nặng tư tưởng bảo thủ, rất khó tiếp nhận một cái gì khác với cái đang làm, dễ dàng phủ nhận cái mới một cách sạch trơn. Chúng ta đã từng phải trả giá cho thái độ này. Ngược với thái độ trên, có một số người quá dễ dãi với cái mới, khi thấy một hình thức kinh tế xuất hiện, không đi sâu phân tích, hoặc không có khả năng phân tích, đã vội vã khẳng định, ca ngợi hết lời, nhưng rồi cuộc không giúp gì cho cái mới tiến lên. Chúng ta đã từng chứng kiến không ít những mầm non nảy lên rồi lại dần dần thui chột, do thái độ nói trên. Rất may là trong những năm qua nhiều đồng chí lãnh đạo các cấp của ta không những có tinh thần nhạy cảm với cái mới, mà còn biết sử dụng các lực lượng có năng lực nghiên cứu, các lực lượng

làm công tác khoa học, các cán bộ thông tin đại chúng có tư duy kinh tế, đi sâu đi sát cơ sở, đủ sức phân tích các điển hình, đề ra được những biện pháp thiết thực để vun trồng và mở rộng cái mới. Đó là thái độ đúng. Từ thực tiễn của những năm qua, chúng ta có thể rút ra được bài học: *sự ra đời của một hình thức kinh tế mới và hình thức kinh tế mới được khẳng định, được phổ biến rộng rãi phải là kết quả sự phối hợp hành động của nhiều lực lượng: vai trò sáng tạo của cơ sở, tinh nhạy cảm và sự chỉ đạo của cơ quan lãnh đạo cấp trên, vai trò của các cơ quan tham mưu, các cơ quan thông tin đại chúng, các cơ quan khoa học.*

3 - Về các hình thức kinh tế cụ thể, có thể đề cập tới nhiều khía cạnh. Nhưng điều cần quan tâm, theo tôi là nội dung bên trong, cái cốt lõi của những hình thức, cái tạo nên động lực chủ yếu trong hoạt động kinh tế - đó là *lợi ích kinh tế*.

Trong nhiều năm trước đây, khi đánh giá các hoạt động kinh tế, có vấn đề luôn luôn buộc mọi người phải suy nghĩ: chế độ ta từ bản chất của nó tạo ra khả năng phát triển nền kinh tế một cách năng động, có hiệu quả, và trong thực tế nhiều khả năng đã biến thành hiện thực, nhưng vì sao có thời kỳ sản xuất của ta lại trì trệ, nhiều tiềm năng không được khai thác. Không đi sâu vào bản chất của sự vật, có người hoài nghi tính ưu việt của chủ nghĩa xã hội, cho rằng cứ cái gì dính đến tập thể, đến quốc doanh thì trì trệ, kém hiệu quả, còn cái gì dính đến tư nhân thì năng động.

Nhận định ấy không đúng. Chúng ta đều biết những năm 1979 - 1980 nền kinh tế của nước ta giảm sút. Hoạt động kinh tế trì trệ. Trong tình hình ấy xuất hiện một số cơ sở làm ăn tốt. Đi sâu tìm hiểu và phân tích hoạt động của các cơ sở

ấy, thấy rõ yếu tố quyết định tính năng động, sáng tạo của nó là việc giải quyết đúng đắn các vấn đề lợi ích kinh tế, khắc phục thiên hướng coi nhẹ lợi ích của tập thể, của cá nhân người lao động. Rút kinh nghiệm của các cơ sở tiên tiến, Đảng và Nhà nước ta đã ban hành nhiều chính sách mới: chỉ thị 100, quyết định số 25 - CP, chính sách khuyến khích địa phương xuất khẩu... Quần chúng tiếp nhận các chính sách rất nhanh và việc thực hiện các chính sách ấy sớm trở thành phong trào quần chúng. Ở đây không có gì bí mật. Đó là vì quần chúng thấy ngay các chính sách ấy, các hình thức kinh tế mới ấy chứa đựng một cái gì đó đáp ứng được những yêu cầu của họ, đem lại lợi ích thiết thực cho họ. Rõ ràng bài học ở đây là nhận thức đúng đắn về lợi ích kinh tế, cơ cấu lợi ích trong chặng đường đầu tiên của thời kỳ quá độ, thứ tự ưu tiên của các lợi ích và việc vận dụng những lợi ích đó với tính cách là động lực trong sự phát triển kinh tế, có ý nghĩa rất quan trọng trong chỉ đạo kinh tế.

Chúng ta đều biết lợi ích kinh tế là hình thức biểu hiện của những quan hệ kinh tế, quan hệ giữa người và người. Trong điều kiện hiện nay của nước ta, lợi ích kinh tế được biểu hiện dưới nhiều hình thức: lợi ích xã hội, lợi ích tập thể, lợi ích cá nhân người lao động. Đúng về góc độ khác mà xét, lại có lợi ích của cơ sở, của địa phương, của cả nước. Đó là chưa nói lợi ích của các giai cấp, các tầng lớp. Sự tồn tại khách quan của những lợi ích đó là do trình độ phát triển của lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất, do điều kiện khác nhau của từng địa phương, do vai trò và tác dụng của từng cơ sở kinh tế, do năng lực của từng người lao động quyết định. Có thực hiện được những lợi ích đó, nhằm từng bước thỏa mãn nhu cầu của những người lao động, thì quyền làm chủ tập thể về kinh tế của họ mới trở thành hiện thực. Vì

vậy « ba lợi ích » hợp thành lợi ích của những người lao động dưới chủ nghĩa xã hội là nội dung kinh tế của chế độ làm chủ tập thể.

Đảng ta cho rằng làm chủ tập thể vừa là mục tiêu, vừa là động lực. Động lực ấy nằm ngay trong mục tiêu được thực hiện. Bởi vì « Nhân dân lao động giành quyền làm chủ không phải vì mục đích nào khác mà vì lợi ích của chính mình ». Để tạo ra được động lực, điều quan trọng là phải tìm ra được những hình thức kinh tế có thể kết hợp được sức mạnh của cộng đồng và sức mạnh của từng cá nhân trong hoạt động kinh tế. Sức mạnh làm chủ cộng đồng là sức mạnh tập trung của cả nước, của từng địa phương, từng tập thể. Sức mạnh của từng cá nhân là sức mạnh thể lực, trí tuệ, tài năng của từng người lao động được phát huy trong khuôn khổ và phù hợp với sự làm chủ của cộng đồng. Kết hợp hai sức mạnh này, sức mạnh làm chủ cộng đồng và sức mạnh làm chủ cá nhân, đó chính là ưu thế của chủ nghĩa xã hội so với chủ nghĩa tư bản. Phải biết sử dụng tối đa ưu thế này trong việc xây dựng kinh tế, phát triển sản xuất. Trong xã hội ta có lúc có hiện tượng mà người ta khó cắt nghĩa: ruộng 5% đạt 6 - 7 tấn/ha, ruộng hợp tác xã chỉ đạt 3 - 4 tấn/ha. Từ đó có người nghi ngờ tính ưu việt của hợp tác xã. Điều đó không đúng. Sở dĩ có hiện tượng trên là do trước khi thực hiện khoán sản phẩm, những hợp tác xã ấy làm ăn kém, chưa sử dụng được ưu thế nói trên của chủ nghĩa xã hội. Khi thực hiện hình thức khoán mới, một hình thức kết hợp được sức mạnh của tập thể với sức mạnh của từng xã viên, đã kích thích người xã viên không phải làm 4 - 5 giờ mà là 8 - 10 giờ một ngày, không phải làm đôi, làm đôi để lấy công điền mà làm có chất lượng. Cho nên năng suất cây trồng trên ruộng của nhiều hợp tác xã tăng lên rõ ràng, không kém

ruộng 5%. Rõ ràng bài học về khoán sản phẩm cũng là bài học của kết hợp sức mạnh của tập thể với sức mạnh của từng cá nhân.

Thật ra có lúc chúng ta chưa thấy hết vai trò của lợi ích cá nhân người lao động, coi nhẹ lợi ích này. Hình thức khoán sản phẩm đến người lao động khác phục được khuyết điểm ấy, chú ý đến lợi ích của cá nhân người xã viên, khiến họ vì lợi ích thiết thân của mình mà quan tâm đến kết quả lao động, đến sản phẩm cuối cùng, và gắn cá nhân với tập thể. Quan tâm đến lợi ích cá nhân người lao động không phải là kích thích chủ nghĩa cá nhân, phát triển đầu óc tư hữu, mà là gắn lợi ích của người lao động với lợi ích của tập thể. V. I. Lê-nin dạy rằng: « Trong một nước tiểu nông, trước hết các đồng chí phải bác những chiếc cầu nhỏ vững chắc, đi xuyên qua chủ nghĩa tư bản nhà nước, tiến lên chủ nghĩa xã hội, không phải bằng cách trực tiếp dựa vào nhiệt tình, mà là với nhiệt tình do cuộc cách mạng vĩ đại sinh ra, bằng cách khuyến khích lợi ích cá nhân, bằng sự quan tâm thiết thân của cá nhân, bằng cách áp dụng chế độ hạch toán kinh tế » (3).

Đương nhiên, trong quá trình xử lý vấn đề lợi ích chúng ta phải nắm vững quan điểm « lợi ích của xã hội là tối cao và lâu dài, lợi ích của tập thể là rất quan trọng, lợi ích của cá nhân người lao động là trực tiếp ». Chỉ có kết hợp hài hòa ba lợi ích mới tạo nên động lực phát triển kinh tế. Bệnh tập trung quan liêu, xét về góc độ kinh tế, là biểu hiện sự coi nhẹ lợi ích của người lao động, của cơ sở, của địa phương; còn bệnh cục bộ, bản vị, cá nhân chủ nghĩa lại là biểu hiện khuynh hướng coi nhẹ lợi ích của xã hội, làm thiệt hại đến lợi ích của cả nước. Đó là những khuynh hướng sai lầm cần khắc phục.

4 - Từ hội nghị thứ 6 của Ban chấp hành trung ương Đảng (khóa

IV), thời điểm bắt đầu tiến công mạnh vào cơ chế quản lý tập trung quan liêu, hành chính bao cấp, đến nay đã được 5 năm. Tính sơ lại, trong việc xóa bỏ cơ chế cũ, xây dựng cơ chế mới, chúng ta đã bước đầu đạt được một số kết quả. Đảng và Nhà nước đã ban hành mấy trăm văn bản về cải tiến quản lý kinh tế. Nhiều hình thức kinh tế mới được khẳng định và phổ biến rộng rãi. Các bộ phận chủ yếu của cơ chế quản lý, từ công tác kế hoạch, các chính sách đòn bẩy đến hệ thống tổ chức quản lý ít nhiều đều có sự thay đổi. Bất cứ ngành kinh tế nào: nông nghiệp, công nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp, v.v. đều có sự tác động của các chính sách mới. Kết quả là cơ chế quan liêu bao cấp đã bị phá bỏ một phần, một số nhân tố của cơ chế quản lý mới đang hình thành. Từ thực tiễn ấy, Đảng ta đã nhìn lại một cách tổng quát tình hình quản lý kinh tế, bước đầu xác định được nội dung cơ chế quản lý của các cơ sở sản xuất công nghiệp, nông nghiệp, đã đề ra được phương hướng và chủ trương về thị trường, giá cả, tiền lương, tiền tệ, đã có những quyết định mạnh bạo về phân cấp quản lý. Trong những quyết định ấy, chúng ta thấy nổi lên nhiều tư tưởng quản lý kinh tế, đồng thời là những bài học lớn trong công tác quản lý kinh tế của ta.

Trước hết là bài học *thấu suốt quan điểm làm chủ tập thể trong quản lý*. Điều bổ ích đối với chúng ta là trong khi xây dựng cơ chế quản lý, xuất phát từ quan điểm làm chủ tập thể, chúng ta đã tìm ra được những hình thức cụ thể tạo ra những động lực trong kinh tế, trong sản xuất. Đó là những hình thức phát huy quyền chủ động của cơ sở, của địa phương, phát huy vai trò ba cấp cùng làm chủ, các hình thức kết hợp làm chủ cộng đồng và làm chủ cá nhân, các hình thức

(3) V. I. Lê-nin: *Todn tập*, Nxb Tiến bộ, Mát-xcơ va, 1978, tập 44, tr. 189.

kết hợp ba lợi ích... Sự năng động trong hoạt động kinh tế, trong sản xuất những năm qua, trước hết bắt nguồn từ chỗ quán triệt quan điểm làm chủ tập thể trong hoạt động kinh tế. Vì vậy Đảng ta coi *làm chủ tập thể là nguyên tắc quan trọng nhất trong quản lý kinh tế*.

Nền kinh tế xã hội chủ nghĩa nhất thiết phải phát triển có kế hoạch. Đó là ưu thế của chủ nghĩa xã hội. Nhưng làm thế nào cho kế hoạch phát huy được ưu thế ấy? Đó là vấn đề khó khăn, phức tạp nhất trong quản lý kinh tế. Chúng ta được biết có nhiều loại hình kế hoạch hóa: kế hoạch hóa trực tiếp, kế hoạch hóa gián tiếp, kế hoạch hóa nửa trực tiếp nửa gián tiếp. Thậm chí kinh nghiệm của các nước anh em, rút kinh nghiệm của ta, chúng ta áp dụng loại hình: *kế hoạch hóa gắn liền với hạch toán kinh tế và kinh doanh xã hội chủ nghĩa*. Chúng ta quan niệm « kế hoạch phải là đòn bẩy mạnh mẽ nhất trong hệ thống đòn bẩy kinh tế ». Kế hoạch không chỉ là pháp lệnh mà còn chứa đựng trong đó một sự khuyến khích, cổ vũ to lớn đối với các đơn vị sản xuất, các địa phương và những người lao động. Muốn như vậy, kế hoạch hóa không thể không gắn liền với hạch toán kinh tế và kinh doanh xã hội chủ nghĩa. Đồng chí Lê Duẩn đã chỉ rõ: « Kế hoạch không gắn với hạch toán kinh tế và kinh doanh xã hội chủ nghĩa thì chỉ là sản phẩm chủ quan của những cơ quan quản lý quan liêu, xa cuộc sống. Hạch toán kinh tế không lấy kế hoạch làm trung tâm thì làm mất đi cái bản chất, cái linh hồn của nó, không còn là hạch toán kinh tế mà chỉ là sự xoay xở phưong hội. Kinh doanh thoát ly kế hoạch cũng có nghĩa là thoát ly phương hướng xã hội chủ nghĩa và đề cao vai trò chi phối của quy luật giá trị, của thị trường » (4). Hiện nay chúng ta đang cải tiến công tác kế hoạch theo hướng này.

Tập trung dân chủ là nguyên tắc cơ bản trong quản lý kinh tế xã hội chủ nghĩa. Ai cũng biết nội dung của nó là kết hợp chặt chẽ sự lãnh đạo tập trung của Nhà nước trung ương với việc phát huy cao độ tính tích cực của người lao động, tính chủ động sáng tạo của cơ sở, của địa phương trong việc phát triển kinh tế. Không khác là trong mỗi giai đoạn phải tìm ra được những hình thức cụ thể của nguyên tắc tập trung dân chủ kết hợp hài hòa hai mặt tập trung và dân chủ trong một thể thống nhất. Trong hoàn cảnh nước ta, một thời gian tương đối dài, cơ chế quản lý mang nặng tính tập trung quan liêu, hành chính bao cấp. Cho nên phương hướng cơ bản trong cải tiến quản lý kinh tế của ta là *mở rộng quyền chủ động sáng tạo cho cơ sở và địa phương dưới sự quản lý tập trung thống nhất của trung ương về những mặt cơ bản, khuyến khích mạnh mẽ người lao động hăng hái sản xuất*. Những chuyển biến tiến bộ trong nền kinh tế của ta chừng mình phương hướng này rất đúng. Điều phức tạp là khi xóa bỏ cơ chế quan liêu bao cấp thì phát sinh nhiều hiện tượng phân tán, cục bộ, thiếu tổ chức. Trong tình hình đó chúng ta vẫn kiên trì phương hướng nói trên, đẩy mạnh việc khắc phục tệ tập trung quan liêu, bao cấp, đồng thời khắc phục hiện tượng phân tán, cục bộ.

Sử dụng sức mạnh tổng hợp, vốn là bài học lớn trong lịch sử cách mạng nước ta, đã được áp dụng có hiệu quả trong quản lý kinh tế. Chúng ta đã từng bước tìm ra những phương thức thích hợp để phát huy sức mạnh tổng hợp trong kinh tế. Đó là phương thức kết hợp, sử dụng đúng đắn các thành phần kinh tế, lấy quốc doanh làm nòng cốt, để có thể huy động được các tiềm năng về vốn, kỹ thuật, kinh nghiệm:

(4) Lê Duẩn: « Năm vững quy luật đổi mới quản lý kinh tế », *Tạp chí Cộng sản* số 9-1984.

đó là **phương thức kết hợp bốn nguồn khả năng** để cho các cơ sở có thể tự **cân đối** được kế hoạch trong điều kiện **Nhà nước chỉ cung cấp được một phần vật tư**; đó là phương thức **phát triển** quan hệ hợp tác liên doanh, liên kết đa dạng giữa các cơ sở, các địa **phương**; đó là việc áp dụng **phương châm** « Nhà nước và nhân dân cùng làm », « trung ương và địa phương cùng làm »; đó là phương thức **thực hiện** ba cấp cùng làm chủ, v.v.

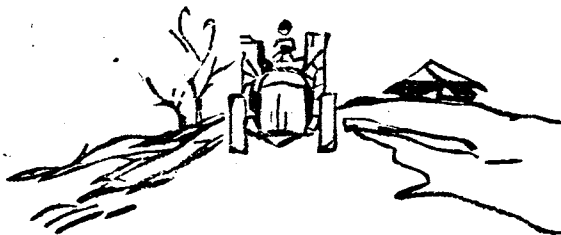
Tóm lại, chúng ta đã tích lũy được một số kinh nghiệm về quản lý kinh tế, trong đó có kinh nghiệm về những hình thức tạo ra được động lực trong hoạt động kinh tế; phương hướng giải quyết mối quan hệ giữa kế hoạch hóa với các quan hệ hàng hóa — tiền tệ; kinh nghiệm vận dụng nguyên tắc tập trung dân chủ v.v. Đương nhiên đó mới là bước đầu.



Lãnh đạo kinh tế vốn là việc rất **khó khăn** và phức tạp. Trong điều kiện **nước ta** tiến lên chủ nghĩa xã hội từ nền sản xuất nhỏ, không qua giai **đoạn** phát triển tư bản chủ nghĩa, lại **phải** chịu hậu quả nặng nề của mấy **chục** năm chiến tranh và hiện nay **đang** phải đương đầu với cuộc chiến tranh phá hoại nhiều mặt của bọn **bành trướng** Trung quốc, thì **khó khăn** trong lãnh đạo kinh tế lại càng nhiều. Trong hoàn cảnh đó, Đảng ta đã **giải quyết** thành công vấn đề **đường lối chung, đường lối kinh tế, xác định** đúng phương hướng xây dựng **cơ cấu** kinh tế và bước đầu xác định được **phương hướng** và nội dung chủ yếu **xây dựng** cơ chế quản lý kinh tế **phù hợp** với thực tế nước ta. Những thành tựu về kinh tế trong sự nghiệp **xây dựng** chủ nghĩa xã hội, nhất là những **chuyển biến, những tiến bộ** về sản xuất, về xây dựng cơ sở vật chất —

kỹ thuật, về cải tạo quan hệ sản xuất... từ năm 1981 đến nay đã chứng minh sự đúng đắn của đường lối và phương hướng nói trên.

Đương nhiên, chúng ta không thể **thỏa mãn** với những thành tựu đã đạt được và cũng không cho rằng mọi việc đều tốt. Hiện nay nền kinh tế của ta còn nhiều **khó khăn**. Trong việc quản trị **đường lối** của Đảng, chúng ta cũng còn mắc không ít sai lầm, khuyết điểm, những **khuyết điểm** về **bố trí cơ cấu** kinh tế, về cơ chế quản lý, về điều hành các hoạt động kinh tế. Để tạo nên một **chuyển biến** mạnh mẽ hơn nữa trong đời sống kinh tế — xã hội, chúng ta cần nắm vững hơn nữa các quy luật kinh tế, thấu suốt và cụ thể hóa **đường lối** của Đảng, tích cực học tập kinh nghiệm quản lý kinh tế của các nước anh em, tiếp tục tổng kết thực tiễn hoạt động kinh tế của ta.



Xây dựng tổ chức cơ sở Đảng ở đơn vị chiến đấu Quân đội nhân dân Việt nam

Trung tướng ĐẶNG VŨ HIỆP

TRONG công tác xây dựng Đảng, một vấn đề có tầm quan trọng hàng đầu là phải tạo cho được sự chuyển biến mạnh mẽ về chất lượng lãnh đạo, nâng cao sức chiến đấu của các tổ chức cơ sở Đảng. Báo cáo về xây dựng Đảng tại Đại hội thứ V của Đảng đã chỉ rõ: « *Việc nâng cao sức chiến đấu, tính chủ động, sáng tạo, sự vững vàng của tổ chức cơ sở Đảng, nhất là của các chi bộ, cho tương xứng với vị trí và tầm quan trọng của các tổ chức cơ sở Đảng bao giờ cũng là trách nhiệm hàng đầu của toàn Đảng* » (1).

Chấp hành các nghị quyết, chỉ thị của Đảng, Quân ủy trung ương đã đề ra chủ trương xây dựng tổ chức cơ sở Đảng trong sạch vững mạnh trong quân đội làm nòng cốt xây dựng đơn vị cơ sở vững mạnh toàn diện, có sức chiến đấu cao và chiến đấu thắng lợi.

Những năm qua, công tác xây dựng Đảng trong quân đội đã được tiến hành tích cực và toàn diện, cả về chính trị, tư tưởng và tổ chức. Vì vậy, trong tình hình nhiệm vụ sẵn sàng chiến đấu và chiến đấu hết sức khẩn trương, phức tạp, mặc dù có nhiều khó khăn, các tổ chức cơ sở Đảng đã góp phần lãnh đạo các đơn vị cơ sở khắc phục khó khăn, nâng cao sức chiến đấu, hoàn thành tốt nhiệm vụ. Nhiều đơn vị cơ sở (cả bộ đội chủ lực,

bộ đội địa phương, bộ đội biên phòng) trong nhiều trận chiến đấu đã kịp thời đánh trả quân địch tiến công lấn chiếm, diệt nhiều địch, bắt tù binh, thu vũ khí, giữ vững và làm chủ trận địa. Bộ đội chấp hành nghiêm kỷ luật, thực hiện tốt chính sách dân tộc, bảo vệ tính mạng, tài sản của nhân dân, bảo vệ các cơ sở kinh tế. Nói chung, đảng viên, cán bộ, chiến sĩ đã nêu cao quyết tâm giữ vững từng tấc đất thiêng liêng của Tổ quốc, chiến đấu và phục vụ chiến đấu rất dũng cảm. Qua thử thách ác liệt, đã xuất hiện nhiều hình ảnh đẹp để nói lên tinh cảm quân dân gắn bó, thể hiện tinh hiệp đồng chặt chẽ giữa các lực lượng trong cùng một địa bàn. Tổ chức cơ sở Đảng và đơn vị cơ sở đều có bước trưởng thành, có thêm những cán bộ đảng viên mới có ý chí và năng lực tốt. Tình hình đó chứng tỏ các đảng bộ cơ sở, đơn vị cơ sở nếu được xây dựng tốt, lãnh đạo chặt chẽ thì có khả năng hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ của mình.

Tuy nhiên, đối chiếu với đường lối, nhiệm vụ, quan điểm tư tưởng quân sự của Đảng, với yêu cầu của tình hình và nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc, đấu tranh chống kiểu chiến tranh phá hoại nhiều mặt của địch, trong đó có dạng

(1) Văn kiện Đại hội V, Nxb Sự thật, Hà Nội, 1982, tập III, tr. 94.

chiến tranh lấn chiếm biên giới, thì chúng ta còn cần phải tập trung sức cố gắng để nâng cao không ngừng chất lượng công tác lãnh đạo của tổ chức cơ sở Đảng nhằm góp phần nâng cao hơn nữa chất lượng tổng hợp và sức chiến đấu của toàn quân ta và của mỗi đơn vị.

Những bài học về xây dựng Đảng đã được tổng kết trong báo cáo về xây dựng Đảng ở các Đại hội thứ IV và thứ V của Đảng và những kinh nghiệm đã được tổng kết của đảng bộ quân đội có ý nghĩa rất quan trọng, cần được tiếp tục nghiên cứu và thực hiện nghiêm chỉnh. Qua thực tiễn lãnh đạo mọi mặt hoạt động và chiến đấu của tổ chức cơ sở Đảng ở đơn vị chiến đấu trong thời gian qua, có thể rút ra một số vấn đề cần được chú ý đầy đủ hơn trong chỉ đạo xây dựng tổ chức cơ sở Đảng ở đơn vị chiến đấu. Đây cũng là sự vận dụng kinh nghiệm từ trước, phát triển sâu thêm cho phù hợp với yêu cầu mới hiện nay.

1 - *Nhận rõ vị trí và nhiệm vụ chính trị cơ bản của đơn vị cơ sở chiến đấu, xác định rõ nhiệm vụ và nội dung lãnh đạo của tổ chức cơ sở Đảng.*

Đơn vị cơ sở là nơi trực tiếp quản lý con người, quản lý cơ sở vật chất kỹ thuật, trực tiếp thực hiện các nhiệm vụ của quân đội. Sức chiến đấu của đơn vị cơ sở là biểu hiện cụ thể và trực tiếp sức chiến đấu của quân đội.

Đơn vị cơ sở chiến đấu, dù là bộ đội chủ lực hay bộ đội địa phương, bộ đội biên phòng, dù thuộc quân chủng, binh chủng nào cũng đều là đơn vị phải trực tiếp kịp thời đánh trả quân địch nếu chúng gây hấn, đánh thắng ngay từ trận đầu, đánh thắng liên tục, tiêu diệt được nhiều địch, bắt sống tù binh, phá hủy nhiều phương tiện chiến tranh, thu nhiều vũ khí, làm chủ trận địa, bảo vệ vững chắc mục tiêu được giao. Các đơn vị cơ sở, nhất là các đơn vị ở tuyến biên giới phía bắc phải thường xuyên đối đầu trực tiếp với

địch, phải đối phó thắng lợi hằng ngày, hằng giờ với những hành động phá hoại về quân sự, chính trị, kinh tế, về tư tưởng và tâm lý của địch; mặt khác các đơn vị này còn phải tích cực tham gia xây dựng và củng cố hậu phương trực tiếp về các mặt, góp phần tạo cơ sở để phát huy sức mạnh tổng hợp tại chỗ, giữ vững quyền làm chủ, tiêu diệt lực lượng quân sự của địch, đánh bại những hành động phá hoại, lấn chiếm trước mắt của chúng và chuẩn bị sẵn sàng đối phó với những tình huống chiến tranh khác nếu xảy ra.

Tình hình và nhiệm vụ đó đòi hỏi các tổ chức cơ sở Đảng phải *lãnh đạo xây dựng đơn vị không những có trình độ sẵn sàng chiến đấu và sức mạnh chiến đấu cao, chiến đấu thắng lợi, đánh bại những hành động quân sự lấn chiếm bằng bất cứ thủ đoạn và lực lượng nào của địch, mà còn phải xây dựng đơn vị thành « một pháo đài chính trị vững chắc »* đánh địch kịp thời, đập tan những thủ đoạn phá hoại của chúng, bảo vệ và nâng cao sức chiến đấu của quân đội và góp phần tích cực vào việc xây dựng, củng cố thế trận chiến tranh nhân dân và phòng tuyến an ninh nhân dân địa phương.

Những yêu cầu đó gắn bó mật thiết với nhau.

Nhiệm vụ chiến đấu là nhiệm vụ chính trị cao nhất của đơn vị cơ sở và cũng là nội dung lãnh đạo chủ yếu nhất của tổ chức cơ sở Đảng. Các tổ chức cơ sở Đảng phải *nam thật chắc mục đích trong chiến đấu bảo vệ Tổ quốc là: tiêu diệt và sát thương nhiều sinh lực địch, phá hủy nhiều phương tiện chiến tranh của chúng, giữ vững và làm chủ chiến trường, bảo vệ từng tấc đất, từng người dân, bảo vệ cơ sở và tiềm năng kinh tế của đất nước.* Từ mục đích đó, căn cứ vào nhiệm vụ chính trị cụ thể và tình hình thực tế của đơn vị mà xác định nội dung lãnh đạo, tập trung vào giải quyết những vấn đề then chốt trong việc thực hiện

nhệm vụ chiến đấu cũng như xây dựng đơn vị. Muốn giành thắng lợi trong chiến đấu, phải đánh bại thủ đoạn tác chiến của địch. Đó cũng là việc trước tiên phải làm để đánh bại các thủ đoạn chiến dịch và biện pháp chiến lược, giành toàn thắng trong chiến tranh. Đánh bại thủ đoạn tác chiến của địch là nhệm vụ trực tiếp của đơn vị cơ sở. Tổ chức cơ sở Đảng phải làm quán triệt sâu sắc quan điểm của Đảng trong nhận định, đánh giá về địch, động viên cán bộ, đảng viên nêu cao tinh thần quyết thắng, nghiên cứu kỹ đối tượng trực tiếp chiến đấu với mình, đặc biệt phải đi rất sâu và phân tích thật rõ những chỗ mạnh, chỗ yếu của thủ đoạn tác chiến cụ thể của địch, mưu trí chủ động sáng tạo cách đánh để thắng chúng. Phải nắm đầy đủ, chính xác, rõ ràng nhệm vụ cấp trên giao cho đơn vị và quyết tâm chiến đấu của người chỉ huy, tổ chức thảo luận dân chủ, làm cho từng bộ phận, từng cán bộ, chiến sĩ thông suốt mục đích, ý nghĩa của trận đánh, nắm thật vững nhệm vụ cụ thể trong từng tình huống, thấy hết thuận lợi và khó khăn, tin tưởng có cơ sở, phát huy nỗ lực chủ quan cao nhất để hoàn thành nhệm vụ. Quán triệt quan điểm: xây dựng và rèn luyện bộ đội để chiến đấu, vì yêu cầu chiến đấu thắng lợi mà phải tiến hành xây dựng, rèn luyện, chuẩn bị chiến đấu hết sức nghiêm túc, căn cứ vào yêu cầu của nhệm vụ và đánh giá mặt mạnh, mặt yếu của đơn vị mà lãnh đạo chặt chẽ việc giáo dục, huấn luyện và rèn luyện bộ đội về ý chí chiến đấu, kỷ luật, trình độ kỹ thuật chiến thuật, thế lực *phù hợp với thực tế chiến đấu về các mặt: địch, ta, địa hình, thời tiết, trong tiến công cũng như trong phòng ngự. Đồng thời nghiêm túc rút kinh nghiệm thực tế về từng mặt qua hoạt động huấn luyện diễn tập, sẵn sàng chiến đấu và chiến đấu của bản thân đơn vị và qua học tập kinh nghiệm của các đơn vị bạn, để xây dựng bản lĩnh chiến*

đấu vững vàng. Lãnh đạo công tác bảo đảm chu đáo từ thiết bị trận địa, bảo đảm chỉ huy thông suốt liên tục tới các phân đội nhỏ đến việc bảo đảm kỹ thuật, tổ chức ăn, ở trong chiến đấu liên tục dài ngày, trong mọi tình huống.

Xây dựng đơn vị cơ sở vững mạnh toàn diện là khâu then chốt để cùng toàn dân đánh thắng kẻ thù chiến tranh phá hoại nhiều mặt của bọn bành trướng bá quyền Trung quốc cầu kết với đế quốc Mỹ và các thế lực phản động khác, bảo vệ và nâng cao sức chiến đấu của quân đội. Tổ chức cơ sở Đảng phải thường xuyên giáo dục cán bộ, đảng viên và chiến sĩ nhận thức ngày càng sâu sắc hơn bản chất cực kỳ phản động, âm mưu và thủ đoạn thâm độc của địch, củng cố vững chắc trận địa tư tưởng của Đảng trong lực lượng vũ trang, chủ động tiến công, tiến công liên tục và sắc bén, đập tan mọi thủ đoạn chiến tranh tâm lý của địch. Tăng cường công tác quản lý nội bộ, thực hiện nghiêm ngặt chế độ phòng gian, giữ bí mật, ngăn chặn kịp thời và làm thất bại những thủ đoạn hoạt động tình báo, phá hoại của địch.

Một nội dung quan trọng mà các tổ chức cơ sở Đảng cần chú ý là lãnh đạo củng cố tốt mối quan hệ "quán với dân một ý chí" làm hai nhệm vụ chiến lược trên tuyến đầu của Tổ quốc. Đây không phải là công tác dân vận theo nghĩa thông thường mà là củng cố mối quan hệ sống còn, cơ sở để xây dựng sức mạnh tổng hợp tại chỗ. Lãnh đạo chấp hành tốt chính sách dân tộc của Đảng và Nhà nước, tham gia cùng địa phương củng cố cơ sở chính trị, xây dựng kinh tế, phát triển văn hóa, có kế hoạch hiệp đồng thống nhất trong việc xây dựng, củng cố thế trận chiến tranh nhân dân, giữ gìn an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội ở địa phương, phát huy sức mạnh tổng hợp để đánh thắng kẻ thù.

Trên đây là nhiệm vụ và nội dung công tác lãnh đạo, thể hiện sự quán triệt đường lối chính trị, đường lối, nhiệm vụ, quan điểm tư tưởng quân sự của Đảng mà các tổ chức cơ sở Đảng cần nắm vững để chủ động lãnh đạo các đơn vị cơ sở chiến đấu thực hiện nhiệm vụ đạt kết quả cao trong mọi tình huống.

2 - *Xác định yêu cầu cụ thể xây dựng tổ chức cơ sở Đảng trong sạch vững mạnh và luôn luôn lấy kết quả thực hiện nhiệm vụ chính trị cơ bản của đơn vị để xem xét, đánh giá, trên cơ sở đó phân đấu không ngừng nâng cao chất lượng lãnh đạo và sức chiến đấu của tổ chức cơ sở Đảng.*

Không thể có đơn vị cơ sở vững mạnh toàn diện có sức chiến đấu cao nếu không có tổ chức cơ sở Đảng trong sạch vững mạnh làm nòng cốt, và việc xây dựng tổ chức cơ sở Đảng trong sạch vững mạnh không thể tách rời việc thực hiện nhiệm vụ chính trị cơ bản của đơn vị cơ sở.

Từ quan điểm nói trên, việc xây dựng tổ chức cơ sở Đảng ở các đơn vị chiến đấu cần hướng vào mấy yêu cầu cơ bản sau đây :

a) *Thật sự có bản lĩnh, có kiến thức và năng lực lãnh đạo giải quyết đúng đắn những vấn đề được đặt ra trong đời sống, hoạt động và chiến đấu (bằng mọi hình thức tác chiến và trong mọi hoàn cảnh) của đơn vị cơ sở. Đặc biệt tổ chức cơ sở Đảng ở đơn vị bộ đội địa phương, bộ đội biên phòng là những đơn vị thường hoạt động độc lập ở xa cấp trên phải có đầy đủ tính chủ động, sáng tạo*

b) *Rất kiên cường trong cuộc chiến đấu chống chủ nghĩa bành trướng và bá quyền Trung quốc, kiên kết với đế quốc Mỹ và các thế lực phản động khác, vững vàng trước mọi khó khăn thử thách quyết liệt, tinh táo sáng suốt trước mọi diễn biến phức tạp của tình hình, thật sự là hạt nhân vững chắc của tập thể cán bộ, chiến*

sĩ trong đơn vị trong cuộc chiến đấu chống mọi hành động, thủ đoạn phá hoại và xâm lược của kẻ thù.

c) *Đoàn kết thống nhất, trong sạch về chính trị, vững mạnh về tổ chức, gắn bó chặt chẽ với quần chúng.*

Đó là những yêu cầu chung nhất trong việc xây dựng và củng cố các tổ chức cơ sở Đảng nhằm phát huy sức mạnh lãnh đạo của tổ chức cơ sở Đảng và vai trò tiên phong gương mẫu của đảng viên. Cần chú ý vào yêu cầu công tác lãnh đạo, vào tình hình cụ thể các mặt của mình, từng tổ chức cơ sở Đảng cụ thể hóa những yêu cầu đó thành nội dung, chỉ tiêu, biện pháp cụ thể xây dựng đội ngũ đảng viên cả về số lượng và chất lượng, cũng như xây dựng tổ chức bao gồm việc củng cố, kiện toàn các cấp ủy và chi bộ để thực hiện trong mỗi năm ở đơn vị mình. Trong chỉ đạo thực hiện, trên cơ sở nắm vững những mặt mạnh, mặt yếu của từng chi bộ, từng đảng viên theo kết quả phân loại từng thời kỳ, đảng ủy cơ sở có biện pháp thiết thực giúp đỡ đảng viên rèn luyện, chi bộ phân đấu để tiến lên một cách đồng đều, bảo đảm không còn tình trạng yếu kém. Khi đánh giá sự lãnh đạo của tổ chức cơ sở Đảng, phân loại đảng viên và chi bộ, đảng ủy cơ sở căn cứ vào yêu cầu cơ bản phải đạt được trong tình huống chiến đấu mà xem xét cho thật nghiêm túc, không nên làm một cách giản đơn hình thức.

Việc kiện toàn các đảng ủy cơ sở, trước hết là việc bố trí người có đủ phẩm chất và năng lực giữ các chức vụ bí thư và ủy viên thường vụ, có tầm quan trọng quyết định đối với việc nâng cao chất lượng lãnh đạo của tổ chức cơ sở Đảng. Trong việc kiện toàn cấp ủy phải coi trọng cả số lượng, chất lượng và cách làm việc. Cấp trên có thẩm quyền cần chỉ định bổ sung kịp thời cấp ủy viên khi thiếu, không để tình trạng xộc xệch kéo dài,

và có kế hoạch bồi dưỡng các đồng chí lãnh đạo chủ chốt của tổ chức cơ sở Đảng đủ sức làm tròn nhiệm vụ, chức trách được giao.

Đưa mọi đảng viên vào sinh hoạt chi bộ đều đặn để giáo dục, rèn luyện và quản lý; thực hiện tốt chế độ phân giao nhiệm vụ lãnh đạo cho từng đảng viên trong công tác thường xuyên cũng như trong từng trận chiến đấu, từng nhiệm vụ công tác, thực hiện đúng chế độ tự phê bình và phê bình.

Qua thực hiện nhiệm vụ huấn luyện, sẵn sàng chiến đấu, chiến đấu và các nhiệm vụ khác mà kiểm tra, phát huy mặt tích cực, hướng dẫn khắc phục mặt tiêu cực, bồi dưỡng nâng cao chất lượng đảng viên.

3 - Làm tốt công tác xây dựng chi bộ ở đại đội, nâng cao tinh chiến đấu và vai trò tiên phong gương mẫu của đảng viên, xây dựng đội ngũ đảng viên có chất lượng cao, số lượng hợp lý, ổn định.

Như trên đã nói, đơn vị cơ sở là nơi trực tiếp quản lý con người, quản lý cơ sở vật chất kỹ thuật, trực tiếp thực hiện các nhiệm vụ của quân đội. Các phân đội cơ bản cấu thành đơn vị cơ sở chiến đấu của quân đội là đại đội. Kết quả hoàn thành nhiệm vụ của đơn vị cơ sở là thành tựu tổng hợp của lao động quân sự và chiến đấu của các đại đội (bộ binh, trợ chiến, công binh, thông tin, vận tải, quân y...) hiệp đồng chặt chẽ dưới sự lãnh đạo và chỉ huy thống nhất. Trong chiến đấu tiến công hay phòng ngự, hoạt động trong đội hình tập trung hoặc độc lập, đại đội đều có vị trí hết sức quan trọng. Đại đội còn là nơi tiến hành thường xuyên công tác giáo dục chính trị, rèn luyện tư tưởng, tinh thần và tâm lý cho bộ đội, nâng cao những phẩm chất chính trị và yếu tố tâm lý cần thiết nhằm tăng cường ý chí chiến đấu của họ, nâng cao kiên thức và năng lực của họ sử dụng vũ khí, trang bị kỹ

thuật trong những điều kiện khác nhau. Nói một cách khác, đại đội là nơi hằng ngày hằng giờ giáo dục, rèn luyện những phẩm chất cao quý và năng lực của con người mới xã hội chủ nghĩa trong quân đội. Vì vậy, cần tập trung sức chỉ đạo xây dựng cho được chi bộ thật vững chắc ở đại đội, làm cho tổ chức lãnh đạo của Đảng gắn chặt với tổ chức chiến đấu của quân đội, nâng cao tinh năng động trong hoạt động lãnh đạo sát với điều kiện và hoàn cảnh hoạt động của đơn vị chiến đấu, bảo đảm cho người chỉ huy phân đội có chỗ dựa vững chắc, quần chúng chiến sĩ có sự hướng dẫn, giúp đỡ trực tiếp để thực hiện thắng lợi nhiệm vụ.

Để phát huy vai trò lãnh đạo của mình, chi bộ phải nắm vững nhiệm vụ chính trị cụ thể của đại đội, tập trung sức lãnh đạo thực hiện mục tiêu: nâng cao trình độ sẵn sàng chiến đấu và chiến đấu thắng lợi, phát huy vai trò tiên phong gương mẫu của đảng viên, xây dựng đội ngũ đảng viên có chất lượng ngày càng cao và số lượng hợp lý ổn định. Các chi bộ Đảng ở tiểu đoàn bộ, trung đoàn bộ phải lãnh đạo nâng cao trình độ nghiệp vụ, đề cao trách nhiệm của mọi đảng viên trong công tác chuyên môn để phục vụ các đại đội chiến đấu, lấy kết quả phục vụ các đại đội chiến đấu mà đánh giá cơ quan, đánh giá sự lãnh đạo của chi bộ, coi đó là mục tiêu hoạt động của chi bộ cơ quan.

Phát triển Đảng ở chi bộ là một việc phải làm thường xuyên, kịp thời, bảo đảm chi bộ luôn có số lượng hợp lý ổn định, có đủ đảng viên ở những bộ phận quan trọng, sát với quần chúng trong mọi hoàn cảnh hoạt động và chiến đấu. Việc kết nạp đảng viên mới phải hướng vào những người ưu tú trong đội ngũ sĩ quan, nhân viên chuyên môn kỹ thuật, hạ sĩ quan và chiến sĩ đã được giác ngộ về lý tưởng cộng sản chủ nghĩa, có quyết tâm hy sinh phấn đấu cho sự nghiệp bảo vệ

Tổ quốc và xây dựng chủ nghĩa xã hội, đã trải qua rèn luyện thử thách, có phẩm chất, cách mạng tốt, có trình độ nhất định về chính trị, kiến thức văn hóa, khoa học kỹ thuật quân sự, được quần chúng tin yêu mến phục. Phải đưa công tác phát triển Đảng đi vào nền nếp, có kế hoạch cụ thể khoa học, có chỉ đạo thực hiện chặt chẽ gắn liền với việc nâng cao chất lượng giáo dục, sinh hoạt và hoạt động của Đoàn thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh. Nâng cao trách nhiệm của các đảng viên trong toàn đảng bộ, trước hết là các đảng viên chính thức và đảng viên là cán bộ các cấp, đối với công tác giáo dục quần chúng và đối với công tác phát triển Đảng. Đảng ủy cần phân công rõ ràng cho từng đảng viên (kể cả đảng viên là cán bộ chỉ huy) phụ trách quần chúng và có kiểm tra việc thực hiện. Việc kết nạp người vào Đảng phải theo đúng tiêu chuẩn, nguyên tắc, thủ tục, bảo đảm chất lượng và sau khi kết nạp phải hết sức coi trọng việc bồi dưỡng, rèn luyện để không đồng chí nào bị xóa tên trong thời gian dự bị.

Đề nâng cao chất lượng đội ngũ đảng viên, phải tiến hành đồng thời cả ba biện pháp như Đảng ta đã tổng kết: đưa người không đủ tư cách đảng viên ra khỏi Đảng, kết nạp đảng viên mới và giáo dục, bồi dưỡng đảng viên theo tinh thần tự phê bình và phê bình qua chiến đấu, công tác, lao động, học tập và sinh hoạt Đảng.

Đề nâng cao chất lượng đảng viên, một vấn đề mấu chốt là phải nâng cao chất lượng cán bộ chủ chốt ở đơn vị cơ sở. Các đảng ủy viên, trước hết là bí thư đảng ủy và các bí thư chi bộ phải thật sự có đủ phẩm chất và năng lực, có tính đảng, tính nguyên tắc cao, đoàn kết được mọi người và có phong cách lãnh đạo tốt. Vì vậy, cấp trên của tổ chức cơ sở Đảng phải hết sức quan tâm lựa chọn, bố trí đúng các đồng chí lãnh đạo chủ chốt ở cơ sở và có

kế hoạch thường xuyên bồi dưỡng các đồng chí đó về mọi mặt để đáp ứng được yêu cầu của nhiệm vụ.

Việc củng cố và nâng cao sức chiến đấu của tổ chức cơ sở Đảng nói chung và chi bộ nói riêng không thể tách rời việc củng cố và phát huy vai trò của Đoàn thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh. Đặc biệt trong tình hình số lượng đảng viên ở chi bộ không đông thì việc bồi dưỡng và phát huy vai trò nòng cốt của những đoàn viên tiên tiến là hết sức cần thiết để tăng cường ảnh hưởng của Đảng trong mọi hoàn cảnh, đề tạo nguồn bổ sung cho đội ngũ của Đảng và phát triển đội ngũ cán bộ quân đội.

4 - Đề cao trách nhiệm của các ngành, các cấp và của mọi đảng viên, cán bộ ở cơ sở trong việc xây dựng tổ chức cơ sở Đảng trong sạch vững mạnh.

Kinh nghiệm thực tế đã chỉ rõ: việc xây dựng tổ chức cơ sở Đảng trong sạch vững mạnh gắn liền với việc thực hiện nhiệm vụ chính trị xây dựng đơn vị cơ sở vững mạnh toàn diện có sức chiến đấu cao, chiến đấu thắng lợi. Đảng ta đã xác định việc nâng cao sức chiến đấu của tổ chức cơ sở Đảng bao giờ cũng là *trách nhiệm hàng đầu của toàn Đảng.*

Thực tế cuộc sống đã bác bỏ nhận thức sai lầm cho rằng việc xây dựng tổ chức cơ sở Đảng trong sạch vững mạnh chỉ là trách nhiệm của các cơ quan chính trị và của đảng viên, cán bộ ở cơ sở. So với các tổ chức cơ sở Đảng ở các ngành khác, tổ chức cơ sở Đảng ở đơn vị chiến đấu quân đội có một đặc điểm nổi bật là hoạt động ở một môi trường mà thành phần đơn vị thường không ổn định. Sự biến động đó do nhiều nguyên nhân như: chiến sĩ làm xong nghĩa vụ phục vụ tại ngũ ra quân, cán bộ được điều động công tác, đi học, thương vong trong chiến đấu v.v. Đơn vị luôn có cán bộ, đảng viên và chiến sĩ mới bổ sung. Sự biến động về số lượng

thường kéo theo sự biến động về chất lượng, gây ra những khó khăn mà bản thân đơn vị không thể khắc phục được, và ngay cả cơ quan chính trị cấp trên, theo chức trách trong quân đội, cũng không có khả năng giúp đỡ. ví dụ: vấn đề số lượng, chất lượng quân bổ sung... Bởi vậy, thành công của việc xây dựng đơn vị cơ sở vững mạnh toàn diện có sức chiến đấu cao và kết quả thực hiện nhiệm vụ của đơn vị phụ thuộc một phần quan trọng vào sự chỉ đạo sát và đúng của cấp trên về các mặt quân sự, chính trị, hậu cần, kỹ thuật...

Như vậy, xây dựng tổ chức cơ sở Đảng không chỉ là trách nhiệm của đảng bộ cơ sở mà còn là trách nhiệm của người chỉ huy, của cán bộ các ngành tham mưu, hậu cần, kỹ thuật và của cơ quan chính trị các cấp trên đơn vị cơ sở. Các ngành, các cấp ở trên, theo chức trách của mình, hướng về cơ sở, làm hết trách nhiệm đối với đơn vị cơ sở và tổ chức cơ sở Đảng, phối hợp chặt chẽ với nhau, có kế hoạch thống nhất chỉ đạo xây dựng đơn vị cơ sở vững mạnh toàn diện, bảo đảm cho đơn vị cơ sở có những điều kiện cần thiết để hoàn thành nhiệm vụ. Ban bí thư Trung ương Đảng đã chỉ thị: "Tổ chức cơ sở Đảng ở cơ quan... phải động viên tinh thần mạnh dạn cải tiến lề lối làm việc và tác phong công tác... đề cao tinh thần trách nhiệm và thường xuyên chăm lo hướng dẫn, giúp đỡ đơn vị cấp dưới về mọi mặt" (Quy định về tổ chức cơ sở của Đảng trong Quân đội nhân dân Việt nam - số 22/QĐ - TŨ, ngày 12-8-1983). Các cục chính trị và phòng chính trị chỉ đạo chặt chẽ công tác xây dựng tổ chức cơ sở Đảng, coi đây là một trọng tâm công tác thường xuyên.

Đảng ủy cơ sở và toàn thể đảng viên trong đảng bộ phải quán triệt nhiệm vụ chung, các nhiệm vụ cụ thể của tổ chức cơ sở Đảng, nhiệm vụ của đảng ủy cơ sở cũng như nắm vững phương

hướng giải quyết các mối quan hệ công tác của tổ chức cơ sở Đảng đã được nêu trong quy định số 22/QĐ - TŨ ngày 12-8-1983 của Ban bí thư Trung ương Đảng, chấp hành nghiêm chỉnh các chỉ thị và hướng dẫn của cơ quan lãnh đạo Đảng cấp trên, hướng mọi hoạt động của mình vào mục tiêu hoàn thành xuất sắc các nhiệm vụ của đơn vị, và gắn chặt với việc thực hiện mục tiêu đó mà xây dựng đảng bộ trong sạch vững mạnh.

Tóm lại, chỉ có phát huy sức mạnh tổng hợp của các ngành, các cấp và nỗ lực chủ quan của cấp ủy và đảng viên, cán bộ ở cơ sở mới có thể xây dựng thành công tổ chức cơ sở Đảng trong sạch vững mạnh.



Những vấn đề được rút ra qua thực tiễn xây dựng tổ chức cơ sở Đảng ở đơn vị chiến đấu Quân đội nhân dân Việt nam khẳng định: các nguyên tắc, phương châm, yêu cầu xây dựng Đảng mà Đại hội toàn quốc thứ IV và thứ V của Đảng đã đề ra là hoàn toàn đúng. Tuy nhiên, cuộc sống vô cùng phong phú và tinh đa dạng của các loại tổ chức cơ sở Đảng đòi hỏi các cơ quan lãnh đạo cấp trên trong chỉ đạo thực hiện phải cụ thể hóa và phát triển hơn nữa cho sát với thực tế của tình hình không ngừng đổi mới. Từ những nguyên tắc chung, căn cứ vào đặc điểm, tính chất, nhiệm vụ chính trị của từng loại cơ sở trong tình hình hiện nay để xác định nội dung và phương thức lãnh đạo của tổ chức Đảng cho thật phù hợp, không máy móc giản đơn, đồng thời đề ra những yêu cầu cụ thể xây dựng tổ chức cơ sở Đảng về chính trị, tư tưởng và tổ chức.

Theo phương hướng đó, cơ quan chính trị các cấp trong Quân đội nhân dân - cơ quan lãnh đạo về Đảng, đảm

(Xem tiếp trang 88)

Nguyên tắc và sáng tạo

NGUYỄN VINH

Sự nghiệp cách mạng trên đất nước ta đòi hỏi phải thường xuyên giải quyết đúng đắn mối quan hệ giữa giữ vững tính nguyên tắc và phát huy tính chủ động sáng tạo cả trong nhận thức và hành động của chúng ta để quán triệt và tổ chức thực hiện thắng lợi đường lối chính sách của Đảng, hoàn thành tốt hai nhiệm vụ chiến lược: xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội và bảo vệ vững chắc Tổ quốc xã hội chủ nghĩa. Đây là vấn đề được đặt ra trong tất cả các lĩnh vực hoạt động của chúng ta, vấn đề mà mỗi tổ chức, đơn vị, mỗi cán bộ đảng viên đều cần có nhận thức, thái độ đúng và giải quyết chính xác, vì cuộc sống luôn luôn vận động và phát triển, cách mạng luôn luôn là sự nghiệp sáng tạo không ngừng theo những quy luật khách quan của nó.

Vấn đề nguyên tắc và sáng tạo nằm ngay trong hoạt động của bản thân con người để tồn tại và phát triển. Con người đã sáng tạo ra lịch sử của mình, song con người sáng tạo ra lịch sử trong những điều kiện khách quan nhất định mà họ phải thích ứng, sáng tạo trong các quan hệ thực tế đang tồn tại và vận động, trong đó quan hệ kinh tế, xét đến cùng là quan hệ quan trọng nhất, quyết định nhất, không thể có sáng tạo theo ý chí, lòng mong muốn chủ quan. Nói chung lại, người ta chỉ có thể sáng tạo trên cơ sở nhận thức và

hoạt động theo những quy luật khách quan của tự nhiên, xã hội và tư duy. Chính những quy luật, những nguyên tắc đó định hướng cho các hoạt động sáng tạo của con người trong mỗi thời kỳ lịch sử nhất định.

Xây dựng chủ nghĩa xã hội là cuộc cách mạng sâu sắc nhất, triệt để nhất, phức tạp nhất của đời sống xã hội, đòi hỏi phải tự giác giải quyết nhiều vấn đề mà trong lịch sử chưa hề có tiền lệ. Đặc biệt, nước ta đi lên chủ nghĩa xã hội từ một nền kinh tế sản xuất nhỏ, lạc hậu, bỏ qua giai đoạn phát triển tư bản chủ nghĩa, lại trải qua hơn 30 năm chiến tranh ác liệt, chịu hậu quả nặng nề về nhiều mặt, và hiện nay vẫn phải chống lại kiểu chiến tranh phá hoại nhiều mặt, phải sẵn sàng đối phó với chiến tranh xâm lược quy mô lớn của địch. Tình hình đó đặt ra nhiều vấn đề mới mẻ, phức tạp, gay go trong sự nghiệp cách mạng của chúng ta. Để giải quyết những vấn đề ấy, chúng ta phải tìm tòi, thử nghiệm, có khi phải mò mẫm, làm đi làm lại, phải « xây dựng chủ nghĩa xã hội từ gốc đến ngọn », « xây dựng cả lực lượng sản xuất mới lẫn quan hệ sản xuất mới; xây dựng cả cơ sở kinh tế mới lẫn cấu trúc thượng tầng mới; xây dựng cả đời sống vật chất lẫn đời sống tinh thần văn hóa mới ». Trong sự nghiệp cách mạng triệt để và phức tạp đó, giải quyết đúng đắn mối quan hệ giữa nguyên tắc và sáng tạo càng có ý nghĩa quan

trọng, cấp thiết. Lê-nin đã dạy rằng: «Tất cả các dân tộc đều sẽ đi đến chủ nghĩa xã hội, đó là điều không tránh khỏi, nhưng tất cả các dân tộc đều tiến tới chủ nghĩa xã hội không phải một cách hoàn toàn giống nhau; mỗi dân tộc sẽ dựa đặc điểm của mình vào hình thức này hay hình thức khác của chế độ dân chủ, vào loại này hay loại khác của chuyên chính vô sản, vào nhịp độ này hay nhịp độ khác của việc cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với các mặt khác nhau của đời sống xã hội» (1).

Thực tiễn cách mạng nước ta trong năm mươi lăm năm qua kể từ khi có Đảng đã chứng minh rằng: thắng lợi của cách mạng bao giờ cũng là kết quả của sự vận dụng đúng đắn mối quan hệ giữa cái phổ biến và cái đặc thù, giữa nguyên tắc và sáng tạo trong nhận thức và hoạt động thực tiễn. Thắng lợi của cách mạng là kết quả của việc «kết hợp tinh thần dân chủ sôi sục, tràn trề, tựa như nước lũ mùa xuân, của quần chúng lao động trong các cuộc mít tinh với một kỷ luật sắt trong lao động, với sự phục tùng tuyệt đối trong lao động đối với ý chỉ của một người duy nhất, của nhà lãnh đạo Xô viết» (2).

Cuộc sống đã chỉ rõ rằng không tuân thủ triệt để những nguyên tắc phổ biến và cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lê-nin thì bất cứ một nước nào, một dân tộc nào dù có trình độ phát triển và có đặc điểm lịch sử cụ thể như thế nào về kinh tế, văn hóa, xã hội cũng không thể xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội thật sự chân chính, khoa học. Song những nguyên tắc cơ bản ấy bao giờ cũng được thể hiện và vận dụng trong một hoàn cảnh cụ thể, chịu ảnh hưởng của những điều kiện đặc thù, riêng biệt ở mỗi nước. Do đó, nhờ có sự vận dụng sáng tạo, các nguyên tắc, các quy luật của chủ nghĩa xã hội được thực hiện dưới các dạng đặc thù về hình thức, phương pháp, trật tự, bước đi

ở từng nơi, từng lúc. Nếu không tính đến đầy đủ những điều kiện cụ thể, những đặc điểm của mỗi nước, mỗi dân tộc thì không thể vận dụng đúng đắn các quy luật của chủ nghĩa xã hội, không thể có sáng tạo để xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội trên đất nước mình.

Đi vào từng lĩnh vực của đời sống xã hội: chính trị, kinh tế, văn hóa, quốc phòng, ở bất kỳ nơi nào các tổ chức Đảng, tổ chức Nhà nước hay các tổ chức quần chúng giải quyết đúng đắn mối quan hệ giữa giữ vững nguyên tắc và phát huy tính chủ động sáng tạo thì ở đó sẽ tạo nên sự phấn khởi, nhiệt tình lao động, khơi dậy được trí thông minh; thúc đẩy phong trào cách mạng của mọi người lao động nghiêm chỉnh chấp hành đường lối chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước; ở đó sẽ có một động lực rất to lớn của đông đảo quần chúng trong sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc, biến đường lối của Đảng thành hiện thực sinh động trong cuộc sống. Ngược lại, nơi nào thiếu tính chủ động sáng tạo, tổ chức thực hiện một cách rập khuôn, máy móc hoặc thiếu chặt chẽ, nhất quán về nguyên tắc thì sẽ sinh ra tình trạng thiếu nhiệt tình lao động, tự do tùy tiện trong việc chấp hành chủ trương, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước, kỷ luật lỏng lẻo, năng suất, chất lượng, hiệu quả giảm sút, các hiện tượng tiêu cực phát sinh.

Giải quyết đúng đắn mối quan hệ giữa nguyên tắc và sáng tạo còn là yêu cầu của công tác cách mạng hằng ngày của mỗi chúng ta, là thể hiện phong cách công tác lê-nin nít mà mỗi chúng ta cần xây dựng.



(1) V.I. Lê-nin. *Tổng tập*, Nxb Tiến bộ. Mát-xcơ-va, 1981, tập 30, tr. 160.

(2) V.I. Lê-nin: *Sách đã dẫn*, 1977, tập 36, tr. 249.

Chúng ta hiểu *nguyên tắc* không phải là sản phẩm của sự vũ đoán chủ quan, mà là phản ánh những vấn đề có tính quy luật phát triển của sự vật và hiện tượng khách quan. Những quy luật của tự nhiên và xã hội được phản ánh trong nhận thức và rút ra thành những nguyên tắc xác định và điều chỉnh phương hướng hoạt động của con người. Song nguyên tắc dù sao cũng chỉ phản ánh được những tính chất cơ bản, đặc trưng cơ bản của sự vận động và phát triển của sự vật, hiện tượng, nghĩa là tự nó chưa phải là những giải pháp cụ thể, những câu trả lời cụ thể, đầy đủ cho mỗi trường hợp riêng biệt của nước này hay nước khác, địa phương này hay địa phương khác, thời gian này hay thời gian khác. Và nguyên tắc cũng không phải là cái gì chung chung trống rỗng, chết cứng, vì bản thân nguyên tắc được rút ra từ sự phân tích hiện thực cụ thể, sinh động. Ăng-ghe-n đã viết: "Nguyên tắc không phải là được ứng dụng vào giới tự nhiên và lịch sử loài người, mà là được rút ra từ trong giới tự nhiên và lịch sử loài người: không phải là giới tự nhiên và loài người thích ứng với nguyên tắc, mà trái lại, nguyên tắc chỉ đúng nếu nó phù hợp với giới tự nhiên và lịch sử" (3). Và lại bản thân nguyên tắc cũng không phải là cố định, bất biến, mà ngày càng được bổ sung, phát triển khi cuộc sống hiện thực biến đổi, tiến lên. Trong hệ thống các nguyên tắc, phạm vi, mức độ tác động của chúng cũng khác nhau, có những nguyên tắc chung nhất của thế giới, của xã hội loài người, có những nguyên tắc của từng thời kỳ lịch sử, từng lĩnh vực của đời sống xã hội, cũng có những nguyên tắc riêng cho từng lĩnh vực hoạt động cụ thể.

Sáng tạo là sự hiểu biết sâu sắc, nhạy bén hiện thực khách quan trong quá trình vận động, phát triển cụ thể sinh động của nó và những điều kiện chủ quan của hoạt động con người,

trên cơ sở đó, thấy rõ chiều hướng phát triển của sự vật, vạch ra được con đường và những giải pháp thích hợp nhất với hoàn cảnh cụ thể để hành động phù hợp với các quy luật, nguyên tắc của tự nhiên, của lịch sử, của cuộc sống, biến khả năng thành hiện thực, nhằm đạt những mục tiêu đã đề ra. Sáng tạo được thể hiện cả trong nhận thức và hành động, cả trong lý luận và hoạt động thực tiễn nhằm biến tư tưởng thành hành động, khả năng thành hiện thực. Đồng chí Lê Duẩn đã viết: "Chân lý là cụ thể, cách mạng là sáng tạo". Nhận thức được chân lý và tiến hành cách mạng đều đòi hỏi sự suy nghĩ và hành động sáng tạo.

Là một đảng Mác - Lê-nin chân chính, Đảng ta đã thể hiện bản chất cách mạng và khoa học của mình trong việc định ra đường lối cách mạng và phương pháp cách mạng, trong việc tổ chức thực hiện đường lối ấy một cách đúng đắn và sáng tạo, đưa cách mạng Việt nam đi từ thắng lợi này đến thắng lợi khác. Đường lối gương cao ngạo cờ độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội là sự vận dụng sáng tạo những nguyên lý của chủ nghĩa Mác - Lê-nin về quan hệ giữa dân tộc và giai cấp, về quan hệ giữa cách mạng giải phóng dân tộc và cách mạng vô sản trong điều kiện của thời đại ngày nay. Đường lối cách mạng xã hội chủ nghĩa do Đại hội thứ IV và Đại hội thứ V của Đảng đề ra và được cụ thể hóa thành những mục tiêu, bước đi, những kế hoạch 5 năm. Đường lối đó chính là kết quả của sự hiểu biết và vận dụng sáng tạo những nguyên lý cơ bản về cách mạng xã hội chủ nghĩa và xây dựng chủ nghĩa xã hội của chủ nghĩa Mác - Lê-nin, những kinh nghiệm của Liên xô và các nước xã hội chủ nghĩa anh em khác vào những đặc điểm và điều kiện cụ thể của cách mạng nước ta.

(3) Ph. Ăng-ghe-n: *Chống Duy-rinh*. Nxb Sự thật Hà nội. 1984. tr. 56.

Mác và Ăng ghen đã nhiều lần chỉ rõ cơ sở của sự sáng tạo là sự nhận thức và vận dụng được tính tất yếu khách quan. Phát triển những tư tưởng đó trong thực tiễn cách mạng, Lê-nin đã phải đấu tranh không khoan nhượng chống xã hội học chủ quan của phái dân túy, chống bệnh ấu trĩ « tả » khuynh trong phong trào cộng sản, chống quan điểm duy ý chí trong thực tiễn cách mạng. Và Người cũng dành thời gian để thuyết phục những người cộng sản giàu nhiệt tình nhưng ít hiểu biết về các quy luật, các nguyên tắc khách quan, nhất là trong lĩnh vực kinh tế, biết kết hợp đúng đắn nhiệt tình cách mạng sôi sục với sự suy nghĩ và hành động có nguyên tắc và sáng tạo.

Nguyên tắc và sáng tạo là một thể thống nhất, chỉ trong thể thống nhất biện chứng đó, con người mới có thể nhận thức và hành động đạt tới mục đích của mình, mới có thể cải biến được hiện thực đáp ứng những nhu cầu ngày càng cao của mình trong những hoàn cảnh nhất định mà con người phải thích ứng, trong những quan hệ thực tế đang tồn tại. Thực tiễn chứng tỏ rằng trong cách mạng không có nguyên tắc nào lại không cần có sáng tạo. Các quy luật và nguyên tắc tồn tại trong chủ nghĩa xã hội không phụ thuộc vào nhận thức chủ quan của con người, nhưng nó được vận dụng như thế nào để trở thành hiện thực, điều đó phụ thuộc rất lớn vào sự nhận thức và hành động sáng tạo của bản thân con người.

Không thể có sáng tạo tách rời quy luật, tách rời nguyên tắc. Sáng tạo trong khuôn khổ quy luật và nguyên tắc, làm cho quy luật được vận dụng phù hợp với điều kiện cụ thể, tạo ra được biến đổi mới trong hiện thực, đáp ứng những nhu cầu của con người. Nhìn nhận và đánh giá sự sáng tạo trong hoạt động thực tiễn về các mặt của cuộc sống xã hội chủ nghĩa cần

dựa trên cơ sở xem xét sự sáng tạo ấy có tuân theo các quy luật khách quan, các nguyên tắc cơ bản của chủ nghĩa xã hội hay không, chứ không phải chỉ nhìn vào hiệu quả do nó đem lại. Không thể coi là một sự sáng tạo trong quản lý kinh tế, nếu sự sáng tạo ấy không tuân theo những nguyên tắc quản lý kinh tế xã hội chủ nghĩa. Sáng tạo mà xa rời hoặc trái với nguyên tắc, đi ngược lại lợi ích của chế độ làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa thì không còn là sáng tạo nữa. Bởi vì hành động trái với quy luật, trái với nguyên tắc tất phải trả giá. Trái lại, giữ vững các nguyên tắc mà không tính đến hoạt động sáng tạo thì chẳng khác nào tự trói tay mình. Khuynh hướng tuyệt đối hóa vai trò của sáng tạo, của tư tưởng, coi thường hoặc phủ nhận quy luật, nguyên tắc khách quan cũng sai lầm như khuynh hướng sùng bái quy luật, nguyên tắc, biến chúng thành những nguyên tắc chết cứng. Nhờ có sáng tạo, nguyên tắc được nhận thức và thực hiện tốt trong mỗi hoàn cảnh và điều kiện cụ thể, được bổ sung, hoàn chỉnh hay đổi mới. Sáng tạo có nguyên tắc mới có hướng đúng, mới có tác dụng tiến bộ, thúc đẩy sự vật, hiện tượng xã hội phát triển theo hướng đi lên.

Quan hệ giữa nguyên tắc và sáng tạo là quan hệ giữa tính triệt để và kiên định đạt tới mục đích và tính năng động tìm ra cách đạt tới mục đích đó. Vì thế không thể đối lập nguyên tắc với sáng tạo. Sẽ là sai lầm nếu cho rằng đã theo nguyên tắc thì không sáng tạo được, và sáng tạo là không cần theo nguyên tắc, coi nguyên tắc như một cái gì cố định, chết cứng và đầy đủ, coi sáng tạo như là sự tự do tùy tiện, bất chấp quy luật khách quan.



Đảng ta nhấn mạnh sự thống nhất chặt chẽ giữa nguyên tắc và sáng tạo, giữa nhiệt tình cách mạng và trí thức

khoa học là nhằm xây dựng năng lực nhận thức và hành động vận dụng đúng đắn, sáng tạo các quy luật khách quan và nguyên tắc cơ bản của chủ nghĩa xã hội, đưa sự nghiệp cách mạng xã hội chủ nghĩa của chúng ta tiến lên mạnh mẽ và vững chắc. Đây là vấn đề được đặt ra ngay từ khi Đảng ta ra đời, đến nay trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa rất phức tạp, nó càng có ý nghĩa hết sức quan trọng. Trong hoạt động cách mạng hơn nửa thế kỷ qua, Đảng ta luôn luôn phải giải quyết mối quan hệ giữa nguyên tắc và sáng tạo. Việc giải quyết đúng đắn mối quan hệ này là một trong những nguyên nhân chính đưa cách mạng nước ta đến thắng lợi vẻ vang ngày nay. Đó cũng chính là sự thể hiện bản chất cách mạng và khoa học của Đảng ta. Đảng ta đã trưởng thành nhiều trong việc nắm các quy luật, các nguyên tắc của cách mạng dân tộc dân chủ, của chiến tranh giải phóng dân tộc, nhưng đi vào nắm các quy luật, các nguyên tắc của cách mạng xã hội chủ nghĩa và xây dựng chủ nghĩa xã hội, nhất là trên lĩnh vực kinh tế, tạo những điều kiện chủ quan, để hoàn thành sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa thì còn mới mẻ. Chúng ta cần có sự cố gắng to lớn, trưởng thành vượt bậc về mặt này, mới có đủ sức hoàn thành các nhiệm vụ do sự nghiệp cách mạng đặt ra, nhất là trong chặng đường đầu tiên đầy khó khăn phức tạp này.

Đề có thể vận dụng đúng đắn, cần hiểu rõ và nắm vững thực chất của các nguyên tắc, phạm vi giới hạn của chúng. Đó là điều mà người ta khó có thể nhận thức được đầy đủ ngay từ đầu, nhưng phải thử nghiệm và tìm hiểu từng bước để có thể nắm được những quan hệ bản chất của các quy luật, các nguyên tắc. Có như thế mới có điều kiện vận dụng chúng một cách đúng đắn và sáng tạo.

Song muốn vận dụng đúng đắn, sáng tạo các nguyên tắc lại cần đặt chúng trong một hệ thống nhất định, trong mối quan hệ tác động qua lại giữa nó với các nguyên tắc khác. Sự tác động của các quy luật, các nguyên tắc bao giờ cũng là sự tác động tổng hợp trong một chỉnh thể. Các quy luật, các nguyên tắc ảnh hưởng lẫn nhau, làm điều kiện cho nhau hoặc ràng buộc nhau.

Các nguyên tắc bao giờ cũng phát huy tác dụng trong một hoàn cảnh lịch sử cụ thể, chịu ảnh hưởng của những điều kiện cụ thể, riêng biệt. Vì vậy muốn nhận thức và vận dụng đúng đắn các nguyên tắc phải đặt chúng trong hoàn cảnh cụ thể. Lê-nin nói: « Bản chất, linh hồn sống của chủ nghĩa Mác là: phân tích cụ thể một tình hình cụ thể » (4).

Hoạt động tự giác, sáng tạo của chúng ta trong việc vận dụng các quy luật, nguyên tắc khách quan không phải chỉ nhằm giải quyết những yêu cầu riêng biệt, từng lúc, từng nơi, mà việc giải quyết đó phải được xem như một mắt khâu của cả một chỉnh thể, một quá trình, nhằm đạt mục đích cuối cùng đã được xác định. Do đó, khi vận dụng những quy luật, nguyên tắc nào đó để giải quyết những vấn đề trong cuộc sống cần gắn những yêu cầu riêng với yêu cầu chung, lợi ích riêng, lợi ích trước mắt với lợi ích chung, lợi ích lâu dài.

Luôn luôn « tìm tòi, nghiên cứu, phát hiện, dự đoán, nắm vững những gì là đặc điểm, đặc trưng », « xem xét những khả năng này hay khả năng khác » của sự vật, hiện tượng để nhận thức đúng và hành động đúng, để bổ sung, phát triển, hoàn thiện các nguyên tắc đã có, đó là một mặt rất quan trọng của hoạt động tự giác, sáng tạo. Phép biện chứng duy vật đòi hỏi

(4) V.I. Lê-nin: *Tổng tập*, Nxb Tiến bộ, Mát-xcơ-va, 1978, tập 41, tr. 164.

khi xem xét các sự vật, hiện tượng phải xuất phát từ hiện thực khách quan mà chúng đang tồn tại, đồng thời đòi hỏi dự kiến được sự phát triển tương lai một cách có căn cứ khoa học trên cơ sở nắm vững quy luật phát triển của sự vật, hiện tượng. Lê-nin nói: "Những lời tiên tri thần kỳ đều là những chuyện hoang đường. Nhưng những lời tiên tri khoa học thì lại là một sự thật" (5).

Chúng ta chống quan điểm máy móc, rập khuôn, giáo điều và kinh nghiệm chủ nghĩa, không tính toán đầy đủ những điều kiện cụ thể từng nơi, từng lúc, không đi vào thực tế sinh động của đời sống kinh tế xã hội để tổng kết kinh nghiệm, biến nguyên tắc thành cái gì đó khô cứng, cần cỗi hết sức sống, thành những châm ngôn đạo lý trừu tượng, gò bó, những giáo lý

Đối với những vấn đề của sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc trong điều kiện của nước ta, chúng ta không thể tìm thấy mọi lời giải đáp sẵn có trong sách vở lý luận, càng không thể tìm thấy cho các lĩnh vực hoạt động cách mạng phong phú, cụ thể từng nơi, từng lúc. Chỉ có trên cơ sở nắm vững những quy luật khách quan, những nguyên tắc cơ bản, những phương hướng chủ yếu, hiểu rõ và đi sâu vào tình hình thực tế, mạnh dạn sáng tạo trong hoạt động thực tiễn, nhất là phát huy được tính năng động, sáng tạo của quần chúng, chăm đúc rút kinh nghiệm, thì chúng ta mới tìm ra được hình thức và bước đi thích hợp, cách giải quyết có kết quả, thu được những bài học quan trọng để tiếp tục tiến lên. Chúng ta sẽ bổ sung được nhận thức mới, rút ra được những khái quát khoa học mới, tạo được những điều kiện cụ thể mới để áp dụng các nguyên tắc có hiệu quả hơn. Cần khắc phục những khuynh hướng tuyệt đối hóa kinh nghiệm, dừng lại ở kinh nghiệm riêng biệt, coi thường những vấn đề thuộc về nguyên tắc.

Mặt khác, chúng ta kiên quyết phê phán những nhận thức và hành động nhân danh « sáng tạo » mà thực chất là vô nguyên tắc, vô tổ chức, vô kỷ luật, tự do chủ nghĩa. Trong các khuyết điểm về tổ chức quản lý kinh tế, quản lý xã hội hiện nay vừa có sự tập trung quan liêu, thực hiện nguyên tắc cứng nhắc, lại vừa có tình trạng lỏng lẻo về nguyên tắc, về tổ chức, về kỷ luật trong các cơ quan của Đảng, Nhà nước và tổ chức xã hội. Những biểu hiện tự do, tùy tiện trong việc chấp hành nghị quyết, chỉ thị, chủ trương, chính sách của Đảng, không tôn trọng pháp luật Nhà nước, vi phạm các nguyên tắc cơ bản trong quản lý kinh tế, quản lý xã hội, không tôn trọng kỷ luật lao động, kỷ luật sản xuất... không phải là cá biệt. Chúng ta kiên quyết đấu tranh chống tình trạng lơ là lỏng đó bằng biện pháp kinh tế, hành chính, giáo dục, tổ chức, kiểm tra, xử lý nghiêm túc và kịp thời, không bỏ qua những sự vi phạm. Tính nguyên tắc, « chế độ tập trung tuyệt đối và kỷ luật hết sức nghiêm minh của giai cấp vô sản » (6), « bước đi nhịp nhàng của những đoàn quân vững như gang thép của giai cấp vô sản » (7) không thể dung hòa với tính tự do, tản mạn, tùy tiện của người sản xuất nhỏ. Nghị quyết Hội nghị thứ sáu của Trung ương Đảng đã chỉ rõ những khuyết điểm trong quản lý kinh tế là biểu hiện của tệ quan liêu, bao cấp, bảo thủ trì trệ trong cơ chế quản lý kinh tế và tình trạng phân tán cục bộ, vô tổ chức, vô kỷ luật. Có khắc phục được những biểu hiện lệch lạc, thiếu sót đó, chúng ta mới làm tốt được nhiệm vụ cải tiến công tác quản lý theo hướng mở rộng quyền chủ động

(Xem tiếp trang 64)

(5) V.I. Lê-nin: *Mác — Ăng ghen — Chủ nghĩa Mác*, Nxb Tiến bộ, Mát-xcơ-va, 1976, tr. 343.

(6) V.I. Lê-nin: *Toán tập*, Nxb Tiến bộ, Mát-xcơ-va, 1978, tập 4, tr. 7.

(7) V.I. Lê-nin: *Sách đã dẫn*, 1977, tập 36, tr. 256.

Phát huy vai trò của cán bộ nữ, đẩy mạnh phong trào hành động cách mạng của phụ nữ

NGUYỄN THỊ ĐỊNH

KINH nghiệm các cuộc cách mạng trên thế giới cũng như ở nước ta từ trước đến nay chứng minh rằng vấn đề giải phóng phụ nữ luôn luôn gắn liền với sự nghiệp giải phóng dân tộc, với sự nghiệp cách mạng chung của nhân dân lao động chống áp bức bóc lột, xây dựng chế độ mới. Mỗi thời kỳ phát triển của cách mạng đòi hỏi phong trào phụ nữ phải vươn lên tương ứng, đồng thời phải tạo điều kiện giải quyết những vấn đề được đặt ra liên quan đến vai trò người phụ nữ.

Vấn đề cán bộ nữ cũng như vậy. Ở nước ta trước đây, khi cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước bước vào giai đoạn quyết liệt đòi hỏi phát huy cao độ tiềm năng cách mạng to lớn của phụ nữ, nghị quyết số 153 về công tác cán bộ nữ của Ban bí thư Trung ương Đảng (năm 1967) đã thúc đẩy việc đào tạo, bồi dưỡng, đề bạt cán bộ nữ, động viên mạnh mẽ phong trào phụ nữ "ba đảm đang chống Mỹ, cứu nước và xây dựng chủ nghĩa xã hội". Từ đó đến nay, trên cơ sở những thành tựu của ba cuộc cách mạng và những phong trào rộng lớn của phụ nữ hăng hái tham gia cải tạo xã hội chủ nghĩa, xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc, đội ngũ cán bộ nữ ngày càng phát triển. Bên cạnh những chị em làm công tác vận động quần chúng,

ngày càng có nhiều chị em làm công tác quản lý kinh tế, quản lý Nhà nước, công tác khoa học kỹ thuật, văn học nghệ thuật v.v. ở tất cả các cấp, các ngành. Phụ nữ chiếm 58% trong số cán bộ có trình độ trung học và 31% trong số có trình độ đại học. Tám chị được phong giáo sư và 36 chị được phong phó giáo sư là niềm tự hào chung của phụ nữ chúng ta. Trong số cán bộ từ cán sự đến chuyên viên, có 30% là phụ nữ. Trong ngành công nghiệp nhẹ, phụ nữ chiếm 20% trong số cán bộ quản lý từ phó quản đốc trở lên, và 16% trong số tổng giám đốc. Năm 1983, tỉnh Hải Hưng có 65 chị là chủ tịch và phó chủ tịch xã, 97 chị là chủ nhiệm và phó chủ nhiệm hợp tác xã nông nghiệp...

Đội ngũ cán bộ nữ nói chung có tinh thần trách nhiệm, kiên trì, chịu khó, phấn đấu khắc phục khó khăn để hoàn thành nhiệm vụ. Rất nhiều đơn vị tiên tiến do cán bộ nữ lãnh đạo. Ở địa phương nào, ngành nào cũng có những cán bộ nữ xuất sắc, được quần chúng tin nhiệm.

Một vài số liệu trên đây chứng minh sự trưởng thành của đội ngũ cán bộ nữ, bước tiến quan trọng của việc xây dựng và phát huy quyền làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa của nhân dân lao động nước ta.

Tiếp rằng việc chỉ đạo thực hiện Nghị quyết của Đảng về công tác cán bộ nữ không được liên tục, việc cụ thể hóa nghị quyết đó thành các chính sách về cán bộ nữ không được kịp thời cho nên chưa phát huy được thật mạnh mẽ vai trò của chị em trong các phong trào. Vì vậy, bên cạnh kết quả đáng phấn khởi như đã nêu trên, hiện nay cũng còn những vấn đề đáng quan tâm.

Trước yêu cầu của nhiệm vụ cách mạng trong thời kỳ mới, và từ thực tế tình hình đội ngũ cán bộ nữ hiện nay, ngày 7-6-1984 Ban bí thư Trung ương Đảng đã ra chỉ thị số 44 - CT/TU « về một số vấn đề cấp bách trong công tác cán bộ nữ ».

Chỉ thị nêu lên những hiện tượng đáng chú ý trong tình hình cán bộ nữ thời gian gần đây: « tỉ lệ cán bộ nữ tham gia quản lý và lãnh đạo giám sát, nhất là trong các cơ quan quản lý kinh tế, quản lý Nhà nước; cán bộ

nữ hiện đang giữ chức vụ lãnh đạo chủ chốt ở cấp tỉnh, thành và trung ương phần nhiều lớn tuổi nhưng diện cán bộ kế cận rất ít; tỉ lệ đảng viên nữ ở nhiều nơi cũng giảm; nhiều xã ở một số tỉnh miền Nam, ở miền núi chưa có đảng viên nữ ». Đội ngũ cán bộ nữ phát triển chậm, thiếu vững chắc, tỉ lệ cán bộ nữ trong bộ máy lãnh đạo của Đảng và bộ máy quản lý của Nhà nước quá thấp, không tương xứng với sự phát triển của lực lượng lao động nữ và cán bộ nữ. Điều đó đã ảnh hưởng không tốt đến việc phát huy quyền làm chủ của đông đảo quần chúng phụ nữ, hạn chế việc xây dựng đội ngũ cán bộ của Đảng và Nhà nước.

Một vài số liệu sau đây cho thấy rõ sự giảm sút của đội ngũ cán bộ nữ:

Hiện nay, tỷ lệ nữ trong các cấp ủy Đảng là: 8,8% trong tỉnh ủy, thành ủy; 9,2% trong quận ủy, huyện ủy và 11,8% trong đảng ủy xã và phường.

Tỉ lệ nữ trong ủy ban nhân dân	1965	1969	1975	1982
Ủy viên ủy ban nhân dân tỉnh, thành	8%	13%	11,7%	4,49%
Ủy viên ủy ban nhân dân quận, huyện	12%	26,4%	13,6%	5,1%
Ủy viên ủy ban nhân dân xã, phường	14%	32%	31%	5,6%
Chủ tịch, phó chủ tịch quận, huyện		304 người	146 người	81 người
Chủ tịch, phó chủ tịch xã, phường		5488	1401 người	260 người

Trong ngành y tế, lao động nữ chiếm 60%, riêng ở các đơn vị trực thuộc Bộ có 2782 người có trình độ đại học (chiếm 51% số người có trình độ đại học), 69 người trên đại học (bằng 19,6%) nhưng chỉ có 8 người làm cấp trưởng (bằng 8,7%), 28 người làm cấp phó (bằng 10,4%), và trong số chánh, phó giám đốc sở thuộc các tỉnh, thành phố, số cán bộ nữ chỉ chiếm 7%.

Phân tích nguyên nhân của tình hình trên, chỉ thị của Ban bí thư nêu rõ:

— Một mặt, phải đặt vấn đề cán bộ nữ trong bối cảnh lịch sử của đất nước mới chuyển giai đoạn cách mạng, để thấy rằng, không riêng gì công tác cán bộ nữ, mà trong công tác tổ chức cán bộ nói chung, cũng còn nhiều vấn đề chưa đáp ứng được yêu cầu. Cần thấy rõ thực tế khách quan này để tránh tư tưởng nôn nóng sốt ruột, đòi hỏi phải giải quyết ngay mọi vấn đề của công tác cán bộ nữ trong lúc chưa có điều kiện.

— Mặt khác, cần chú ý tới những nguyên nhân chủ quan về sự lãnh đạo của các cấp ủy Đảng, các ngành đối với

công tác cán bộ nữ. Các cấp đã buông lỏng việc chỉ đạo thực hiện, nhất là việc xây dựng quy hoạch cán bộ nữ, chưa đánh giá đúng vai trò, tác dụng của cán bộ nữ đối với sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội, chưa quan tâm đến những đặc điểm riêng biệt của cán bộ nữ, còn nhiều biểu hiện tư tưởng phong kiến và ảnh hưởng của những tư tưởng phi vô sản khác.

— Ngoài hai mặt trên đây, phải nói đến những thiếu sót của bản thân cán bộ nữ, như có một số chị em thiếu ý chí phấn đấu vươn lên, còn tư tưởng hẹp hòi kèn cựa nhau. Đây cũng là yếu tố quan trọng gây trở ngại cho việc phát huy vai trò, khả năng của cán bộ nữ.



Như nhiều nghị quyết của Đảng đã chỉ rõ, nhiệm vụ cách mạng đòi hỏi phải phát động được những phong trào hành động cách mạng thật sôi nổi của quần chúng, phát huy được khả năng sáng tạo của hàng chục triệu người lao động, lao động chân tay cũng như lao động trí óc, trong đó quá nửa là phụ nữ. Đáng chú ý là ở các ngành nông nghiệp, công nghiệp và thủ công nghiệp sản xuất hàng tiêu dùng, hàng xuất khẩu, phân phối lưu thông, y tế, văn hóa, giáo dục, phụ nữ chiếm 70 – 80% trong số lao động trực tiếp sản xuất, công tác ở cơ sở. Vốn có truyền thống yêu nước, lao động cần cù, các tầng lớp phụ nữ đã và đang ra sức vượt mọi khó khăn, phấn đấu hoàn thành nhiệm vụ. Song, do nhiều nguyên nhân, việc phát huy tiềm năng dồi dào của chị em còn bị hạn chế. Từ việc bảo đảm việc làm, điều kiện lao động, bảo vệ sức khỏe bà mẹ và trẻ em, đến vô vàn những lo toan cụ thể trong cuộc sống hằng ngày, việc nuôi dạy, học hành, nghề nghiệp của con cái, việc xây dựng hạnh phúc gia đình v.v. biết bao vấn đề đặt ra đối với người phụ nữ ở mỗi cơ sở, đòi

hỏi các cơ quan Đảng, Nhà nước, đoàn thể thấu hiểu sâu sắc để có sự chăm lo thiết thực, tạo điều kiện cho chị em yên tâm sản xuất, công tác. Nhiệm vụ cấp bách của cách mạng đòi hỏi chúng ta phải phát huy hơn nữa vai trò của đội ngũ cán bộ nữ để giúp Đảng và Nhà nước giải quyết được những vấn đề của phụ nữ, tổ chức, phát động được một phong trào phụ nữ mạnh mẽ, với khí thế của người làm chủ, vươn lên vượt qua mọi khó khăn, hoàn thành nhiệm vụ của giai đoạn mới.

Nâng cao vai trò của phụ nữ trong quản lý kinh tế, quản lý Nhà nước là một nội dung quan trọng của sự nghiệp giải phóng phụ nữ, thực hiện nam nữ bình đẳng, vốn là đường lối trước sau như một của Đảng ta và là vấn đề thuộc về bản chất của chủ nghĩa xã hội. Vai trò, vị trí và cuộc sống của phụ nữ là một trong những dấu hiệu tiêu biểu cho trình độ văn minh, tiến bộ của một dân tộc. Chúng ta rất tự hào vì ở nước ta, quyền bình đẳng về mọi mặt giữa nam và nữ đã được Hiến pháp quy định và đang được thực hiện ngày càng rộng rãi trên mọi lĩnh vực. Sự nghiệp giải phóng phụ nữ đã tạo nên một đội ngũ cán bộ nữ đông đảo, được đào tạo có hệ thống, được thử thách trong thực tiễn sản xuất và đấu tranh cách mạng. Với chính sách và biện pháp thích hợp, chúng ta rất có điều kiện tuyển chọn những chị em ưu tú, có triển vọng, đề bồi dưỡng thành cán bộ lãnh đạo và quản lý, từng bước làm cho đội ngũ cán bộ nữ tham gia bộ máy lãnh đạo của Đảng và bộ máy quản lý của Nhà nước tương xứng hơn với vai trò của phụ nữ trong lao động sản xuất và hoạt động xã hội, làm cho tính chất dân chủ, bình đẳng của chế độ ta ngày càng được thể hiện rõ nét hơn, hoàn thiện hơn.

Mặt khác, vấn đề cán bộ nữ là một vấn đề gắn liền với yêu cầu xây dựng Đảng, củng cố, tăng cường Nhà nước

chuyên chính vô sản. Cán bộ nữ là một bộ phận trong đội ngũ cán bộ chung của Đảng và Nhà nước, chiếm tỉ lệ từ 10% đến 40% tùy theo từng cấp, từng ngành. Chăm lo bồi dưỡng cán bộ nữ, chính là phát huy năng lực, trí tuệ, ưu điểm vốn có của chị em để đóng góp vào sự lãnh đạo toàn diện của Đảng và công việc quản lý của Nhà nước. Các đồng chí lãnh đạo ở các cấp, các ngành đều thừa nhận rằng với ý thức trách nhiệm cao, với đức tính kiên trì, chịu khó, cần thận, nói chung cán bộ nữ thường đảm đương công việc quản lý kinh tế một cách chặt chẽ, ít vi phạm chính sách. Không những thế, một số điển hình nổi bật về công tác quản lý trong những năm gần đây, do cán bộ nữ lãnh đạo, như công ty kinh doanh lương thực, cửa hàng tổng hợp số 2 thành phố Hồ Chí Minh, chứng minh rằng, trong cán bộ nữ, không ít chị em có tài năng sáng tạo, dám nghĩ dám làm, đáp ứng được đòi hỏi của cơ chế quản lý mới.

Như vậy, vấn đề bồi dưỡng, phát huy vai trò của cán bộ nữ chính là nhằm xây dựng một lực lượng nòng cốt vững mạnh, có đủ phẩm chất và năng lực để góp phần xây dựng Đảng, kiện toàn bộ máy Nhà nước, đáp ứng đầy đủ hơn, kịp thời hơn những yêu cầu đặt ra trong lao động sản xuất và cuộc sống của quần chúng, phát huy mạnh mẽ vai trò làm chủ tập thể của nhân dân lao động, khơi dậy mọi tiềm năng sáng tạo, đưa đất nước tiến lên. Sẽ là sai lầm nếu hiểu vấn đề cán bộ nữ như là quyền lợi riêng của cán bộ nữ theo quan điểm giới tính hẹp hòi, tách rời đường lối, chính sách cán bộ chung, thoát ly yêu cầu của nhiệm vụ chính trị, không gắn với việc giải quyết những vấn đề của phong trào phụ nữ, đưa cán bộ nữ lên như "bông hoa trang trí" hoặc để bảo đảm tỉ lệ một cách hình thức. Nhưng cũng lại không đúng nếu quan niệm một cách giản đơn rằng không cần

đặt vấn đề cán bộ nữ, bất kỳ nam hay nữ, ai đủ tiêu chuẩn thì sử dụng. Trong thực tế, có những việc cán bộ nữ làm tốt hơn cán bộ nam; cán bộ nữ có điều kiện thông cảm sâu sắc hơn với những đặc điểm, yêu cầu, nguyện vọng của quần chúng phụ nữ và đại diện cho tiếng nói của chị em trong các cơ quan Đảng và Nhà nước, góp phần thắt chặt hơn mối liên hệ giữa Đảng, Nhà nước với quần chúng, song cán bộ nữ lại có những hoàn cảnh, khó khăn riêng như đã nói ở trên mà nếu không có chính sách, biện pháp thích hợp thì sẽ có một bộ phận khá lớn chị em không đủ điều kiện vươn lên và hoạt động liên tục.

Vấn đề cán bộ nữ là một bộ phận hợp thành của đường lối, chính sách cán bộ của Đảng, do đó nó chỉ có thể được giải quyết tốt trên cơ sở thực hiện tốt vấn đề cán bộ nói chung. Đồng thời, muốn thực hiện tốt đường lối chính sách cán bộ chung của Đảng, không thể không giải quyết tốt vấn đề cán bộ nữ. Vì vậy, vấn đề cán bộ nữ phải được đặt ra và giải quyết gắn liền với việc xây dựng và thực hiện quy hoạch cán bộ của từng cấp, từng ngành, từng đơn vị. Theo tinh thần đó, chỉ thị của Ban bí thư đã đề ra những mục tiêu phấn đấu, những chức danh cần có cán bộ nữ trong thời gian tới như: tăng thêm cấp ủy viên nữ ở các cấp trong Đại hội Đảng khóa tới; cần có cán bộ nữ trong ủy ban nhân dân các cấp, trong cơ quan quản lý các đơn vị kinh tế quốc doanh và tập thể có đông nữ, và những ngành mà chức năng có quan hệ nhiều đối với phụ nữ như y tế, giáo dục, nội thương, nông nghiệp, công nghiệp nhẹ, công nghiệp thực phẩm, tài chính, ngân hàng, lao động, thương binh xã hội, văn hóa thông tin, tòa án v.v., trong cấp lãnh đạo những cục, vụ, viện, phòng, ban... mà nhiệm vụ có liên quan nhiều đến việc xây dựng và thực hiện chính sách đối với phụ nữ như lao động tiền lương, tổ chức cán.

bộ v.v. Cán bộ nữ có điều kiện phát huy năng lực của mình ở các cương vị công tác nói trên, và trên thực tế đã có nguồn cán bộ nữ dồi dào có thể tuyển chọn để bồi dưỡng trong một thời gian ngắn và đề bạt vào các cương vị công tác đó.

Nhằm đạt mục tiêu trên đây, chỉ thị của Ban bí thư cũng đã đề ra những biện pháp tích cực và cụ thể như: cần rà soát lại quy hoạch cán bộ và tình hình cán bộ nữ, tích cực bố trí những chị em đủ tiêu chuẩn vào những cương vị cần thiết; nơi chưa có điều kiện đề bạt ngay thì chọn những chị em có triển vọng, có biện pháp bồi dưỡng khẩn trương. Rút kinh nghiệm trước đây, có nơi, có lúc đề bạt cán bộ nữ một cách ồ ạt, thiếu chuẩn bị chu đáo, một số chị em không làm được phải đưa xuống, chỉ thị của Ban bí thư lần này nhấn mạnh vấn đề đào tạo, bồi dưỡng. Phải tiến hành từng bước, có quy hoạch, có chính sách, biện pháp đào tạo, bồi dưỡng, tạo điều kiện cho cán bộ nữ không ngừng nâng cao phẩm chất, trình độ, năng lực để đủ sức hoàn thành tốt nhiệm vụ trên cương vị công tác của từng người. Yêu cầu, nội dung, hình thức, biện pháp đào tạo, bồi dưỡng phải thích hợp với từng loại cán bộ, thậm chí với từng người cán bộ, mới đem lại hiệu quả mong muốn. Đề tăng cường việc đào tạo, bồi dưỡng cán bộ nữ, chỉ thị đề ra những biện pháp thiết thực như: « các trường lớp đào tạo, bồi dưỡng trong nước và ngoài nước, khi chiêu sinh, cần quy định tỉ lệ nữ một cách thỏa đáng; khi vận dụng tiêu chuẩn chiêu sinh đối với nữ, chủ yếu xét khả năng tiếp thu và triển vọng công tác, có thể chăm chú về thâm niên và chức vụ. Ngoài các lớp chung, nên có những hình thức đào tạo, bồi dưỡng thích hợp đối với nữ, như mở lớp riêng cho cán bộ nữ ở cơ sở, mở các lớp theo vùng, miền, khu vực. Các trường tập trung của tổ chức nhà trẻ, lớp mẫu

giáo dục chị em có con nhỏ có nơi gửi con. Các cơ quan, đơn vị cần tạo điều kiện cho những chị em có con nhỏ đi công tác, đi học xa như tổ chức nhà trẻ, lớp mẫu giáo trông cháu cả tuần, cả tháng». Đặc biệt, đối với cán bộ ở vùng dân tộc thiểu số, vùng tôn giáo tập trung, biên giới, càng phải có những hình thức đào tạo, bồi dưỡng hết sức công phu.

Đi đôi với đào tạo, bồi dưỡng, việc tạo điều kiện giúp chị em giải quyết những khó khăn cụ thể trong công tác và đời sống là điều không kém phần quan trọng. Đây không phải là chiều cố ban ơn riêng gì đối với cán bộ nữ, mà là một chủ trương đúng đắn, công bằng, hợp lý, có cơ sở khoa học, thực tiễn, xuất phát từ đặc điểm về sức khỏe, sinh lý và chức năng làm mẹ của người phụ nữ, chức năng có ý nghĩa xã hội to lớn không ai thay thế được. Phải có những chính sách, biện pháp giúp chị em giải quyết ổn thỏa những yêu cầu chính đáng về phương tiện công tác, đi lại, về sức khỏe, đời sống, gia đình, con cái v.v. Việc mở rộng, nâng cao các công trình phúc lợi tập thể và dịch vụ xã hội là biện pháp thiết thực giúp chị em có thể dành thời gian, công sức nhiều hơn vào học tập và công tác.

Với những yêu cầu nói trên, việc giải quyết vấn đề cán bộ nữ không thể làm ồ ạt trong một lúc mà đòi hỏi cả một quá trình phấn đấu hết sức công phu của tổ chức cũng như của bản thân mỗi người cán bộ nữ. Trước hết, phải tạo nên sự nhất trí về quan niệm, nhận thức, từ đó mà có quyết tâm tổ chức chỉ đạo một cách thường xuyên, bền bỉ, có kế hoạch thực hiện từng việc mà chỉ thị đề ra, có chính sách, biện pháp cụ thể, có theo dõi sơ kết, tổng kết, rút kinh nghiệm qua từng thời gian.

Đi đôi với sự quan tâm của lãnh đạo, sự nỗ lực của bản thân cán bộ nữ có ý nghĩa hết sức quan trọng. Tự

(Xem tiếp trang 73) ◀

Tìm hiểu sự lãnh đạo cách mạng đúng đắn và sáng tạo của Đảng ta

LÊ NGỌC

TRONG lịch sử lâu dài của mình, dân tộc ta đã làm nên biết bao chiến công oanh liệt, đem lại nhiều biến đổi to lớn cho đất nước. Nhưng chưa có thời kỳ nào trong đời sống xã hội nước ta lại diễn ra nhiều biến đổi sâu sắc với tầm vóc to lớn, với nhịp độ dồn dập như thời kỳ vừa qua, thời kỳ mà quyền lãnh đạo cách mạng thuộc về Đảng ta, đội tiên phong của giai cấp công nhân Việt nam. Những thắng lợi mà nhân dân ta đã giành được trong hơn nửa thế kỷ qua gắn liền với sự ra đời và hoạt động của Đảng ta, một đảng đã trải qua nhiều thử thách, trung thành vô hạn với lợi ích giai cấp và dân tộc, với chủ nghĩa Mác - Lê-nin, luôn luôn lãnh đạo cách mạng đúng đắn và sáng tạo.

Nghiên cứu những bài học về sự lãnh đạo tài tình của Đảng là một yêu cầu quan trọng của công tác lý luận, một điều kiện cần thiết để quán triệt sâu sắc trong hoạt động, thực tiễn đường lối cách mạng đúng đắn của Đảng ta.



Như chúng ta đều biết, ngay khi mới ra đời, Đảng ta đã vạch ra được đường lối chính trị đúng đắn, đáp ứng được yêu cầu của sự nghiệp cứu nước, giải phóng dân tộc, phản ánh

được nguyện vọng tha thiết của đông đảo quần chúng nhân dân. Vì vậy Đảng ta đã được đông đảo quần chúng nhân dân đồng tình ủng hộ, và xác lập được ngay từ đầu quyền lãnh đạo cách mạng của giai cấp công nhân.

Đảng ta có thể sớm vạch ra được đường lối cách mạng đúng đắn là vì hoàn cảnh trong nước và quốc tế lúc bấy giờ có rất nhiều thuận lợi. Đảng ta ra đời dưới ảnh hưởng to lớn và sâu sắc của cuộc Cách mạng Tháng Mười Nga, thừa hưởng những kinh nghiệm phong phú và quý báu của Đảng cộng sản Liên xô và các đảng anh em khác, được Quốc tế cộng sản quan tâm lãnh đạo và giúp đỡ, thấm nhuần tinh thần đấu tranh bất khuất, kiên cường của nhân dân và dân tộc ta. Và điều có ý nghĩa quyết định là vai trò của Hồ Chủ tịch và một số đồng chí tiền bối khác của Đảng. Chính vào lúc cách mạng Việt nam ở trong tình hình khó khăn, « đen tối như không có đường ra », Hồ Chủ tịch và các đồng chí tiền bối của Đảng đã tiếp thu được chủ nghĩa Mác - Lê-nin, tiếp thu được ánh sáng của Cách mạng Tháng Mười, nhận thức sâu sắc nội dung của thời đại mới. Từ đó phân tích đúng đắn tình hình trong nước và trên thế giới, vận dụng sáng tạo những quy luật phổ biến của cách mạng vào điều kiện cụ thể của nước ta.

Trong những năm chuẩn bị thành lập Đảng, ở nước ta đã có nhiều cuộc tranh luận trong hàng ngũ những người yêu nước trên các vấn đề cơ bản như: chủ nghĩa Mác - Lê-nin là một chân lý phổ biến hay chỉ có giá trị đối với các nước tư bản phát triển? Nó có thích hợp với một nước nông nghiệp như nước ta không? Cách mạng Tháng Mười là một « hiện tượng Nga » hay là cuộc cách mạng mở đầu một thời đại mới trong lịch sử nhân loại? Cách mạng vô sản hay là cách mạng tư sản giải quyết vấn đề giải phóng dân tộc? Cách mạng chỉ đấu tranh cho những quyền lợi dân sinh, dân chủ hằng ngày hay đấu tranh cho cả những quyền lợi cơ bản lâu dài? Giai cấp công nhân hay là giai cấp tư sản được lịch sử trao cho sứ mệnh lãnh đạo cách mạng? v.v. Đó là những vấn đề rất quan trọng có liên quan trực tiếp đến việc xác định đường lối chính trị, quyết định sự thành bại của cách mạng. Vì thế, chẳng những trong lịch sử cách mạng nước ta, mà cả trong lịch sử phong trào cách mạng thế giới cũng đã diễn ra nhiều cuộc đấu tranh gay gắt trên những vấn đề này, có vấn đề tranh luận kéo dài đến tận ngày nay.

Từ rất sớm, Hồ Chủ tịch đã có quan điểm đúng đắn về những vấn đề cơ bản của cách mạng. Do có lòng yêu nước thiết tha gắn liền với yêu nhân dân lao động, do học tập và hoạt động lâu dài trong phong trào công nhân, phong trào giải phóng dân tộc. Người đã sớm đến với chủ nghĩa Mác - Lê-nin, khẳng định chủ nghĩa Lê-nin là « chủ nghĩa chân chính nhất, chắc chắn nhất, cách mạng nhất ». Người sớm nhận thức ý nghĩa thời đại của Cách mạng Tháng Mười Nga, rút ra từ đó những bài học bổ ích cho cách mạng Việt nam. Người đánh giá theo quan điểm mác xít những cuộc cách mạng tư sản Mỹ (năm 1776), Pháp (năm 1789), Trung quốc (năm 1911),

Thổ (năm 1823), cho đó là những cuộc cách mạng không nhằm giải phóng triệt để người lao động. Người khẳng định sự nghiệp giải phóng dân tộc và giải phóng xã hội là sự nghiệp của giai cấp công nhân và của cách mạng vô sản; chỉ có dưới sự lãnh đạo của giai cấp công nhân và đảng tiên phong của nó, cách mạng mới giành được thắng lợi triệt để...

Với nhận thức cơ bản ấy, Hồ Chủ tịch đã tích cực và dày công chuẩn bị thành lập Đảng về các mặt chính trị, tư tưởng và tổ chức.

Chính cương, Sách lược vắn tắt do Hồ Chủ tịch vạch ra, tiếp đó được đồng chí Trần Phú kế thừa và phát triển, đã thể hiện sâu sắc tư tưởng của Lê-nin về sự kết hợp những quy luật cách mạng phổ biến với đặc điểm cụ thể của dân tộc, tránh được thiên hướng hoặc thói phóng đại điểm dân tộc, coi nhẹ quy luật phổ biến, hoặc chỉ nhấn mạnh quy luật phổ biến, coi nhẹ đặc điểm dân tộc, dẫn đến sai lầm hữu khuynh hoặc « tả » khuynh. Trong *Chính cương* và *Sách lược vắn tắt* cũng như trong *Lược cương chính trị* của Đảng, Hồ Chủ tịch và Đảng ta đã đặc biệt quan tâm giải quyết các vấn đề về sự kết hợp lợi ích dân tộc với lợi ích giai cấp, chủ nghĩa yêu nước chân chính với chủ nghĩa quốc tế vô sản; cách mạng giải phóng dân tộc với cách mạng vô sản; yếu tố dân tộc và yếu tố thời đại; vấn đề tự lực tự cường và vấn đề đoàn kết quốc tế... trong đó giải phóng dân tộc được coi là một yêu cầu cấp bách và sức mạnh của chủ nghĩa yêu nước chân chính được đánh giá cao. Trên thực tế, truyền thống yêu nước nồng nàn của nhân dân ta, tinh thần đấu tranh bất khuất của dân tộc ta chống ngoại xâm in dấu ấn sâu sắc vào cương lĩnh cũng như các chính sách của Đảng, đã có ảnh hưởng to lớn đến bước đi, tốc độ và phương thức tiến hành cách mạng ở nước ta.

Nhờ giải quyết đúng đắn các mối quan hệ nêu trên, Đảng ta chẳng những tránh được những sai lầm « tả » khuynh hoặc hữu khuynh, mà còn có những sáng tạo góp phần làm phong phú thêm chủ nghĩa Mác - Lê-nin trên hàng loạt vấn đề cơ bản của cách mạng. Đó là những vấn đề: đứng vững trên lập trường giai cấp vô sản, phát huy hơn nữa vai trò của yếu tố dân tộc; trong khi gắn bó chặt chẽ với cách mạng vô sản, cách mạng giải phóng dân tộc ở các nước thuộc địa và phụ thuộc phải chủ động giành thắng lợi, không chờ thắng lợi của cách mạng vô sản ở các nước tư bản tiên tiến; sự kết hợp chủ nghĩa Mác - Lê-nin với phong trào công nhân và phong trào yêu nước trong vấn đề thành lập Đảng; tiêu chuẩn hàng đầu của một đảng Mác - Lê-nin là đường lối chính trị đúng đắn của Đảng; một nước dân không rộng, người không đông, với những điều kiện cần thiết có thể đánh thắng những tên đế quốc lớn, v.v.

Như vậy, từ điểm nổi bật, thành tựu tuyệt vời của Đảng ta trong lãnh đạo cách mạng là ngay từ đầu đã vạch ra được đường lối chiến lược đúng đắn và sáng tạo. Chính đường lối chiến lược đúng đắn và sáng tạo đã bảo đảm cho cách mạng nước ta đi đúng hướng, giành được những thắng lợi hết sức to lớn; bảo đảm cho sự lãnh đạo của Đảng vững vàng trong bất cứ tình huống nào, bảo đảm cho đoàn kết nội bộ không suy sứt trong mọi hoàn cảnh. Đường lối chiến lược đúng đắn giúp cho Đảng vượt qua mọi khó khăn trên con đường cách mạng.

Vạch ra được đường lối chiến lược đúng đắn là nhờ Đảng ta có sự nỗ lực vượt bậc, đầy công tâm tìm tòi và có tầm nhìn chiến lược bao quát.

Song, sự lãnh đạo sáng suốt của Đảng ta không chỉ thể hiện ở việc vạch ra đường lối chiến lược đúng

dắn, mà còn ở việc chỉ đạo chiến lược tài giỏi; trên cơ sở đường lối chiến lược đúng đắn, vạch ra và chỉ đạo thực hiện thắng lợi các mục tiêu cụ thể của cách mạng ở mỗi thời kỳ. Thắng lợi của những cao trào cách mạng do Đảng phát động từ xưa tới nay đều là kết quả của sự kết hợp khéo léo đường lối chiến lược và mục tiêu cụ thể trước mắt.

Trong cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân, các cao trào được phát động không phải chỉ với các khẩu hiệu chiến lược « dân tộc độc lập », « người cày có ruộng », mà còn với các khẩu hiệu hành động cụ thể, thích hợp với từng lúc như: chống kẻ thù cụ thể nguy hại nhất, đòi dân sinh dân chủ, hoãn thuế, giảm thuế, tăng lương, giảm giờ làm, chống bắt phu, chống khủng bố, giảm tô, giảm tức, chia lại công điền, vay thóc cứu đói, phá kho thóc cứu đói... Đặc trưng của các cao trào cách mạng là có sự tham gia của đông đảo quần chúng ở mọi trình độ, mọi lứa tuổi, mọi tầng lớp. Chính những khẩu hiệu đáp ứng nguyện vọng cơ bản lâu dài và những khẩu hiệu đáp ứng những nguyện vọng bức thiết nhất của quần chúng cùng những hình thức tổ chức và hình thức đấu tranh thích hợp đã có tác dụng thu hút mạnh mẽ quần chúng, kể cả bộ phận quần chúng chậm tiến.

Đồng chí Trần Phú, Tổng bí thư đầu tiên của Đảng đã viết về tầm quan trọng của cả hai vấn đề mục tiêu chiến lược và mục tiêu cụ thể như sau: « Không chú ý đến sự nhu yếu và sự tranh đấu hằng ngày của quần chúng là rất sai lầm. Mà nếu chỉ chú ý đến những sự nhu yếu hằng ngày mà không chú ý đến những mục đích lớn của Đảng cũng là rất sai lầm » (1). Tư tưởng đó đã được thể hiện rất phong

(1) Văn kiện Đảng 1930. — 1945, Ban nghiên cứu lịch sử Đảng trung ương xuất bản, Hà Nội, 1978, tr. 76.

phủ trong toàn bộ quá trình hoạt động của Đảng ta.

Vạch ra mục tiêu chiến lược đã khó, vạch ra mục tiêu cụ thể cho từng thời kỳ còn khó hơn. Bởi vì vạch ra những mục tiêu cụ thể phải đáp ứng đúng những yêu cầu cụ thể, cấp bách của cách mạng, đụng chạm đến nhiều vấn đề cụ thể rất phức tạp. Cách mạng không đi theo con đường thẳng mà đi quanh co trước khi đến đích cuối cùng. Ở những khúc quanh của quá trình cách mạng, tình hình biến đổi nhanh chóng, thậm chí biến đổi hằng ngày, hằng giờ; chính ở những khúc quanh này, sai lầm rất dễ xảy ra. Nếu không có một bản lĩnh vững vàng, một sự nhạy cảm chính trị đặc biệt thì không thể vạch ra và thực hiện thắng lợi những mục tiêu cụ thể ở mỗi thời kỳ cụ thể. Đây thật sự là một khoa học, một nghệ thuật.

Đảng ta có ưu điểm đặc biệt trong việc cụ thể hóa nhiệm vụ chiến lược, vạch ra mục tiêu cụ thể sát đúng cho mỗi thời kỳ, nhanh chóng phát hiện và sửa chữa những sai sót để ngày càng hoàn chỉnh mối quan hệ giữa chiến lược và sự chỉ đạo chiến lược. Ở những khúc quanh co của quá trình cách mạng, Đảng ta thường phải giải quyết hàng loạt vấn đề phức tạp như:

— Xác định kẻ thù cụ thể trước mắt nguy hiểm nhất; những âm mưu, thủ đoạn lâu dài và trước mắt của kẻ thù, chỗ mạnh, chỗ yếu của chúng; sự tập hợp lực lượng mới, đồng minh chiến lược và đồng minh tạm thời của cách mạng; khả năng lợi dụng mâu thuẫn trong hàng ngũ kẻ thù.

— Xác định cách mạng đang ở thời kỳ nào (thời kỳ cao trào hay thoái trào, thời kỳ tiền khởi nghĩa hay ở lúc điều kiện khởi nghĩa đã chín muồi v.v.).

— Nghiên cứu những nguyện vọng cơ bản, lâu dài, đồng thời nghiên cứu những tâm trạng và yêu cầu bức thiết của quần chúng.

— Đánh giá đúng lực lượng so sánh giữa ta và địch.

— Đánh giá đúng những thuận lợi và khó khăn ở trong nước, ở khu vực cũng như trên toàn thế giới; kết hợp đúng đắn mục tiêu cách mạng nước ta với mục tiêu cách mạng thế giới, sự tác động qua lại giữa cách mạng Việt nam và cách mạng thế giới.

— Đánh giá khả năng thực tế của cách mạng có thể làm được gì trong mỗi thời kỳ nhất định với sự nỗ lực lớn nhất.

— Xác định đúng nội dung, hình thái biểu hiện của đường lối chung thích ứng với từng thời kỳ, tức là xác định phương hướng, nhiệm vụ, đối tượng đấu tranh, các hình thức tổ chức và hình thức đấu tranh, sự kết hợp các hình thức đó.

Nhận thức đúng đắn và thể hiện đầy đủ trong thực tiễn các vấn đề lớn nói trên không phải là việc đơn giản, dễ dàng. Nó đòi hỏi phải có quan điểm đúng, có phương pháp luận khoa học, có năng khiếu chính trị và nghệ thuật lãnh đạo tài giỏi. Trên thực tế, Đảng ta đã có khả năng đáp ứng được những yêu cầu đó, đã định ra và thực hiện tốt những mục tiêu cụ thể của cách mạng, có khi trong một vài năm, có khi trong một vài tháng, thậm chí có trường hợp chỉ trong vài tuần.

Sở dĩ Đảng ta có thể giải quyết nhanh chóng và đúng đắn các vấn đề nêu trên là do Đảng ta có ba điều kiện sau đây:

1— Có sự nhạy cảm đặc biệt về chính trị, và trong một số trường hợp, sự nhạy cảm đó được tư tưởng chiến lược đúng đắn hướng dẫn từ trước. Một ví dụ: ở hội nghị toàn quốc của Đảng ngày 14-8-1945, Đảng đã phán đoán: “mâu thuẫn giữa hai phe đồng minh Anh — Pháp và Mỹ — Tàu về vấn đề Đông dương là một điều ta cần lợi dụng”; “Mâu thuẫn giữa Anh — Mỹ — Pháp và Liên xô có thể làm cho Anh — Mỹ nhân nhượng với Pháp và

để cho Pháp trở lại Đông dương » (2). Do có tư tưởng chiến lược đúng đắn chỉ đạo cho nên vào cuối tháng 2, đầu tháng 3 năm 1946, chỉ trong vòng mấy ngày, Đảng ta đã nhanh chóng quyết định chuyển từ hòa với Tưởng để tập trung sức chống Pháp xâm lược sang tạm hòa với Pháp để đuổi nhanh quân Tưởng về nước.

2—Có khả năng phân tích đúng đắn nhiều vấn đề quốc tế phức tạp, do đó có cơ sở để giải quyết đúng các vấn đề trong nước. Chẳng hạn như, Đảng ta sở dĩ phát động cuộc Tổng khởi nghĩa Tháng Tám năm 1945, là do Đảng ta phân tích và nhận định đúng tình hình quốc tế lúc đó, thấy rõ sự suy sụp của phát xít Nhật, sớm nhận thức được tinh chủ động của cách mạng giải phóng dân tộc ở nước ta trong bối cảnh lịch sử ấy. Cuối những năm 50, đầu những năm 60, Đảng ta nhận định từ sau chiến tranh thế giới thứ hai, cách mạng thế giới ở thế tiến công, cho nên cách mạng Việt nam cũng phải mang tư tưởng cách mạng tiến công. Trong những năm 1954—1967, Đảng ta nhiều lần nói Mỹ giàu mà không mạnh, Mỹ thua ở nhiều nơi trên thế giới, nhân dân ta nhất định đánh bại sự xâm lược của đế quốc Mỹ.

3—Có quyết tâm cách mạng rất cao, có lòng tự tin vững chắc. Quyết tâm cách mạng là điều kiện tiên quyết bảo đảm sự nhạy cảm về chính trị; ngược lại, sự nhạy cảm về chính trị lại làm cho quyết tâm cách mạng thêm vững chắc. Chúng ta không sợ Mỹ cho nên chúng ta nhanh chóng tìm ra cách đánh Mỹ có hiệu suất cao. Những thắng lợi trong sự nghiệp chống Mỹ lại thôi thúc tinh thần quyết chiến quyết thắng của nhân dân ta.

Những ưu điểm nói trên của Đảng không phải tự nhiên mà có. Nó là kết quả của sự học tập và rèn luyện không mệt mỏi trong cuộc đấu tranh lâu dài, liên tục của Đảng ta. Nó làm cho

Đảng ta, nói theo cách nói của Lê-nin, trở thành một « linh khiếu chính trị ».

Trong việc định ra và tổ chức thực hiện thắng lợi các mục tiêu cụ thể của cách mạng trong mỗi thời kỳ, Đảng ta cũng có những sáng tạo to lớn và có nhiều bài học quý báu. Đó là những bài học về cách đánh thắng địch từng bước; biết xác định kẻ thù cụ thể trước mắt nguy hại nhất; khéo lợi dụng mâu thuẫn trong hàng ngũ kẻ thù; dự đoán đúng thời cơ chiến lược; kết hợp khéo léo các hình thức đấu tranh và nhanh chóng sử dụng hình thức đấu tranh mới khi tình hình đã thay đổi; biết tranh thủ các lực lượng có thể tranh thủ để mở rộng mặt trận dân tộc thống nhất trên cơ sở liên minh công nông vững chắc; biết tạo ra sức mạnh tổng hợp v.v.

Kinh nghiệm của Đảng ta đã chỉ ra rằng, trong khi tập trung sức thực hiện những mục tiêu và nhiệm vụ cụ thể trước mắt, phải đồng thời chú ý đến nhiệm vụ chiến lược lâu dài; mọi nhiệm vụ trước mắt phải được giải quyết trên cơ sở bảo đảm mục tiêu chiến lược, quán triệt tư tưởng của mục tiêu chiến lược, phục vụ cho nhiệm vụ chiến lược. Mục tiêu chiến lược và mục tiêu cụ thể bao giờ cũng có quan hệ chặt chẽ với nhau, quy định lẫn nhau và tác động vào nhau. Quan hệ đó cũng giống như quan hệ giữa thắng từng bước và thắng hoàn toàn. Ở mỗi thời kỳ khác nhau của một giai đoạn cách mạng, nội dung mục tiêu cụ thể có khác nhau, nhưng sợi chỉ đỏ xuyên suốt các thời kỳ là tư tưởng chiến lược của đường lối chung. Mục tiêu cụ thể chính là sự biểu hiện của tư tưởng chiến lược ở một thời gian và không gian nhất định.

Phân tích những bài học kinh nghiệm lãnh đạo của Đảng ta trong cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân,

(2) Xem: Văn kiện Đảng 1939—1945, Nxb Sự thật, Hà Nội, 1963, tr 548.

đồng chí Tổng bí thư Lê Duẩn đã chỉ rõ: « Năm vững và giương cao ngọn cờ dân tộc và dân chủ với hai khẩu hiệu chiến lược « dân tộc độc lập » và « người cày có ruộng », Đảng ta đã lời cuốn được đông đảo nông dân đi theo giai cấp công nhân; động viên được các tầng lớp nhân dân khác cùng với công nông bước lên trận tuyến cách mạng chống đế quốc và phong kiến. Trong quá trình cách mạng, những nhiệm vụ chiến lược đó đã được cụ thể hóa bằng những mục tiêu thích hợp với từng thời kỳ, dựa trên sự phân tích những mối quan hệ giai cấp cụ thể và khả năng phân hóa hàng ngũ kẻ thù đế quốc và phong kiến, nhằm tập trung ngọn lửa cách mạng vào kẻ thù nguy hại nhất trong từng lúc một. Song, dù ở bất cứ thời kỳ nào, những mục tiêu và nhiệm vụ chính trị cụ thể do Đảng đề ra, về cơ bản đều bao hàm cả hai nội dung dân tộc và dân chủ, về cơ bản đều gắn liền hai nhiệm vụ chống đế quốc và chống phong kiến » (3).

Quy luật cách mạng được thực hiện thông qua hoạt động của con người. Đường lối đúng đắn của Đảng mở đường cho trí sáng tạo và tinh thần chủ động của quần chúng phát triển. Trong phong trào cách mạng bao giờ cũng xuất hiện những điển hình tiên tiến, những người tốt, việc tốt, đồng thời bộc lộ những thiếu sót, khuyết điểm cần uốn nắn, khắc phục. Vì vậy, Đảng ta luôn luôn coi trọng việc tổng kết thực tiễn để không ngừng bổ sung và hoàn chỉnh đường lối, rút ra và hoàn chỉnh những kết luận lý luận của mình. Hoạt động thực tiễn của Đảng ta đã chứng tỏ rằng, tổng kết thực tiễn là một yêu cầu rất quan trọng trong công tác lãnh đạo cách mạng, là điều kiện cần thiết để bổ sung và hoàn chỉnh đường lối, chủ trương của Đảng. Những kết luận lý luận có giá trị, những sáng tạo của Đảng thường gắn liền với việc tổng kết thực tiễn.

Chúng ta biết trong lịch sử không thiếu gì những cuộc tổng kết thực tiễn không chính xác. Chẳng hạn như, khi rút kinh nghiệm những cuộc khởi nghĩa thất bại ở thành phố, người ta đi tới kết luận sai lầm cho rằng ở thành phố chỉ nên mai phục lâu dài. Đảng ta cũng rút kinh nghiệm những cuộc khởi nghĩa thất bại của các địa phương, nhưng Đảng ta không đi đến kết luận phủ định những cuộc khởi nghĩa địa phương mà khẳng định rằng với những điều kiện nhất định, có thể lãnh đạo những cuộc khởi nghĩa từng phần để tiến lên tổng khởi nghĩa.

Như vậy rõ ràng là, cả trong việc tổng kết thực tiễn, Đảng ta không chỉ nắm vững những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lê-nin mà còn nắm vững phương pháp của chủ nghĩa Mác - Lê-nin.



Ngày nay, dưới sự lãnh đạo của Đảng, nhân dân cả nước ta đang thực hiện hai nhiệm vụ chiến lược: xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội và bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt nam xã hội chủ nghĩa. Quy luật cách mạng xã hội chủ nghĩa không giống với những quy luật của cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân, nhưng trong cách mạng xã hội chủ nghĩa cũng phải giải quyết một loạt các vấn đề thuộc về mối quan hệ giữa chiến lược và sự chỉ đạo chiến lược, giữa sách lược và sự chỉ đạo sách lược. Việc cụ thể hóa đường lối cách mạng xã hội chủ nghĩa và đường lối kinh tế của Đảng thành những nhiệm vụ và mục tiêu cụ thể trong chặng đường đầu tiên của thời kỳ quá độ; giải quyết tốt mối quan hệ giữa nông nghiệp, công nghiệp nhẹ và công nghiệp nặng; quan hệ giữa tích lũy

(3) Lê Duẩn: *Dưới lá cờ vẻ vang của Đảng, vì độc lập tự do, vì chủ nghĩa xã hội, tiến lên giành những thắng lợi mới*, Nxb Sự thật, Hà nội, 1970, tr. 16.

và tiêu dùng, giữa lợi ích của Nhà nước, lợi ích của tập thể và lợi ích của cá nhân người lao động; quan hệ giữa cải tạo và xây dựng v.v. tuy đã thu được những thắng lợi bước đầu rất có ý nghĩa, nhưng rõ ràng vẫn còn phải tiếp tục được nghiên cứu, tổng kết, bổ sung để ngày càng hoàn chỉnh và thu được kết quả lớn hơn; nhất là phải đấu tranh khắc phục những thiếu sót, khuyết điểm như hữu khuynh, chủ quan nóng vội, bảo thủ trì trệ, địa phương cục bộ...

Những kinh nghiệm quý báu trước đây của Đảng, tuy không đủ để giúp cho ta giải quyết những vấn đề mới và phức tạp hiện nay, nhưng lại không

thể thiếu được trong việc suy nghĩ và giải quyết những vấn đề thuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa.

Nghiên cứu lịch sử 55 năm của Đảng, chúng ta học được ở Đảng ta một mẫu mực đầy sức thuyết phục về sự vận dụng thành công lý luận chủ nghĩa Mác - Lê-nin vào điều kiện cụ thể của nước ta; về phương pháp xem xét và giải quyết các vấn đề; về nghị lực cách mạng phi thường vượt qua mọi khó khăn, hướng thẳng về phía trước; về công tác tổ chức chỉ đạo khôn khéo, tài tình của Đảng; trên cơ sở đó áp dụng một cách sáng tạo những kinh nghiệm quý báu của Đảng vào điều kiện lịch sử mới.

Nguyên tắc và sáng tạo

(Tiếp theo trang 52)

sáng tạo cho cơ sở và địa phương, dưới sự quản lý tập trung thống nhất của trung ương về những mặt cơ bản, khuyến khích mạnh mẽ người lao động hăng hái sản xuất.

Vì vậy, một trong những vấn đề quan trọng hàng đầu của chúng ta hiện nay là ra sức phát huy vai trò chủ động sáng tạo của các cấp, các ngành, của cán bộ và nhân dân lao động, đẩy lên phong trào cách mạng liên tục, bền bỉ của quần chúng, kết hợp với việc áp dụng những tiến bộ của khoa học, kỹ thuật, của khoa học tổ chức, quản lý, đưa lại năng suất, chất lượng, hiệu quả công tác ngày càng cao. Đồng thời chúng ta cần cụ thể hóa những nguyên tắc trong thực tiễn bằng những hình thức, bước đi, biện pháp và các chế độ, chính sách thích hợp, chú trọng xây dựng cơ chế quản lý năng động, thích ứng với hoàn cảnh, điều kiện cụ thể trong từng thời kỳ, xây dựng chế độ quản lý đúng đắn theo nguyên tắc tập trung dân chủ, bộ máy quản lý có hiệu lực, phương pháp quản lý nhạy bén, sát thực tế, có hiệu quả. Từ sau Đại hội

thứ V của Đảng, Đảng và Nhà nước ta đã ban hành nhiều chủ trương, chính sách cụ thể, đúng đắn. Các chính sách ấy đã và đang đi vào cuộc sống, đem lại hiệu quả to lớn trong sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa. Những kinh nghiệm trong phong trào khoán sản phẩm đến nhóm và người lao động trong nông nghiệp, mở rộng quyền chủ động trong sản xuất, kinh doanh của các xí nghiệp quốc doanh, khai thác bốn nguồn khả năng có giá trị về mặt phương pháp luận kết hợp tính nguyên tắc và sáng tạo trong hoạt động thực tiễn của nhân dân ta.

★

Trong chặng đường đầu tiên của thời kỳ quá độ, cách mạng xã hội chủ nghĩa ở nước ta còn phải vượt qua nhiều khó khăn, trở ngại, nhiều thử thách. Sự nghiệp cách mạng đòi hỏi chúng ta phải chấp hành nghiêm chỉnh đường lối của Đảng, giải quyết đúng đắn mối quan hệ giữa giữ vững tính nguyên tắc và phát huy tính chủ động sáng tạo trong các lĩnh vực hoạt động thực tiễn, thúc đẩy sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa tiến lên những bước mới.

Từ việc thành lập chi bộ cộng sản đầu tiên, đến việc thống nhất các tổ chức cộng sản, thành lập Đảng ta

THỀ TẬP

CHÚNG ta đều biết, sự ra đời của Đảng ta vào đầu năm 1930 là kết quả của cả một quá trình chuẩn bị về mọi mặt, rất công phu của đồng chí Nguyễn Ái Quốc. Từ năm 1927, Người đã nói: « Tôi biết phải kinh qua nhiều khó khăn, phải kiên trì cố gắng, nhưng sự tồn tại của một đảng cộng sản... sẽ tạo điều kiện để tổ chức và lãnh đạo đúng đắn công cuộc giải phóng dân tộc và xã hội ở Việt nam » (1).

Sau đây là một số nét về quá trình hình thành Đảng ta — từ việc thành lập chi bộ cộng sản đầu tiên đến việc thống nhất các tổ chức cộng sản để thành lập Đảng.



Chi bộ cộng sản đầu tiên được thành lập trong những điều kiện và hoàn cảnh nào? Từ giữa năm 1927, nhất là từ năm 1928, Việt nam thanh niên cách mạng đồng chí hội đã có hệ thống tổ chức từ kỳ đến tỉnh, huyện, có nơi đến xã ở Bắc kỳ. Theo Điều lệ của Hội « Các hội viên phải đi vào quần chúng mà vận động ». Cuối năm 1928, có phong trào « vô sản hóa », nhiều hội viên hăng hái đi lao động trong nhà máy, hầm mỏ, đồn điền để tuyên truyền, vận động, tổ chức và lãnh đạo

công nhân và nông dân đấu tranh. Do chính sách tăng cường khai thác và bóc lột của đế quốc Pháp ở thuộc địa, cho nên giai cấp công nhân nước ta phát triển nhanh và tập trung ở các xí nghiệp lớn, các đồn điền và các hầm mỏ. Cơ sở Việt nam thanh niên cách mạng đồng chí hội và phong trào đấu tranh của công nhân đã lan rộng tới nhà máy rượu, nhà máy đèn, hàng A-vi-a (Hà nội); nhà máy xi măng, nhà máy chai, bến cảng (Hải phòng); nhà máy dệt, nhà máy sợi (Nam định); mỏ Hòn gai, Cẩm phả, Mạo Khê, v.v. Tổ chức công hội đã bắt đầu được xây dựng ở những xí nghiệp lớn... Nhờ ảnh hưởng của Cách mạng Tháng Mười Nga và được tuyên truyền chủ nghĩa Mác — Lê-nin, giai cấp công nhân Việt nam đã sớm giác ngộ quyền lợi giai cấp của mình, vượt qua giai đoạn đấu tranh tự phát, lẻ tẻ, cục bộ, đi tới giai đoạn đấu tranh tự giác, có tổ chức, có lãnh đạo, có sự phối hợp và giúp đỡ lẫn nhau giữa công nhân các ngành và các địa phương. Số lượng và chất lượng các cuộc đấu tranh của công nhân tăng lên rất nhanh. Phong

(1) Trích trong bài *Từ người cùng khổ đến vị Chủ tịch nước của đồng chí Phrang-xoa Bi-u*. Ủy viên Bộ chính trị Trung ương Đảng cộng sản Pháp, đăng trên báo Nhân dân, số ra ngày 10-10-1969.

trào công nhân Việt nam dần dần trở thành nòng cốt và trung tâm của cuộc vận động cách mạng giải phóng dân tộc ở nước ta.

Phong trào đấu tranh của nông dân cũng nở ra ở nhiều nơi chống đế quốc và địa chủ cướp đoạt ruộng đất, chống sưu cao thuế nặng, chống bắt phu, bắt lính, v.v. Nông hội đã được tổ chức ở nhiều địa phương...

Phong trào đấu tranh của giai cấp công nhân và nông dân ngày càng lên cao, đòi hỏi phải có bộ tham mưu được vũ trang bằng lý luận chủ nghĩa Mác - Lê-nin lãnh đạo. Được tuyên truyền chủ nghĩa cộng sản, công nhân và nông dân rất muốn hiểu về chủ nghĩa cộng sản và đời sống của anh chị em công nông ở nước Nga xô viết... Xu hướng cộng sản trong công nhân và nông dân Việt nam càng phát triển, càng thúc đẩy các hội viên Việt nam thanh niên cách mạng đồng chí hội phải tự hỏi mình và hỏi lại tổ chức của mình. Hội viên "Thanh niên" chưa được kết nạp vào tổ chức cộng sản mà vẫn đi tuyên truyền chủ nghĩa cộng sản... Những vấn đề chủ yếu buộc kỳ bộ "Thanh niên" Bắc kỳ phải thảo luận nhiều lần là: điều kiện thành lập Đảng cộng sản - đảng của giai cấp công nhân Việt nam; công nông liên hiệp (lúc đó chưa nói công nông liên minh); vô sản chuyên chính. Về những vấn đề này, khi học chính trị ở Quảng châu, khi đọc cuốn *Đường cách mệnh* và tuần báo *Thanh niên*, cán bộ Việt nam thanh niên cách mạng đồng chí hội đã hiểu nhưng chưa đầy đủ. Riêng vấn đề chuẩn bị về chính trị, tư tưởng và tổ chức để thành lập một đảng cộng sản ở Việt nam, có đồng chí còn nhớ và nhắc lại lời của đồng chí Nguyễn Ái Quốc viết trên báo *Thanh niên*: cách mạng Việt nam muốn giành thắng lợi triệt để phải có sự lãnh đạo của một chính đảng của giai cấp công nhân Việt nam, được vũ trang bằng lý luận chủ nghĩa Mác - Lê-nin; Người

còn nhấn mạnh đến tính chất giai cấp của Đảng... Khi thảo luận những vấn đề trên, các đồng chí trong kỳ bộ "Thanh niên" Bắc kỳ đều nhận định rằng Việt nam thanh niên cách mạng đồng chí hội ra đời năm 1925 là phù hợp với những điều kiện xã hội và lịch sử của Việt nam, nó đã hoàn thành sứ mệnh lịch sử là chuẩn bị về chính trị, tư tưởng và tổ chức cho việc thành lập một chính đảng của giai cấp công nhân Việt nam. Đến nay, nội dung và hình thức của tổ chức "Thanh niên" không còn phù hợp với tình hình và nhiệm vụ của cách mạng Việt nam nữa. Cuối năm 1928, trong khi đang tranh luận gay gắt về vấn đề thành lập Đảng cộng sản ở Việt nam, thì các đồng chí kỳ bộ "Thanh niên" rất vui mừng nhận được bản *Đề cương về phong trào cách mạng ở các nước thuộc địa và nửa thuộc địa* của Đại hội thứ sáu của Quốc tế cộng sản. Văn kiện này chỉ rõ nhiệm vụ, tính chất, lực lượng cách mạng và vai trò lãnh đạo cách mạng của giai cấp công nhân ở các nước thuộc địa và nửa thuộc địa. Văn kiện này đã làm sáng tỏ những vấn đề đang được thảo luận sôi nổi trong kỳ bộ Bắc kỳ, nhất là phân đánh giá vai trò của giai cấp công nhân ở các nước thuộc địa từ sau Đại hội thứ năm của Quốc tế cộng sản, phần nhấn mạnh vai trò lãnh đạo của giai cấp vô sản và đội tiên phong của nó là đảng cộng sản.

Nhận thức được vấn đề Đảng cộng sản là đội tiên phong của giai cấp công nhân lúc đó không phải là dễ dàng, bởi vì những đồng chí Việt nam thanh niên cách mạng đồng chí hội phần nhiều là tiểu tư sản trí thức, học sinh, tham gia cách mạng vì yêu nước, muốn giải phóng đồng bào; lại sinh ra và lớn lên ở một nước thuộc địa, nửa phong kiến, nền kinh tế đại bộ phận là nông nghiệp lạc hậu, giai cấp công nhân còn rất nhỏ bé. Có được nhận thức đó là nhờ họ đã trải qua quá trình học tập,

nghe, rèn luyện lâu dài và đấu tranh gian khổ trong phong trào của quần chúng và trong Việt nam thanh niên cách mạng đồng chí hội.

Qua quá trình đấu tranh gian khổ, chi bộ cộng sản đầu tiên của nước ta ra đời vào cuối tháng 3 năm 1929 tại nhà số 5D phố Hàm long (Hà nội). Chi bộ này gồm một số đồng chí trong kỳ bộ và tỉnh bộ Việt nam thanh niên cách mạng đồng chí hội ở Bắc kỳ. Hội nghị thành lập chi bộ đã khẳng định vai trò lãnh đạo cách mạng của giai cấp công nhân, và nhận định điều kiện thành lập Đảng đã chín muồi. Nhưng các đồng chí trong hội nghị đều nhất trí rằng, để tránh sự chia rẽ giữa các đại biểu Trung kỳ, Nam kỳ và Bắc kỳ, trước mắt chưa tổ chức ngay đảng cộng sản mà chỉ nên thành lập chi bộ cộng sản; chờ đến đại hội đại biểu toàn quốc của « Thanh niên » sắp họp có đông đủ đại biểu Trung kỳ, Nam kỳ, Bắc kỳ, có tổng bộ thảo luận thống nhất ý kiến, sẽ quyết định. Chi bộ cộng sản đầu tiên cũng đã thảo luận và nhất trí đề ra những nhiệm vụ của chi bộ:

1- Tại Đại hội đại biểu toàn quốc của « Thanh niên » sắp họp ở Hương cảng, phải vận động được các đại biểu tán thành chủ trương thành lập ngay Đảng cộng sản. Để làm nhiệm vụ này, trong Đại hội đại biểu « Thanh niên » Bắc kỳ, phải vận động các đại biểu địa phương bầu đại biểu của chi bộ cộng sản đầu tiên đi dự Đại hội đại biểu toàn quốc của « Thanh niên ».

2- Phải giữ bí mật, nhưng phải tăng thêm số đảng viên cộng sản, thành lập các tổ đảng và các chi bộ Việt nam thanh niên cách mạng đồng chí hội Bắc kỳ, hướng dẫn và động viên họ tiếp tục và hăng hái đi « vô sản hóa »; phát triển các tổ chức Công hội, Nông hội, tuyên truyền chủ nghĩa cộng sản và lãnh đạo các cuộc đấu

tranh của quần chúng, thông qua những việc làm đó mà tăng thêm số đảng viên cộng sản.

3- Giao trách nhiệm cho hai đồng chí dự thảo sẵn các văn kiện như Chính cương, Tuyên ngôn và Điều lệ của Đảng cộng sản. (*)

Chi bộ cộng sản đầu tiên được thành lập đánh dấu thắng lợi của tư tưởng vô sản trong quá trình đấu tranh chống tư tưởng tiểu tư sản, và là sự chuẩn bị về chính trị, tư tưởng và tổ chức cho sự ra đời của Đảng cộng sản đảng sau này.



Năm 1929, phong trào cách mạng Đông dương như thế nào ? « Hiện thời Việt nam từ Nam đến Bắc,... đâu đâu cũng đã có người cộng sản hoặc chi bộ cộng sản, có chỗ cũng đã có Công hội, Nông hội, Tổng công hội. Ngọn cờ đỏ đã rải rác khắp, phấp phới trên xứ Đông dương. Những cuộc kỷ niệm, bài công đã thấy truyền đơn khẩu hiệu của những đồng chí cộng sản đi đầu ra lãnh đạo quần chúng...

« Cảnh tượng nhiệt liệt ấy đã tỏ cho ta biết rõ rằng phong trào cách mạng Việt nam đã cuộn đến một làn sóng mới » (2).

Những điều kiện chủ quan và khách quan để thành lập một chính đảng cách mạng của giai cấp công nhân ở Việt nam đã chín muồi. Khi vấn đề này được đặt ra tại Đại hội kỳ bộ « Thanh niên » Bắc kỳ họp vào cuối tháng 3 năm 1929 trong một đồn điền ở tỉnh Sơn tây (nay là Hà sơn bình), các đại biểu rất hào hứng, sôi nổi thảo luận và đều nhất trí tán thành việc thành lập đảng cộng sản. Đại hội

(*) Ghi theo ...

Cung, một trong số những người chỉ Trần văn bộ cộng sản đầu tiên.

(2) Trích trong tập Văn kiện các tổ chức tiền thân của Đảng, Ban nghiên cứu lịch sử Đảng xuất bản năm 1977, tr. 354.

đã bầu 4 đồng chí trong chi bộ cộng sản đầu tiên làm đại biểu dự Đại hội đại biểu toàn quốc của « Thanh niên » và giao trách nhiệm cho các đại biểu này phải nêu vấn đề thành lập Đảng cộng sản và đấu tranh thực hiện được vấn đề này tại Đại hội toàn quốc. Nhưng đến Đại hội toàn quốc của « Thanh niên » họp ở Hương Cảng (tháng 5-1929), đa số đại biểu không tán thành chủ trương của đoàn đại biểu Bắc kỳ về việc thành lập Đảng cộng sản. Do đó, đoàn đại biểu Bắc kỳ tuyên bố rút khỏi Đại hội, trở về nước ngay và cùng các đồng chí trong chi bộ cộng sản đầu tiên xúc tiến việc thành lập Đảng cộng sản.

Ngày 17 tháng 6 năm 1929, hơn 20 đại biểu của các chi bộ cộng sản mới được tổ chức ở các tỉnh thuộc Bắc kỳ đã họp ở nhà số 312 phố Khâm thiên (Hà nội), quyết định thành lập *Đông dương cộng sản đảng*, thông qua *Tuyên ngôn*, *Điều lệ Đảng* và lấy cờ đỏ búa liềm làm cờ của Đảng. Bản Tuyên ngôn nêu rõ tính chất của Đảng: « Đông dương cộng sản đảng là đảng cách mạng đại biểu cho tất cả giai cấp vô sản ở Đông dương; Đảng cộng sản không phải là gồm tất cả giai cấp vô sản, chỉ gồm những người nào giác ngộ cách mạng, tiến tiến hơn cả trong giai cấp vô sản »; « Đảng bênh vực quyền lợi cho toàn thể giai cấp vô sản, nông dân nghèo và tất cả những người lao động bị bóc lột và đè nén ». Về tổ chức Đảng, phải tuyển lựa những người tốt nhất, tiên tiến nhất, hăng hái nhất của « Thanh niên » mà đưa vào Đảng; còn số nào tuy tán thành Chính cương, Tuyên ngôn và Điều lệ Đảng nhưng không hoạt động tích cực thì tổ chức vào nhóm cảm tình của Đảng gọi là « xích tổ ». Mục đích của Đảng là « đánh đổ chủ nghĩa đế quốc, chủ nghĩa tư bản, chủ nghĩa thực dân, giải phóng công nhân và nông dân, thành lập chuyên chính vô sản, tiêu diệt giai cấp, thực hiện xã hội thực sự bình đẳng, tự do, bác ái,

tức là xã hội cộng sản ». Đảng thừa nhận đường lối của Quốc tế cộng sản, thừa nhận tính tất yếu về quyền lãnh đạo cách mạng của giai cấp vô sản. Trước hết, phải làm cách mạng phản đế và điền địa, tức là cách mạng tư sản dân quyền và lập chuyên chính công nông, tiến lên làm cách mạng xã hội chủ nghĩa, thực hiện chuyên chính vô sản. Đảng phải tổ chức Tổng công hội đỏ, phát triển Nông hội, Học sinh hội, tổ chức Hội phụ nữ giải phóng, v.v. thành lập cơ quan tuyên truyền của trung ương và xuất bản tờ báo *Búa liềm*.

Hội nghị thành lập Đông dương cộng sản đảng đã bầu ra Ban chấp hành trung ương lâm thời, cử ra ban thường vụ và phân công một số đồng chí vào Trung kỳ và Nam kỳ phát triển tổ chức cơ sở của Đảng. Ngay sau khi thành lập, Đông dương cộng sản đảng đã kịp thời lãnh đạo phong trào bãi công của công nhân hãng AVIA ở Hà nội, công nhân Hải phòng, Sài gòn, Nam định, Vinh, Hòn gai, v.v.

Kiên quyết đấu tranh để thành lập Đảng là một chủ trương đúng, nhạy bén, kịp thời, đáp ứng được yêu cầu cấp thiết của phong trào đấu tranh của giai cấp công nhân và phong trào yêu nước ở nước ta. Đông dương cộng sản đảng ra đời phù hợp với xu thế phát triển tất yếu của lịch sử cách mạng Việt nam, ảnh hưởng của Đảng lan rộng nhanh chóng và thu hút mạnh những người hoạt động hăng hái nhất trong tổ chức « Thanh niên » và cả tổ chức Tân Việt (một số đảng viên Đảng Tân Việt ở Trung kỳ cũng vào Đông dương cộng sản đảng; ở Nam kỳ có một số cơ sở của Đông dương cộng sản đảng).

Trước sự phát triển mạnh của Đông dương cộng sản đảng, tháng 8 năm 1929, một số cán bộ lãnh đạo và hội viên « Thanh niên » hoạt động ở Quảng châu (Trung quốc) và ở Nam kỳ cũng

tổ chức ra các chi bộ cộng sản, và sau đó tuyên bố thành lập *An nam cộng sản đảng*. Sau nhiều lần trao đổi thư từ với Đông dương cộng sản đảng, vẫn không hợp nhất được, An nam cộng sản đảng ra thông cáo giải thích việc thành lập Đảng, công bố Điều lệ Đảng; xuất bản "tạp chí *Bốn sè vạch làm cơ quan lý luận và huấn luyện đảng viên*"; tổ chức các hội của quần chúng công nhân, nông dân, phụ nữ, thanh niên học sinh và lãnh đạo nhiều cuộc bãi công của công nhân ở Nam kỳ

Sau khi Đông dương cộng sản đảng và An nam cộng sản đảng được thành lập, những đảng viên của Đảng Tân Việt hoạt động hăng hái nhất, có xu hướng cộng sản, đã đề nghị được gia nhập tập thể vào Đông dương cộng sản đảng. Nhưng Đông dương cộng sản đảng đòi giải tán Đảng Tân Việt, và sẽ lựa chọn từng người vào Đảng. Trao đổi về vấn đề này nhiều lần nhưng không nhất trí với nhau, những đảng viên tiên tiến của Tân Việt tự tổ chức ra những chi bộ Tân Việt cộng sản liên đoàn. Trên cơ sở những chi bộ đó, tháng 1 năm 1930, *Đông dương cộng sản liên đoàn* ra đời và hoạt động chủ yếu ở các tỉnh miền Bắc Trung kỳ.

Trong khi chưa thống nhất được với nhau, cả ba tổ chức cộng sản nói trên đều ra sức hoạt động, tìm mọi cách tranh thủ sự công nhận của Quốc tế cộng sản; đều tự nhận mình là cộng sản chân chính và công kích lẫn nhau, tranh giành ảnh hưởng trong giai cấp công nhân và nhân dân lao động. Tháng 10 năm 1929, Quốc tế cộng sản đã nhận định về tình hình Đông dương như sau: « Không có một đảng cộng sản độc nhất trong lúc cuộc vận động quần chúng thợ thuyền và nông dân càng ngày càng phát triển, đó là một sự nguy hiểm rất lớn cho tương lai tối cận của cuộc cách mạng ở Đông dương. Vậy cho nên những do dự và

sự không quyết định của một vài nhóm đối với vấn đề lập ra ngay một đảng cộng sản là những điều sai lầm... » (3). Lúc bấy giờ, mâu thuẫn giữa các tổ chức cộng sản ở nước ta không phải là sự chống đối nhau về lập trường, quan điểm tư tưởng, đường lối chính trị, mà là sự khác nhau về nguyên tắc và phương pháp thống nhất các tổ chức cộng sản, là do thành kiến cá nhân, tranh giành ảnh hưởng với nhau và có một số việc hiểu lầm nhau.



Giữa lúc các tổ chức cộng sản ở trong nước đang có sự bất hòa như vậy, chỉ có đồng chí Nguyễn Ái Quốc là người có đủ uy tín và năng lực thống nhất được các tổ chức ấy để thành lập một đảng chân chính của giai cấp công nhân Việt nam. Tại hội nghị đại biểu các tổ chức cộng sản (*) do Người triệu tập và chủ trì theo ủy nhiệm của Quốc tế cộng sản, vấn đề quan trọng nhất được các đại biểu đặc biệt quan tâm là thống nhất các tổ chức cộng sản để thành lập một chính đảng của giai cấp công nhân, nhằm thống nhất sự lãnh đạo của Đảng. Theo tinh thần đó, sau khi các đại biểu của Đông dương cộng sản đảng và An nam cộng sản đảng báo cáo về tình hình và đường lối cách mạng của tổ chức mình, đồng chí Nguyễn Ái Quốc đã kết luận: « Các đồng chí đều theo đường lối của Quốc tế cộng sản, đều chủ trương làm cách mạng tư sản dân quyền tiến lên cách mạng xã hội chủ nghĩa không qua giai đoạn phát triển tư bản chủ nghĩa, các đồng chí đều là những người cách mạng, không có gì khác nhau » (*). Các đại biểu còn tiến hành

(3) Trích trong thư của Quốc tế cộng sản gửi các tổ chức cộng sản ở Việt nam từ ngày 27-10-1929 (*Văn kiện Đảng*, tập 1930, t. 9).

(*) Đông dương cộng sản liên đoàn thành lập tháng 1-1930, không kịp cử đại biểu đến dự hội nghị này.

phê bình và tự phê bình một cách nghiêm túc những khuyết điểm của nhau, hứa sẽ bỏ những thành kiến cá nhân, xung đột cũ và tán thành thống nhất các tổ chức cộng sản... Có đại biểu muốn nói thêm những khuyết điểm về thái độ đối với nhau, đồng chí Nguyễn Ái Quốc ngăn lại và nhắc các đại biểu còn gì khác nhau về chi tiết sẽ giải quyết sau, đề thì giờ bàn về kế hoạch thống nhất các tổ chức cộng sản... Một số đại biểu trao đổi riêng với nhau: "Từ lâu, chúng ta đã đi tìm mối liên lạc để được Quốc tế cộng sản công nhận tổ chức của mình, đến nay mới được gặp đại diện của Quốc tế cộng sản. Nếu chỉ vì khác nhau về một vài điểm nhỏ không cơ bản mà không thống nhất với nhau, thì bỏ lỡ mất cơ hội, sau này liệu có dịp gặp lại được đại biểu của Quốc tế cộng sản không. Vì thế, chúng ta nên đồng ý thống nhất..." (*). Giữa lúc đó, tạp chí Đỏ, cơ quan tuyên truyền của An nam cộng sản đảng, viết những lời kêu gọi thiết tha: « Đồng chí ta ơi, gánh chúng ta còn nặng, đường chúng ta còn xa, chúng ta phải mau mau nhóm sức lại, tập trung thế lực, trí khôn của chúng ta, dùng câu thần chú, làm cho Việt nam mau mau có một đảng cộng sản chính thức, thành một chi bộ của Quốc tế cộng sản, đứng cùng một chiến tuyến với vô sản giai cấp và dân tộc bị áp bức thế giới, theo mệnh lệnh kế hoạch của bộ tổng tham mưu và Quốc tế cộng sản mà tranh đấu.

"Công nông Việt nam, vô sản giai cấp thế giới đương chú ý và trông mong chúng ta lắm, chúng ta phải mau mau đoàn kết lại thành một đảng chính thức" (4).

Việc thống nhất các tổ chức cộng sản ở nước ta tiến hành được thuận lợi và nhanh gọn là do những yếu tố cơ bản sau đây: do yêu cầu cấp thiết của phong trào công nhân và phong trào yêu nước của nhân dân ta lúc đó; do nguyện vọng và thái độ đúng đắn

của các đại biểu dự hội nghị thành lập Đảng; do có sự quan tâm chỉ đạo của Quốc tế cộng sản; do uy tín tuyệt đối của đồng chí Nguyễn Ái Quốc cùng với phương pháp thống nhất có tính nguyên tắc, khoa học và thái độ đúng đắn của Người.

Việc thống nhất các tổ chức cộng sản thành Đảng cộng sản Việt nam, về mặt tổ chức không phải là việc sáp nhập tổ chức này vào tổ chức kia, cũng không phải là các tổ chức cộng sản hợp lại với nhau như một con số cộng đơn thuần, mà là tuyển lựa đảng viên, xây dựng và củng cố các chi bộ, lập ra một đảng mới trên cơ sở đường lối chính trị và đường lối tổ chức đúng đắn thể hiện trong chính cương văn tắt, sách lược văn tắt, điều lệ tóm tắt của Đảng và lời kêu gọi nhân dịp thành lập Đảng. Không phải tất cả các hội viên Việt nam thanh niên cách mạng đồng chí hội đều trở thành đảng viên cộng sản. Trong tổng số 1750 hội viên chỉ có 146 người được vào Đảng, khi thống nhất các tổ chức cộng sản (**). Nói riêng Đảng Tân Việt, chỉ có một số người có xu hướng cộng sản, theo đường lối của Việt nam thanh niên cách mạng đồng chí hội và được thử thách mới trở thành đảng viên Đảng cộng sản liên đoàn. Những người cộng sản đầu tiên của Việt nam đều được đồng chí Nguyễn Ái Quốc trực tiếp hoặc gián tiếp giáo dục về chủ nghĩa Mác - Lênin, về đường lối cách mạng Việt nam, về đạo đức cách mạng và phương pháp công tác thông qua các lớp huấn

(Xem tiếp trang 76)

(*) Theo lời kể của đồng chí Trịnh Đình Cửu, một trong số những người dự hội nghị thành lập Đảng.

(4) Tạp chí Đỏ — (tài liệu lưu trữ tại Vụ lưu trữ Văn phòng Trung ương Đảng).

(**) Theo Hồng Thế Công: *Dự thảo về phong trào cộng sản Đông dương*, tiếng Pháp. Vụ lưu trữ Văn phòng Trung ương Đảng.

Nhớ

NẾU « nước chảy đá mòn » thì thời gian cũng dễ làm phai ký ức. Có những người nhớ lâu, nhưng cũng có những người quên nhanh.

Dù ai nhớ, ai quên thì những sự kiện lịch sử vẫn tồn tại đây, vẫn theo vòng quay của quả đất chung quanh mặt trời, được nhắc nhở bằng những ngày kỷ niệm một năm, mười năm, bốn mươi năm, năm mươi năm...

Quá khứ, hiện tại và tương lai là những mắt xích liên hoàn tuần tự nối tiếp nhau, hình thành sợi dây chuyền đời sống của mỗi quốc gia, dân tộc, của mỗi con người.

Phải chăng vì thế, ý nghĩa của những ngày lễ lớn, kỷ niệm những sự kiện lịch sử quan trọng trong đời sống của dân tộc là nhằm tô đậm lại ký ức của những người đã từng trong cuộc, nhớ đến quang vinh xưa lẫn « nhớ đến gian khổ xưa » (Phú núi Chí linh — Nguyễn Trãi) và nhằm nhắc nhở lớp người đến sau, lớp người thừa kế thành quả của quá khứ, hãy « uống nước nhớ nguồn ».

Mở đầu quyền lịch sử Đảng cộng sản Việt nam quang vinh là những dòng chữ vàng ghi tên Bác kính yêu, ghi ngày thành lập Đảng. Từ xa xưa, như vẫn vọng lại những hồi trống vang dội, thúc giục đấu tranh của Xô viết Nghệ Tĩnh, của Nam kỳ khởi nghĩa... Biết bao nhiêu đồng chí tiền bối đã ngã xuống, lấy máu mình tô thắm lá cờ của Đảng, của cách mạng. Hình ảnh của các đồng chí Trần Phú, Lê Hồng Phong, Nguyễn Văn Cừ,

Ngô Gia Tự, Hoàng Văn Thụ... càng đậm nét với thời gian.

Quý báu biết bao những thước phim ghi lại những hình ảnh của Bác Hồ, những cuộn băng ghi lại tiếng nói của Bác. Bác sống mãi với dân tộc. Trong ngày hoàn thành thắng lợi sự nghiệp giải phóng dân tộc và thống nhất Tổ quốc, mọi người Việt nam vẫn cảm thấy như « có Bác Hồ trong ngày vui đại thắng ». Ngày nay, hình bóng Bác vẫn luôn luôn hiện hiện trong ánh sao của lá quốc kỳ Việt nam, để soi đường cho sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc Việt nam.

Nhớ đến sự kiện là nhớ đến những con người, nhớ đến chính bản thân mình.

Trong vô vàn điều nhớ đến, ai khỏi nhớ đến anh-bộ đội Cụ Hồ. Vừa đánh giặc, vừa tăng gia sản xuất, anh đi hết chiến dịch này đến chiến dịch khác, chỉ thêm « chân cứng đá mềm », chỉ tâm niệm đánh thắng giặc, nào có nghĩ đến thân mình còn, mất. Trong thế trận chiến tranh nhân dân, đi qua bản này, làng khác, đâu đâu anh cũng gặp những người cha « bạch đầu quân », những bà « mẹ chiến sĩ » chăm lo cho anh, và những em thiếu niên, nhi đồng quần quít bên anh. Anh hoàn thành mọi nhiệm vụ, đánh thắng mọi kẻ thù chỉ để được nhân dân ta và nhân dân thế giới gọi anh bằng mấy tiếng giản dị, triu mến, vừa trọng, vừa thương: « anh bộ đội Cụ Hồ ».

Cứ nhắc đến hai tiếng chiến dịch là ai mà khỏi nhớ đến các anh chị em dân công. Anh đẩy chiếc xe thồ gạo, chị vác trên vai hòm đạn, leo đèo, vượt suối, mất dôi theo đoàn quân đi phía trước. Ai mà chẳng có gia đình. Anh còn mẹ già, vợ yếu, còn mảnh vườn cuốc dở, còn mái nhà tranh dột chưa kịp lợp lại. Chị còn mấy đứa con thơ, còn công việc đồng áng, còn mấy mái gà với mấy con lợn. Tạm gác lại, nhờ bà con láng giềng trông nom, anh chị gánh gồng đi theo bước chân anh bộ đội Cụ Hồ để các anh ấy đủ gạo, đủ đạn mà đánh thắng giặc. Niềm vui và phần thưởng duy nhất là được nhìn tận mắt ngọn lửa cháy trên đồn giặc để rồi ngày về kể lại chuyện chiến thắng cho bà con trong xóm thôn nghe. Theo năm tháng trôi qua, mỗi lần đến ngày kỷ niệm, những « người dân công dầu bạc » đó lại « kể lại mãi chuyện Điện Biên ».

Trong sự nghiệp giải phóng dân tộc, bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa đã có biết bao gương chiến đấu anh dũng, hy sinh thì trong sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội cũng diễn ra biết bao gương lao động tận tụy, quên mình.

Trong nhà máy, xí nghiệp ở thành phố, trên đồng ruộng ở nông thôn, trên công trường, nông trường ở nơi này nơi khác, nhân dân lao động Việt nam vẫn dấy, đảng viên cộng sản Việt nam vẫn dấy, đứng vững trên cương vị của mình, bất chấp gian lao, khó nhọc, quyết tâm hoàn thành nhiệm vụ. Bom đạn của kẻ thù gieo tai họa khắp nơi trong chiến tranh; lụt, bão, nắng hạn cùng đủ loại thiên tai hoành hành khắp chốn, hậu phương vẫn đứng vững để chi viện sức lực cho tiền tuyến đánh thắng, và sau ngày thắng lợi cùng cả nước tiến những bước mới về mọi mặt.

Kể sao cho hết những con người đáng quý, đáng yêu, đáng kính, đề

nhớ, đề thương cho người đương thời, cho những thế hệ mai sau.

Trong những con người của thời đại Hồ Chí Minh, đi đầu trong gian lao, nguy hiểm, gương mẫu chịu đựng trước khó khăn, thử thách, vẫn là những đảng viên. Người đảng viên sống trong lòng dân, vì Đảng, vì Tổ quốc, vì nhân dân mà chiến đấu, được nhân dân che chở dùm học. Người đảng viên hoạt động trong vùng địch hậu, trong vùng tự do, trên mọi cương vị, mọi lĩnh vực công tác. Đâu đâu cũng có Đảng. Trong trái tim mọi người Việt nam yêu nước đều in đậm hình ảnh là cờ Đảng kính yêu. Sức mạnh vô địch của chiến tranh nhân dân Việt nam bắt nguồn từ đây. Đây cũng là cội nguồn sức mạnh vô địch của chúng ta ngày nay. Nhân dân ta, Đảng ta như thế đấy.

Không phải mọi người đều trọn vẹn, không phải mọi việc đều hoàn chỉnh, còn có những người thế này thế khác, còn có những thiếu sót này, khuyết điểm khác trong công tác, thế nhưng đội ngũ trùng điệp nhân dân, cán bộ, đảng viên, thế hệ này đến thế hệ khác một lòng một dạ đi theo là cờ của Đảng, của Bác và đã « làm nên lịch sử », đã đặt được những cột mốc vẻ vang trên con đường dẫn đến thắng lợi quang vinh. Vì thế, vào dịp kỷ niệm những ngày lịch sử của Đảng, của dân tộc, trong niềm tự hào chung, mọi người đều thấy có niềm tự hào riêng về chính mình.

Quá khứ như một cái bóng, mà cũng như một tấm gương. Nhìn vào gương đó, thấy lại những sự kiện, cảnh tượng, những con người và cả chính mình trong những năm tháng đã qua. Nhìn gương sao khỏi bồi hồi hồi lại bóng mình trong gương : người hôm nay có gì khác người hôm qua ? Tài có được nâng cao thêm hay đã cùn đi ? Đức có vững hơn hay đã kém rồi ? Thuộc lớp người của « thời đại quang vinh », liệu bây giờ còn có thể làm gương cho lớp người kế tục ?

Đưa mắt nhìn quanh, xã hội mới đang tiến bước. Có thêm biết bao con người, biết bao sự việc đáng tự hào, đáng nhớ. Nhưng không phải không có những người đang lấy cái bóng của mình ngày xưa phủ lên con người mình ngày nay, làm lóa mắt người khác và tự làm lóa mắt mình, làm mờ đi cái gương quá khứ.

Thì ra cái « nhớ » cũng không đơn giản. Phải đâu chỉ là chuyện quay trở lại một đoạn phim quá khứ. Nhớ trước hết vẫn là nhớ đến công ơn của

Dảng, công lao của quần chúng, của tập thể, nhớ đến bài học đã qua, nhớ đến nhiệm vụ đã hoàn thành, đến phẩm chất đã được trau dồi của người, của ta. Nhớ đây không phải là « hoài cổ » mà đề nâng cao mình lên, phát huy những cái hay, cái đẹp của quá khứ, và từ những giá trị của quá khứ làm nên những giá trị mới cao đẹp hơn.

Tấm gương của quá khứ nhắc nhở biết bao điều cho hiện tại và tương lai.

NHUẬN VŨ

Phát huy vai trò...

(Tiếp theo trang 57)

thu xếp công việc gia đình gọn nhẹ, hợp lý, để có thể dành nhiều tâm lực cho học tập, hoạt động xã hội, trau dồi đạo đức, nâng cao trình độ và năng lực cống hiến, đó là con đường phấn đấu của cán bộ nữ để có thể phát huy vai trò, tác dụng trong thực tế. Quá trình phấn đấu của người cán bộ nữ thường rất khó khăn, gian khổ. Tuy các cấp, các ngành đã có quan tâm, nhưng trong thực tế còn không ít điều ràng buộc về kinh tế, phong tục, tập quán, tâm lý v.v. đòi hỏi chị em phải có sự hy sinh nhất định và cách xử thế rất tế nhị, đồng thời phải có sự thông cảm, giúp đỡ của tập thể. Cán bộ nữ đối với nhau càng phải có tình thương và trách nhiệm, chân thành giúp đỡ nhau cùng tiến bộ. Thường xuyên gần gũi với phong trào phụ nữ, cán bộ nữ sẽ tìm thấy ở đây nguồn kích lệ vô tận, những sáng kiến phong phú cũng như những yêu cầu nóng bỏng của cuộc sống thúc dục chúng ta đi lên, vượt qua những bước ngoặt ở mỗi chặng đường.

Cán bộ nữ trưởng thành, vững vàng, làm việc tốt, đó không chỉ là lợi ích của cách mạng, tiến bộ của xã hội, mà còn là hạnh phúc của gia đình, niềm phấn khởi của chồng, con, những người có đóng góp đáng kể trong sự thành đạt của mỗi chị em.

Chỉ thị 44/CT-TW của Ban bí thư mới ra đời trong một thời gian ngắn, nhưng đã nhanh chóng đi vào cuộc sống. Trong bước đầu triển khai chỉ thị, một số địa phương, một số ngành, trên cơ sở nhất trí cao với quan điểm, nội dung của chỉ thị, đã tiến hành khảo sát, đánh giá lại tình hình cán bộ nữ, kiểm điểm công tác cán bộ, đề ra những việc làm cụ thể. Một số nơi đã giải quyết ngay những việc bất hợp lý, như bỏ nhiệm chính thức những cán bộ nữ đủ tiêu chuẩn mà nhiều năm nay vẫn « quyền », chọn cán bộ nữ đưa vào tham gia phụ trách vụ lao động tiền lương, vụ tổ chức cán bộ... Một số nơi đã nghiên cứu, tìm cách giải quyết một số việc cấp bách về điều kiện lao động và đời sống của phụ nữ. Thông tri của Ban tổ chức trung ương cụ thể hóa những quy định về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ nữ làm cho các cấp, các ngành và cán bộ nữ thấy rõ hơn quyết tâm của Trung ương Đảng.

Dù còn nhiều khó khăn, nhưng chúng ta vững tin rằng công tác cán bộ nữ được tiến hành gắn liền với việc kiện toàn tổ chức, đổi mới cơ chế quản lý, sẽ có những bước chuyển biến mới, đưa đội ngũ cán bộ nữ phát triển một cách vững chắc, làm nòng cốt thúc đẩy phong trào cách mạng của phụ nữ vươn lên đáp ứng kịp yêu cầu của thời kỳ mới.

Về vấn đề tăng cường mối liên hệ giữa Đảng với quần chúng

PHAN VĂN ĐĂNG

Lý luận chủ nghĩa Mác - Lê-nin cũng như toàn bộ kinh nghiệm hoạt động của Đảng ta khẳng định rằng: nguồn sức mạnh quan trọng nhất của Đảng là ở mối liên hệ chặt chẽ giữa Đảng với quần chúng. Đây chẳng những là chân lý, mà còn là thước đo lòng trung thành của những người cộng sản đối với sự nghiệp cách mạng của Đảng.

Thực tế cho thấy rằng, những thành tựu trên các mặt kinh tế, văn hóa, xã hội... trong những năm qua là kết quả của những nỗ lực phấn đấu của quần chúng dưới sự lãnh đạo của Đảng và cũng là kết quả của việc tăng cường mối liên hệ giữa Đảng với quần chúng. Mặt khác, những khuyết điểm, những sự trì trệ kéo dài trên nhiều mặt công tác, những hành động thiếu gương mẫu của cán bộ, đảng viên đã ảnh hưởng đến lòng tin của quần chúng, đến việc phát huy sức mạnh lãnh đạo của Đảng. Thời gian qua, những dư luận, những phản ứng chính đáng của quần chúng về những khuyết điểm, thiếu sót nói trên, nhất là những khuyết điểm trong việc thi hành chính sách kinh tế đã đến mức độ không thể coi thường.

Chúng ta có thể thẳng thắn nói rằng: nếu ai phủ nhận những phản ứng chính đáng của quần chúng thì rõ ràng là mắc bệnh quan liêu đáng sợ; nếu thừa nhận mà không giải quyết cứ

để cho tình hình kéo dài thì là vô trách nhiệm, và hơn thế nữa, nếu dùng quyền lực đe dọa trấn áp thì đó là một tội lỗi không thể dung tha.

Sự quan tâm xem xét, giải quyết những yêu cầu chính đáng của quần chúng hoàn toàn khác với quan điểm theo đuổi quần chúng. Nếu có ai coi đó là «theo đuổi quần chúng» thì chẳng qua cũng chỉ để che đậy chủ nghĩa quan liêu, thái độ coi thường quần chúng. Người có thái độ này, khi có vấp vấp trong công tác, thường đổ lỗi cho quần chúng chứ không thấy sự sai trái của mình - thái độ đó hoàn toàn xa lạ với bản chất cách mạng của Đảng ta.

Thực tiễn cho thấy rằng quần chúng tin Đảng, tin lãnh đạo là căn cứ vào việc làm đi đôi với lời nói của các cấp lãnh đạo, của cán bộ, đảng viên. Lãnh đạo có tin quần chúng thì quần chúng mới tin lãnh đạo; lãnh đạo có nghe quần chúng thì quần chúng mới nghe lãnh đạo - đây là sự hiển nhiên của mối liên hệ giữa Đảng với quần chúng. Điều đó cho thấy rằng: muốn trở thành những người tiên phong lãnh đạo quần chúng thì ngoài những điều phải nghĩ, phải làm cho quần chúng, chúng ta còn phải chú ý xem quần chúng nghĩ gì về chúng ta.

Vừa qua, ở nhiều nơi có dư luận quần chúng bàn tán với những lời lẽ mỉa mai đối với một số cán bộ về

cái nhà được xây dựng với nguồn thu nhập bất minh, về việc chiếm hữu đất đai, về việc kinh doanh làm giàu bất chính,... Họ cũng nói thẳng là nếu không ăn cắp của công, không ăn hối lộ, không móc ngoặc với bọn gian thương, thì làm gì số cán bộ này có được cơ ngơi riêng tư như vậy? Ngoài ra, ở nơi này nơi khác còn có những lời kêu ca về những bất công trong phân phối vật tư cho sản xuất nông nghiệp và hàng tiêu dùng, về việc bị ức hiếp hoặc bị trả thù khi tố giác những hành vi bất chính của một số người có chức có quyền.

Từ mối liên hệ giữa Đảng với quần chúng như đã nói trên, chúng ta càng thấy rõ hơn những thiếu sót của công tác xây dựng Đảng vừa qua, càng thấm thía cái giá rất đắt phải trả cho những khuyết điểm trong việc làm kinh tế, như chủ quan, coi thường quy luật, thiếu gắn chặt chính sách kinh tế với chính sách xã hội... Cũng do đó, mà lòng tin của quần chúng đối với Đảng có phần bị giảm, việc tăng cường khối liên minh công - nông có bị ảnh hưởng, quyền làm chủ của nhân dân chưa được thực hiện tốt, sức mạnh của chuyên chính vô sản chưa được phát huy đầy đủ.

Thực tế cuộc sống cho thấy rằng, kinh tế không thể tách rời chính trị. Mối liên hệ giữa Đảng với quần chúng hiện nay không thể thiếu được nội dung kinh tế - xã hội. Vì vậy, nội dung các nghị quyết của Đảng phải phản ánh đầy đủ những nguyện vọng chính chính và những kinh nghiệm của quần chúng, thể hiện sâu sắc mối liên hệ giữa Đảng với quần chúng. Người cán bộ không phải chỉ chịu trách nhiệm trước cấp trên mà còn phải giữ được lòng tin của quần chúng, phải chịu trách nhiệm về những hậu quả chính trị trong mọi việc làm của mình trước quần chúng.

Đề tăng cường mối liên hệ giữa Đảng với quần chúng, phải kiên quyết tẩy trừ các biểu hiện của chủ nghĩa

quan liêu, phải thay đổi tác phong và phương pháp công tác. Phải tuân thủ các nguyên tắc của Lê-nin: hòa mình với quần chúng. Hiểu rõ tâm lý của quần chúng. Biết tất cả. Hiểu quần chúng. Biết tiếp cận quần chúng. Tranh thủ sự tin cậy tuyệt đối của quần chúng. Cần hiểu rằng sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng hoàn toàn xa lạ với chủ nghĩa quan liêu, chủ nghĩa chủ quan và quan điểm coi thường quần chúng.

Nhớ lại những năm kháng chiến chống Mỹ ở miền Nam, do tin quần chúng và dựa vào quần chúng cho nên chúng ta đã vượt qua biết bao khó khăn và đã giành được thắng lợi. Quần chúng đã hiến biết bao kẻ hay trong đánh giặc, phá thế kim kẹp của địch, giành quyền làm chủ và bảo vệ xóm làng. Lúc bấy giờ, mỗi cán bộ, đảng viên đều thấm nhuần ý nghĩa của công tác dân vận, coi "dân vận là gốc", rất quan tâm đến việc giáo dục quần chúng, phát động quần chúng, coi đó là biện pháp hàng đầu để có sức mạnh đấu tranh. Nhưng từ sau ngày giải phóng miền Nam đến nay, công tác giáo dục và tổ chức quần chúng bị xem nhẹ và buông lơi dần, nhiều nơi, nhiều người nặng về dùng mệnh lệnh, coi nhẹ việc giáo dục, thuyết phục quần chúng, không thấy bất cứ lúc nào cũng phải quan tâm củng cố các tổ chức quần chúng, vì các tổ chức quần chúng là công cụ không thể thiếu được để thực hiện mối liên hệ mật thiết giữa Đảng với quần chúng lao động và nhân dân nói chung.

Về vấn đề này, đồng chí Lê Duẩn, Tổng bí thư Ban chấp hành trung ương Đảng ta, đã chỉ rõ: "Mối quan hệ giữa Đảng với quần chúng không chỉ là ý thức và phương pháp, mà còn là vấn đề thuộc quan điểm, lập trường và có tính đường lối hết sức nghiêm túc; việc nắm vững và bảo đảm cho đường lối quần chúng của Đảng không chỉ là vấn đề tư tưởng.

mà còn phải thể hiện bằng tổ chức thực tiễn». Đề phòng ngừa quan điểm coi thường quần chúng trong điều kiện Đảng lãnh đạo chính quyền, đồng chí Lê Duẩn đã nhắc nhở: «cần nhận thức sâu sắc rằng đối với một đảng cầm quyền thì nguy cơ lớn nhất cần phải tránh không những là sai lầm trong đường lối mà cả tệ quan liêu, mệnh lệnh, thói cửa quyền... làm cho Đảng xa rời quần chúng và làm suy yếu chuyên chính vô sản».

Đảng ta tin vào lực lượng sáng tạo vô tận của quần chúng và coi việc phục vụ quần chúng nhân dân là trách nhiệm, là mục đích có ý nghĩa trong toàn bộ hoạt động của mình. Vì đối với người cộng sản không có gì cao hơn là được phục vụ nhân dân lao động, không có phần thưởng nào quý hơn là được sự tin nhiệm của quần chúng nhân dân. Đề thắt chặt mối liên hệ giữa Đảng với quần chúng, chúng

ta phải thực hiện nghiêm chỉnh lời dạy của Hồ Chủ tịch: «cần kiệm liêm chính, chí công vô tư», «đảng viên đi trước, làng nước theo sau», đề «xứng đáng là người lãnh đạo, là người đầy tớ thật trung thành của nhân dân».

Thực tế đã chứng minh một cách sinh động sức sống mãnh liệt và đầy sáng tạo của Đảng ta bắt nguồn từ mối liên hệ mật thiết giữa Đảng với quần chúng. Để vượt qua những khó khăn trên bước đường đi lên chủ nghĩa xã hội, vấn đề có ý nghĩa quyết định là tăng cường mối liên hệ giữa Đảng với quần chúng trong thực tế, bằng việc làm chứ không phải bằng lời nói suông.

Chúng ta có thể quả quyết rằng, mối liên hệ giữa Đảng với quần chúng có được tăng cường thì quyền làm chủ của nhân dân lao động mới thực hiện tốt được.

Từ việc thành lập...

(Tiếp theo trang 70)

luyện, thông qua tổ chức Việt nam thanh niên cách mạng đồng chí hội và sách báo như *Đường cách mạng*, tuần báo *Thanh niên*, v.v. Họ được rèn luyện và thử thách trong phong trào đấu tranh của quần chúng và phong trào «vô sản hóa».

Như vậy, việc thống nhất các tổ chức cộng sản để thành lập Đảng cộng sản Việt nam (đến tháng 10-1930 đổi tên là Đảng cộng sản Đông dương) là sự vận dụng sáng tạo những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lê-nin về xây dựng Đảng vào hoàn cảnh lịch sử cụ thể của nước ta.

Sự ra đời của Đảng ta còn là kết quả của cả một quá trình đấu tranh của những người cách mạng Việt nam do đồng chí Nguyễn Ái Quốc đạo tạo, kiên quyết chống chủ nghĩa cải lương phản dân tộc của bọn phong

kiến và tư sản phản động làm tay sai cho đế quốc; chống tư tưởng dân tộc cải lương mà thực dân Pháp dùng để xoa dịu, đánh lạc hướng đấu tranh của quần chúng, cũng như chống các trào lưu tư tưởng, chính trị sai lầm khác.

Trong báo cáo của Người gửi Quốc tế cộng sản về tình hình cách mạng Việt nam, đồng chí Nguyễn Ái Quốc đã đánh giá việc thống nhất các tổ chức cộng sản và thành lập Đảng ta như sau: «Ngày nay, các tổ chức cộng sản đã thống nhất vào một Đảng, hoạt động nhất định tốt hơn trước nhiều... Chúng ta có thể tin tưởng chắc chắn rằng, với kinh nghiệm và lòng hy sinh, với quần chúng ở bên cạnh, những người cộng sản nhất định sẽ chiến thắng» (5).

(5) Nguyễn Ái Quốc: *Báo cáo về tình hình cách mạng Việt nam đầu năm 1930* (tài liệu lưu trữ tại Vụ lưu trữ Văn phòng Trung ương Đảng).

Trao đổi ý kiến

XÂY DỰNG LỐI SỐNG XÃ HỘI CHỦ NGHĨA Ở VIỆT NAM HIỆN NAY*

TRẦN ĐỘ

... Sự hình thành lối sống xã hội chủ nghĩa có quy luật hay không? Nếu có thì là những quy luật gì? Chúng tôi nêu lên những mối quan hệ có tính quy luật sau đây:

1. Quan hệ giữa cái vật chất và cái tinh thần; 2. Giữa tính phổ quát và tính dân tộc; 3. Giữa tính kế thừa và tính phát triển; 4. Giữa tập thể và cá nhân; 5. Giữa cưỡng chế và tự lựa chọn; 6. Giữa xóa bỏ, cải tạo và xây dựng trong đấu tranh xây dựng lối sống xã hội chủ nghĩa.

Quan hệ giữa cái vật chất và cái tinh thần:

Trong tục ngữ của ta có câu «phú quý sinh lễ nghĩa». Có thể hiểu câu này có ý chế giễu những kẻ giàu có rôm đời, hay bày vẽ các thứ lễ nghĩa phô trương lối bịch; nhưng mặt khác, cũng có thể hiểu là nó có khía cạnh nói lên sự phụ thuộc của cái tinh thần vào cái vật chất: muốn có lễ nghĩa thì phải phú quý. Bên cạnh câu nói trên, ta còn có những câu: «giấy rách phải giữ lấy lề» và «đói cho sạch, rách cho thơm». Những câu đó nói lên lòng tự hào và những giá trị tinh thần, có ý nghĩa khuyến giáo giữ vững những giá trị tinh thần, không để cho điều kiện vật chất chi phối. Các câu tục ngữ trên đều có yếu tố chân lý, nhưng chỉ áp dụng được trong một số trường hợp chứ không thể nói lên tính phổ biến, tính tuyệt đối của mối quan hệ giữa cái vật chất và cái tinh thần. Mối quan hệ này là mối

quan hệ biện chứng, nó năng động, phong phú và phức tạp.

Trước hết, cần gạt bỏ ngay loại ý kiến khẳng định rằng, không có điều kiện vật chất tốt thì không thể xây dựng lối sống đẹp được. Đồng thời cũng cần gạt bỏ loại ý kiến cực đoan khác cho rằng, chỉ cần giáo dục tư tưởng đúng và đầy đủ thì với bất cứ hoàn cảnh vật chất như thế nào cũng có thể xây dựng được lối sống đẹp. Ta cần xem xét mối quan hệ này trong nhiều khía cạnh và ở nhiều quy mô, cấp độ khác nhau.

Mối quan hệ này phải chăng trùng hợp với mối quan hệ giữa *mức sống* và *lối sống* và quy chiếu đơn giản nó thành *mức sống* là vật chất và *lối sống* là tinh thần không?

Không thể được, khi ta đụng đến khái niệm *mức sống* thì ta cũng gặp hai cách hiểu. Có thể hiểu *mức sống* là *mức sống vật chất*. Nhưng cũng có thể hiểu *mức sống* là một trình độ sống nói chung, nó bao gồm cả mức thỏa mãn những nhu cầu vật chất trong cuộc sống và những yêu cầu về đạo đức, tinh thần và vì vậy nó nói lên *trình độ của lối sống*. Cũng phải xét đến những khái niệm «*trình độ sống*», «*chất lượng sống*» được tung ra với ý định mô tả mức sống vật chất, thể hiện ở mức thu nhập quốc dân, số lượng và chất lượng sự tiêu dùng của cải vật chất để khoe khoang và bảo chữa cho sự phát triển của chủ nghĩa tư bản. Cũng có người sử dụng

* Xem Tạp chí Cộng sản từ số 1-1985.

những khái niệm «trình độ sống» và «chất lượng sống» với dụng ý quy cuộc sống con người vào sự tiêu dùng vật chất mà không cần quan tâm đến các giá trị đạo đức, tinh thần; họ muốn lấy những đại lượng đo lường vật chất làm những tiêu chuẩn duy nhất để tính đếm và đánh giá «trình độ sống». Điều đó không thể chấp nhận được.

«Bất cứ mức sống như thế nào cũng có thể xây dựng được một lối sống đẹp», ý kiến đó có ý nghĩa nhấn mạnh đến mặt đạo đức và tinh thần của lối sống. Sự thật trong lịch sử dân tộc ta, chúng ta đã trải qua những thời kỳ mà mức sống vật chất rất thấp, mọi người sống rất gian khổ và thiếu thốn nhưng đã sống rất cao đẹp. Chúng ta đã thấy rất rõ cuộc sống gian khổ của những người cộng sản trong các nhà tù của đế quốc Pháp, cuộc sống đầy nguy hiểm và thiếu thốn của các chiến sĩ chiến đấu trên các mặt trận cũng như của toàn thể nhân dân hai miền Nam, Bắc trong kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ. Mọi người hầu như chỉ thu nhập rất ít ỏi, nhưng đều sống trong một cuộc sống đầy tình thương yêu, nhân ái, nhường nhịn, chia sẻ, quý mến, tôn trọng nhau nhất mực, mọi người thương yêu nhau đến mức chia sẻ cả sinh mệnh cho nhau, vì nhau. Đó là những giá trị đạo đức cao đẹp, mà nhân loại tiến bộ đánh giá nó như là nhân phẩm của loài người. Tuy nhiên, những người cộng sản không bao giờ chủ trương xây dựng một cuộc sống nghèo nàn và chỉ cần đẹp về đạo đức. Cho nên, chúng ta có thể phải nói rõ thêm ý kiến là «bất cứ trong điều kiện *mức sống vật chất* như thế nào, ta cũng có thể có một *lối sống đẹp về đạo đức và tinh thần*». Nói như vậy để bác bỏ một cách dứt khoát ý kiến cho rằng cuộc sống phải có mức sống vật chất đầy đủ mới nói đến lối sống đẹp được. Ý kiến sai lầm này giải thích mọi hiện tượng tiêu cực trong xã hội bằng sự

thiếu thốn vật chất, và thừa nhận chỉ có những tên ty phú tư bản cá mập, hoặc những tên vua chúa ngày xưa có cuộc sống vật chất đầy đủ mới có lối sống cao đẹp. Ý kiến đó dẫn tới một loại ý kiến phản động là cứ sống thật đầy đủ phê phỡn là có lối sống đẹp.

Mối quan hệ giữa vật chất và tinh thần có nhiều cấp độ, quy mô khác nhau. Ở cấp độ chung nhất, ở quy mô toàn xã hội là quan hệ giữa phương thức sản xuất xã hội và lối sống của xã hội. Phương thức sản xuất quy định chế độ chính trị và tư tưởng đạo đức của xã hội. Phương thức sản xuất xã hội xã hội chủ nghĩa dựa trên cơ sở chế độ công hữu về tư liệu sản xuất đòi hỏi ở lối sống của mọi người hai điều cơ bản là *lao động và tinh thần tập thể*. Nhưng lối sống bao gồm các hành vi ứng xử hằng ngày, những hành vi ứng xử này gắn chặt với các điều kiện vật chất cụ thể. Ví dụ, những người sống trong môi trường công nghiệp hiện đại, ở đó phương tiện đi lại chủ yếu là cơ giới, công cộng, thì sống khác hẳn với những người mà phương tiện đi lại chỉ là đôi chân hay cái xe đạp. Người lao động chân tay với những công cụ thô sơ nhất định không thể có thói quen chăm sóc quần áo, đầu tóc như những nhà hoạt động ngoại giao. Các thanh niên với thân thể cường tráng, sinh lực dồi dào và đang phát triển không thể sống như các ông già đã trải qua cuộc đời dài đằng đẳng và sức lực đã suy tàn v.v

Ở đây ta cần xem xét nhiều hơn đến phạm vi và hành vi ứng xử hằng ngày và những điều kiện vật chất cụ thể của cuộc sống như nhà ở, quần áo, tiện nghi, đồ dùng, mức độ ăn uống.

Có những loại hành vi sống đòi hỏi phải có những điều kiện vật chất tối thiểu hợp lý, ví dụ, muốn ăn ở trật tự, vệ sinh, nhất thiết người ta phải có điều kiện tối thiểu, hợp lý về chỗ ở, về nguồn nước và ánh sáng.

Không thể chỉ hô hào chung chung, ăn ở cho trật tự, vệ sinh mà tự nhiên có được. Yêu cầu mọi người phải đến cơ sở làm việc đúng giờ, mà trong điều kiện đường giao thông luôn luôn ách tắc, phương tiện giao thông hỏng hóc thường xuyên thì yêu cầu đó cũng khó thực hiện trọn vẹn.

Ngược lại, trong những trường hợp khác thì yếu tố tinh thần đạo đức và tình cảm lại quyết định cái xấu hay cái tốt trong lối sống. Ví dụ, nhiều gia đình đều có các điều kiện vật chất tương tự, nhưng gia đình này thì có một cuộc sống hòa thuận, êm ấm, ai cũng cảm thấy hạnh phúc; gia đình khác thì mỗi thành viên luôn thấy ngột thở như « sống trong địa ngục ». Người này có chỗ ở cao sang, phương tiện tiếp khách sang trọng: phòng khách rộng rãi, chè ngon, rượu đắt tiền, nhưng khách đến chơi cảm thấy ngượng nghịu không thoải mái. Ngược lại, người khác, chỗ ở nghèo nàn, chật chội nhưng khách cảm thấy hào hứng, vui vẻ, hạnh phúc trong một quan hệ tình người đầm ấm. Cũng có những hành vi ứng xử không thiếu gì các hình thức chào hỏi, cười cợt, bắt tay, vỗ vai... nhưng những cử chỉ biểu hiện sự giả dối, nhạt nhẽo, hách dịch, khinh thường thì chỉ gây nên sự buồn bực, thậm chí tổn hại trong cuộc sống.

Trong trường hợp thứ hai thì không đòi hỏi điều kiện vật chất gì, chỉ đòi hỏi những chuẩn mực tinh thần, những chuẩn mực mang ý nghĩa đạo đức và nhân văn, ý nghĩa thẩm mỹ rất lớn. Tuy nhiên, cũng khó có thể phân cắt dứt khoát những trường hợp yêu cầu điều kiện vật chất và những trường hợp không yêu cầu điều kiện vật chất. Ở nhiều địa phương, cấp ủy Đảng và chính quyền đã đặt vấn đề tổ chức tốt đời sống cho nhân dân để xây dựng lối sống. Tổ chức tốt đời sống là căn cứ vào trình độ kinh tế hiện nay, căn cứ vào những điều kiện

vật chất hiện có mà tổ chức sự ăn, ở, đi lại cho thuận tiện, hợp lý, tạo ra những điều kiện vật chất tối thiểu như sửa sang nhà cửa, đường sá, cung cấp nước và ánh sáng một cách vệ sinh, khoa học; đặc biệt là tổ chức sự phân phối lưu thông, tổ chức mạng lưới thương nghiệp, bảo đảm mỗi người có thể mua được lương thực, thực phẩm, các nhu yếu phẩm được thuận lợi, công bằng và nhanh chóng; tổ chức mạng lưới các cơ sở giáo dục, thiết chế văn hóa cho hợp lý, bảo đảm đáp ứng những nhu cầu học tập, nhu cầu văn hóa của nhân dân. Khi tất cả các mặt đó được tổ chức tốt, thì bộ mặt đời sống của nhân dân tốt đẹp hơn và đó cũng là biểu hiện đẹp của lối sống. Đó là một cách đặt vấn đề đúng đắn để giải quyết tốt mối quan hệ giữa cái vật chất và cái tinh thần.

Trong lối sống, những yếu tố vật chất không phải là những điều kiện quyết định trực tiếp mà chỉ là những điều kiện cần có để xây dựng lối sống. Cái quyết định lối sống đẹp hay xấu là sự giác ngộ chính trị, trình độ tư tưởng, trình độ nhận thức về đạo đức, về thẩm mỹ. Đương nhiên, những yếu tố tinh thần ấy nói chung chỉ có thể tác động đến lối sống trên cơ sở những điều kiện vật chất nhất định. Song chúng ta cũng cần thấy rằng trong lối sống có những hành vi ứng xử hầu như không cần điều kiện vật chất gì mấy. Nhiều cơ sở đã xây dựng những quy chế, quy ước, điều lệ về giữ trật tự, vệ sinh chung, về giao tiếp giữa người và người, về xây dựng gia đình văn hóa mới, xây dựng những đoàn viên công đoàn, đoàn viên thanh niên tích cực... và đã đạt được những kết quả tốt đẹp.

Như vậy, trong công cuộc xây dựng lối sống mới, lối sống xã hội chủ nghĩa, ta cần nhận thức một cách biện chứng mối quan hệ giữa cái vật chất và cái tinh thần. Không thể coi thường, thậm chí phủ nhận những

yếu tố vật chất, vì như vậy sẽ mắc bệnh chủ quan, thậm chí duy tâm. Đồng thời phải thấy vai trò quyết định của ý thức tư tưởng trong việc xây dựng lối sống, trên cơ sở đó phát huy tính tích cực, chủ động và tự giác trong việc xây dựng lối sống. Đương nhiên vai trò quyết định của ý thức tư tưởng trong việc xây dựng lối sống chỉ có thể được thực hiện trên cơ sở những điều kiện vật chất nhất định vì bản thân cuộc sống bao giờ cũng diễn ra trong sự thống nhất giữa cái vật chất và cái tinh thần...

HỒNG LONG:

... Xã hội xã hội chủ nghĩa, ngay từ những ngày đầu của thời kỳ quá độ, đã thực hiện việc trả lại quyền sở hữu đối với tư liệu sản xuất cho quần chúng lao động, xóa bỏ nguyên nhân phân chia xã hội thành các giai cấp đối kháng. Điều kiện mới ấy là cơ sở kinh tế - xã hội trên đó xây dựng nên lối sống mới của người lao động từ nay sử dụng tư liệu sản xuất, lao động tạo ra của cải cho mình và con cháu mình.

Lao động là nguồn gốc tạo ra hiểu biết và nghĩa tình sâu sắc giữa người với người, là nguồn gốc của mọi của cải vật chất và tinh thần và là cái tạo nên sức mạnh của mọi con người gắn bó với nhau vì sự sống và hạnh phúc chân chính của con người xã hội.

Đó là điều cơ bản nhất quyết định bản chất của lối sống mới xã hội chủ nghĩa, và đó cũng là tiền đề để giải quyết mọi khía cạnh khác nhau của đời sống xã hội, của con người xã hội với lối sống mới vô cùng phong phú của mình.

Cá nhân - gia đình - xã hội trong chủ nghĩa xã hội là một thể thống nhất biện chứng, và lối sống xã hội chủ nghĩa mà chúng ta đã và đang xây dựng, thể hiện trong tinh thống nhất

biện chứng ấy. Chủ nghĩa xã hội, chế độ làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa xây dựng quan hệ đúng đắn tốt đẹp giữa người với người trong xã hội trên cơ sở phát huy tính năng động sáng tạo của mỗi cá nhân mà vị trí cụ thể của họ là do lao động, phẩm chất và quy mô của những giá trị mà họ cống hiến cho xã hội tạo nên. Và đó cũng là điều cơ bản quyết định và hướng dẫn lối sống tốt đẹp của mỗi cá nhân trong tinh thống nhất của toàn xã hội. Gia đình xã hội chủ nghĩa với những quan hệ mới do những biến đổi kinh tế - xã hội tạo nên là tế bào hữu cơ và tích cực của xã hội, vừa thể hiện thường xuyên những nguyên tắc, những lý tưởng, những yêu cầu cơ bản của xã hội, vừa tạo điều kiện để các thành viên trong gia đình đi tới sự phát triển toàn diện của cá nhân tham gia tích cực và xứng đáng vào mọi lĩnh vực hoạt động của đời sống xã hội. Xã hội xã hội chủ nghĩa lần đầu tiên trong lịch sử từ bỏ lối sống hỗn độn trong cạnh tranh, lừa lọc, người với người là chó sói, để xây dựng lối sống mới, chăm lo, vun xới đời sống ngày càng tốt đẹp của con người chân chính trong tinh thương và lễ phái, người với người là bạn.

Lối sống mới xã hội chủ nghĩa cũng như bản thân chủ nghĩa xã hội không thể hình thành ngay được mà phải trải qua những bước phát triển tất yếu với những đặc trưng thuộc về bản chất của thời kỳ quá độ đi lên chủ nghĩa xã hội.

Lối sống xã hội chủ nghĩa được hình thành không nhất thiết phải chờ có sự hoàn thiện của phương thức sản xuất xã hội chủ nghĩa. *Quần chúng lao động với đội ngũ tiên phong của mình, phát triển bản chất cách mạng trong đời sống hiện thực ở giai đoạn mới tạo nên những hình mẫu của lối sống mới xã hội chủ nghĩa ngay ở những ngày đầu của thời kỳ quá độ*

với bao nhiêu khó khăn khách quan.

Những thế hệ mới sinh ra từ chế độ mới, với trình độ văn hóa cao hơn, có kiến thức khoa học và hiểu biết mới, nếu được giáo dục và rèn luyện tốt có thể tạo nên lối sống mới ngay trong điều kiện vật chất cũng như mức sống còn thấp của thời kỳ quá độ. Đó là biểu hiện tính ưu việt và sức mạnh của chủ nghĩa xã hội.

Khía cạnh gay gắt trong quá trình xây dựng lối sống mới là cuộc đấu tranh chống lại những quan điểm bảo thủ, lạc hậu và mọi tập quán cổ hủ, những sức mạnh của lối sống cũ còn lưu lại cũng như lực kéo của lối sống tư bản chủ nghĩa đang còn mạnh ở nhiều dân tộc.

Những nhà tư tưởng tư sản luôn luôn che giấu bản chất giai cấp và bóc lột của lối sống tư sản, sử dụng những sách báo phổ thông và mọi phương tiện thông tin để quảng cáo cho cái gọi là "lối sống phương Tây", lối sống "vật chất trần trụi", lối sống tự do buông thả, những khái niệm mê dân về cái gọi là "chất lượng sống" của "xã hội công nghiệp phát triển", của xã hội "hậu công nghiệp", "hậu đô thị", "siêu đô thị". Các nhà tư tưởng của giai cấp tư sản lại luôn luôn nêu lên lòng tin về bản chất cố hữu của con người, về lối sống cá nhân, ích kỷ, tham lam theo đời sống vật chất để công khai thách thức chế độ xã hội mới, xã hội chủ nghĩa.

Vì vậy xây dựng lối sống mới, xã hội chủ nghĩa không thể không đấu tranh chống lại mọi sự tiến công ấy của lối sống cũ, đặc biệt là ở thời điểm của những bước đi ban đầu của thời kỳ quá độ. Cuộc đấu tranh phê phán lối sống cũ, lạc hậu, lối sống sa đọa, hạ thấp phẩm giá con người ấy không phải chỉ trên mặt trận lý luận và tư tưởng, bằng các phương tiện tuyên truyền giáo dục mà ngay trong đời sống hiện thực cụ thể bằng nhiều biện

pháp kinh tế, chính trị, văn hóa, kể cả những biện pháp hành chính và bạo lực khác nhau, tùy theo các hiện tượng và điều kiện, cũng như đối với các đối tượng cụ thể khác nhau...

BÙI ĐĂNG DUY:

.. Nhiệm vụ xây dựng lối sống xã hội chủ nghĩa trong thời kỳ quá độ là gì?

Nếu coi nhân cách là hạt nhân của lối sống thì vấn đề "ai thắng ai" trong thời kỳ quá độ cũng chính là cuộc đấu tranh cho sự hình thành nhân cách xã hội chủ nghĩa chống lại — như C. Mác nói — đạo đức, trí tuệ vẫn còn mang nặng dấu vết của xã hội cũ, xã hội đã đổ ra nó.

Để xác lập một thế giới quan khoa học làm cơ sở cho nhân cách xã hội chủ nghĩa thì phải loại bỏ các thế giới quan tiền khoa học và tiền lý luận của con người cũ. Muốn vậy, Đảng của giai cấp công nhân phải xây dựng được một hệ thống giá trị văn hóa, tạo nên một quá trình rộng lớn và sâu sắc cho sự ra đời của nhân cách xã hội chủ nghĩa.

Trước hết, nhiệm vụ của cách mạng tư tưởng và văn hóa là "biến mọi giá trị văn hóa thành tài sản của nhân dân và tạo điều kiện để nhân dân trực tiếp sáng tạo ra mọi giá trị văn hóa", tổ chức lại nền giáo dục quốc dân, tiến hành giáo dục cộng sản chủ nghĩa, đưa lại cho người lao động những tài sản văn hóa chân chính của dân tộc, của con người.

Đi liền với đó là những nhiệm vụ về kinh tế: Thu hút quần chúng vào hoạt động lao động, lĩnh vực quan trọng nhất của lối sống con người. Phân phối theo lao động thể hiện sự quan tâm của xã hội tới nhu cầu vật chất và sự phát triển những "mầm mống" của sự phân phối cộng sản chủ nghĩa. Sự kiểm tra xã hội được

coi như hoạt động của Nhà nước và của nhân dân mà, như V.I. Lê-nin đã viết, nếu thiếu kiểm kê và kiểm soát của Nhà nước đối với sản xuất và phân phối thì không những chính quyền nhân dân mà cả tự do của người lao động cũng có nguy cơ bị xóa bỏ, có nghĩa là điều kiện để phát triển nhân cách cũng không còn nữa.

Trong thời kỳ quá độ, chủ nghĩa xã hội mới được xây dựng trên cơ sở một nền công nghiệp mà ở nhiều mặt còn thừa hưởng từ xã hội cũ. Vì vậy, một tổ chức lao động được tẩy rửa mọi sự tha hóa là điều chưa thể có được. Nhưng điều quan trọng là chủ nghĩa xã hội ngay từ buổi đầu đã có điều kiện để thiết lập một tổ chức lao động mới mà cơ sở kinh tế của nó là chế độ công hữu về tư liệu sản xuất. Chúng ta phải dần dần thu hút *toàn thể* quần chúng tham gia vào tổ chức lao động đó, chỉ có chủ nghĩa xã hội với tổ chức lao động của mình mới làm cho lao động trở thành hoạt động-giải phóng con người, biểu hiện rực rỡ nhất bản chất mới của con người xã hội chủ nghĩa. Một khi lao động không còn là công việc riêng tư và trở thành một hoạt động tập thể thì sẽ cho phép con người phát huy đến mức cao nhất năng lực và sáng kiến của mình. Chỉ có trong trường học của lao động sáng tạo rộng rãi này thì những hiện tượng tiêu cực, hậu quả của sự làm hư hỏng và làm sa đọa con người của xã hội cũ, hậu quả của cuộc chiến tranh xâm lược lâu dài, của việc quản lý kinh tế xã hội chưa khoa học, mới từng bước được khắc phục để tạo ra một lối sống đẹp. Bởi vì, một khi những việc cải tạo trên được thực hiện thì những biến đổi cũng tự nhiên diễn ra trong cơ cấu xã hội và cơ cấu giai cấp của xã hội, và đến lượt mình những cái đó sẽ tác động tới sự phát triển của nhân cách, của lối sống.

Nói rằng, tuy mức sống chưa cao, vẫn có thể tạo ra một xã hội đẹp về

lối sống, không có nghĩa là ta được phép vi phạm nguyên tắc hết hợp hài hòa giữa cái vật chất và cái tinh thần của lối sống xã hội chủ nghĩa.

Chúng ta khẳng định có thể xây dựng sớm một lối sống đẹp trước khi có hẳn một nền sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa. Lịch sử xã hội đã có nhiều ví dụ sinh động về mối quan hệ biện chứng giữa kinh tế và văn hóa, về tính độc lập tương đối của cấu trúc thượng tầng đối với cơ sở hạ tầng. C. Mác và Ph. Ăng-ghe-n đã cho chúng ta một bức tranh sinh động về sự lụn bại của tình hình chính trị, xã hội của nước Đức (cuối thế kỷ XVIII, đầu thế kỷ XIX) đã đi đôi với thời hoàng kim của văn học; sự phát triển chậm về kinh tế của nước Pháp đã đi liền với vai trò hàng đầu của triết học Pháp đối với nước Anh và cuối cùng sự vươn lên của triết học Đức đối với hai nước trên.

Giá trị học tư sản hoặc tuyệt đối hóa các giá trị theo lập trường tiền nghiệp chủ nghĩa hoặc hạ thấp chúng thành số không theo quan điểm kinh tế tâm thường. Về lối sống cũng vậy, hoặc nó bị coi là một hiện tượng tồn tại ở ngoài thời gian, không gian hoặc nó bị quy giản trực tiếp và máy móc thành phạm trù kinh tế, nó bị đồng nhất với mức sống. Quyết định luận xã hội lịch sử về lối sống không gạt bỏ giá trị học về nó, lối sống vừa kết tinh cái tất yếu, gắn chặt với phương thức sản xuất, vừa bao chứa những giá trị. Do đó, nó có thể đi trước mở đường cho mức sống, cho phương thức sản xuất tiến theo.

Yếu tố thúc đẩy sự tiến hóa của lối sống không phải chỉ ở *số lượng* của mức sống mà còn ở *chất lượng*, ở *nội dung*, ở tính nhiều ý nghĩa của lối sống, đó là tính hơn hẳn của lối sống này so với lối sống khác. Vai trò lãnh đạo xã hội ở đây đóng vai trò quyết định. Điều kiện tiên quyết là Nhà nước chuyên chính vô sản phải có

chính sách văn hóa trong đó lối sống xã hội chủ nghĩa là một mục tiêu được triển khai theo chương trình nhất định. Trong vô số công việc của công trình dài hơi đó thì việc tiếp cận khái niệm lối sống, việc giải quyết những vấn đề lý luận về lối sống là một việc làm cấp thiết, đang đặt ra trước mắt chúng ta...

ĐỒ HUY

... Trong chặng đường trước mắt, cuộc đấu tranh cho sự chiến thắng của lối sống xã hội chủ nghĩa còn gay go, quyết liệt, bởi vì lối sống xã hội chủ nghĩa còn non nớt phải đương đầu với các tập quán bảo thủ, tri trệ hàng nghìn năm của các phương thức sản xuất cổ sơ, tiền tư bản, buộc chúng ta phải làm rõ *hướng tiến tới và mỗi bước đi* của các hình thức chung sống mới. Đây là vấn đề có tính chất phương pháp luận gắn liền với quan điểm, lập trường, tính sáng suốt cách mạng và thế giới quan khoa học. Sự xác định các bước đi và các mục tiêu của quá trình xây dựng các hình thức chung sống mới cũng là sự xác định việc hình thành các giá trị mới, định hướng các phong tục tập quán và truyền thống mới. Nhờ tính giai đoạn, mục tiêu gần chuẩn bị cho mục tiêu xa mà chúng ta khắc phục được các mặt ảo tưởng trong lý tưởng. Làm sao chúng ta có thể đưa đồng đều cả Tây nguyên, Tây bắc và các vùng dân tộc thiểu số khác cùng một lúc tiến vào chủ nghĩa xã hội. Không thể có văn hóa mẫu hệ, nhà rông bước ngay vào nền văn minh công nghiệp mà không trải qua những bước quá độ dưới sự tác động tích cực của các nhân tố chủ quan cách mạng có định hướng. Vì lẽ đó, việc xác định các bước đi của sự nghiệp xây dựng lối sống xã hội chủ nghĩa trên toàn lãnh thổ phải tính đến điều kiện của mỗi vùng, mỗi miền, mỗi khu vực dân cư, mỗi dân tộc, trên

cơ sở phương thức sản xuất xã hội chủ nghĩa

Việc xác định nội dung và cách làm của từng bước đi cũng đặt trước chúng ta các nguyên tắc phương pháp luận trong việc xây dựng các *mặt tổng thể* lối sống xã hội chủ nghĩa. Nếu mỗi hình thức chung sống ở mỗi xã hội đều là *sự kết tinh của toàn bộ* các hoạt động sống của con người, nó là loại hình hoạt động lịch sử cụ thể được quy định của cá nhân, là những nét cơ bản nhất của đời sống hiện tại thì nó là toàn bộ sự tổng hợp các quan hệ phức tạp. Vì thế, nó không chỉ được xác định bởi phương thức sản xuất. Cái biên độ và cấp độ của mỗi lối sống gần với biên độ và cấp độ của hình thái kinh tế xã hội hơn. Nó là sự kết tinh của cả truyền thống lẫn cái hiện đại, cái vật chất lẫn cái tinh thần, cái dân tộc với cái quốc tế, cái cá nhân và cái xã hội, cái chung và cái riêng, cái khách quan và cái chủ quan. Rõ ràng là trong một mối chằng chéo các quy luật tác động vào nhau tạo thành lối sống đó, việc tìm ra hướng chủ đạo song song với việc xác định những bước của nội dung là cần thiết. Nếu ta xác định rằng lối sống xã hội chủ nghĩa khác về căn bản với toàn bộ lối sống của các phương thức sản xuất trước nó ở nội dung lao động, chủ nghĩa tập thể, quyền làm chủ, các quan hệ giao tiếp... thì mỗi bước đi của nội dung này cần được xác định từng mặt theo cả chiều rộng và chiều sâu. Làm chủ tập thể, lao động, tình thương, lễ phải... nếu quán xuyên toàn bộ lối sống xã hội chủ nghĩa thì mỗi chặng đường, mỗi dân tộc, mỗi vùng, mỗi miền phải được định hướng tạo thành giữ gìn cơ bản của các phong tục, tập quán.

Do lối sống gắn liền với văn hóa, với tư tưởng, với đạo đức, với các quan hệ thâm mỹ, với các cấu trúc nhu cầu, với tâm lý, với lợi ích... mà nó mang tính độc lập tương đối so

với sự phát triển của cơ sở kinh tế. Đại hội đại biểu toàn quốc thứ V của Đảng đã khẳng định chúng ta có thể bước đầu tạo ra một xã hội đẹp về lối sống tuy mức sống vật chất còn chưa cao, chính là căn cứ vào trình độ và tính tích cực xã hội của các hoạt động tinh thần của nhân dân ta.

Dưới sự lãnh đạo của Đảng, cái tiềm năng tinh thần của dân tộc hướng đích, được thức tỉnh, mang một sức mạnh to lớn dưới tác động của hệ tư tưởng khoa học của chủ nghĩa Mác - Lê-nin.

Tuy nhiên, mỗi người mác xít đều hiểu sâu sắc rằng trình độ phát triển của tinh thần, ý thức xã hội đều được quyết định bởi các quan hệ vật chất, bởi tồn tại xã hội. Vì thế, việc chủ động tạo ra một lối sống đẹp, trên cơ sở các tiềm năng tinh thần của xã hội, không thể tách khỏi những điều kiện vật chất lối sống để duy trì và phát triển nó. Những mặt tiêu cực trong lối sống của chúng ta không chỉ do các quan hệ tinh thần quyết định. Vì lẽ đó, chúng ta không thể quan niệm rằng, để tạo ra lối sống xã hội chủ nghĩa, chúng ta chỉ quan tâm đến việc giáo dục chính trị, giáo dục đạo đức, giáo dục thẩm mỹ, giáo dục nghệ thuật mà ít quan tâm đến cách mạng khoa học kỹ thuật, nâng cao trình độ phát triển của lực lượng sản xuất... dù rằng các quan hệ tinh thần quan trọng biết nhường nào.

Cần phải thấy rằng, lối sống đẹp, bao gồm cả một tổng thể cái vật chất và cái tinh thần thông qua các quan hệ cá nhân và xã hội. Mặt đạo đức hay thẩm mỹ, mặt lao động hay giao tiếp chỉ phản ánh một bộ phận trong cái tổng thể ấy. Có đạo đức tốt, có óc thẩm mỹ phong phú, có học vấn cao, có văn hóa rộng... chỉ là những mặt khác nhau của cái tổng thể lối sống này. Những mặt đó tham gia nhiều vào việc xác định bộ mặt đặc thù của lối sống, còn trình độ phát triển của

lối sống xã hội chủ nghĩa phải phụ thuộc vào cả tính chất phát triển của chế độ xã hội chủ nghĩa, trên nền tảng phát triển của quan hệ sản xuất và lực lượng sản xuất.

Chúng ta đang tiến hành đồng thời ba cuộc cách mạng, xây dựng nền kinh tế mới, nền văn hóa mới, xây dựng con người mới xã hội chủ nghĩa, chính là đứng trên quan điểm toàn diện để chủ động xây dựng lối sống xã hội chủ nghĩa. Chúng ta có thể, trong những mối chằng chéo các nút thắt, tìm thấy cái nút đầu tiên để gỡ, mặc dù nó nằm ở đâu. Tính sáng suốt cách mạng và tính năng động chủ quan là điều kiện rất quan trọng để phát hiện và giải các nghịch lý một cách thông minh nhất. Chúng tôi nghĩ rằng trong tình hình của chúng ta, cái mới, cái nút có thể gỡ từ việc xây dựng nhân cách xã hội chủ nghĩa.

HOÀNG VINH:

...Nếp sống và văn hóa là hai khái niệm có ngoại diện nghĩa trùng khít lên nhau. Có thể hiểu: nếp sống là hoạt động sống của con người được chiếu, lên trục quan hệ xã hội, còn văn hóa là những hình thái sinh hoạt của con người chiếu lên trục hoạt động sáng tạo của nó.

Có thể xem nếp sống xã hội như một mạng lưới tinh hướng xã hội diễn ra liên tục, trong đó con người tiếp xúc với nhau, tác động lẫn nhau, thông báo cho nhau, yêu cầu nhau, ảnh hưởng đến nhau hoặc tiếp nhận ở nhau một điều gì đó. Mỗi cuộc tiếp xúc là một tinh hướng ứng xử. Trong khi tiếp xúc phải xác định tinh hướng để vận dụng các kiểu ứng xử cho phù hợp. Trong một nền văn hóa cụ thể bao giờ cũng có những khuôn mẫu ứng xử xác định, nhờ đó tạo ra khả năng đề hiểu biết lẫn nhau, làm cho người này đọc được nghĩa trong ngôn ngữ ứng xử của người kia, và

dự kiến được cách ứng xử của bạn mình khi giao tiếp. Hệ thống ứng xử xác định chính là diện mạo ngoại hình của nếp sống xã hội.

Không một nếp sống xã hội nào là không có văn hóa, cũng như không có văn hóa nào lại không thể hiện ra ở nếp sống xã hội.

Xây dựng nếp sống mới ở nước ta hiện nay không có mục đích nào khác là nhằm tạo ra con người mới, có đủ khả năng đảm nhiệm vai trò lịch sử của nó là xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội và bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt nam xã hội chủ nghĩa. Muốn có con người mới xã hội chủ nghĩa thì một trong những việc quan trọng là phải quan tâm xây dựng cho nó một định hướng giá trị đúng đắn...

Định hướng giá trị là xu hướng của con người muốn nắm bắt, chiếm lĩnh hoặc tiếp cận với một giá trị xã hội nào đó, nhờ thế mà nhân cách được hoàn thiện ở một cấp cao hơn. Vì vậy, định hướng giá trị là một thành tố cơ bản của cấu trúc nhân cách, trên cơ sở đó mà hình thành nên tình cảm và ý thức của con người, với ý hướng phấn đấu để đạt tới mục tiêu lý tưởng nhất định.

Định hướng giá trị là một dạng định hướng xã hội của cá nhân, nó xác định thái độ lựa chọn của cá nhân đứng trước toàn bộ phức lợi vật chất và tinh thần của xã hội, nó quy định hành vi, phẩm hạnh của cá nhân, thể hiện ra ở văn hóa ứng xử, ở xu hướng và tính tích cực xã hội của nó.

Nhiều nhà khoa học đã bàn về những giá trị truyền thống cao quý của dân tộc ta. Gần đây lại có hội nghị khoa học về "Giá trị văn hóa tinh thần Việt nam" do Viện Mác - Lê-nin và Tạp chí Cộng sản tổ chức...

Nhìn chung, xã hội truyền thống Việt nam trước đây là một xã hội đã đạt tới đỉnh cao của văn minh nông nghiệp,

nhưng dừng lại trước cửa ngõ của văn minh công nghiệp. Tôi cho rằng xã hội ấy chưa thật sự trải qua một cuộc cách mạng xã hội nào, vì thế lịch sử diễn ra chậm chạp, tiếm tiến, quá khứ lấn át hiện tại. Trong xã hội ấy, sự phân công lao động thực hiện không triệt để. Về cơ bản xã hội chỉ phân ra hai tầng lớp: bên trên là vua quan, tức tầng lớp thống trị; bên dưới là nhân dân lao động, tức là tầng lớp bị trị, xã hội không có tầng lớp thứ ba làm nghề tự do. Giới lao động trí óc bị phân hóa theo hai chiều: kẻ học hành thi đỗ làm quan thì gia nhập tầng lớp thống trị; người thi trượt trở về nhà làm thuốc, làm thầy, thực chất là rơi xuống tầng lớp bị trị. Trong hoàn cảnh xã hội như thế, con người muốn tiến thân chỉ có quyền chọn một định hướng giá trị là đi học để « làm quan ».

Muốn làm quan thực chất là tư tưởng coi khinh lao động, tìm sự sung sướng riêng bằng sức lao động của những người khác. Đó là tư tưởng bóc lột—kiểu bóc lột siêu kinh tế thời kỳ tiền tư bản chủ nghĩa. Tiếc thay, ảnh hưởng của khía cạnh tâm lý trên đây vẫn tồn tại dai dẳng trong đời sống tư tưởng của thanh niên ta hiện nay.

Đề khắc phục tâm lý tiêu cực đó, Nhà nước ta đã có chính sách khuyến khích thanh niên hăng say tiến quân vào khoa học kỹ thuật, ban hành chế độ đãi ngộ thích đáng đối với những tài năng, đề cao những tấm gương lao động sáng tạo trong sản xuất cũng như chiến đấu, làm khuôn mẫu cho nếp sống xã hội.

Ở bất cứ lĩnh vực hoạt động nào, giá trị đầu bảng vẫn phải thuộc về những người lao động sáng tạo. Đây là cái « đũng » mới của thời kỳ xây dựng chủ nghĩa xã hội.

Trong bài "Năm vững quy luật, đổi mới quản lý kinh tế", đồng chí Lê Duẩn viết: « Lao động là phẩm chất

hàng đầu của con người làm chủ tập thể, đó là lao động tự giác, sáng tạo, có ý thức trách nhiệm ngày càng cao» (1).

Đặt lao động sáng tạo lên đầu bảng giá trị xã hội xã hội chủ nghĩa và khuyến khích thanh niên phấn đấu theo định hướng giá trị mới này là góp phần tạo nên nếp sống xã hội chủ nghĩa lành mạnh và tươi đẹp.

ĐỨC MINH:

... Dân số nước ta đang tăng lên rất nhanh. Mật độ dân số đã lên tới 174 người/km², cao nhất trong các nước xã hội chủ nghĩa và vượt quá «cái mốc an toàn» cho phép để bảo đảm sự cân đối giữa diện tích đất đai nuôi người và số người cần được nuôi. Ph. Ăng-ghe-nh đã vạch rõ dân số không thể đông thêm lên mãi một cách vô hạn được. Mỗi dân tộc và cả loài người phải sớm xác định được số dân tối ưu của mình và điều chỉnh sự phát triển dân số như điều chỉnh quá trình sản xuất. vậy. Tình hình thực tế của đời sống dân cư nước ta hiện nay đòi hỏi chúng ta phải có đầu óc thực tế và xác nhận một sự thật là: nước ta «đất hẹp, người đông» và do năng suất lao động còn thấp, cần phải có lối sống phù hợp với hoàn cảnh «của ít người nhiều» để sớm lập lại sự cân bằng hợp lý giữa sản xuất và số dân.

Sự mất cân đối giữa cung và cầu bao giờ cũng phản ánh một cách trực tiếp tình trạng mất thăng bằng giữa sự phát triển dân số thiếu kế hoạch với nguồn của cải vật chất của xã hội và nguồn tài nguyên thiên nhiên ít ỏi hoặc đang cạn dần. «Cung» thấp hơn «cầu» là một trong những nguồn gốc cơ bản làm nảy sinh hàng loạt hiện tượng tiêu cực trong đời sống xã hội. Vì vậy, nếu thiếu sự rèn luyện về nhân cách, đặc biệt là về động cơ hành động, về hành vi giao tiếp xã hội, thì người lao động và thế hệ trẻ

ngày nay khó lòng dễ bẹp được sự tiến công mạnh mẽ và thường xuyên của những tư tưởng và hành động tiêu cực đang diễn ra ngấm ngấm hoặc lộ liễu chung quanh họ. Sự phát triển dân số tự phát đang là tai họa lớn đe dọa 75% các nước trên thế giới. Do đó, một trong những khía cạnh mới nhất và cũng cấp bách nhất của vấn đề lối sống mới là mối quan hệ đối xử giữa người với người trong cộng đồng xã hội đông dân và trong tình hình chất lượng đời sống dân cư còn thấp. Chúng ta hãy thử xem xét và sơ bộ giải quyết một vài vấn đề cụ thể như sau:

Vấn đề số một của chất lượng đời sống được đặt ra là lương thực, thực phẩm và dinh dưỡng. «Có thực mới vực được đạo» đó là quy luật của đời sống. Chúng ta đang vật lộn với cái mức lương thực bình quân 300 kg/người/năm. Qua được «cửa ải» đó, chúng ta sẽ thoát được sự đe dọa của nạn đói. Song còn phải phấn đấu đạt được mức 500 kg/người/năm thì mới có cơ sở vật chất để thoát khỏi cảnh nghèo nàn, thiếu thốn. Còn muốn sung túc, giàu có thì đương nhiên phải cố gắng nhiều hơn nữa. Như vậy, lao động sản xuất, đặc biệt là lao động trong lĩnh vực nông, lâm, ngư nghiệp, trở nên hết sức cấp bách. Cái lẽ sống «mỗi người vì mọi người, mọi người vì mỗi người» đối với mỗi người công dân giờ đây phải được cụ thể hóa và thể hiện trên hành động thực tế, ở ý thức và năng lực lao động cần cù, sáng tạo, ở năng suất lao động cao trên đồng ruộng, rừng núi, sông biển v.v. Đây không phải là lối sống yêu lao động chung chung mà là lối sống yêu lao động cụ thể, làm ra thật nhiều lương thực, thực phẩm và nâng cao mức dinh dưỡng cho toàn xã hội. Lý tưởng xã hội chủ nghĩa và cộng sản chủ nghĩa của người Việt nam cần được «vật chất hóa»

(1) Xem Tạp chí Cộng sản số 8-1984.

một cách cụ thể, sinh động như vậy. Mọi cơ sở lý luận về lý tưởng của người công dân, người lao động, người chiến sĩ phải dẫn đến hành động thiết thực. Một số không ít người đã tự cho mình là « người lao động », và đã « tích cực làm ăn », « tích cực làm ra tiền », v.v. Tích cực làm ăn, kiếm được nhiều tiền cho mình là điều hoàn toàn khác với làm ra của cải cho xã hội, đặc biệt là làm ra thật nhiều « cơm gạo » cho xã hội. Số người này đã có ảnh hưởng xấu đến một số khá đông thanh niên lừng chừng, không vững vàng, lôi kéo họ vào những cuộc buôn bán, kiếm chác mà thực chất là những cuộc « phân phối » lại theo kiểu móc túi lẫn nhau, gây rối loạn cho đời sống kinh tế và xã hội. Đáng tiếc là một số người có học vấn cao cũng đang tự « thiêu thân » trong những vụ làm ăn bất chính đó.

Một khó khăn lớn nữa là vấn đề phân bố lao động và dân số, đặc biệt là vấn đề sắp xếp, tìm kiếm công ăn, việc làm cho hơn một triệu lao động mới hằng năm. Bởi vậy, một vấn đề của lối sống xã hội chủ nghĩa cần được đặc biệt coi trọng và giải quyết thật tốt là *giáo dục lao động và hướng nghiệp đi đôi với sắp xếp việc làm cho thế hệ trẻ*. Cần giúp cho lớp người này nhận thức sâu sắc rằng lý tưởng nghề nghiệp là một bộ phận hợp thành của lý tưởng cộng sản chủ nghĩa. Thiếu lý tưởng nghề nghiệp thì cái gọi là lý tưởng cộng sản chủ nghĩa trong đầu của người thanh niên nào đó sẽ chỉ còn là một thứ ý nghĩ hoặc mơ ước chung chung. Vì vậy, lối sống của con người trong xã hội ta ngày nay còn là một *lối sống có lý tưởng nghề nghiệp* phù hợp với yêu cầu phát triển nghề nghiệp của xã hội cụ thể ở ngay địa phương mình. Lối sống chỉ biết ăn học rồi ngồi chờ gia đình và xã hội lo liệu tương lai nghề nghiệp cho mình đã trở nên quá lỗi thời. Cần giáo dục cho con em chúng ta hiểu rõ rằng *việc chuẩn bị đi vào*

lao động nghề nghiệp là nội dung cơ bản nhất, quan trọng nhất và cũng là lớn nhất của quan niệm « chuẩn bị vào đời » của mỗi người thanh niên. Và trong việc hướng nghiệp cho thanh niên, vấn đề xác định quan niệm chọn nghề phù hợp với yêu cầu của nền kinh tế ở địa phương là điều có ý nghĩa quyết định. Phải khéo léo hướng dẫn thế hệ trẻ có ước mơ mang tính hiện thực cao. Đồng viên thanh niên không có nghĩa là « đưa nhau lên tận mây xanh » để rồi cuộc sống hiện thực làm cho họ « vỡ mộng » và đau khổ thấy « bồng dung mơ ước tan thành mây khói ». Ước mơ nghề nghiệp của thế hệ trẻ ngày nay phải phù hợp với những ưu tiên về phát triển kinh tế của đất nước, cụ thể là phải có tâm thế sẵn sàng lao động, sản xuất trực tiếp trong *nông-lâm-ngư nghiệp*, trong *thủ công nghiệp*, tiểu công nghiệp, công nghiệp xây dựng cơ bản và một phần không kém quan trọng là đi vào lao động nghề nghiệp trong các dịch vụ xã hội

VÔ QUÝ:

...Đề xây dựng cuộc sống tốt đẹp cho chúng ta ngày nay và cho cả các thế hệ mai sau, đã đến lúc chúng ta phải tạo cho được một thói quen mới, một nếp sống mới xã hội chủ nghĩa là chăm lo bảo vệ tài nguyên và môi trường, bảo vệ sự trong lành ở ngay nơi mình đang sinh sống.

Con người trong quá trình phát triển có những hoạt động tích cực cải thiện điều kiện thiên nhiên, tạo ra môi trường thuận lợi, đẹp đẽ cho cuộc sống của mình, đồng thời cũng thường có những hoạt động tiêu cực đối với tài nguyên và môi trường. Gần 100 năm bóc lột của chủ nghĩa thực dân và 30 năm chiến tranh do các lực lượng đế quốc và phản động gây ra đã tạo nên những tổn thất hết sức nghiêm trọng cho tài nguyên và môi trường Việt nam. Hiện nay, trong chặng đường đầu tiên của thời kỳ

quá độ lên chủ nghĩa xã hội, việc thực hiện những mục tiêu phát triển kinh tế, văn hóa đòi hỏi huy động mạnh mẽ hơn nữa cả về chiều rộng lẫn chiều sâu tiềm năng đất đai, rừng biển, khai thác nhiều hơn nữa các loại khoáng sản, các dạng năng lượng. Môi trường sống ở thành phố, khu công nghiệp và ở cả nông thôn, khu kinh tế mới sẽ thay đổi nhiều. Các hệ sinh thái rừng, đồi, núi, đồng bằng, cửa sông, ven biển sẽ bị tác động mạnh. Những tài liệu điều tra khảo sát của các ngành nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy lợi, thủy văn, y tế v.v. cũng như của các ngành khoa học cơ bản cho thấy Việt nam đang đứng trước nhiều vấn đề cấp bách về môi trường hiểu theo nghĩa rộng, bao gồm cả tài nguyên thiên nhiên và chất lượng môi trường sống.

Chỉ kể vài ví dụ: trong khoảng 40 năm qua, nước ta mất 1/2 diện tích rừng, trung bình hằng năm mất 163 000 ha rừng, từ năm 1975 con số trung bình đó lên tới 225 000 ha. Nếu chiều hướng này tiếp tục, thảm họa mất rừng sẽ tới trong vòng 20 - 30 năm nữa. Diện tích đất tự nhiên, nhất là diện tích đất nông nghiệp trên đầu người ở nước ta thuộc vào loại rất thấp trên thế giới, vậy mà lại đang có xu hướng giảm dần. Nhiều giống cây, giống con, vốn quý vùng nhiệt đới không được bảo vệ chu đáo, có nguy cơ bị mai một. Việc sử dụng tài nguyên vùng cửa sông và ven biển không hợp lý, lãng phí tài nguyên. Ô nhiễm nước và không khí, đặc biệt là ô nhiễm do sử dụng bừa bãi thuốc trừ sâu khá nặng nề. Đó là chưa nói đến hậu quả tệ hại của chiến tranh và sức ép của dân số tăng quá nhanh. Tất cả những điều đó làm cho điều kiện sống của con người ở nhiều nơi xấu đi nhanh chóng, nhất là ở các khu công nghiệp tập trung.

Cho nên chúng ta phải biết tận dụng hợp lý các loại tài nguyên tái tạo mà vẫn giữ được cân bằng sinh

thái và sử dụng tiết kiệm các loại tài nguyên không tái tạo. Chúng ta phải biết bảo vệ môi trường, tránh can thiệp thô bạo hoặc khai thác thiếu ý thức, thiếu cơ sở khoa học. Đồng thời lại phải biết nhanh chóng khôi phục những tài nguyên thiên nhiên, những hệ sinh thái đã bị mất mát, hư hại, như cải thiện các vùng đất trống đồi trọc, các vùng rừng bị thoái hóa, các vùng cửa sông, cửa biển, các loài động vật, thực vật quý hiếm, các loài có ý nghĩa kinh tế đang bị khai thác quá mức, các vùng bị chất độc hóa học phá hủy, các khu công nghiệp, đô thị lớn, các khu du lịch v.v.

Đây là việc cấp bách. Cần phải có những biện pháp giáo dục, tổ chức và quản lý, cần có chính sách và pháp luật. Phải hình thành được một thói quen trong toàn xã hội biết xử lý hợp vệ sinh phân, nước, rác; giữ gìn sự trong lành của nguồn nước, sông, biển, bầu trời, mặt đất; bảo vệ cây cối và động vật có ích; chấp hành chính sách môi trường và tuân thủ pháp luật của Nhà nước về tài nguyên và môi trường. Cần đưa vấn đề giáo dục môi trường vào chương trình chính quy của các trường học, đồng thời đẩy mạnh giáo dục môi trường cả ở ngoài nhà trường, phát động các phong trào quần chúng bảo vệ và cải thiện môi trường...

Xây dựng tổ chức...

(Tiếp theo trang 46)

nhiệm công tác đảng, công tác chính trị và lãnh đạo các tổ chức cơ sở của Đảng trong quân đội - cố gắng phấn đấu đạt tới một sự chuyển biến sâu sắc trong công tác xây dựng Đảng, thực hiện tốt nhiệm vụ công tác xây dựng Đảng do Đại hội V đề ra, tạo cơ sở thúc đẩy hoàn thành tốt nhiệm vụ sẵn sàng chiến đấu, chiến đấu thắng lợi và các nhiệm vụ khác mà Đảng và Nhà nước giao cho quân đội.

«ТАПЧИ КОНГШАН» № 2 – 1985

ПЕРЕДОВАЯ. – Обеспечить качественный состав партии, с достоинством нести почетное звание члена партии. **ЛЕ ЗУАН** – Во имя социалистической родины, ради счастья народа. **НГУЕН ДЫК ТАМ** – Актуальные вопросы повышения качества руководства партийных ячеек в хозяйственных подразделениях государственного сектора. **ДАО ЗЮИ ТУНГ** – О руководстве партии в экономическом строительстве. **ДАНГ ВУ ХИЕН** – Строительство первичных организаций КПВ в действующих частях Вьетнамской народной армии. **НГУЕН ВИНЬ** – Принципы и творчество. **НГУЕН ТХИ ДИНЬ** – Повышать роль женских кадров, активизировать женское революционное движение. **ЛЕ НГОК** – К вопросу о верном, инициативном творческом руководстве революцией нашей партии.

REVIEW OF COMMUNISM № 2-1985

Editorial – Ensuring the Qualifications for Party Membership and Enhancing the Quality of Party Members. **LÊ DUẬN** – For the Socialist Homeland and the People's Happiness. **NGUYỄN ĐỨC TÂM** – Some Pressing Questions on Raising the Effectiveness of the Leadership in the Party's Grassroots Organizations in State-Run Economic Units. **ĐÀO DUY TÙNG** – On the Party's Leadership over Economic Construction. **ĐẶNG VŨ HIỆP** – Building Party Grassroots Organizations at the Fighting Units of the Vietnam People's Army. **NGUYỄN VINH** – Principles and Creativeness. **NGUYỄN THỊ ĐỊNH** – Bringing into Play the Women Cadres's Role and Speeding up the Movement for Women's Revolutionary Activities. **LÊ NGỌC** – Let Us Make a Deeper Study of the Correct and Creative Leadership of Our Party over the Revolution.

REVUE DU COMMUNISME № 2-1985

Editorial – Assurer la qualité de communiste, rehausser ce titre. **LÊ DUẬN** – Pour notre Patrie socialiste, pour le bonheur de notre peuple. **NGUYỄN ĐỨC TÂM** – Quelques problèmes urgents en vue d'élever la qualité de la direction des organisations de base du Parti dans les unités économiques d'Etat. **ĐÀO DUY TÙNG** – A propos de la direction du Parti dans l'édification économique. **ĐẶNG VŨ HIỆP** – Forger les organisations de base du Parti dans les unités combattantes de l'Armée populaire du Vietnam. **NGUYỄN VINH** – Principes et créations. **NGUYỄN THỊ ĐỊNH** – Promouvoir le rôle des cadres féminins, impulser le mouvement d'action révolutionnaire chez les femmes. **LÊ NGỌC** – La direction révolutionnaire judicieuse et créatrice de notre Parti

REVISTA DEL COMUNISMO № 2-1985

Editorial – Asegurar las calificaciones del militante del Partido y elevar la calidad de su título. **LÊ DUẬN** – Por la Patria socialista y la felicidad del pueblo. **NGUYỄN ĐỨC TÂM** – Algunos asuntos urgentes sobre la elevación cualitativa de la dirección de las organizaciones de base de Partido en las unidades económicas del Estado. **ĐÀO DUY TÙNG** – A cerca de la dirección del Partido en la edificación de la economía. **ĐẶNG VŨ HIỆP** – La construcción de las organizaciones de base de Partido en las unidades de combate del Ejército Popular de Viet Nam. **NGUYỄN VINH** – Principios y creaciones. **NGUYỄN THỊ ĐỊNH** – Poner en juego el papel de los cuadros femeninos e impulsar el movimiento de actividades revolucionarias de las mujeres. **LÊ NGỌC** – A conocer la correcta y creadora dirección revolucionaria de nuestro Partido.

M ụ c l ụ c

Xã luận – Bảo đảm tư cách đảng viên, nâng cao danh hiệu đảng viên	1
LÊ DUẦN – Vì Tổ quốc xã hội chủ nghĩa, vì hạnh phúc của nhân dân	7
NGUYỄN ĐỨC TÂM – Một vấn đề cấp bách nâng cao chất lượng lãnh đạo của các tổ chức cơ sở Đảng ở đơn vị kinh tế quốc doanh	18
ĐÀO DUY TÙNG – Về sự lãnh đạo của Đảng đối với sự nghiệp xây dựng kinh tế	28
ĐẶNG VŨ HIỆP – Xây dựng tổ chức cơ sở Đảng ở đơn vị chiến đấu Quân đội nhân dân Việt nam	40
NGUYỄN VINH – Nguyên tắc và sáng tạo	47
NGUYỄN THỊ ĐỊNH – Phát huy vai trò của cán bộ nữ, đẩy mạnh phong trào hành động cách mạng của phụ nữ	53
LÊ NGỌC – Tìm hiểu sự lãnh đạo cách mạng đúng đắn và sáng tạo của Đảng ta	58
THẾ TẬP – Từ việc thành lập chi bộ cộng sản đầu tiên, đến việc thống nhất các tổ chức cộng sản, thành lập Đảng ta	65
Sinh hoạt tư tưởng ★ NHUẬN VŨ – Nhớ	71
PHAN VĂN ĐĂNG – Về vấn đề tăng cường mối liên hệ giữa Đảng với quần chúng	74
Trao đổi ý kiến – Xây dựng lối sống xã hội chủ nghĩa ở Việt nam hiện nay (Trần Độ, Hồng Long, Bùi Đăng Duy, Đỗ Huy, Hoàng Vinh, Đức Minh, Võ Quý)	77
<i>Bìa 3 – Hoàn thiện quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa trong nông nghiệp ở miền Bắc</i>	
<i>Bìa 4 – Tranh của VÕ XUỐNG, T.P. Hồ Chí Minh</i>	
<i>Chân dung Hồ Chủ tịch và các đồng chí lãnh đạo tiền bối của Đảng: Tranh của DUƠNG HƯỚNG MINH</i>	

Trụ sở Bộ biên tập :

1. Nguyễn Thượng Hiền – Hà nội. Dây nói : 52061 – 52062

Trụ sở cơ quan thường trú tại miền Nam :

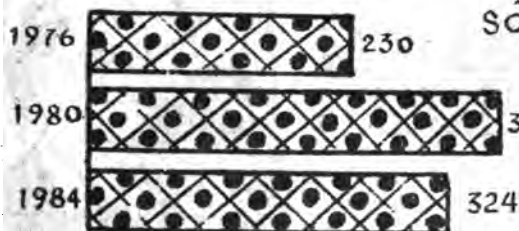
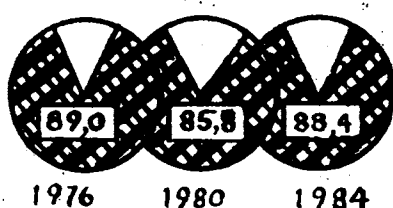
19. Duy Tân – T.P. Hồ Chí Minh. Dây nói : 25768 – 22040

HOÀN THIÊN QUAN HỆ SẢN XUẤT XHCN TRONG NÔNG NGHIỆP Ở MIỀN BẮC

SỐ HỘ XÃ VIÊN SO VỚI
TỔNG SỐ HỘ NÔNG DÂN
(%)



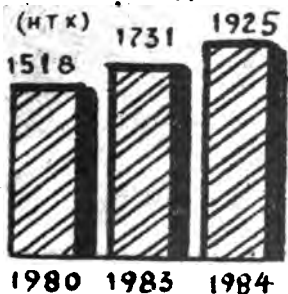
SỐ HỢP TÁC XÃ BẬC CAO
SO VỚI TỔNG SỐ HỢP TÁC XÃ
(%)



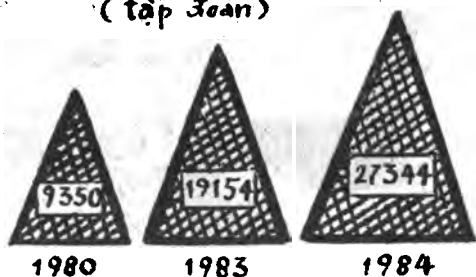
SỐ HỘ XÃ VIÊN
(Tính bình quân cho
1 hợp tác xã)
(hộ)

CẢI TẠO XHCN ĐỐI VỚI NÔNG NGHIỆP Ở MIỀN NAM

SỐ HỢP TÁC XÃ
(HTX)



SỐ TẬP ĐOÀN SẢN XUẤT
(tập đoàn)



SỐ HỘ XÃ VIÊN
SO VỚI TỔNG SỐ
HỘ NÔNG DÂN
(%)





ĐẢNG VÌ DÂN - DÂN TIN ĐẢNG

tại Nhà in TẠP CHÍ CỘNG SẢN

Chỉ số : 12651 - Giá : 4đ

Tạp chí Công sản

3

3.1985

NƯỚC TA CÒN NGHÈO. MUỐN SUNG SƯỚNG THI
PHẢI CÓ TINH THẦN TỰ LỰC CÁNH SINH, CẦN CÙ
LAO ĐỘNG. PHẢI CỐ GẮNG SẢN XUẤT. LAO ĐỘNG
LÀ NGHĨA VỤ THIÊNG LIÊNG, LÀ NGUỒN SỐNG,
NGUỒN HẠNH PHÚC CỦA CHÚNG TA.

(.)

MỖI NGƯỜI PHẢI TỰ GIÁC GIỮ VỮNG KỶ LUẬT
LAO ĐỘNG.

HỒ CHÍ MINH

(Xây dựng những con người của chủ nghĩa xã hội)

1961

Cơ quan lý luận và chính trị của Đảng cộng sản Việt nam

Xã luận

Đảng nhân dân cách mạng Lào tròn 30 tuổi

NGÀY 22 tháng 3 năm 1985, nhân dân các dân tộc Lào chào mừng một sự kiện chính trị lớn: Đảng nhân dân cách mạng Lào tròn 30 tuổi. Cùng với loài người tiến bộ trên thế giới, những người cộng sản, giai cấp công nhân và nhân dân Việt nam ta chia sẻ niềm phấn khởi, tự hào với những người cộng sản, giai cấp công nhân và nhân dân các dân tộc Lào anh em.

Từ những năm 30 của thế kỷ này, dưới ách thống trị của đế quốc Pháp và bè lũ vua quan phong kiến, **Đảng cộng sản Đông dương** ra đời, đánh dấu một bước ngoặt cơ bản trong lịch sử cách mạng của cả ba nước trên bán đảo Đông dương. Cương lĩnh chính trị năm 1930 của Đảng đã soi sáng đường đi cho cách mạng mỗi nước. Đường lối giải quyết nhiệm vụ chiến lược của cách mạng Lào đã được vạch ra từ Cương lĩnh đó. Dưới ngọn cờ của Đảng, cùng với cách mạng Việt nam và cách mạng Cam-pu-chia, cách mạng Lào chuyển hẳn sang thời kỳ mới. Nhân dân các dân tộc Lào đoàn kết chặt chẽ đã đứng lên đấu tranh liên tục, rộng khắp, đi từ thắng lợi này đến thắng lợi khác, và đã giành được chính quyền từ tay thực dân Pháp và phát xít Nhật, long trọng tuyên bố nền độc lập của nước Lào ngày 12-10-1945. Tiếp đó, dưới sự lãnh đạo của Đảng, nhân dân Lào đã cùng nhân dân Việt nam và nhân dân Cam-pu-chia anh em liên hành, cuộc kháng chiến thần thánh chống thực dân Pháp xâm lược, giáng cho chúng những thất bại nặng nề ở cả ba chiến trường, buộc chúng phải công nhận độc lập chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ của Việt nam, Lào và Cam-pu-chia, công nhận địa vị hợp pháp của các lực lượng cách mạng Lào.

Sau khi đế quốc Mỹ nhảy vào Đông dương, trước yêu cầu của tình hình và do sự trưởng thành của cách mạng Lào, ngày 22-3-1955, **Đảng nhân dân cách**

mạng Lào ra đời. Là sản phẩm của sự kết hợp giữa phong trào yêu nước của nhân dân các dân tộc Lào với chủ nghĩa Mác-Lê-nin do Chủ tịch Hồ Chí Minh truyền bá vào Đông dương, Đảng nhân dân cách mạng Lào « kể tục sự nghiệp quang vinh của Đảng cộng sản Đông dương, nhận sứ mệnh thiêng liêng độc quyền lãnh đạo cách mạng Lào trong giai đoạn khó khăn nhất của lịch sử dân tộc » (1).

Ba mươi năm qua là chặng đường hết sức vẻ vang của Đảng nhân dân cách mạng Lào.

Về lãnh đạo cách mạng dân tộc dân chủ, ngay từ khi ra đời, Đảng đã gánh vác sứ mệnh lịch sử lãnh đạo cuộc đấu tranh của nhân dân Lào chống Mỹ, cứu nước. Dưới ngọn cờ quang vinh của Đảng, nhân dân các dân tộc Lào bước vào thời kỳ đấu tranh mới đầy thử thách gian khổ song cũng hết sức oanh liệt và thắng lợi to lớn, ghi những trang đẹp nhất trong lịch sử các dân tộc Lào. Phối hợp chiến đấu với nhân dân Việt nam và nhân dân Cam-pu-chia, quân và dân Lào đã lập nên những chiến công rực rỡ. Những chiến thắng ở khu vực cánh đồng Chum - Xiêng Khoảng (mùa xuân năm 1961 và mùa khô năm 1969 - 1970), Nậm Thà (tháng 5 năm 1962), Nậm Bạc (tháng 1 năm 1968) v.v., đặc biệt là chiến thắng đập tan cuộc hành quân « Lam sơn 719 » của đế quốc Mỹ và nguy quyền Sài gòn nhằm xâm lược vùng Nam Lào (tháng 2 năm 1971) đã đi vào lịch sử như những bản anh hùng ca. Vùng giải phóng ngày càng được mở rộng, được bảo vệ vững chắc, được xây dựng, củng cố về mọi mặt. Năm 1975, dưới sự lãnh đạo của Đảng, nhân dân các dân tộc Lào đã nhất tề tiến hành cuộc tổng tiến công, quét sạch bọn can thiệp và xâm lược Mỹ, đánh đổ bọn phản động cực hữu tay sai của chúng, giành chính quyền trong cả nước. Ngày 2-12-1975. Đại hội quốc dân, đại diện cho khối đoàn kết vững chắc và ý chí làm chủ của nhân dân các dân tộc Lào, đã long trọng tuyên bố xóa bỏ chủ nghĩa thực dân mới của Mỹ và chế độ phong kiến lỗi thời, thành lập nước Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào, mở ra kỷ nguyên rực rỡ nhất trong lịch sử hàng nghìn năm dựng nước và giữ nước của nhân dân các dân tộc Lào : kỷ nguyên độc lập, tự do, tiến lên chủ nghĩa xã hội, xây dựng cuộc sống ấm no, hạnh phúc. Trong quá trình lãnh đạo cách mạng dân tộc dân chủ chống đế quốc, Đảng nhân dân cách mạng Lào nắm vững quan điểm bạo lực cách mạng, và căn cứ vào tình hình cụ thể về so sánh lực lượng giữa cách mạng và phản cách mạng ở từng thời kỳ trong nước và trên thế giới, đã xác định bước đi, các mục tiêu và phương pháp đấu tranh thích hợp. Đảng đã kết hợp khéo léo các hình thức đấu tranh quân sự, chính trị với đấu tranh pháp lý và ngoại giao ; biết tạo thời cơ và nắm thời cơ, vận dụng đúng đắn, sáng tạo chiến lược cách mạng tiến công, vừa đấu tranh vừa xây dựng và phát triển lực lượng, vừa chiến đấu vừa đàm phán, vừa đánh địch vừa hạn chế chúng, nhằm đánh bại kẻ địch từng bước, giành thắng lợi từng phần, tiến lên giành thắng lợi hoàn toàn.

Về lãnh đạo cách mạng xã hội chủ nghĩa, sau khi hoàn thành cuộc cách mạng dân tộc dân chủ, Đảng nhân dân cách mạng Lào đã chủ trương đưa nước Lào tiến thẳng lên chủ nghĩa xã hội không qua giai đoạn phát triển tư bản chủ nghĩa. Xuất phát từ đặc điểm cơ bản của cách mạng Lào là : « từ một nền sản xuất nhỏ mang nhiều tính chất kinh tế tự nhiên tiến thẳng lên chủ nghĩa xã hội », Đảng đã đề ra đường lối và nhiệm vụ chung của thời kỳ quá độ tiến lên

(1) Cay-xôn Phôm-vi-hân : Một vài kinh nghiệm chính và một số vấn đề về phương hướng mới của cách mạng Lào, Nxb Sự thật, Hà Nội, 1979, tr. 141.

chủ nghĩa xã hội ở Lào là « Năm vững và tăng cường chuyển chính vô sản, thực hiện và phát huy quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động, tiến hành đồng thời ba cuộc cách mạng: cách mạng quan hệ sản xuất, cách mạng khoa học kỹ thuật, cách mạng tư tưởng, văn hóa, trong đó lấy cách mạng khoa học kỹ thuật làm then chốt và đưa cách mạng tư tưởng, văn hóa đi trước một bước; tổ chức lại sản xuất, lấy phát triển nông nghiệp, lâm nghiệp làm cơ sở để phát triển công nghiệp, từng bước xây dựng nền sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa, thúc đẩy công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa, coi công nghiệp hóa là nhiệm vụ trung tâm của cả thời kỳ quá độ tiến lên chủ nghĩa xã hội, xây dựng chế độ làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa, xây dựng nền văn hóa mới, con người mới xã hội chủ nghĩa».

Trong gần mười năm qua, dưới sự lãnh đạo của Đảng nhân dân cách mạng Lào, nhân dân các dân tộc Lào không ngừng phát huy tinh thần lao động cần cù và sáng tạo, chiến đấu dũng cảm, ra sức xây dựng chủ nghĩa xã hội và kiên quyết bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa của mình, đã giành được những thắng lợi to lớn về mọi mặt.

Công cuộc khôi phục và phát triển kinh tế với những thành quả ngày càng lớn, đang làm biến đổi sâu sắc bộ mặt của đất nước vốn nghèo nàn và lạc hậu. Kế hoạch ba năm (1978 - 1980) được hoàn thành tốt đẹp, tổng sản phẩm xã hội và thu nhập bình quân đầu người đều tăng nhanh. Kế hoạch năm năm thứ nhất (1981 - 1985) hứa hẹn nhiều triển vọng tốt. **Trên lĩnh vực nông nghiệp**, công cuộc hợp tác hóa nông nghiệp đang phát triển tốt đẹp. Hàng nghìn hợp tác xã sản xuất nông nghiệp đã được thành lập ở khắp mọi miền đất nước, đang ra sức áp dụng những biện pháp canh tác mới, những tiến bộ khoa học kỹ thuật, phấn đấu tạo những năng suất cao. Từ chỗ hàng năm phải nhập khẩu lương thực, ngày nay Lào đã căn bản tự túc được lương thực. Năm 1984, mặc dù bị hạn nặng, Lào vẫn giành thắng lợi lớn trong nông nghiệp, thu hoạch 1,3 triệu tấn thóc.

Nền công nghiệp Lào cũng trên đà chuyển biến mạnh mẽ. Hàng trăm nhà máy, xí nghiệp được khôi phục hoặc xây dựng mới. Ngành điện lực phát triển mạnh, riêng hệ thống thủy điện Nậm Ngừm có công suất 150 nghìn ki lô oát bảo đảm điện cho sản xuất và tiêu dùng trong nước. Từ năm 1982, Lào đã xuất khẩu một phần điện năng.

Trên mặt trận **văn hóa, xã hội**, bên cạnh thành tích nổi bật là đã hoàn thành việc xóa nạn mù chữ trong cả nước, mạng lưới giáo dục, y tế của Lào cũng đang được mở rộng. Năm học 1984 - 1985, có gần 7 000 trường phổ thông với trên 600 nghìn học sinh các cấp. Trước cách mạng năm 1945, cả nước Lào chỉ có 4 người tốt nghiệp đại học, nay đã có trên 5000 người có trình độ đại học và trên đại học. Nhiều bệnh viện mới được xây dựng, hầu hết các làng, bản đã có trạm y tế. Hơn 100 nghìn cán bộ y tế các cấp đang ngày đêm chăm lo sức khỏe của nhân dân.

Về mặt **đối ngoại**, Đảng nhân dân cách mạng Lào đã có những đóng góp to lớn vào việc tăng cường khối đoàn kết ba nước Đông dương. Coi liên minh chiến đấu lâu dài và toàn diện giữa cách mạng Lào với cách mạng Việt nam và cách mạng Cam-pu-chia anh em là mối quan hệ đặc biệt, là quy luật của sự phát triển cách mạng của mỗi nước, Đảng nhân dân cách mạng Lào đã không ngừng phấn đấu tăng cường đoàn kết với các lực lượng cách mạng Việt nam và Cam-pu-chia. Đồng thời, Đảng nhân dân cách mạng Lào rất coi trọng đoàn kết và tranh thủ sự đồng tình ủng hộ và giúp đỡ quốc tế, trước hết của

Liên bang cộng hòa xã hội chủ nghĩa xô viết và các nước xã hội chủ nghĩa anh em khác, kết hợp cách mạng Lào với ba dòng thác cách mạng trên thế giới. Thi hành chính sách đối ngoại hòa bình của Đảng, Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào đã có những đóng góp to lớn vào cuộc đấu tranh chung nhằm biến Đông Nam châu Á thành một khu vực hòa bình, ổn định và hợp tác, chống chạy đua vũ trang do đế quốc Mỹ gây ra, làm dịu tình hình căng thẳng trên thế giới, vì hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội. Địa vị và uy tín quốc tế của Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào ngày càng được nâng cao.

Trong lúc bọn bành trướng, bá quyền Trung quốc câu kết với đế quốc Mỹ và các thế lực phản động khác, trong đó có bọn phản động cực hữu Thái lan, đang ra sức thi hành chính sách thù địch, tiến hành kế hoạch chiến tranh phá hoại nhiều mặt cực kỳ độc ác chống Việt nam, Lào và Cam-pu-chia, hòng phá vỡ tiền minh của nhân dân ba nước anh em, âm mưu làm suy yếu, thôn tính và nô dịch từng nước, thì những thành tựu nói trên của nhân dân Lào dưới ngọn cờ vẻ vang của Đảng nhân dân cách mạng Lào càng có ý nghĩa to lớn.

Những thắng lợi mà cách mạng Lào đã giành được trong 30 năm qua khẳng định một cách hùng hồn vai trò và năng lực lãnh đạo của Đảng nhân dân cách mạng Lào. Ra đời và trưởng thành trong một nước thuộc địa, nửa phong kiến, giai cấp công nhân không đông, Đảng nhân dân cách mạng Lào lấy chủ nghĩa Mác - Lê-nin làm cơ sở tư tưởng và kim chỉ nam cho mọi hoạt động của mình, đã vận dụng sáng tạo những nguyên lý của chủ nghĩa Mác - Lê-nin vào hoàn cảnh cụ thể của Lào, thường xuyên rút kinh nghiệm trong thực tiễn đấu tranh cách mạng của dân tộc mình, áp dụng những kinh nghiệm tốt của các đảng anh em. Đảng đã đề ra đường lối đúng đắn cho cách mạng dân tộc dân chủ và cách mạng xã hội chủ nghĩa; đề ra những nhiệm vụ chiến lược và sách lược chính xác, định rõ đối tượng cách mạng, động lực cách mạng và nêu ra phương pháp cách mạng thích hợp. Kết hợp chặt chẽ ngọn cờ dân tộc với ngọn cờ chủ nghĩa xã hội, Đảng đã xây dựng khối liên minh công nông vững chắc, xây dựng mặt trận dân tộc thống nhất trên cơ sở liên minh công nông, phát huy sức mạnh đoàn kết toàn dân, kết hợp sức mạnh ấy với sức mạnh đoàn kết của ba dân tộc Đông dương và sức mạnh của ba dòng thác cách mạng trên thế giới, tạo nên sức mạnh tổng hợp vô địch của cách mạng Lào.

Qua quá trình lãnh đạo, Đảng nhân dân cách mạng Lào không ngừng được củng cố về chính trị, tư tưởng và tổ chức, ngày càng có uy tín cao trong nhân dân, xứng đáng là người đại diện trung thành lợi ích của giai cấp công nhân và nhân dân các dân tộc Lào, là đội tiên phong mác xít - lê-nin nổi đáng tin cậy, người lãnh đạo và tổ chức mọi thắng lợi của cách mạng Lào.



Những người cộng sản và nhân dân Việt nam chúng ta luôn luôn theo dõi với sự khâm phục và mối cảm tình sâu sắc những thắng lợi của Đảng nhân dân cách mạng Lào, của nhân dân các dân tộc Lào anh em dưới sự lãnh đạo của Đảng. Chúng ta chân thành cảm ơn sự ủng hộ và giúp đỡ quý báu mà Đảng nhân dân cách mạng Lào và nhân dân các dân tộc Lào anh em đã dành cho Đảng ta và nhân dân ta. Như Đại hội thứ V của Đảng cộng sản Việt nam đã khẳng định, sự gần bó, tình thương yêu đùm bọc lẫn nhau, quang vinh có nhau, hoạn nạn có nhau ngày càng thể hiện trong cuộc sống và đi sâu vào tình cảm của nhân dân mỗi nước trên bán đảo Đông dương. Và, mỗi chiến công bảo vệ Tổ quốc, mỗi

thành tựu xây dựng chủ nghĩa xã hội của nhân dân ta đều gắn liền với sự giúp đỡ quý báu của nhân dân Lào cũng như nhân dân Cam-pu-chia anh em.

Đảng cộng sản Việt nam trước sau như một, coi quan hệ đặc biệt Việt nam - Lào - Cam-pu-chia là một quy luật phát triển của cách mạng ba nước, là điều có ý nghĩa sống còn đối với vận mệnh của ba dân tộc. Đảng ta đã chỉ rõ: "Từ thế hệ này đến thế hệ khác, nhân dân ta phải giữ gìn tình hữu nghị trong sáng và truyền thống đoàn kết giữa ba dân tộc, không ngừng củng cố và tăng cường quan hệ đặc biệt và liên minh chiến đấu giữa ba nước, quyết làm thất bại mọi âm mưu và hành động phá hoại, chia rẽ, xâm lược của kẻ thù chung là bọn bành trướng, bá quyền Trung quốc câu kết với đế quốc Mỹ và các thế lực phản động khác. Chúng ta coi đó là một bảo đảm vững chắc cho sự nghiệp bảo vệ độc lập, tự do và xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội ở mỗi nước trên bán đảo Đông dương, đồng thời là nhân tố cực kỳ quan trọng đối với hòa bình và ổn định ở Đông Nam Á" (2).

Chúng ta hết sức vui mừng nhận thấy rằng dưới sự lãnh đạo của Đảng cộng sản Việt nam và Đảng nhân dân cách mạng Lào, mối quan hệ hữu nghị đặc biệt và sự hợp tác toàn diện Việt - Lào, đã được thử thách và tôi luyện qua các chặng đường cách mạng của hai nước, ngày càng được củng cố và phát triển với chất lượng mới. Hiệp ước hữu nghị và hợp tác Việt - Lào ký năm 1977 tại Viêng chăn, Hội nghị cấp cao ba nước Đông dương đầu năm 1983, những nghị quyết gần đây của hai đảng về quan hệ Việt - Lào có ý nghĩa lịch sử vô cùng quan trọng, đánh dấu một bước phát triển mới của liên minh chiến đấu và mối quan hệ đặc biệt Việt - Lào.

Kỷ niệm lần thứ 30 ngày thành lập Đảng nhân dân cách mạng Lào, những người cộng sản và nhân dân Việt nam ta chân thành gửi những lời chào mừng tốt đẹp nhất và những tình cảm thâm thiết nhất đến những người cộng sản và nhân dân các dân tộc Lào anh em.

Hiện nay, dưới sự lãnh đạo của Đảng nhân dân cách mạng Lào, toàn dân Lào đang ra sức tăng cường đoàn kết, nâng cao tinh thần cảnh giác trước âm mưu, thủ đoạn của bọn bành trướng, bá quyền Trung quốc và bọn đế quốc, sẵn sàng làm thất bại mọi âm mưu của chúng, ra sức phát triển kinh tế, phát triển sản xuất, ổn định đời sống nhân dân, đẩy mạnh công cuộc cải tạo xã hội chủ nghĩa và xây dựng chủ nghĩa xã hội, trước mắt là thực hiện Nghị quyết Hội nghị thứ 7 của Ban chấp hành trung ương Đảng nhân dân cách mạng Lào, hoàn thành thắng lợi kế hoạch Nhà nước năm năm thứ nhất.

Tập đoàn phản động trong giới cầm quyền Bắc kinh câu kết với đế quốc Mỹ và các thế lực phản động khác rất hần học trước đường lối độc lập, tự chủ của Lào. Chúng ráo riết phá hoại công cuộc lao động hòa bình của nhân dân Lào, mưu toan diễn biến hòa bình, gây bạo loạn lật đổ và lấn lẹ xâm lược Lào. Nhưng chúng đã và đang thất bại trước nhân dân các dân tộc Lào anh hùng và bất khuất.

Chúng ta tin tưởng rằng dưới ngọn cờ quang vinh của Đảng nhân dân cách mạng Lào, đứng đầu là đồng chí Tổng bí thư Cay-xôn Phôm-vi-hăn kính mến, nhân dân các dân tộc Lào anh em nhất định hoàn thành thắng lợi mọi nhiệm vụ, xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội và bảo vệ vững chắc Tổ quốc thân yêu của mình, làm cho nước Lào ngày càng phồn vinh, nhân dân Lào ngày càng hạnh phúc, góp phần xứng đáng vào sự nghiệp cách mạng ở Đông dương và trên toàn thế giới.

(2) Văn kiện Đại hội V. Nxb Sự thật. Hà nội. 1982, tập 1, tr. 147.

Lời Bộ biên tập. Cuối năm 1974 đầu năm 1975 Bộ chính trị Trung ương Đảng đã họp bàn nhiệm vụ chống Mỹ, cứu nước trong hai năm 1975—1976. Hội nghị họp làm hai đợt. Đợt I họp từ ngày 30-9-1974 đến ngày 8-10-1974 thì tạm ngừng, chờ các đồng chí lãnh đạo ở chiến trường miền Nam ra một họp tiếp. Đợt II họp vào đầu năm 1975 đến ngày 7-1-1975 thì kết thúc. Để kết thúc hai đợt thảo luận đó, đồng chí Tổng bí thư Lê Duẩn đã phát biểu hai bài kết luận hai đợt Hội nghị của Bộ chính trị. Trong hai bài kết luận đó, đồng chí Lê Duẩn đã vạch rõ nhiệm vụ và kế hoạch tác chiến để đưa cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước của nhân dân ta đến thắng lợi hoàn toàn. Sự lãnh đạo đúng đắn và sáng suốt của Đảng thể hiện trong hai bài kết luận của đồng chí Tổng bí thư Lê Duẩn là nhân tố hàng đầu quyết định thắng lợi của cuộc Tổng tiến công và nổi dậy mùa xuân 1975, hoàn toàn giải phóng miền Nam, thực hiện thống nhất nước nhà. Nhân dịp kỷ niệm lần thứ 10 ngày thắng lợi của sự nghiệp chống Mỹ, cứu nước, chúng tôi đang loàn vở hai văn kiện cực kỳ quan trọng này để bạn đọc nghiên cứu.

Kết luận đợt một Hội nghị Bộ chính trị (từ 30-9 đến 8-10 năm 1974)

HON một tuần làm việc, Bộ chính trị chúng ta đã nhất trí hạ quyết tâm hoàn thành sự nghiệp cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân ở miền Nam. Đây là một sự kiện vô cùng trọng đại, để tiến tới kết thúc cuộc chiến tranh cách mạng kéo dài hơn ba mươi năm, kể từ khi chúng ta giành được chính quyền, để hoàn thành trọn vẹn trách nhiệm vẻ vang đối với dân tộc và thực hiện nghĩa vụ quốc tế lớn lao đối với thời đại. Đây là một quyết định rất dũng

cảm, có thể nói là táo bạo. Song, quyết định này là kết quả của trí tuệ tập thể của Bộ chính trị, là kết quả của những suy nghĩ đã nung nấu từ lâu, của sự cân nhắc chín chắn xuất phát từ kinh nghiệm được tích lũy qua mấy mươi năm chiến đấu, xuất phát từ thực tiễn cách mạng trên chiến trường, từ lực lượng so sánh trong nước và trên thế giới.

Vì sao từ năm 1954, Mỹ nhảy vào miền Nam Việt nam làm « chiến tranh đặc biệt », sau đó phát triển thành

«chiến tranh cục bộ», rồi nay lại phải rút quân ra?

Sau chiến tranh thế giới lần thứ hai, Mỹ không dám đưa quân vào để ngăn chặn cách mạng Trung quốc. Nhưng trong chiến tranh Triều tiên thì Mỹ nhảy vào, và cứu được chế độ tay sai Nam Triều tiên khỏi sụp đổ. Từ đó, Mỹ thấy được khả năng có thể dùng sức mạnh của chúng để chặn bước phát triển của chủ nghĩa cộng sản, giữ vững những vị trí còn lại mà không gặp nhiều khó khăn. Trong khi ta đang đánh thắng Pháp, Mỹ đã can thiệp vào chiến tranh Đông dương. Chúng biết Trung quốc ngại sức mạnh của Mỹ, nên ở Hội nghị Giơ-ne-vơ về Đông-dương, Mỹ đã cùng Pháp thỏa hiệp với Trung quốc ép ta dừng lại sau chiến thắng Điện biên phủ. Sau khi kìm được một phần thắng lợi của cách mạng Việt nam, Mỹ đã nhảy vào miền Nam nước ta hòng ngăn chặn chủ nghĩa cộng sản lan tràn xuống Đông Nam Á. Điều Mỹ quan tâm trước hết là để bịt các cuộc nổi dậy, đánh bại các cuộc chiến tranh giải phóng dân tộc, Mỹ cho rằng phương án tốt nhất là sử dụng đội quân tay sai cộng với vũ khí và trang bị của Mỹ; còn nếu phải tham gia thì Mỹ chỉ dùng cố vấn quân sự hoặc nhiều lắm là vài ba sư đoàn quân viễn chinh. Mỹ tính toán có thể cùng một lúc làm mấy cuộc chiến tranh như phương án đó mà vẫn thắng, trong khi chúng chưa phải dùng đến lực lượng chiến lược dành để đương đầu với Liên xô.

Ở miền Nam, Mỹ đã dựng lên chính quyền tay sai Ngô Đình Diệm, phá hoại Hiệp nghị Giơ-ne-vơ hòng chia cắt lâu dài đất nước ta. Mỹ — Diệm đã đem từng lữ đoàn, sư đoàn đi càn quét bắn phá, tề mảy chém đi khắp nơi để khủng bố, giết chóc. Điều bất ngờ lớn đối với Mỹ — Diệm là ta đã phát động quần chúng nổi dậy và trong một thời gian ngắn đã giành

quyền làm chủ ở một số vùng nông thôn rộng lớn. Ta thắng bước này là do thấy được cái mạnh cơ bản của ta, cái yếu cơ bản của địch, chính trong lúc chúng hùng hổ thì hành những thủ đoạn phát xít nhất

Trước tình thế gay go của bè lũ tay sai, năm 1962 chính quyền Ken-no-đi phải vội vã lập ra Bộ chỉ huy quân sự Mỹ ở miền Nam (MACV), tăng cường hệ thống cố vấn để chỉ đạo «chiến tranh đặc biệt». Nhưng các cuộc nổi dậy ở nông thôn vẫn tiếp tục lan rộng, chiến tranh du kích không ngừng phát triển, đấu tranh chính trị ở thành thị lên cao. Sau sự sụp đổ của Ngô Đình Diệm, nguy quyền không hoảng liên miên, nguy quân bị thua đau ở Bình giả, Ba gia, «chiến tranh đặc biệt» đứng trước nguy cơ bị phá sản hoàn toàn. Để cứu vãn tình thế, sau khi thăm dò và biết rõ mức độ phản ứng của các nước lớn trong phe ta, Mỹ đã đưa 20 vạn quân vào miền Nam để làm «chiến tranh cục bộ», đồng thời gây chiến tranh phá hoại ở miền Bắc. Chúng tưởng buộc được lực lượng vũ trang ta ở miền Nam phải lui về phòng ngự, hao mòn dần và bị tiêu diệt, buộc miền Bắc phải bị «đẩy lùi về thời kỳ đồ đá». Nhưng Mỹ bất ngờ là ta vẫn tiếp tục tiến công. Ta mở mặt trận Trị thiên đánh địch ở Khe sanh, đường 9. Ta dùng lực lượng tinh nhuệ đánh thẳng vào Sài gòn và tất cả các thành thị miền Nam trong dịp Tết Mậu Thân làm lung lay ý chí xâm lược của Mỹ. Mỹ đã thua cả về sức mạnh và ý chí giữa lúc cuộc chiến tranh xâm lược leo thang đến đỉnh cao nhất. Điều làm cho chính quyền Mỹ lo ngại hơn cả là trong khi tình hình nước Mỹ bị rối loạn do sa lầy ở Việt nam, thì Liên xô đã vượt lên nhanh chóng về quân sự; một số đồng minh như Nhật bản, Tây Đức đã trở thành những đối thủ lợi hại của Mỹ về kinh tế. Trong bối cảnh đó, Giôn-xon buộc phải

Lời Bộ biên tập. Cuối năm 1974 đầu năm 1975 Bộ chính trị Trung ương Đảng đã họp bàn nhiệm vụ chống Mỹ, cứu nước trong hai năm 1975—1976. Hội nghị họp làm hai đợt. Đợt I họp từ ngày 30-9-1974 đến ngày 8-10-1974 thì tạm ngừng, chờ các đồng chí lãnh đạo ở chiến trường miền Nam ra mới họp tiếp. Đợt II họp vào đầu năm 1975 đến ngày 7-1-1975 thì kết thúc. Để kết thúc hai đợt thảo luận đó, đồng chí Tổng bí thư Lê Duẩn đã phát biểu hai bài kết luận hai đợt Hội nghị của Bộ chính trị. Trong hai bài kết luận đó, đồng chí Lê Duẩn đã vạch rõ nhiệm vụ và kế hoạch tác chiến để đưa cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước của nhân dân ta đến thắng lợi hoàn toàn. Sự lãnh đạo đúng đắn và sáng suốt của Đảng thể hiện trong hai bài kết luận của đồng chí Tổng bí thư Lê Duẩn là nhân tố hàng đầu quyết định thắng lợi của cuộc Tổng tiến công và nổi dậy mùa xuân 1975, hoàn toàn giải phóng miền Nam, thực hiện thống nhất nước nhà. Nhân dịp kỷ niệm lần thứ 10 ngày thắng lợi của sự nghiệp chống Mỹ, cứu nước, chúng tôi đăng toàn văn hai văn kiện cực kỳ quan trọng này để bạn đọc nghiên cứu.

Kết luận đợt một Hội nghị Bộ chính trị (từ 30-9 đến 8-10 năm 1974)

HƠN một tuần làm việc, Bộ chính trị chúng ta đã nhất trí hạ quyết tâm hoàn thành sự nghiệp cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân ở miền Nam. Đây là một sự kiện vô cùng trọng đại, để tiến tới kết thúc cuộc chiến tranh cách mạng kéo dài hơn ba mươi năm, kể từ khi chúng ta giành được chính quyền, để hoàn thành trọn vẹn trách nhiệm vẻ vang đối với dân tộc và thực hiện nghĩa vụ quốc tế lớn lao đối với thời đại. Đây là một quyết định rất dũng

cảm, có thể nói là táo bạo. Song, quyết định này là kết quả của trí tuệ tập thể của Bộ chính trị, là kết quả của những suy nghĩ đã nung nấu từ lâu, của sự cân nhắc chín chắn xuất phát từ kinh nghiệm được tích lũy qua mấy mươi năm chiến đấu, xuất phát từ thực tiễn cách mạng trên chiến trường, từ lực lượng so sánh trong nước và trên thế giới.

Vì sao từ năm 1954, Mỹ nhảy vào miền Nam Việt nam làm « chiến tranh đặc biệt », sau đó phát triển thành

«chiến tranh cục bộ», rồi nay lại phải rút quân ra?

Sau chiến tranh thế giới lần thứ hai, Mỹ không dám đưa quân vào để ngăn chặn cách mạng Trung quốc. Nhưng trong chiến tranh Triều tiên thì Mỹ nhảy vào, và cứu được chế độ tay sai Nam Triều tiên khỏi sụp đổ. Từ đó, Mỹ thấy được khả năng có thể dùng sức mạnh của chúng để chặn bước phát triển của chủ nghĩa cộng sản, giữ vững những vị trí còn lại mà không gặp nhiều khó khăn. Trong khi ta đang đánh thắng Pháp, Mỹ đã can thiệp vào chiến tranh Đông dương. Chúng biết Trung quốc «ngại sức mạnh của Mỹ, nên ở Hội nghị Giơ-ne-vơ về Đông-dương, Mỹ đã cùng Pháp thỏa hiệp với Trung quốc ép ta dừng lại sau chiến thắng Điện biên phủ. Sau khi kim được một phần thắng lợi của cách mạng Việt nam, Mỹ đã nhảy vào miền Nam nước ta hòng ngăn chặn chủ nghĩa cộng sản lan tràn xuống Đông Nam Á. Điều Mỹ quan tâm trước hết là để bẹp các cuộc nổi dậy, đánh bại các cuộc chiến tranh giải phóng dân tộc, Mỹ cho rằng phương án tốt nhất là sử dụng đội quân tay sai cộng với vũ khí và trang bị của Mỹ; còn nếu phải tham gia thì Mỹ chỉ dùng cố vấn quân sự hoặc nhiều lắm là vài ba sư đoàn quân viễn chinh. Mỹ tính toán có thể cùng một lúc làm mấy cuộc chiến tranh như phương án đó mà vẫn thắng, trong khi chúng chưa phải dùng đến lực lượng chiến lược dành để đương đầu với Liên xô.

Ở miền Nam, Mỹ đã dựng lên chính quyền tay sai Ngô Đình Diệm, phá hoại Hiệp nghị Giơ-ne-vơ hòng chia cắt lâu dài đất nước ta. Mỹ — Diệm đã đem từng lữ đoàn, sư đoàn đi càn quét bắn phá, tề mảy chém đi khắp nơi để khủng bố, giết chóc. Điều bất ngờ lớn đối với Mỹ — Diệm là ta đã phát động quần chúng nổi dậy và trong một thời gian ngắn đã giành

quyền làm chủ ở một số vùng nông thôn rộng lớn. Ta thắng bước này là do thấy được cái mạnh cơ bản của ta, cái yếu cơ bản của địch, chính trong lúc chúng hùng hổ thi hành những thủ đoạn phát xít nhất

Trước tình thế gay go của bè lũ tay sai, năm 1962 chính quyền Ken-no-di phải vội vã lập ra Bộ chỉ huy quân sự Mỹ ở miền Nam (MACV), tăng cường hệ thống cố vấn để chỉ đạo «chiến tranh đặc biệt». Nhưng các cuộc nổi dậy ở nông thôn vẫn tiếp tục lan rộng, chiến tranh du kích không ngừng phát triển, đấu tranh chính trị ở thành thị lên cao. Sau sự sụp đổ của Ngô Đình Diệm, nguy quyền khủng hoảng liên miên, nguy quân bị thua đau ở Bình giả, Ba gia, «chiến tranh đặc biệt» đứng trước nguy cơ bị phá sản hoàn toàn. Để cứu vãn tình thế, sau khi thăm dò và biết rõ mức độ phản ứng của các nước lớn trong phe ta, Mỹ đã đưa 20 vạn quân vào miền Nam để làm «chiến tranh cục bộ», đồng thời gây chiến tranh phá hoại ở miền Bắc. Chúng tưởng buộc được lực lượng vũ trang ta ở miền Nam phải lui về phòng ngự, hao mòn dần và bị tiêu diệt, buộc miền Bắc phải bị «đẩy lùi về thời kỳ đồ đá». Nhưng Mỹ bất ngờ là ta vẫn tiếp tục tiến công. Ta mở mặt trận Trị thiên đánh địch ở Khe sanh, đường 9. Ta dùng lực lượng tinh nhuệ đánh thắng vào Sài gòn và tất cả các thành thị miền Nam trong dịp Tết Mậu Thân làm lung lay ý chí xâm lược của Mỹ. Mỹ đã thua cả về sức mạnh và ý chí giữa lúc cuộc chiến tranh xâm lược leo thang đến đỉnh cao nhất. Điều làm cho chính quyền Mỹ lo ngại hơn cả là trong khi tình hình nước Mỹ bị rối loạn do sa lầy ở Việt nam, thì Liên xô đã vượt lên nhanh chóng về quân sự; một số đồng minh như Nhật bản, Tây Đức đã trở thành những đối thủ lợi hại của Mỹ về kinh tế. Trong bối cảnh đó, Giôn-xơn buộc phải

xuống thẳng ngồi vào bàn đàm phán và chủ trương « phi Mỹ hóa chiến tranh » Tiếp đó, Ních-xon thực hiện « Việt nam hóa chiến tranh » để giữ cho được miền Nam, và kéo dài chiến tranh thêm bốn năm. Ních-xon đã mở rộng chiến tranh và tăng cường độ đánh phá cả hai miền, dùng thủ đoạn ngoại giao mua bán với Trung quốc để ngăn chặn sự nghiệp thống nhất đất nước của nhân dân ta. Nhưng cuối cùng hẳn buộc phải chịu thua, thừa nhận miền Nam có hai chính quyền, hai quân đội, hai vùng kiểm soát. Mỹ phải rút hết quân về nước, còn quân chủ lực của ta vẫn ở lại trên chiến trường.

Tóm lại, Mỹ muốn thông qua chính quyền và quân đội tay sai để đè bẹp cách mạng, đặt ách thống trị thực dân mới của chúng ở miền Nam. Nhưng Mỹ đã thua và buộc phải dùng quân viễn chinh và bộ máy chiến tranh của chúng hòng xoay chuyển tình thế. Mỹ lại thất bại, cuối cùng phải rút quân ra. Song Mỹ còn hy vọng bọn tay sai ở miền Nam vẫn đứng vững nhờ một triệu quân nguy, hai vạn cố vấn Mỹ và một khối lượng viện trợ đáng kể, vẫn kiểm soát được thành phố và phần lớn nông thôn. Như vậy, *Mỹ vào là vì nó tưởng nó mạnh, ta yếu, nó sẽ thắng, ta sẽ thua. Nay Mỹ phải ra là vì ta mạnh, nó yếu, ta đã thắng và đã tiến lên một bước rất xa; nó đã thua và đã lùi một bước nghiêm trọng.* Trước mắt, Mỹ còn bám giữ miền Nam. Nhưng nếu sức ta càng mạnh, thế ta càng vững, Mỹ, nguy có phá Hiệp định Pa-ri cũng không làm nổi, thì cuối cùng Mỹ buộc phải ra hết. Trong trường hợp ngược lại, thì Mỹ sẽ ở lại lâu dài.

Ý đồ chiến lược của ta khi ký Hiệp định Pa-ri là gì?

Tùy nói Mỹ phải ra vì thua, vì yếu, nhưng ta biết rằng Mỹ vẫn còn tiềm lực lớn và nhiều mưu đồ độc ác. Ta không bao giờ chủ quan mà cho rằng

chúng đã « sức tàn lực kiệt ». Ta tuy thắng liên tiếp và đã mạnh lên, nhưng còn gặp nhiều khó khăn. Đến lúc này, sự viện trợ của phe ta không phải đầy đủ và kịp thời như ta mong muốn. Sự thỏa hiệp, móc ngoặc giữa Mỹ và Trung quốc đã làm phức tạp thêm cho cuộc kháng chiến của chúng ta. Trong hoàn cảnh đó, ta phải tạo ra một thế đi lên vững nhất, một thế thắng chắc nhất. Chính vì lẽ đó mà ta ký Hiệp định Pa-ri. Đối với ta, điều quan trọng của Hiệp định Pa-ri không phải là ở chỗ thừa nhận hai chính quyền, hai quân đội, hai vùng kiểm soát, tiến tới thành lập Chính phủ ba thành phần, mà mấu chốt là ở chỗ quân Mỹ phải ra còn quân ta thì ở lại, hành lang Nam Bắc vẫn nối liền, hậu phương gắn với tiền phương thành một dải liên hoàn thống nhất; thế trận tiến công của ta vẫn vững. *Ý định của ta là giữ nguyên thế và lực của mình ở miền Nam để tiến lên tiếp tục tiến công địch.* Thông qua Hiệp định Pa-ri, ta đấu tranh đòi thi hành dân chủ, phá bỏ kim kẹp; ta tổ chức, tập hợp quần chúng mở rộng mặt trận yêu nước, phân hóa bọn tay sai, cô lập kẻ thù, nhằm làm yếu hơn nữa lực lượng mọi mặt của nguy quân, nguy quyền tiến đến hoàn toàn xóa bỏ chúng. Trong trường hợp quân địch không thi hành Hiệp định, gây lại chiến tranh, thì ta có sẵn thế và lực mạnh để phản công tiêu diệt chúng. Tình hình phát triển theo khả năng nào, chúng ta cũng hoàn toàn chủ động. Quyết tâm của chúng ta là tiến lên giành thắng lợi hoàn toàn chứ không bao giờ dừng lại. Ký Hiệp định, ta tỏ ra rất kiên quyết, nhưng cũng rất mềm dẻo. Ta quyết giành thắng lợi cuối cùng nhưng biết thắng từng bước. Điều đó thể hiện chúng ta đã quán triệt quan điểm cách mạng không ngừng của Lê-nin. Từ Cách mạng Tháng Tám đến nay, nhân dân ta phải liên tiếp đương đầu với nhiều tên đế quốc lớn mạnh. Cách mạng đã trải qua nhiều chặng đường.

không ngừng phát triển từ bước này đến bước khác, và cuối cùng nhất định phải thành công trong cả nước Việt nam. Con đường phát triển của cách mạng nước ta tất yếu phải như vậy.

Hiện nay, đã có thời cơ chiến lược để giải phóng hoàn toàn miền Nam hay chưa?

Lúc này, chúng ta đang có thời cơ. Hai mươi năm chiến đấu mới tạo được thời cơ này, chúng ta phải biết nắm lấy để đưa sự nghiệp giải phóng dân tộc đến thắng lợi hoàn toàn.

Sau khi miền Bắc Việt nam được giải phóng trở thành tiền đồn của hệ thống xã hội chủ nghĩa ở Đông Nam Á, đế quốc Mỹ đã lập ra khối liên minh quân sự SEATO, hoàn chỉnh thêm một bước vành đai bao vây các nước xã hội chủ nghĩa, và vội vã nhảy vào xâm lược miền Nam Việt nam. Lúc bấy giờ, với tham vọng lớn và đầu óc chủ quan, Mỹ chắc hẳn sẽ làm được việc đó dễ dàng và tiến lên độc chiếm cả Đông Nam Á, một khu vực có tầm quan trọng chiến lược về quân sự và kinh tế ở tây Thái bình dương. Nay bị thất bại, Mỹ phải xoay sang bắt tay, thỏa hiệp để chia quyền lợi và vùng ảnh hưởng với một số cường quốc khác cũng có mưu đồ và đang lăm le làm bá chủ vùng này. Người ta đã mặc cả với nhau và tuyên bố không ai được độc quyền làm chủ ở Đông Nam Á. Đường nhiên, Mỹ không muốn Trung quốc, Nhật bản khống chế Đông Nam Á; ngược lại Trung quốc, Nhật bản cũng không muốn một mình Mỹ chiếm cả vùng này. Tuy tranh giành nhau, song tất cả đều lo ngại cách mạng Việt nam mạnh lên và giành được toàn thắng, đều coi một nước Việt nam thống nhất, độc lập gần bó, đoàn kết với hai nước Lào, Cam-pu-chia độc lập, thống nhất sẽ là một trở lực lớn đối với mưu đồ bành trướng của họ. Vì thế, họ tìm mọi cách chặn bước tiến của Việt nam,

kéo dài tình trạng chia cắt đất nước hòng làm cho ta suy yếu. Nhằm làm việc đó Mỹ hy vọng dùng Trung quốc gây sức ép, buộc ta dừng lại sau khi ký Hiệp định Pa-ri, đồng thời chúng cũng tính đến dùng kinh tế, dùng bồi thường chiến tranh làm mồi để giành lại. Ở thời điểm này, Việt nam không chỉ là vấn đề đối đầu giữa hai hệ thống thế giới mà về khách quan còn là một đối thủ quan trọng phải khuất phục trong sự tính toán chiến lược của các thế lực xâm lược, bành trướng tranh giành Đông Nam Á. Âm mưu của họ rất nguy hiểm, nhưng lúc này chưa ai sẵn sàng. Trung quốc, Nhật bản thì chưa đủ sức làm nổi; Mỹ thì đã thua, đang rút ra, trước mắt muốn giữ tình hình miền Nam ổn định trong một số năm để ngụy quyền tiếp tục đứng vững và Mỹ có thời gian vượt qua những khó khăn lớn về kinh tế và chính trị trong nước.

Riêng lực lượng so sánh giữa ta và ngụy thì ta đang ở thế thắng, thế tiến lên; trái lại, vì thất bại liên tiếp, thế và lực của ngụy, cả về chính trị và quân sự, đang xuống dốc.

Xét tất cả các mặt nói trên, chúng ta khẳng định đây là thời cơ thuận lợi nhất để nhân dân ta hoàn toàn giải phóng miền Nam, giành thắng lợi trọn vẹn cho cách mạng dân tộc dân chủ đồng thời giúp Lào và Cam-pu-chia hoàn thành sự nghiệp giải phóng dân tộc. Ngoài thời cơ này, không có thời cơ nào khác. Nếu đề chậm mười, mười năm nữa, bọn ngụy gượng dậy được, các thế lực xâm lược được hồi phục, bọn bành trướng mạnh lên thì tình hình sẽ phức tạp vô cùng.

Khi hạ quyết tâm chiến lược này, điều mấu chốt nhất phải cân nhắc là liệu Mỹ có trở lại miền Nam hay không?

Tuy về bản chất Mỹ rất ngoan cố và còn nhiều âm mưu thâm độc, nhưng đây là lúc Mỹ đang ra, mà đã ra thì việc quay lại không phải dễ, vì Mỹ

còn choáng váng, ê ẩm bởi một chuỗi dài thất bại sau quá trình dính liú, sa lầy, leo thang rồi xuống thang, nay mới thoát ra được. Ngao cổ bám giữ miền Nam đến cùng là một việc mà quay trở lại miền Nam một lần nữa là một việc khác. Chọn thời cơ chiến lược này, ta phán đoán *Mỹ không có khả năng quay lại*. Song ta cũng khẳng định dù Mỹ có can thiệp trở lại trong chừng mực nào thì chúng cũng không xoay chuyển được tình thế và ta vẫn thắng.

Vấn đề đặt ra cho ta phải suy nghĩ là đánh như thế nào và thắng như thế nào, cho tốt. Như trên đã nói, đề chậm mười, mười năm thì nguy hiểm đã đánh, còn đánh mà đánh không tốt, đánh một cách trầy trật cũng dễ ra phức tạp. Thời cơ này đòi hỏi phải *làm nhanh, làm gọn, làm triệt để, nhưng phải khôn khéo*. Có như thế mới tạo được bất ngờ, không ai kịp trở tay. Có làm được như thế không? Chúng ta đã nhất trí cần thiết phải làm và nhất định làm được.

Lực lượng so sánh giữa ta và địch sau Hiệp định Pa-ri như thế nào?

Thành bại của một cuộc cách mạng, nói cho cùng, là do lực lượng so sánh quyết định. Trong chiến tranh, kẻ nào mạnh thì thắng, kẻ nào yếu thì thua. Song nói mạnh, yếu là nói theo quan điểm cách mạng, quan điểm phát triển, là căn cứ vào sự đánh giá tổng hợp cả quân sự và chính trị, cả thế, lực, và thời cơ, cả điều kiện khách quan và nghệ thuật lãnh đạo; là xem xét các yếu tố ấy trong quá trình vận động, trong không gian và thời gian nhất định. Không thể chỉ lấy số lượng quân đội, đơn vị, đồn bốt, số lượng vũ khí, trang bị và phương tiện chiến tranh để so sánh và đánh giá mạnh, yếu. Trong những năm 1965, 1966, Mỹ đưa 20 vạn quân viễn chinh vào miền Nam, nhưng lúc bấy giờ Mỹ vào khi chúng đã thua trong "chiến tranh đặc biệt", khi ta đã triển khai vững chắc lực

lượng và thế trận trên khắp chiến trường, cho nên ta đánh giá thế và lực của Mỹ không mạnh, ta vẫn giữ quyền chủ động và tiếp tục tiến công. Năm 1968, tổng số quân địch vượt một triệu hai trăm nghìn tên, trong đó quân Mỹ đã tăng lên hơn nửa triệu, ta chủ trương đánh vào Sài Gòn và các thành thị khác, vào các cơ quan đầu não, căn cứ, kho tàng, buộc địch phải co về để giữ. Thắng lợi của những chủ trương đó thể hiện quan điểm đúng đắn của ta trong việc đánh giá lực lượng so sánh. Kết quả hoạt động khác nhau trên từng chiến trường cụ thể trước hết cũng bắt nguồn từ cách đánh giá khác nhau về lực lượng giữa ta và địch.

Theo báo cáo của anh Sáu Dân, ở khu 9, tỷ lệ ta địch là 1/8; nhưng do nắm chắc chỗ mạnh của ta, chỗ yếu của địch, ta biết chủ động tiến công thì vẫn giành được thắng lợi. Ngược lại, ở Trị Thiên; tỷ lệ ta địch là 1/2, nhưng do đánh giá quá cao chỗ mạnh của địch, không thấy chỗ mạnh của ta nên các đồng chí địa phương thiên về phòng ngự, co thủ làm ta bị động thất thế để địch lấn tới, thực hiện bình định, phân tuyến, phân vùng.

Về lực lượng so sánh giữa ta và địch sau Hiệp định Pa-ri, chúng ta cũng phải có cách đánh giá biện chứng như thế. Buộc đối phương ký Hiệp định có nghĩa ta đã mạnh, đủ sức thắng cả Mỹ lẫn ngụy. Khi còn quân Mỹ, ta đã thắng được như vậy, thì sau khi quân Mỹ rút hết ta càng mạnh hơn và nhất định sẽ đánh thắng hoàn toàn quân ngụy. Chính vì lo ngại điều đó mà Mỹ đã trì hoãn nhiều lần việc ký kết hiệp định, cố kéo dài thời gian để tuồn thêm vũ khí, đạn dược và viện trợ kinh tế vào miền Nam, tranh thủ củng cố, tăng cường lực lượng cho quân ngụy, ngụy quyền nhằm đối phó lại ta. Tình hình và lực lượng so sánh sau Hiệp định Pa-ri lẽ ra phải phát triển theo lộ gích đó. Nhưng năm 1973,

bọn ngụy đã giành được chủ động ở một số nơi trên chiến trường. Để cho địch làm được như thế là do ở nơi ấy, ta có sai lầm, khuyết điểm. Địch thì vẫn ngoan cố phá hoại, chủ động tiến lên; còn ta thì có phần ảo tưởng, chờ đợi, thụ động thậm chí có nơi rút lui. Chính vì thế mà ta tụt xuống, địch trôi lên. Ngược lại, ở nơi nào ta chủ động tiến công một cách thích hợp thì chẳng những ta vẫn mạnh mà thế và lực của ta còn được nhân lên gấp đôi, gấp ba. Tình hình đã diễn ra đúng như vậy ngay từ đầu ở Khu 9, sau khi Hiệp định Pa-ri được ký kết, và về sau ở Khu 5 cũng như các khu khác. Cuối năm 1973 đầu năm 1974, sau khi ta kiên quyết tiến công và phản công thì địch bộc lộ rõ chỗ yếu của chúng. Quân chủ lực ngụy thì thế và sức cơ động yếu; hỏa lực, phương tiện chiến tranh và dự trữ hậu cần cũng yếu, tinh thần càng yếu hơn, quân địa phương ngụy tuy có hàng vạn đồn bốt, nhưng sức kìm kẹp bị giảm sút; nhiều đơn vị không dám hành quân, bị quân chúng bao vây, và khi bị đánh thì tan rã từng mảng lớn. Nếu kể cả những khó khăn về chính trị, kinh tế, văn hóa, đời sống trong vùng địch kiểm soát, ở nông thôn cũng như thành thị, đặc biệt là thế yếu về chính trị của ngụy quyền do sự chống đối gay gắt của nhân dân, do mâu thuẫn nội bộ bọn tay sai, và mâu thuẫn giữa tập đoàn Nguyễn Văn Thiệu với đế quốc Mỹ, thì sự suy yếu của địch là toàn diện.

Về phía ta, khi hạ quyết tâm chiến lược này, phải thấy hết ý nghĩa trọng đại của nó, đồng thời phải thấy hết những khó khăn, phức tạp mà kẻ thù có thể gây ra, phải thấy hết những mặt yếu kém của ta, nhất là về xây dựng thực lực cách mạng như đã trình bày trong báo cáo của Tổng quân ủy. Song điều cần nhấn mạnh là phải nhận rõ những khả năng và lực lượng to lớn mà chúng ta cần và có thể huy động

được, tạo nên sức mạnh tổng hợp để đánh thắng trong cuộc độ sức cuối cùng với địch.

Sức mạnh của chúng ta trước hết là sức mạnh làm chủ của nhân dân, sức mạnh của cả nước đánh giặc, từ Bắc đến Nam, hậu phương đến tiền tuyến. Qua cuộc chiến đấu ba mươi năm nay, trong tư tưởng, tình cảm, trong hành động cách mạng, trong bố trí chiến lược, trong chỉ đạo, chỉ huy, cả nước trước sau vẫn là một: hòa bình, độc lập không chia Nam, Bắc. Cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân ở miền Nam và cách mạng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc quyện với nhau làm một, nhưng sức mạnh lớn nhất, quyết định nhất là miền Bắc, ở hậu phương. Chiến tranh đến giai đoạn kết thúc thì vai trò quyết định của hậu phương càng nổi bật. Chúng ta chẳng những sẽ động viên những lực lượng quân sự, chính trị ở miền Nam, trong vùng giải phóng cũng như trong vùng địch tạm thời kiểm soát, mà còn dốc vào cuộc chiến đấu quyết định này những binh đoàn chủ lực tinh nhuệ, hầu hết lực lượng dự bị chiến lược và nguồn dự trữ dồi dào của miền Bắc.

Sức mạnh của chúng ta là sức mạnh của hai ngọn cờ: độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, gắn liền chặt chẽ với ba dòng thác cách mạng của thời đại. Vì vậy, cuộc kháng chiến của nhân dân ta đã nhận được sự giúp đỡ to lớn của các nước xã hội chủ nghĩa anh em và của cả loài người tiến bộ. Đó là một trong những nhân tố bảo đảm cho ta đánh thắng tên đế quốc đầu sỏ.

Sức mạnh của chúng ta là sức mạnh của chiến tranh nhân dân. Trong thời đại ngày nay, chiến tranh có nhiều loại, nhiều quy mô và sử dụng nhiều vũ khí khác nhau; nhưng nói về sức mạnh, thì người ta chú ý nhất đến chiến tranh nguyên tử và chiến tranh nhân dân. Chiến tranh nguyên tử rất nguy hiểm nhưng khi nhân dân các

nước nhận rõ nguy cơ hủy diệt của cuộc chiến tranh này và kẻ chủ mưu gây ra nó thì nhất định họ sẽ có đủ sức chịu đựng bàn tay của bọn đế quốc hiếu chiến. Còn trong những cuộc chiến tranh bằng vũ khí thông thường từ trước đến nay, thì chiến tranh nhân dân là vô địch, cuối cùng bọn xâm lược bao giờ cũng thất bại; nhân dân chống xâm lược luôn luôn là người chiến thắng.

Chiến tranh nhân dân Việt nam ngày nay đã kế thừa truyền thống chống ngoại xâm và tài thao lược của cha ông ta thuở trước. Có thời phải chiến đấu kiên trì ròng rã mười năm mới giành được toàn vẹn đất nước; có thời chỉ tiến công thần tốc trong mười ngày đã quét sạch giặc xâm lăng ra ngoài bờ cõi. Song thời nào cũng lấy nhỏ đánh lớn, lấy ít địch nhiều, lấy nhân nghĩa thắng hung tàn, dựa vào sức dân làm chủ để giữ yên đất nước. Truyền thống đó đang được phát triển và nâng lên một trình độ mới gắn liền với những tư tưởng quân sự Mác - Lê-nin.

Chiến tranh nhân dân Việt nam ngày nay là kết quả tổng hợp của việc vận dụng đường lối và phương pháp cách mạng đúng đắn, sáng tạo do Đảng ta đề ra. Trong chống Mỹ, cứu nước, đây là một cuộc chiến tranh vừa quân sự vừa chính trị, diễn ra dưới hình thức phổ biến là nổi dậy và tiến công, tiến công và nổi dậy, kết hợp khởi nghĩa của quần chúng với chiến tranh cách mạng, vận dụng phương thức đấu tranh thích hợp trên ba vùng chiến lược. Trên cơ sở quán triệt tư tưởng chiến lược tiến công, phương châm cơ bản là làm chủ để tiêu diệt, tiêu diệt để làm chủ; là đánh lâu dài, thắng từng bước, tiến lên giành thắng lợi hoàn toàn. Về cách đánh, kết hợp « ba mũi giáp công », sử dụng ba thứ quân, kết hợp chiến tranh du kích với chiến tranh chính quy, kết hợp đánh nhỏ, đánh vừa, đánh lớn, vừa

chú trọng tiêu diệt sinh lực, vừa đánh phá cơ sở hậu cần, phương tiện chiến tranh, cơ quan đầu não của địch... Những vấn đề có tính quy luật đó đã trở thành khoa học và nghệ thuật quân sự, phù hợp với hoàn cảnh lịch sử, địa lý của Việt nam, với đặc điểm, bản lĩnh con người Việt nam; phát huy được sức mạnh của từng người, từng đơn vị, từng địa phương và sức mạnh chung của cả nước.

Cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước ở miền Nam là một cuộc chiến tranh chống ngoại xâm đồng thời mang một số yếu tố nội chiến. Hơn mười năm qua, ta đã liên tiếp đánh bại các âm mưu chính trị, quân sự của đế quốc Mỹ và đã đuổi quân viễn chinh Mỹ về nước. Nhiệm vụ chủ yếu hiện nay là đánh đổ chế độ bù nhìn, tay sai, mà cụ thể là đánh đổ tập đoàn Nguyễn Văn Thiệu đại biểu quyền lợi cho giai cấp phong kiến, tư sản mại bản, quan liêu, quân phiệt.

Quyết tâm của ta là, động viên những nỗ lực lớn nhất của toàn Đảng, toàn quân, toàn dân ở cả hai miền, mở cuộc tổng tiến công và nổi dậy cuối cùng, đưa chiến tranh cách mạng phát triển đến mức cao nhất, tiêu diệt và làm tan rã toàn bộ quân nguy, đánh chiếm Sài gòn, sào huyệt trung tâm của địch cũng như tất cả các thành thị khác, đánh đổ nguy quyền ở trung ương và các cấp, giành toàn bộ chính quyền về tay nhân dân, giải phóng hoàn toàn miền Nam, hoàn thành cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân, trong cả nước, tiến tới thống nhất nước nhà. Ngay từ giờ, phải tiến hành mọi công việc chuẩn bị thật khẩn trương, tạo điều kiện và cơ sở vật chất đầy đủ nhất để đánh mạnh, đánh nhanh, thắng gọn và thắng triệt để trong thời gian của năm 1975 hoặc 1976.

Thắng lợi hoàn toàn của sự nghiệp chống Mỹ, cứu nước vĩ đại chẳng những sẽ mở ra kỷ nguyên mới cho

cách mạng nước ta mà còn ảnh hưởng mạnh mẽ đến cuộc đấu tranh cách mạng của nhân dân các nước. Và có thể mười năm, hai mươi năm sau, sự kiện Việt nam thắng Mỹ còn tác động sâu xa tới bước đường tiến lên của nhiều dân tộc.

Chúng ta đang đảm nhận một sứ mệnh lịch sử to lớn và nặng nề hơn bao giờ hết. Song cũng chưa lúc nào

chúng ta phấn khởi, vui mừng như hiện nay. Toàn Đảng, toàn dân và toàn quân, cả nước ta từ Bắc chí Nam đều phải quyết tâm hoàn thành nhiệm vụ. Đồng bào cả nước và anh em bầu bạn trên thế giới đang mong chờ thắng lợi của chúng ta.

Thời cơ này không cho phép lừng chừng, do dự!

Kết luận đợt hai Hội nghị Bộ chính trị bàn về tình hình và nhiệm vụ của cuộc chống Mỹ, cứu nước

Ngày 7 tháng 1 năm 1975

Thưa các đồng chí,

TRONG cuộc họp lần trước, Bộ chính trị đã nhất trí về phương hướng chiến lược nhằm đưa cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước đến toàn thắng. Lần này, Bộ chính trị thảo luận thêm với các đồng chí miền Nam. Các đồng chí phụ trách chủ yếu của các chiến trường Khu 5, Nam bộ đều có mặt đông đủ. Tất cả chúng ta đều nhất trí hoàn toàn về các mặt: đánh giá tình hình sau Hiệp định Pa-ri, đánh giá lực lượng so sánh giữa ta và địch, nhận định thời cơ lịch sử, khẳng định quyết tâm chiến lược hoàn thành cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân ở miền Nam trong hai năm 1975, 1976, xác định nhiệm vụ, mục tiêu và các bước thực hiện.

Bản kết luận của tôi trong lần họp trước đã đề cập các vấn đề quan trọng

ấy. Hôm nay, tôi không nhắc lại tất cả mà chỉ tóm tắt những vấn đề các đồng chí đã phát biểu và nói thêm một số ý kiến đề khẳng định một lần nữa quyết tâm của Bộ chính trị và Quân ủy trung ương.

I — Tình hình miền Nam hai năm sau Hiệp định Pa-ri.

Trung ương đã chỉ rõ ký Hiệp định Pa-ri là nhằm đuổi Mỹ ra khỏi miền Nam, thắng địch một bước cơ bản, tạo điều kiện để tiến lên hoàn thành sự nghiệp cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân trong cả nước. Để đạt mục đích đó, ta phải tận dụng những nhân tố thắng lợi và những khả năng mới do Hiệp định Pa-ri đưa lại: đó là chính quyền và lực lượng vũ trang cách mạng, vùng giải phóng, lực lượng chính trị và phong trào đấu tranh chính trị của quần chúng trong vùng địch kiểm soát, những quyền cơ bản được Hiệp định thừa nhận: hòa

binh, độc lập, dân chủ, hòa hợp dân tộc.

Tuy nhiên, do không quán triệt ý đồ chiến lược của Trung ương, đánh giá chưa đúng lực lượng so sánh giữa ta và địch, nên lúc đầu một số nơi đã đề cho địch lấn tới và ta làm vào thế bị động. Cuối năm 1973 đầu năm 1974, phối hợp với đấu tranh chính trị, ngoại giao, ta kiên quyết phản công và tiến công, đập tan những âm mưu và hành động lấn chiếm của địch. Những đòn giáng trả của chúng ta được dư luận trong nước và trên thế giới đồng tình, ủng hộ. Mọi người, ngay cả trong hàng ngũ bọn phản động ở Sài Gòn, đều thấy rõ Nguyễn Văn Thiệu là kẻ chủ tâm phá hoại Hiệp định, tiếp tục chiến tranh, còn ta thì giương cao ngọn cờ hòa bình, hòa hợp dân tộc.

Chủ trương nói trên đã tạo ra được thế mạnh mới trên những mặt sau đây :

Một là, ta đã giành quyền chủ động trên khắp các chiến trường, trừng trị các cuộc hành quân lấn chiếm của địch, giành lại dân và những vùng bị mất, mở rộng vùng giải phóng của ta.

Hai là, ta củng cố và hoàn chỉnh thể chiến lược liên hoàn từ Bắc vào Nam, từ rừng núi Trị thiên đến Tây nguyên, miền Đông Nam bộ và đồng bằng sông Cửu long.

Ba là, ta đã xây dựng và tăng cường các binh đoàn chủ lực cơ động ở vùng rừng núi: tập trung được nguồn dự trữ chiến lược trên những địa bàn quan trọng.

Bốn là, ta đã cải thiện được tình hình nông thôn đồng bằng, tạo nên các bàn đạp ở vùng phụ cận thành thị lớn; đặc biệt đối với đồng bằng Nam bộ, đã xây dựng được một số đơn vị lớn quân chủ lực, điều mà xưa nay chưa làm được.

Năm là, ta đã phát động được phong trào đấu tranh chính trị dưới

khẩu hiệu hòa bình, độc lập, hòa hợp dân tộc.

Sáu là, ta tiếp tục tranh thủ thêm được sự đồng tình, ủng hộ mạnh mẽ của các lực lượng cách mạng và nhân dân tiến bộ trên thế giới.

Chúng ta còn một số nhược điểm: xây dựng bộ đội chủ lực và bộ đội địa phương chưa đạt yêu cầu về số lượng, chất lượng, trang bị, tổ chức, cán bộ, nhất là về trình độ tác chiến hợp đồng quy mô lớn và dài ngày. Ở nông thôn, chưa kết hợp tốt ba mũi tiến công; bộ đội địa phương, dân quân du kích ở nhiều nơi còn yếu, chưa tạo được thế cho quân chúng đấu tranh. Ở thành thị, đấu tranh chính trị chưa trở thành phong trào quần chúng thật sâu rộng. Tóm lại, trong hai năm qua do có khuyết điểm về chỉ đạo, chỉ huy, nên việc tận dụng những nhân tố thắng lợi và những khả năng mới còn bị hạn chế.

Về phía địch, chúng cũng có những chỗ mạnh nhất định: quân nguy còn gồm 70 vạn tên, có 13 sư đoàn chủ lực; địch còn kiểm soát hầu hết các thành thị lớn; còn nắm được những vùng nông thôn đông dân, nhiều của; còn được Mỹ viện trợ về quân sự, kinh tế; còn cố vấn Mỹ chỉ huy. Tuy vậy, thế của địch ngày càng xấu, lực của địch ngày càng suy. Tình trạng đó biểu hiện ở các mặt sau đây.

Một là, quân nguy, từ chủ lực đến địa phương, ở thế phòng ngự, phần lớn bị giam chân tại chỗ; một số ít đơn vị còn cơ động nhưng chỉ được phần nào; nói chung, quân chủ lực không làm được vai trò yểm trợ cho quân địa phương.

Hai là, các thứ quân địa phương như bảo an, « dân vệ », thì sức kìm kẹp đã giảm, không còn làm được lực lượng dự trữ như trước, một số không ít đơn vị đã tan rã từng mảng khi bị ta tiến công.

Ba là, trình độ hiệp đồng của các binh chủng quân nguy thấp và yếu, lực lượng không quân, pháo binh, xe tăng, thiết giáp giảm sút rất nhiều.

Bốn là, tinh thần quân nguy sa sút thêm một bước nghiêm trọng, tinh trạng tan rã, bỏ trốn ngày càng nhiều; tướng tá chỉ huy bị thay đổi, xáo trộn. Nhìn chung quân nguy đang mất sức chiến đấu, mất lòng tin nghiêm trọng, chủ nghĩa thất bại đang lây lan.

Năm là, vùng địch tạm chiếm bị chia cắt, kế hoạch « binh định » đang phá sản; địch nống ra đề dờ thì bị đánh, bị diệt; chúng co lại đề giữ thì mất dân, mất đất.

Sáu là, tình hình chính trị, kinh tế, đặc biệt là ở thành thị, chưa lúc nào khó khăn, rối loạn như hiện nay. Mỗi chục năm nay, chế độ nguy sống nhờ vào viện trợ của đế quốc Mỹ. Nay Mỹ rút, viện trợ giảm nhiều làm cho kinh tế xáo trộn, hỗn loạn, đời sống nhân dân bị đe dọa. Sự chống đối của nhân dân đối với nguy quyền gay gắt hơn bao giờ hết. Về nội bộ, địch đang tranh giành, xâu xé nhau. Các phe phái, những người cầm đầu các tôn giáo mâu thuẫn với bọn cầm quyền; giữa Mỹ và bọn tay sai cũng lục đục với nhau.

Trước tình hình quân sự, chính trị, kinh tế đó, Nguyễn Văn Thiệu khó bề đứng vững.

Trải qua bao nhiêu năm đấu tranh gay go, gian khổ, cách mạng miền Nam nói riêng, cách mạng Việt nam nói chung, mới tạo được bước chuyển biến quan trọng nói trên về lực lượng so sánh. Chưa bao giờ hai mặt đấu tranh quân sự, chính trị có điều kiện thuận lợi, có khả năng kết lại thành cao trào tiến công. Khi nổ ra « đồng khởi » trong những năm 1959, 1960, đội quân chính trị hùng hậu, đấu tranh chính trị mạnh mẽ nhưng lực lượng vũ trang cách mạng còn nhỏ bé. Trong các thời kỳ đánh trả « chiến tranh đặc

biệt » và « chiến tranh cục bộ » của Mỹ, lực lượng vũ trang cách mạng ngày càng lớn mạnh, phong trào đấu tranh chính trị tuy có phát triển, nhưng không đều; do đó sự kết hợp giữa quân sự và chính trị chưa nhịp nhàng, đồng bộ. Tình hình hiện nay khác với trước rất nhiều. Mỹ đã thua liên tiếp và phải rút quân về; nguy quân, nguy quyền không còn chỗ dựa như trước. Quân đội ta sung sức, có mặt khắp miền Nam. Quân chúng nhân dân trong vùng địch đòi hỏi vùng dậy và có khí thế mới.

Năm 1974, trong khi thế và lực của ta lớn lên nhanh thì địch càng xuống dốc cả về quân sự, chính trị, kinh tế. Ta tiến công mạnh thì nhất định sẽ tạo ra những đột biến mới trong quá trình xuống dốc đó của địch.

Lần họp trước, chúng ta đã xem xét bối cảnh quốc tế của chiến tranh Việt nam. Lần này, Hội nghị đi sâu phân tích lực lượng so sánh giữa ta và địch. Căn cứ vào sự đánh giá trong cả hai lần họp, chúng ta thấy chính xác hơn thời cơ lịch sử và khả năng thực tế để quyết chiến trận cuối cùng, đưa cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước đến thắng lợi hoàn toàn. Chúng ta nhất trí phải gấp rút chuẩn bị mọi mặt để kết thúc thắng lợi cuộc chiến tranh cứu nước trong năm 1975 hoặc năm 1976. Quyết tâm này của Bộ chính trị phải được truyền đến toàn thể cán bộ, đảng viên, đoàn viên và quần chúng nhân dân. Phải tiến hành công tác chính trị, tư tưởng sâu rộng, cổ vũ mạnh mẽ khí thế quyết chiến, quyết thắng.

II— Nhiệm vụ, kế hoạch tác chiến.

Nhiệm vụ sắp tới của chúng ta là nắm vững thời cơ lịch sử, mở nhiều chiến dịch tổng hợp liên tiếp, đánh những trận quyết định, kết thúc thắng lợi cuộc kháng chiến chống Mỹ, hoàn thành cách mạng dân tộc dân chủ

nhân dân ở miền Nam, tiến tới thống nhất Tổ quốc. Hoàn thành cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân thì tất yếu sẽ đưa cả nước tiến lên chủ nghĩa xã hội. Trong khi thực hiện nhiệm vụ này, chúng ta sẽ cùng với và giúp đỡ hai nước Lào và Cam-pu-chia anh em tiến lên.

Đề thực hiện quyết tâm nói trên, phải phấn đấu thực hiện những nhiệm vụ cụ thể, đạt được những yêu cầu sau đây:

Một là, thực hiện tiến công và nổi dậy trên quy mô lớn, tiêu diệt chỉ khu, quận lỵ, đánh bại kế hoạch « binh định », giành phần lớn nông thôn ở đồng bằng Nam bộ, đồng bằng Khu 5 và Trị thiên. Đây là một đòn chiến lược quan trọng, làm cho địch yếu hẳn xuống, mất hết nguồn dự trữ, làm cho ta mạnh hẳn lên, đứng vững ở nông thôn đồng bằng, chia cắt địch và áp sát các thành thị.

Hai là, mở những chiến dịch hợp đồng binh chủng của bộ đội chủ lực ta, đánh mạnh vào quân chủ lực nguy, tiêu diệt nhiều sinh lực địch, loại khỏi vòng chiến đấu nhiều trung đoàn, sư đoàn, bẻ gãy xương sống quân nguy; bao vây, tiêu diệt và chiếm lĩnh các khu vực chiến lược quan trọng, mở rộng hơn nữa vùng giải phóng, hoàn chỉnh các căn cứ chiến lược để đẩy mạnh cuộc tiến công và nổi dậy.

Ba là, kết hợp với đòn tiến công vào quân chủ lực nguy và đòn đánh phá « binh định » nông thôn, thực hiện bao vây, uy hiếp các thành thị lớn, nhất là Sài gòn, phát triển phong trào đấu tranh chính trị lên quy mô rộng lớn, đòi hòa bình, hòa hợp dân tộc. Nếu Mỹ lật Thiệu, thì nhanh chóng phát động quần chúng nổi dậy đánh đổ nguy quyền, xây dựng chính quyền cách mạng ở các cấp bên dưới, đấu tranh lập chính phủ liên hiệp bên trên.

Bốn là, đẩy mạnh công tác binh vận kịp với quy mô, cường độ tiến

công, nổi dậy, nhanh chóng làm tan rã quân nguy khi ta đánh mạnh, thúc đẩy những cuộc binh biến, ly khai của một số đơn vị quân nguy ở những nơi có điều kiện.

Năm là, phá hủy các cơ sở hậu cần và phương tiện chiến tranh của địch, làm cho địch mất hẳn nguồn dự trữ về sức người, sức của; đánh mạnh vào các cơ quan đầu não, triệt phá các đường giao thông của địch. Tiếp tục hoàn chỉnh các tuyến giao thông vận tải của ta, bảo đảm đủ dự trữ về vật chất, kỹ thuật cho quân đội đánh liên tục, dài ngày.

Thực hiện những nhiệm vụ và yêu cầu trên đây, phải nắm vững cái đích là tạo ra sức mạnh tổng hợp, kết hợp quân sự với chính trị, khởi nghĩa với chiến tranh, phối hợp « ba mũi giáp công », ba vùng chiến lược, tiêu diệt để làm chủ, làm chủ để tiêu diệt, tiến tới tổng tiến công và nổi dậy, thắng địch tại sào huyệt quan trọng nhất của chúng là Sài gòn để kết thúc chiến tranh.

Đánh trận cuối cùng này trước hết là nhiệm vụ của các lực lượng quân sự, chính trị trên chiến trường Nam bộ, trong đó có lực lượng của Sài gòn - Gia định; đồng thời là nhiệm vụ của quân và dân cả nước, trong đó khối chủ lực miền và các binh đoàn chủ lực từ các chiến trường khác đến, đóng vai trò quyết định.

Kế hoạch hoạt động năm 1975 chỉ ra nhiệm vụ của từng chiến trường, đồng thời hướng hoạt động của tất cả các chiến trường vào cái đích chung là tiến tới trận quyết chiến chiến lược tại sào huyệt cuối cùng của địch bằng con đường nhanh nhất.

Chiến trường Nam bộ có ba nhiệm vụ quan trọng: đánh phá « binh định »; đánh quân chủ lực nguy; vây áp thành thị. Để đánh phá « binh định », mà trọng điểm là ở đồng bằng sông Cửu long, phải sử dụng 2 đến 3 vạn

quân chủ lực ở miền Đông Nam bộ đánh xuống đồng bằng, kết hợp với những cuộc tiến công và nổi dậy của lực lượng quân sự, chính trị tại chỗ, mở vùng giải phóng liên hoàn nối miền Đông với Khu 8, Khu 9; đồng thời ép mạnh về phía Mỹ tho, Sài gòn, nhất là Sài gòn, tạo thế cho quân chúng ở đây nổi dậy. Đề góp phần vây ép Sài gòn, quân chủ lực ta phải tiêu diệt cho được một bộ phận quan trọng quân chủ lực nguy ở miền Đông.

Chiến trường Khu 5, Tây nguyên, dùng 3 sư đoàn quân chủ lực đánh Tây nguyên, mở thông hành lang nối liền Nam Tây nguyên với Đông Nam bộ, tạo điều kiện để bộ đội chủ lực cơ động nhanh vào miền Đông, phối hợp với quân chủ lực miền để tiến đánh Sài gòn. Nếu có khả năng, mở trận đầu đánh chiếm Buôn mê thuột, thọc thẳng xuống Tuy hòa, Phú yên, cắt đồng bằng Khu 5 ra làm đôi, tạo thêm một hướng nữa để tiến nhanh vào phía Nam vây ép Sài gòn.

Sử dụng lực lượng của quân khu 5 và lực lượng quân sự, chính trị các tỉnh ven biển miền Trung, giải phóng từ Bình định trở ra để ép về phía Đà nẵng.

Chiến trường Trị thiên, đánh chiếm đồng bằng, làm chủ vững chắc từ Nam thành phố Huế trở vào, chia cắt Huế với Đà nẵng, vây ép hai thành phố này, không cho địch cơ cụm về phía Nam, thúc đẩy binh biến, ly khai ở miền Trung.

Khi có thời cơ, sẽ cơ động thêm 3 sư đoàn vào miền Đông. Sử dụng hai quân đoàn đánh chớp nhoáng, diệt mấy sư đoàn chủ lực nguy ở đây rồi thọc vào Sài gòn.

Cần có kế hoạch chuẩn bị ở miền Nam cũng như ở miền Bắc nhằm đối phó với việc Mỹ có thể dùng không quân, hải quân đánh phá trở lại. Khả

năng Mỹ quay lại can thiệp vào chiến tranh Việt nam không nhiều. Nhưng dù khả năng đó chỉ năm, bảy phần trăm, chúng ta cũng phải đề phòng, vì Mỹ còn có mưu đồ duy trì chủ nghĩa thực dân mới. Mỹ muốn làm gì thì cũng có mức độ, chẳng hạn như tăng thêm một ít viện trợ quân sự, kinh tế, hoặc nhiều lắm là chi viện bằng không quân, hải quân (với điều kiện nguy chống cự được lâu dài).

Trên đây là những đòn tiến công quân sự chủ yếu trong kế hoạch chiến lược năm 1975. Chúng ta đều nhất trí về kế hoạch đó. Trong quá trình thực hiện, chúng ta sẽ tùy theo diễn biến của các trận chiến đấu trên chiến trường mà chỉ đạo, chỉ huy, đánh mạnh nhất, bất ngờ nhất, nhằm tiến tới đích nhanh nhất, thắng gọn nhất và triệt để nhất ở Sài gòn.

Kế hoạch tiếp theo cho năm 1976 sẽ do kết quả thực hiện kế hoạch năm 1975 quyết định. Chúng ta phải cố gắng cao nhất để thắng gọn trong năm 1975. Điều đó là một khả năng hiện thực.

Ở ngoài này, Trung ương Đảng và Chính phủ sẽ làm hết sức mình để tăng cường lực lượng bảo đảm đầy đủ nhu cầu về vật chất, kỹ thuật cho chiến trường, coi đó là điều kiện cơ bản để giành thắng lợi. Điều quan trọng cấp bách nữa là chuẩn bị sẵn lực lượng dự bị chiến lược; tuyển cho được 30 vạn tân binh, đẩy nhanh việc huấn luyện bộ đội, nắm chắc khâu đào tạo cán bộ. Làm thật tốt công tác chính trị, tư tưởng trong quân đội, trong nhân dân, động viên toàn quân, toàn dân nêu cao ý chí "tất cả cho tiền tuyến, tất cả để đánh thắng".

Sử dụng khôn khéo vũ khí đấu tranh ngoại giao, góp phần giương cao ngọn cờ hòa bình, độc lập, hòa

hợp dân tộc nhằm cô lập bọn tay sai
ngoan cố; làm sáng tỏ chính nghĩa
của ta, tranh thủ sự đồng tình, ủng
hộ của các lực lượng cách mạng và

nhân dân tiến bộ trên thế giới; ngăn
chặn âm mưu và thủ đoạn can thiệp,
phá hoại của đế quốc Mỹ và bọn phản
động quốc tế.



Hội nghị chúng ta đã nhất trí về
tất cả các vấn đề. Sau hội nghị này
còn nhiều việc phải làm rất khẩn
trương. Ở tiền tuyến, sự lãnh đạo và
chỉ đạo của các cấp ủy Đảng phải
chặt chẽ, cụ thể từ việc vạch kế hoạch
bố trí lực lượng, phối hợp các mũi
tiên công đến hiệp đồng chiến đấu
giữa địa phương với chiến trường
miền Nam và cả nước. Ngoài này,
Bộ tổng tham mưu cần tiếp tục hoàn
chỉnh kế hoạch tiến công đã được
vạch ra từ năm 1974, cụ thể hóa hơn
nữa các vấn đề về tổ chức thực hiện,
xây dựng lực lượng, bố trí chiến
trường, bảo đảm hậu cần. Bộ tổng
tham mưu là cơ quan có trách nhiệm
rất quan trọng trong việc triển khai

thực hiện quyết định có ý nghĩa lịch
sử này của Bộ chính trị.

Trận quyết chiến chiến lược này là
một sự nghiệp trọng đại. Nó sẽ đưa
cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước
của nhân dân ta đến thắng lợi hoàn
toàn, góp phần làm thay đổi cục diện
ở Đông dương, Đông Nam Á, mở ra
một bước phát triển mới trong phong
trào cách mạng của nhân dân thế giới.
Đảng ta quyết làm tròn sứ mệnh lịch
sử vẻ vang đối với dân tộc và nghĩa
vụ quốc tế cao cả. Trước mắt, chúng
ta còn nhiều khó khăn gian khổ,
nhưng phát huy truyền thống chiến
đấu anh hùng, sức sáng tạo vô tận
của quân đội và nhân dân ta, chúng
ta nhất định sẽ vượt qua tất cả.
Chúng ta nhất định đánh thắng!



ĐỒNG CHÍ C.U. TRÉC-NEN-CÔ TỪ TRẦN

THÔNG BÁO CỦA BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM, QUỐC HỘI, HỘI ĐỒNG NHÀ NƯỚC VÀ HỘI ĐỒNG BỘ TRƯỞNG NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

BAN chấp hành trung ương Đảng cộng sản Việt nam, Quốc hội, Hội đồng Nhà nước, Hội đồng bộ trưởng nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt nam vô cùng đau đớn báo tin cho toàn Đảng và toàn dân Việt nam

Đồng chí Côn-xtan-tin U-xti-nô-vích Tréc-nen-cô, Tổng bí thư Ủy ban trung ương Đảng cộng sản Liên xô, Chủ tịch Đoàn chủ tịch Xô viết tối cao Liên xô, đã từ trần hồi 19 giờ 20 phút ngày 10-3-1985 tại Mát-xcô-va.

Tên tuổi và những hoạt động không mệt mỏi của đồng chí C. U. Tréc-nen-cô gắn liền với những thắng lợi to lớn của đất nước xô viết trong việc phát triển nền kinh tế quốc dân, nâng cao khả năng quốc phòng của Liên xô và sự nghiệp bảo vệ hòa bình trên trái đất. Đồng chí C.U. Tréc-nen-cô đã đặc biệt chăm lo việc củng cố sự thống nhất và tình đoàn kết của cộng đồng xã hội chủ nghĩa và phong trào cộng sản quốc tế.

Đồng chí C.U. Tréc-nen-cô đã dành cho nhân dân ta những tình cảm hữu nghị anh em nồng nàn, tận tình giúp đỡ nhân dân ta trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Đồng chí C.U. Tréc-nen-cô mất đi là một tổn thất to lớn đối với Đảng cộng sản Liên xô và nhân dân xô viết, đối với toàn Đảng, toàn dân ta và cả loài người tiến bộ.

LỜI ĐIỀU

CỦA BCH TƯ ĐẢNG, QH, HDNN, HĐBT VÀ UB TƯ MTTQ VIỆT NAM

Thưa các đồng chí và đồng bào thân mến,

CÔN-XTAN-TIN U-XTI-NÔ-VÍCH TRÉC-NEN-CÔ, người đồng chí kính mến, đã vĩnh biệt chúng ta. Đây là tổn thất không gì bù đắp được đối với ĐCS, Nhà nước xã viết và nhân dân Liên xô anh em, cũng như đối với ĐCS, Nhà nước và nhân dân Việt nam, đối với phong trào cộng sản và công nhân quốc tế và cả loài người tiến bộ.

Đồng chí C.U. Tréc-nen-cô qua đời, ĐCS Liên xô, Nhà nước xã viết và nhân dân Liên xô mất một nhà lãnh đạo vĩ đại, phong trào cộng sản và công nhân quốc tế, phong trào giải phóng dân tộc và nhân dân yêu chuộng hòa bình trên toàn thế giới mất một nhà hoạt động kiên cường và lỗi lạc đã dành trọn cuộc đời mình vì những lý tưởng cao đẹp là hạnh phúc và hòa bình cho mọi người trên hành tinh của chúng ta.

Trên cương vị Tổng bí thư UB TƯ ĐCS Liên xô và Chủ tịch ĐCT XVTC Liên xô, đồng chí C.U. Tréc-nen-cô cùng với các đồng chí lãnh đạo khác của ĐCS và Nhà nước Liên xô, đã lãnh đạo nhân dân xã viết tiếp tục tiến về phía trước trong công cuộc hoàn thiện chủ nghĩa xã hội phát triển, nâng cao không ngừng đời sống của nhân dân và tăng cường sức mạnh quốc phòng của Nhà nước xã viết.

Trung thành với học thuyết của V.I. Lê-nin vĩ đại, đồng chí C.U. Tréc-nen-cô đã không ngừng chăm lo củng cố tình đoàn kết của cộng đồng các nước xã hội chủ nghĩa, của phong trào cộng sản và công nhân quốc tế cũng như của phong trào giải phóng dân tộc trên thế giới. Chúng ta đánh giá cao đóng góp to lớn của đồng chí C.U. Tréc-nen-cô, Trưởng đoàn của Đoàn đại biểu Liên xô đối với thành công của cuộc họp cấp cao có ý nghĩa lịch sử của Hội đồng tương trợ kinh tế đã diễn ra ở Mát-xcơ-va; cuộc họp đánh dấu bước phát triển mới về kinh tế của cộng đồng các nước xã hội chủ nghĩa và phát huy tác dụng tích cực của chủ nghĩa xã hội trên toàn thế giới.

Là chiến sĩ kiên cường của sự nghiệp hòa bình, đồng chí C.U. Tréc-nen-cô đã đưa ra nhiều sáng kiến quan trọng nhằm làm giảm nguy cơ chiến tranh hạt nhân, góp phần rất to lớn vào sự nghiệp đấu tranh vì hòa bình và an ninh của các dân tộc.



ĐỒNG CHÍ C. U. TRÉC-NÊN-CÔ
(1911 — 1985)

Thưa các đồng chí,

Là người bạn lớn của nhân dân Việt nam, đồng chí C.U. Tréc-nen-cô đã có những cống hiến quý báu vào việc củng cố và phát triển tình hữu nghị vĩ đại, tình đoàn kết chiến đấu và sự hợp tác toàn diện giữa hai Đảng, hai Nhà nước và nhân dân hai nước Việt nam — Liên xô. Tình cảm cao đẹp, sự ủng hộ chí tình mà đồng chí C.U. Tréc-nen-cô đã dành cho sự nghiệp cách mạng của nhân dân ta sẽ mãi mãi khắc sâu trong tâm khảm của nhân dân Việt nam.

Trong giờ phút đau thương này, toàn Đảng, toàn dân ta, tuân theo lời dạy của Chủ tịch Hồ Chí Minh kính mến, nguyện đem hết sức mình vun đắp cho tình hữu nghị không gì lay chuyển nổi và tình đoàn kết cách mạng Việt-Xô đã được thử thách qua thời gian đời đời bền vững. Chúng ta coi đó là nghĩa vụ, là tình cảm, là lương tri biết bao cao đẹp của mọi người chúng ta.

Chia sẻ với ĐCS và nhân dân Liên xô nỗi đau thương to lớn này, chúng ta tin tưởng sâu sắc rằng nhân dân Liên xô, đoàn kết chặt chẽ chung quanh UBTV ĐCS Liên xô đứng đầu là đồng chí Mi-khai-in Xéc-gây-ê-vich Goóc-ba-trốp kính mến, nhà lãnh đạo kiệt xuất của ĐCS và Nhà nước xô viết, người kế tục xứng đáng sự nghiệp vẻ vang của đồng chí C.U. Tréc-nen-cô, sẽ thực hiện thắng lợi nghị quyết của Đại hội Đảng lần thứ 26, tích cực chuẩn bị cho Đại hội lần thứ 27 ĐCS Liên xô, hoàn thành thắng lợi những kế hoạch xây dựng cơ sở vật chất và kỹ thuật của chủ nghĩa cộng sản, vì sự hùng mạnh của đất nước xô viết, vì sự nghiệp hòa bình và sự nghiệp cách mạng của nhân dân thế giới.

Thưa các đồng chí và đồng bào thân mến,

Toàn Đảng, toàn dân ta vô cùng đau đớn và thương tiếc, kính cầu nguyện mình vĩnh biệt đồng chí C.U. Tréc-nen-cô.

Tên tuổi và sự nghiệp vẻ vang của đồng chí C.U. Tréc-nen-cô mãi mãi in sâu trong tình cảm của những người cộng sản và nhân dân xô viết, cũng như những người cộng sản và nhân dân Việt nam, những người cộng sản và nhân dân tiến bộ toàn thế giới.

Ba mươi năm đấu tranh cho độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội của Đảng nhân dân cách mạng Lào *

CAY-XON PHOM-VI-HAN

Tổng bí thư Ban chấp hành trung ương
Đảng nhân dân cách mạng Lào

NGÀY 22 tháng 3 năm nay, nhân dân Lào kỷ niệm trọng thề 30 năm ngày thành lập chính đảng Mác-Lê-nin của mình — Đảng nhân dân cách mạng Lào — người kế tục Đảng cộng sản Đông dương lãnh đạo cách mạng Lào từ năm 1955 đến nay. Đó là 30 năm chiến đấu cực kỳ gian khổ nhưng oanh liệt, vẻ vang nhất trong lịch sử đấu tranh cứu nước và dựng nước của dân tộc Lào, gắn liền với cuộc đấu tranh anh hùng vì độc lập, tự do và chủ nghĩa xã hội trong hơn nửa thế kỷ qua của các dân tộc trên bán đảo Đông dương, chống lại các thế lực thực dân, đế quốc, bành trướng lớn nhất của thời đại.



1— Lào là một nước nằm ở trung tâm vùng Đông Nam châu Á, phía tây bán đảo Đông dương, đã có một lịch sử hàng nghìn năm đấu tranh kiên cường đề kháng định nền độc lập tự chủ của mình với tư cách là một quốc gia dân tộc. Cuối thế kỷ 19, thực dân Pháp sau khi xâm chiếm Cam-pu-chia rồi Việt nam, đã đặt ách thống trị của chúng ở Lào từ 1893, biến nước Lào thành một trong năm xứ của « Đông dương thuộc Pháp », chà đạp lên mọi

quyền sơ đẳng của cả ba dân tộc. Nhân dân Lào cũng như nhân dân Việt nam và Cam-pu-chia đã liên tục vùng lên nổi dậy đấu tranh rất oanh liệt chống ách thống trị thực dân, nhưng trong những điều kiện lịch sử lúc bấy giờ không thể đi tới thành công được, cuối cùng đều bị dập tắt.

Năm 1917, cuộc đại Cách mạng xã hội chủ nghĩa Tháng Mười Nga do Lê-nin vĩ đại lãnh đạo đã giành được thắng lợi, mở ra một kỷ nguyên mới cho loài người — kỷ nguyên của chủ nghĩa xã hội hiện thực — đồng thời mở ra con đường giải phóng giai cấp công nhân và các dân tộc bị áp bức trên toàn thế giới.

Đồng chí Hồ Chí Minh, nhà ái quốc vĩ đại của Việt nam, người chiến sĩ lỗi lạc của phong trào cộng sản và công nhân quốc tế, vượt lên sự hạn chế của các sĩ phu phong kiến và các nhà cách mạng dân tộc tư sản đương thời, đã sớm tiếp thụ ánh sáng của Cách mạng Tháng Mười và thực chất của chủ nghĩa Mác — Lê-nin, tìm ra được chân lý vĩ đại : « Chỉ có chủ nghĩa xã hội, chủ nghĩa cộng sản mới giải phóng được các dân tộc bị áp bức và

(*) Bài viết cho Tạp chí Cộng sản Việt nam.

những người lao động trên thế giới khỏi ách nô lệ ». Giững cao ngọn cờ độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, Người đã truyền bá chủ nghĩa Mác-Lê-nin vào Đông dương, từng bước chuẩn bị cho việc thành lập tổ chức cách mạng tiên phong của giai cấp công nhân và nhân dân lao động tại khu vực này của thế giới.

Năm 1930, Đảng cộng sản Đông dương ra đời do đồng chí Hồ Chí Minh vĩ đại sáng lập, đánh dấu một bước ngoặt quyết định trong phong trào cách mạng và đời sống chính trị của nhân dân các dân tộc Đông dương. Từ đó, dưới sự lãnh đạo của Đảng, cuộc đấu tranh cách mạng của nhân dân Lào bước vào một giai đoạn mới, với chất lượng hoàn toàn mới.

2— Năm 1945, thắng lợi vĩ đại của Liên xô và các lực lượng chống phát xít trong chiến tranh thế giới thứ hai đã ảnh hưởng sâu sắc và toàn diện đến cục diện thế giới, tạo nên một bước nhảy vọt của cách mạng khắp năm châu: Chủ nghĩa xã hội vượt khỏi phạm vi một nước, trở thành hệ thống thế giới, cách mạng giải phóng dân tộc và phong trào đấu tranh của giai cấp công nhân diễn ra sôi nổi mạnh mẽ chưa từng thấy.

Năm vững thời cơ cách mạng thuận lợi, dưới sự lãnh đạo của Đảng, nhân dân Việt nam đã vùng lên tiến hành thắng lợi cuộc Tổng khởi nghĩa tháng 8-1945, lập nên nước Việt nam dân chủ cộng hòa. Nhà nước công nông đầu tiên ở Đông Nam Á, đồng thời nhân dân Lào cũng nổi dậy giành chính quyền và tuyên bố nền độc lập của nước Lào ngày 12-10-1945. Nhưng liền sau đó, thực dân Pháp đã quay lại xâm lược Đông dương nhằm khôi phục nền thống trị thực dân cũ của chúng. Cùng với nhân dân Việt nam và nhân dân Cam-pu-chia anh em, nhân dân Lào bắt đầu một cuộc kháng chiến toàn dân, toàn diện và ngày càng phát triển rộng khắp ra cả nước. Ngày

20-1-1949, quân đội Lào ít-xa-là — ngày nay là Quân đội nhân dân Lào — được chính thức thành lập. Ngày 13-8-1950, Đại hội quốc dân toàn Lào được triệu tập, thành lập Mặt trận Lào ít-xa-là và Chính phủ Lào kháng chiến. Trong thời gian đó, cuộc kháng chiến của nhân dân hai nước Việt nam — Cam-pu-chia cũng phát triển lớn mạnh. Trong những điều kiện đó, Đại hội thứ II Đảng cộng sản Đông dương tháng 2-1951 quyết định thành lập Đảng riêng ở mỗi nước. Các chiến sĩ cộng sản Lào trong Chính phủ và Mặt trận Lào ít-xa-là tiếp tục lãnh đạo cuộc kháng chiến của quân và dân Lào, đồng thời chuẩn bị điều kiện để tiến tới thành lập Đảng của mình.

Bị thất bại nặng nề và toàn diện trên khắp các chiến trường ba nước Đông dương mà đỉnh cao là chiến dịch Điện biên phủ lịch sử, thực dân Pháp buộc phải ký Hiệp định Giơ-ne-vơ năm 1954, công nhận độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ của ba nước Lào — Việt nam — Cam-pu-chia, công nhận địa vị hợp pháp của các lực lượng cách mạng Lào và quyền quản lý trực tiếp hai tỉnh Sầm nưa — Phong sa lý của cách mạng. Thắng lợi hết sức to lớn đó đã kết thúc ách thống trị thực dân cũ của Pháp ở Đông dương và mở đầu cho quá trình sụp đổ của nó trên phạm vi thế giới.

3 — Ngày 22-3-1955, Đại hội đại biểu đầu tiên của gần 400 chiến sĩ cộng sản Lào trong các lực lượng cách mạng cả nước lúc bấy giờ tuyên bố thành lập Đảng nhân dân Lào tức Đảng nhân dân cách mạng Lào ngày nay. Ra đời giữa lúc đế quốc Mỹ đang hung hăng nhảy vào Đông dương dùng sức mạnh quân sự và tiềm lực kinh tế hết sức to lớn của chúng hòng đè bẹp cách mạng ba nước Đông dương, đồng thời nhằm răn đe, ngăn chặn phong trào độc lập dân tộc và mọi phong trào cách mạng tiến bộ trên thế giới, Đảng nhân dân cách mạng Lào đã đứng

cảm nhận sứ mệnh thiêng liêng lãnh đạo nhân dân các dân tộc cả nước bước vào một cuộc chiến đấu mới — cuộc chiến đấu chống Mỹ, cứu nước.

Đây là một sự nghiệp rất quang vinh vĩ đại nhưng cũng cực kỳ khó khăn gian khổ: 3 lần tham gia Chính phủ liên hiệp và chuyển hướng đấu tranh, 18 năm chiến tranh tàn khốc rồi kết thúc bằng một cao trào nổi dậy của quần chúng giành chính quyền trong cả nước, đã nói lên tinh thần gay gắt, ác liệt và quanh co phức tạp của cuộc chiến đấu lâu dài này.

Nhờ có đường lối chính trị, quân sự đúng đắn với các phương thức tiến hành cách mạng và chiến tranh cách mạng phong phú, sáng tạo, Đảng đã huy động đến mức cao nhất sức mạnh của quần, dân cả nước, kết hợp với sức mạnh liên minh chiến đấu ba nước Đông dương và sức mạnh thời đại, lần lượt đánh bại từng chiến lược, từng công thức chiến tranh của kẻ thù, cuối cùng đã giành được thắng lợi hoàn toàn cho dân tộc và cách mạng.

Đế quốc Mỹ mở cuộc xâm lược thực dân mới của chúng ở Lào với chiến lược «diễn biến hòa bình đi đôi với bạo lực vũ trang phản cách mạng» trong những năm 1954 — 1963 hòng uy hiếp, lung lạc, đi tới thủ tiêu các lực lượng cách mạng. Trong tình thế lực lượng cách mạng Lào còn ít hơn địch, nhưng nắm vững các mục tiêu chiến lược và vận dụng đúng đắn sách lược thỏa hiệp có nguyên tắc của Lê-nin, kết hợp chặt chẽ giữa đấu tranh chính trị của quần chúng, đấu tranh trong Chính phủ Liên hiệp với đấu tranh vũ trang, Đảng đã đánh bại âm mưu thâm độc này của địch, bảo toàn và phát triển được lực lượng cách mạng trong cả nước, phân hóa một mảng lớn hàng ngũ kẻ thù, giải phóng được một địa bàn rộng 2/3 đất nước với gần 1/2 số dân, đưa thế và lực của cách mạng

tiến lên một bước mới mạnh mẽ và vững chắc.

Từ năm 1964 trở đi, đế quốc Mỹ chuyển sang chiến lược «chiến tranh đặc biệt» rồi «chiến tranh đặc biệt tăng cường», đưa cuộc chiến tranh xâm lược của chúng ở Lào lên đến đỉnh cao nhất với mức độ ác liệt chưa từng thấy, trong lúc bối cảnh quốc tế lại có những diễn biến phức tạp. Không hề nao núng, Đảng đã tiến hành công tác động viên sâu rộng trong toàn Đảng và quần dân cả nước kiên quyết giữ vững chiến lược tiến công, nêu cao quyết tâm đánh thắng giặc Mỹ xâm lược trong mọi tình huống. Phối hợp chặt chẽ với quần dân Việt nam anh em và được sự chi viện của Liên xô và các nước xã hội chủ nghĩa khác, quần dân Lào đã đập tan mọi cuộc tiến công lấn chiếm của kẻ thù, đánh địch cả trên không và ở mặt đất, bảo vệ vững chắc và từng bước mở rộng vùng giải phóng được xây dựng theo quy mô một quốc gia, đồng thời không ngừng đẩy mạnh phong trào chiến tranh du kích và đấu tranh chính trị trong vùng địch kiểm soát, hình thành một cuộc chiến tranh nhân dân mạnh mẽ và rộng khắp trong cả nước.

Đến tháng 12-1972, giữa lúc cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước của nhân dân Lào đã đạt được những thành tựu to lớn, toàn diện và vững chắc, Đại hội thứ II của Đảng được triệu tập. Đại biểu cho 21 000 đảng viên của các tổ chức Đảng ở tất cả các địa phương cả nước, kể cả vùng sau lưng địch. Đại hội đã phân ánh sự trưởng thành về chính trị và tổ chức của Đảng cũng như sự lớn mạnh của cách mạng qua 17 năm kháng chiến ác liệt. Đại hội đã tổng kết những kinh nghiệm đấu tranh đã qua, đề ra đường lối, phương châm, nhiệm vụ để hoàn thành cách mạng dân tộc dân chủ trong cả nước và tiến thẳng lên chủ nghĩa xã hội không qua giai đoạn phát triển tư bản chủ nghĩa. Những

ng nghị quyết lịch sử của Đại hội đã soi đường cho toàn Đảng, toàn dân vững bước tiến lên và chỉ 4 năm sau đó, đã trở thành hiện thực cách mạng.

Những thắng lợi to lớn của quân và dân Lào trên khắp các chiến trường toàn quốc cùng với sự phá sản của « học thuyết Ních-xon » ở Việt nam, đã buộc đế quốc Mỹ phải đề cho phía Viêng chăn ký Hiệp định về lập lại hòa bình và thực hiện hòa hợp dân tộc ở Lào ngày 21-2-1973, dẫn đến việc thành lập Chính phủ liên hiệp và Hội đồng quốc gia chính trị liên hiệp với thành phần hai bên ngang nhau và việc trung lập hóa hai thành phố Viêng chăn và Luông pha băng. Thắng lợi đó đánh dấu sự thay đổi cơ bản trong so sánh lực lượng giữa ta và địch, tạo điều kiện thuận lợi cho cuộc cách mạng dân tộc dân chủ ở Lào tiến lên giành thắng lợi hoàn toàn.

Đầu năm 1975, trong khi tình thế cách mạng trực tiếp đã xuất hiện ở Lào, thì thắng lợi của quân dân Campuchia và nhất là thắng lợi hoàn toàn của cuộc tổng tiến công chiến lược mùa xuân của quân dân Việt nam đã tạo một thời cơ « ngàn năm có một » cho cách mạng Lào giáng đòn quyết định. Năm ngay thời cơ lịch sử đó, Đảng hạ quyết tâm chiến lược: nổi dậy đồng loạt và tiến công toàn diện giành toàn bộ chính quyền trong thời gian ngắn. Với thể trận 3 vùng và bằng 3 đòn chiến lược: khởi nghĩa của quần chúng, áp lực của lực lượng vũ trang cách mạng và binh biến ly khai trong quân đội địch, kết hợp với đấu tranh pháp lý, quân dân Lào đã nhanh chóng đập tan toàn bộ lực lượng và bộ máy thống trị phản động, giành toàn bộ chính quyền về tay nhân dân. Hơn 5 tỷ đô la, 12 nghìn cố vấn Mỹ, 10 vạn lính đánh thuê được Mỹ huấn luyện, trang bị và chỉ huy, cả chiến tranh ở mặt đất và trên không với 9 triệu tấn bom đạn và vật

tư cùng toàn bộ học thuyết chiến tranh xâm lược thực dân kiểu mới của Mỹ ở Lào đã bị sụp đổ tan tành.

4 - Ngày 2-12-1975, nước Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào ra đời, kết thúc giai đoạn cách mạng dân tộc dân chủ. Một kỷ nguyên mới bắt đầu, kỷ nguyên của độc lập, tự do và chủ nghĩa xã hội. Nhưng chế độ thống trị thực dân cũ và mới với 30 năm chiến tranh liên tục đã để lại một di sản nặng nề: nền kinh tế tiều nông hết sức phân tán và lạc hậu với gần 40% ruộng đất bị bỏ hoang vì chiến tranh, sản xuất không đủ ăn, chế độ cũ hằng năm phải nhập khẩu hàng chục vạn tấn lương thực; công nghiệp hầu hết chỉ là các cơ sở chế biến và sửa chữa nhỏ, tiểu công nghiệp, thủ công nghiệp bị tàn lụi gần hết, sản xuất và tiêu dùng đều bị lệ thuộc nặng nề vào nước ngoài; cả nước chưa hình thành thị trường thống nhất, đường giao thông chưa phát triển, thương nghiệp nằm trong tay tư sản mại bản ngoại kiều, chủ yếu là Hoa kiều, nền tài chính kiệt quệ, đồng kíp mất giá, nạn lạm phát và thất nghiệp nghiêm trọng; 60% dân số không biết chữ, trường học và cơ sở y tế rất ít, ảnh hưởng của văn hóa phản động thối nát phương Tây đã phá hoại nặng nề nền văn hóa truyền thống và các thuần phong mỹ tục của dân tộc.

Trong khi đất nước còn đang trong cảnh đói nghèo lạc hậu như vậy thì các kẻ thù cũ và mới lại bắt tay nhau chống phá cách mạng quyết liệt. Đế quốc Mỹ đã xây dựng cả một « kế hoạch hậu chiến ». Ngay sau khi ký kết Hiệp định tháng 2-1973, chúng đã cho « giải ngũ tại chỗ » với nguyên vẹn vũ khí các lực lượng vũ trang phản động người bộ tộc miền núi do CIA xây dựng và chỉ huy trước đây, đồng thời đưa hàng vạn binh sĩ, cảnh sát, nhân viên nguy quyền về xây dựng cơ sở ngầm ở các vùng nông thôn

đồng bằng để chống phá cách mạng lâu dài; khi cách mạng giành chính quyền, chúng đã đưa 2 vạn tên đầu sỏ ác ôn và binh sĩ phản động sang nuôi dưỡng huấn luyện tại Thái lan. Chỉ mấy tháng sau khi chính quyền cách mạng thành lập, đế quốc Mỹ và bọn quân phiệt cực hữu Thái lan đã tổ chức đưa bọn phản động lưu vong trở về phối hợp với bọn phản động nội địa tiến hành các hoạt động chống đối vũ trang, phá hoại an ninh, trật tự xã hội, gây bạo loạn ở các vùng rừng núi, thậm chí âm mưu cướp lại chính quyền ở một số thành phố, trong khi chính quyền Thái lan không ngừng khiêu khích gây xung đột vũ trang ở biên giới và thi hành chính sách cấm vận phong tỏa hồng bóp nghẹt nước Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào non trẻ.

Mặt khác, tập đoàn phản động trong giới cầm quyền Trung quốc, kẻ đã từ lâu âm mưu lợi dụng cuộc kháng chiến của nhân dân ba nước Đông dương để thực hiện mộng bành trướng bá quyền của chúng và đã có những hành động phá hoại trực tiếp cách mạng Lào ngay từ trong thời kỳ kháng chiến, đến những năm cuối của thập kỷ 70 đã bộc lộ hoàn toàn chân tướng phản động xấu xa của chúng. Câu kết với đế quốc Mỹ và các thế lực phản động cực hữu Thái lan, chúng đã cùng bọn này phản công nuôi dưỡng, huấn luyện, trang bị, chỉ huy các lực lượng phản động Lào, tiến hành các hoạt động phá hoại nhiều mặt trên mọi lĩnh vực quân sự, an ninh, chính trị - tư tưởng, kinh tế - văn hóa - xã hội, kết hợp với các hoạt động vũ trang khủng bố để uy hiếp, khống chế quần chúng với các thủ đoạn thâm độc, nguy hiểm nhằm gây chia rẽ dân tộc, chia rẽ và phá hoại nội bộ, phá hoại các quan hệ đoàn kết quốc tế, đặc biệt là quan hệ đoàn kết Lào - Việt nam, Lào - Liên xô. Đồng thời, chúng duy trì

thường xuyên một lực lượng quân sự lớn ở vùng biên giới Lào - Trung quốc, tăng cường diễn tập, chuẩn bị chiến trường, đe dọa gây chiến tranh xâm lược quy mô lớn. Các kẻ thù tuy vẫn có những ý đồ khác nhau theo quyền lợi riêng của chúng nhưng thống nhất với nhau về mục tiêu làm suy yếu để tiến tới xâm lược, thôn tính Lào, với chiến lược "diễn biến hòa bình và phối hợp trong, ngoài gây bạo loạn lật đổ".

Đứng trên vị trí tiền đồn của hệ thống xã hội chủ nghĩa ở Đông Nam Á, đối mặt với các thế lực phản động lớn nhất của thời đại, Đảng nhân dân cách mạng Lào nhận thức rõ những khó khăn phức tạp của tình hình đất nước cũng như những mặt thuận lợi cơ bản của cách mạng trong giai đoạn mới. Căn cứ vào Cương lĩnh chính trị của Đại hội II, Đảng đã quyết tâm chuyển ngay sang giai đoạn cách mạng xã hội chủ nghĩa với hai nhiệm vụ chiến lược: bảo vệ Tổ quốc và xây dựng chủ nghĩa xã hội, cả hai nhiệm vụ đều tiến hành song song và kết hợp chặt chẽ với nhau, không coi nhẹ một nhiệm vụ nào. Hàng loạt hội nghị quan trọng của Bộ chính trị và Ban chấp hành trung ương Đảng trong những năm sau đó đã đi sâu nghiên cứu và đề ra các chủ trương, chính sách cụ thể để chỉ đạo triển khai hai nhiệm vụ chiến lược, từng bước xác định những vấn đề về đường lối và bước đi trong chặng đường đầu tiên của thời kỳ quá độ tiến lên chủ nghĩa xã hội ở Lào. Trong sự liên minh chiến đấu toàn diện giữa cách mạng ba nước Đông dương và được sự giúp đỡ to lớn, tận tình của các nước xã hội chủ nghĩa anh em nhất là của Việt nam và Liên xô, dưới sự lãnh đạo của Đảng, cả nước sôi nổi ra quân nỗ lực phấn đấu cả trên hai mặt trận bảo vệ Tổ quốc và xây dựng chủ nghĩa xã hội.

Hàng nghìn cán bộ các ngành, các cấp cùng với lực lượng vũ trang được triển khai chuyên mạnh xuống cơ sở, vận dụng phương châm kết hợp ba mặt chính trị, quân sự với kinh tế, vừa đánh địch và truy quét bọn phản động ngầm, vừa vận động tổ chức quần chúng xây dựng, củng cố hệ thống chuyên chính vô sản ở cơ sở và phát triển sản xuất, cải thiện đời sống nhân dân, đã từng bước làm cho tình hình an ninh ở cơ sở dần dần đi vào thế ổn định. Các căn cứ hoạt động của bọn phản động bị đập tan cùng với các kế hoạch bạo loạn của chúng, lực lượng vũ trang phản động bị tiêu diệt, bị bắt và ra hàng một số lớn, lực lượng đội lốt "quản làm đường" của Trung quốc bị trục xuất ra khỏi đất nước, các vụ khiêu khích lấn chiếm biên giới của quân Thái lan bị đánh trả đích đáng. Đồng thời việc tổ chức phòng thủ đất nước chống chiến tranh xâm lược cũng được tiến hành tích cực và ngày càng được tăng cường với một thế trận chiến tranh nhân dân địa phương không ngừng được củng cố và các lực lượng vũ trang được xây dựng lớn mạnh hơn bao giờ hết, có các quân chủng, binh chủng và cơ sở vật chất kỹ thuật cần thiết, đang từng bước tiến lên chính quy, hiện đại trên cơ sở một nền quốc phòng - an ninh toàn dân, toàn diện.

Trên mặt trận xây dựng chủ nghĩa xã hội, những thành tựu đạt được cũng rất đáng tự hào. Chỉ mới qua 6 năm khôi phục kinh tế và bắt đầu thực hiện kế hoạch 5 năm thứ nhất, đến năm 1981 tổng sản phẩm xã hội đã tăng 43%, thu nhập quốc dân bình quân đầu người tăng 40% so với năm 1976. Nông nghiệp được từng bước hợp tác hóa, thủy lợi hóa và thâm canh, kết hợp với khai hoang, phục hóa, sản lượng lúa tăng từ 639 000 tấn năm 1976 lên đến 1 154 000 tấn năm 1981, năm đầu tiên Lào không phải

nhập khẩu gạo từ nước ngoài. Công nghiệp được khôi phục, mở rộng và xây dựng mới, năng lực sản xuất không ngừng được nâng cao trên nhiều ngành như điện, nước, cơ khí sửa chữa, công nghiệp khai thác muối, thạch cao, than, công nghiệp vật liệu xây dựng, công nghiệp chế biến thực phẩm... Sản lượng năm 1981 so với năm 1976 tăng 3,6 lần về điện, 1,5 lần về nông cụ, 1,5 lần về công nghiệp thực phẩm... trong đó sản lượng công nghiệp quốc doanh chiếm trên 75% sản lượng công nghiệp của cả nước (riêng nhà máy thủy điện Nậm Ngừm năm 1975 mới có công suất 30 000kW, đến năm 1981 lên 110 000 kW). Hệ thống giao thông cũng được tích cực phát triển: làm mới và nâng cấp được 2000 ki lô mét trục đường chính, sửa chữa và làm thêm hàng vạn ki lô mét đường liên tỉnh và liên huyện, khai thông một số đường sông quan trọng, mở rộng một số sân bay và mạng đường hàng không trong nước và với các nước láng giềng. Hàng chục thị xã, thị trấn bị tàn phá trong chiến tranh đã được khôi phục và xây dựng mới cùng với một hệ thống kho chiến lược và nhiều bến phà, bến cảng. Sự nghiệp giáo dục, văn hóa, y tế đạt những thành tích vượt bậc: đến năm 1981, 85% dân số đã thoát nạn không biết chữ, 62 vạn học sinh theo học ở các trường phổ thông, 1,75 vạn học sinh học ở các trường chuyên nghiệp trung, sơ cấp và gần 1 vạn học sinh, sinh viên, công nhân kỹ thuật học ở nước ngoài, so với dưới chế độ cũ tăng gấp 2 lần về học sinh cấp I, 6 lần về học sinh cấp II và 11 lần về học sinh cấp III. Nền đại học dưới chế độ cũ chưa có, nay đã được hình thành bước đầu với 2 trường đại học Sư phạm và Y dược. Các ngành thông tin, báo chí, phát thanh, xuất bản, phim ảnh, nghệ thuật đã mở rộng mạng lưới ra cả nước và xuống cơ sở, phục vụ đắc lực cho

việc tuyên truyền, phổ biến đường lối chính sách của Đảng, làm phong phú thêm đời sống tinh thần, văn hóa của nhân dân, đẩy lùi văn hóa truy lạc và mê tín, cải tạo được hàng nghìn nạn nhân của xã hội cũ trở lại cuộc sống lành mạnh. Công tác y tế được đẩy mạnh với các phong trào vệ sinh phòng bệnh, phòng dịch rộng rãi, 74% số xã trong cả nước đã có trạm y tế, cơ sở điều trị, số giường bệnh năm 1981 tăng gấp đôi so với năm 1976, với gần 1 vạn cán bộ y tế từ sơ cấp đến cao cấp.

Song song với nhiệm vụ phát triển kinh tế - văn hóa, Đảng không ngừng xây dựng, củng cố hệ thống chuyên chính vô sản trong cả nước: kiện toàn bộ máy chính quyền từ trung ương xuống đến cơ sở, đưa cán bộ Đảng ra nắm các cương vị chủ chốt. Ban hành các pháp lệnh cần thiết để bảo vệ chế độ mới và nền kinh tế mới, chấn chỉnh cơ cấu tổ chức bộ máy Nhà nước và nền nếp lãnh đạo, quản lý ngày càng hợp lý và có hiệu lực hơn. Mở rộng Mặt trận dân tộc thống nhất và đổi tên thành Mặt trận xây dựng đất nước Lào. Phát huy vai trò của đoàn thanh niên, hội phụ nữ và các công đoàn trong nhiệm vụ bảo vệ và xây dựng đất nước. Đảng đặc biệt quan tâm đến vấn đề đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ, nhất là cán bộ lãnh đạo và cán bộ khoa học kỹ thuật, coi đó là vấn đề then chốt để hoàn thành các nhiệm vụ nặng nề trong giai đoạn mới. Thông qua nhiều trường, lớp mở ra trong nước kết hợp với gửi đi đào tạo, bổ túc ở nước ngoài, đến năm 1981 đã có được 5000 cán bộ lãnh đạo từ cấp huyện trở lên và 3 vạn cán bộ khoa học kỹ thuật (kể cả giáo viên và cán bộ y tế).

Với những thành tựu và kinh nghiệm thực tiễn qua 6 năm bảo vệ Tổ quốc và xây dựng chủ nghĩa xã hội, tháng 4-1982, Đại hội thứ III của Đảng được triệu tập. Đây là Đại hội đầu

tiên công khai của Đảng họp tại Thủ đô của đất nước, tập trung trí tuệ của 35 000 đảng viên và nhân dân cả nước đề tổng kết phong trào cách mạng Lào từ sau Đại hội II đến nay và nghiên cứu bổ sung hoàn chỉnh đường lối của Đảng trong chặng đường đầu tiên của thời kỳ quá độ tiến lên chủ nghĩa xã hội.

Đại hội đã phân tích sâu sắc các đặc điểm của cách mạng Lào khi bước vào giai đoạn mới, nhấn mạnh đặc điểm nổi bật nhất là nước Lào đi lên chủ nghĩa xã hội từ một nền kinh tế, văn hóa quá thấp lại bị kẻ thù liên tục phá hoại, cuộc đấu tranh để giải quyết vấn đề « ai thắng ai » giữa hai con đường xã hội chủ nghĩa và tư bản chủ nghĩa quyền chặt với cuộc đấu tranh để bảo vệ độc lập chủ quyền dân tộc sẽ rất lâu dài, quyết liệt, phức tạp. Từ đó, Đại hội đã xác định đường lối chung trong thời kỳ quá độ tiến lên chủ nghĩa xã hội ở Lào với những nội dung chính là: củng cố và tăng cường nền chuyên chính vô sản, tổ chức và bảo đảm cho nhân dân các bộ tộc đoàn kết chặt chẽ và phát huy quyền làm chủ đất nước, tiến hành đồng thời ba cuộc cách mạng (cách mạng quan hệ sản xuất, cách mạng khoa học kỹ thuật và cách mạng tư tưởng, văn hóa), khai thác mọi tiềm năng của đất nước, lấy phát triển nông - lâm nghiệp làm cơ sở để phát triển công nghiệp, cải tạo nền kinh tế tự nhiên, từng bước đưa nền sản xuất nhỏ lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa, thực hiện công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa từng bước có trọng điểm; tăng cường quốc phòng - an ninh và cùng với Việt nam - Cam-pu-chia bảo vệ vững chắc tiền đồn của hệ thống xã hội chủ nghĩa trong khu vực và góp phần tích cực vào sự nghiệp đấu tranh cho hòa bình, độc lập, dân chủ và chủ nghĩa xã hội trên thế giới.

Đại hội đã đề ra 5 mục tiêu cơ bản phải phấn đấu thực hiện trong suốt

thời kỳ quá độ và xác định những mục tiêu cụ thể phải đạt tới đến cuối năm 1985 và 1990. Khẳng định phải tiếp tục đẩy mạnh cả lại nhiệm vụ chiến lược là bảo vệ Tổ quốc và xây dựng chủ nghĩa xã hội, Đại hội đã vạch phương hướng nhiệm vụ cho các ngành công tác, nêu rõ chính sách đối ngoại hòa bình, hữu nghị, độc lập và xã hội chủ nghĩa của Đảng, và đề ra nhiệm vụ, phương châm xây dựng Đảng trong giai đoạn cách mạng mới.

Đại hội thứ III của Đảng là một sự kiện lịch sử trọng đại trong đời sống chính trị cả nước, đánh dấu một bước ngoặt mới của cách mạng Lào. Dưới ánh sáng các nghị quyết của Đại hội, một cao trào thi đua thực hiện các nhiệm vụ và mục tiêu do Đại hội đề ra được đẩy lên mạnh mẽ và rộng rãi trong toàn quốc. Mặc dù các kẻ thù ngày càng cấu kết với nhau tăng cường các hoạt động phá hoại nhiều mặt rất thâm độc, nguy hiểm và những khó khăn trong nền kinh tế đất nước vẫn còn to lớn, nhân dân các bộ tộc cả nước vẫn phấn khởi đẩy mạnh các hoạt động trên mọi lĩnh vực, đạt được những thành tựu mới xuất sắc: sản lượng nông nghiệp tiếp tục tăng nhờ mở rộng diện thâm canh, năm 1981 đã lên đến 1,3 triệu tấn thóc, bình quân 351kg/dầu người. Dân trâu bò đạt 1,5 triệu con, tăng 20 vạn so với năm 1981. Các loại cây công nghiệp và lâm sản đều tăng mạnh cả về sản lượng và thu mua. Phong trào hợp tác hóa được củng cố và phát triển, cả nước đã có 2546 hợp tác xã nông nghiệp bao gồm 41% số hộ làm ruộng với 47% diện tích ruộng gieo cấy. Công nghiệp thêm được một số nhà máy mới, thủy điện Nậm Ngừng nâng công suất lên 150 000 kW; làm mới thêm 300 ki lô mét đường ô tô với 1200 mét cầu lớn, tăng thêm phương tiện vận tải đường sông, mở rộng mạng lưới bưu điện xuống 85% số huyện cả nước. Toàn quốc đã hoàn thành xóa nạn không biết chữ,

số học sinh tốt nghiệp cấp III và đại học hằng năm được 7000. Đội ngũ cán bộ kỹ thuật lên được 4 vạn trong đó có 5000 cán bộ có trình độ đại học, đội ngũ đảng viên đã có 43 000. Với những thắng lợi mới vững chắc đó, nhân dân cả nước đang nỗ lực thi đua quyết tâm hoàn thành các chỉ tiêu của kế hoạch 5 năm thứ nhất, lấy thành tích chào mừng ngày kỷ niệm 10 năm bảo vệ và xây dựng nước Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào sắp tới.



Ba mươi năm qua, vượt lên muôn vàn khó khăn thử thách, nhân dân Lào đã nỗ lực phấn đấu, giành được những thắng lợi phi thường: đánh bại các thế lực phản động lớn mạnh, tàn bạo và nham hiểm nhất của thời đại, khôi phục và giữ vững nền độc lập dân tộc đã bị vùi dập hàng thế kỷ; rời từ một đất nước nghèo nàn lạc hậu ở ngay trước mũi súng của các kẻ thù và luôn luôn bị chúng uy hiếp, phá hoại, đã xây dựng nên những cơ sở đầu tiên của chủ nghĩa xã hội và đang tiến bước mạnh mẽ trên con đường chiến thắng đói nghèo để đem lại một cuộc sống ấm no, hạnh phúc cho toàn dân, góp phần tích cực vào cuộc đấu tranh cho hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội của nhân dân thế giới.

Những thắng lợi phi thường đó bắt nguồn trước hết từ sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng. Lịch sử và thời đại mới được mở ra từ cuộc Đại Cách mạng Tháng Mười đã cho phép các dân tộc Đông dương sớm lập nên một chính đảng kiểu mới của giai cấp công nhân — Đảng cộng sản Đông dương — và dưới sự lãnh đạo, rèn luyện của đồng chí Hồ Chí Minh vĩ đại, Đảng đã nắm chắc được thực chất cách mạng và khoa học của chủ nghĩa Mác — Lênin để giải quyết một cách sáng tạo các vấn đề về quy luật cách mạng ở

những nước thuộc địa, phong kiến, nông nghiệp lạc hậu, gắn chặt cách mạng giải phóng dân tộc với cách mạng vô sản, tạo nên một sức mạnh mới vĩ đại chiến thắng mọi kẻ thù. Kế tục sự nghiệp của Đảng cộng sản Đông dương, Đảng nhân dân cách mạng Lào đã vận dụng và phát triển các quy luật đã trở thành chân lý của thời đại đó vào điều kiện cụ thể của cách mạng Lào và đã thành công rực rỡ.

1 - Năm vững ngọn cờ độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội làm nền tảng cho đường lối chiến lược, đường lối tổ chức lực lượng và mọi sách lược, phương pháp cách mạng của Đảng là vấn đề cơ bản đầu tiên để bảo đảm thắng lợi cho cách mạng.

Đảng nhân dân cách mạng Lào, mặc dù sinh trưởng trong một nước chưa phát triển, giai cấp phân hóa chưa cao, vẫn tự xác định ngay từ khi mới ra đời là « Đảng Mác - Lê-nin chân chính của giai cấp công nhân Lào », có nhiệm vụ « Đoàn kết và lãnh đạo nhân dân các dân tộc và bộ tộc làm cách mạng dân tộc, dân chủ nhân dân giành thắng lợi trong cả nước, tiến lên làm cách mạng xã hội chủ nghĩa, xây dựng chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản ở Lào... ». Với tính chất và nhiệm vụ đó, Đảng đã được xây dựng theo những nguyên tắc lệ nin nít về tổ chức Đảng kiểu mới của giai cấp công nhân, lấy chủ nghĩa Mác - Lê-nin và kết hợp chặt chẽ chủ nghĩa yêu nước chân chính với chủ nghĩa quốc tế vô sản làm nền tảng tư tưởng và kim chỉ nam cho mọi hành động của mình. Dưới sự lãnh đạo của Đảng, tuy trong giai đoạn cách mạng dân tộc dân chủ, chủ nghĩa xã hội chưa phải là mục tiêu trực tiếp, nhưng hệ tư tưởng Mác - Lê-nin đã được giáo dục và xác lập trong toàn bộ các tổ chức lực lượng của Đảng và những tiền đề kinh tế, văn hóa, xã hội của chủ nghĩa xã hội đã được từng bước xây dựng trong vùng giải phóng. Bản chất giai cấp

và lập trường chiến đấu của các công cụ bạo lực cách mạng, đặc biệt là lực lượng vũ trang, đã được xác định ngay từ đầu là bản chất giai cấp công nhân, chiến đấu cho mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, chủ nghĩa cộng sản theo lập trường quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lê-nin, dưới sự lãnh đạo tuyệt đối, trực tiếp và toàn diện của Đảng. Mặt trận dân tộc thống nhất và chính quyền nhân dân các cấp được xây dựng trên cơ sở liên minh công nông và trong khi vận động, tổ chức toàn dân kháng chiến, vẫn không ngừng tiến hành các công cuộc cải cách dân chủ, phát triển kinh tế - văn hóa theo phương hướng tiến lên chủ nghĩa xã hội, thực hiện chức năng của một nền chuyên chính công - nông dưới sự lãnh đạo của Đảng. Tất cả những điều đó đã bảo đảm vững chắc cho thắng lợi triệt để của cuộc cách mạng dân tộc dân chủ ở Lào và mở đường thuận lợi cho việc chuyển sang cách mạng xã hội chủ nghĩa ngay sau khi đã giành được chính quyền trong cả nước.

Ngọn cờ độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội là quy luật chung của thời đại, song đi vào từng nước, còn phải được nghiên cứu vận dụng sát với thực tế xã hội và yêu cầu của từng thời kỳ cách mạng. Cũng như ở các nước chậm phát triển khác, ở Lào phải trải qua giai đoạn cách mạng dân tộc dân chủ, nhưng căn cứ vào tình hình kinh tế - xã hội của đất nước đang còn ở trình độ rất thấp về nhiều mặt, sự phân hóa giai cấp trong xã hội chưa cao mà kết cấu dân tộc lại phức tạp, Đảng đã nghiên cứu công phu để vận dụng đúng đắn, sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lê-nin trong việc đề ra nội dung và giải quyết mối quan hệ giữa hai nhiệm vụ cách mạng dân tộc và cách mạng dân chủ phù hợp với đặc điểm xã hội và tình hình cách mạng Lào. Đối với nhiệm vụ cách mạng dân tộc, Đảng đã đi từ vận động

đoàn kết nhân dân các dân tộc và bộ tộc, các tầng lớp trong cả nước, xây dựng thành một mặt trận dân tộc thống nhất hết sức rộng rãi, thực hiện liên minh với mọi lực lượng có thể tranh thủ được, nhằm tập trung sức mạnh cả nước giải quyết mâu thuẫn cơ bản gay gắt nhất là mâu thuẫn giữa dân tộc Lào với chủ nghĩa đế quốc và bọn tay sai của chúng là tập đoàn tư sản mại bản quan liêu quân phiệt và phong kiến phản động. Trong khi kẻ thù xâm lược đang dày xéo đất nước, thì nhiệm vụ cách mạng dân tộc được đặt lên hàng đầu, song vẫn tiến hành nhiệm vụ cách mạng dân chủ với bước đi thích hợp, không phải thông qua một cuộc cách mạng ruộng đất không cần thiết đối với một nước mà nền kinh tế tiểu nông còn mang nặng tính chất tự nhiên, tự cấp tự túc, mà bằng những cải cách dân chủ để từng bước xóa bỏ các hình thức bóc lột tiền phong kiến và phong kiến, đi đôi với tổ chức và giúp đỡ nông dân lao động các dân tộc và bộ tộc phát triển sản xuất và cải thiện cuộc sống của họ, thoát khỏi sự kìm hãm của thiên nhiên, của thần quyền và các tập quán hủ bại. Nhờ giải quyết một cách chủ động và đúng đắn nội dung và mối quan hệ giữa hai nhiệm vụ dân tộc và dân chủ như trên, Đảng đã động viên và tập hợp được đông đảo nhân dân các dân tộc và bộ tộc, các tầng lớp trong cả nước đoàn kết đứng lên chiến đấu chống kẻ thù xâm lược, đập tan các âm mưu chia rẽ dân tộc rất nguy hiểm của chúng, phân hóa và làm tan rã từng mảng lớn hàng ngũ địch, cuối cùng đã thực hiện thắng lợi hoàn toàn cả hai nhiệm vụ dân tộc và dân chủ, đưa đất nước đi lên chủ nghĩa xã hội.

Nắm chắc ngọn cờ độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, Đảng không chỉ giải quyết thắng lợi các nhiệm vụ chiến lược mà còn giải quyết thành công các vấn đề về sách lược và

phương pháp cách mạng. Chiến đấu chống những kẻ thù lớn mạnh trong khi tinh thần dân tộc của các tầng lớp nhân dân cả nước đã được phát động mạnh mẽ, lại ở thời đại mà độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội đã thành xu thế tất yếu trên thế giới, Đảng đã biết kết hợp tính nguyên tắc về chiến lược với tính mềm dẻo, linh hoạt về sách lược và phương pháp cách mạng tùy theo đối sách lực lượng giữa ta và địch ở cả trong nước và trên thế giới trong từng thời kỳ cách mạng, nhằm đẩy lùi địch từng bước, đánh bại chúng từng bộ phận, giành thắng lợi từng phần, tiến lên giành thắng lợi hoàn toàn. Việc xác định đúng đắn những đối tượng cần tập trung cô lập và những lực lượng cần tranh thủ, liên minh trong mỗi thời kỳ cách mạng với những khẩu hiệu sách lược rất phù hợp với nguyện vọng thống nhất của đông đảo các tầng lớp quần chúng, kết hợp với các hoạt động đa dạng, phong phú của các lực lượng cách mạng trên mọi lĩnh vực đấu tranh, đã làm cho hàng ngũ địch luôn luôn bị phân hóa, kẻ thù chính và các tập đoàn phản động tay sai ngày càng bị cô lập cao độ, trong khi Mặt trận dân tộc thống nhất do Đảng lãnh đạo không ngừng phát triển lớn mạnh, ngày càng tập hợp thêm bạn đồng minh và từng bước cảm hóa họ thành lực lượng cách mạng. Việc tham gia Chính phủ liên hiệp trong khi vẫn giữ vững nguyên vẹn các thành quả cách mạng đã đạt được là sự vận dụng đúng đắn sách lược thỏa hiệp có nguyên tắc của Lê-nin, đã bảo đảm cho cách mạng tranh thủ được thời gian và thế hòa hoãn có lợi để củng cố, phát triển lực lượng và tiếp tục tiến công đưa cách mạng tiến lên một bước mới cao hơn. Ngay trong đấu tranh vũ trang trong những bối cảnh quốc tế nhất định, Đảng cũng vận dụng sách lược hạn chế địch để thắng địch bằng những biện pháp như sử dụng lực lượng tác chiến với

quy mô thích hợp, tiến công và dừng lại đúng lúc, kết hợp giữa đánh và đàm v.v., nhằm ngăn chặn âm mưu mở rộng chiến tranh của kẻ thù. Tuy nhiên dù sự vận dụng đúng đắn sách lược và phương pháp cách mạng có đem lại những thắng lợi to lớn trong từng thời kỳ, Đảng vẫn không bao giờ xao lãng các mục tiêu chiến lược, vẫn luôn luôn nắm vững quan điểm bạo lực cách mạng và tư tưởng chiến lược tiến công, vừa ra sức đánh địch bằng mọi hình thức thích hợp, vừa không ngừng tăng cường lực lượng cách mạng về mọi mặt trong bất kỳ tình huống nào để tiến lên đạt tới mục đích cuối cùng là giành lại toàn bộ chính quyền cho cách mạng.

Nắm vững ngọn cờ độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội qua mọi giai đoạn đấu tranh và trong mọi tình thế, Đảng nhân dân cách mạng Lào đã lãnh đạo hoàn thành cuộc cách mạng dân tộc dân chủ trong cả nước. Ngày nay, Tổ quốc đã được hoàn toàn độc lập và đang tiến lên chủ nghĩa xã hội thì độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội quện chặt vào nhau, dân tộc và chủ nghĩa xã hội là một. Chỉ có chủ nghĩa xã hội mới bảo đảm cho nền độc lập dân tộc được vững chắc, mới đem lại cuộc sống ấm no hạnh phúc cho dân tộc và phát huy hết mọi khả năng của dân tộc. Đảng thường xuyên tiến hành một công tác giáo dục rộng lớn cho toàn dân nhận rõ vấn đề này, yêu nước phải là yêu chủ nghĩa xã hội và tích cực tham gia xây dựng chủ nghĩa xã hội, từ đó mà xác định lập trường và nhiệm vụ người công dân xã hội chủ nghĩa. Mặt khác, với kinh nghiệm thực tiễn 9 năm qua, Đảng càng nhận thức sâu sắc rằng, trong khi phải nắm vững những quy luật phổ biến về xây dựng chủ nghĩa xã hội, còn phải nghiên cứu đầy đủ những đặc điểm của dân tộc mình, từ tình hình kinh tế, văn hóa, xã hội cho đến lịch sử, đất nước, con người để vận dụng sáng

tạo các kinh nghiệm của thế giới, đưa chủ nghĩa xã hội đi vào dân tộc mới có thể xây dựng thành công được.

Đường lối cách mạng xã hội chủ nghĩa được vạch ra trong Đại hội III của Đảng chính là sự vận dụng đúng đắn các quy luật cơ bản của chủ nghĩa xã hội vào hoàn cảnh đặc thù của thời kỳ quá độ ở Lào. Hiểu rõ và nắm vững các đặc điểm của cách mạng Lào khi chuyển sang giai đoạn mới trong bối cảnh quốc tế và khu vực ngày nay, Đảng đã đặt nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc và nhiệm vụ xây dựng chủ nghĩa xã hội thành *hai nhiệm vụ chiến lược*, luôn luôn gắn chặt nhau và kết hợp chặt chẽ với nhau trong mọi lĩnh vực và ở mọi cấp, từ cấp trung ương cho đến từng địa phương và xuống tận cơ sở. Đối với nhiệm vụ xây dựng chủ nghĩa xã hội, theo quy luật chung, Đảng cũng phải giải quyết các vấn đề có tính phổ biến như tăng cường chuyên chính vô sản, tiến hành ba cuộc cách mạng, thực hiện công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa..., nhưng nội dung, bước đi, quy mô, tốc độ và biện pháp tiến hành đều cần cứ vào những đặc điểm về tình hình chính trị, kinh tế của đất nước và yếu tố thời đại để có sự vận dụng thích hợp. Đảng luôn luôn nhận thức rằng: « Bỏ qua giai đoạn phát triển tư bản chủ nghĩa đi thẳng lên chủ nghĩa xã hội từ một nền kinh tế tiểu nông còn mang nặng tính chất tự nhiên, tự cấp tự túc là con đường rất mới mẻ, hầu như chưa có tiền lệ trên thế giới. Con đường đó phải trải qua nhiều bước trung gian quá độ, theo *hai quá trình*: cải tạo nền kinh tế tự nhiên và đưa sản xuất nhỏ lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa. Phải xây dựng tất cả, xây dựng cả lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất, xây dựng từ cơ sở hạ tầng đến cấu trúc thượng tầng... ».

Vì vậy, sau khi đã khẳng định đường lối chung trong thời kỳ quá độ, Đảng còn đề ra 4 phương châm cơ

bản đề lãnh đạo giải quyết đúng đắn mối quan hệ giữa các nhiệm vụ cụ thể trong các lĩnh vực như « kết hợp cải tạo với xây dựng, lấy xây dựng là chủ yếu, trong đó xây dựng lực lượng sản xuất và đào tạo con người mới biết sản xuất kinh doanh, biết lãnh đạo quản lý kinh tế là quan trọng nhất »; hoặc đề hướng dẫn tốc độ và quy mô xây dựng như đi từng bước vững chắc, kết hợp nhỏ, vừa và lớn, lúc đầu nhỏ, vừa là chính; hoặc đề chỉ rõ biện pháp và cách làm như: « kết hợp Nhà nước, tập thể và nhân dân cùng làm, kết hợp chặt chẽ giữa ba lợi ích, vừa nâng cao năng suất lao động, vừa thực hiện tiết kiệm triệt để ». Đảng đặc biệt nhấn mạnh vấn đề chuyển xuống cơ sở, xây dựng cũng cố vững chắc ở cơ sở và từ cơ sở mà đi lên trên cả ba mặt chính trị, kinh tế, quốc phòng an ninh, coi đó vừa là biện pháp chiến lược, vừa là phương hướng chiến lược để thực hiện đường lối của Đảng trong tình hình đất nước hiện nay.

Từ đường lối chung, Đảng đã đề ra đường lối kinh tế trong giai đoạn mới, một cương lĩnh thứ hai của Đảng. Đây cũng là sự vận dụng đúng đắn những quy luật kinh tế cơ bản của chủ nghĩa xã hội vào thực tế Lào. Xuất phát từ yêu cầu phải tiến hành song song cả hai nhiệm vụ chiến lược và thực hiện đồng thời cả hai quá trình trong tình hình đất nước có những thuận lợi về tài nguyên, khí hậu, đất đai và được sự hợp tác, giúp đỡ của các nước xã hội chủ nghĩa anh em, Đảng đã đề ra 7 phương hướng chiến lược để tiến lên xây dựng một nền kinh tế độc lập và xã hội chủ nghĩa ở Lào. Quy định bước đi và hướng phát triển cho toàn bộ nền kinh tế quốc dân, Đảng đã quyết tâm « lấy phát triển nông - lâm nghiệp làm cơ sở cho phát triển công nghiệp, đem công nghiệp phục vụ cho nông - lâm nghiệp và giao thông vận tải, xây dựng NÔNG - LÂM - CÔNG NGHIỆP

thành cơ cấu kinh tế thống nhất ngay từ địa phương và cơ sở ». Trong lĩnh vực sản xuất và lưu thông phân phối, Đảng xác định « lấy phát triển sản xuất là cơ sở, thương nghiệp là mắt xích chính, giao thông vận tải là mũi nhọn, vận dụng đồng bộ các đòn bẩy kinh tế để thúc đẩy sản xuất phát triển, mở rộng kinh tế hàng hóa, cải tạo nền kinh tế tự nhiên từng bước đưa sản xuất nhỏ lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa ». Trong khi vẫn còn nhiều thành phần kinh tế đang có tác dụng, Đảng chủ trương « Có chính sách sử dụng tốt cả 5 thành phần kinh tế để phát triển sản xuất, nhưng ưu tiên xây dựng thành phần kinh tế quốc doanh và tập thể để giữ vai trò chủ đạo và tiến lên giữ vai trò thống trị trong nền kinh tế quốc dân, đồng thời quan tâm giúp đỡ kinh tế gia đình của xã viên và cán bộ, công nhân, coi đó là một bộ phận thuộc thành phần kinh tế xã hội chủ nghĩa ». Xây dựng kinh tế trung ương, đồng thời xây dựng kinh tế địa phương và kết hợp với nhau thành một cơ cấu kinh tế thống nhất, cũng là một phương hướng chiến lược của Đảng để tạo điều kiện xóa bỏ dần sự cách biệt giữa nông thôn và thành thị, giữa các vùng trong nước. Trong quan hệ kinh tế đối ngoại, Đảng chủ trương phải phát huy cao độ tinh thần tự lực tự cường, khai thác và tận dụng mọi khả năng, tiềm năng của đất nước, đồng thời ra sức tranh thủ sự chi viện và hợp tác kinh tế quốc tế, trước hết là dựa hẳn vào hệ thống xã hội chủ nghĩa và hướng về phía đông, đoàn kết liên minh và hợp tác toàn diện giữa ba nước Đông dương, đoàn kết hợp tác toàn diện với Liên xô và các nước xã hội chủ nghĩa khác.

Vận dụng đường lối chung và đường lối kinh tế trong giai đoạn mới, Đảng đã lãnh đạo toàn dân đạt được những thành tựu to lớn trong cả hai nhiệm vụ chiến lược bảo vệ Tổ quốc và xây

dựng chủ nghĩa xã hội, điều đó chứng minh đường lối cách mạng xã hội chủ nghĩa của Đảng là hoàn toàn đúng. Tuy vẫn còn phải tiếp tục cụ thể hóa đường lối thành chính sách, chế độ, pháp lệnh với các biện pháp bảo đảm đồng bộ, nhất là phải xây dựng một cơ chế lãnh đạo, quản lý có hiệu quả và phù hợp với yêu cầu thực hiện đồng thời cả hai quá trình, nhưng điều căn bản nhất là chủ nghĩa xã hội đã thật sự đi vào dân tộc, các quy luật cơ bản của chủ nghĩa xã hội đang kết hợp với thực tiễn đất nước để tác động trở lại thực tiễn và trở thành hiện thực cách mạng. Ngon cơm độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội mãi mãi vẫn là ngọn cờ thắng lợi của cách mạng Lào, trong giai đoạn cách mạng dân tộc dân chủ trước đây cũng như trong giai đoạn cách mạng xã hội chủ nghĩa ngày nay.

2 — Trải qua hai cuộc kháng chiến trong 30 năm chiến tranh liên tục mới giành được độc lập dân tộc và ngày nay vẫn phải luôn luôn sẵn sàng chiến đấu bảo vệ Tổ quốc, *thắng lợi của cách mạng Lào cũng là thắng lợi của đường lối quân sự, đường lối chiến tranh nhân dân và quốc phòng-an ninh toàn dân, toàn diện của Đảng.*

Hình thành từ khi bắt đầu kháng chiến chống Pháp và không ngừng được bổ sung hoàn chỉnh qua các giai đoạn cách mạng, đường lối quân sự của Đảng, một bộ phận của đường lối cách mạng, luôn luôn gắn bó hữu cơ và phục tùng đường lối chính trị, là sự vận dụng đúng đắn sáng tạo quan điểm bạo lực cách mạng và khoa học quân sự của chủ nghĩa Mác — Lê-nin vào thực tiễn chiến tranh giải phóng dân tộc và sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc ở Lào. Xuất phát từ đường lối và yêu cầu của nhiệm vụ cách mạng trong từng thời kỳ, căn cứ vào đặc điểm kẻ thù, tình hình mọi mặt của đất nước và bối cảnh quốc tế, đường lối quân sự của Đảng có nội dung cơ bản là

động viên và tổ chức toàn dân đánh giặc dưới sự lãnh đạo của Đảng, phát huy sức mạnh của cả dân tộc kết hợp với sức mạnh của các lực lượng liên minh và sức mạnh thời đại, tiến hành đấu tranh vũ trang kết hợp với đấu tranh chính trị và các hình thức đấu tranh khác để đánh thắng kẻ thù xâm lược, hoàn thành nhiệm vụ cách mạng.

Vận dụng đường lối quân sự trong chiến tranh giải phóng dân tộc, với quan điểm bạo lực cách mạng là bạo lực quần chúng, Đảng đã tiến hành xây dựng lực lượng chính trị quần chúng rộng rãi để vừa làm cơ sở cho việc xây dựng, phát triển lực lượng vũ trang, vừa thường xuyên tiến công địch bằng phương thức đấu tranh chính trị. Đồng thời Đảng hết sức coi trọng xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân làm nòng cốt cho toàn dân đánh giặc, bắt đầu từ những đội quân du kích ở cơ sở, tiến lên xây dựng những đơn vị bộ đội tập trung ở từng địa phương và từng bước hình thành quân đội nhân dân thường trực để cơ động tác chiến trên các chiến trường cả nước. Đảng coi lực lượng vũ trang là lực lượng trụ cột của Đảng, một công cụ chuyên chính sắc bén của chính quyền cách mạng, thường xuyên chăm lo, giáo dục, rèn luyện, nâng cao chất lượng về mọi mặt, đặc biệt là không ngừng tăng cường bản chất giai cấp công nhân, tăng cường sự lãnh đạo trực tiếp của Đảng đối với quân đội, bảo đảm các lực lượng vũ trang luôn luôn phân biệt đúng bạn thù, gắn bó máu thịt với nhân dân lao động các dân tộc và bộ tộc, đoàn kết nội bộ và đoàn kết quốc tế chặt chẽ, sẵn sàng hy sinh chiến đấu và chiến đấu thắng lợi để hoàn thành các nhiệm vụ của Đảng trong mọi tình huống.

Nắm vững hai lực lượng chiến lược và luôn luôn quán triệt tư tưởng chiến lược tiến công, Đảng đã lãnh đạo toàn dân tiến hành một cuộc chiến

tranh nhân dân sôi nổi và rộng khắp trong cả nước với nhiều phương thức, hình thức đấu tranh phong phú và sáng tạo. Liên tục chủ động tiến công địch, đánh địch bằng mọi thứ vũ khí, lấy ít thắng nhiều, lấy chất lượng cao thắng số lượng đông, dùng lực lượng nhỏ giành thắng lợi lớn; kết hợp tiến công quân sự với tiến công chính trị, kết hợp tác chiến với binh vận và nổi dậy của quần chúng; kết hợp đánh du kích với đánh tập trung và phối hợp với lực lượng liên minh đánh lớn; đánh địch trên cả hai vùng chiến lược, kết hợp bảo vệ vững chắc vùng giải phóng với không ngừng phát triển tiến công vào vùng địch kiểm soát... đó là một số vấn đề về tư tưởng chỉ đạo chiến lược và nghệ thuật quân sự của chiến tranh nhân dân ở Lào, đã bảo đảm cho cuộc kháng chiến của quân dân cả nước không ngừng phát triển thắng lợi, càng đánh càng lớn mạnh và chiến thắng. Đặc biệt, trong thời kỳ chuẩn bị khởi nghĩa giành chính quyền trong cả nước để kết thúc giai đoạn cách mạng dân tộc dân chủ, Đảng đã hết sức nhạy bén nắm bắt thời cơ lịch sử, xem xét trên quan điểm cách mạng và khoa học mối quan hệ tác động lẫn nhau giữa các nhân tố thời cơ và lực lượng, thế và lực, sức mạnh tinh thần và sức mạnh vật chất để đánh giá đúng đắn so sánh lực lượng giữa ta và địch, hạ quyết tâm chiến lược chính xác. Cuộc khởi nghĩa chính trị—vũ trang bằng sức mạnh tổng hợp của quần chúng cách mạng và áp lực của lực lượng vũ trang nhân dân kết hợp với binh biến ly khai trong hàng ngũ địch và đấu tranh pháp lý, đã được chỉ đạo chặt chẽ về thời gian và không gian khởi nghĩa, về phương thức tiến hành các bước đấu tranh nhằm tập trung sức mạnh đập tan trước tiên các thế lực phản động nguy hiểm nhất, liên tục tiến công vào ý chí và tổ chức của địch bằng nhiều hình thức, chia cắt lực lượng

chúng, dồn chúng vào thế tan rã sụp đổ hoàn toàn, cuối cùng đã giành lại toàn bộ chính quyền mà không phải qua một cuộc nội chiến. Đây là sự vận dụng đúng đắn sáng tạo các nguyên tắc và nghệ thuật khởi nghĩa của Lê-nin, đã đem lại thành công rực rỡ kết thúc hoàn toàn thắng lợi cuộc đấu tranh lâu dài vì độc lập dân tộc và dân chủ của nhân dân Lào.

Ngày nay, cách mạng đã chuyển sang giai đoạn mới với hai nhiệm vụ chiến lược: bảo vệ Tổ quốc và xây dựng chủ nghĩa xã hội. Đứng trước các kẻ thù đang câu kết nhau tiến hành các hoạt động phá hoại nhiều mặt và đe dọa gây chiến tranh xâm lược, trong khi nhân dân đã làm chủ đất nước và đã xây dựng được những cơ sở đầu tiên của chủ nghĩa xã hội, đường lối quân sự của Đảng đã có những bước phát triển mới. Đảng chủ trương phải kết hợp quốc phòng với an ninh làm một, phối hợp chặt chẽ giữa ba mặt chính trị, quân sự, kinh tế để củng cố an ninh toàn diện từ cơ sở và xây dựng một thể trận chiến tranh nhân dân địa phương vững chắc, tích cực xây dựng các lực lượng vũ trang—an ninh vững mạnh toàn diện với một quân đội thường trực có chất lượng cao, số lượng thích hợp, trang bị mạnh, tiến dần lên chính quy hiện đại và một lực lượng vũ trang quần chúng rộng khắp ở cơ sở, đi đôi với một lực lượng an ninh trong sạch, tinh thông nghiệp vụ và đoàn kết phối hợp chặt chẽ với lực lượng vũ trang; kết hợp quốc phòng với kinh tế, quân sự địa phương với kinh tế địa phương, từng bước xây dựng hoàn chỉnh hậu phương chiến lược và hậu phương tại chỗ; phát huy sức mạnh của toàn dân và toàn bộ hệ thống chuyên chính vô sản kết hợp với sức mạnh liên minh chiến đấu ba nước Đông dương, sức mạnh đoàn kết hợp tác toàn diện với Liên xô và cộng đồng xã hội chủ nghĩa tạo thành sức

manh tổng hợp đập tan mọi hoạt động phá hoại nhiều mặt của địch và sẵn sàng chiến đấu đánh bại mọi cuộc chiến tranh xâm lược của kẻ thù với bất kỳ quy mô nào. Đó chính là nội dung đường lối quân sự của Đảng trong giai đoạn mới, đường lối quốc phòng - an ninh toàn dân, toàn diện và chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc, đã được thử thách trong 9 năm qua và đã làm thất bại một bước quan trọng âm mưu chiến lược làm suy yếu để tiến lên xâm lược, thôn tính Lào của chủ nghĩa bành trướng Trung quốc câu kết với đế quốc Mỹ và các thế lực phản động quân phiệt cực hữu Thái lan.

3 - Thắng lợi của cách mạng Lào còn là thắng lợi của đường lối liên minh chiến lược, liên minh chiến đấu và đoàn kết quốc tế của Đảng.

Chiến đấu trong thời đại mà chủ nghĩa xã hội đã vượt ra khỏi một nước và trở thành hệ thống thế giới, Đảng nhân dân cách mạng Lào luôn luôn nhận thức rằng liên minh chiến lược và liên minh chiến đấu giữa các lực lượng cách mạng trên thế giới và ở trong từng khu vực để đánh bại chủ nghĩa đế quốc và các liên minh phản động của chúng là một quy luật khách quan của thời đại, nhất là đối với các lực lượng cách mạng cùng ở trong một khu vực vốn đã có những mối quan hệ lịch sử và địa lý từ lâu đời. Trong cương lĩnh đầu tiên của mình, Đảng đã xác định « cách mạng Lào là một bộ phận của cách mạng Đông dương và cách mạng thế giới », đặt sự nghiệp đấu tranh của nhân dân Lào trong sự nghiệp đấu tranh chung của nhân dân ba nước Đông dương cùng chung cảnh ngộ mất nước và cùng một kẻ thù, cũng như trong sự nghiệp rộng lớn của giai cấp công nhân và nhân dân toàn thế giới đấu tranh cho độc lập dân tộc, dân chủ và chủ nghĩa xã hội do Liên xô vĩ đại làm trụ cột và là chỗ dựa vững chắc,

coi đó là một tất yếu lịch sử, một nhân tố thắng lợi không thể thiếu được của cách mạng Lào.

Đường lối quốc tế của Đảng nhân dân cách mạng Lào trước hết là đường lối đoàn kết liên minh chiến đấu toàn diện giữa cách mạng ba nước Lào - Việt - Cam-pu-chia trên cơ sở chủ nghĩa Mác - Lê-nin, gắn chặt chủ nghĩa yêu nước với chủ nghĩa quốc tế vô sản và kết hợp đúng đắn lợi ích cách mạng của mỗi nước với lợi ích cách mạng chung của ba nước và lợi ích cách mạng thế giới. Chủ nghĩa đế quốc quốc tế cũng như chủ nghĩa bành trướng Trung quốc luôn luôn coi Đông dương là một chiến trường thống nhất, một mắt xích quan trọng trong chiến lược toàn cầu phân cách mạng và chiến lược châu Á - Thái bình dương của chúng. Kinh nghiệm lịch sử trong hơn một thế kỷ qua ở Đông dương đã chứng minh rằng bất kỳ một kẻ thù nào khi đã đặt chân lên được một nước này, đều tìm cách xâm lược hai nước kia và ngược lại, mỗi tổn thất của cách mạng ở mỗi nước đều tác động nguy hại đến cả khu vực. Vì vậy, chỉ có liên minh và phối hợp chiến đấu chặt chẽ giữa cách mạng ba nước, mới có thể chống lại có hiệu quả và đánh bại các chiến lược xâm lược bành trướng của các kẻ thù.

Được xây dựng từ khi Đảng cộng sản Đông dương ra đời, liên minh cách mạng giữa ba nước Lào - Việt nam - Cam-pu-chia đã phát huy mạnh mẽ sức mạnh của mỗi nước và cả ba nước, kết hợp với sức mạnh thời đại giành được những thắng lợi hết sức to lớn trong sự nghiệp kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ, cuối cùng đã khôi phục được nền độc lập dân tộc của cả ba nước cùng trong năm 1975 lịch sử. Mặc dù tập đoàn phản động trong giới cầm quyền Bắc kinh đã tìm mọi cách hạn chế, ngăn cản và lợi dụng thắng lợi của cách mạng ba nước, đặc biệt đã đưa bọn tay sai

vào cướp quyền lãnh đạo ở Cam-pu-chia nhằm thực hiện chính sách diệt chủng và âm mưu bành trướng của Trung quốc, tuy có gây nhiều khó khăn tồn thất cho cách mạng trong khu vực, nhưng bọn chúng cũng không thể đảo ngược được tình hình ở Cam-pu-chia và cách mạng ba nước vẫn đoàn kết tiến lên lớn mạnh hơn bao giờ hết.

Ngày nay, cả ba nước Lào - Việt nam - Cam-pu-chia đều đã giành được độc lập dân tộc và cùng đi lên chủ nghĩa xã hội, liên minh cách mạng ba nước đã có một thể chiến lược mới với những sức mạnh mới to lớn hơn trước nhiều, càng có thêm điều kiện và khả năng liên minh, hợp tác, giúp đỡ nhau toàn diện. Mặt khác, trong giai đoạn mới này, kẻ thù trực tiếp, nguy hiểm nhất của cách mạng ba nước là chủ nghĩa bành trướng bá quyền nước lớn Trung quốc đang câu kết với đế quốc Mỹ và các thế lực phản động cực hữu khác điên cuồng chống phá toàn diện cách mạng ba nước Đông dương - một trở ngại chủ yếu đối với âm mưu bành trướng, làm bá chủ Đông Nam Á của Trung quốc. Sự liên minh giữa cách mạng ba nước đề tập trung sức mạnh đánh bại kẻ thù mới ngày nay chẳng những là một tất yếu lịch sử, mà còn là vấn đề sống còn đối với vận mệnh của cả ba dân tộc.

Vì vậy, đường lối liên minh của Đảng nhân dân cách mạng Lào trong giai đoạn mới là « ra sức củng cố và tăng cường tình đoàn kết chiến đấu, mối quan hệ đặc biệt Lào - Việt nam, Lào - Việt nam - Cam-pu-chia trên cơ sở chủ nghĩa Mác - Lê-nin và chủ nghĩa quốc tế vô sản, tôn trọng độc lập, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ của nhau, bình đẳng và tin cậy nhau; hợp tác toàn diện, lâu dài và giúp đỡ nhau trên tinh đồng chí nhằm phát huy sức mạnh tổng hợp của ba nước phục vụ công cuộc bảo vệ độc lập

dân tộc và xây dựng chủ nghĩa xã hội ở mỗi nước, cùng nhau giữ vững vị trí tiền đồn của chủ nghĩa xã hội ở Đông Nam Á, vì hòa bình, an ninh và hợp tác ở khu vực này và trên thế giới ». Thực hiện đường lối liên minh này nước Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào đã ký Hiệp ước hữu nghị và hợp tác với nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt nam, đặt cơ sở chính trị và pháp lý vững chắc cho sự liên minh, hợp tác toàn diện, và lâu dài giữa hai Đảng và hai Nhà nước. Hàng loạt Hiệp định hợp tác được ký kết sau đó giữa hai nước và ba nước trên nhiều lĩnh vực, với các hình thức hội nghị thường kỳ cấp cao, cấp bộ trưởng và giữa các Ủy ban Hợp tác kinh tế - văn hóa... đã đưa quan hệ đặc biệt giữa ba nước ngày càng đi vào chiều sâu và phát huy hiệu quả to lớn về mọi mặt, nhất là trên các lĩnh vực chính trị - ngoại giao, kinh tế - văn hóa, khoa học - kỹ thuật.

Với đường lối đúng đắn của ba Đảng anh em, liên minh cách mạng ba nước Lào - Việt nam - Cam-pu-chia đã không ngừng phát triển vững chắc, thể và lực của cách mạng mỗi nước và ba nước lớn mạnh hơn từng có, cục diện chính trị trên bán đảo Đông dương ngày nay tốt đẹp hơn bao giờ hết. Trong sự nghiệp vĩ đại và thắng lợi vẻ vang đó, dân tộc Việt nam anh hùng đã luôn luôn coi sự nghiệp cách mạng của hai dân tộc Lào - Cam-pu-chia anh em như của chính mình, bất chấp mọi hy sinh gian khổ, luôn luôn đứng vững trên tuyến đầu của cuộc đấu tranh chung, đương đầu thắng lợi với mọi thế lực thực dân, đế quốc, bành trướng, rất xứng đáng là lực lượng trụ cột của cách mạng ba nước Đông dương, lực lượng nòng cốt của liên minh chiến đấu giữa ba dân tộc. Đảng nhân dân cách mạng Lào đánh giá rất cao và biết ơn sâu sắc công lao to lớn của

dân tộc Việt nam anh em, đồng thời cũng rất tự hào đã đóng góp phần xứng đáng của mình vào thắng lợi vĩ đại của cả ba dân tộc. Càng vui mừng và tự hào về những thành tựu thần kỳ của liên minh cách mạng ba nước ngày nay, Đảng lại càng tưởng nhớ đến công ơn trời biển của Chủ tịch Hồ Chí Minh kính yêu, Người thầy vĩ đại của cách mạng ba nước Đông dương. Người đã đem ánh sáng của chủ nghĩa Mác - Lê-nin soi đường và dìu dắt cả ba dân tộc Lào - Việt nam - Cam-pu-chia đi đến thắng lợi hoàn toàn và đoàn kết ruột thịt một nhà ngày nay. Người đời đời sống mãi trong sự nghiệp cách mạng ba nước Đông dương cũng như trong sự nghiệp đấu tranh của các dân tộc bị áp bức trên toàn thế giới.

Trong liên minh cách mạng ba nước, mối quan hệ giữa cách mạng Lào với cách mạng Việt nam lại càng đặc biệt hiếm có. Từ cuối những năm 20 của thế kỷ này, Lào đã là một hướng mà đồng chí Hồ Chí Minh vĩ đại đã chọn để truyền bá chủ nghĩa Mác - Lê-nin vào Đông dương. Sau khi Đảng cộng sản Đông dương ra đời, các chiến sĩ cộng sản Việt nam đã không nề lao tù gian khổ dưới chế độ thống trị hà khắc của bọn thực dân, kiên trì đi vào các tầng lớp quần chúng ở Lào tuyên truyền vận động cách mạng, bồi dưỡng giúp đỡ các lực lượng có xu hướng yêu nước tiến bộ, sau này đã cùng với toàn dân làm nên cuộc khởi nghĩa Tháng 8-1945 ở Lào. Trong hai cuộc kháng chiến chống Pháp - Mỹ xâm lược, nhân dân Việt nam đã luôn luôn kề vai sát cánh, nhường cơm sẻ áo, hy sinh biết bao xương máu của nhiều thế hệ để giúp đỡ và cùng với nhân dân Lào chiến đấu chống kẻ thù chung cho đến khi toàn thắng. Ngày nay, mặc dù còn đang phải chiến đấu chống cuộc chiến tranh phá hoại nhiều mặt và lần

chiếm biên giới của bọn bành trướng Trung quốc cầu kết với đế quốc Mỹ, đồng thời vẫn đang thất lưng buộc bụng để xây dựng, phát triển nền kinh tế đất nước, nhân dân Việt nam vẫn tiếp tục chia sẻ sức người, sức của và cả xương máu của mình để đóng góp vào sự nghiệp bảo vệ và xây dựng chủ nghĩa xã hội của cách mạng Lào. Sự hợp tác đầy tình nghĩa đồng chí anh em giữa Đảng, Nhà nước và nhân dân hai nước trên mọi lĩnh vực với những phương thức phong phú và có hiệu quả, từ phương thức chuyên gia và quân tình nguyện đến phương thức hợp tác lao động và kỹ thuật để khai thác tiềm năng đất nước, kết hợp với phương thức kết nghĩa toàn diện giữa các địa phương hai nước với nhau, đã góp phần rất quan trọng tạo nên một thế chiến lược vững chắc và phát triển mạnh mẽ các nhân tố chủ quan của cách mạng Lào trong giai đoạn mới. Truyền thống đoàn kết liên minh chiến đấu mẫu mực, trong sáng thủy chung giữa hai dân tộc ngày nay lại càng nở hoa kết trái rực rỡ hơn bao giờ hết. « Uống nước nhớ nguồn », nhân dân Lào từ thế hệ này đến thế hệ khác mãi mãi ghi lòng tạc dạ sự hy sinh vô bờ bến, sự đóng góp cao cả của nhân dân Việt nam anh em đối với sự nghiệp cách mạng Lào. Đoàn kết với Việt nam, luôn luôn là đường lối chiến lược, là tình cảm thiêng liêng, là nghĩa vụ quốc tế quang vinh của Đảng, Nhà nước và nhân dân Lào, ngày nay còn là phương châm hành động trong toàn bộ hoạt động của mọi tổ chức Đảng, chính quyền, đoàn thể quần chúng, là một trong những tiêu chuẩn rèn luyện đạo đức phẩm chất cách mạng của đảng viên, cán bộ ở mọi cấp. Toàn Đảng và toàn dân Lào quyết đem hết công sức, máu xương mình để bảo vệ và tăng cường hơn nữa mối quan hệ đoàn kết tình sâu nghĩa nặng đó, không cho phép bất cứ một thế lực nào xâm phạm đến di

sản thiêng liêng đã được Chủ tịch Hồ Chí Minh vĩ đại và hai Đảng, hai dân tộc xây dựng, bồi đắp nên trong hơn nửa thế kỷ qua.

Trong khi thực hiện liên minh chiến đấu toàn diện với hai nước Việt nam - Cam-pu-chia anh em, Đảng nhân dân cách mạng Lào vẫn luôn luôn xác định cách mạng Lào là một bộ phận của cách mạng thế giới, gắn liền với sự nghiệp đấu tranh vì độc lập dân tộc, dân chủ và chủ nghĩa xã hội của giai công nhân và nhân loại tiến bộ ngày nay. Thắng lợi của cách mạng Lào là một đóng góp vào sự nghiệp cách mạng thế giới, đồng thời cũng là thành quả đấu tranh của cách mạng thế giới. Thắng lợi đó không tách rời sự ủng hộ mạnh mẽ và giúp đỡ to lớn của các nước xã hội chủ nghĩa anh em và bè bạn khắp năm châu mà trước hết là của Liên xô vĩ đại, lực lượng trụ cột vững chắc của cộng đồng xã hội chủ nghĩa, thành trì của cách mạng, hòa bình và an ninh thế giới trong thời đại ngày nay. Chính là đi theo con đường do Lê-nin và Cách mạng Tháng Mười đã vạch ra mà Đảng và nhân dân Lào đã hoàn thành thắng lợi cuộc cách mạng dân tộc, dân chủ, lập nên nước Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào trở thành một thành viên của cộng đồng xã hội chủ nghĩa hiện nay. Trên mọi chặng đường đấu tranh lâu dài gian khổ, Đảng và nhân dân Lào luôn luôn được Liên xô tích cực ủng hộ, chi viện và ngày nay lại hết lòng, hết sức giúp đỡ nước Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào trẻ tuổi thực hiện nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc và xây dựng chủ nghĩa xã hội của mình. Đảng, Nhà nước và toàn dân Lào mãi mãi ghi nhớ với lòng biết ơn chân thành sâu sắc nhất sự giúp đỡ quốc tế xã hội chủ nghĩa to lớn, hào hiệp, vô tư và có hiệu quả đó của Đảng, Nhà nước và nhân dân Liên xô vĩ đại.

Đại hội thứ III của Đảng đã khẳng định "Đoàn kết và hợp tác toàn diện

với Liên xô và Cộng đồng xã hội chủ nghĩa là chính sách lâu dài, kiên định và có tính nguyên tắc của Đảng và Nhà nước, là một vấn đề có tính quy luật quyết định thành công của sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc và xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Lào". Trong tình hình thế giới căng thẳng và phức tạp hiện nay, giữa lúc các thế lực phản động quốc tế do đế quốc Mỹ cầm đầu đang âm mưu điên cuồng phản kích lại cách mạng, tập trung mũi nhọn chống Liên xô và đe dọa gây chiến tranh hạt nhân, Đảng nhân dân cách mạng Lào cho rằng nhiệm vụ đoàn kết với Liên xô, ủng hộ những cố gắng không mệt mỏi của Liên xô đấu tranh cho hòa bình và an ninh của các dân tộc càng là một nhiệm vụ chiến lược cấp bách hơn bao giờ hết của các đảng cộng sản và công nhân trên thế giới. Cùng với hai Đảng và nhân dân hai nước Việt nam - Cam-pu-chia anh em, toàn Đảng và toàn dân Lào quyết tâm ra sức bảo vệ và tăng cường các quan hệ đoàn kết, hợp tác toàn diện với Liên xô và cộng đồng xã hội chủ nghĩa, coi đó là nguyên tắc chiến lược, là một trong những nhân tố bảo đảm thắng lợi của cách mạng ba nước Đông dương cũng như của cách mạng Lào.

Trong khi thực hiện liên minh và đoàn kết quốc tế, Đảng vẫn chủ trương luôn luôn đề cao ý thức tự lực, tự cường, phát huy cao độ nỗ lực chủ quan của dân tộc mình. Càng phát huy được sức mạnh dân tộc bao nhiêu thì càng tranh thủ được sự đồng tình ủng hộ và giúp đỡ quốc tế bấy nhiêu và cũng chỉ có trên cơ sở phát huy được sức mạnh và nỗ lực chủ quan của dân tộc mới có thể tiếp thu và sử dụng có hiệu quả sự giúp đỡ quốc tế. Trong quá trình lãnh đạo cách mạng Lào qua các giai đoạn kháng chiến trước đây cũng như trong sự nghiệp bảo vệ và xây dựng chủ nghĩa xã hội ngày nay, Đảng nhân dân cách mạng Lào đã luôn luôn giữ vững độc lập, tự

chủ về đường lối, dựa trên cơ sở vận dụng đúng đắn sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lê-nin vào điều kiện cụ thể của cách mạng Lào, kết hợp với nghiên cứu, học tập kinh nghiệm của các đảng anh em một cách có chọn lọc, không ngừng động viên và tổ chức toàn dân phát huy cố gắng chủ quan cao nhất của mình trong chiến đấu và tạo động đề kết hợp với sức mạnh liên minh chiến đấu ba nước Đông dương và sự chi viện quốc tế hoàn thành thắng lợi các nhiệm vụ của cách mạng Lào, đồng thời đóng góp cho sự nghiệp cách mạng Đông dương và thế giới.

Thời đại ngày nay là thời đại đấu tranh quyết liệt giữa hai hệ thống xã hội đối lập trên mọi lĩnh vực. Trước các thắng lợi vĩ đại của ba đồng thác cách mạng, chủ nghĩa đế quốc, chủ nghĩa bành trướng và các thế lực phản động quốc tế khác luôn luôn tìm mọi cách chia rẽ, phá hoại, làm suy yếu các lực lượng xã hội chủ nghĩa và các phong trào cách mạng trên thế giới và ở từng khu vực, mà trước hết là tập trung mọi cố gắng của chúng để đả kích, xuyên tạc chủ nghĩa Mác - Lê-nin và chủ nghĩa quốc tế xã hội chủ nghĩa hồng phá hoại tư tưởng và nội bộ các nước xã hội chủ nghĩa và phong trào cộng sản và công nhân quốc tế. Kinh nghiệm lịch sử đấu tranh cách mạng trên thế giới cũng như ở Đông dương đã chứng minh rằng, để bảo đảm giữ vững và không ngừng tăng cường các quan hệ liên minh, đoàn kết quốc tế, các Đảng và các lực lượng cách mạng phải luôn luôn cảnh giác và nhạy bén, kiên quyết đập tan mọi âm mưu thủ đoạn chia rẽ, phá hoại của mọi kẻ thù, kiên quyết loại trừ mọi khuynh hướng tư tưởng xa lạ với chủ nghĩa Mác - Lê-nin và chủ nghĩa quốc tế xã hội chủ nghĩa trong nội bộ, đặc biệt là các biểu hiện của chủ nghĩa dân tộc tư sản, chủ nghĩa dân tộc cực đoan và hẹp hòi, chủ nghĩa cơ hội và thực dụng dưới mọi màu sắc. Những biểu hiện tư tưởng đó, dù ở dạng nào

và với mức độ nào, trước sau rồi cũng bị kẻ thù lợi dụng gây tổn thất cho phong trào cách mạng chung và làm hại chính ngay lợi ích của dân tộc mình.

Trên đây là những vấn đề cơ bản nhất về đường lối lãnh đạo cách mạng Lào của Đảng. Thắng lợi của cách mạng Lào trong 30 năm qua là do nhiều nhân tố tạo thành, nhưng đường lối lãnh đạo đúng đắn của Đảng là nhân tố quyết định nhất. Năm vững ngọn cờ ĐỘC LẬP DÂN TỘC và CHỦ NGHĨA XÃ HỘI của thời đại làm nền tảng cho mọi chiến lược, sách lược qua các giai đoạn cách mạng; có một đường lối quân sự đúng đắn đập tan bạo lực vũ trang phản cách mạng của những kẻ thù lớn mạnh; thực hiện liên minh và đoàn kết quốc tế trên cơ sở chủ nghĩa Mác - Lê-nin và chủ nghĩa quốc tế xã hội chủ nghĩa để tăng cường sức mạnh cho dân tộc trong sự nghiệp cứu nước, giữ nước và dựng nước - đó là những kinh nghiệm lớn về sự lãnh đạo thành công của Đảng nhân dân cách mạng Lào trong 30 năm qua và ngày nay vẫn còn giữ nguyên ý nghĩa thực tiễn và thời sự của nó trong giai đoạn cách mạng mới.



Ba mươi năm là một thời gian rất ngắn so với lịch sử một dân tộc. Nhưng chính trong khoảng thời gian ngắn ngủi đó, dân tộc Lào đã viết nên những trang sử oanh liệt về vang nhất của mình: chiến thắng các kẻ thù xâm lược, đập tan sự thống trị của các giai cấp bóc lột tay sai đế quốc, xây dựng nên một Nhà nước chuyên chính vô sản với những cơ sở đầu tiên của chủ nghĩa xã hội. Lần đầu tiên, nhân dân các dân tộc và bộ tộc Lào đã được quyền làm chủ đất nước, làm chủ cuộc sống của mình. Một xã hội mới đang hình thành với những lực lượng

sản xuất và quan hệ sản xuất mới, với một nền văn hóa mới và những con người mới. Nền kinh tế nghèo nàn lạc hậu cũ đang được tích cực cải tạo và đã có những bước tiến mạnh mẽ trên mọi lĩnh vực sản xuất, sự nghiệp văn hóa giáo dục phát triển vượt bậc, cuộc sống của nhân dân lao động các dân tộc và bộ tộc tuy vẫn còn khó khăn nhưng không còn bị giam hãm trong cảnh thiếu ăn, bệnh tật, dốt nát như xưa. Đất nước nở hoa với những tấm gương lao động quên mình và chiến đấu dũng cảm của những tập thể và cá nhân anh hùng trong sự nghiệp bảo vệ và xây dựng Tổ quốc xã hội chủ nghĩa của mình.

Tất nhiên, con đường đi lên chủ nghĩa xã hội không chỉ có thuận lợi, bằng phẳng. Các kẻ thù ở ngay cạnh vách vẫn ngày đêm tìm cách phá hoại mọi thành quả cách mạng và đe dọa gây chiến tranh xâm lược. Từ một nền kinh tế tiểu nông còn mang nhiều tính chất tự nhiên, tự cấp tự túc tiến lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa, khó khăn gian khổ còn đang chồng chất. Cuộc đấu tranh để giải quyết vấn đề « ai thắng ai » giữa hai con đường xã hội chủ nghĩa và tư bản chủ nghĩa quyết liệt với cuộc đấu tranh bảo vệ Tổ quốc và còn đang diễn biến phức tạp, quyết liệt lâu dài.

Nhìn thẳng vào hiện thực trước mắt và tin tưởng vững chắc vào tương lai tươi sáng, Đảng nhân dân cách mạng Lào quyết tâm tập trung sức mạnh của toàn bộ hệ thống chuyên chính vô sản, kết hợp với sức mạnh của sự liên minh, đoàn kết và hợp tác quốc tế xã hội chủ nghĩa giữa các nước anh em, ra sức khắc phục mọi khó khăn trở ngại, kiên quyết đưa đất nước mạnh mẽ tiến theo quy luật phát triển của thời đại. Chân lý sáng ngời của chủ nghĩa Mác - Lê-nin và tư

tưởng vĩ đại của Chủ tịch Hồ Chí Minh mãi mãi dẫn đường cho cách mạng Lào vững bước tiến lên. Sức mạnh của một dân tộc kiên cường bất khuất dưới sự lãnh đạo của một đảng Mác - Lê-nin chân chính đã từng chiến thắng bọn đế quốc xâm lược trong những hoàn cảnh cực kỳ khó khăn gian khổ, ngày nay nhất định cũng sẽ chiến thắng nghèo nàn lạc hậu, xây dựng thành công một xã hội ấm no hạnh phúc trong một nước xã hội chủ nghĩa phồn vinh.

Nhân dịp kỷ niệm thứ 30 ngày thành lập Đảng nhân dân cách mạng Lào, thay mặt toàn Đảng và toàn dân Lào, tôi xin gửi qua Tạp chí Cộng sản Việt nam những tình cảm đoàn kết gắn bó đồng chí anh em thăm thiết nhất đến nhân dân Việt nam anh hùng. Một lần nữa xin chân thành cảm tạ sự ủng hộ mạnh mẽ, sự giúp đỡ tận tình và đầy hiệu lực của Đảng, Nhà nước, nhân dân và quân đội nhân dân Việt nam đối với sự nghiệp cách mạng Lào trong suốt mấy chục năm qua

Kính chúc nhân dân Việt nam anh em, dưới sự lãnh đạo của Đảng cộng sản Việt nam, đứng đầu là đồng chí Tổng bí thư Lê Duẩn kính mến, hoàn thành thắng lợi các mục tiêu của Đại hội thứ V, lập những thành tích xuất sắc trong chiến đấu và sản xuất để kính dâng Chủ tịch Hồ Chí Minh vĩ đại nhân dịp kỷ niệm 95 năm ngày sinh của Người và chào mừng 10 năm hoàn toàn giải phóng và thống nhất Tổ quốc, 40 năm Cách mạng Tháng Tám thành công với sự ra đời của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt nam ngày nay, lực lượng trụ cột và nòng cốt kiên cường của liên minh cách mạng ba nước Đông dương chúng ta.

Về sự hợp tác kinh tế, văn hóa giữa ba nước Đông dương trong giai đoạn mới

ĐẶNG THỊ

HỘI nghị cấp cao Lào - Cam-pu-chia - Việt nam tháng 2 năm 1983 ở thủ đô Viêng chăn đánh dấu bước phát triển mới trong quan hệ giữa ba nước. Hội nghị đã nhất trí nêu lên mục đích, nguyên tắc và phương hướng lớn của sự hợp tác toàn diện, trong đó hợp tác kinh tế, văn hóa là một trong những nội dung chủ yếu nhất của quan hệ hợp tác giữa ba nước từ đó về sau, nhằm xây dựng cơ sở vật chất và kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội, củng cố hơn nữa nền độc lập dân tộc và không ngừng nâng cao đời sống nhân dân của mỗi nước.

Thực hiện quyết định của Hội nghị, mỗi nước đã thành lập Ủy ban hợp tác kinh tế, văn hóa để giúp Hội đồng bộ trưởng nước mình quản lý thống nhất mọi công việc hợp tác kinh tế, văn hóa và khoa học kỹ thuật với hai nước anh em. Từ tháng 7 năm 1983, hội nghị Chủ nhiệm Ủy ban hợp tác ba nước đã tiến hành đều kỳ và đã thỏa thuận những phương hướng lớn của chương trình hợp tác kinh tế, văn hóa và khoa học kỹ thuật trong những năm 80, những nguyên tắc của một số chính sách nhằm thúc đẩy công việc hợp tác đang tiến hành giữa ba nước.



Trải qua hơn nửa thế kỷ đấu tranh cách mạng dưới sự lãnh đạo của Đảng cộng sản Đông dương trước đây và đảng cách mạng chân chính của mỗi nước hiện nay, ba dân tộc Việt nam, Lào, Cam-pu-chia đã xây đắp nên tình đoàn kết chiến đấu và mối quan hệ hữu nghị đặc biệt, một truyền thống quý báu, một sức mạnh vô địch chiến thắng mọi kẻ thù. Thực tiễn cách mạng ở ba nước Đông dương ngày càng chứng minh rằng: bảo vệ tình đoàn kết và tăng cường sự hợp tác giúp đỡ lẫn nhau là vấn đề có ý nghĩa sống còn đối với vận mệnh của mỗi nước, là quy luật tồn tại và phát triển của cả ba nước.

Sau khi ba nước được hoàn toàn giải phóng, quan hệ giữa ba nước đã trở thành quan hệ giữa ba quốc gia độc lập, có chủ quyền, tự nguyện liên minh với nhau ngày càng toàn diện và chặt chẽ trên cơ sở chủ nghĩa Mác - Lê-nin và chủ nghĩa quốc tế vô sản, theo những nguyên tắc: hoàn toàn bình đẳng, tôn trọng độc lập, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ và lợi ích dân tộc của nhau, không can thiệp vào công việc nội bộ của nhau, hợp tác với nhau theo tinh thần anh em, bình đẳng và cùng có lợi, nhằm giúp đỡ nhau xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội và bảo vệ vững chắc nền độc lập của mỗi nước. Đây là quan hệ kiểu mới giữa các quốc gia

độc lập có chung lý tưởng xã hội chủ nghĩa trong thời đại ngày nay.

Lê-nin đã từng cho rằng nhiệm vụ quyết định của giai cấp vô sản không chỉ là giành độc lập dân tộc mà còn phải xóa bỏ mọi đặc quyền của dân tộc này đối với dân tộc khác, thực hiện bình đẳng dân tộc, trước hết là bình đẳng về chính trị, kinh tế, văn hóa... Vì vậy, mỗi nước ở Đông dương xây dựng cho mình một nền kinh tế dân tộc vững mạnh, là tạo nên tảng vững chắc cho mối quan hệ đặc biệt và tình đoàn kết chiến đấu giữa nhân dân ba nước.

Trên con đường đi lên chủ nghĩa xã hội, ba nước Việt nam, Lào, Cam-pu-chia có những điểm chung cơ bản giống nhau. Trước hết, ba dân tộc đều có chung mục tiêu chính trị, có đảng theo chủ nghĩa Mác - Lê-nin lãnh đạo, có đường lối đúng đắn thâm nhuần tinh thần quốc tế vô sản trong sáng, có thực tiễn được thử thách và truyền thống hợp tác trong cách mạng dân tộc chống chủ nghĩa đế quốc. Ba nước đều đang thực hiện hai nhiệm vụ chiến lược là xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc. Về mặt xã hội, ba nước có sự gần gũi nhau về phong tục tập quán, không chênh lệch nhau nhiều về trình độ sản xuất, trình độ văn hóa và mức sống. Về tự nhiên, ba nước cùng ở trên bán đảo Đông dương, trên một khu vực có kiến tạo địa chất mà các điều kiện sinh khoáng có nhiều nét giống nhau, có điều kiện tương tự về thảm thực vật, về khí tượng, thủy văn; có đường giao thông nối liền. Về kinh tế, ba nước đều có thế mạnh của nền nông nghiệp nhiệt đới, có nhiều loại sản phẩm mà các nước khác hiếm hay không có. Về mặt đối ngoại, cả ba nước đều có chung những đồng minh chiến lược là Liên xô và các nước khác trong cộng đồng xã hội chủ nghĩa, đồng thời cũng có chung kẻ thù trực tiếp là chủ nghĩa bành

trướng, bá quyền Trung quốc câu kết với đế quốc Mỹ. Khó khăn chung lớn nhất là cả ba nước đều đang ở trình độ sản xuất nhỏ, lại từng bị chiến tranh liên miên tàn phá, và đều đang đứng trước nhiệm vụ to lớn là chuyển từ sản xuất nhỏ lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa, bỏ qua giai đoạn phát triển tư bản chủ nghĩa. Những đặc điểm đó quy định mối quan hệ hữu cơ giữa ba nước; đồng thời cũng là những nhân tố làm cơ sở cho việc xác định chiến lược hợp tác kinh tế, văn hóa chung cho cả ba nước.

Tuy nhiên những điểm chung nói trên không phủ định những mặt mạnh, mặt yếu riêng của mỗi nước.

Lào có nhiều đất tốt với khoảng 4 triệu héc ta đất nông nghiệp, 12 triệu héc ta rừng, có trữ lượng lớn về khoáng sản, lâm sản và tiềm năng thủy điện nhưng chưa được khai thác đáng kể; nền kinh tế phổ biến là tiểu nông, tự cấp tự túc ở từng vùng, không có biển, giao thông vận tải rất khó khăn; thiếu lao động và cán bộ kỹ thuật; thiếu hàng tiêu dùng.

Cam-pu-chia đất rộng, có biển và tiềm năng phong phú về nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy điện, cá nước ngọt... nhưng Cam-pu-chia cũng đang ở trình độ kinh tế tiểu nông, phụ thuộc nhiều vào thiên nhiên, diện tích trồng lúa chưa được khôi phục hết, thiếu sức kéo; đường sá hư hỏng nhiều, thiếu hàng tiêu dùng và rất thiếu cán bộ.

Việt nam có biển, nguồn lao động dồi dào, tài nguyên phong phú, đội ngũ cán bộ đông hơn, trình độ kinh tế phát triển hơn về một số mặt, có một số cơ sở nghiên cứu khoa học đáng kể... Tuy nhiên, Việt nam cũng đang ở trình độ về cơ bản còn là sản xuất nhỏ, cơ sở vật chất kỹ thuật còn nghèo nàn, lại bị chiến tranh tàn phá nặng nề, tiềm năng về lao động, đất

đại và tài nguyên khác chưa được khai thác đúng mức...

Việc mở rộng hợp tác kinh tế, văn hóa, khoa học kỹ thuật giữa ba nước trong giai đoạn hiện nay vừa là sự phát triển tất yếu của các mối quan hệ truyền thống, vừa là yêu cầu để phát triển nhanh nền kinh tế mỗi nước. Bằng việc hợp tác kinh tế, văn hóa, các thuận lợi và tiềm năng sẵn có của mỗi nước sẽ được phát huy, tạo ra khả năng tổng hợp to lớn để khắc phục những khó khăn của mỗi nước, thúc đẩy nền kinh tế từng nước phát triển nhanh hơn, có hiệu quả hơn. Tuy nhiên do cả ba nước đang có nhiều khó khăn, trình độ phát triển kinh tế còn thấp, chiến tranh còn để lại nhiều hậu quả nghiêm trọng, vốn và kỹ thuật đều rất thiếu, lại bị địch bao vây, phá hoại nhiều mặt, cho nên việc hợp tác trước mắt chỉ có thể tiến hành một cách có trọng điểm, từng bước khắc phục khó khăn và tạo thế cho sự phát triển mạnh mẽ những năm sau. Tăng cường và mở rộng hợp tác đúng hướng sẽ giúp cho mỗi nước phát huy chỗ mạnh, bổ sung chỗ thiếu và yếu, tạo điều kiện cho mỗi nước phát triển vững chắc về kinh tế, văn hóa, đẩy nhanh tiến trình xây dựng chủ nghĩa xã hội, bảo đảm đời sống nhân dân và an ninh, quốc phòng.



Nghị quyết của Hội nghị thứ nhất Chủ nhiệm Ủy ban hợp tác ba nước Đông dương tháng 7 năm 1983 đã nêu rõ: « Việc tăng cường, mở rộng hợp tác kinh tế, văn hóa và khoa học kỹ thuật giữa ba nước nhằm phát huy tiềm năng lao động, tài nguyên và cơ sở vật chất kỹ thuật của mỗi nước để phối hợp và giúp đỡ nhau giải quyết những nhu cầu cấp bách về sản xuất và đời sống, đồng thời chuẩn bị phối hợp với nhau trong những chương trình lâu dài để xây dựng nền kinh tế

xã hội chủ nghĩa phát triển của mỗi nước, không ngừng nâng cao mức sống vật chất và tinh thần của nhân dân ba nước, tăng cường sức mạnh quốc phòng an ninh, đập tan kiểu chiến tranh phá hoại nhiều mặt của bọn bành trướng, bá quyền Trung quốc câu kết với đế quốc Mỹ và các thế lực phản động khác, xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội theo đường lối và điều kiện cụ thể của mỗi nước ».

Căn cứ vào điều kiện tài nguyên, kinh tế, văn hóa và phương hướng phát triển kinh tế - xã hội của mỗi nước, ba nước có thể hợp tác với nhau trong các lĩnh vực sau đây :

Về kinh tế : sản xuất hàng thực, thực phẩm ; trồng và chế biến cây công nghiệp ; khai thác và chế biến lâm sản, thủy sản ; xây dựng các ngành công nghiệp năng lượng, nguyên liệu, cơ khí và sản xuất hàng tiêu dùng ; phát triển giao thông vận tải và thông tin liên lạc ; trao đổi hàng hóa và phối hợp giúp đỡ nhau trong công tác xuất nhập khẩu ; điều tra, khảo sát các điều kiện tự nhiên và kinh tế, xã hội ; đào tạo cán bộ và công nhân kỹ thuật ; đấu tranh chống âm mưu địch bao vây phá hoại kinh tế, phá rối thị trường, tiền tệ, chống buôn lậu...

Về văn hóa : phát triển sự nghiệp văn hóa, giáo dục ở mỗi nước ; nghiên cứu khoa học xã hội ; tuyên truyền, giáo dục cán bộ, bộ đội và nhân dân mỗi nước hiểu biết về đất nước, xã hội, con người, lịch sử và truyền thống đấu tranh cách mạng của các nước anh em trên bán đảo ; đưa việc học tiếng của nhau vào chương trình phổ thông và đại học của mỗi nước ; mở rộng việc trao đổi khoa học kỹ thuật, văn hóa, nghệ thuật, thể dục thể thao, du lịch và giúp đỡ lẫn nhau về y tế, chống và ngăn chặn sự xâm nhập của văn hóa phản động, đồi trụy.

Những nội dung trên đây đang là cơ sở cho các ngành hữu quan của ba

nước xúc tiến nghiên cứu các chương trình hợp tác kinh tế, văn hóa và khoa học kỹ thuật hằng năm và dài hạn giữa hai hoặc ba nước để thỏa thuận và ký kết với nhau, cùng nhau thực hiện.

Về hình thức hợp tác, ba nước đang bước đầu thực hiện việc phối hợp kế hoạch kinh tế giữa hai hoặc ba nước, kết nghĩa giữa các ngành ở trung ương và giữa các tỉnh của hai hoặc ba nước với nhau. Trong mấy năm qua, các hình thức này đang được mở rộng và đã đem lại hiệu quả rõ rệt, ngày càng đi vào nề nếp, mặc dù còn những thiếu sót và lúng túng cần có thời gian để khắc phục. Ngoài ra, những hình thức hợp tác cụ thể phù hợp với điều kiện của ba nước cũng đang được áp dụng như: viện trợ, cho vay, trao đổi hàng hóa, mua bán hộ nhau, gia công, cung cấp dịch vụ, chuyển giao cho nhau kỹ thuật, nhận thầu công trình, hợp doanh (giữa hai bên, ba bên hoặc với nước ngoài khác). Ba nước cũng đã thỏa thuận rằng, dù hợp tác dưới hình thức này hay hình thức khác, mọi công việc hợp tác cụ thể giữa hai nước hoặc giữa ba nước với nhau, đều tiến hành trên những lĩnh vực thiết thực, có trọng tâm, trọng điểm để mỗi nước có thể góp sức thực hiện có hiệu quả với chất lượng tốt, sau này sẽ mở rộng dần tùy theo yêu cầu và khả năng phát triển của mỗi bên.

Các chính sách là những đòn bẩy quan trọng và có hiệu lực để phát triển sự hợp tác kinh tế, văn hóa giữa ba nước. Ba nước đã thỏa thuận về những nguyên tắc của một số chính sách làm chỗ dựa cho các ngành hữu quan của ba nước nghiên cứu cụ thể hóa và cùng nhau thực hiện trong một số lĩnh vực hợp tác. Các chính sách này, cũng như hàng loạt chính sách khác sẽ được nghiên cứu, đều phải thể hiện tinh thần có ưu tiên, ưu đãi cho nhau theo khả năng, bình đẳng

về quyền lợi và nghĩa vụ, phân công hợp lý và phối hợp chặt chẽ trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm để sử dụng có hiệu quả và tiết kiệm lao động, vốn, tài nguyên và những cơ sở vật chất kỹ thuật của mỗi nước; tăng cường hợp tác với Liên xô và các nước xã hội chủ nghĩa khác, mở rộng quan hệ kinh tế với các nước và các tổ chức quốc tế, đấu tranh chống âm mưu của địch bao vây và phá hoại kinh tế ta.



Trong thời đại ngày nay, hợp tác kinh tế quốc tế, kể cả giữa những nước có chế độ xã hội khác nhau, là một xu thế khách quan, bất cứ một nước nào cũng không thể tách khỏi xu thế đó. Sự hợp tác kinh tế, văn hóa giữa Việt nam, Lào và Cam-pu-chia cũng nằm trong quá trình và phù hợp với xu thế tất yếu đó, lại càng có ý nghĩa quan trọng vì ba nước vốn có truyền thống quan hệ đặc biệt và cùng chung mục tiêu tiến lên chủ nghĩa xã hội.

Chủ tịch Hồ Chí Minh từng coi việc ba nước Đông dương hợp tác với nhau là đề cùng lo việc chung, cùng chống kẻ thù chung, bảo vệ thành quả cách mạng và xây dựng cuộc sống mới. Người thường căn dặn cán bộ, đảng viên ta: « giúp nước anh em tức là tự giúp mình ». Đó là những lời dạy hết sức sâu sắc, là kết luận khoa học, là một chân lý được đúc kết từ thực tiễn của quá trình hợp tác và đoàn kết chiến đấu giữa ba nước Đông dương. Thực tiễn cách mạng ba nước Đông dương cho thấy mọi sự giúp đỡ nước anh em đều có tác dụng trở lại cũng có thắng lợi của cách mạng nước mình, chứ không phải là một sự chia sẻ lực lượng. Thành công hay thất bại của nước này trực tiếp ảnh hưởng đến nước kia. Thắng lợi của nước này sẽ giảm khó khăn cho nước kia và ngược lại. Được, mất của nước này cũng là được, mất của nước kia. Sức mạnh

của mỗi nước cũng là sức mạnh chung. Đối với ba nước trên bán đảo Đông dương, cái chung và cái riêng gắn bó trực tiếp, quyền lợi và nghĩa vụ thống nhất trực tiếp. Ở đây, những lợi ích quốc gia và lợi ích quốc tế khăng khít với nhau đến mức không thể nói đứt khoát rằng đâu là giúp nước anh em, đâu là làm cho mình. Trong mối quan hệ đó, không thể nói nước nào phải dựa vào nước nào mà ba nước phải dựa vào nhau. Nếu cách mạng nước này không tiến lên thì cách mạng hai nước kia cũng chịu ảnh hưởng. Vì vậy, trong việc nghiên cứu chiến lược kinh tế, xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế, văn hóa, mỗi nước không chỉ xuất phát từ nhiệm vụ cách mạng, điều kiện kinh tế - xã hội nước mình mà còn phải nhìn đến yêu cầu, khả năng và sự cần thiết phối hợp với hai nước anh em. Điều đó thuộc về ý nghĩa và nội dung của việc phối hợp chiến lược kinh tế và phối hợp kế hoạch giữa ba nước. Chính trên ý nghĩa ấy mà nhân dân ta, Đảng ta tự nguyện gánh vác phần trách nhiệm nặng nề của mình, coi việc chủ động giúp đỡ Lào và Cam-pu-chia trước đây và từ nay về sau là nghĩa vụ quốc tế hàng đầu.

Tất cả các ngành, các cấp, các địa phương ở Việt nam đều đặt nghĩa vụ quốc tế mà mình phải làm tròn vào vị trí ưu tiên hàng đầu, dành cho nó những điều kiện ưu đãi nhất, và phấn đấu hoàn thành với ý thức trách nhiệm cao nhất, có chất lượng tốt nhất. Trong hợp tác kinh tế, văn hóa, chúng ta đều xem xét một cách toàn diện trên bình diện cả ba nước, huy động sức mạnh toàn cục, bảo đảm cho nền kinh tế của cả ba nước cùng phát triển nhanh, đất đai và lao động của cả ba nước được sử dụng có hiệu quả, nhằm phát huy tối đa ưu thế của sự hợp tác. Trong quan hệ hợp tác giữa ba nước, kiên quyết loại trừ tư tưởng ích kỷ, thực dụng, nhấn mạnh quá đáng lợi ích

riêng, tính toán chi li, chỉ thấy lợi ích trước mắt, không thấy lợi ích lâu dài. Những tư tưởng đó đều trái với tinh thần « xây dựng cho nước anh em cũng là xây dựng cho mình, anh em mạnh là ta mạnh và ngược lại »... Những việc làm vụ lợi theo quan điểm kinh tế đơn thuần đều có hại đến quan hệ hợp tác anh em. Dĩ nhiên, các nguyên tắc kinh tế không cho phép chúng ta làm kinh tế mà không tính toán hiệu quả, làm lãng phí tiền của của nhân dân. Kiên quyết chống chủ nghĩa hình thức, hợp tác để hợp tác, hợp tác với bất cứ giá nào, hợp tác để bao cấp cho nhau. Đã đến lúc phải nhấn mạnh rằng hiệu quả kinh tế là cơ sở của quan hệ hợp tác kinh tế, là tiêu chuẩn để đánh giá kết quả của sự hợp tác; hợp tác có được mở rộng hay không là tùy thuộc ở hiệu quả.

Chúng ta cũng cho rằng mỗi bên hợp tác đều dễ cao trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ của phía mình trong những thỏa thuận chung, cũng như những công việc cụ thể mà các bên hợp tác đã ký kết với nhau, nhằm góp phần tích cực nhất vào hiệu quả và chất lượng của mỗi công việc hợp tác. Mỗi bên đều giáo dục cán bộ và nhân viên trực tiếp thực hiện công việc hợp tác kinh tế, văn hóa với hai nước anh em, quán triệt sâu sắc tinh thần quốc tế vô sản trong quan hệ đặc biệt giữa ba nước, nắm vững mục đích và những nguyên tắc chỉ đạo mối quan hệ trong mọi công việc hợp tác giữa ba nước đã ghi trong Tuyên bố chung của Hội nghị cấp cao Viêng-chăn năm 1983, cũng như nắm vững mục đích và những nguyên tắc chỉ đạo việc hợp tác kinh tế, văn hóa đã được thỏa thuận giữa ba nước. Từ đó, tích cực góp phần vào việc phát huy những tiềm năng tài nguyên, lao động và cơ sở vật chất kỹ thuật

hiện có của nước anh em, coi sự phát triển của nước anh em cũng như sự phát triển của chính nước mình, hết lòng hết sức thực hiện tốt nghĩa vụ của mình đối với nước anh em trong mọi công việc hợp tác. Đề cao đúng mức trách nhiệm và coi trọng lợi ích của các bên là yêu cầu thiết yếu để tăng cường sức mạnh và hiệu quả của sự hợp tác trong mọi lĩnh vực.

Tuy nhiên, trong khi nhấn mạnh chế độ hạch toán và nguyên tắc cũng có lợi, chúng ta không thể tách rời nội dung chính trị, tách rời chủ nghĩa quốc tế trong sáng. Trong quan hệ với Lào và Cam-pu-chia, chúng ta phải thấm nhuần quan điểm của Đảng ta « luôn luôn hết lòng, hết sức làm tròn nghĩa vụ quốc tế đối với hai nước anh em, đồng thời cùng hai nước hợp tác chặt chẽ và giúp đỡ nhau về mọi mặt để phục vụ ngày càng có hiệu quả công cuộc củng cố quốc phòng, an ninh và xây dựng kinh tế, văn hóa của mỗi nước » (1).

Sự hợp tác giữa ba nước Đông dương không hề mâu thuẫn với sự hợp tác của mỗi nước Đông dương với các nước ngoài bán đảo Đông dương, kể cả với các nước tư bản chủ nghĩa, và không thay thế cho sự hợp tác đó. Một nguyên tắc quan trọng của quan hệ hợp tác giữa ba nước Đông dương là tôn trọng chủ quyền của mỗi nước trong việc xác định

đường lối và kế hoạch phát triển kinh tế, văn hóa, cũng như trong việc xác định quan hệ hợp tác quốc tế của mỗi nước. Xét cho cùng, việc tăng cường hợp tác mọi mặt giữa ba nước Đông dương là tạo những điều kiện thuận lợi cho mỗi nước phát triển quan hệ hợp tác quốc tế rộng rãi của mình. Đặc biệt, sự hợp tác kinh tế, văn hóa giữa ba nước Đông dương đi đôi với sự hợp tác toàn diện giữa ba nước Đông dương với Liên xô và các nước khác trong cộng đồng xã hội chủ nghĩa - hai quá trình đó không hề mâu thuẫn nhau, ngược lại, được tiến hành song song bổ sung và giúp đỡ nhau.

Việc hợp tác kinh tế, văn hóa giữa ba nước Đông dương mới là bước đầu, nhưng triển vọng vô cùng tốt đẹp. Chúng ta phải không ngừng nâng cao trình độ, nghiên cứu kỹ các vấn đề kinh tế và chính sách, thuộc lĩnh vực hợp tác kinh tế, văn hóa giữa ba nước, chấn chỉnh bộ máy quản lý, để tổ chức chỉ đạo thực hiện một cách có hiệu quả và có chất lượng tốt mọi công việc hợp tác kinh tế, văn hóa nói trên, kịp thời đúc rút và trao đổi kinh nghiệm với từng nước anh em để cùng nhau cải tiến và nâng cao không ngừng hiệu quả công việc hợp tác giữa ba nước.

(1) Văn kiện Đại hội V. Nxb Sự thật. Hà Nội, 1982, tập I, tr. 147.



Một cuốn sách quý của đồng chí C. U. Tréc-nen-cô:

Những vấn đề về công tác của bộ máy Đảng và Nhà nước

ĐÀO DUY TÙNG

TRONG không khí tung bừng của những ngày kỷ niệm lần thứ 67 Cách mạng xã hội chủ nghĩa Tháng Mười vĩ đại và nhân dịp kỷ niệm lần thứ 73 ngày sinh đồng chí C.U. Tréc-nen-cô, Tổng bí thư Ủy ban trung ương Đảng cộng sản Liên xô, Chủ tịch Đoàn chủ tịch Xô viết tối cao Liên xô, nhân dân ta hết sức vui mừng được đọc cuốn sách quý *Những vấn đề về công tác của bộ máy Đảng và Nhà nước* của đồng chí C.U. Tréc-nen-cô và được đọc đề tựa "Cùng bạn đọc Việt nam" do đồng chí viết nhân xuất bản cuốn sách này bằng tiếng Việt.

Trong cuốn sách này, đồng chí C.U. Tréc-nen-cô - nhà lãnh đạo xuất sắc của Đảng và Nhà nước Liên xô, người đã đảm đương nhiều trọng trách trong các cơ quan lãnh đạo trong nhiều thập kỷ - đã tổng kết những kinh nghiệm về sự hoàn thiện bộ máy tổ chức Đảng và Nhà nước xô viết và phong cách hoạt động của nó, trên cơ sở đó đã nêu lên nhiều bài học có ý nghĩa quan trọng về lý luận và thực tiễn.

"Cuốn sách này - như tác giả đã viết trong lời đề tựa - bao trùm một khoảng thời gian khá dài trong đời sống của Đảng cộng sản Liên xô và Nhà nước xô viết. Sợi chỉ đỏ xuyên suốt cuốn sách này là tư tưởng về sự

cần thiết phải nâng cao hiệu suất của công tác Đảng và Nhà nước, không ngừng quan tâm đến việc hoàn thiện phong cách và phương pháp công tác này ».

1 - Phát triển toàn diện tất cả các bộ phận của chế độ chính trị xô viết.

Trong sự nghiệp xây dựng chế độ mới, việc xây dựng *chế độ chính trị* có tác dụng quyết định đối với mọi thắng lợi của cách mạng. Đảng cộng sản Liên xô coi đó là một phương hướng quan trọng trong toàn bộ công tác của Đảng và Nhà nước Liên xô nhằm xây dựng chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản.

Trong cuốn sách này đồng chí C.U. Tréc-nen-cô đã nêu lên tầm quan trọng và đặc biệt là nội dung của việc tăng cường chế độ chính trị ở Liên xô: tăng cường vai trò lãnh đạo của Đảng, người lãnh đạo sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa cộng sản; củng cố Nhà nước của toàn dân với tính cách là công cụ chủ yếu để xây dựng chủ nghĩa cộng sản; tăng cường vai trò các tổ chức xã hội với tính cách là bộ phận cần thiết hữu cơ của chế độ chính trị xô viết. Tất cả những điều đó làm toát lên tính ưu việt của nền dân chủ xô viết.

Đồng chí khẳng định các *xô viết* đại biểu nhân dân là nền tảng chính trị của Liên xô, thông qua các *xô viết* đó, nhân dân thực hiện quyền lực Nhà nước của mình. « Ở nước ta, nhân dân thực hiện quyền lực Nhà nước trước hết thông qua những cơ quan đại diện Nhà nước do tuyển cử lập nên, đó là các *xô viết đại biểu nhân dân, tạo thành nền tảng chính trị của Liên xô*. Các *xô viết đại biểu nhân dân* thể hiện đầy đủ nhất chế độ dân chủ của chế độ xã hội chúng ta » (tr. 57)*.

Các *xô viết ở Liên xô* — với gần 2,3 triệu đại biểu của các giai cấp và tầng lớp xã hội, trong đó 2/3 là đại biểu công nhân và nông dân — vừa có chức năng lập pháp, vừa có chức năng hành pháp. Mọi hoạt động của *xô viết* đều dựa trên cơ sở thật sự dân chủ và thường xuyên đặt dưới sự kiểm tra của quần chúng.

Về mối quan hệ giữa Đảng và các *xô viết*, tác giả chỉ rõ « Tất cả những gì được gắn liền với các *xô viết*, với chính quyền *xô viết*, luôn luôn đã, đang và sẽ là công việc của toàn Đảng » (tr. 61).

Trong tác phẩm này, tác giả đã đề cập đến rất nhiều vấn đề về cải tiến hoạt động của các *xô viết*, của các cơ quan hành pháp, từ nhiệm vụ, quyền hạn đến tổ chức và phương thức hoạt động của các cơ quan ấy. Người đọc thấy rất sâu sắc kinh nghiệm xây dựng Nhà nước *xô viết* thật là phong phú.

Trong cơ chế chính trị của Liên xô, các *công đoàn Liên xô* — với 130 triệu đoàn viên — giữ một vị trí quan trọng. Trung thành với những chỉ giáo của V.I. Lê-nin và căn cứ tình hình hiện tại, tác giả khẳng định rằng « Trong điều kiện chủ nghĩa xã hội phát triển, Đảng coi các *công đoàn* như một chỗ dựa đáng tin cậy của mình trong quần chúng, như một phương tiện hùng

mạnh để phát triển nền dân chủ, lôi cuốn những người lao động vào việc xây dựng chủ nghĩa cộng sản » (tr. 85).

Các *công đoàn Liên xô* được trao những quyền hạn rộng lớn trong việc giải quyết các vấn đề quản lý sản xuất, tiền lương, bảo hộ lao động, bảo hiểm xã hội... Đúng như đồng chí C.U. Tréc-nen-cô đã nói: « Có thể nói sự quan tâm đến con người, từ khi mới sinh ra cho đến cuối đời, đều nằm trong phạm vi hoạt động của *công đoàn* » (tr. 86). Nhưng theo đồng chí, sự quan tâm tới quyền lợi người lao động trước hết là quan tâm đến việc phát triển nền kinh tế quốc dân, nâng cao sản xuất.

Đồng chí C.U. Tréc-nen-cô đã chỉ ra phương thức hoạt động của *công đoàn* và nhấn mạnh rằng « Liên hệ mật thiết nhất với quần chúng, chú ý đến họ và hiểu tâm hồn của họ: đó là nét nổi bật của người cán bộ *công đoàn* của thời đại chúng ta » (tr. 91).

Trong tác phẩm này, *Đoàn thanh niên cộng sản Lê-nin* được đề cập tới như là một tổ chức xã hội chính ở Liên xô. Với 41,4 triệu đoàn viên, Đoàn « đóng một vai trò tích cực trong đời sống chính trị — xã hội của đất nước, trong việc củng cố mối liên hệ giữa Đảng và quần chúng », « là người trợ thủ đáng tin cậy, là lực lượng dự trữ của Đảng » (tr. 92). Đoàn muốn hoàn thành sứ mệnh của mình thì phải đặt dưới sự lãnh đạo trực tiếp của Đảng.

Cái quan trọng nhất, chủ yếu nhất trong công tác của Đoàn là góp phần rèn luyện thế hệ trẻ thành những người tích cực về chính trị, hiểu biết công việc, yêu lao động và sẵn sàng bảo vệ Tổ quốc.

(*) Các đoạn viết trong ngoặc kép có ghi số trang trong bài này là trích theo cuốn *Những vấn đề về công tác của bộ máy Đảng và Nhà nước* của đồng chí C.U. Tréc-nen-cô Nhà xuất bản Sự thật Hà-nội xuất bản năm 1984

Ngày nay trong Đoàn có 1,5 triệu đảng viên. Thông qua các đảng viên đó, Đảng truyền lại cho thanh niên kinh nghiệm của mình và bảo đảm cho thanh niên mãi mãi gương cao ngời cờ chủ nghĩa cộng sản.

Đồng chí C.U. Tréc-nen-cô đã dành nhiều trang trong cuốn sách này nói về vai trò lãnh đạo của Đảng cộng sản trong chế độ chính trị của Liên xô. Đồng chí đã chỉ rõ: « Phát triển toàn diện tất cả các bộ phận của chế độ chính trị của xã hội xô viết, phát triển sáng kiến và tính tự chủ của các tổ chức Nhà nước và xã hội, đó là chủ đề quan tâm thường xuyên của Đảng cộng sản Liên xô » (tr. 99-100).

Đảng lãnh đạo các tổ chức Nhà nước và xã hội nhưng « không thay thế, không can thiệp vào công việc nội bộ và không áp đặt những nghị quyết của mình cho các tổ chức ấy mà tiến hành đường lối của mình trước hết thông qua những đảng viên cộng sản làm việc trong các tổ chức Nhà nước và xã hội » (tr. 101-102).

Đồng chí C.U. Tréc-nen-cô nêu nội dung lãnh đạo chủ yếu của Đảng như sau: « soạn thảo đường lối chính trị có luận chứng một cách khoa học; soạn thảo các nhiệm vụ và các phương hướng hoạt động cơ bản của các tổ chức ấy; lựa chọn, phân bố, huấn luyện và giáo dục cán bộ lãnh đạo; kiểm tra một cách có hệ thống các tổ chức xã hội trong việc thực hiện đường lối của Đảng; nghiên cứu, khái quát và phổ biến những kinh nghiệm tiên tiến trong công tác của các tổ chức ấy; nâng cao vai trò tiên phong của đảng viên cộng sản làm việc trong các tổ chức quần chúng » (tr. 102).

Vấn đề không chỉ là nêu lên nội dung lãnh đạo chung của Đảng. Điều rất hấp dẫn ở đây là tác giả, từ hoạt động vô cùng phong phú của Đảng cộng sản Liên xô, đã giới thiệu những

kinh nghiệm lãnh đạo của Đảng đối với từng loại cơ quan xô viết, kinh tế, công đoàn, thanh niên, v.v. Tác giả còn đi sâu phân tích các hoạt động của các tổ chức Đảng từ khâu ra quyết định đến khâu tổ chức thực hiện quyết định, từ công tác giáo dục đến công tác, tổ chức, từ việc bố trí cán bộ đến khâu công tác kiểm tra... rút ra nhiều bài học rất sâu sắc.

Nhận xét khái quát về chế độ chính trị ở Liên xô hiện nay, đồng chí C.U. Tréc-nen-cô khẳng định: « Hiện nay, trong Đảng và Nhà nước đã có bộ máy ổn định về cơ cấu, được tổ chức vững vàng ở trung ương cũng như ở địa phương và nhờ đó Đảng cộng sản Liên xô đã lãnh đạo có hiệu quả toàn bộ công việc xây dựng chủ nghĩa cộng sản » (tr. 5).

2 — Cán bộ — yếu tố quyết định.

Vấn đề cán bộ đã được đồng chí C.U. Tréc-nen-cô trình bày sáng tỏ trong cuốn sách này với tiêu đề: « Cán bộ là yếu tố quyết định của công tác lãnh đạo và quản lý » (tr. 109).

Tuân theo chỉ thị của V.I. Lê-nin, Đảng cộng sản Liên xô đã chú ý bồi dưỡng và đề bạt các đại biểu công nhân và nông dân vào bộ máy quản lý. Hiện nay ở Liên xô, 2/3 đại biểu xô viết tối cao và xô viết địa phương, tức 1,5 triệu người, là công nhân và nông trang viên.

Đảng cộng sản Liên xô còn chủ trương « đưa những cán bộ trẻ, có triển vọng vào các tổ chức Đảng. Nhà nước và kinh tế, đồng thời có thái độ thận trọng với những cán bộ già, sử dụng tối đa kinh nghiệm và trí thức của họ » (tr. 113). Trong số các bí thư tỉnh ủy và huyện ủy của Đảng cộng sản Liên xô có 29,6% ở tuổi dưới 40.

Ở Liên xô, cán bộ nữ được chú ý bồi dưỡng và đề bạt; trong Đảng cộng sản Liên xô có 4,8 triệu phụ nữ,

chiếm 27% tổng số đảng viên: trong các xô viết, đại biểu nữ chiếm 49,5%.

Đảng cộng sản Liên xô rất chú ý xây dựng các nguồn dự trữ cán bộ ở các khâu quân lý. Nguồn dự trữ đó, trước hết là những người được bầu vào các cơ quan Đảng và các xô viết.

Trong việc chuẩn bị nguồn dự trữ cán bộ, các tổ chức xã hội như công đoàn, đoàn thanh niên có vai trò quan trọng. Tất nhiên như tác giả đã viết — không nên tìm nguồn đó chỉ trong các ban giấy, mà chủ yếu ở thực tiễn, ở nơi sản xuất và chiến đấu.

Trong công tác cán bộ, nguyên tắc lựa chọn cán bộ theo tiêu chuẩn phẩm chất chính trị và năng lực làm việc là nguyên tắc cơ bản. Cụ thể hóa các tiêu chuẩn của V.I. Lê-nin, đồng chí C.U. Tréc-nen-cô đã nêu ra và phân tích rõ một số tiêu chuẩn cơ bản. Đồng chí viết: «Khuyến hướng tư tưởng rõ ràng, làm việc thành thạo, kết quả cuối cùng của công việc, đó là tiêu chuẩn của đảng để đánh giá công tác» (tr. 140). «Lập trường chính trị và thế giới quan vững vàng, sự trung thành với sự nghiệp cộng sản chủ nghĩa là yêu cầu số một mà Đảng buộc mỗi đảng viên phải có, nhất là đối với những người được đề bạt vào công tác lãnh đạo» (tr. 142). Đồng chí còn nói: «Ở thời đại chúng ta, thời đại của những tiến bộ khoa học — kỹ thuật, nhiệt tình cần phải được nâng lên thành sự thành thạo nghề nghiệp, thành tính giai cấp cao trong hoạt động của mỗi cán bộ lãnh đạo» (tr. 144).

Đề nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, cần kết hợp việc chọn lọc, sắp xếp với việc bồi dưỡng cán bộ. Hệ thống đào tạo cán bộ lãnh đạo ở Liên xô phát triển rất phong phú và có hiệu quả. Ngoài các trường Đảng, mà trong những năm từ Đại hội XXV đến Đại hội XXVI đã đào tạo được 32 nghìn cán bộ, các Ủy ban trung ương Đảng

các nước cộng hòa, các khu ủy, thành ủy đã tổ chức rộng rãi các hội nghị chuyên đề, hội nghị khoa học để các cán bộ nòng cốt của Đảng liên trao đổi, thảo luận về công tác.

Nhờ đây mạnh công tác đào tạo cán bộ, tính đến đầu năm 1982, 99,9% các bí thư Ủy ban trung ương của Đảng ở các nước cộng hòa, 90,8% bí thư khu ủy, thành ủy, quận ủy, 58,5% bí thư chi bộ có trình độ văn hóa đại học. Hầu hết các chủ tịch Hội đồng bộ trưởng các nước cộng hòa liên bang và cộng hòa tự trị đã có trình độ đại học, hơn nữa 1/3 số cán bộ đó đã tốt nghiệp các trường Đảng, và hơn 1/2 số đó vốn là các giám đốc, chủ tịch nông trường.

Các trường, lớp có vị trí quan trọng, nhưng thực tiễn công tác cũng là một môi trường tốt để đào tạo, lựa chọn cán bộ. Đồng chí C.U. Tréc-nen-cô đã nói rằng «Nghệ thuật lãnh đạo, nghệ thuật quản lý là một công việc hết sức phức tạp và tinh tế... Có được nghệ thuật đó không phải chỉ trong quá trình học tập, mà còn trong hoạt động thực tiễn và trong quá trình tự học, tự giáo dục» (tr. 146).

3 — Phong cách lê nin nít.

Vấn đề *phong cách lê nin nít* trong hoạt động của bộ máy Đảng và Nhà nước đã được đồng chí C.U. Tréc-nen-cô trình bày sâu sắc trong tác phẩm này. Đồng chí viết: «Đảng cộng sản Liên xô luôn luôn đã và hiện vẫn coi phong cách lê nin nít là vũ khí tư tưởng và tổ chức hùng mạnh trong cuộc đấu tranh nhằm cải tạo xã hội bằng cách mạng, là tiền đề hoạt động thắng lợi của tất cả các tổ chức Đảng, xô viết và tổ chức kinh tế, để thực hiện tất cả các kế hoạch của chúng ta, là một trong những nhân tố quan trọng nhất để tăng cường vai trò lãnh đạo của Đảng cộng sản Liên xô trong

đời sống của xã hội xã hội chủ nghĩa phát triển».

Phong cách lê nin nít — theo đồng chí C.U. Tréc-nen-cô — hoàn toàn không phải là tổng số những giải pháp và nguyên tắc chung cho mọi hoàn cảnh của cuộc sống. Nó xa lạ với chủ nghĩa hình thức và chủ nghĩa giáo điều. « *Phong cách lê nin nít, chính là sự tổng hợp những phương tiện, hình thức và phương pháp quan trọng nhất và thường xuyên phát triển của hoạt động của Đảng và Nhà nước* » (tr. 163).

Nội dung của phong cách đó bao gồm những yêu cầu chính sau đây: niềm tin, lòng trung thành với sự nghiệp của chủ nghĩa cộng sản, thái độ khoa học trong công tác, sự thống nhất giữa lý luận và thực tiễn, tính cách mạng và sự tháo vát, chế độ dân chủ và quan hệ với quần chúng, sự lãnh đạo tập thể và trách nhiệm cá nhân, sự kiểm tra và kiểm soát việc thực hiện, tự phê bình và phê bình...

Các yếu tố đó có quan hệ biện chứng với nhau, tạo thành một chỉnh thể mà nếu tách rời thì sẽ ảnh hưởng tới các mặt khác và dẫn tới sai lầm trong lãnh đạo. »

Đồng chí C.U. Tréc-nen-cô khẳng định rằng niềm tin cộng sản, « *tinh tư tưởng cộng sản, linh nguyên tắc của Đảng* trong khi đánh giá mọi hiện tượng, giải quyết mọi nhiệm vụ là những đòi hỏi cơ bản nhất của phong cách công tác lê nin nít của bộ máy Đảng và Nhà nước » (tr. 165). « *Niềm tin cộng sản là sự trung thành có ý thức với những tư tưởng của chủ nghĩa cộng sản khoa học* » (tr. 175). « *Tinh tư tưởng có nghĩa là sự thống nhất giữa nguyên tắc và đạo đức, niềm tin và hành động, lời nói và việc làm* » (tr. 175 — 176).

Thái độ khoa học — như tác giả đã nói — là một trong những mặt cơ bản nhất của phong cách lê nin nít. Thái độ khoa học có nghĩa là hiểu biết sâu

sắc, toàn diện nội dung công việc, nắm được và vận dụng sáng tạo các quy luật phát triển xã hội, biết bao quát mọi mặt, biết tìm ra cái cơ bản, cái chủ yếu... Đồng chí C. U. Tréc-nen-cô viết: « *Một trong những cội nguồn quan trọng nhất của sức mạnh và thắng lợi là hiểu biết thấu đáo, sáng tạo về đặc điểm, tính đặc đáo của mỗi chặng đường lịch sử mà xã hội xô viết đã qua, tìm ra được những hình thức đúng đắn để thực hiện vai trò lãnh đạo của mình, tìm được những biện pháp và phương pháp thích hợp để lãnh đạo xây dựng chủ nghĩa xã hội* » (tr. 195 — 196).

Tinh tập thể là nguyên tắc cao nhất trong sự lãnh đạo của Đảng. Tinh tập thể chẳng những bảo đảm cho sự quyết định của lãnh đạo được chính xác mà còn bảo đảm thực hiện đúng quyết định đó. Lãnh đạo tập thể trong công tác Đảng và Nhà nước bắt nguồn từ nguyên tắc tập trung dân chủ. Đó là hai mặt của một thể thống nhất. Nếu Đảng chỉ được xây dựng theo nguyên tắc tập trung thì có nguy cơ rơi vào biệt phái, cứng nhắc. Nhưng dân chủ mà không tập trung sẽ đi tới lỏng lẻo, không lãnh đạo được quần chúng. Đồng chí C.U. Tréc-nen-cô đã kết luận rằng điều cần thiết để bộ máy hoạt động có kết quả là phải tập hợp ý kiến của tập thể, phát huy tinh thần chủ động sáng tạo của tập thể: « *Người lãnh đạo thuộc bất kỳ cấp nào cũng chỉ có được uy tín khi người đó biết lắng nghe những quan điểm khác nhau, dù những quan điểm đó không phù hợp với quan điểm của mình* » (tr. 261).

Tinh tổ chức và tinh nhạy bén cũng là yếu tố quan trọng của phong cách lê nin nít của bộ máy Đảng và Nhà nước. Đồng chí C.U. Tréc-nen-cô đã viết rằng « *Trong việc biên chế chủ nghĩa*

* Xem C.U. Tréc-nen-cô: *Những vấn đề về công tác của bộ máy Đảng và Nhà nước*, bản tiếng Nga, tr. 445.

xã hội từ lý luận trở thành hiện thực, vai trò nổi bật thuộc về yếu tố tổ chức» (tr.272), và «trong điều kiện hiện nay, việc giáo dục tinh thần nhậy bén là nin nít thật sự là một trong những phương tiện quan trọng nhất để thực hiện thắng lợi các kế hoạch xây dựng chủ nghĩa cộng sản» (tr. 273).

Thực chất của tinh thần nhậy bén chính là sự thống nhất giữa lời nói và việc làm. Nghị quyết đúng là cơ sở của thành công nhưng bản thân nó chưa thay đổi được tình hình. Sau khi có nghị quyết phải kiên trì, bền bỉ trong việc phấn đấu đạt mục tiêu đã đề ra, phải có sự thống nhất giữa lời nói và việc làm. Đồng chí C.U. Tréc-nen-cô chỉ ra rằng: «Trình độ lãnh đạo và quản lý hiện nay đòi hỏi phải ra sức loại trừ ra khỏi thực tiễn sự tách biệt giữa lời nói và việc làm, thói vạch dự án rỗng tuếch, tệ giấy tờ, tệ hội họp lu bù và lối thảo luận tràng giang đại hải những vấn đề đã rõ ràng. Tập trung đến mức tối đa thời gian để tiến hành công tác tổ chức và chính trị là một trong những nhiệm vụ quan trọng nhất của các cơ quan Đảng» (tr. 298 - 299).

Kiểm soát và kiểm tra việc thực hiện là một yêu cầu không thể thiếu của phong cách lê nin nít. Tác giả cuốn sách viết: «Kiểm soát và kiểm tra việc thực hiện đã trở thành một trong những phương tiện có hiệu lực nhất để thực hiện chính sách của Đảng, giáo dục cán bộ, mở rộng hơn nữa nền dân chủ xã hội chủ nghĩa. Có thể nói một cách có đầy đủ cơ sở rằng hiện nay tình hình kiểm soát và kiểm tra việc thực hiện là thước đo hằng ngày để đo hiệu quả và chất lượng công tác của các cấp ủy Đảng, của bộ máy của các cấp ủy đó và của toàn thể cán bộ chúng ta» (tr. 310).

Cốt lõi của kiểm tra là kiểm tra việc thực hiện các nghị quyết tại chính nơi phải thực hiện các nghị

quyết đó. Hơn nữa không nên coi công tác kiểm tra là sao chụp sự thành công và thất bại, mà trước hết là cổ vũ, động viên khắc phục khó khăn để đạt kết quả cao.

Công tác kiểm soát và kiểm tra đòi hỏi phải có tính khách quan, có nghĩa là phải chú ý cả thiếu sót lẫn thành tựu, lưu ý cả ý kiến người bị kiểm tra và ý kiến người kiểm tra... Kiểm tra còn phải được tiến hành thường xuyên, linh hoạt, không chờ khi bị thất bại mới kiểm tra; phải kiểm tra cả người lạc hậu lẫn người tiên tiến, người thành công và người thất bại. Có như vậy công tác kiểm tra và kiểm soát mới thật sự có hiệu quả.

Một yêu cầu nữa trong phong cách lê nin nít là «*dựa vào quần chúng, lắng nghe ý kiến của quần chúng*». «Đối với Đảng của Lê-nin, việc củng cố mối liên hệ với quần chúng ngoài Đảng, với toàn thể những người lao động bao giờ cũng không phải là một phương châm sách lược, nhất thời, mà là một đường lối chính trị chiến lược có tính chất nguyên tắc. Đường lối đó dựa trên cơ sở một trong những luận điểm quan trọng nhất của chủ nghĩa Mác-Lê-nin: quần chúng nhân dân, nghị lực cách mạng, sự sáng tạo cách mạng, tính chủ động cách mạng của họ là lực lượng quyết định và nhà kiến trúc chủ yếu của công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản». (tr. 350 - 351).

Từ thực tiễn cách mạng xã hội chủ nghĩa, đồng chí C.U. Tréc-nen-cô rút ra kết luận: «Sự thống nhất không gì phá vỡ nổi giữa Đảng và nhân dân là bảo đảm quan trọng nhất cho sự hoàn thiện và vững chắc của xã hội xã hội chủ nghĩa phát triển» (tr. 352).

Các tổ chức cơ sở Đảng giữ vị trí then chốt trong việc củng cố mối liên hệ giữa Đảng và quần chúng, vì tổ chức cơ sở của Đảng tiếp xúc thường xuyên với quần chúng, hiểu rõ tâm tư

nguyện vọng của quần chúng, và đồng thời là nơi giải thích, động viên quần chúng thực hiện chính sách của Đảng.

Trong quan hệ với quần chúng không được có thái độ "thương hại", a dua với quần chúng, mà phải "dấn dặt quần chúng tiến lên theo đội tiên phong giác ngộ" (tr. 365).

Muốn củng cố quan hệ giữa Đảng và quần chúng, như tác giả nói, phải thực hiện nền dân chủ thật sự, phải lắng nghe ý kiến của quần chúng, công khai thông báo tình hình cho quần chúng.

Phê bình và tự phê bình là đặc trưng không thể tách rời của phong cách công tác Lê-nin. Đó là một nguyên tắc yê đạo đức, tư tưởng và chính trị vô cùng quan trọng đối với những người cộng sản, là một vũ khí mạnh mẽ để nhận thức và cải tạo hiện thực, để củng cố kỷ luật của Đảng và Nhà nước, để khắc phục những quan điểm phiến diện và khắc phục những khuyết điểm và sai lầm, là hình thức quan trọng để quần chúng thật sự tham gia và quản lý Nhà nước và xã hội.

Cái quý nhất của phê bình là tính chân thực, tính khách quan của nó, là ý nghĩa xã hội của những vấn đề nêu ra. Do đó, cần phản đối cả kẻ tô hồng lẫn những kẻ rắp tâm bôi đen cái đã đạt được.

"Cơ sở của sự phát triển phê bình và tự phê bình là tuân thủ vô điều kiện các tiêu chuẩn của Lê-nin về sinh hoạt Đảng. Sự sợ hãi không dám công khai đưa những vấn đề cấp bách có ý nghĩa xã hội ra thảo luận, xu hướng xuê xoa, lảng tránh những vấn đề chưa giải quyết và những vấn đề gay gắt, giấu những khuyết điểm và những khó khăn có thật, đều là không thể dung hợp với những tiêu chuẩn của Lê-nin về sinh hoạt Đảng." (tr. 424).

Vấn đề thái độ của người phê bình cũng như của người được phê bình là vấn đề quan trọng và đã được tác giả

nói rõ ở phần này. Đồng chí nói rằng "Ý thức tự phê bình, thái độ nghiêm khắc đối với bản thân, việc biết tiếp thu ý kiến phê bình của người khác, lưu ý và sửa chữa nó trong công tác của mình là một điều bình thường, tự nhiên của bất kỳ người lãnh đạo Đảng, chính quyền hoặc kinh tế nào, nếu người đó không dừng lại trong sự phát triển của mình" (tr. 416), và « khi phê bình người khác, chớ nên quên rằng trước hết phải sửa lại gậy mình đã » (tr. 426). Đồng chí C. U. Tréc-nen-cô còn nhấn mạnh: "Hoàn toàn không thể dung thứ được cái tình trạng đen tối mị dân, thói bất bẽ dễ thay cho phê bình" (tr. 430), sự phê bình phải « trực tiếp và công khai, mạnh dạn và có tính nguyên tắc... không có những mảnh khoe xã giao và những sự tính toán nhỏ nhen »; « phải có đối tượng chính xác, phải mang tính chất thiết thực, xây dựng » (tr. 429).

Tác giả cũng đã phê phán thái độ hình thức chủ nghĩa trong tiếp thu phê bình, và khẳng định "điều chủ yếu trong phê bình và tự phê bình là tính có kết quả, là hiệu quả, là sự sẵn sàng bắt tay ngay vào việc sửa chữa những sai lầm và khuyết điểm" (tr. 427).

Đặc biệt tác giả kịch liệt phê phán hiện tượng bóp nghẹt phê bình và trù dập người phê bình; yêu cầu phải hết sức kiên quyết chống lại bất cứ mưu toan nào muốn trù dập người phê bình, và khẳng định: "phê bình và tự phê bình càng có tính nguyên tắc và tính chất xây dựng, thì chúng ta sẽ đạt những thắng lợi mới càng nhanh hơn trong công cuộc xây dựng chủ nghĩa cộng sản" (tr. 435).

4 — Kinh tế — lĩnh vực hoạt động chủ yếu.

Trong tác phẩm này đồng chí C. U. Tréc-nen-cô đã dành một phần quan trọng nói về hoạt động của Đảng trong xây dựng kinh tế.

1 Tác giả khẳng định rằng: “*Lãnh đạo nền kinh tế quốc dân đã luôn luôn là và hiện nay cũng vẫn là cốt lõi của toàn bộ hoạt động của Đảng và Nhà nước*”. (tr. 457).

Lãnh đạo kinh tế bao gồm rất nhiều nhiệm vụ, trong đó, như tác giả nói: “*Cái chủ yếu bảo đảm thành công trong mỗi giai đoạn xây dựng chủ nghĩa cộng sản là vạch ra chiến lược và phương sách đúng đắn để phát triển nền kinh tế và các ngành riêng biệt của nó, xuất phát từ những yêu cầu của giai đoạn đó, từ những nhu cầu ngày càng tăng lên của xã hội, từ những nguồn và những khả năng vật chất hiện có*” (tr. 458).

Việc tăng cường ảnh hưởng của Đảng, việc hoàn thiện sự lãnh đạo của Đảng có quan hệ trực tiếp với một trong những vấn đề trung tâm do thực tiễn xây dựng chủ nghĩa xã hội đề ra – vấn đề quan hệ qua lại giữa các cơ quan Đảng với các cơ quan quản lý Nhà nước và quản lý kinh tế.

Vấn đề này đã được đặt ra từ những ngày đầu sau Cách mạng Tháng Mười. V. I. Lê-nin đã nhiều lần nhấn mạnh sự tai hại về chính trị của những quan niệm biệt phái cho rằng Đảng có thể lãnh đạo xã hội một cách trực tiếp, không cần các tổ chức khác của người lao động. Đại hội VIII của Đảng cộng sản (b) Nga họp dưới sự lãnh đạo của V. I. Lê-nin đã chỉ ra rằng: Nhất thiết không được lẫn lộn chức năng của tập thể Đảng với chức năng của các cơ quan Nhà nước là các xô viết.

Hiện nay vấn đề phân rõ ranh giới giữa cơ quan Đảng và cơ quan kinh tế càng quan trọng. Đồng chí C. U. Tréc-nen-cô chỉ ra rằng xã hội càng phát triển thì Đảng, các cơ quan của Đảng càng phải chú ý nhiều hơn vào việc vạch ra và điều chỉnh chiến lược phát triển xã hội, vào việc đề ra những nhiệm vụ chủ yếu nhất của các cơ quan Nhà nước. “*Nhiệm vụ của bất*

kỳ cấp ủy nào, với tư cách là cơ quan lãnh đạo chính trị, là phải biết rút ra được những cái chủ yếu nhất, có triển vọng nhất, trong vô số những công việc và những vấn đề... Đồng thời, giống như một nhạc trưởng lão luyện chỉ huy dàn nhạc, cơ quan Đảng có nhiệm vụ phải bảo đảm sao cho tất cả các cơ quan chính quyền, các cơ quan kinh tế, và các cơ quan khác, ở trung ương và ở các địa phương hành động ăn khớp với nhau. Làm việc với cán bộ, đặc biệt là với những người lãnh đạo các cơ quan đó hằng ngày và với sự thành thạo nghiệp vụ, phát huy tinh tích cực của những người cộng sản làm việc trong các cơ quan đó, bảo đảm trách nhiệm cá nhân chặt chẽ và sự kiểm soát có nền nếp – đó là con đường đi tới thành công thường xuyên và vững chắc” (tr. 501).

“*Việc tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với sự phát triển kinh tế hiện nay hoàn toàn không có nghĩa là hạ thấp vai trò của những người lãnh đạo kinh tế và các cơ quan quản lý. Ngược lại trong khi triệt để xác lập phong cách công tác của Đảng trong tất cả các khâu của nền kinh tế quốc dân, Đảng cộng sản Liên xô ra sức phân định hết sức rạch ròi chức năng của các cơ quan Đảng, các cơ quan Nhà nước và các cơ quan kinh tế để mỗi cơ quan như người ta thường nói, biết cơ động lực lượng của mình và có địa bàn rộng tối đa cho sự tìm tòi sáng tạo*” (tr. 501 – 502).

Đồng chí phê phán một số người lãnh đạo dùn việc giải quyết các vấn đề kinh tế cho các cơ quan Đảng để trốn trách nhiệm và che giấu sự thiếu năng lực của mình. Đồng chí cũng phê phán một số cấp ủy viên không làm đúng chức trách của mình, mà biến thành người cung ứng, người dón đóc, người điều phối...

Tác giả nhấn mạnh rằng “*những vấn đề lãnh đạo kinh tế không phải chỉ là những vấn đề kinh tế, mà là*

những vấn đề chính trị, những vấn đề của Đảng » (tr. 513). Do đó, nguyên tắc quan trọng nhất, nhiệm vụ hàng đầu và vĩnh viễn của các cấp ủy Đảng là động viên tiềm năng sáng tạo của mọi người, nâng cao ý thức và nhiệt tình của quần chúng.

“ Trong khi động viên quần chúng thực hiện đường lối chính trị, Đảng phải phấn đấu để đạt điều đó không phải bằng sức mạnh của quyền lực, không phải bằng mệnh lệnh, mà là bằng sức thuyết phục, bằng sức mạnh nêu gương của mỗi người cộng sản, bằng sự quan tâm thương xuyên đến việc giáo dục chính trị cho mọi người. Điều quan trọng là phải *kết hợp công tác lý luận, tư tưởng, công tác giáo dục chính trị, công tác tổ chức và công tác kinh tế thành một khối*, tạo ra trong mỗi xi nghiệp, mỗi tập thể một không khí chính trị – xã hội làm cho người ta muốn làm việc tốt hơn, có hiệu quả hơn, có năng suất cao hơn » (tr. 514).



Với nội dung hết sức phong phú mà một bài báo chỉ có thể nêu lên ngắn gọn một số nét chủ yếu chứ không thể giới thiệu đầy đủ được, tác phẩm của đồng chí C.U. Tréc-nen-cô thật sự là một công trình có ý nghĩa lý luận và thực tiễn to lớn. Tác phẩm đó không chỉ có ý nghĩa chỉ đạo công tác của bộ máy Đảng và Nhà nước của Liên xô, mà còn là những kinh nghiệm quý báu đối với chúng ta.

Có thể nói toàn bộ tác phẩm cũng như từng phần, từng luận điểm của tác giả đều có căn cứ khoa học, đều xuất phát từ học thuyết của Lê-nin về Đảng kiểu mới, về Nhà nước chuyên

chính vô sản, về phong cách công tác, về các nguyên tắc hoạt động của Đảng.

* Những luận điểm lý luận đó là sự tổng kết thực tiễn hoạt động hết sức phong phú của Đảng cộng sản Liên xô, đặc biệt là trong quá trình xây dựng xã hội xã hội chủ nghĩa phát triển.

Xuất phát từ cơ sở lý luận Mác – Lê-nin, từ thực tế của đất nước, tác giả đã rút ra nhiều kết luận lý luận có ý nghĩa chỉ đạo toàn bộ hoạt động xây dựng Đảng và Nhà nước.

Tác phẩm này còn là một mẫu mực về tinh chiến đấu của giai cấp vô sản. Tác giả đã dành nhiều trang biểu dương những đơn vị, địa phương có kinh nghiệm hay trong hoạt động của bộ máy Đảng và Nhà nước, đồng thời cũng phê phán nghiêm khắc mọi biểu hiện lệch lạc, xa rời các nguyên tắc của Đảng. Những sự biểu dương cũng như phê bình của tác giả hết sức sinh động, cụ thể, giúp rất nhiều cho việc phát huy các ưu điểm và phát hiện, nhận rõ, khắc phục thiếu sót.

Qua tác phẩm này ta càng thấy rõ hơn Đảng cộng sản Liên xô là một đảng mở đầu cho cách mạng xã hội chủ nghĩa và xây dựng chủ nghĩa xã hội, và cũng mở đường cho việc xây dựng và củng cố chính đảng kiểu mới của giai cấp vô sản trong giai đoạn đấu tranh giành chính quyền cũng như khi xây dựng chủ nghĩa xã hội, một đảng đã cung cấp nhiều nhất cho cách mạng thế giới những bài học quý giá về lý luận cũng như kinh nghiệm thực tiễn.

Những bài học nêu trong tác phẩm này hết sức quý giá đối với chúng ta trong việc xây dựng cơ chế “Đảng lãnh đạo, nhân dân lao động làm chủ tập thể, Nhà nước quản lý” như Đảng ta đã đề ra.

Thực hiện tốt chế độ phân cấp quản lý ngân sách cho địa phương

CHU TAM THỨC

Sự cần thiết phải cải tiến chế độ phân cấp quản lý ngân sách cho địa phương.

Nghị quyết Hội nghị thứ 5 của Ban chấp hành trung ương Đảng (khóa V) đã nhấn mạnh phải «Thực hiện ngay phân cấp ngân sách giữa trung ương và địa phương, theo hướng vừa bảo đảm nguồn thu của trung ương, vừa tăng nguồn thu của ngân sách địa phương, bảo đảm quyền làm chủ ngân sách của các cấp và các ngành kinh tế - kỹ thuật; đồng thời thực hiện thống nhất quản lý tài chính, đề cao kỷ luật tài chính ở tất cả các cấp, các ngành, các cơ sở». Theo tinh thần đó của Nghị quyết, cần phải xây dựng một chế độ phân cấp đúng đắn, quán triệt nguyên tắc tập trung dân chủ, với phương châm tập trung đúng mức vào trung ương, đồng thời phát huy mạnh mẽ trách nhiệm và quyền chủ động của địa phương, chống tập trung quan liêu, bao cấp, chống cục bộ, bản vị.

Từ năm 1967, chúng ta đã bắt đầu áp dụng chế độ phân cấp quản lý ngân sách cho chính quyền Nhà nước cấp tỉnh. Đến năm 1978, chế độ đó được bổ sung, sửa đổi; đồng thời mở

rộng việc phân cấp cho huyện. Việc thực hiện chế độ phân cấp nói trên đã có tác dụng đề cao một bước vai trò và trách nhiệm của chính quyền Nhà nước cấp tỉnh và cấp huyện trong việc quản lý kinh tế - tài chính ở địa phương; khuyến khích và thúc đẩy địa phương tích cực xây dựng kinh tế, phát triển văn hóa và chăm lo đời sống cho nhân dân.

Bên cạnh những kết quả đạt được, việc phân cấp quản lý ngân sách còn nhiều vấn đề tồn tại do việc tổ chức thực hiện có những khuyết điểm, lệch lạc và do bản thân chế độ phân cấp cũng có những điểm cần được khắc phục.

Trước hết, nguyên tắc tập trung dân chủ, một nguyên tắc cơ bản của quản lý kinh tế xã hội chủ nghĩa, chưa được chấp hành nghiêm chỉnh.

Một mặt, tính tập trung thống nhất của tài chính Nhà nước không được giữ vững. Trong thời gian qua, một số ngành và địa phương đã tự đặt ra các chế độ thu, chi riêng, trái với chế độ, chính sách chung của Nhà nước. Nhiều nơi vẫn duy trì các quỹ trái phép nằm ngoài ngân sách và ngoài quỹ ngân hàng. Đặc biệt nghiêm trọng là một số địa phương đã tự giữ

lại chính của ngân sách trung ương để sử dụng cho địa phương. Do đó, ngân sách trung ương luôn luôn bị động, khẩn trương và bội chi.

Mặt khác, tính chủ động sáng tạo của chính quyền địa phương chưa được phát huy, tình trạng tập trung quan liêu chậm được khắc phục. Từ năm 1978 đến nay, tình hình kinh tế đã có nhiều thay đổi, nhất là từ năm 1981 sau khi ban hành hệ thống giá mới và xác định khoản chi bù giá hàng cung cấp cho cán bộ, công nhân viên chức, lực lượng vũ trang trong ngân sách, tình hình tài chính có nhiều biến động, song các chế độ, chính sách, định mức, tiêu chuẩn thu, chi tài chính chậm được ban hành, sửa đổi cho phù hợp, gây khó khăn cho địa phương và tạo kẽ hở cho việc chấp hành tùy tiện. Mặc dù đã thay đổi mặt bằng giá cả và tăng nhiệm vụ chi bù giá hàng cung cấp cho ngân sách địa phương, song các tỷ lệ điều tiết nguồn thu không được sửa đổi kịp thời và trung ương vẫn giữ số trợ cấp cho ngân sách địa phương ở một mức cao, xấp xỉ 1/3 tổng số chi của ngân sách địa phương. Tình hình đó gây nhiều bị động cho địa phương và gây tâm lý ỷ lại, trông chờ vào trung ương.

Để khắc phục các nhược điểm trên và đề góp phần thực hiện thắng lợi các nghị quyết của Đảng, cần cải tiến chế độ phân cấp quản lý ngân sách cho địa phương nhằm thực hiện những yêu cầu sau đây:

1-Bảo đảm sự quản lý thống nhất của trung ương về các chính sách, chế độ thu chi tài chính và tập trung đầy đủ các nguồn thu tài chính vào ngân sách Nhà nước để đáp ứng những nhu cầu chi quan trọng của cả nước.

2-Đề cao trách nhiệm của các cấp chính quyền địa phương (tỉnh, thành phố, đặc khu, huyện, quận, xã, phường) trong việc phát triển kinh tế - văn hóa và động viên nguồn

tài chính trên lãnh thổ, đồng thời dành cho địa phương quyền chủ động xây dựng và thực hiện kế hoạch thu, chi ngân sách địa phương nhằm đẩy mạnh phát triển kinh tế địa phương và cải thiện đời sống vật chất, văn hóa của nhân dân địa phương.

Những đòi hỏi trong chế độ phân cấp quản lý ngân sách cho địa phương.

Để thực hiện những yêu cầu nói trên, chế độ phân cấp quản lý ngân sách được sửa đổi trên các mặt chủ yếu sau đây:

Về phân định nhiệm vụ chi giữa ngân sách trung ương và ngân sách địa phương.

Phân cấp quản lý ngân sách cho địa phương, trước hết là phân cấp về phạm vi và nhiệm vụ chi cho ngân sách địa phương. Việc xác định nhiệm vụ chi giữa ngân sách trung ương và ngân sách địa phương cần căn cứ vào sự phân cấp quản lý kinh tế và quản lý Nhà nước. Phương hướng chung của sự phân cấp đó là: « Trung ương nắm vững sự lãnh đạo tập trung thống nhất đối với toàn bộ nền kinh tế thông qua kế hoạch toàn quốc bao gồm những mặt cân đối chủ yếu và những chỉ tiêu chủ yếu, thông qua việc quy định các chính sách lớn và các tiêu chuẩn cơ bản về sản xuất cũng như về tiêu dùng, thông qua việc phân phối vật tư và tiền vốn. Kinh tế trung ương bao gồm những ngành then chốt nhất, nó phát huy tác dụng như người lãnh đạo và đòn xeo đối với toàn bộ nền kinh tế quốc dân. Mỗi địa phương dựa trên đường lối, chính sách, phương hướng và kế hoạch chung của trung ương mà chủ động quản lý và xây dựng kinh tế của địa phương mình. Kinh tế của mỗi địa phương vừa là một bộ phận cấu thành của nền kinh tế cả nước,

vừa là một cơ cấu cân đối, hợp lý
trống phạm vi địa phương" (1).

Căn cứ vào phương hướng đó, ngân sách trung ương có nhiệm vụ bảo đảm toàn bộ số vốn xây dựng cơ bản tập trung để tạo ra cơ sở vật chất - kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội, tạo ra cơ cấu kinh tế mới theo ngành và theo địa phương; toàn bộ số chi về công tác ngoại giao, về viện trợ và trả nợ nước ngoài; cấp phát vốn và kinh phí cho các cơ sở sản xuất - kinh doanh, các cơ quan và đơn vị hành chính sự nghiệp thuộc trung ương quản lý. Ngân sách địa phương có nhiệm vụ cấp phát vốn và kinh phí cho các xí nghiệp, các cơ quan và đơn vị hành chính sự nghiệp thuộc chính quyền địa phương quản lý.

Trong chế độ phân cấp mới, có sự sắp xếp lại hai khoản chi về đầu tư xây dựng cơ bản tập trung trong kế hoạch Nhà nước và chi về bù giá hàng cung cấp cho cán bộ, công nhân viên chức các cơ quan, xí nghiệp trung ương sống và làm việc trên lãnh thổ địa phương, cho lực lượng vũ trang; theo hướng tập trung về cho ngân sách trung ương.

Đầu tư xây dựng cơ bản có vai trò quyết định đến quy mô, trình độ kỹ thuật, tốc độ phát triển, sự cân đối của toàn bộ nền kinh tế quốc dân và chiếm tỉ trọng lớn trong tổng số chi của ngân sách Nhà nước. Song việc sử dụng vốn đầu tư xây dựng cơ bản của ta nói chung còn lãng phí và kém hiệu quả. Với số vật tư và tiền vốn có hạn, chúng ta đã bố trí phân tán, dàn đều ra nhiều công trình; cân đối vật tư vốn đã rất căng thẳng lại càng căng thẳng hơn do nhiều địa phương và ngành đã tự bố trí thêm các công trình ngoài kế hoạch. Tình trạng đó đã đưa đến những kết quả xấu: thời gian thi công kéo dài, khối lượng đồ đang ngày càng tăng, công trình chậm được đưa vào sản xuất, sử dụng. Hệ

số truy động tài sản cố định, phần công trình hoàn thành thiếu đồng bộ, do đó không sử dụng được. Các công trình ngoài kế hoạch không được cân đối vật tư đã rút bớt vật tư của các công trình trong kế hoạch, làm chậm tiến độ thi công các công trình trọng điểm của Nhà nước và ảnh hưởng đến việc thực hiện các mục tiêu của kế hoạch kinh tế quốc dân.

Chúng ta đang đứng trước một thực tế là nhu cầu về đầu tư xây dựng cơ bản rất lớn, song chúng ta không thể không nhìn nhận một thực tế khác nghiệt là hiện nay nền kinh tế chưa tạo được tích lũy. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản của ta chủ yếu dựa vào tiền vay và viện trợ, nhưng nguồn này cũng giảm dần. Nợ của những năm trước đã đến hạn phải trả; thiết bị, vật tư cho xây dựng cơ bản thiếu và chủ yếu dựa vào nhập khẩu.

Trong tình hình đó, cần bố trí lại công tác đầu tư xây dựng cơ bản theo hướng: « tập trung vốn cho các công trình trọng điểm, các ngành then chốt, các sản phẩm quan trọng nhất, kiên quyết khắc phục tình trạng phân tán, dàn đều trong xây dựng. Thực hiện đầu tư đồng bộ, nhằm trước hết phát huy năng lực sản xuất hiện có » (2).

Để thực hiện chủ trương trên, một mặt, cần cải tiến chế độ cấp phát, cho vay trong đầu tư xây dựng cơ bản, mặt khác, sắp xếp lại nhiệm vụ chi về đầu tư xây dựng cơ bản giữa ngân sách trung ương và ngân sách địa phương. Theo nội dung của Nghị quyết số 138/HĐBT, từ nay ngân sách trung ương đảm nhiệm toàn bộ số vốn đầu tư cơ bản tập trung để tạo ra cơ sở vật chất - kỹ thuật của chủ nghĩa

(1) Lê Duẩn: *Dưới lá cờ đỏ vàng của Đảng, vì độc lập, tự do, vì chủ nghĩa xã hội tiến lên giành những thắng lợi mới*, Nxb Sự thật, Hà Nội, 1976, trang 120.

(2) Văn kiện Đại hội V — Nxb Sự thật, Hà Nội, tập II, trang 54.

xã hội, tạo ra cơ cấu kinh tế mới theo ngành và theo địa phương. Tiền cơ sở đó, trung ương chỉ phối quá trình hình thành tổng mức đầu tư xây dựng cơ bản sao cho phù hợp với khả năng lao động, vật tư và tiền vốn của nền kinh tế quốc dân trong từng thời kỳ kế hoạch. Thông qua việc phân phối vốn đầu tư tập trung giữa các ngành và các địa phương mà từng bước hình thành cơ cấu kinh tế mới, vừa bảo đảm các mục tiêu chủ yếu của nền kinh tế quốc dân, vừa thúc đẩy sự phát triển cân đối hợp lý giữa các vùng trong nước. Nhưng nhu cầu của các địa phương rất đa dạng, khả năng tiềm tàng của kinh tế địa phương còn nhiều. Để khuyến khích địa phương tích cực khai thác các nguồn thu tại chỗ và sử dụng vốn ngân sách một cách tiết kiệm, chế độ mới còn cho phép các địa phương được sử dụng số vốn tạo ra do phát triển kinh tế địa phương và do tăng thu, tiết kiệm chi. Ngoài ra, các địa phương còn được sử dụng kết dư của ngân sách địa phương, vốn do nhân dân đóng góp theo phương châm "Nhà nước và nhân dân cùng làm", vốn vay ngân hàng, vốn do xí nghiệp quốc doanh (trung ương và địa phương) đóng góp bằng quỹ phúc lợi, thu về xổ số kiến thiết để đầu tư xây dựng các công trình phục vụ trực tiếp những nhu cầu cụ thể của địa phương mà kế hoạch phân phối vốn tập trung của trung ương chưa bao quát hết. Dương nhiên các công trình đó phải được ghi trong kế hoạch Nhà nước, được cân đối vật tư và các nguồn vốn đều phải được phản ánh tập trung trong ngân sách.

Chi bù giá hàng cung cấp cho cán bộ công nhân, viên chức và lực lượng vũ trang là một khoản chi lớn trong ngân sách Nhà nước. Từ giữa năm 1981, cùng với việc ban hành các hệ thống giá mới và việc quy định đối tượng, mặt hàng và tiêu chuẩn cung cấp, Nhà nước đã chính thức quy

định khoản chi bù giá hàng cung cấp trong ngân sách Nhà nước. Trong điều kiện chưa cải tiến tiền lương và giá cả thị trường còn đang biến động, Nhà nước vẫn giữ ổn định giá bán cung cấp một số mặt hàng thiết yếu cho cán bộ, công nhân, viên chức, lực lượng vũ trang, các đối tượng chính sách và những người có quan hệ kinh tế với Nhà nước nhằm bảo đảm thu nhập thực tế cho người lao động. Phần chênh lệch giữa giá vốn và giá cung cấp do ngân sách Nhà nước cấp bù cho cơ quan thương nghiệp bán lẻ. Từ năm 1981, khoản chi bù giá hàng cung cấp (trừ phần bù cho lực lượng vũ trang) được cân đối trong ngân sách địa phương. Nếu ngân sách tỉnh, thành phố, đặc khu (dưới đây gọi tắt là tỉnh) không bù đảm được khoản chi về bù giá hoặc chỉ bảo đảm được một phần, thì số thiếu đó sẽ do ngân sách trung ương chuyển cho ngân sách tỉnh đủ để cân đối nhu cầu chi cả năm. Cách bố trí ngân sách như vậy làm cho địa phương rất bị động. Một số địa phương có khả năng tự bù nhưng vẫn y lại vào ngân sách trung ương. Trong 3 năm 1981 - 1983, do cơ cấu nguồn hàng đã thay đổi: lượng nhập khẩu giảm, lượng mua theo nghĩa vụ đã được ổn định, lượng mua theo giá hợp đồng hai chiều không đạt kế hoạch do thiếu hàng đối lưu, lượng mua theo giá khuyến khích tăng lên.... cộng với những yếu kém trong quản lý, cho nên giá vốn hàng cung cấp tăng nhanh, do đó khoản chi về bù giá trong ngân sách tăng theo, vượt quá khả năng cân đối của ngân sách địa phương.

Để sắp xếp lại khoản chi về bù giá trong ngân sách và tạo thế chủ động cho chính quyền địa phương trong việc bố trí ngân sách của mình, chế độ phân cấp mới giao cho ngân sách trung ương đảm nhiệm phần chi bù giá hàng cung cấp cho cán bộ, công nhân, viên chức và người ăn theo thuộc diện trung ương quản lý. Theo

quy định mới, thì việc tính toán đã xác định số chi, việc cấp phát và quản lý khoản chi bù giá, nói chung không có gì thay đổi. Điều khác duy nhất ở đây là sự phân định rõ nguồn vốn dùng để cấp bù giá giữa ngân sách trung ương và ngân sách địa phương.

Về các nguồn thu của ngân sách địa phương và cơ chế hình thành các nguồn thu đó.

Việc phân định nguồn thu giữa ngân sách trung ương và ngân sách địa phương phải phù hợp với nhiệm vụ chi của ngân sách Nhà nước đã giao cho mỗi cấp. Trên tinh thần đó, cần tập trung đại bộ phận các khoản thu cơ bản, ổn định, quan trọng, có tính chất chung cả nước vào ngân sách trung ương.

Tất cả các nguồn thu ngân sách trên địa bàn là *nguồn thu chung của ngân sách Nhà nước*. Căn cứ vào yêu cầu chung của địa phương và tùy theo tính chất của từng loại thu mà Nhà nước quy định để lại cho ngân sách địa phương một mức cần thiết để bảo đảm thực hiện các nhiệm vụ kế hoạch phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội của địa phương.

Trong chế độ phân cấp mới, các khoản thu của ngân sách địa phương được sắp xếp thành 3 loại: *Các khoản thu theo chế độ chung* áp dụng theo một tỷ lệ cố định và thống nhất cho tất cả các tỉnh. *Các khoản thu điều tiết bổ sung* áp dụng cho những tỉnh đã khai thác hết các khoản thu theo chế độ chung mà vẫn chưa đáp ứng nhu cầu chi theo chế độ của Nhà nước. Các tỷ lệ điều tiết bổ sung chỉ áp dụng cho 4 khoản thu (thuế công thương nghiệp, thuế nông nghiệp, thu quốc doanh và lợi nhuận xí nghiệp quốc doanh địa phương) có phân biệt giữa các tỉnh, mức tối đa là 100% và cũng được giữ ổn định, trước mắt là cho hai năm 1984 và 1985. *Trợ cấp của ngân sách trung ương* chỉ áp dụng trong trường hợp đặc biệt, khi tỉnh đã được hưởng

điều tiết bổ sung đến mức tối đa, nhưng vẫn chưa cân đối được ngân sách. Khoản trợ cấp này mỗi năm xét một lần và thông báo cho địa phương từ đầu năm.

Với sự bố trí nguồn thu như vậy thì một số tỉnh có nông nghiệp và công nghiệp tương đối phát triển có thể tự cân đối được ngân sách của mình bằng các khoản thu theo chế độ chung. Đối với một số tỉnh khác, cần tăng thêm tỷ lệ điều tiết bổ sung thì mới cân đối được thu chi ngân sách. Với đà phát triển của kinh tế địa phương thì tỷ lệ điều tiết bổ sung có thể giảm dần, đi tới chỗ không cần thiết nữa. Chỉ còn một số trường hợp đặc biệt, chủ yếu là những tỉnh miền núi, đất rộng, người thưa, cơ sở vật chất—kỹ thuật để khai thác những thế mạnh của địa phương còn ở mức thấp, thì mới cần nguồn trợ cấp của ngân sách trung ương. Như vậy, ở đây tính chất bao cấp tuy vẫn còn, nhưng đã bị thu hẹp và hướng tới xóa bỏ.

Từ nay, số thu của ngân sách địa phương được xác định không phải theo mức khống chế của số chi do trung ương ấn định trước, mà căn cứ vào số thu của ngân sách Nhà nước trên địa bàn và các tỷ lệ điều tiết của từng khoản thu mà trích. Nếu địa phương tạo ra được nguồn thu ngày càng lớn và khai thác tốt các nguồn thu Nhà nước trên địa bàn thì phần được trích vào ngân sách địa phương sẽ tăng lên và nhu cầu chi sẽ được thỏa mãn tốt hơn. Hơn nữa, nếu địa phương thực hiện vượt mức kế hoạch thu về thuế, về lợi nhuận và thu quốc doanh được giao, thì ngoài việc được trích vào ngân sách địa phương theo tỷ lệ quy định cho từng khoản, còn được trích thưởng từ 30% đến 50% số thu vượt kế hoạch nộp vào ngân sách trung ương. Như vậy chế độ phân cấp mới có tác dụng kích thích và nâng cao trách nhiệm của

chính quyền địa phương trong việc phát triển và khai thác tốt nguồn thu, chủ động bố trí chi tiêu phù hợp với nhiệm vụ phát triển kinh tế-xã hội được giao, đưa lại lợi ích thiết thân cho địa phương, đồng thời bảo đảm lợi ích chung của cả nước.

Đề tăng cường trách nhiệm của chính quyền địa phương trong việc phát triển kinh tế địa phương, tạo ra nguồn thu tại chỗ và đề giảm dần phần lệ thuộc vào nguồn trợ cấp của trung ương, *một mặt*, các tỉ lệ điều tiết cho ngân sách địa phương được sắp xếp theo nguyên tắc: đối với những khoản thu bắt nguồn từ kinh tế địa phương thì ngân sách địa phương được hưởng phần lớn hơn, *mặt khác*, ngân sách địa phương được bổ sung thêm một số nguồn thu mới như thu về giao nộp nông sản, thu tiền nuôi rừng, thu 20% quỹ phúc lợi của xí nghiệp quốc doanh trung ương...

Thu về giao nộp nông sản là một khoản thu của ngân sách địa phương nhằm tạo cho các địa phương chuyên về nông nghiệp, lâm nghiệp, nghề cá, nghề muối có nguồn thu ổn định; khuyến khích các địa phương đẩy mạnh sản xuất, thu mua và giao nộp sản phẩm để tiêu dùng trong nước và xuất khẩu. Khoản thu này được tính bằng tỉ lệ phần trăm (%) trên giá chỉ đạo thu mua của Nhà nước.

Về thực chất, đây là một khoản thu điều chỉnh, song nó mang tính chất khuyến khích rõ rệt. Khác với khoản thu khuyến khích giao nộp nông sản, thực phẩm trước đây, khoản thu mới này áp dụng cho tất cả các sản phẩm nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy, hải sản (không phải chỉ có lợn thịt, thuốc lá, cà phê, quế như trước) và không hạn chế trong số sản phẩm giao nộp cho trung ương, mà áp dụng cho tất cả các sản phẩm giao nộp lên cấp trên (trung ương, tỉnh, huyện). Khoản thu về giao nộp nông sản không tính gộp vào giá giao hàng như trước đây mà

do ngân sách cùng cấp với đơn vị thu mua thanh toán cho ngân sách địa phương nơi giao nộp sản phẩm. Vì thế, trong ngân sách tỉnh và ngân sách huyện, hình thành đồng thời cả khoản thu và khoản chi về giao nộp nông sản. Tỉ lệ thu về giao nộp nông sản áp dụng thống nhất cho tất cả các loại sản phẩm và cho các cấp ngân sách, mỗi cấp ngân sách (tỉnh, huyện, xã) được hưởng 5% giá trị (tính theo giá chỉ đạo) số sản phẩm giao nộp lên cấp trên. Đối với sản phẩm giao nộp cho trung ương để xuất khẩu, ngân sách tỉnh được thu thêm 5%; đối với sản phẩm giao vượt kế hoạch (hoặc ngoài kế hoạch) cho trung ương, được hưởng thêm tỷ lệ thưởng 10% trên giá trị sản phẩm giao nộp.

Thu về tiền nuôi rừng: Theo quy định trước đây, tiền nuôi rừng được trích 10% nộp ngân sách địa phương dưới hình thức thu sự nghiệp lâm nghiệp, còn 90% nộp vào "quỹ nuôi rừng" do Bộ lâm nghiệp thống nhất quản lý và phân phối cho các đơn vị lâm nghiệp trung ương và địa phương để trồng rừng, tu bổ và bảo vệ rừng. Để khắc phục những nhược điểm của phương thức quản lý tập trung tiền nuôi rừng quy định trước đây, từ nay trung ương giao cho địa phương thu tiền nuôi rừng để dùng vào mục đích trồng cây gây rừng, tu bổ, cải tạo, quản lý và bảo vệ rừng nhằm khuyến khích các địa phương miền núi ra sức phát triển và khai thác tốt tài nguyên rừng, tăng cường quản lý và tập trung nguồn thu tại chỗ để chủ động hơn trong việc bố trí ngân sách của mình.

Theo chế độ phân cấp mới, ngân sách địa phương được thu 20% quỹ phúc lợi của các xí nghiệp quốc doanh trung ương đóng trên địa bàn. Đây là một nguồn thu bổ sung của ngân sách địa phương để xây dựng các công trình phúc lợi phục vụ tốt hơn đời sống vật chất và văn hóa của cán bộ, công

nhân viên chức các cơ quan, xí nghiệp trung ương và gia đình họ sống trên lãnh thổ địa phương. Quy định này có ý nghĩa xác định chính thức nghĩa vụ của các xí nghiệp quốc doanh trung ương đóng góp tài chính cho địa phương, khắc phục tình trạng nhiều xí nghiệp không quan tâm đến việc cải thiện điều kiện tự nhiên và xã hội trên địa bàn mình hoạt động và tình trạng nhiều địa phương yêu cầu các xí nghiệp quốc doanh trung ương nộp những khoản trái với chế độ chung của Nhà nước.

Về ngân sách huyện và ngân sách xã.

Việc thực hiện chế độ phân cấp quản lý ngân sách cho huyện theo Nghị quyết 108/CP ngày 13-5-1978 đã có tác dụng thúc đẩy quá trình xây dựng huyện trở thành đơn vị kinh tế nông - công nghiệp, trở thành một cấp Nhà nước quản lý kế hoạch toàn diện và có ngân sách. Đồng thời, những tiến bộ trong xây dựng huyện, những đổi mới trong phân cấp quản lý kinh tế và văn hóa cho huyện cũng đòi hỏi phải có những cải tiến phù hợp trong phân cấp quản lý ngân sách.

Để tăng cường quyền tự chủ về tài chính và ngân sách cho huyện, một mặt cần soát xét lại các nhiệm vụ chi và nguồn thu của ngân sách huyện, sửa đổi và bổ sung một số khoản thu, chi cần thiết; mặt khác, quy định lại cơ chế hình thành nguồn thu để tạo thế chủ động cho huyện.

Chế độ phân cấp quản lý ngân sách giữa tỉnh và huyện, nói chung, được vận dụng theo chế độ phân cấp giữa trung ương và địa phương như đã trình bày ở trên. Trước hết, tỉnh căn cứ vào phạm vi ngân sách của mình, vào tình hình thực tế phân cấp quản lý kinh tế và văn hóa cho huyện để xác định nhiệm vụ chi và trên cơ sở đó bố trí nguồn thu cho ngân sách huyện. Điều đổi mới cơ bản trong chế độ phân cấp quản lý

ngân sách cho huyện là sự thay đổi trong cơ chế hình thành nguồn thu. Thu của ngân sách huyện cũng bao gồm các khoản thu theo chế độ chung, các khoản thu điều tiết bổ sung, trợ cấp của ngân sách tỉnh và vốn xây dựng cơ bản do tỉnh phân phối. Ngoài khoản thu về thuế và thu về giao nộp nông sản do trung ương thống nhất quy định cho huyện, các khoản thu khác (tỉ lệ dành cho huyện) do tỉnh quy định. Tỉnh phải bố trí các tỉ lệ điều tiết sao cho các nhiệm vụ chi giao cho huyện được bảo đảm bằng những nguồn thu tương ứng, hạn chế đến mức thấp nhất biện pháp trợ cấp để cân đối ngân sách huyện. Các tỉ lệ thu theo chế độ chung không thay đổi hằng năm như trước mà được giữ ổn định cho đến năm 1985.

Trước đây ngân sách huyện về thực chất chỉ mới là ngân sách cấp huyện, vì nó chưa bao gồm ngân sách xã. Theo quy định mới, ngân sách huyện là một bộ phận cấu thành của ngân sách tỉnh, ngân sách xã là một bộ phận cấu thành của ngân sách huyện và toàn bộ ngân sách địa phương bao gồm tỉnh, huyện, xã) là một bộ phận cấu thành của ngân sách Nhà nước. Như vậy, ngân sách huyện gồm có ngân sách cấp huyện và ngân sách các xã của huyện. Căn cứ vào những nguồn thu do cấp trên quy định cho mình, Ủy ban nhân dân và Hội đồng nhân dân huyện lập dự toán ngân sách của huyện và phân bổ một phần cho ngân sách xã theo những tỷ lệ do huyện quy định (trừ thuế nông nghiệp, thuế muối, thuế sát sinh, các loại thuế công thương nghiệp khác thu tại xã và thu về giao nộp nông sản do trung ương quy định) nhằm đáp ứng những nhiệm vụ chi đã giao cho chính quyền xã. Tuy nhiên, do tính chất phức tạp của ngân sách xã và cần có thời gian để kiện toàn công tác kế toán, thống kê và quản lý ngân sách xã theo đúng các thể lệ quản lý ngân sách của Nhà nước, việc đưa

ngân sách xã vào hệ thống ngân sách Nhà nước phải tiến hành từng bước. Trước mắt, cần đưa vào dự toán và quyết toán ngân sách Nhà nước một số khoản thu, chi mà Nhà nước đã quy định đối với ngân sách xã.

Tăng cường kỷ luật tài chính, thực hiện tốt những đòi hỏi mới trong chế độ phân cấp ngân sách.

Đề góp phần thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội thứ V của Đảng và các nghị quyết của Hội nghị Ban chấp hành trung ương Đảng tiếp theo, các ngành, các cấp cần quán triệt và thi hành nghiêm chỉnh Nghị quyết số 138/HĐBT ngày 19-11-1983 của Hội đồng bộ trưởng về phân cấp quản lý ngân sách cho địa phương.

Việc xác định lại nhiệm vụ và phạm vi chi, cải tiến cơ chế hình thành các nguồn thu của ngân sách địa phương đã làm tăng thêm quyền tự chủ về tài chính và ngân sách cho chính quyền địa phương. Các địa phương được quyền tự sắp xếp các khoản chi của mình căn cứ vào khả năng thu của ngân sách địa phương. Với các tỷ lệ điều tiết đã được quy định trước, số thu của ngân sách địa phương gắn liền với sự hình thành các nguồn thu của Nhà nước trên địa bàn. Do đó, suy cho cùng, mức độ thỏa mãn các nhu cầu chi của ngân sách địa phương chủ yếu phụ thuộc vào năng suất, chất lượng và hiệu quả hoạt động của các xí nghiệp và các cơ sở kinh tế (trung ương và địa phương), đóng trên địa bàn. Nếu các cấp chính quyền địa phương tăng cường quản lý các xí nghiệp và các tổ chức kinh tế trực thuộc, tham gia tích cực vào quá trình sản xuất, kinh doanh và quản lý tài chính của các xí nghiệp trung ương đóng trên lãnh thổ, thúc đẩy kinh tế trên lãnh thổ phát triển toàn diện và vững chắc

thì có thể tự cân đối tích cực ngân sách của mình bằng các khoản thu theo chế độ chung. Càng có nhiều địa phương tự cân đối được ngân sách thì trung ương càng có thêm điều kiện tập trung vốn giải quyết các nhu cầu chung của cả nước. Xét về phương diện đó, phân cấp không làm suy yếu mà trái lại có tác dụng tăng cường sự tập trung thống nhất của tài chính Nhà nước xã hội chủ nghĩa.

Việc trung ương không quy định tổng mức chi của ngân sách địa phương và giữ ổn định các tỷ lệ điều tiết tạo tiền đề cho các địa phương thực hiện triệt để phương châm cân đối tích cực: *tăng thu để bảo đảm chi*. Nếu các địa phương tổ chức và khai thác tốt các nguồn thu Nhà nước trên địa bàn của mình thì số thu của ngân sách địa phương tăng lên và nhờ đó mà nhu cầu chi được thỏa mãn tốt hơn.

Những nguồn thu mới được bổ sung của ngân sách địa phương là những nguồn thu gắn với tiềm năng kinh tế địa phương, do đó có tác dụng kích thích các địa phương phát huy cao độ các thế mạnh của mình, tạo ra ngày càng nhiều nguồn thu tại chỗ, giảm dần sự lệ thuộc vào trợ cấp của trung ương.

Đi liền với việc tăng cường quyền tự chủ, cần đề cao tinh thần tự chịu trách nhiệm của các cấp chính quyền địa phương trong việc cân đối ngân sách. Nếu các địa phương không hoàn thành nhiệm vụ thu của ngân sách địa phương, thì phải sắp xếp lại các khoản chi để tự cân đối. Trường hợp không cân đối được thì phải sử dụng quỹ dự trữ tài chính của địa phương. Chỉ trong những trường hợp thật đặc biệt, do những nguyên nhân khách quan và sau khi địa phương đã sắp xếp các khoản chi, đã sử dụng hết quỹ dự trữ tài chính của mình mà vẫn không cân đối được ngân sách, thì trung ương mới cho vay hoặc trợ cấp.

Thực hiện những đổi mới về phân cấp quản lý ngân sách nêu trên chắc chắn sẽ góp phần tạo nên một cơ chế quản lý năng động, thích ứng với tình hình hiện nay, có khả năng xóa bỏ tập trung quan liêu, bảo thủ trì trệ và bao cấp tràn lan, đồng thời đề cao trách nhiệm, mở rộng quyền chủ động cho chính quyền địa phương trong việc phát triển kinh tế, văn hóa và trong việc bố trí ngân sách của mình.

Như vậy, với chế độ phân cấp mới, quyền hạn và trách nhiệm được đề cao, ý thức làm chủ tập thể ở từng cấp được phát huy, tạo ra khả năng củng cố tài chính Nhà nước, đáp ứng ngày càng tốt các nhu cầu xây dựng và đời sống của nhân dân ta trên tinh thần tự lực tự cường.

Điều kiện trước hết bảo đảm cho những đổi mới trong chế độ phân cấp quản lý ngân sách được thực hiện triệt để là phải thi hành đúng đắn nguyên tắc tập trung dân chủ, giữ vững kỷ luật tài chính. Buông lỏng kỷ luật tài chính trong điều kiện phân cấp mạnh mẽ cho địa phương sẽ dẫn đến tình trạng lộn xộn, cục bộ, bản vị, làm hại cho sự phát triển có kế hoạch và cân đối của toàn bộ nền kinh tế quốc dân.

Nguyên tắc tập trung thống nhất của nền tài chính xã hội chủ nghĩa đòi hỏi mọi khoản thu chi tài chính từ trung ương đến địa phương đều phải được phản ánh đầy đủ, kịp thời và chính xác vào ngân sách và phải theo đúng chính sách, chế độ, định mức, tiêu chuẩn do trung ương thống nhất quy định. Trung ương không khống chế tổng số chi của ngân sách địa phương, tỉnh được quyền chủ động bố trí các khoản chi phù hợp với khả năng thu

và nhu cầu phát triển kinh tế, văn hóa và xã hội của địa phương mình. Điều đó hoàn toàn không có nghĩa là địa phương được phép tự đặt ra các chế độ, tiêu chuẩn thu chi riêng trái với chế độ, tiêu chuẩn chung của Nhà nước, lập và duy trì các quỹ trái phép ngoài ngân sách hoặc không thực hiện chế độ báo cáo đầy đủ lên trung ương.

Đề củng cố kỷ luật tài chính, các cơ quan có trách nhiệm cần xây dựng và kịp thời đổi mới các chính sách, chế độ tài chính phù hợp với hoàn cảnh, đặc điểm của nước ta trong chặng đường đầu tiên của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội. Ủy ban nhân dân các cấp khẩn trương bố trí, sắp xếp ngân sách (cho mình và cho cấp dưới) phù hợp với những quy định mới; thực hiện số thu của ngân sách địa phương theo đúng tỉ lệ điều tiết mới kể từ ngày 1-1-1984.

Ngân sách Nhà nước là một thể thống nhất. Các cơ quan tài chính Nhà nước từ trung ương đến tỉnh, huyện, xã có trách nhiệm chăm lo chung đến toàn bộ ngân sách Nhà nước; tăng cường công tác kiểm tra, thanh tra tài chính ở tất cả các ngành, các cấp, bảo đảm cho kỷ luật tài chính được chấp hành triệt để từ trên xuống dưới.

Quán triệt và chấp hành nghiêm chỉnh nghị quyết về cải tiến chế độ phân cấp ngân sách cho địa phương, phấn đấu tạo nên những bước chuyển biến vững chắc trong công tác quản lý tài chính và ngân sách Nhà nước là thiết thực đóng góp vào việc thực hiện chính sách tài chính quốc gia tích cực, phù hợp với chặng đường hiện nay, mà Đại hội V của Đảng đã đề ra.

Từng bước cải tiến cơ chế quản lý kinh tế ở công ty xuất khẩu thủy sản

TRẦN VÔ MÂN

TRƯỚC năm 1980, mặc dù được Nhà nước đầu tư rất lớn nhưng việc xuất khẩu thủy sản thường không năm nào đạt kế hoạch: so với năm 1976, kim ngạch xuất khẩu của năm 1977 bằng 88,4%, năm 1978: 84,06%, năm 1979: 77,88%, đến cuối năm 1980 chỉ bằng 54,21%; khối lượng cả ba mặt hàng xuất khẩu chủ yếu cũng bị giảm: năm 1980, tôm đông lạnh bằng 50%, cá đông lạnh bằng 47%, mực đông lạnh chỉ bằng 30% so với năm 1976. Hầu hết các cơ sở sản xuất, chế biến thủy sản đều bị thua lỗ.

Tình hình sản xuất, xuất khẩu thủy sản trên đây do nhiều nguyên nhân, trong đó nguyên nhân chủ yếu là việc tổ chức xuất khẩu thủy sản chưa phù hợp; một số chính sách cụ thể đối với nghề cá xuất khẩu chưa hợp lý; chưa giải quyết thỏa đáng mối quan hệ về lợi ích kinh tế giữa Nhà nước, địa phương, cơ sở và người lao động.

Để khắc phục tình trạng sa sút kéo dài, từng bước khôi phục và đẩy mạnh công tác xuất khẩu thủy sản, đầu năm 1981, Nhà nước đã cho phép Công ty xuất khẩu thủy sản thuộc Bộ thủy sản thực hiện một số biện pháp về đổi mới cơ chế quản lý kinh tế. Nội dung chủ yếu của việc cải tiến này là từng bước khắc phục lối quản lý quan liêu bao cấp, thực hiện phương thức quản lý kinh doanh xã

hội chủ nghĩa trong hoạt động xuất khẩu thủy sản ở nước ta. Sau 3 năm (1981—1983) thực hiện các chủ trương, chính sách mới, vừa làm vừa rút kinh nghiệm, chúng tôi mạnh dạn nêu lên một số việc đã làm được trong thời gian qua.

1 — *Đổi mới chức năng hoạt động của Công ty xuất khẩu thủy sản, tổ chức lại việc cung ứng vật tư và thu mua thủy sản, gắn liền xuất khẩu với sản xuất.*

Công tác xuất khẩu thủy sản trước đây do Tổng công ty xuất nhập khẩu hải súc sản thuộc Bộ ngoại thương đảm nhận. Chức năng chủ yếu của cơ quan này là thu mua thủy sản theo kế hoạch đối với các xí nghiệp chế biến thủy sản. Còn việc sản xuất, thu mua thủy sản và cung ứng vật tư cho sản xuất ở các giai đoạn trước khi đưa thủy sản đến các xí nghiệp chế biến ra sao thì dù Tổng công ty này có quan tâm, cũng không có điều kiện vật chất để giúp đỡ các cơ sở sản xuất và các địa phương giải quyết được những khó khăn. Để khắc phục tình trạng đó, Nhà nước đã giao cho Bộ thủy sản thành lập Công ty xuất khẩu thủy sản hoạt động theo chức năng mới: vừa là người đại diện các địa phương, các cơ sở sản xuất, tổ chức xuất khẩu; vừa là người đại diện Nhà nước lập quy hoạch, kế hoạch sản xuất — xuất khẩu thủy sản.

quản lý sản phẩm, quản lý kỹ thuật và cung ứng vật tư cho sản xuất. Nhờ việc cải tiến tổ chức này mà hoạt động xuất khẩu thủy sản hiện nay đã gần được công tác cung ứng vật tư với thu mua thủy sản xuất khẩu, làm cho các khâu của sản xuất và xuất khẩu gần bó chặt chẽ và thống nhất với nhau.

Hiện nay, trên cơ sở tự cân đối vật tư cho sản xuất, vật tư kỹ thuật nhập khẩu, Công ty xuất khẩu thủy sản phân phối thẳng tới các đơn vị thu mua (thường là các cơ sở chế biến thủy sản đảm nhiệm) và giao trực tiếp cho các đơn vị đã bán thủy sản xuất khẩu cho Nhà nước. Trong công tác thu mua, chúng tôi đã kiên quyết loại bỏ những khâu trung gian không cần thiết, tạo điều kiện cho ngư dân và các đơn vị sản xuất bán thủy sản trực tiếp cho các xí nghiệp chế biến, không phải qua các đơn vị thu mua thuộc Công ty hải sản tỉnh và huyện như trước nữa. Việc tổ chức công tác xuất khẩu thủy sản như vậy có nhiều ưu điểm: *Một là*, đã giảm được nhiều khâu trung gian kể cả việc thu mua thủy sản lẫn cung ứng vật tư cho sản xuất theo cơ chế tổ chức quản lý bao cấp trước đây. Rút ngắn thời gian sản xuất và xuất khẩu hàng hóa; người sản xuất nhận vật tư cung ứng vừa nhanh, vừa đồng bộ, đúng yêu cầu sản xuất. *Hai là*, Nhà nước vừa tập trung thống nhất xuất khẩu được các mặt hàng thủy sản chủ yếu, vừa tạo điều kiện để các địa phương và cơ sở sản xuất tiếp xúc, tìm hiểu yêu cầu của thị trường nước ngoài, đáp ứng yêu cầu tiêu dùng của khách hàng, mở rộng thị trường tiêu thụ nhanh sản phẩm. *Ba là*, cách tổ chức này đã tạo điều kiện để hình thành các quan hệ hợp tác liên doanh (giữa các xí nghiệp chế biến với các cơ sở đánh bắt thủy sản) và liên kết kinh tế (giữa ngành thủy sản với các địa phương, cơ sở sản xuất thủy sản),

thúc đẩy quá trình phân công lao động mới trong công tác xuất khẩu thủy sản. Đây cũng là một trong những tiền đề quan trọng để tiến tới thành lập các xí nghiệp liên hợp hoặc các tổ hợp liên hợp đánh bắt, chế biến và xuất khẩu thủy sản theo hướng tiến lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa.

2 - Tự cân đối vật tư trên cơ sở đẩy mạnh xuất khẩu thủy sản là vấn đề có ý nghĩa quyết định để xóa bỏ cơ chế quản lý bao cấp, tạo động lực kinh tế mạnh mẽ trong công tác xuất khẩu thủy sản.

Trong điều kiện hiện nay, vật tư của Nhà nước cung cấp cho nghề cá còn có hạn thì việc Công ty xuất khẩu thủy sản được phép tự cân đối vật tư kỹ thuật cho sản xuất bằng phần lớn ngoại tệ do xuất khẩu thủy sản đem lại là một biện pháp tích cực để khôi phục và phát triển sản xuất, xuất khẩu thủy sản. Cách làm mới mẻ này, trên thực tế Công ty xuất khẩu thủy sản mới bắt đầu thực hiện từ tháng 4 năm 1981, khi Nhà nước ra các văn bản hướng dẫn chúng tôi thực hiện từng bước đổi mới cơ chế quản lý kinh tế trong công tác xuất khẩu thủy sản. Trong những văn bản mà Nhà nước đã ban hành đối với công tác xuất khẩu thủy sản, đáng chú ý nhất là công văn số 2311 của Phủ thủ tướng (ngày 21-6-1981). Văn bản này cho phép các địa phương được quyền sử dụng vật tư hàng hóa nhập khẩu; cho phép công ty xuất khẩu thủy sản tự cân đối vật tư kỹ thuật trong công tác xuất khẩu thủy sản bằng nguồn vốn ngoại tệ, cung ứng vật tư kỹ thuật nghề cá cho các địa phương và cơ sở sản xuất theo định mức tương ứng với khối lượng hàng hóa thủy sản mà Nhà nước đã thu mua để xuất khẩu. Chính đây là một trong những tiền đề cơ bản nhất để giải quyết khó khăn trong quản lý, thúc đẩy xuất khẩu thủy sản, thực

hiện tốt mối quan hệ kinh tế giữa Nhà nước với địa phương và các cơ sở sản xuất thủy sản xuất khẩu trong thời gian qua. Phần lớn các xí nghiệp chế biến, các đơn vị đánh bắt thủy sản xuất khẩu hiện nay đều thuộc các địa phương quản lý; và, trong tổng số thủy sản xuất khẩu được, ngoài những mặt hàng thủy sản do Trung ương thống nhất quản lý còn có thủy sản xuất khẩu thuộc địa phương. Cho nên văn bản này đã cải tiến được việc giao kế hoạch cho các địa phương, gắn chặt lợi ích kinh tế của các địa phương với việc thực hiện kế hoạch đó. Ví dụ khi địa phương hoàn thành mức kế hoạch ngoại tệ thu được do xuất khẩu các loại thủy sản mà trung ương quản lý thì Nhà nước chỉ thu 30%, còn 70% số ngoại tệ thu được thuộc quyền sử dụng của các địa phương dưới dạng vật tư hàng hóa nhập khẩu (Nếu vượt kế hoạch đó thì được hưởng 90% số ngoại tệ vượt). Phần thủy sản không thuộc trung ương quản lý, nếu bán cho Nhà nước xuất khẩu thì địa phương cũng được hưởng 90% số ngoại tệ thu được (cũng dưới hình thức nhận vật tư hàng hóa nhập khẩu). Với số ngoại tệ các địa phương được quyền sử dụng này, Công ty xuất khẩu thủy sản đã nhập khoảng 75% tư liệu sản xuất và 25% tư liệu tiêu dùng làm quỹ vật tư hàng hóa cung cấp trở lại theo hợp đồng hai chiều giữa Nhà nước với các địa phương, các đơn vị sản xuất và ngư dân đã làm công tác xuất khẩu thủy sản. Giá vật tư, hàng hóa đó được tính theo giá nhập khẩu (cộng thêm phần chi phí nhập khẩu), không có khoản lãi nào tính thêm. Vì vậy, lợi ích kinh tế này đã tạo ra động lực mạnh mẽ cho các địa phương quan tâm và đẩy mạnh công tác xuất khẩu thủy sản trong thời gian qua. Trên thực tế, không phải toàn bộ số ngoại tệ được quyền sử dụng, địa phương nào cũng dành tất cả cho nghề cá xuất khẩu, tuy nhiên nghề cá xuất

khẩu ở các địa phương trong thời gian qua đều được đầu tư và phát triển tốt hơn trước. Công tác tự kiểm soát thị trường, quản lý thủy sản ở các địa phương làm khá chặt chẽ, thủy sản được tập trung bán cho Nhà nước ngày càng nhiều.

Đối với người lao động, Công ty xuất khẩu thủy sản đã bảo đảm cung cấp kịp thời các mặt hàng bán đối lưu như lương thực, tư liệu sản xuất và còn cung cấp nhiều mặt hàng tiêu dùng khác. Nhờ chủ động được nguồn vốn, Công ty chúng tôi có điều kiện giúp cho các cơ sở sản xuất có đủ nguyên liệu, nhiên liệu, vật tư để đẩy mạnh sản xuất kinh doanh, chấm dứt tình trạng làm ăn thua lỗ trước đây. Mặc dù kế hoạch xuất khẩu Nhà nước giao cho Công ty mỗi năm một tăng: năm 1982 bằng 138% so với năm 1981; năm 1983 bằng 222% so với năm 1982 (kể cả phần cuối năm Nhà nước giao thêm kế hoạch), nhưng nhờ sản xuất và thu mua thủy sản ở các địa phương tiến hành được tốt cho nên năm nào Công ty xuất khẩu thủy sản cũng hoàn thành vượt mức kế hoạch. Năm 1981 vượt 15%, năm 1982 vượt 22%, năm 1983 vượt 36%. Và, nếu lấy kim ngạch xuất khẩu thủy sản năm 1980 là 100 thì năm 1981 đạt 136, năm 1982 đạt 197, năm 1983 lên tới 364. Nếu kể cả phần địa phương trực tiếp xuất khẩu thì tỷ lệ đó còn lớn hơn nhiều. Kết quả đó cho thấy với cách làm ăn mới, việc xuất khẩu thủy sản trong vài ba năm gần đây đã có tiến bộ đáng kể so với nhiều năm trước đây.

3 - Chủ động nắm nguồn vật tư sản xuất và đổi mới chính sách giá cả, thực hiện tốt hợp đồng hai chiều giữa Nhà nước với ngư dân, đẩy mạnh công tác thu mua thủy sản để xuất khẩu.

Khi còn thực hiện cơ chế quản lý bao cấp, do không chủ động nắm được nguồn vật tư, cho nên hợp đồng hai chiều chỉ là hình thức. Việc thu mua không có vật tư đối lưu và định giá

thu mua quá thấp không đủ bù đắp chi phí sản xuất v.v. đã làm cho sản lượng thủy sản thu mua được ngày một giảm. Từ năm 1976 đến năm 1980, sản lượng thủy sản thu mua được trung bình năm sau giảm 15,6% so với năm trước. Và, trên thực tế đã có trường hợp, một nhà máy đông lạnh có công suất 1 tấn/ngày cả năm chỉ tạo được 10 tấn cá xuất khẩu vì không thu mua được đủ nguyên liệu. Tuy Nhà nước không mua được thủy sản nhưng phần lớn vật tư vẫn phải bán với giá rất thấp theo kế hoạch cho các đơn vị sản xuất. Chẳng những thế, ở một số cơ sở sản xuất và địa phương còn diễn ra tình trạng mua đi bán lại các vật tư này.

Để khắc phục tình trạng trên, Nhà nước đã điều chỉnh giá cả nhiều loại vật tư và thủy sản, nghiêm chỉnh thực hiện hợp đồng hai chiều giữa Nhà nước với các đơn vị sản xuất và ngư dân. Nội dung của hợp đồng hai chiều về thu mua thủy sản và cung ứng vật tư hiện nay đã được Công ty xuất khẩu thủy sản cụ thể hóa một bước. Nếu người sản xuất bán thủy sản cho Nhà nước với giá chỉ đạo, thì cũng được Nhà nước bán đối lưu lại vật tư với giá chỉ đạo theo định mức. Số thủy sản vượt kế hoạch ghi trong hợp đồng, người sản xuất có thể bán cho Nhà nước theo giá thỏa thuận chứ không phải theo giá khuyến khích như trước kia. Đương nhiên, nếu ngư dân bán thủy sản cho Nhà nước theo giá thỏa thuận thì Nhà nước cũng bán vật tư cho ngư dân theo giá thỏa thuận. Và giá thỏa thuận này được vận dụng linh hoạt tùy theo tình hình giá cả thủy sản ở thị trường tự do trong từng thời gian. Trong 3 năm qua nhờ giá vật tư tương đối ổn định và giá thu mua thủy sản đã được Nhà nước điều chỉnh hợp lý, cho nên việc thu mua thủy sản đã đạt được kết quả tương đối tốt, mỗi năm sản lượng thủy sản thu mua được tăng trung

bình 13,4% so với kế hoạch của Nhà nước giao cho Công ty. Kết quả đưa ra chứng tỏ vai trò quan trọng của chính sách kinh tế trong hệ thống đòn bẩy kinh tế, phản ánh việc giải quyết đúng đắn mối quan hệ về lợi ích kinh tế giữa Nhà nước, tập thể và người lao động.

4 - *Đổi mới công tác đầu tư trong đánh bắt và nuôi trồng thủy sản, phát huy sức mạnh tổng hợp của mọi phương tiện và lực lượng khai thác, tạo ra nguồn nguyên liệu thủy sản vững chắc để xuất khẩu.*

Công tác đầu tư trước đây chủ yếu tập trung vào việc mua sắm các tàu thuyền lớn để đánh bắt tôm cá ở biển xa, chưa chú ý tới việc đầu tư, trang bị các loại phương tiện cơ giới nhỏ và thủ công, do đó đã hạn chế kết quả đánh bắt thủy sản. Từ khi được Nhà nước cho phép tự cân đối lấy vật tư, Công ty xuất khẩu thủy sản đã thực hiện hướng đầu tư hợp lý, đồng bộ, có trọng điểm. Một mặt, công ty đã chú trọng đúng mức nhập các phụ tùng máy thủy để khôi phục năng lực sản xuất hiện có; mặt khác, tập trung trang bị lại cho các cơ sở sản xuất những phương tiện cơ giới nhỏ và thủ công nhằm khai thác tốt hơn nhiều loại thủy sản xuất khẩu có giá trị cao như tôm, mực, v.v.

Cùng với việc đầu tư, mua sắm các phương tiện khai thác, việc đầu tư cho công tác điều tra, nghiên cứu về ngư trường, cải tiến kỹ thuật đánh bắt và chế biến thủy sản của công ty đã mang lại năng suất và hiệu quả kinh tế cao. Chỉ tính riêng việc áp dụng phổ biến sáng kiến dùng lưới rê 3 lớp để đánh tôm ở Hải phòng, với số vốn đầu tư chỉ bằng 8 đến 10%, lao động chỉ bằng 15 đến 20% so với phương tiện đánh bắt bằng cơ giới trước đây, mà năng suất tôm bắt được đã đạt từ 80 đến 90% lợi đánh bắt cá.

Để tạo ra nguồn thủy sản xuất khẩu vững chắc, Công ty xuất khẩu thủy

sản đã và đang cùng nhiều địa phương quy hoạch và đầu tư xây dựng các vùng nuôi tôm xuất khẩu. Hình thức liên kết kinh tế ba cấp (ngành, địa phương, cơ sở) đang hình thành ở nhiều vùng nuôi tôm xuất khẩu trong cả nước. Với phương châm Nhà nước và nhân dân, trung ương và địa phương cùng làm, hình thức liên kết này đang được các địa phương như huyện Năm Căn (Minh Hải), huyện Hậu Lộc (Thanh Hóa), tỉnh Đồng Tháp, tỉnh Bến Tre, v.v. tham gia một cách tích cực. Đây là hướng đầu tư sẽ mang lại hiệu quả kinh tế lớn, tận dụng được mặt nước, nhất là vùng nước lợ, tồn ít ngoại tệ để nhập vật tư mà lại phát huy được thế mạnh, kinh nghiệm truyền thống nuôi thủy sản, đặc sản ở nhiều địa phương.

Theo phương hướng này, nếu được Nhà nước quan tâm đầu tư thích đáng thì mấy năm tới nước ta sẽ có khoảng 10 đến 20 vạn héc ta nuôi tôm xuất khẩu. Với mỗi héc ta đạt năng suất từ 3 đến 5 tạ tôm, nghề nuôi tôm xuất khẩu nước ta sẽ góp phần không nhỏ vào việc làm tăng thêm kim ngạch xuất khẩu để phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa nước nhà.



Kết quả trên đây tuy mới là bước đầu nhưng rất quan trọng vì nó đánh dấu một bước phát triển mới, loại bỏ tình trạng sa sút kéo dài nhiều năm và tạo nên sự chuyển biến tích cực trong công tác xuất khẩu thủy sản ở nước ta. Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đạt được, công tác xuất khẩu thủy sản cũng còn nhiều mặt hạn chế. Mặt hàng xuất khẩu mới tập trung chủ yếu ở con tôm, tiềm năng về nhiều loại thủy sản xuất khẩu khác chưa được chú ý khai thác. Chất lượng mặt hàng của một số đơn vị có lúc còn thấp vì chạy theo số lượng. Song đáng chú ý nhất là ở một số địa phương và đơn vị vẫn còn tình trạng vô kỷ luật, cục bộ.

địa phương chủ nghĩa trong hoạt động xuất khẩu thủy sản, chưa tôn trọng đúng mức sự quản lý tập trung, thống nhất của trung ương.

Mặc dù có quyết định số 113/HĐBT (ngày 10-7-1982) của Hội đồng bộ trưởng, quy định rõ tôm, mực đông lạnh, tôm khô là mặt hàng do trung ương thống nhất quản lý và tập trung xuất khẩu, nhưng trên thực tế, một số địa phương vẫn tiếp tục trực tiếp xuất khẩu những mặt hàng đó. Cần phải khắc phục một số hiện tượng như tự nâng giá thu mua một số thủy sản gấp 2 - 3 lần giá chỉ đạo của Nhà nước, hoặc dùng tỷ lệ hàng hóa đối lưu cao hơn mức bình thường nhằm thu hút hàng của địa phương khác; tranh bán trên cùng một thị trường nước ngoài với giá cả tùy tiện để thương nhân nước ngoài lợi dụng ép giá thủy sản của các đơn vị xuất khẩu khác. Trong công tác thu mua, cũng còn một số trường hợp lợi dụng danh nghĩa hợp tác liên doanh, tung tiền và hàng tiêu dùng ra thu mua thủy sản, hoặc dùng ngoại tệ thu được do xuất khẩu thủy sản để nhập khẩu hàng hóa không qua sự quản lý nhập khẩu của Nhà nước để bán ra thị trường tự do kiếm lời bằng chênh lệch giá, gây tình trạng rối loạn giá cả trên thị trường trong nước, ảnh hưởng tiêu cực đến sản xuất và công tác thu mua của Nhà nước.

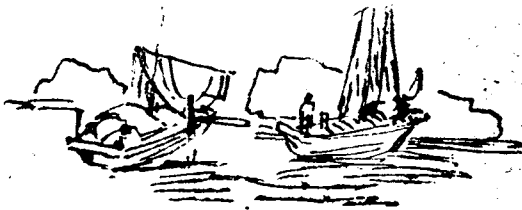
Để tiếp tục thực hiện đúng đắn chủ trương mới về cải tiến cơ chế quản lý kinh tế trong công tác xuất khẩu thủy sản, một mặt, ngành thủy sản cùng các địa phương và cơ sở sản xuất tiếp tục cải tiến toàn diện công tác quản lý kinh tế, đẩy mạnh công tác quy hoạch, kế hoạch và hoạt động sản xuất kinh doanh xã hội chủ nghĩa ở các địa phương và cơ sở sản xuất thủy sản; gắn chặt việc nghiên cứu khoa học với sản xuất, thực hiện tốt các hình thức liên kết kinh tế, hợp tác liên doanh với các địa phương; bố trí lại hệ thống

tò chức sản xuất, hệ thống cơ sở hạ tầng của sản xuất; bố trí và sử dụng hợp lý, có hiệu quả đội ngũ cán bộ, công nhân viên chức làm công tác xuất khẩu v.v.; *mặt khác*, trước mắt phải kiên quyết khắc phục lối làm ăn phân tán, vô chính phủ và những biểu hiện tiêu cực khác.

Về tỷ lệ phân phối, sử dụng ngoại tệ do xuất khẩu thủy sản đem lại giữa trung ương, ngành, địa phương và các cơ sở hiện nay đang còn một số ý kiến khác nhau, cần nghiên cứu thêm để thống nhất trong chủ trương, chính sách. Theo ý chúng tôi muốn giải quyết tốt vấn đề này, cần xuất phát từ quan điểm toàn diện và thực tiễn: tất cả vì sản xuất, vì sự nghiệp xây dựng đất nước, kết hợp hài hòa lợi ích của Nhà nước, lợi ích của tập thể và lợi ích của cá nhân người lao động.

Để thực hiện tốt các mặt trên đây, cần giải quyết một số vấn đề sau: *Một là*, Nhà nước sớm ban hành một số quy định và bổ sung chính sách về xuất khẩu thủy sản theo nghị quyết Hội nghị thứ 6 của Ban chấp hành trung ương Đảng (khóa V) và Nghị quyết 19 NQ/TƯ của Bộ chính trị ngày 17-7-1984 "Về quan hệ kinh tế giữa nước ta với nước ngoài", Nhà nước sớm điều chỉnh thống nhất giá thu mua thủy sản có quy định trong từng khu vực và trong cả nước, nhất là khung giá thỏa thuận, để chấm dứt tình trạng tranh mua, tranh bán thủy sản giữa trung ương và địa phương, giữa các địa phương với nhau. Đối với những mặt hàng thủy sản không thuộc trung ương quản lý thì nên có quy định cụ thể để khuyến

khích các địa phương xuất khẩu, hoặc dành tỷ lệ hàng tiêu dùng cao hơn để đối lưu phục vụ thu mua tập trung xuất khẩu. *Hai là*, trong điều kiện hiện nay, việc sử dụng ngoại tệ dưới dạng vật tư hàng hóa để đầu tư trở lại phục vụ nghề cá xuất khẩu ở các địa phương còn khác nhau. Cho nên trong số 70% ngoại tệ mà các địa phương được quyền sử dụng do hoàn thành kế hoạch xuất khẩu, chúng tôi nghĩ rằng Nhà nước nên quy định thống nhất dành hẳn 20% cho địa phương có toàn quyền sử dụng theo ý mình, còn 50% nhất thiết phải đầu tư cho việc phát triển nghề cá xuất khẩu. Đối với 90% ngoại tệ mà các địa phương được quyền sử dụng do hoàn thành vượt mức kế hoạch, cũng nên phân phối theo tỷ lệ thích hợp. Có như vậy sản xuất mới có điều kiện phát triển. *Ba là*, để tạo điều kiện cho công tác xuất khẩu thủy sản hoàn thành kế hoạch, Nhà nước cần có chính sách cụ thể về đầu tư vốn hoặc cho phép Công ty xuất khẩu thủy sản được trích một phần lợi nhuận để đầu tư, nhằm đẩy mạnh hơn nữa việc nuôi tôm xuất khẩu và tiến hành rộng rãi hình thức liên kết kinh tế, liên doanh với các địa phương nhằm thống nhất và tập trung về một mối việc xuất khẩu và nhập khẩu thủy sản trong cả nước. *Bốn là*, Nhà nước ban hành sớm luật bảo vệ nguồn lợi thác bờ bãi, như đánh bắt cá bằng chất nổ, đánh bắt tôm trúng, tôm con...; ngăn cấm người nước ngoài vào đánh bắt, thu mua thủy sản không hợp pháp trên vùng biển Việt nam.



Trao đổi ý kiến

XÂY DỰNG LỐI SỐNG XÃ HỘI CHỦ NGHĨA Ở VIỆT NAM HIỆN NAY *

NÔNG QUỐC CHẤN :

...Mê tín là một loại hiện tượng tiêu cực trong đời sống xã hội. Nó biểu hiện trên nhiều mặt, từ cách suy nghĩ đến thói quen hành động hằng ngày của nhiều người. Những hủ tục kiêng kỵ, cúng bái, bói toán, xem tướng số, v.v. hầu như đã mất đi sau ngày thắng lợi của Cách mạng Tháng Tám và trong những năm kháng chiến chống Pháp, chống Mỹ, nay lại ngóc đầu dậy và tác oai, tác quái ở nơi này, nơi khác.

(...) Chúng ta có thể phân loại các hiện tượng mê tín như thế nào?

Trong đời sống thực tế, mỗi ý nghĩ và hành động mê tín đều trái với lối sống xã hội chủ nghĩa. Nhưng có loại hiện tượng mê tín nảy sinh từ những người có ý thức, có sách vở; có loại do sự cuồng tin, mù quáng. Những người có hiểu biết, dù nông sâu, hẹp rộng khác nhau, nhưng đều có thể nhắc lại từ những câu phong dao, ngôn ngữ lưu truyền trong dân gian, đến những câu trích dẫn từ nhiều trang sách cổ, kim, đồng, tây để tự biện luận cho thế giới quan và nhân sinh quan của mình. Ví dụ: «tử vi» không phải do những người mù chữ mà là người có nhiều chữ nêu ra. Gần đây, trên một số diễn đàn, người ta đã tổ chức thuyết trình về «thuyết tử vi» có cả minh họa, nhằm mục đích mở rộng sự hiểu biết cho những người làm công việc

nghiên cứu văn hóa, khoa học. Kết quả, các buổi «sinh hoạt học thuật» này thường không mang lại những gì có lợi cho lối sống xã hội chủ nghĩa, mà ngược lại, làm cho người nghe thuyết trình thêm phân vân khi nhìn các hiện tượng tiêu cực trong xã hội! Từ chuyện ma quỷ đến chuyện thần thánh, từ chuyện may rủi, ngày lành, ngày dữ đến chuyện số phận, v.v. dù vô tình hay hữu ý, người đi «tìm tòi hiểu biết» đã khơi dậy lại cách nghĩ, cách nhìn cũ kỹ, mù quáng, huyền bí mà người Trung quốc đã «sáng tạo» và ghi chép cả vào nhiều trang trong cuốn lịch «Sùng đạo đường» ngày xưa.

Chúng tôi không nghĩ rằng, mọi chuyện trong cuộc sống xã hội và cuộc sống con người đều được phát triển một cách thuận chiều, đơn giản.

Cuộc đấu tranh «ai thắng ai» trong thời kỳ quá độ tiến lên chủ nghĩa xã hội không chỉ diễn biến phức tạp trong từng con người, từng gia đình, từng đường phố, từng làng xã... ở trong nước ta. Cuộc đấu tranh đó đang diễn ra gay gắt trên phạm vi toàn thế giới.

Xây dựng lối sống xã hội chủ nghĩa ở nước ta, chúng ta không thể dễ dàng tồn tại lâu dài những quan điểm về lối sống, cách sống, lẽ sống mà hằng ngày, hằng giờ giai cấp tư sản, bọn đế

* Xem Tạp chí Cộng sản từ số 1-1985

quốc và bọn phản động quốc tế đang gieo rắc vào nước ta từ mọi phía.

Thường xuyên tổ chức nhiều cuộc hội thảo khoa học là một trong những hình thức đấu tranh và thuyết phục lẫn nhau, để làm rõ dần những vấn đề về lối sống hiện nay.

Chế độ xã hội xã hội chủ nghĩa yêu cầu mọi người phải tuân theo Hiến pháp, pháp luật. Các cơ quan thi hành pháp luật không thể tha thứ những vụ vi phạm pháp luật, dù người vi phạm là ai. Tại sao lại cho phép đóng thuế để kinh doanh hàng vàng mã? Tại sao không trừng trị kẻ giết người chỉ vì nghi ngờ người đó có « ma gà », « ma lai »?

Thực hiện chỉ thị mới của Ban bí thư Trung ương Đảng về việc « tăng cường lãnh đạo cuộc vận động thực hiện nếp sống mới, bài trừ hủ tục, mê tín dị đoan, xóa bỏ tệ nạn xã hội, quét sạch văn hóa phản động đồi trụy » và nghị quyết của Hội đồng bộ trưởng về công tác văn hóa thông tin trong thời gian trước mắt, nhân dân các dân tộc và lực lượng vũ trang cách mạng hiện đang tiến hành vận động xây dựng lối sống và nếp sống xã hội chủ nghĩa. Nhiều con người tiên tiến, nhiều đơn vị tiên tiến đang xuất hiện qua các phong trào lao động sản xuất; qua các trận chiến đấu chống giặc xâm lược; qua cuộc vận động thực hiện nếp sống mới trong việc cưới, việc tang, giỗ tết, hội hè; qua phong trào xây dựng gia đình văn hóa mới; qua nếp sống trật tự, vệ sinh tại các nơi công cộng; và qua sự giáo dục thẩm mỹ mới, đạo đức mới xã hội chủ nghĩa.

Chúng ta khẳng định những yếu tố mới và phát triển những yếu tố mới.

Chúng ta không ngừng đấu tranh nhằm ngăn ngừa và xóa bỏ những hiện tượng tiêu cực trong xã hội...

BÙI VĂN NGUYÊN :

...Theo quan điểm Mác - Lê-nin, trước khi chúng ta thừa kế những truyền thống cũ của dân tộc thì phải phân tích những truyền thống đó, để xem nên thừa kế cái gì, loại bỏ cái gì, thừa kế ở mức độ nào và trên phương hướng nào. Những tàn dư của tư tưởng lạc hậu và bảo thủ trong xã hội cũ thì nhất thiết phải trừ khử, nhưng những truyền thống chủ nghĩa nhân đạo và chủ nghĩa yêu nước thì cũng không phải thừa kế một cách máy móc, giáo điều mà phải biết chắt lọc, vì chủ nghĩa nhân đạo và chủ nghĩa yêu nước cũ, tuy có chứa đựng những yếu tố dân tộc và dân chủ, nhưng vẫn chưa thể có yếu tố giai cấp vô sản và tinh thần quốc tế vô sản khoa học như hiện nay.

Rất tiếc là hiện nay, những mặt hạn chế, thậm chí những tàn dư xấu xa của phương thức sản xuất phong kiến vẫn chưa bị trừ khử hết, mà chỗ này, chỗ kia còn có những tác hại nhất định, ảnh hưởng khá lớn đến những bước tiến của cuộc sống mới, của lối sống mới. Những tư tưởng lạc hậu, bảo thủ, kèn cựa, cá nhân ích kỷ, kềm chế ác, man rợ trong xã hội cũ vẫn tồn tại đến ngày nay, nhưng dưới sắc thái khác, có vẻ hiện đại kiểu chủ nghĩa tư bản phương Tây từ nước ngoài du nhập vào nước ta bằng nhiều con đường khác nhau, trong mối giao lưu văn hóa và thương mại hiện nay, đôi khi làm cho cuộc sống đã phức tạp lại càng thêm phức tạp. Do đó, chúng ta phải hết sức bình tĩnh, vững vàng để bảo vệ sự trong sáng của nền văn hóa mới và xây dựng lối sống mới xã hội chủ nghĩa, bằng cách phân biệt đâu là chân, đâu là ngụy, đâu là thiện, đâu là ác, đâu là mỹ, đâu là xấu.

Tất nhiên, cuộc sống xã hội chủ nghĩa của ta hiện nay cũng phải

trên cơ sở thừa kế mà phát triển cái tốt đẹp cũ của dân tộc như tình yêu người, lòng yêu nước, thương thề hiện từng mặt trong gia đình, trường học, công sở và ngoài xã hội... Về nhận thức cuộc đời, thì xưa kia, cũng có những kinh nghiệm quý như về kỹ cương gia đình, xã hội, ai ở cương vị nào phải giữ đúng chức năng và phải tự mình làm tấm gương sáng ở cương vị ấy, nếu không thì sẽ tạo sơ hở cho người đi sau mình làm theo những điều không đẹp. Người xưa đã từng rút kinh nghiệm: "Trên không thẳng thân, dưới dễ lộn xộn" và đưa ra khẩu hiệu: "Cần, kiệm, liêm, chính" và "Chí công vô tư", để giáo dục mọi người trong xã hội. Chủ tịch Hồ Chí Minh cũng nhắc lại khẩu hiệu đó, nhưng đưa vào đây một nội dung hoàn toàn mới. Đó là một phương pháp "học xưa vì nay" mà Người đã chỉ ra cho chúng ta áp dụng. Thời nào cũng vậy, con người có bản lĩnh, có phẩm chất cao, dù ở cương vị nào cũng không vì tiền tài, địa vị mà dễ cho mình phải sa đọa, thoái hóa. Tiền tài cần thiết cho cuộc sống, vì cần thiết, cho nên cũng là quý. Nhưng tình nghĩa đối với nhau còn quý hơn nhiều. Tục ngữ có câu: "Tiền là gạch, ngãi là vàng", hoặc: "Tham vàng bỏ ngãi ai ơi. Vàng ăn hay hết, ngãi tôi đang còn". Có điều làm thế nào để biết ai là người quý ngãi hơn quý vàng, và ngược lại, ai là người quý vàng hơn quý ngãi? Vì rằng: Sống đẹp là đẹp ở chiều sâu nội dung tình nghĩa, không phải đẹp ở hình thức hào nhoáng đánh lừa của tiền tài. Còn làm thế nào để biết? Qua thử thách rồi biết cả. "Có gió lung, mới biết từng bách cứng, có ngọn lửa lừng mới biết thứ vàng cao" (tục ngữ).

Sống có tình nghĩa, trong gia đình nhất định đẹp, ngoài xã hội cũng nhất định đẹp. Cha ra cha, con ra con, thấy ra thấy, trò ra trò, người trên ra người trên, người dưới ra người dưới

theo đạo đức xã hội chủ nghĩa, guồng máy xã hội sẽ quay trong trật tự và tiến bộ. Truyền thống cũ được gạn lọc và nâng cao, nhân cái đẹp đã có thành cái đẹp mới lên gấp nhiều lần. Có điều, không phải tạo ra cái đẹp mới, để rồi ngồi ngắm, mà phải luôn luôn cầu tiến không ngừng. Sống hiện nay phải có cái nhìn về tương lai. Nhưng cái đẹp của chúng ta ngày nay có thể trở thành truyền thống tốt đẹp cho con cháu chúng ta muôn đời mai sau không? Đó là một câu hỏi mà mỗi chúng ta phải tự đặt ra, và cũng chính tự mình giải đáp cho mình, vì chính chúng ta là chủ nhân hiện tại, lo cho tương lai là lo bồi dưỡng thế hệ trẻ, những người nối gót chúng ta làm chủ đất nước, làm chủ thế giới. Trong *Di chúc*, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã căn dặn chúng ta điều quan trọng này: "Bồi dưỡng thế hệ cách mạng cho đời sau là một việc rất quan trọng và rất cần thiết".

Thế hệ trẻ đầy năng động và tràn trề nhựa sống là vốn quý của dân tộc Cần phải bồi dưỡng họ, tạo điều kiện cho họ có tầm nhìn xa, thấy rộng, không bỏ phí tuổi xuân vô cùng quý báu của mình, đưa sức ra mà học tập, lao động và chiến đấu, vừa làm người công dân, người chiến sĩ tốt của đất nước, vừa phấn đấu rèn luyện, nâng cao mình theo tấm gương những danh nhân của thế giới.

Thế hệ trẻ phải biết xây dựng cho mình lối sống mới, lối sống xã hội chủ nghĩa, tức là biết "vì mọi người", biết quý hơi sức của mình cũng như thì giờ của mình và của người khác để xây dựng nền văn minh vật chất và tinh thần cho Tổ quốc, góp phần xây dựng nền văn minh cho toàn thể loài người.

ĐẶNG THANH LÊ:

... Ý thức hệ vô sản tác động đến đời sống tư tưởng của con người, làm

nảy sinh một quan niệm mới, một yêu cầu mới về người bạn đời. Tác động ấy đưa đến một quan niệm, một nhận thức và hơn thế nữa, nó đang có xu hướng trở thành một đòi hỏi của trái tim, một nhân tố tâm lý thời đại. Con người chân chính, đẹp đẽ phải là con người lao động, chiến đấu vì lợi ích tập thể, vì lợi ích của đất nước và chế độ xã hội chủ nghĩa. Về cả hai phía nam và nữ đều có một xu hướng tâm lý đòi hỏi như vậy ở đối tượng luyện ái của mình.

Đòi hỏi đó của thời đại có tính chất song phương nhưng chúng tôi muốn nhấn mạnh ở góc độ phụ nữ vì người phụ nữ dễ đi đến chỗ lùi bước hoặc giảm chân tại chỗ trong công tác do tư tưởng cầu an, cá nhân tiêu tư sản hoặc do tàn dư phong kiến (người vợ hy sinh, vị tha kiểu phong kiến, người chồng ích kỷ, bàng quan). Sự theo đuổi hoài bão của người phụ nữ ở "thời thanh niên sôi nổi" tiêu tan dần. Hiện tượng đó là một sai lầm đối với xã hội, nhưng đứng ở góc độ cá nhân mà nói, cũng có thể ảnh hưởng đến hạnh phúc gia đình, đến tình cảm luyện ái và quan niệm về mẫu người thời đại đã thay đổi. Dưới thời phong kiến, người ta muốn tìm một người vợ đề tề gia nội trợ. Người vợ ước mơ một người chồng có sự nghiệp hiển hách. Trị quốc, bình thiên hạ là sự nghiệp cao quý dành riêng cho nam giới. Nhưng ngày nay, sự giải phóng trên bình diện xã hội của người phụ nữ đưa đến vị trí thay đổi của người phụ nữ trên bình diện gia đình. Giá trị của người phụ nữ được nâng cao trước con mắt xã hội, gia đình và người chồng là do ở tác dụng của sự nghiệp của người đó đối với đất nước. Sự tôn trọng đó trở thành một yêu cầu của người chồng tuy mức độ tự giác và tiên bộ có khác nhau. Khuyết hướng này đang trở thành nhân tố tâm lý thời đại. Nó không thuần túy là một sự giác ngộ của lý trí mà còn

là một đòi hỏi của trái tim. Cho nên, chỉ đứng ở góc độ hạnh phúc cá nhân mà xét thì khi người phụ nữ khước từ sự phát triển không ngừng phẩm chất chính trị, văn hóa, nghiệp vụ... sự nâng cao lý tưởng xã hội chủ nghĩa của mình thì tự mình phá vỡ một mối quan hệ có ý nghĩa cơ bản, có khả năng phá vỡ quan hệ luyện ái và ảnh hưởng đến hạnh phúc cá nhân. Sự phát triển không ngừng của đời sống tinh thần, trí tuệ, đạo đức, tình cảm của mỗi người trong gia đình tạo nên tảng cho một quan hệ luyện ái bền vững, duy trì và phát triển hạnh phúc gia đình.

Từ đó, các thành viên trong gia đình có nghĩa vụ quan tâm đến đời sống tinh thần nội chung và đến sự nghiệp đóng góp cho xã hội nói riêng của mỗi thành viên trên cơ sở bình đẳng, dân chủ và vị tha xã hội chủ nghĩa.

Đây là một phong cách quan hệ bình đẳng, vị tha xã hội chủ nghĩa và người này quan niệm sự tiến bộ của người khác cũng là của bản thân mình, khác với kiểu vị tha truyền thống có đức hy sinh của người vợ nhưng chỉ là đơn phương, một chiều.

Phong cách này không có ý nghĩa bình quân chủ nghĩa. Vị trí công tác và thời điểm công tác căng thẳng của mỗi người khác nhau. Chúng tôi không muốn nói chồng cống hiến bao nhiêu thì vợ cũng phải cống hiến bấy nhiêu. Hậu quả của những chế độ xã hội cũ, đặc điểm tâm lý và sinh lý của giới tính... đã đưa đến hệ quả là: nhìn chung, sự đóng góp của phụ nữ (trong mối quan hệ so sánh nhất định) còn chưa hoàn toàn ngang bằng nam giới. Nhưng chúng tôi quan niệm trong toàn bộ cuộc đời, mỗi thành viên trong gia đình (trong đó có người vợ, người mẹ) phải có nghĩa vụ và quyền lợi cống hiến cho xã hội với tất cả khả năng cho phép của mỗi người.

Muốn bảo đảm cho các thành viên thực hiện sự nghiệp xã hội của mình,

cộng đồng gia đình phải quan tâm đến sự tiến bộ của tất cả mọi người, phải cùng gánh vác việc tổ chức đời sống gia đình tùy theo khả năng và tùy theo thời điểm (không bắt bình đẳng nhưng cũng không bình quân chủ nghĩa). Đây là những công việc không tên nhưng thường xuyên, cụ thể, phức tạp của thể giới "tương cà mắm muối".

Trách nhiệm chung của tổ chức đời sống gia đình là vấn đề nguyên tắc đặt ra với cả nhiều phía vợ và chồng, bố mẹ và con cái.

Sự tham gia một cách tự giác của người chồng vào trách nhiệm quản lý, tổ chức đời sống gia đình là một phong cách, một nhân tố cách mạng mới mẻ trong đời sống chung của vợ chồng. Hiện tượng đó thể hiện phong cách dân chủ, bình đẳng và vị tha xã hội chủ nghĩa trong gia đình mới. Xã hội yêu cầu và tạo điều kiện cho mọi công dân đóng góp xứng đáng vào công cuộc cách mạng chung của đất nước. Tiêu chuẩn giá trị về con người thời đại đã đổi khác. Mỗi thành viên trong gia đình đều phải quan tâm tạo điều kiện cho sự phát triển, tiến bộ của người thân trên phương diện đó. Điều đó vừa là vấn đề quan điểm nhận thức, vừa là sự biểu hiện cụ thể, hằng ngày, thường xuyên trong quan hệ giữa người và người của cộng đồng gia đình.

Do mối quan hệ cộng đồng, sẽ có những quan hệ giao tiếp giữa các thành viên trong gia đình với nhau cũng như giữa cộng đồng gia đình với các loại cộng đồng họ hàng, bè bạn và khu tập thể. Các mối quan hệ và sự giao tiếp đó phải được nhìn nhận, lý giải trên quan điểm vì lợi ích phát triển sản xuất, cũng tức là lợi ích của toàn xã hội. Đã đến lúc cần đặt ra các vấn đề tổ chức các sinh hoạt quan hệ (về nội dung cũng như giờ giấc). Về quan niệm, chúng tôi cho rằng cần

thiết phải có những mối quan hệ mật thiết, sâu sắc và có ý nghĩa giữa các cộng đồng này. Chúng ta không tán thành kiểu rút vào vỏ ốc của đời sống gia đình chật hẹp, ích kỷ, tư sản và tiểu tư sản. Nhưng đi ngược lại với xu hướng trên lại có thể là một xu hướng gia đình chủ nghĩa, gia tộc chủ nghĩa... phong kiến, đi vào những lễ nghi hình thức phiền toái, thậm chí hủ tục.

Cần xây dựng một phong cách quan hệ bè bạn, gia đình, tập thể có tính chất xã hội chủ nghĩa, vì yêu cầu nâng cao đời sống tinh thần, tình cảm và không phung phí đến lao động sáng tạo, không ảnh hưởng đến công tác của bè bạn, họ hàng mình...

BÙI NGỌC TRÌNH:

...Nếu như những năm đầu tiên sau giải phóng, những tư tưởng và lối sống lành mạnh của cách mạng do các cán bộ, chiến sĩ ta mang từ các khu căn cứ kháng chiến, hoặc từ miền Bắc vào, đã như « mặt trời chân lý chói qua tim » một bộ phận thanh niên vùng tạm bị địch chiếm, thì cũng chính những năm tháng đó, do nhiều con đường thâm nhập khác nhau, những quan điểm tư tưởng sai lầm của thuyết hiện sinh, thuyết hội tụ... đã làm vẩn đục tư tưởng của không ít thanh niên trí thức miền Bắc theo kiểu « đa thư, loạn tâm ». Đặc biệt, lối sống gấp, hưởng lạc, buông thả, bất chấp những quy tắc xã hội mà ~~những năm trước đó đã làm hư hỏng~~ không ít thanh niên miền Nam, giờ đây như một dịch bệnh tác hại trực tiếp vào một bộ phận không nhỏ thanh niên miền Bắc.

Chúng ta không phủ nhận thực tế sau ngày nước nhà hoàn toàn thống nhất, sự giao lưu văn hóa giữa hai miền được mở rộng và trực tiếp, một số nét tiến bộ trong trang trí, phục sức, trong tinh thần hướng nghiệp của một bộ phận thanh niên miền

Nam đã ảnh hưởng theo chiều hướng tốt đối với thanh niên miền Bắc. Nhưng những quan điểm tư tưởng tư sản, lối sống tư sản đã làm suy giảm lòng tin vào những lý tưởng cao đẹp của chủ nghĩa xã hội, kích thích sự khao khát tiện nghi vật chất, khao khát đồng tiền, và bất chấp mọi biện pháp hành động đề có tiền... đối với một bộ phận thanh niên miền Bắc (kể cả một số thanh niên đã cầm súng đánh Mỹ, giải phóng miền Nam), lại cũng là một thực tế, nói lên tác hại ghê gớm của tàn dư văn hóa thực dân mới đối với tuổi trẻ. Đây không phải là sự phỏng đoán vô căn cứ, cũng không chỉ là do những cuộc điều tra xã hội học cho thấy, mà thực tế đó được khẳng định qua sự phản tỉnh, sự tự thú trong nhật ký, thư từ gửi người thân của chính những thanh niên sinh ra và lớn lên trên miền Bắc, nhưng bị ảnh hưởng tai hại của tàn dư văn hóa thực dân mới, đã sa vào con đường tội lỗi trong mấy năm nay.

Một khía cạnh khác chúng tôi cũng muốn nhấn mạnh. Đó là, trong điều kiện cách mạng thông tin tiến nhanh vùn vụt và sự giao lưu quốc tế rộng rãi như ngày nay, bọn đế quốc đã tuyên truyền có nghệ thuật cao và không mệt mỏi cho tư tưởng tư sản và lối sống tư sản, nhằm « đánh phá » ý thức hệ và lối sống của thanh niên các nước xã hội chủ nghĩa. Tư tưởng tư sản, lối sống tư sản mà bọn đế quốc tung ra và tư tưởng, lối sống, văn hóa thực dân mới mà đế quốc Mỹ gieo rắc ở miền Nam trước đây tuy có khác nhau chút ít về mức độ và hình thức biểu hiện do hoàn cảnh cụ thể mỗi nơi, mỗi lúc có khác nhau, nhưng về tính chất phản động và mục tiêu phản cách mạng thì hoàn toàn thống nhất với nhau. Bởi thế, đối với tuổi trẻ, những tư tưởng đó dù từ đâu tới, chúng cũng đều hết sức nguy hiểm.

Nếu như trước ngày 30-4-1975, ở miền Nam chúng thông qua con đường xâm lược mà tác động mạnh mẽ tới thanh niên, còn ở miền Bắc thế hệ trẻ được « miễn dịch » về cơ bản, thì, sau ngày giải phóng, tuổi trẻ cả nước vừa phải đối mặt với tàn dư văn hóa thực dân mới, vừa phải đương đầu với sự tiến công của tư tưởng tư sản, lối sống tư sản xâm nhập vào nước ta bằng nhiều đường và từ nhiều hướng, đa dạng và phức tạp, kín đáo và tinh vi. Khác với trước đây, thanh niên hai miền không có sự trao đổi trực tiếp về tư tưởng và lối sống, ngày nay, một quan điểm tư tưởng sai trái nào đó, một án phẩm đồi trụy nào đó, một một mới kịch cớm nào đó vừa xâm nhập vào miền Nam hôm trước, thì ngày hôm sau đã có thể ra miền Bắc và ngược lại. Điều đó nói lên rằng, không phải Mỹ — nguy đã hoàn toàn sụp đổ thì những tàn dư tư tưởng, lối sống của chúng không còn xâm nhập vào thanh niên. Trái lại, từng ngày, từng giờ, bên cạnh những nọc độc « tại chỗ » do sự xâm nhập ồ ạt trước đây, chúng không ngừng bổ sung vào đất nước ta những nọc độc mới. Cho nên vấn đề cấp bách đặt ra trong việc xây dựng lối sống xã hội chủ nghĩa là phải ngăn chặn và quét sạch ảnh hưởng tư tưởng tư sản, lối sống tư sản trong giới trẻ...

LÊ VIẾT THỤ:

... Nếp sống nơi công cộng là bộ mặt của đời sống xã hội, phản ánh trình độ văn minh công dân của xã hội.

Sinh hoạt nơi công cộng phản ánh tình hình phát triển nhiều mặt của những nhu cầu thiết yếu của xã hội, và cả khả năng phúc lợi xã hội đã đáp ứng nhu cầu đó thế nào. Nó phản ánh tính tự giác công dân xã hội phát triển tới mức nào. Nhìn sâu một chút thì sinh hoạt công cộng thể hiện như

một hình thức tự quản của quần chúng, có ít nhiều yếu tố làm chủ tập thể — dù tự giác hay chưa hoàn toàn tự giác — mà thiếu hẳn nó thì sinh hoạt cộng đồng đó khác bị triệt tiêu. Nhìn vào tình trạng nếp sống nơi cộng đồng, có thể đánh giá được các khả năng định hướng, quản lý của xã hội, của Nhà nước đối với sinh hoạt cộng đồng.

Nếp sống nơi cộng đồng mang tính chất bức tranh xã hội phong phú đường nét, màu sắc, bộc lộ nhiều mặt giá trị của đời sống xã hội.

Mỗi khi mới tới một nước khác, khách nước ngoài không bỏ lỡ cơ hội tìm đến những nơi cộng đồng để tiếp xúc, quan sát. Ở đây, họ có thể thu thập một lượng thông tin mới mẻ tối đa và có thể là đáng tin cậy nhất về xã hội, về văn hóa, cũng như về nhiều phương diện khác. Nếp sống nơi cộng đồng chính là một mặt thể diện của xã hội, của quốc gia, của thời đại.

Thông thường, nếp sống nơi cộng đồng mang tính hai mặt, tùy nơi, tùy lúc mà mặt này, mặt kia phát huy tác dụng nhiều hay ít.

Mặt trái :

— Tình ô hợp, tính « chạ », do tính hình thức tập về các quan hệ nhân sự « chín người mười làng ».

— Hay diễn ra những hành vi, thái độ vô trách nhiệm và tình trạng « cha chung không ai khóc ».

— Có nguy cơ dễ xảy ra những biến cố đột xuất, khó lường trước và khó ngừa trước được.

— Tình trạng lây lan nhanh và phát triển theo cấp số nhân những điều xấu, tin bịa đặt, luận điệu xằng bậy ; tình trạng dễ lây lan dịch bệnh.

— Nơi cộng đồng cũng là nơi mà các phần tử xấu, phần tử lưu manh, làm ăn bất chính lợi dụng đồng người, trà trộn làm việc phi nghĩa.

Trẻ nhỏ và lớp thanh niên ít tuổi lại rất thích lui tới nơi cộng đồng. Ở

đây lớp tuổi này được thỏa mãn tính hiếu kỳ, được nở nghênh tự do hơn, và do tính nghịch, còn gây nên những trò chơi vô ý thức rất nguy hiểm. Nhiều trẻ, nếu gia đình không quản được, dễ « thả rông », đua bè đua bạn, dễ chạy theo những gương xấu.

Trong xã hội ngày xưa, quần chúng ở nông thôn giữ nhiều mặt cảm không tốt đẹp về những nơi cộng đồng. Những câu « khôn nhả, dại chợ », « xây nhà ra thất nghiệp »... có lẽ ám chỉ nhiều tới những hiện tượng xã hội tiêu cực, phát sinh từ nơi cộng đồng.

Mặt tích cực :

Sinh hoạt nơi cộng đồng phản ánh tình hình nhiều nhu cầu mới xuất hiện và xã hội có khả năng đáp ứng được những nhu cầu đó. Đó là sự thỏa mãn nhu cầu của những lớp quần chúng đông đảo, với quy mô hàng loạt và mang tính thường xuyên. Đây cũng là thước đo trình độ phát triển của lực lượng sản xuất, thị hiếu của con người, tính thống nhất xã hội trong các quan hệ giữa người với người. Nhu cầu này được thỏa mãn tốt, gợi tới những nhu cầu mới, đó là cả quá trình thúc đẩy sức sống xã hội.

— Sinh hoạt nơi cộng đồng nói lên những quan hệ dân chủ trong xã hội đang phát triển. Thông qua đây thấy rõ đồng đảo quần chúng không còn chịu ràng buộc, gò bó trong các khuôn khổ của những quan hệ truyền thống : gia đình, gia trưởng, giáo dục, phường hội, phe giáp... và muốn được hòa mình vào các quan hệ xã hội tự do hơn, bình đẳng hơn, rộng lớn hơn.

— Trong các sinh hoạt nơi cộng đồng, ở hoàn cảnh trình độ công dân đã phát triển, mỗi cá nhân có thể đem tới cho cái chung một biểu hiện đẹp về cách sống, lối sống (kiểu trang phục, phép xã giao, lời ăn tiếng nói, các kiểu thức ứng xử có tính sáng tạo khác). Thật là vô cùng vô tận. Mỗi người đều có thể là người nêu gương.

Họ cũng là người học hỏi được ở người khác một điểm gì bổ ích, để hoàn thiện thêm một vài phương diện của nhân cách chính mình...

— Trong sinh hoạt nơi công cộng còn tiềm tàng một phẩm chất quý giá mà ngày nay rất cần được phát huy. Nhiều dữ kiện xã hội học cho thấy: khi có một nếp sống lành mạnh, trong sinh hoạt công cộng người ta bị hút về hướng những việc làm từ thiện bác ái, phong cách lịch sự, hào hoa phong nhã. Cũng trong hoàn cảnh như thế, con người mang những nhiệt cảm với chung quanh, sống hài hòa, độ lượng; mỗi trường đó dồn nén cái xấu, cái ác lại, không chể và đẩy lùi nó.

Vì vậy, nếu loại trừ được tình hình tiêu cực ở những nơi công cộng, đưa các sinh hoạt nơi công cộng vào quỹ đạo của nếp sống văn minh, sẽ tạo được một động lực rất lớn trong nếp sống mới của xã hội. Đó cũng chính là điểm xuất phát của ta khi đặt vấn đề vận động xây dựng nếp sống văn minh nơi công cộng...

VŨ NGỌC LAN:

(...) Ở nước ta hiện nay, trong chặng đường đầu tiên của thời kỳ quá độ tiến lên chủ nghĩa xã hội, tiêu dùng như thế nào là hợp lý, đâu là những nhu cầu hện thực, phù hợp, làm sao tránh khỏi những xu hướng xa lạ với chúng ta trong lĩnh vực tiêu dùng? Đảng ta đã khẳng định «Tuy hiện nay, mức sống của nhân dân lao động nước ta còn thấp, song phải thấy rõ rằng chúng ta đang tiêu dùng quá mức làm ra được. Đó là điều không thể chấp nhận. Chúng ta phải sống phù hợp với kết quả lao động của mình, không tiêu dùng quá giới hạn mà mức sản xuất cho phép» (1).

(...) Hiện nay, hiện tượng «tiêu dùng quá mức làm ra được» vẫn còn xuất hiện nhiều ở những quy mô, đối

tượng, tầng lớp xã hội khác nhau và có những mặt còn có xu hướng phát triển. Những cách thức ăn uống, nhận nhét «vỏ tội vạ», về hoa mĩ bề ngoài, xu hướng chạy theo sự tiêu dùng vật chất đơn thuần v.v. là những biểu hiện khá phổ biến, nhất là trong tầng lớp thanh niên. Nhiều người coi tiêu dùng là mục đích tự thân, để thỏa mãn dục vọng cá nhân, đi đến tiêu xài vô độ. Những kiểu tiêu dùng kỳ quặc, xấu xa ở miền Nam thời Mỹ — ngày chưa phải đã chấm dứt. Một tâm lý khá phổ biến là sùng bái hàng tiêu dùng của các nước tư bản chủ nghĩa. Có những người, từ áo trong đến áo ngoài, từ cái kẹp tóc trên đầu đến đôi tất, đôi giày đi dưới chân đều mang «mác» của các nước tư bản hay xã hội tư bản như Mỹ, Ca-na-da, Pháp, Hồng Kông; nhiều người chỉ quen dùng thuốc lá «ba số», chỉ chịu được mùi xà phòng «Dove», «Comay», «Lux». Ở nông thôn ta hiện nay, sự tiêu dùng cũng đang đặt ra yêu cầu hướng dẫn, giáo dục. Nhiều gia đình cố chạy theo nhà hai tầng, nhà mái bằng cho kịp mọi người chung quanh, xoay xở đủ cách để chuẩn bị cơ ngơi cho con cái sau này. Không ít người bỏ tiền nghìn, tiền vạn để sắm tủ chè, sập gụ, đồng hồ «côn» mà không chịu xây cái giếng hay cái nhà tắm. Nhiều người có nhà cao cửa rộng, có nhiều đồ đạc đắt tiền nhưng không có cái chần, cái màn cho tủ tể, hoặc cả nhà dùng chung một chiếc khăn mặt, v.v. Tệ chề chèn, liên hoan, tiếp khách, biếu xén bằng quỹ công cũng rất phổ biến ở nhiều cơ quan, xí nghiệp, nhà máy, hợp tác xã v.v. Đề «tổng kết», «mừng công», «mừng hoàn thành kế hoạch»... người ta hợp liên miên, và hệ có hợp là có ăn, cho nên đã có câu hát giễu: «đâu có hợp là ta cứ đi...».

(1) Báo cáo chính trị của Ban chấp hành trung ương tại Đại hội thứ V của Đảng, Tạp chí Cộng sản, số 4-1982 tr. 47.

(...) Chúng ta phấn đấu thực hiện quy luật cơ bản của chủ nghĩa xã hội là *«thỏa mãn ngày càng tốt hơn nhu cầu vật chất và văn hóa ngày càng tăng của toàn xã hội»*. Đảng và Nhà nước ta rất chú trọng đáp ứng nhu cầu ăn, mặc, ở, đi lại, học tập, chữa bệnh, sinh hoạt văn hóa, tinh thần, rèn luyện sức khỏe, nghỉ ngơi, vui chơi, giải trí của nhân dân lao động. Tiêu dùng xã hội chủ nghĩa là một nhân tố của sự tiến bộ kinh tế - xã hội. Phát triển nhu cầu là một động lực để phát triển sản xuất và làm nảy sinh những nhu cầu mới cao hơn. Nhưng trọng chủ nghĩa xã hội, tiêu dùng không phải là mục đích; tiêu dùng xã hội chủ nghĩa là sự tiêu dùng tiết kiệm, chống lại thói phở trương, xa hoa, lãng phí. Chúng ta phải sản xuất thật nhiều hàng tiêu dùng với chất lượng ngày càng tốt hơn, hình thức, kiểu dáng, màu sắc ngày càng đẹp hơn, đáp ứng nhu cầu tiêu dùng, nhu cầu thẩm mỹ ngày càng cao của nhân dân lao động. Đồng thời mỗi người chúng ta phải điều chỉnh quá trình tiêu dùng của mình, tác động đến quá trình ấy, làm cho nó phát triển đúng hướng và phù hợp với thực tế Việt nam. Chúng ta không chỉ phấn đấu thỏa mãn nhu cầu vật chất mà còn thỏa mãn cả nhu cầu về văn hóa, tinh thần của tất cả mọi người. Phát triển và đáp ứng những nhu cầu văn hóa, tinh thần của con người là nhằm làm cho con người ngày càng phát triển và hoàn thiện, thúc đẩy con người vươn tới lý tưởng cao cả, nâng con người lên ngang tầm thời đại. Nhân phẩm được đánh giá qua yêu cầu được thỏa mãn nhu cầu về văn hóa tinh thần, lý tưởng vươn tới sự hoàn thiện, cao đẹp chứ không phải là sự hưởng thụ vật chất.

Bọn đế quốc, bọn phản động quốc tế đang phá hoại ta về nhiều mặt, đặc biệt là trong lĩnh vực tiêu dùng và lối sống. Bọn chúng rất tinh nhạy trước những thị hiếu của thanh niên và chúng thường lái những thị hiếu

đó theo chiều hướng lệch lạc có lợi cho chúng. Lối sống thực dụng, tư tưởng chạy theo đồng tiền, chạy theo đồ vật đang có chiều hướng xâm nhập rất mạnh vào nước ta bằng nhiều con đường. Cho nên, sự tiêu dùng dưới chủ nghĩa xã hội nhất thiết phải được chuẩn bị và được hướng dẫn. Xây dựng lối sống xã hội chủ nghĩa chính là góp phần đào tạo người sản xuất ra của cải vật chất, của cải tinh thần và đào tạo luôn cả những người biết tiêu dùng một cách đúng đắn những của cải làm ra.

HỒNG CHƯƠNG :

Qua hai ngày làm việc, hội nghị của chúng ta đã bàn khá sâu nhiều vấn đề về lối sống xã hội chủ nghĩa ở Việt nam trong giai đoạn cách mạng hiện nay :

1 - Trước hết, các bản tham luận đã chú ý phân biệt và xác định nội dung của các khái niệm *lối sống, nếp sống, cách sống, mức sống...* Các khái niệm đó có mối liên hệ rất mật thiết nhưng không phải là những khái niệm có nội hàm và ngoại diện hoàn toàn trùng khít lên nhau, do đó không thể thay thế được cho nhau khi sử dụng. Chẳng hạn, trong hai khái niệm *«lối sống»* và *«nếp sống»* thì khái niệm *«lối sống»* mang tính khái quát hơn. *«Nếp sống»* chỉ là những mặt cụ thể của lối sống đã trở nên thường ngày, ăn sâu vào đời sống như những tập quán, nghĩa là nó đã trở thành nếp, đã trở thành cái ổn định. Song, về mặt này, chúng ta đã không đi quá sâu vào học thuật, không sa đà vào việc duy danh định nghĩa.

2 - Lối sống có tính giai cấp. Mỗi xã hội có lối sống của nó. Xã hội phong kiến có lối sống phong kiến. Xã hội tư bản chủ nghĩa có lối sống tư bản. Xã hội xã hội chủ nghĩa có lối sống xã hội chủ nghĩa. Song, không phải mỗi chế độ xã hội chỉ có một lối sống duy nhất - lối sống của giai cấp

thống trị - mà có thể tồn tại nhiều lối sống. Các lối sống đó khác nhau, thậm chí đối lập nhau và đấu tranh với nhau quyết liệt.

Trong bước quá độ tiến lên chủ nghĩa xã hội hiện nay, chúng ta đang xây dựng lối sống xã hội chủ nghĩa, nhưng bên cạnh lối sống xã hội chủ nghĩa vẫn tồn tại tàn dư của lối sống phong kiến và lối sống tư sản. Các lối sống này hằng ngày, hằng giờ đấu tranh quyết liệt với lối sống xã hội chủ nghĩa. Và, thực tế chúng đã gây được một số ảnh hưởng nhất định, đã chiếm được một số lượng quần chúng đáng kể. Do đó, một vấn đề đặt ra cho giai cấp công nhân và đảng tiên phong của nó là không được buông lỏng cuộc đấu tranh giữa « hai con đường » trong lối sống ; phải hằng ngày, hằng giờ chăm lo xây dựng lối sống xã hội chủ nghĩa của chúng ta.

3 - Ngay sau khi Cách mạng Tháng Tám thành công, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã kêu gọi thực hiện « đời sống mới ». Nội dung của « đời sống mới » cũng chính là những nội dung cơ bản của lối sống xã hội chủ nghĩa mà chúng ta đang xây dựng.

Từ mùa xuân năm 1975, khi Tổ quốc ta hoàn toàn thống nhất, cả nước cùng đi lên chủ nghĩa xã hội, chúng ta đã chú ý bắt tay ngay vào việc xây dựng lối sống xã hội chủ nghĩa trong phạm vi cả nước. Nhiều thành tựu lớn lao về mặt này đã được ghi nhận. Tuy nhiên, do nhiều nguyên nhân khách quan và chủ quan, đặc biệt là do buông lỏng quản lý cả về kinh tế lẫn văn hóa - xã hội, cho nên trong xã hội ta mấy năm gần đây đã nảy sinh nhiều hiện tượng tiêu cực, lối sống đang có nhiều biến động đáng lo ngại như đã nói trong các nghị quyết và chỉ thị của Đảng về vấn đề này.

Tình hình đó đòi hỏi chúng ta phải quan tâm đầy đủ hơn, tích cực, chủ động và khẩn trương hơn trong việc xây dựng lối sống xã hội chủ nghĩa.

4 - Thực tiễn xây dựng lối sống xã hội chủ nghĩa của chúng ta xác nhận con người có lối sống xã hội chủ nghĩa là con người có lý tưởng cao cả, có tư tưởng đúng và tình cảm đẹp, có phẩm chất đạo đức, có tri thức, có thể lực tốt lại có mỹ cảm; có ý thức tự giác, nhiệt tình trong lao động và lao động có kỷ luật, có kỹ thuật, có sáng tạo, đạt năng suất cao; có lòng yêu nước xã hội chủ nghĩa kết hợp nhuần nhuyễn với tinh thần quốc tế vô sản trong sáng, sẵn sàng chiến đấu và chiến đấu tới để bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt nam xã hội chủ nghĩa; có tình thương yêu sâu sắc đối với nhân dân lao động, biết đoàn kết giúp đỡ nhau, biết tôn trọng lẽ phải, sống lành mạnh, tiết kiệm...

Không thể xem nhẹ một mặt nào trong những nội dung cơ bản nói trên của lối sống xã hội chủ nghĩa. Nhưng trong chặng đường đầu tiên của thời kỳ quá độ này, chúng ta cần nhấn mạnh *lao động, làm chủ tập thể, lễ phật và tình thương*.

Xây dựng lối sống xã hội chủ nghĩa là một bộ phận quan trọng của cách mạng tư tưởng và văn hóa nhằm xây dựng con người mới xã hội chủ nghĩa. Quá trình này có quy luật của nó, và có tham luận đã thử nêu lên những quy luật ấy.

Thực tiễn xây dựng lối sống xã hội chủ nghĩa của chúng ta cũng cho thấy những thuận lợi và khó khăn của việc này, đặc biệt là hiện nay, trong lúc kẻ thù đang tiến hành kiểu chiến tranh phá hoại về nhiều mặt đối với nước ta. Hội nghị của chúng ta đã quan tâm nhiều đến cuộc đấu tranh hiện nay giữa « hai con đường » về lối sống.

5 - Các tham luận tại Hội nghị này thật phong phú, nhiều vẻ. Chúng ta gặp nhau trong những quan điểm và nhận thức cơ bản, song đi sâu vào:

(Xem tiếp trang 82)

Bí mật của đồng tiền

XUAY nay đã có khá nhiều nhà triết học, nhà văn, nhà thơ nói và viết về đồng tiền. Người thì ca ngợi đồng tiền, gọi tiền « là chúa tể », « là cái dả của danh vọng », « là cái lộng đề che thân », « là cái cân của công lý ». Người thì lên án, kết tội đồng tiền, cho tiền « là vật quý quái », « có ma lực »; đồng tiền gây ra biết bao tội ác ghê tởm, đồng tiền « là con đi thập thành »!

Hiện nay trong xã hội ta cũng đang có không ít những hiện tượng sống vì tiền, chạy theo đồng tiền. Dưới mắt của một số người, đồng tiền vẫn « là tiền là phật », « là lá bùa hộ mệnh », « là thần thánh » (1).

Đồng tiền là cái gì mà ghê gớm vậy?

Trong bộ *Tư bản*, bằng cách nghiên cứu quá trình vận động và phát triển của các hình thái giá trị nằm trong mối quan hệ giá trị của các hàng hóa. Mác đã tìm ra nguồn gốc và bản chất của đồng tiền, phá bung ra tính chất bí ẩn, xé toang bức màn thần bí và đối trá vốn một thời vẫn bao phủ lên đồng tiền. Theo Mác, tiền là sản phẩm tất yếu của nền sản xuất hàng hóa. Nó là một hàng hóa đặc biệt được tách ra làm hình thái biểu hiện giá trị của các hàng hóa khác. Lúc đầu, chức năng duy nhất của nó chỉ là làm thước đo giá trị, phục vụ cho việc mua bán, trao đổi hàng hóa. Nhưng rồi dần

dần, cùng với sự phát triển của sản xuất, tiền được xã hội thừa nhận làm phương tiện lưu thông, rồi phương tiện cất trữ và phương tiện thanh toán.

Đến thời kỳ tư bản chủ nghĩa, nằm trong tay các nhà tư bản, tiền trở thành phương tiện làm giàu cho nhà tư bản, tức là biến thành tư bản. Nó đóng vai trò quyết định trong việc mang lại lợi nhuận cho các ông chủ của nó. Lúc đầu còn ít, càng về sau lợi nhuận càng nhiều. Cứ qua mỗi vòng tuần hoàn T—H—T', tiền lại lớn thêm lên, lớn lên nhanh như thổi. T' lớn hơn T, T'' lớn hơn T'... Vì thế tiền được các ông chủ của nó mến yêu, quý trọng, đi đến say mê, rồi say mê một cách điên cuồng. Đồng tiền trở thành đứa con cưng, thành báu vật của các nhà tư bản. Các nhà tư bản quý mọp gói dưới đồng tiền, biến thành nô lệ của đồng tiền. Họ săn đuổi tiền như chó sói săn đuổi mồi; họ sẵn sàng chịu chém đầu hoặc lên giá treo cổ để được nhận ba trăm phần trăm lợi nhuận.

Cứ như thế, chủ nghĩa tư bản càng phát triển, quyền lực của đồng tiền càng lớn. Mọi thứ trong xã hội đều trở thành đối tượng bán và mua, tức là đều trở thành hàng hóa. Mác viết: « Lưu thông trở thành cái bình cổ cong khổng lồ của xã hội, trong đó tất cả mọi thứ đều bị hút vào đề

rồi lại thoát ra dưới dạng tình thế tiền » (1). Lòng ham muốn và sự thèm khát tiền ngày càng tăng lên vô hạn độ. Từ chỗ chỉ là vật ngang giá chung, hoạt động trong lĩnh vực lưu thông, lĩnh vực kinh tế, đồng tiền xâm nhập và công phá vào cả các lĩnh vực khác nữa, kể cả lĩnh vực đạo đức và tình cảm. Nó phá vỡ tất cả các quan hệ xã hội, chọc thủng các quan hệ gia đình ; nó dim mọi thứ đạo lý và tình cảm con người vào dòng nước băng giá, nó làm cho con người sống và đối xử với nhau một cách lạnh lùng theo lối « trả tiền ngay không tình nghĩa ». Nó làm đảo điên tất cả : tốt hóa thành xấu, phải biến thành trái (« Trong tay sẵn có đồng tiền, thì lòng đôi trắng thay đen khó gi »). Kẻ có tiền là có tất cả (« Có tiền nửa tiên cũng được »). Có tiền là có ô tô, nhà lầu, có vợ đẹp con khôn, người người kiêng nể. Đồng tiền trở thành tiêu chuẩn để đánh giá vị trí sang hay hèn, đáng trọng hay đáng khinh trong xã hội, thậm chí nó còn đứng trên cả công lý (« Nén bạc đâm toạc tờ giấy »). Nó biến người tốt thành kẻ xấu, người lương thiện thành trộm cướp, lưu manh, dĩ điểm, « ma cô ma cậu ». Nó làm tha hóa con người, khiến cho nhiều người sa đoạ.

Nhưng phải chăng đó là tội lỗi của chính bản thân đồng tiền ? Cứ ngắm kỹ từng đồng tiền thì ta thấy nó vẫn là, nó. Nó vẫn chỉ là những tờ giấy mỏng manh, hoặc những miếng kẽm, miếng nhôm hiển lành, vô tri vô giác. Nó có hề mọc sùng mọc mọ ra đâu ? « Giá trị không mang một dòng chữ nào trên trán để nói rõ nó là cái gì » (2). Trong buổi đầu xuất hiện cũng như trong suốt cả chiều dài của lịch sử, đồng tiền trước sau cũng vẫn chỉ là phương tiện biểu hiện giá trị của hàng hóa. Nó vẫn chỉ đóng vai trò làm phương tiện lưu thông, phương tiện cất trữ và phương tiện thanh toán. Kẻ làm cho nó trở thành thần bí, thành

bái vật chính là chủ nghĩa tư bản, trong đó các nhà tư bản vì lợi nhuận tối đa mà tôn thờ nó, quy lụy nó. Quan hệ sản xuất tư bản chủ nghĩa đã biến đồng tiền thành một công cụ để bóc lột, áp bức, đã biến kẻ có tiền thành kẻ có quyền uy, có sức mạnh.

Trong xã hội tư bản chủ nghĩa con người là nô lệ của đồng tiền. Trong xã hội xã hội chủ nghĩa, trái lại, con người là người chủ của đồng tiền.

Dưới chủ nghĩa xã hội, do vẫn còn sản xuất hàng hóa cho nên tất yếu vẫn còn phải dùng tiền. Tiền vẫn là một phương tiện quan trọng để tính toán hao phí lao động trong sản xuất và làm môi giới trong lưu thông. Không có tiền người ta không thể mua bán, trao đổi hàng hóa với nhau được, không thể bảo đảm cho cuộc sống bình thường được. Tuy nhiên, so với nền sản xuất hàng hóa tư bản chủ nghĩa, cách sử dụng, tiêu dùng tiền trong chủ nghĩa xã hội đã khác về bản chất. Nó không phải là tư bản, không biểu hiện quan hệ bóc lột, mà là một công cụ của Nhà nước chuyên chính vô sản phục vụ cho việc phát triển nền kinh tế quốc dân, nâng cao đời sống của toàn thể nhân dân. Những quan hệ xa cách, thù địch, dựa trên sự tính toán tiền nong bị bãi giữa người và người trong chủ nghĩa tư bản nhường chỗ cho quan hệ đồng chí, anh em, trọng nhân cách và chan chứa tình người.

Thế mà hiện nay trong xã hội ta vẫn có những người sùng bái tiền, tôn thờ đồng tiền chẳng kém gì trong xã hội tư bản. Họ cũng ham tích trữ tiền, săn đuổi tiền ; cũng làm cả những việc đến mất cả nhân phẩm để làm giàu, để lo toan cho cuộc sống ích kỷ. Vì tiền, một số người lao vào con đường

(1) Các Mác : *Tư bản*, Nxb Sự thật Hà Nội, 1973, quyển 1, tập 1, tr. 250.

(2) Các Mác : *Sách đã dẫn*, tr. 144.

làm ăn phi pháp, buôn gian bán lận, làm hàng xấu, hàng giả. Vì tiền, một số người chạy theo bọn tư sản, gian thương trốn cải tạo, ăn cắp hàng hóa của Nhà nước tiếp tay cho chúng. Họ « thông lưng », « móc ngoặc » với nhau, kết bè kéo cánh với nhau, gỡ đủ mọi mảnh khoe, thủ đoạn dè dặt rút của cải của Nhà nước và tập thể, lừa bịp những người chân thật, lương thiện. Phương châm sống của những người này vẫn là « Sống chết mặc bay, tiền thầy bỏ túi ». Lương tâm, danh dự, trách nhiệm ? Họ không cần ! Đối với họ, chỉ có tiền là trên hết.

Điều đáng buồn là lối sống đó, cách suy nghĩ theo kiểu con buôn đó đang lây lan sang cả một số người còn đầu xanh tuổi trẻ. Sinh ra và lớn lên trong chế độ mới, nhưng một số thanh niên lại tập tành, đua đòi sống theo lối sống ích kỷ, tầm thường của bọn chuyên nghề « phe phây ». Họ cũng lao vào những cuộc buôn bán, đồ đen, cũng rập tằm kiếm tiền bất chính để ăn chơi « nhậu nhẹt ».

Dồng tiền làm lóa mắt bọn tư sản, gian thương, quyến rũ những người kém giác ngộ đã dành ; nó cũng đang làm lóa mắt không ít những người trong hàng ngũ cách mạng chúng ta, đang len lõi và gây rối ở một số cơ quan, công sở. Chúng ta thấy lác đác đã có những hiện tượng người dân vào cửa cơ quan, công sở nào đó không có tiền rút lót thì công việc không xong. Muốn xin một chữ ký cho con đi học : phải có « một chút gì » ; muốn xin nhập hộ khẩu, xin chuyển công tác : phải có rút lót. Thậm chí giữa các cơ quan, xí nghiệp có khi cần liên hệ, giao dịch công tác với nhau cũng phải có « lót tay », « bồi dưỡng », nếu không thì công việc dây dưa, khó có kết quả. Một số cán bộ có chức, có quyền, nắm vật tư, hàng hóa, phương tiện trong tay thì sinh ra cửa quyền, vòi vĩnh. Tuy không dám

nói trắng ra theo cái kiểu « có ba trăm lạng việc này mới xong » như thời xưa, nhưng bằng cách này, cách khác họ « gợi ý » khéo cho đương sự, hoặc là trực tiếp hoặc là thông qua những nhân vật trung gian « cò mồi ». Rải rác đây đó người ta quan hệ và đối xử với nhau không phải vì tình vì nghĩa, mà đơn thuần chỉ vì vật chất, vì tiền bạc.

Những hiện tượng tiêu cực nêu ra trên đây tuyệt đối không phải là những vấn đề thuộc về bản chất của chủ nghĩa xã hội. Trong buổi đầu của thời kỳ quá độ tiến lên chủ nghĩa xã hội, khi chúng ta chưa có chủ nghĩa xã hội thuần nhất, khi những yếu tố tư bản chủ nghĩa chưa bị xóa bỏ hoàn toàn, thì việc tồn tại những hiện tượng tiêu cực là điều có thể hiểu được. Cuộc đấu tranh chống các hiện tượng tiêu cực gắn liền với cuộc đấu tranh cho thắng lợi của con đường xã hội chủ nghĩa. Những thói hư tật xấu của chế độ cũ còn đang xâm nhập và phá hoại xã hội mới. Mùi thối rữa của cái thây ma chế độ cũ còn đang bốc mùi đầu độc bầu không khí trong lành của xã hội ta.

Nhưng chớ nên nghĩ rằng những hiện tượng tiêu cực đó chỉ đơn thuần là tàn dư của lối sống cũ, của chế độ cũ, hoặc chỉ là vì kẻ thù giai cấp, kẻ thù dân tộc đang tìm mọi cách tiến công chúng ta, đánh vào lối sống của chúng ta. Thử hỏi nếu ta xây dựng được lối sống đúng, lối sống đẹp, đấu tranh không khoan nhượng với mọi biểu hiện tiêu cực, thủ địch thì lối sống cũ làm gì có chỗ đứng trong xã hội ta ? Đồng tiền làm sao có thể phá vỡ được những thuần phong mỹ tục của nhân dân ta ?

Tùy theo thái độ đối với đồng tiền, mỗi người biểu thị nhân sinh quan của mình. Rõ ràng chung quanh đồng tiền đang diễn ra cuộc đấu tranh giữa hai quan điểm tư tưởng, hai lối sống.

Người đứng vững trên lập trường giai cấp công nhân, có nhân sinh quan cách mạng thì có thái độ đúng đắn đối với đồng tiền. Còn loại người sùng bái đồng tiền, chạy theo đồng tiền, kiếm tiền bằng bất cứ thủ đoạn nào, là loại người không muốn lao động, chỉ muốn bóc lột, đua đòi, ăn chơi, chạy theo lối sống xa hoa của giai cấp tư sản.

Có người cho rằng trong điều kiện kinh tế và đời sống có nhiều khó khăn như hiện nay không thể xây dựng được lối sống mới, lối sống đẹp. Điều đó không đúng. Là những người theo chủ nghĩa duy vật, chúng ta đồng ý rằng phải có một cơ sở kinh tế nhất định mới có thể xây dựng được đời sống tinh thần nhất định, nhưng mặt khác lại phải thấy rằng đời sống tinh thần không phụ thuộc một cách máy móc vào đời sống vật chất, và chính trong hoàn cảnh đời sống vật chất có nhiều khó khăn lại càng cần chăm lo đời sống tinh thần, xây dựng một lối sống trong sạch và lành mạnh. Chúng ta chẳng đã từng chiến thắng những kẻ địch hung bạo trong hoàn cảnh đời sống vật chất cực kỳ khó khăn đó sao? Dân ta từ ngàn xưa đã phải gánh chịu nhiều khó khăn, đau khổ, thiếu thốn trăm bề về vật chất, nhưng đã có bao giờ để mất đi cái cốt cách, cái phong độ hào hiệp, khảng khái.

trọng danh dự tuyệt vời của người Việt nam? Đạo lý của người Việt nam ta là « Vật khinh tiền trọng », « Tiếng chào cao hơn mâm cỗ », « Dối cho sạch, rách cho thơm », không vì nghèo khổ mà làm điều xằng bậy, làm mất phẩm giá con người. Nói rằng vì đời sống khó khăn mà sống hạ thấp mình đến làm nô lệ cho vật chất, quy lụy đồng tiền thì chỉ là ngụy biện, là biện hộ cho những việc làm sai trái, vô đạo đức.

Tóm lại, đồng tiền chẳng có gì là bí mật và ghê gớm cả. Nó trước sau vẫn chỉ là công cụ, là phương tiện phục vụ cho sản xuất và đời sống của con người. Vấn đề chỉ là ở thái độ của mỗi người chúng ta đối với nó. Nếu thêm khát tiền một cách điên cuồng, chạy theo tiền đến mê muội, làm cả những việc thất nhân tâm, không tình không nghĩa thì đó là thái độ của kẻ bóc lột, kẻ lạc hậu. Nếu để cho tiền lôi kéo, làm cho sa đọa đến mục ruỗng cả tâm hồn, mất hết cả ý chí thì đó là thái độ của kẻ bạc nhược, không bản lĩnh. Chỉ có đối xử với tiền một cách đúng mức, sử dụng tiền một cách khoa học theo đúng tính chất và vai trò của nó mới là thái độ của người biết suy nghĩ, có lương tâm, trọng danh dự; mới là thái độ của người biết làm chủ.

CHÍNH TÂM

XÂY DỰNG LỐI SỐNG...

(Tiếp theo trang 78)

từng khía cạnh cũng còn những chỗ chưa gặp nhau. Đó là điều bình thường. Chúng ta sẽ tiếp tục nghiên cứu sâu hơn nữa, đặc biệt là về những vấn đề như: nội dung lối sống xã hội chủ nghĩa ở Việt nam trong giai đoạn cách mạng hiện nay, những biện pháp làm cho lối sống xã hội chủ nghĩa trở thành tập quán phổ biến trong xã

hội ta, những quy luật hình thành của nó, v.v. và trước mắt là làm sáng tỏ và tổ chức thực hiện tốt chỉ thị ngày 25-10-1981 của Ban bí thư Trung ương Đảng về việc tăng cường cuộc vận động thực hiện nếp sống mới, bài trừ hủ tục, mê tín, xóa bỏ tệ nạn xã hội, quét sạch văn hóa phản động đồi trụy.

Kiên quyết bảo vệ chủ quyền quốc gia và toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc

MINH NGHĨA

CHỦ quyền và toàn vẹn lãnh thổ là vấn đề thiêng liêng đối với mỗi dân tộc. Biên giới quốc gia là hiện thân của toàn vẹn lãnh thổ và chủ quyền quốc gia. Do đó pháp luật và tập quán quốc tế đều công nhận biên giới quốc gia là "thiên nhiên, bất khả xâm phạm", và không cho phép bất cứ nước nào xâm phạm biên giới quốc gia của nước khác.

Lịch sử đã đặt nước Việt nam bên cạnh Trung quốc, một nước mà toàn bộ mấy nghìn năm qua là một quá trình chinh phục, thôn tính, bành trướng: đến thế kỷ thứ ba trước Công nguyên, diện tích của nhà Chu, quốc gia của người Hán lúc đó, mới chỉ khoảng 320 000 ki lô mét vuông, tức là xấp xỉ diện tích nước Việt nam ngày nay. Giữa thế kỷ thứ 10, nhà Tống làm chủ Trung nguyên (khu vực giữa Hoàng hà và Trường giang) đã lần lượt chinh phục các nước: Kinh nam (Hồ nam), Hậu thục (Tứ xuyên), Bắc hán (Hà bắc), Ngô việt (Triết giang), Mân (Phúc kiến), Nam hán (Lưỡng quảng) để khôi phục và mở rộng đế quốc Tần. Đến cuối thế kỷ 18, nước Trung hoa đã rộng tới 9,6 triệu ki lô mét vuông, trong đó hàng trăm vương quốc bị xóa, hàng chục dân tộc bị tiêu diệt.

Do đặc điểm địa lý và chính trị đó mà lịch sử của dân tộc Việt nam tất yếu là một quá trình chiến đấu vô cùng bền bỉ, thông minh, anh dũng, kiên cường, đồng thời cũng hết sức gay go, gian khổ mới bảo vệ được sự tồn tại của quốc gia và dân tộc, mới bảo vệ được « cội bờ, sông núi ». Chính trong quá trình chiến đấu đó mà đường biên giới lịch sử giữa Việt nam và Trung quốc đã hình thành và về cơ bản được ổn định từ cả nghìn năm nay. Tạp chí *Nhà địa lý* (Geographer) của Vụ tình báo và nghiên cứu Bộ ngoại giao Hoa kỳ số 38, ngày 29 tháng 10 năm 1964 thừa nhận: « Sau hơn 10 thế kỷ bị đô hộ, năm 939 Bắc kỳ phá vỡ ách đô hộ của Trung quốc, thành lập Vương quốc Đại cổ việt... Nhà nước mới này đã bảo vệ được nền độc lập của mình... một đường biên giới gần giống như ngày nay có vẻ đã tồn tại giữa hai quốc gia ».

Cuối thế kỷ thứ 19, đứng trước cuộc chiến tranh xâm lược của đế quốc Pháp, triều đình nhà Nguyễn bất lực, hèn nhát không động viên được sức mạnh của toàn dân bảo vệ Tổ quốc, đã cầu viện người láng giềng phương bắc. Với dã tâm bành trướng truyền thống, mùa thu năm 1882, triều đình

nhà Thanh đưa mấy chục vạn quân vào miền Bắc nước ta với ý đồ lộ rõ qua lời mật tâu của Trương Thụy Thanh, tổng đốc Trại lệ, nguyên tổng đốc Lương quảng: «nên mượn tiếng sang đánh giặc mà đóng giữ các tỉnh thượng du, đợi khi có biến thì chiếm lấy các tỉnh phía bắc sông Hồng».

Sau khi đã chiếm đóng các tỉnh Cao bằng, Lạng sơn, Tuyên quang, Thái nguyên, Bắc ninh, Bắc giang, nhà Thanh đã ba lần đưa ra phương án phân chia Bắc kỳ với Pháp, nhằm lợi dụng thời cơ «ngàn năm có một» để sửa đổi một bước quan trọng đường biên giới đã hình thành giữa hai nước trong quá trình lịch sử.

Quá trình đàm phán chính trị xen kẽ với xung đột quân sự giữa triều đình nhà Thanh và đế quốc Pháp, quá trình đàm phán về hoạch định biên giới cả trên đất liền và trên biển, đã diễn ra gay go, phức tạp từ năm 1882 và dẫn đến hai công ước Pháp - Thanh ký năm 1887 và 1895. Sau khi được phân giới cắm mốc, từ năm 1897 đường biên giới giữa Việt nam và Trung quốc đã trở thành một đường biên giới có cơ sở pháp lý vững chắc và được xác định đánh dấu rõ ràng trên thực địa với 341 mốc giới trên 1463 ki lô mét. Trong tình hình đế quốc Pháp rất quan tâm đến thị trường Hoa nam và cũng muốn sớm có một đường biên giới Việt - Trung ổn định để củng cố nền thống trị của mình, Pháp đã có một số nhượng bộ quan trọng về lãnh thổ Việt nam: giao cho nhà Thanh toàn bộ vùng Giang bình - Bạch long và các tổng Bất trảng, Kiên duyên (Quảng ninh), tổng Tự long (Hà tuyền), tổng Dèo lương (Cao bằng), với tổng diện tích khoảng 1600 ki lô mét vuông.

Từ khi phân giới cắm mốc xong cho đến năm 1949, chính quyền phong kiến và tư sản Trung quốc đã dùng mọi thủ đoạn để lấn chiếm một cách

phi pháp thêm 60 điểm trên lãnh thổ Việt nam.

Sau thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Pháp, miền Bắc nước ta hoàn toàn giải phóng, vấn đề biên giới giữa Việt nam và Trung quốc được đặt ra. Với tinh cảm quốc tế trong sáng, với lòng mong muốn xóa bỏ mọi hận thù dân tộc đã có trong lịch sử, mở ra một trang sử mới trong quan hệ giữa hai nước xã hội chủ nghĩa láng giềng, chúng ta chủ trương xây dựng một đường biên giới hòa bình, hữu nghị lâu dài giữa hai nước. Mặc dù biết rằng theo công ước Pháp - Thanh, Việt nam có bị những thiệt thòi, năm 1957 Trung ương Đảng ta đã chính thức đề nghị với Trung ương Đảng cộng sản Trung quốc là hai bên tôn trọng nguyên trạng đường biên giới do lịch sử để lại. Đầu năm 1958, Trung ương Đảng cộng sản Trung quốc chính thức trả lời đồng ý. Có thể nghĩ rằng vấn đề biên giới giữa hai nước đã được giải quyết về nguyên tắc, đường biên giới lịch sử do các công ước Pháp - Thanh quy định sẽ được tôn trọng. Nhưng sự thật đã diễn ra hoàn toàn khác.

A - Trên đất liền.

Từ 1949 đến tháng 2-1979, tức là trước khi công khai vũ trang xâm lược Việt nam, Trung quốc đã dùng nhiều thủ đoạn xảo quyệt để lấn chiếm lãnh thổ Việt nam, như: xâm canh, xâm cư rồi đi đến chiếm đất; lợi dụng việc xây dựng các công trình hữu nghị để đẩy lùi biên giới sâu vào đất Việt nam v.v'. Chẳng hạn, có lúc họ đã lợi dụng sự tin cậy của cán bộ đường sắt Việt nam để chiếm đất; trong biên bản ghi nhận việc hoàn thành sửa chữa đoạn đường sắt Yên viên - Hữu nghị quan, mặc dù sự thật là diềm nổi ray nằm sâu trong lãnh thổ Việt nam 300 mét, họ giữ mảnh khúc bíp bộp viết diềm đó nằm trên đường quốc giới, để sau này họ ngụy biện: «không

thề có đường sắt nước này đặt trên lãnh thổ nước khác!». Với cách làm «phủ phép» đó, tại khu vực này họ đã lần chiếm một dải lãnh thổ thuộc tỉnh Lạng sơn dài 3100 mét và sâu vào đất Việt nam từ 100 đến 500 mét. Tại khu vực mốc 23 cũng thuộc Lạng sơn, họ cũng định diên lại thủ đoạn tương tự khi hai bên phối hợp đặt đường ống dẫn dầu, và khi Việt nam đã nghị đặt diềm nối ống dẫn dầu đúng đường biên giới, họ đã từ chối và bỏ dở công trình này. Họ cũng đã đơn phương xây dựng các công trình ở biên giới lân sang đất Việt nam, mượn đất của Việt nam rồi biến thành lãnh thổ của Trung quốc, như ở phía un (Trà linh, Cao bằng), họ mượn một con đường mòn rồi mở rộng mặt đường cho ô tô đi lại, đặt đường điện thoại, đưa dân đến ở và sau đó dời đường biên giới ở đây phải lùi sâu vào đất Việt nam 500 mét với lập luận lá mặt lá trái: nếu không phải đất Trung quốc sao Trung quốc có thể làm đường ô tô, đặt đường điện thoại v.v. Họ còn bí mật xê dịch mốc giới sang phía Việt nam, thậm chí lợi dụng việc in bản đồ giúp Việt nam để chuyển dịch đường biên giới về phía Việt nam, có lúc họ in thiếu hai mảnh bản đồ vùng biên giới và lấy luôn cả hai mảnh bản đồ.

Cách mạng, Việt nam càng thắng lợi thì các nhà cầm quyền Trung quốc càng gây ra nhiều sự kiện biên giới nhằm gây sức ép buộc Việt nam phải đi vào quỹ đạo của họ. Trên biên giới phía bắc, năm 1974 họ gây ra 179 vụ rắc rối, năm 1975: 294 vụ, năm 1976: 812 vụ, năm 1977: 813 vụ, năm 1978: 2175 vụ.

Sau khi hùng hổ đưa 60 vạn quân sang xâm lược Việt nam hồng «đay» cho Việt nam một bài học, hồng trùng phạt nghiêm khắc Việt nam khiến cho Việt nam phải bỏ lê bỏ cang (lời của Đặng Tiểu Bình nói với Brezhnevki tháng 1-1979), và kết cục bị thất

bại thảm hại phải rút lui, họ tiếp tục chốt giữ hàng chục diềm cao trên đường biên hoặc ven biên giới thuộc lãnh thổ Việt nam, rồi từng bước dùng lực lượng quân sự tiến công, chiếm đóng thêm nhiều diềm cao và cụm diềm cao trên toàn tuyến biên giới, có diềm sâu vào đất ta trên 2000 mét, nhằm tiếp tục làm thay đổi nguyên trạng đường biên giới do lịch sử để lại và chốt giữ các địa hình có lợi cho họ trong mọi tình huống.

Từ các vị trí đã chiếm, với một lực lượng quân đội lớn áp sát biên giới tạo thành một thế uy hiếp thường xuyên, bọn bành trướng bá quyền Trung quốc ra sức hoạt động nhằm khống chế từng đoạn lãnh thổ Việt nam dọc biên giới. Chúng dùng đủ mọi hình thức: kiểm soát bằng hỏa lực, thường xuyên hoạt động thám báo, biệt kích, gây phi, mua chuộc cán bộ địa phương v.v., nhằm cản trở việc làm ăn của nhân dân ta, ngăn cản ta thực hiện quyền kiểm soát và quản lý lãnh thổ. Các vị trí này đã thành những chỗ dựa để Trung quốc tiến hành cuộc chiến tranh phá hoại nhiều mặt trên vùng biên giới nước ta. Những lời khai của tù binh Trung quốc về chủ trương «ky tuyến bặt diềm» (tức là cưỡi lên đường biên, san bằng các diềm tựa phòng thủ của ta dọc biên giới) đã thú nhận những tội ác có hệ thống, có chủ đích trên đây của nhà cầm quyền Trung quốc.

Lần chiếm và khống chế lãnh thổ Việt nam một cách trắng trợn và ngang ngược, nhà cầm quyền Bắc kinh đã vi phạm những nguyên tắc cơ bản nhất của pháp luật quốc tế về chủ quyền lãnh thổ và tính chất thiêng liêng, bất khả xâm phạm của đường biên giới quốc gia. Thử hỏi Trung quốc có quyền gì mà bất cứ lúc nào cũng có thể nổ súng vào người dân Việt nam đang đi lại, làm ăn, học hành, sinh sống trên đất Việt nam

nỗ súng vào các chiến sĩ biên phòng và công an nhân dân Việt nam di tuần tra trên đất Việt nam, thường xuyên đe dọa tiến công, lấn chiếm lãnh thổ Việt nam!

B - Trên vịnh Bắc bộ.

Với diện tích khoảng 13 vạn ki lô mét vuông, vịnh Bắc bộ là một vịnh chung giữa hai nước Việt nam và Trung quốc, đã bao đời nay gắn bó với đời sống của nhân dân hai nước và không nằm trên đường hàng hải quốc tế nào. Vịnh có vị trí quan trọng sống còn đối với Việt nam cả về kinh tế và quốc phòng. Hầu hết các cuộc chiến tranh xâm lược Việt nam từ đầu Công nguyên đến nay đều có sử dụng đường biển qua vịnh Bắc bộ.

Công ước Pháp - Thanh năm 1887 đã ghi rõ trong điều 2: « Kinh tuyến Pa-ri 105°43' đông (tức là kinh tuyến Grin-uych 108°03'13" đông) tạo thành biên giới ».

Trên bản đồ chính thức kèm theo công ước 1887, có dấu và chữ ký của các đại diện nước Pháp và triều đình nhà Thanh, đoạn cực đông của đường biên giới Việt - Trung được vẽ bằng một đường đồ theo kinh tuyến nói trên, và có ghi rõ: « Kinh tuyến 105°43' Pa-ri đi qua mũi phía đông đảo Trà cô tạo thành biên giới kể từ điểm cuối cùng của đường phân vạch do Ủy ban cầm mốc vạch ra ». Như vậy biên giới giữa hai nước trong vịnh đã được hoạch định rõ ràng: phía tây kinh tuyến 108°03'13" thuộc Việt nam, phía đông kinh tuyến đó thuộc Trung quốc.

Sau này, trong một số văn kiện chính thức trong quan hệ với Việt nam như « Nghị định thư về việc tiếp tục hợp tác điều tra tổng hợp vịnh Bắc bộ », « Quy định của Ủy ban khoa học kỹ thuật Trung quốc và Ủy ban khoa học Nhà nước Việt nam về việc chỉ huy và thông tin liên lạc của các tàu điều tra vùng biển vịnh Bắc

bộ v.v. do chính phía Trung quốc dự thảo, Trung quốc cũng coi kinh tuyến 108°03'13" đông là đường biên giới trong vịnh Bắc bộ.

Các nước ngoài, trong những vấn đề liên quan đến vịnh Bắc bộ cũng đều coi kinh tuyến đó là biên giới trên biển giữa Việt nam và Trung quốc trong vịnh. Ví dụ: ngày 24-4-1965, tổng thống Mỹ, trong sắc lệnh quy định khu vực chiến đấu của quân đội Mỹ trong vịnh Bắc bộ, đã lấy kinh tuyến 108°15' đông làm đường biên giới; trên bản đồ của dự án thăm dò dầu khí ở vịnh Bắc bộ mà phía Nhật bản trao cho ta, Nhật cũng coi đường biên giới trong vịnh Bắc bộ là kinh tuyến 108° đông.

Từ thực tế lịch sử và pháp lý nói trên, quan điểm của chúng ta là: vịnh Bắc bộ là một vịnh lịch sử (1) chung của hai nước. Đường biên giới giữa hai nước trong vịnh đã được quy định trong công ước Pháp - Thanh 1887.

Thế nhưng, tháng 1-1974, Trung quốc chính thức tuyên bố « kinh tuyến 108° đông hoàn toàn không phải là biên giới hải phận giữa hai nước », và đề nghị ngăn cản không cho ta khai thác tài nguyên trong phần vịnh thuộc Việt nam, họ nói « vịnh Bắc bộ là vùng biển chung của hai nước, Việt nam đưa nước thứ ba vào thăm dò không lợi cho việc phát triển kinh tế và an ninh quốc phòng của hai nước ». Trung quốc đề nghị... « hai bên tạm thời không vào thăm dò ở vùng giữa kinh tuyến 107° - 108°, vĩ tuyến 18° - 20° » (tức là một vùng nằm ở phía tây đường biên giới đã quy định, rộng khoảng 2,4 vạn ki lô mét vuông thuộc chủ quyền của Việt nam).

(1) Vịnh lịch sử là vịnh mà do đặc điểm địa lý và do quan hệ mật thiết với một hay các quốc gia về kinh tế, an ninh, quốc phòng trong quá trình lịch sử lâu dài cho nên được hưởng một quy chế riêng khác với các vịnh thông thường, thuộc chủ quyền hoàn toàn của một hay các quốc gia đó.

Hiện nay trên bản đồ chia lô đầu thầu cho các công ty dầu khí nước ngoài thăm dò địa chấn, Trung quốc đã vạch đường biên giới trong vịnh Bắc bộ theo ý họ và coi đó là việc đã rồi; mặt khác họ thường xuyên cho tàu thuyền có vũ trang vào hoạt động trái phép ở phía tây của kinh tuyến $108^{\circ}03'13''$ đông và nhiều nơi khác thuộc vùng biển nước ta ngoài vịnh Bắc bộ, xâm phạm trắng-trợn chủ quyền của Việt nam.

C-Đối với hai quần đảo Hoàng sa, Trường sa.

Hai quần đảo Hoàng sa, Trường sa là một bộ phận lãnh thổ Việt nam từ lâu đời. Do phạm vi rộng lớn của khu vực quần đảo, do vị trí địa lý trên biển Đông, hai quần đảo đó có vai trò rất quan trọng đối với nước ta, cả về an ninh quốc phòng và về kinh tế. Từ lâu Nhà nước Việt nam là người chiếm hữu thật sự hai quần đảo này khi nó chưa thuộc lãnh thổ của nước nào khác, và trong mấy trăm năm liên tục đã thực hiện thật sự chủ quyền của mình đối với hai quần đảo đó. Đó là sự thật hiển nhiên với đầy đủ bằng chứng xác nhận, không thể tranh cãi được.

Nhưng biển Đông bao gồm cả hai quần đảo Hoàng sa, Trường sa lại chính là một mục tiêu trước mắt trong chiến lược toàn cầu của Bắc kinh. Ngoài ý muốn trở thành một cường quốc lục địa, Bắc kinh có tham vọng lớn là nhanh chóng vươn ra biển cả, trước hết là làm chủ biển Đông, một vùng biển có quan hệ tới vận mệnh của các nước ở Đông Nam châu Á.

Bản đồ « Trung hoa nhân dân cộng hòa quốc phan tỉnh tỉnh đồ » xuất bản năm 1950 đã vẽ trong một phụ đồ cả 3 quần đảo ở biển Đông mà họ gọi là Đông sa, Tây sa (tức Hoàng sa), Nam sa (tức Trường sa) và một bãi ngầm chưa đủ tiêu chuẩn một quần đảo mà họ gọi là quần đảo Trung sa. Như

vậy theo bản đồ đó, đường biên giới của nước Cộng hòa nhân dân Trung hoa ôm lấy cả biển Đông. Đường biên giới này được vạch xuống tận vĩ tuyến 4° bắc cách đảo Hải nam gần 2000 ki lô-mét và chỉ cách lãnh thổ Ma-lai-xi-a khoảng 40 ki lô mét, cách bờ biển Phi-líp-pin và Việt nam 70-80 ki lô mét. Với đường biên giới này, Trung quốc muốn làm chủ khoảng 86% biển Đông. Cũng cần nhắc lại rằng những tài liệu trước đó ở Trung quốc như « Đại thanh đế quốc toàn đồ » xuất bản năm 1905, tái bản năm 1910 vẫn còn thể hiện rõ ràng diềm cực nam của Trung quốc là đảo Hải nam và « Trung quốc địa lý học giáo khoa thư » xuất bản năm 1906 còn ghi rõ: diềm mút ở phía nam Trung quốc là Châu nhai, Quỳnh châu (tức Hải nam) vĩ tuyến $18^{\circ}13'$ bắc.

Ngày 15-8-1951 Chu Ân Lai tuyên bố rằng cả 4 quần đảo ở biển Đông là lãnh thổ Trung quốc từ lâu đời. Năm 1956 Trung quốc cho quân chiếm đóng phần phía đông của quần đảo Hoàng sa ngay sau khi quân đội Pháp rút, quân đội của ngụy quyền Sài gòn chưa kịp ra thay thế.

Tháng 1-1974, sau khi bắt tay với đế quốc Mỹ, lợi dụng lúc nhân dân Việt nam đang tập trung vào nhiệm vụ chống Mỹ, cứu nước, Trung quốc đã huy động một lực lượng quan trọng hải quân và không quân đánh chiếm nốt phần phía tây quần đảo Hoàng sa, hoàn thành việc xâm chiếm quần đảo.

Từ đó đến nay, Trung quốc ra sức củng cố thế chiếm đóng trên quần đảo Hoàng sa, tạo thành một căn cứ uy hiếp nước ta từ hướng biển, làm chỗ dựa cho những yêu sách về vùng biển và thềm lục địa ở khu vực này và từ đó tiến lên thực hiện ý đồ độc chiếm biển Đông. Nhà cầm quyền Bắc kinh đã huy động mọi công cụ, lợi dụng mọi cơ hội, mọi diễn đàn quốc tế để « hợp pháp hóa » hành

động xâm lược của họ đối với quần đảo Hoàng sa, đồng thời chuẩn bị dư luận và xây dựng “cơ sở pháp lý” cho việc thực hiện tham vọng xâm chiếm quần đảo Trường sa. Năm 1977, Bộ trưởng ngoại giao Trung quốc Hoàng Hoa ngang ngược tuyên bố: « Khi có thời cơ sẽ thu hồi toàn bộ quần đảo Nam sa (tức Trường sa), không cần phải thương lượng gì hết ».

Như vậy là do tham vọng bành trướng, bá quyền của bọn phản động trong giới cầm quyền ở Bắc kinh mà hiện nay giữa ta và Trung quốc đang tồn tại một loạt vấn đề biên giới — lãnh thổ gay gắt và căng thẳng. Trên những vấn đề đó, chính sách bành trướng, bá quyền được bọn phản động Trung quốc thực hiện một cách nhất quán với những hình thức đa dạng phù hợp với tình hình quan hệ chính trị từng thời kỳ giữa hai nước. Các hoạt động đó của chúng ở biên giới Việt—Trung, cùng với các hoạt động chiến tranh, hoạt động phá hoại trên biên giới Cam-pu-chia—Thái-lan, trên biên giới Lào — Trung quốc và các hoạt động ngoại giao xảo quyệt trên trường quốc tế đều nhằm phá hoại khối đoàn kết của ba nước Đông dương, bao vây cô lập Việt nam, cản trở công cuộc xây dựng hòa bình ở Việt nam hòng làm cho Việt nam « chảy máu », suy yếu, kiệt quệ, từ đó thực hiện mục tiêu chiến lược là buộc Việt nam phải chịu khuất phục Trung quốc. Chúng hy vọng dùng chiến tranh phá hoại nhiều mặt, chiến tranh lấn chiếm để đạt mục tiêu chiến lược mà không phải tốn kém nhiều, không gây nên những vấn đề chính trị, quân sự, ngoại giao phức tạp đối với Trung quốc, mặt khác cũng dễ trực tiếp chuẩn bị và tạo điều kiện thuận lợi cho chiến tranh xâm lược quy mô lớn khi chúng cần và có điều kiện phát động.

Trước âm mưu và hành động đó của bọn phản động trong giới cầm quyền Bắc kinh, cuộc đấu tranh để bảo vệ Tổ quốc, bảo vệ biên cương của nước ta, một nước nằm trên hướng bành trướng chủ yếu trước mắt của Bắc kinh cả trên đất liền và trên biển, tất phải lâu dài, phức tạp. Những lời dặn dò của người xưa: « Hãy nên giữ nước cẩn thận » (Di chúc của Lý Anh Tông), « biên phòng phải sẵn lo phương lược » (lời căn dặn của Lê Lợi), « Người bày tôi giữ đất đai của triều đình, chức phận là phải bảo toàn cảnh thổ, yên ủi nhân dân, bẻ gãy những mũi nhọn tiến công, chống lại những kẻ khinh rẻ nước mình » (lời dặn của Lê Thánh Tông) như vẫn hòa cùng lời dạy của Chủ tịch Hồ Chí Minh vĩ đại: « Các vua Hùng đã có công dựng nước, Bác cháu ta phải cùng nhau giữ nước ».

Trước đây, trong hơn 10 thế kỷ bị Trung quốc đô hộ, với sức sống mãnh liệt của dân tộc, tổ tiên ta đã phá được âm mưu đồng hóa của « thiên triều », giữ được bản sắc và đi đến khôi phục nền độc lập dân tộc. Tiếp đó là những chiến công hiển hách chống sự xâm lược, bành trướng của các triều đại Tống, Nguyên, Minh, Thanh, chặn bước tiến của chúng xuống Đông Nam Á. Ngày nay dưới ngọn cờ lãnh đạo của đảng tiên phong, nhân dân Việt nam đã từng có kinh nghiệm đánh thắng nhiều loại đế quốc, kẻ cả tên đầu sỏ là đế quốc Mỹ, lại có thêm sức mạnh của thời đại, sức mạnh của tình đoàn kết đặc biệt Việt nam—Lào—Cam-pu-chia, sức mạnh của tình hữu nghị, hợp tác toàn diện với Liên xô và các nước xã hội chủ nghĩa anh em khác, nhất định sẽ chặn đứng mọi âm mưu và hành động của bọn bành trướng, bá quyền Trung quốc, giữ vững chủ quyền quốc gia và toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc.

« ТАПТИ КОНГШАН » № 3 — 1985

ПЕРЕДОВАЯ — Народно-революционной партии Лаоса 30 лет. Исторический документ: Заключительная речь тов. Ле Зуана на Пленуме Политбюро, посвященном вопросам общего положения и задач войны. Сопротивления против американских агрессоров за спасение родины. • **КЕЙСОН ФОМВИХАН** — Народно-революционная партия Лаоса: 30 лет борьбы за национальную независимость и социализм. **ДАНГ ТХИ** — О культурном и экономическом сотрудничестве между странами Индокитая на новом этапе. **ДАО ЗЮН ТУНГ** — «Проблемы деятельности партийного и государственного аппарата» — ценная книга К.У. Черненко. **ТЮ ТАМ ТХЫК** — Успешно реализовать принцип установления обязанностей инстанций при управлении бюджетом на местах. **МИНЬ НГИА** — Решительно защитить государственный суверенитет и территориальную целостность нашей родины.

REVIEW OF COMMUNISM № 3-1985

Editorial — The Lao People's Revolutionary Party is 30 years old. *Historical document*: The conclusion of Comrade Le Duan at the session of the Political Bureau on the situation and the tasks of the struggle against US aggression, for national salvation. **KAYSONE PHOMVIHANE**: Thirty years of the struggle for national independence and socialism of the Lao People's Revolutionary Party. **ĐẶNG THỊ** — On the cultural and economic co-operation among the three Indochinese countries in the new stage. **ĐÀO DUY TÙNG** — A valuable book by comrade K. U. Chernenko: «Some problems on the work of the Party and the State apparatus». **CHU-TAM-THỨC** — Implement the decentralization of authority in the management of the budget. **MINH NGHĨA** — Firmly defend the sovereignty and territorial integrity of the Motherland.

REVUE DU COMMUNISME № 3-1985

Editorial — Le Parti populaire révolutionnaire lao a 30 ans. *Document historique* — La conclusion du camarade Le Duan à la réunion du Bureau politique sur la situation et les tâches de la résistance anti-américaine pour le salut national. **KAYSONE PHOMVIHANE** — Trente années de lutte pour l'indépendance nationale et le socialisme du Parti populaire révolutionnaire lao. **ĐẶNG THỊ** — Sur la coopération économique et culturelle des trois pays d'Indochine dans la nouvelle étape. **ĐÀO DUY TÙNG** — Un livre précieux du camarade C.U. Tchernenko: «Les problèmes relatifs au travail de l'appareil du Parti et de l'Etat». **CHU TAM THỨC** — Mener à bien le régime de décentralisation de la gestion budgétaire en faveur des localités. **MINH NGHĨA** — Défendre avec détermination la souveraineté nationale et l'intégrité territoriale de la Patrie.

REVISTA DEL COMUNISMO № 3-1985

Editorial — El Partido Popular Revolucionario Lao cumple treinta años. *Documentos históricos*: Las conclusiones del camarada Le Duan en la Reunión del Buró Político sobre la situación y tareas de la resistencia antiyanqui por la salvación nacional. **KAYSONE PHOMVIHANE** — Treinta años de lucha por la independencia nacional y el socialismo del Partido Popular Revolucionario Lao. **ĐẶNG THỊ** — Acerca de la cooperación económica y cultural entre los tres países indochinos en la nueva etapa. **ĐÀO DUY TÙNG** — Un precioso libro del camarada C.U. Chernenco: «Los problemas acerca de los trabajos del aparato del Partido y del Estado». **CHU TAM THỨC** — Realizar bien el régimen de descentralización de la gestión presupuestaria a las localidades. **MINH NGHĨA** — Defender resueltamente la soberanía nacional y la integridad territorial de la patria.

M ụ c l ụ c .

Xã luận — Đảng nhân dân cách mạng Lào tròn 30 tuổi	1
<i>Văn kiện lịch sử</i> : Kết luận của đồng chí Lê Duẩn tại Hội nghị Bộ chính trị bàn về tình hình và nhiệm vụ của cuộc chống Mỹ, cứu nước	6
Thông báo của Ban chấp hành trung ương Đảng cộng sản Việt nam về việc đồng chí C.U. Tréc-nen-cô từ trần	
CAY-XÔN PHÔM-VI-HẢN — Ba mươi năm đấu tranh cho độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội của Đảng nhân dân cách mạng Lào	19
ĐẶNG THỊ — Về sự hợp tác kinh tế, văn hóa giữa ba nước Đông dương trong giai đoạn mới	39
ĐÀO DUY TÙNG — Một cuốn sách quý của đồng chí C.U. Tréc-nen-cô: - "Những vấn đề về công tác của bộ máy Đảng và Nhà nước"	45
CHU TAM THỨC — Thực hiện tốt chế độ phân cấp quản lý ngân sách cho địa phương	54
TRẦN VÕ MẢN — Từng bước cải tiến cơ chế quản lý kinh tế ở công ty xuất khẩu thủy sản	63
Trao đổi ý kiến — Xây dựng lối sống xã hội chủ nghĩa ở Việt nam hiện nay (Nông Quốc Chấn, Bùi Văn Nguyên, Đặng Thanh Lê, Bùi Ngọc Trinh, Lê Việt Thụ, Vũ Ngọc Lan, Hồng Chương)	69
Sinh hoạt tư tưởng ★ CHÍNH TÂM — Bí mật của đồng tiền	79
MINH NGHĨA — Kiên quyết bảo vệ chủ quyền quốc gia và toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc	83
Bìa 3 — Chỉ số phát triển giá trị tổng sản lượng nông nghiệp	
Bìa 4 — Tranh của LÊ THIỆP	

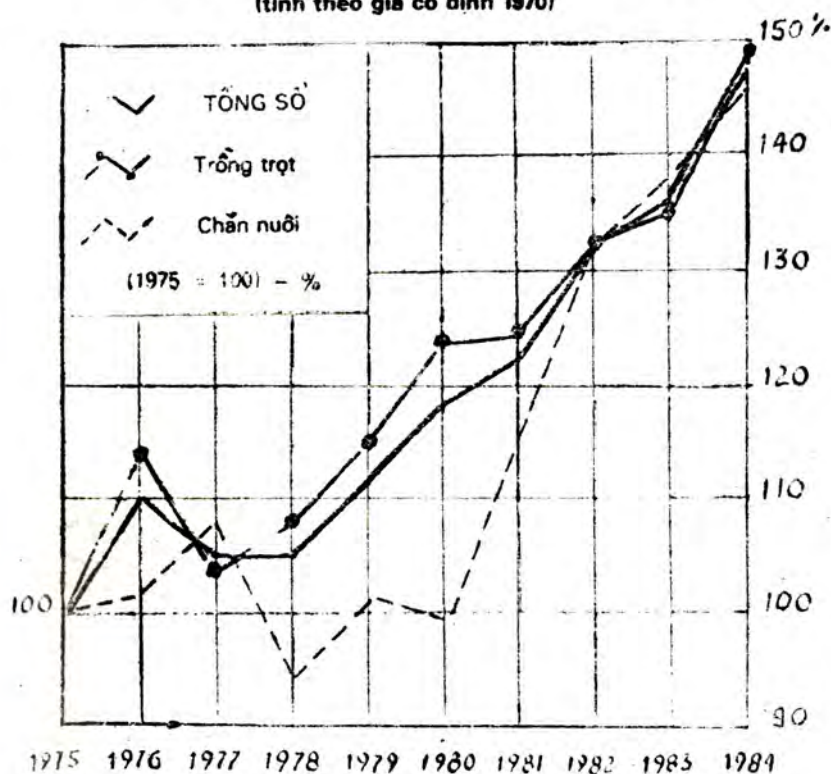
Trụ sở Bộ biên tập:

1, Nguyễn Thượng Hiền — Hà nội. Dây nói: 52061 — 52062

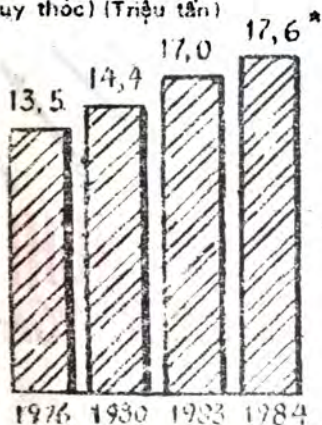
Trụ sở cơ quan thường trú tại miền Nam:

19, Duy Tân — T.P. Hồ Chí Minh. Dây nói: 25768 — 22040

CHỈ SỐ PHÁT TRIỂN
GIA TRỊ TỔNG SẢN LƯỢNG NÔNG NGHIỆP
 (tính theo giá cố định 1970)

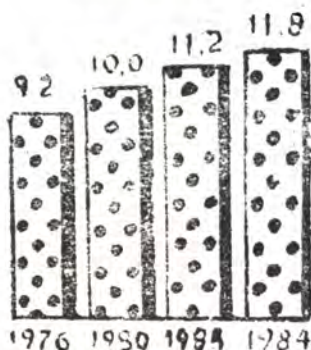


SẢN LƯỢNG LƯƠNG THỰC
 (quy thóc) (Triệu tấn)



LỢN (trệu con)

2 tháng trở lên





A79

Tạp chí Công sản

4

4.1985



**KỶ NIỆM LẦN THỨ MƯỜI
NGÀY ĐÁNH THẮNG ĐỂ QUỐC MỸ
THỰC HIỆN THỐNG NHẤT TỔ QUỐC
THÁNG 4.1975 - THÁNG 4.1985**

NHIỆM VỤ THIÊN LƯƠNG CỦA TOÀN DÂN TA LÚC
NÀY LÀ PHẢI NÂNG CAO TÌNH THẦN QUYẾT CHIẾN
QUYẾT THẮNG, QUYẾT TÂM GIẢI PHÓNG MIỀN NAM.
BẢO VỆ MIỀN BẮC, TIẾN TỚI HÒA BÌNH THỐNG NHẤT
TỔ QUỐC.

HẸ CÒN MỘT TÊN XÂM LƯỢC TRÊN ĐẤT NƯỚC TA.
THÌ TA CÒN PHẢI TIẾP TỤC CHIẾN ĐẤU, QUÉT SẠCH
NÓ ĐI.

.....

TRẢI QUA GẦN MỘT TRĂM NĂM DƯỚI ÁCH NÔ LỆ
THỰC DÂN VÀ HƠN 20 NĂM CHỐNG CHIẾN TRANH
XÂM LƯỢC CỦA BỌN ĐẾ QUỐC, HƠN AI HẾT, NHÂN
DÂN TA RẤT THIẾT THẠ YÊU QUÝ HÒA BÌNH ĐỂ XÂY
DỰNG ĐẤT NƯỚC. NHƯNG PHẢI LÀ HÒA BÌNH THẬT
SỰ TRONG ĐỘC LẬP, TỰ DO.

HỒ CHÍ MINH
(1968)

Cơ quan lý luận và chính trị của Đảng cộng sản Việt nam

Xã luận

**MƯỜI NĂM PHẤN ĐẤU KIÊN CƯỜNG,
MƯỜI NĂM THẮNG LỢI VẼ VANG**

CÁCH đây mười năm, cả nước ta đã sống những giờ phút hào hùng của đại thắng mùa xuân 1975. Năm vững thời cơ lịch sử có một không hai, Trung ương Đảng ta đứng đầu là đồng chí Lê Duẩn kính mến đã hạ quyết tâm chiến lược đánh thắng đế quốc Mỹ trong cuộc đọ sức cuối cùng với chúng. Với tinh thần quyết chiến quyết thắng, với tài thao lược bắt nguồn từ truyền thống đánh giặc giữ nước của ông cha ta và từ kinh nghiệm đấu tranh lâu dài của Đảng, quân và dân ta qua 55 ngày đêm tiến công và nổi dậy mà đỉnh cao là chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử, đã đánh sập đội quân tay sai của Mỹ trên một triệu tên. Thực hiện trọn vẹn lời dạy của Bác Hồ: « Đánh cho Mỹ cút, đánh cho ngụy nhào ». Quân và dân ta đã thắng nhanh, thắng gọn, thắng triệt để, kẻ thù không kịp trở tay, cả những thế lực xâm lược và bành trướng cũng không kịp thực hiện những tính toán chiến lược bần thiêu của chúng. Trận thắng lẫy lừng ấy đã đưa đến giải phóng hoàn toàn miền Nam, hoàn thành cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân ở miền Nam, tiến tới thống nhất đất nước. Non sông thu về một mối, dân tộc được độc lập hoàn toàn, thế và lực của cách mạng Việt nam tăng lên gấp bội, một kỷ nguyên mới mở ra trước dân tộc ta.

Ý nghĩa của đại thắng mùa xuân 1975 vượt xa khỏi biên giới nước ta. Tại buổi lễ mừng chiến thắng ngày 15-5-1975 tại thủ đô Hà nội, đồng chí Lê Duẩn đã nói: « Thắng lợi của Việt nam... không riêng gì là thắng lợi của độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội ở Việt nam, mà còn có ý nghĩa quốc tế to lớn và tinh thời đại sâu sắc: nó đã làm đảo lộn chiến lược toàn cầu của đế quốc Mỹ. Nó chứng minh rằng ba dòng thác cách mạng của thời đại hiện nay đang ở thế tiến công, đánh lui từng bước, đánh đổ từng bộ phận chủ nghĩa đế quốc ».

Không phải ngẫu nhiên mà người ta nói đến « thời kỳ sau Việt nam ». Đó chính là thời kỳ lực lượng so sánh trên thế giới có sự thay đổi, chủ nghĩa đế

quốc, đứng đầu là đế quốc Mỹ, bị suy yếu toàn diện và ngày càng lún sâu vào cuộc lạng lạng hoảng; trong khi đó thì vị trí của chủ nghĩa xã hội thế giới được tăng cường, thế tiến công của ba dòng thác cách mạng vững mạnh hơn bao giờ hết. Đó là thời kỳ các dân tộc bị áp bức, được sự cổ vũ của tấm gương Việt nam, đã vùng lên mạnh mẽ đấu tranh giành độc lập và tự do, gần một trăm triệu người trên các lục địa đã đi vào con đường xã hội chủ nghĩa. Đó là thời kỳ mà trong phong trào cộng sản và công nhân quốc tế cả một lớp người đã lớn lên qua cuộc đấu tranh ủng hộ Việt nam chống Mỹ, cứu nước. Ngay cả ở nước Mỹ, các lực lượng cách mạng và tiến bộ cũng thu nhận được những điều bổ ích từ cuộc kháng chiến của nhân dân ta.

Bây giờ chính quyền Ri-gân thường rêu rao: hội chứng Việt nam đã qua rồi, nước Mỹ đã lấy lại được sức mạnh và uy tín! Nhưng không. Cơ cấu mộng chiến tranh Việt nam còn ám ảnh giới cầm quyền Mỹ. Hội chứng Việt nam còn làm cho xã hội Mỹ nhức nhối. Bài học Việt nam còn đang răn đe bọn đế quốc và phản động phiêu lưu và liều lĩnh. Sức mạnh « thần kỳ » của đế quốc Mỹ không phải là bất khả xâm phạm. Nó đã bị đánh sập ở một nước có tiềm lực kinh tế và quốc phòng kém hơn Mỹ nhiều lần, một nước mà trước đây nhiều người trên thế giới còn chưa biết đến tên tuổi — nước đó là Việt nam.

Kỷ niệm lần thứ 10 ngày giải phóng miền Nam, chúng ta xiết bao tự hào về dân tộc ta, về Đảng ta, vô cùng biết ơn những anh hùng liệt sĩ đã hy sinh để làm nên đại thắng năm nào, dẫu dẫu ghi nhớ công ơn của Bác Hồ kính yêu cùng Đảng quang vinh đã dày công chuẩn bị cho chiến thắng của quân và dân ta, làm rạng rỡ non sông đất nước ta. Đây cũng là dịp chúng ta nhìn lại 10 năm đã qua để thấy rõ mình hơn và vững bước tiến lên.



Mười năm qua, nhân dân ta đã làm nên không ít sự nghiệp. Có thể nói mười năm qua được ghi vào lịch sử nước ta như một thời kỳ thắng lợi vẻ vang. Chúng ta đã giành được những thành tựu toàn diện cả về xây dựng chủ nghĩa xã hội lẫn bảo vệ Tổ quốc; cả về chính trị lẫn kinh tế — xã hội, cả về đối nội lẫn đối ngoại. Vượt qua những khó khăn chồng chất, chúng ta đã đưa cách mạng Việt nam phát triển lên một thế chiến lược mới, vững chắc hơn, tạo ra những khả năng mới to lớn.

Chúng ta đã nhanh chóng thực hiện thống nhất nước nhà về mặt Nhà nước, sau đó đã có nhiều chính sách thúc đẩy quá trình thống nhất về mọi mặt. Chúng ta đã dần dần tạo được cuộc sống hòa hợp của cả dân tộc. Đến nay, ý thức thống nhất đã biểu lộ mạnh mẽ qua các phong trào cải tạo xã hội chủ nghĩa, phong trào thu mua ở miền Nam, phong trào cả nước chi viện tiền tuyến biên giới phía bắc, qua việc thực hiện các chính sách thống nhất trong cả nước... Chính sự thống nhất ấy tạo cho cách mạng nước ta một sức mạnh to lớn; cho phép sử dụng lực lượng tổng hợp của cả nước vào sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Hệ thống chuyên chính vô sản được xác lập trên cả nước đã tỏ rõ sức mạnh của nó, đó là bảo đảm quan trọng hàng đầu cho sự phát triển của cách mạng xã hội chủ nghĩa. Với sức mạnh của chuyên chính vô sản, chúng ta đã đập

tan « kế hoạch hậu chiến » của đế quốc Mỹ, phá hủy và bẻ gãy mọi kế hoạch gián điệp, gây bạo loạn của bọn đế quốc và bọn bành trướng, bá quyền, giữ vững an ninh chính trị, đồng thời giải quyết có hiệu quả nhiều vấn đề kinh tế - xã hội cấp bách. Nhờ vậy mười năm qua, cách mạng xã hội chủ nghĩa trong cả nước đã diễn ra tương đối thuận lợi, quần chúng lao động, nhất là nông dân, đi vào chủ nghĩa xã hội một cách tự nguyện tự giác.

Vừa ra khỏi 20 năm chiến tranh chống Mỹ, vết thương chưa lành, chúng ta lại phải đương đầu với một thế lực phản động mới, đó là bọn bành trướng bá quyền Trung quốc. Kẻ thù mới rất hung hãn, độc ác và nham hiểm. Chúng dùng hai gọng kìm chiến tranh xâm lược hồng thôn lĩnh nước ta; từ mấy năm nay chúng tiến hành chiến tranh phá hoại nhiều mặt chống nước ta. Đặc biệt là từ năm ngoái, chúng giở thêm một thủ đoạn mới là liên hành chiến tranh lấn chiếm nước ta. Nhưng chúng ta đã làm thất bại mọi mưu đồ của chúng, bước đầu làm phá sản chiến lược bành trướng, bá quyền của Trung quốc, ngăn chặn hoạt động lấn chiếm của chúng, giữ vững biên cương Tổ quốc, bảo vệ nền độc lập, tự chủ của nước nhà. Đó là thắng lợi có ý nghĩa lịch sử hết sức to lớn. Thực tế chứng tỏ nhân dân ta có đủ tinh thần và lực lượng để đánh thắng kẻ thù mới và biết cách đánh thắng chúng.

Gắn liền với thắng lợi đó là **thắng lợi vĩ đại của liên minh chiến đấu Việt nam - Lào - Cam-pu-chia**. Liên minh đó ngày càng được củng cố vững chắc và không thể đảo ngược. Một thế lực liên hoàn vững mạnh của ba nước xã hội chủ nghĩa ở Đông dương đã hình thành, đồng thời quan hệ hợp tác toàn diện giữa nước ta với Liên xô và các nước xã hội chủ nghĩa anh em khác ngày càng phát triển mạnh mẽ. Đó là bảo đảm cực kỳ quan trọng cho độc lập và an ninh của nước ta và của các nước khác trên bán đảo Đông dương, cho hòa bình và ổn định ở Đông Nam Á, là điều kiện thuận lợi cho sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội của nước ta.

Mười năm qua, trên mặt trận kinh tế - xã hội, chúng ta đã giành được những thành tựu quan trọng. Trước hết, chúng ta đã làm nên một sự nghiệp vô cùng lớn lao là **căn bản xóa bỏ chế độ tư hữu về tư liệu sản xuất trên phạm vi cả nước, căn bản xóa bỏ mọi áp bức, bóc lột**. Xã hội ta đang chuyển từ kỷ nguyên tối yếu sang kỷ nguyên tự do. Điều mà trước đây chỉ là hoài bão, ước mơ của bao thế hệ ông cha ta thì nay đã trở thành hiện thực: nhân dân lao động đã là người chủ thật sự của đất nước.

Trải qua gần hai kế hoạch 5 năm, chúng ta đã dần dần khắc phục được những hậu quả nặng nề của chiến tranh, vượt qua thiên tai liên tiếp, khôi phục và tổ chức lại sản xuất theo con đường xã hội chủ nghĩa, đưa nền kinh tế vượt qua tình trạng sa sút nghiêm trọng trong những năm 1979 - 1980, chuyển dần theo hướng đi lên, ổn định từng mặt, tạo điều kiện cho sự phát triển trong những năm tới.

Chúng ta đã và đang tiến hành cải tạo xã hội chủ nghĩa ở miền Nam hoàn thiện quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc. Ở miền Nam, Nhà nước đã quốc hữu hóa những cơ sở kinh tế của 290 hộ tư sản mặt bán, của bọn phản quốc và bọn chạy ra nước ngoài, cải tạo công nghiệp tư bản tư doanh chủ yếu bằng hình thức công tư hợp doanh, xóa bỏ thương nghiệp tư bản chủ nghĩa, phát triển thương nghiệp quốc doanh và hợp tác xã. Ở Nam bộ, chúng ta đã điều chỉnh được 265.400 ha ruộng đất chia cho hơn 440.000 hộ

nông dân. Đồng thời, việc cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với nông nghiệp miền Nam được xúc tiến mạnh mẽ, đến nay các hợp tác xã và tập đoàn sản xuất đã thu hút 65% số hộ nông dân và sử dụng 59,6% diện tích canh tác. Triển vọng, công cuộc hợp tác hóa này sẽ cơ bản hoàn thành trong năm 1985. Cả nước hiện có 15 629 hợp tác xã bao gồm trên 5,3 triệu hộ xã viên, có 335 nông trường, gần 2 900 xí nghiệp công nghiệp quốc doanh và công tư hợp doanh với 695 000 người. Nhà nước độc quyền nắm ngoại thương, ngân hàng, bưu điện, hầu hết ngành vận tải, ngành xây dựng cơ bản. Nhờ vậy, thành phần kinh tế xã hội chủ nghĩa đã đem lại trên 56% thu nhập quốc dân, 63% tổng sản phẩm xã hội.

Chúng ta đã xây dựng được một số cơ sở vật chất kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội, bước đầu xây dựng cơ cấu kinh tế mới trong cả nước. Mấy năm đầu, chúng ta đã khôi phục được hầu hết các cơ sở sản xuất công nghiệp, các tuyến đường giao thông chính, các bến cảng, kho tàng, đưa vào sản xuất 50 vạn ha ruộng hoang hóa. Tiếp đến, nhiều công trình mới đã được xây dựng như các nhà máy nhiệt điện, thủy điện, các trạm biến thế và đường dây cao thế, các nhà máy cơ khí, xi măng, động cơ, vật liệu xây dựng, hóa chất, các hầm mỏ... tiêu biểu là những công trình nhiệt điện Phả Lại, thủy điện Hòa Bình, xi măng Bỉm Sơn, xi măng Hoàng Thạch, dầu khí Vũng Tàu, cơ khí Cẩm Phả v.v. Việc xây dựng những cơ sở công nghiệp sản xuất hàng tiêu dùng, chế biến lương thực, thực phẩm đã được đặc biệt chú ý. Trong giao thông vận tải, chúng ta đã xây dựng mới được hơn 238 km đường sắt, gần 3500 km đường ô tô, hàng chục ki lô mét cầu mà tiêu biểu là cầu Thăng Long, mở rộng các cảng, trang bị thêm nhiều phương tiện vận tải. Nhà nước đã đầu tư vào nông nghiệp và lâm nghiệp khoảng 1/5 vốn đầu tư hằng năm, xây dựng được một số công trình thủy lợi lớn như Kẻ Gỗ, Dầu Tiếng, khai hoang được gần 1 triệu ha đất. Ấy là chưa kể những công trình phục vụ các ngành thương nghiệp, dịch vụ, y tế, giáo dục, nghiên cứu khoa học.

Chúng ta đã phân bố và sử dụng tốt lực lượng lao động dồi dào của nước ta. Số lao động làm việc trong nền kinh tế quốc dân tăng từ 18,4 triệu năm 1976 lên 23,1 triệu năm 1984. 92,4% lao động xã hội làm việc trong khu vực sản xuất vật chất. Lực lượng lao động có kỹ thuật tăng nhanh, từ 145 000 người có trình độ đại học trở lên năm 1976 lên đến 265 500 người năm 1981, công nhân kỹ thuật cùng thời gian đó đã tăng từ 1 053 500 người lên đến 1 859 200 người.

Những năm qua, chúng ta đã bước đầu xây dựng các ngành kinh tế - kỹ thuật, sắp xếp, tổ chức lại sản xuất, phân công, phân cấp quản lý, lấy hiệu quả kinh tế - xã hội làm thước đo. Đồng thời, đã từng bước xây dựng cơ chế quản lý mới nhằm khắc phục tình trạng quan liêu bao cấp, phát huy quyền chủ động, sáng tạo của các cơ sở sản xuất. Việc xây dựng cấp huyện được chú ý đặc biệt. Cơ cấu kinh tế nước ta đã bước đầu có thay đổi. Thành phần kinh tế xã hội chủ nghĩa giữ vai trò chủ đạo. Kinh tế trung ương và kinh tế địa phương đều phát triển, riêng công nghiệp địa phương đã từ 56,4% (năm 1976) tăng lên 63% (năm 1984) trong giá trị sản lượng công nghiệp. Mỗi vùng kinh tế trong nước cũng bước đầu phát huy được thế mạnh riêng của mình.

Nhìn chung, tình hình kinh tế - xã hội nước ta đang đi vào thế ổn định từng mặt, tiến tới những bước phát triển mới. Thu nhập quốc dân bình quân

hàng năm trong hai năm 1983 - 1984 tăng 52% so với năm 1975. Sản lượng lương thực từ 11,5 triệu tấn năm 1975 tăng lên 17,9 triệu tấn năm 1984. Tuy dân số tăng nhanh, bình quân lương thực đầu người từ 240 kg năm 1975 tăng lên xấp xỉ 310 kg năm 1984. Từ 1976 đến 1984, chúng ta đã trồng được gần 90 vạn ha rừng, khai thác được trên 13 triệu m³ gỗ tròn. Sản lượng cá biển năm 1984 đạt 56 vạn tấn. Sản xuất công nghiệp năm 1984 bằng 1,98 lần năm 1976. Trong lưu thông phân phối, chúng ta đã đạt được nhiều tiến bộ. Nếu như trong thời kỳ 1976 - 1980 mỗi năm chỉ thu mua được khoảng 2 triệu tấn lương thực thì nay đã thu mua được trên 3 triệu tấn. Công tác ngoại thương phát triển, xuất khẩu năm 1984 đã bằng 4,9 lần năm 1975. Nhà nước đã cố gắng ổn định và cải thiện một bước đời sống nhân dân, cố gắng bảo đảm cung cấp theo định lượng 9 mặt hàng thiết yếu cho cán bộ, công nhân, viên chức, bộ đội, công an, xây dựng được gần 7 triệu m² nhà ở các loại; nhà ngôi mọc lên ngày càng nhiều ở nông thôn. Các sự nghiệp giáo dục, y tế có sự phát triển đáng kể. Nền văn hóa - tư tưởng do chủ nghĩa thực dân mới để lại bị xóa bỏ. Nền văn hóa mới, con người mới xã hội chủ nghĩa xuất hiện ngày càng rõ nét.

Có hiểu được bối cảnh lịch sử cụ thể của nước ta mười năm qua - hậu quả của chiến tranh, sự phá hoại của Trung quốc và đế quốc Mỹ, nhu cầu quốc phòng, tình trạng nền kinh tế vốn là sản xuất nhỏ, lạc hậu, dân số tăng nhanh, thiên tai liên tiếp - thì mới thấy được ý nghĩa của những thành tựu to lớn mà nhân dân ta đã đạt được, mới hiểu được tại sao sản xuất có lên nhưng đời sống của nhân dân ta nói chung còn thấp. Những thành tựu nói trên là kết quả của sự phấn đấu bền bỉ, kiên cường của toàn dân, sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng. Mặc dù còn vô vàn khó khăn, mặc dù có những thiếu sót, khuyết điểm như Đảng ta đã tự phê bình, phải khẳng định rằng tình thế cách mạng của nước ta trong 10 năm qua là tốt, **cách mạng Việt nam đang phát triển không ngừng trên con đường xã hội chủ nghĩa**. Mọi tâm lý bi quan dao động chỉ thấy khó khăn, liêu cực, không thấy thắng lợi, mọi cách nhìn tiêu hình chỉ xuất phát từ nhận thức chủ quan, không xuất phát từ thực tế khách quan, chỉ thấy thắng lợi một này mà không thấy thắng lợi một khác, đều là sai lầm.



So với chiều dài của lịch sử, mười năm chỉ là một chặng đường ngắn ngủi. Đường ta đi tới còn dài và phức tạp. Tình hình kinh tế - xã hội còn chưa ổn định vững chắc. Nền kinh tế nước ta đang có những mất cân đối lớn. Sản xuất nông nghiệp chưa vững chắc, nhất là khi xây ra thiên tai lớn, sản xuất công nghiệp phát triển không đều, năng suất, chất lượng và hiệu quả đều thấp. Thu nhập quốc dân chưa bảo đảm được tiêu dùng xã hội. Trong lưu thông phân phối còn nhiều diễn biến phức tạp. Đời sống của nhân dân, nhất là của cán bộ, công nhân, các lực lượng vũ trang và công an còn nhiều khó khăn và không ổn định. Những hiện tượng tiêu cực trong kinh tế và xã hội chưa được ngăn chặn có hiệu quả.

Mười phần đầu mười năm, chúng ta chưa thể vượt qua được chặng đường đầu tiên của thời kỳ quá độ. Một nước 60 triệu dân mà nay mới chỉ có mấy vạn tấn thép, mấy triệu tấn than, chưa có dầu khí, bình quân lương thực xấp xỉ

300kg, thì rõ ràng không thể có ngay được nền sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa. Như V.I. Lê-nin đã từng nói, một nước càng lạc hậu về kinh tế thì khi tiến lên chủ nghĩa xã hội càng gặp nhiều khó khăn. Mặt khác, chúng ta đang phải đương đầu với sự bao vây, phá hoại của bọn đế quốc, với kiểu chiến tranh phá hoại nhiều mặt và lấn chiếm của bọn bành trướng, bá quyền Trung quốc. Cuộc đấu tranh đó quyền chốt với cuộc đấu tranh giữa hai con đường ở trong nước. Báo cáo chính trị của Ban chấp hành trung ương tại Đại hội thứ V của Đảng đã chỉ rõ: « Chúng ta xây dựng chủ nghĩa xã hội trong hoàn cảnh quốc tế đang diễn biến phức tạp, trong tình hình đất nước có nhiều khó khăn nghiêm trọng, cuộc đấu tranh giữa hai con đường đang diễn ra gay gắt ».

Chỉ có phấn đấu tự lực tự cường, chịu đựng gian khổ, dày mình sản xuất, sống bằng cái do mình làm ra, chăm lo tích lũy cho sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc thì mới có thể nhanh chóng khắc phục khó khăn, vượt qua chặng đường đầu tiên của thời kỳ quá độ, tạo tiền đề xây dựng nước ta to đẹp hơn, giàu hơn như Bác Hồ căn dặn

Trên mặt trận kinh tế, nhiệm vụ đặt ra hiện nay là phải phấn đấu thực hiện cho được 4 mục tiêu kinh tế - xã hội và các chỉ tiêu chủ yếu do Đại hội V của Đảng đề ra, đưa nền kinh tế đi vào thể ổn định và phát triển đúng đường lối, chủ trương của Đảng. Hội nghị thứ 7 của Trung ương Đảng đã chỉ rõ: phải tiếp tục xem mặt trận sản xuất nông nghiệp là hàng đầu, trước hết là sản xuất lương thực, thực phẩm, phát triển mạnh hơn nữa hàng tiêu dùng trong nước và hàng xuất khẩu, đồng thời tăng cường các cơ sở công nghiệp nặng then chốt phục vụ nông nghiệp và công nghiệp hàng tiêu dùng. Phải xem việc ổn định và cải thiện một bước đời sống nhân dân, trước hết là đời sống cán bộ, công nhân, bộ đội, công an là mục tiêu thứ nhất, đồng thời phấn đấu tăng thêm tích lũy để tiếp tục xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội. Phải kiên quyết hoàn thành về cơ bản nhiệm vụ cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với nông nghiệp ở Nam bộ và đối với công thương nghiệp tư doanh trong cả nước, củng cố và tăng cường khu vực kinh tế xã hội chủ nghĩa. Phải kết hợp tốt hơn kinh tế với quốc phòng, quốc phòng với kinh tế, bảo đảm yêu cầu củng cố quốc phòng và an ninh. Phải tiếp tục cải tiến cơ chế quản lý kinh tế, chuyển hẳn từ lối quản lý quan liêu bao cấp sang hạch toán kinh tế và kinh doanh xã hội chủ nghĩa. Phải thực hiện bằng được trong năm 1985 trên phạm vi cả nước việc Nhà nước làm chủ thị trường, giải quyết đồng bộ và vững chắc những vấn đề cấp bách về giá cả, tiền lương, tài chính, tiền tệ. Phải thật sự đổi mới công tác kế hoạch hóa, bảo đảm linh hoạt thực và tính vững chắc, tích cực khai thác 4 nguồn khả năng, phấn đấu đạt tốc độ phát triển và hiệu quả kinh tế cao hơn. Đi đôi với phát triển kinh tế, phải phấn đấu giành nhiều thành tích hơn nữa trên các mặt trận văn hóa - xã hội, giáo dục, y tế, khoa học kỹ thuật

Động lực để thực hiện kế hoạch Nhà nước năm 1985 là ý chí tự lực tự cường, phong trào cách mạng và tinh thần làm chủ tập thể của nhân dân lao động.

Trong khi thực hiện kế hoạch Nhà nước năm 1985, chúng ta cần tổng kết ngay việc thực hiện kế hoạch 5 năm 1981 - 1985, chuẩn bị cho kế hoạch 5 năm 1986 - 1990, nghiên cứu kỹ lý luận và thực tiễn của chặng đường đầu tiên của thời kỳ quá độ và chiến lược kinh tế - xã hội trong chặng đường đầu tiên

Trên mặt trận bảo vệ Tổ quốc, chúng ta không được một phút lơ là cảnh giác đối với âm mưu và hành động của bọn bành trướng, bá quyền Trung

quốc. Đây là một cuộc chiến đấu lâu dài và gian khổ, không cho phép có ảo tưởng. Bọn phản động Trung quốc còn ôm mộng thôn tính nước ta, bành trướng xuống Đông Nam Á và làm bá chủ thiên hạ. Hiện nay, tay sai của chúng bị đánh tan tã ở biên giới Cam-pu-chia - Thái lan, bản thân chúng bị đòn đau trong cuộc chiến tranh lần chiếm biên giới phía bắc nước ta. Nhưng chúng vẫn giở giọng bá quyền nước lớn đòi « dạy cho Việt nam bài học thứ hai ». Nhân dân ta quyết tăng cường lực lượng quốc phòng; thực hiện đầy đủ nghĩa vụ quân sự, xây dựng tuyến biên giới phía bắc, quyết bảo vệ vững chắc độc lập tự do của dân tộc và làm trọn nghĩa vụ quốc tế của mình.

Vấn đề then chốt đề tiên lên giành những thắng lợi lớn hơn nữa là **xây dựng Đảng ta vững mạnh và trong sạch**. Trải qua quá trình chiến đấu lâu dài, Đảng ta đã trở thành một trong những đảng cách mạng nhất, kiên cường nhất của phong trào cộng sản quốc tế. Đại đa số đảng viên của Đảng đã giữ được phẩm chất cách mạng, vững vàng trước những bước ngoặt lịch sử, trước những khó khăn to lớn, đang nêu cao vai trò tiên phong, gương mẫu trên tất cả các mặt trận. Bên cạnh đó, một bộ phận cán bộ, đảng viên tỏ ra không vững vàng, lậm chí sa đọa, biến chất. Vì vậy, việc giáo dục về truyền thống về vàng của Đảng, về phẩm chất cách mạng cho cán bộ đảng viên là một nhiệm vụ cấp bách. Sống, chiến đấu, lao động và học tập vì Tổ quốc, vì nhân dân, vì lý tưởng cộng sản chủ nghĩa, đó phải là điều tâm niệm của mỗi cán bộ, đảng viên.

Với niềm tin vào thắng lợi, với ý chí tự lực tự cường, toàn Đảng, toàn quân, toàn dân ta hãy tăng cường đoàn kết, ra sức phấn đấu, đưa sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc Việt nam xã hội chủ nghĩa tiến lên giành những thắng lợi ngày càng to lớn hơn.



Văn kiện lịch sử

Lời Bộ biên tập - Sự chỉ đạo đúng đắn, linh hoạt, kịp thời của Bộ chính trị Trung ương Đảng đứng đầu là đồng chí Tổng bí thư Lê Duẩn là nhân tố hàng đầu quyết định thắng lợi của quân và dân ta trong cuộc tổng tấn công mùa xuân năm 1975. Nhân dịp kỷ niệm lần thứ 10 thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, giải phóng miền Nam, thống nhất Tổ quốc, chúng tôi đăng dưới đây một số bức điện của đồng chí Tổng bí thư Lê Duẩn gửi các đồng chí lãnh đạo ở các chiến trường miền Nam trong cuộc tổng tấn công mùa xuân năm 1975 để bạn đọc nghiên cứu.

Gửi anh Năm Cống và anh Hai Mạnh

Ngày 27 tháng 3 năm 1975

Các anh thân mến,

Bộ chính trị Trung ương Đảng và Quân ủy trung ương họp ngày 25 tháng 3 năm 1975 đã thông qua kế hoạch tiến công giải phóng Đà Nẵng, và quyết định lập Bộ tư lệnh mặt trận Đà Nẵng. Anh Văn đã điện cho các anh. Tôi chỉ nhấn mạnh một vài điểm.

Chiến thắng oanh liệt ở Buôn Mê Thuột và Tây nguyên đã tạo ra thời cơ giải phóng Đà Nẵng. Ta phải tập trung lực lượng từ hai phía, từ Thừa Thiên - Huế đánh vào và từ Nam Ngãi đánh ra, nhanh chóng tiêu diệt toàn bộ sinh lực địch ở Đà Nẵng không cho chúng rút chạy về eo cụm và giữ Sài Gòn.

Trên lúc này, thời gian là lực lượng; phải hành động hết sức sáng tạo, bất ngờ, làm cho địch không kịp trở tay. Các anh cần sử dụng ngay lực lượng của Quân khu và của tỉnh

đánh thẳng vào Đà Nẵng. Phải có biện pháp đặc biệt để hành quân nhanh nhất, kịp thời không chể, chiếm lĩnh các sân bay, bao vây, chia cắt để tiêu diệt địch.

Phải nhanh chóng phát động quần chúng vũ trang nổi dậy, đập tan các lực lượng kim kẹp ở cơ sở, chiếm lĩnh các công sở, kho tàng, nhà máy, thành lập chính quyền cách mạng và xáp vào vận động binh sĩ địch bỏ súng đầu hàng, làm tan rã các đơn vị quân nguy.

Các binh đoàn chủ lực phía bắc đã có kế hoạch hành quân nhanh nhất để kịp thời hợp đồng với cánh quân phía nam. Các anh hành động ngay, không chậm trễ.

Bộ chính trị khen ngợi những chiến thắng giòn giã của quân, dân Khu 5 và chờ tin đại thắng của mặt trận Đà Nẵng.

BA

Gửi anh Bảy Cường

16 giờ 30' ngày 29 tháng 3 năm 1975

Tình hình biến chuyển mau lẹ. Cuộc cách mạng miền Nam đang bước vào giai đoạn phát triển nhảy vọt.

Sau khi ta giành được những thắng lợi to lớn và dồn dập, địch bị thất bại hết sức nặng nề và bất ngờ, chế độ nguy đang đứng trước nguy cơ sụp đổ nhanh chóng cả về quân sự và chính trị.

Tôi rất đồng ý với các anh là lúc này cần hành động hết sức kịp thời, kiên quyết và táo bạo. Trên thực tế,

có thể coi chiến dịch giải phóng Sài Gòn đã bắt đầu từ đây

Trong khi gấp rút xúc tiến thực hiện quyết tâm chiến lược đã định, tôi nhấn mạnh một điểm cấp thiết phải làm ngay là mạnh bạo tăng thêm lực lượng thực hiện chia cắt và bao vây chiến lược phía tây Sài Gòn, ở vùng Mỹ Tho, Tân An.

Chúc các anh khỏe và thắng to.

BA

Gửi anh Bảy Cường, anh Sáu, anh Tuấn

11 giờ ngày 31 tháng 3 năm 1975

Tình hình biến chuyển nhanh, cần tranh thủ thời gian hành động khẩn trương. Vì vậy, anh Tuấn nên vào sớm gặp anh Bảy Cường ở Trung ương Cục để bàn ngay kế hoạch đánh

chiếm Sài Gòn. Anh Sáu sẽ vào luôn trong đó hợp. Anh Bảy Cường và anh Tư Nguyễn không ra Tây nguyên nữa.

BA

Gửi anh Bảy Cường, anh Sáu, anh Tuấn

14 giờ ngày 01 tháng 4 năm 1975

Bộ chính trị đã họp ngày 31 tháng 3 năm 1975 nghe Quân ủy trung ương báo cáo tình hình phát triển cuộc tổng tiến công của ta trong 3 tuần qua, đặc biệt trong thời gian gần đây.

Bộ chính trị nhất trí phân định:

1— Tiếp theo thắng lợi lớn của ta ở Khu 9 và giải phóng tỉnh Phước Long ở miền Đông Nam bộ, cuộc tổng tiến công chiến lược của ta trên thực tế đã bắt đầu với việc đánh chiếm Tây nguyên và trong một thời gian rất ngắn đã giành được những thắng lợi cực kỳ to lớn.

Chúng ta đã tiêu diệt và làm tan rã hơn 35% sinh lực địch, tiêu diệt và loại khỏi vòng chiến đấu hai quân đoàn địch, tiêu diệt khoảng 40% các

binh chủng kỹ thuật hiện đại, thu và phá hơn 40% cơ sở vật chất, hậu cần, giải phóng 12 tỉnh, đưa tổng số dân vùng giải phóng lên gần 8 triệu.

Đặc biệt trong trận Đà Nẵng, đã thực hiện được kết hợp tiến công quân sự với nổi dậy của quần chúng do có những nhân tố mới là: nhân dân cầm phần địch cao độ chỉ chờ cơ hội là vùng dậy; đại bộ phận sĩ quan và binh lính địch mất hẳn tinh thần chiến đấu. Quân và dân Mặt trận Đà Nẵng đã lập được một chiến công xuất sắc: chỉ trong 30 giờ từ khi nổ súng, với lực lượng ít hơn địch, đã kịp thời, táo bạo, tiến công và nổi dậy đánh chiếm căn cứ quân sự liên hợp lớn nhất của quân nguy ở miền Trung.

Qua những chiến thắng nói trên, các lực lượng vũ trang ta đã lớn mạnh vượt bậc: bộ đội thương vong ít, tinh thần và trình độ chiến đấu được nâng lên rõ rệt; vũ khí, đạn được tiêu hao không đáng kể; ta lại thu được một khối lượng rất lớn vũ khí, đạn được của địch. Quân chủ lực, trong một thời gian ngắn, đã tăng lên gấp bội, có sức cơ động khắp các chiến trường.

Trong tình hình đó, Bộ chính trị nhận định: về chiến lược, về lực lượng quân sự, chính trị, ta đã có sức mạnh áp đảo; địch đang đứng trước nguy cơ sụp đổ và diệt vong. Mỹ tỏ ra hoàn toàn bất lực, dù có tăng viện cũng không thể cứu vãn được tình thế của ngụy. Cuộc chiến tranh cách mạng ở miền Nam không những đã bước vào giai đoạn phát triển nhảy vọt, mà thời cơ để mở tổng tiến công và nổi dậy tại Sài Gòn - Gia định đã chín muồi. Từ giờ phút này, trận quyết chiến chiến lược cuối cùng của quân và dân ta đã bắt đầu.

2 - Cách mạng nước ta đang phát triển với nhịp độ « một ngày bằng hai mươi năm ». Do vậy, Bộ chính trị quyết định: chúng ta phải nắm vững thời cơ chiến lược, quyết tâm thực hiện tổng tiến công và nổi dậy, kết thúc thắng lợi chiến tranh giải phóng trong thời gian ngắn nhất. Tốt hơn cả là bắt đầu và kết thúc trong tháng 4 năm nay, không để chậm. Phải hành động thần tốc, táo bạo, bất ngờ. Phải tiến công ngay lúc địch hoang mang suy sụp. Tập trung lực lượng lớn hơn nữa vào những mục tiêu chủ yếu trên từng hướng, trong từng lúc.

Phát huy sức mạnh của ba đòn chiến lược, kết hợp tiến công và nổi dậy, từ ngoài đánh vào, từ trong đánh ra. Trên từng hướng và trong từng trận, phải tập trung lực lượng áp đảo, tiêu diệt gọn, làm tan rã nhanh quân địch, tận dụng thời cơ và thuận lợi mới mà dồn dập tiến công phát triển thắng lợi.

Trước mắt như đã định, nay cần làm nhanh hơn, gấp rút tăng thêm lực lượng ở hướng tây Sài Gòn, thực hiện chia cắt và bao vây chiến lược, triệt hẳn đường số 4 và áp sát Sài Gòn.

Đồng thời, nhanh chóng tập trung lực lượng ở hướng đông và đông nam, đánh chiếm những mục tiêu quan trọng, thực hiện bao vây, cô lập hoàn toàn Sài Gòn từ phía Long Khánh, Bà Rịa - Vũng Tàu.

Tổ chức sẵn sàng những đơn vị chủ lực được trang bị binh khí, kỹ thuật thật mạnh, để lúc thời cơ xuất hiện thì tức khắc đánh chiếm những mục tiêu quan trọng nhất ở trung tâm thành phố Sài Gòn.

Ở đồng bằng sông Cửu Long, cần thúc đẩy các lực lượng quân sự, chính trị của ta hành động mạnh bạo, khẩn trương, phát triển tiến công và nổi dậy, tiêu diệt chi khu, quận lỵ, phá banh từng mảnh lớn hệ thống kim kẹp của địch, nhanh chóng mở rộng vùng giải phóng ở các khu vực trọng điểm.

3 - Muốn thực hiện phương hướng chiến lược nói trên cho kịp thời gian thì ngay bây giờ, cần vạch kế hoạch hành động táo bạo với lực lượng sẵn có tại chiến trường miền Đông. Quân ủy trung ương đã quyết định nhanh chóng chuyển Quân đoàn 3 cùng các binh khí, kỹ thuật từ Tây nguyên xuống đồng thời đã ra lệnh đưa Quân đoàn dự bị vào. Nhưng để tranh thủ thời gian, không nên chờ đợi lực lượng tăng cường đến nơi thật đầy đủ, cũng cần tránh điều động quân không hợp lý, làm ảnh hưởng đến kế hoạch tiến hành chiến dịch.

4 - Trong khi Trung ương Cục và Quân ủy miền vẫn làm nhiệm vụ như hiện nay, Bộ chính trị quyết định thành lập Bộ chỉ huy và Đảng ủy mặt trận Sài Gòn để tập trung, thống nhất cao độ sự lãnh đạo và chỉ đạo đối với

chiến trường trọng điểm này. Khi anh Sáu, anh Tuấn vào đến nơi thì các anh trao đổi ý kiến đề thực hiện ngay.

5 - Ngoài này, Bộ chính trị sẽ tập trung lực lượng chỉ đạo, và đã có những chỉ thị cần thiết cho toàn quân

cho các chiến trường và các ngành, các cấp đề bảo đảm trận quyết chiến lịch sử này giành toàn thắng.

Tôi gửi đến các anh lời chào quyết thắng

BA

Gửi anh Tuấn, anh Sáu, anh Bảy Cường và anh Tư Nguyễn

11 giờ ngày 9 tháng 4 năm 1975

Sáng nay tôi vừa nhận được điện 21 KT, ngày 8 tháng 4 năm 1975 của anh Tuấn.

Sau khi trao đổi ý kiến với anh Văn và các đồng chí trong Bộ tổng tham mưu, tôi nhận thấy các anh cần chuẩn bị thêm mấy ngày nữa, đợi phần lớn lực lượng của Quân đoàn 3 và Quân đoàn 1 (cả bộ binh và binh khí kỹ thuật) vào đến nơi hãy bắt đầu cuộc tiến công.

Từ nay đến khi cuộc tiến công lớn bắt đầu, do anh Sáu Nam chỉ huy, cần đẩy mạnh hoạt động cánh phía tây và tây - nam, chia cắt đường số 4, buộc địch phải phân tán lực lượng để đối phó làm cho chúng thêm rối loạn, hoang mang, khó phán đoán kế hoạch chiến dịch của ta, đồng thời ra lệnh cho các đội biệt động thâm nhập nội thành. Các

hướng khác cũng cần có hoạt động thích hợp để tạo điều kiện phối hợp với cuộc tiến công lớn.

Cần bảo đảm một khi đã phát động tiến công thì phải công kích thật mạnh và liên tục, dồn dập cho đến toàn thắng; vừa tiến công ở ngoại vi, vừa nắm kịp thời cơ, thọc sâu vào trung tâm Sài Gòn từ nhiều hướng với những lực lượng đã chuẩn bị sẵn. Thực hiện từ ngoài đánh vào, từ trong đánh ra, tạo điều kiện cho đồng bào nổi dậy, không chia làm hai bước. Đó là phương án cơ bản và chắc thắng nhất. Trong tình hình hiện nay, *thần tốc, táo bạo, bất ngờ* là ở chỗ đó. Tôi cũng đồng ý dự kiến cần chuẩn bị đối phó với tình huống cuộc chiến đấu có thể kéo dài một thời gian.

BA

Gửi anh Tám Thành, anh Bảy Cường, anh Tuấn

17 giờ 50 ngày 14 tháng 4 năm 1975

Ngày 14 tháng 4 năm 1975, Bộ chính trị đã họp nghe Quân ủy trung ương báo cáo về tình hình mặt trận Sài Gòn và các phương hướng, chủ trương mà các anh đã diễn ra. Bộ chính trị nhất trí với các phương hướng, chủ trương ấy. Mong các anh tranh thủ

thời gian chuẩn bị thật tốt để giành thắng lợi thật to lớn. Bộ chính trị đồng ý chiến dịch giải phóng Sài Gòn lấy tên là « *Chiến dịch Hồ Chí Minh* ». Chúc các anh khỏe.

BA

Gửi anh Tuấn, anh Sáu, anh Bảy, anh Tấn

15 giờ 30 ngày 22 tháng 4 năm 1975

Sáng ngày 22 tháng 4, Bộ chính trị họp, đã nghe Quân ủy trung ương báo cáo về tình hình mặt trận và kế hoạch tác chiến của ta hiện nay. Bộ chính trị nhất trí nhận định và đề ra chủ trương như sau:

Tiếp theo những thất bại dồn dập, gần đây địch lại mất Phan rang và buộc phải rút chạy khỏi Xuân lộc. Chúng không những đã phát hiện lực lượng lớn của ta ở cách ven biển hướng đông, mà còn phát hiện lực lượng lớn của ta ở hướng lộ 4 và tây - nam Sài gòn, phần nào phát hiện lực lượng lớn của ta ở hướng bắc. Trước nguy cơ bị bao vây, tiêu diệt, chúng đã vội vã điều chỉnh bố trí lực lượng. Thế bố trí mới không thể hiện rõ ý đồ cố thủ Sài gòn, mà đề lộ ý định giữ cho được hành lang đường số 4 từ Sài gòn đến Cần thơ. Đêm qua, dưới áp lực của Mỹ và bọn tướng tá, Nguyễn Văn Thiệu đã phải từ chức. Để làm chậm cuộc tiến công của ta vào Sài gòn, Mỹ - ngụy đã lập chính phủ mới, đưa ra với ta đề nghị ngừng bắn, đi đến một giải pháp chính trị, hòng cứu vãn tình thế thất bại hoàn toàn của chúng.

Tất cả tình hình nói trên đang gây rối loạn lớn trong ngụy quân, ngụy quyền. Phong trào đấu tranh của quần chúng nhân dân có thể có bước phát triển mới.

Thời cơ để mở cuộc tổng tiến công về quân sự và chính trị vào Sài gòn đã chín muồi. Ta cần tranh thủ từng ngày để kịp thời phát động tiến công. Hành động trong lúc này là bảo đảm chắc chắn nhất để giành thắng lợi hoàn toàn. Nếu đề chậm sẽ không có lợi cả về quân sự và chính trị.

Các anh ra mệnh lệnh ngay cho các hướng hành động kịp thời, đồng thời chỉ thị cho khu ủy Sài gòn - Gia định sẵn sàng phát động quần chúng nổi dậy kết hợp với các cuộc tiến công của quân đội. Sự hợp đồng giữa các hướng cũng như giờ tiến công và nổi dậy sẽ thực hiện trong quá trình hành động.

Nắm vững thời cơ lớn, chúng ta nhất định giành toàn thắng.

Chúc các anh khỏe.

BA

Gửi anh Sáu, anh Bảy, anh Tuấn, anh Tư, đồng điện anh Tấn

10 giờ ngày 29 tháng 4 năm 1975

Bộ chính trị và Quân ủy trung ương đang họp thì được tin Dương Văn Minh ra lệnh ngừng bắn. Bộ chính trị và Quân ủy trung ương chỉ thị:

1 - Các anh ra lệnh cho quân ta tiếp tục tiến công vào Sài gòn theo kế hoạch: tiến quân với khí thế hùng mạnh nhất, giải phóng và chiếm lĩnh toàn bộ thành phố, tước vũ khí quân

đội địch, giải tán chính quyền các cấp của địch, đập tan triệt để mọi sự chống cự của chúng.

2 - Công bố đặt thành phố Sài gòn - Gia định dưới quyền của Ủy ban quân quản do tướng Trần Văn Trà làm chủ tịch.

3 - Sẽ có điện tiếp, nhận được điện trả lời ngay.

BA

Gửi anh Sáu, anh Bảy, anh Tuấn, anh Tư

Ngày 30 tháng 4 năm 1975

Các anh chuyển điện khen sau đây của Bộ chính trị đến cán bộ, chiến sĩ, đảng viên, đoàn viên.

BA

DIỆN KHEN

CỦA BỘ CHÍNH TRỊ TRUNG ƯƠNG ĐẢNG

Toàn thể cán bộ, chiến sĩ tham gia chiến dịch Hồ Chí Minh cùng đồng bào Sài gòn - Gia định thân mến.

Bộ chính trị Trung ương Đảng nhiệt liệt khen ngợi quân và dân Sài gòn - Gia định, khen ngợi toàn thể cán bộ và chiến sĩ, đảng viên và đoàn viên, thuộc các đơn vị bộ đội chủ lực, bộ đội địa phương, bộ đội tinh nhuệ, dân quân tự vệ đã chiến đấu cực kỳ anh dũng, lập chiến công chói lọi, tiêu diệt và làm tan rã lực lượng lớn quân địch, buộc nguy quyền Sài gòn phải đầu hàng không điều kiện, giải phóng thành phố Sài gòn - Gia định, đưa chiến dịch lịch sử mang tên Bác Hồ vĩ đại đến toàn thắng.

Toàn thể các đồng chí hãy nêu cao tinh thần quyết thắng cùng đồng bào tiếp tục tiến công và nổi dậy, giải phóng hoàn toàn miền Nam thân yêu của Tổ quốc.

Hà nội, ngày 30-4-1975

T.M. BỘ CHÍNH TRỊ TRUNG ƯƠNG ĐẢNG

LÊ DUÂN

NHỮNG VĂN KIỆN CHỦ YẾU VỀ CHỐNG MỸ, CỨU NƯỚC

CUỐN sách *Những văn kiện chủ yếu về chống Mỹ, cứu nước* gồm có một số bài quan trọng của Chủ tịch Hồ Chí Minh được đăng ở phần đầu sách và tiếp đó là những nghị quyết về chống Mỹ, cứu nước của các hội nghị Ban chấp hành trung ương và hội nghị Bộ chính trị trong khoảng thời gian từ năm 1954 đến năm 1975. Ở phần cuối sách, có trích in Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV của Đảng năm 1976, phân nói về ý nghĩa và nguyên nhân thắng lợi của sự nghiệp chống Mỹ, cứu nước của nhân dân ta.

Lần đầu tiên, những nghị quyết về chống Mỹ, cứu nước của Trung ương Đảng và Bộ chính trị được công bố trong một cuốn sách. Đây là một tập tư liệu quý giá. Nó giúp cho người đọc hiểu những nhân tố được diễn biến của cuộc chiến tranh qua các giai đoạn phát triển của nó mà còn có thể thấy được Ban chấp hành trung ương Đảng ta, đứng đầu là Chủ tịch Hồ Chí Minh và Bộ chính trị suy nghĩ, chủ trương và chỉ đạo một cách sáng suốt, tài tình như thế nào để đưa cuộc kháng chiến thần thánh chống Mỹ của dân tộc ta đi từ thắng lợi này đến thắng lợi khác và cuối cùng đến sự toàn thắng vẻ vang vào mùa Xuân năm 1975.

Cuốn sách quan trọng này giúp chúng ta nghiên cứu về nhiều vấn đề chính trị và quân sự của sự nghiệp chống Mỹ, cứu nước. Trong lời giới thiệu này, chúng tôi chỉ đề cập một số vấn đề có ý nghĩa chung nhất.

Chiến tranh là đấu lực và đấu trí. Muốn đánh địch, phải hiểu rõ chúng về nhiều phương diện: âm mưu chiến lược, tiềm lực và khả năng động viên, hoàn cảnh quốc tế, chỗ mạnh, chỗ yếu của chúng trong chiến tranh. Chúng ta lại càng cần hiểu rõ những khả năng mọi mặt của mình và hoàn cảnh quốc tế cuộc chiến đấu của ta. Đó là những cơ sở để xác định đường lối chính trị, đường lối quân sự của cuộc kháng chiến.

Những văn kiện chủ yếu về chống Mỹ cứu nước cho thấy là ngay từ mấy ngày trước khi Hiệp nghị Giơ-ne-vơ năm 1954 về chấm dứt chiến tranh và lập lại hòa bình ở Đông dương được ký kết, Ban chấp hành trung ương Đảng ta đã chỉ rõ « Đế quốc Mỹ là một trở lực chính ngăn cản việc lập lại hòa bình ở Đông dương. Chúng đang ráo riết xúc tiến việc thành lập khối xâm lược Đông Nam Á, dùng Đông dương làm bàn đạp để mở rộng chiến tranh xâm lược. Chúng cố giữ tình hình quốc tế căng thẳng để lợi dụng bán vũ khí kiếm lời, ráo riết chuẩn bị chiến tranh, uy hiếp hòa bình thế giới. Vì vậy, đế quốc Mỹ là kẻ thù chính của nhân dân yêu chuộng hòa bình thế giới và hiện đang trở thành kẻ thù chính trực liếp của nhân dân Đông dương ».

Những năm sau đó, đế quốc Mỹ ngày càng trực tiếp can thiệp sâu vào miền Nam nước ta. Chúng đẩy dân thực dân Pháp xuống địa vị phụ thuộc rồi hất cẳng Pháp, lập ra chính

quyền tay sai Mỹ do Ngô Đình Diệm cầm đầu. Chúng lại ráo riết đưa vũ khí và nhân viên quân sự Mỹ vào miền Nam và ra sức giúp cho Diệm xây dựng nguy quân, phá hoại Hiệp nghị Giơ-ne-vơ và đẩy mạnh các hoạt động khủng bố, đàn áp nhằm phá hoại các tổ chức cơ sở của ta, bắt giết cán bộ và quần chúng cách mạng. Tên chó săn trung thành của Mỹ là Ngô Đình Diệm lại còn công khai hô hào "lấp sông Bến Hải" để « Bắc tiến »

Như vậy là cùng với việc thành lập khối xâm lược Đông Nam Á, những hoạt động của đế quốc Mỹ ở miền Nam nước ta đã bộc lộ dã tâm của chúng muốn biến miền Nam thành thuộc địa và căn cứ quân sự của Mỹ để chuẩn bị chiến tranh xâm lược mới nhằm đánh chiếm cả miền Bắc Việt nam và toàn bán đảo Đông dương, để bẹp phong trào giải phóng dân tộc và ngăn chặn sự phát triển của chủ nghĩa xã hội - mà chúng gọi là « làn sóng đỏ » - ở khu vực Đông Nam Á.

Phân tích những tình hình nói trên, Hội nghị thứ 15 (tháng 1 năm 1959) của Ban chấp hành trung ương Đảng (khóa II) chỉ rõ: Đế quốc Mỹ và bè lũ tay sai chẳng những xâm chiếm miền Nam ngăn cản sự phát triển của xã hội miền Nam mà còn ráo riết chuẩn bị chiến tranh hồng xâm chiếm cả nước ta, phá hoại toàn bộ sự nghiệp cách mạng của nhân dân ta. Vì vậy Mỹ - Diệm chẳng những là kẻ thù của nhân dân miền Nam đang bị chúng thống trị mà còn là kẻ thù của cả dân tộc Việt nam, của nhân dân miền Bắc đã được giải phóng». Chủ tịch Hồ Chí Minh cũng nói: « Nhân dân ta đã từng chịu đau khổ vì bọn đế quốc và ngày nay còn bị Mỹ - Diệm chia cắt đất nước, giày xéo miền Nam. Ngày nào mà chưa đuổi được đế quốc Mỹ ra khỏi miền Nam nước ta, chưa giải phóng miền Nam khỏi ách thống trị tàn bạo của Mỹ - Diệm thì nhân

dân ta vẫn chưa thể ăn ngon ngủ yên » (Diễn văn khai mạc Đại hội III).

Để thực hiện âm mưu nói trên, thủ đoạn hay chính sách cơ bản của đế quốc Mỹ là không dùng hình thức nổ dịch trắng trợn cũ của thực dân Pháp mà che đậy chủ nghĩa thực dân của chúng bằng một hình thức mới. Chúng không đặt bộ máy cai trị như thực dân Pháp trước đây mà dùng chính quyền tay sai đại diện cho những thế lực phản động nhất ở miền Nam và chính quyền ấy đội lốt « quốc gia độc lập » để làm công cụ thực hiện chính sách nô dịch và chuẩn bị chiến tranh của Mỹ. Nói một cách khác, chính sách xâm lược, bành trướng của đế quốc Mỹ ở miền Nam nước ta là *xâm lược, bành trướng theo kiểu của chủ nghĩa thực dân mới* và đó cũng là một đặc điểm nổi bật, một điểm cơ bản trong chiến lược toàn cầu phản cách mạng của đế quốc Mỹ sau chiến tranh thế giới thứ hai (Nghị quyết hội nghị thứ 21 (năm 1973) của Ban chấp hành trung ương).

Phù hợp với chính sách xâm lược kiểu thực dân mới là chiến lược quân sự « phản ứng linh hoạt » với ba loại chiến tranh: chiến tranh toàn thế giới, chiến tranh cục bộ và chiến tranh đặc biệt, trong đó chiến tranh đặc biệt là loại chiến tranh thích hợp nhất với chủ nghĩa thực dân mới của Mỹ lúc đó.

Thủ đoạn hay chính sách can thiệp, xâm lược theo kiểu chủ nghĩa thực dân mới là rất nguy hiểm vì nó mang tính chất xáo trá lừa bịp để giành dân với cách mạng. Nhưng nó lại là sản phẩm của thế yếu, thế bị động của chủ nghĩa đế quốc cho nên tự trong mình nó đã chứa đựng nhiều mâu thuẫn và về khách quan, nó tạo ra cho ta những khả năng hợp pháp để đẩy mạnh đấu tranh, nhất là đấu tranh về mặt chính trị.

Vấn đề đánh giá những khả năng thực hiện, nhất là đánh giá sức mạnh của đế quốc Mỹ trong cuộc đụng đầu

lịch sử này là một vấn đề phức tạp được Chủ tịch Hồ Chí Minh và Trung ương Đảng ta luôn luôn chú ý phân tích đầy đủ và làm sáng tỏ. Là tên đế quốc trùum sô, Mỹ có tiềm lực kinh tế và quân sự khổng lồ. Nó lại là tên đế quốc hiếu chiến nhất kể từ sau chiến tranh thế giới thứ hai mưu toan làm bá chủ hoàn cầu, thiết lập kỷ nguyên Hoa kỳ trên toàn thế giới.

Đảng ta không coi thường sức mạnh của đế quốc Mỹ và luôn luôn vạch trần bản chất hiếu chiến và ngoan cố của chúng trong âm mưu xâm lược nước ta và nhấn mạnh sự cần thiết phải trải qua đấu tranh lâu dài và phức tạp, nhưng chắc chắn đánh thắng chúng khi ta có đường lối và phương pháp đúng đắn, nhân dân ta có sức mạnh tiềm tàng to lớn.

Chúng ta khẳng định rằng sức mạnh của đế quốc Mỹ là có giới hạn khi chúng tiến hành một cuộc chiến tranh xâm lược phi nghĩa trong hoàn cảnh quốc tế các dòng thác cách mạng đang ở thế tiến công chiến lược và chủ nghĩa đế quốc đang ở thời kỳ tổng khủng hoảng. Chính Mỹ là kẻ bị thất bại nhiều nhất kể từ sau chiến tranh thế giới thứ hai như ở Trung quốc, Triều tiên, Việt nam, Cu-ba v.v. Ngay cả lúc Mỹ huy động hàng chục vạn quân vào trực tiếp xâm lược miền Nam và dùng không quân — kể cả không quân chiến lược — đánh phá miền Bắc, Trung ương Đảng ta vẫn quả quyết rằng: Mỹ đem quân vào miền Nam và dùng không quân đánh phá miền Bắc là ở trong thế chiến tranh đặc biệt đã bị phá sản. Vừa vào, lại bị đánh ngay cho nên Mỹ càng lúng túng, bị động, cô nguy cơ bị sa lầy. Đế quốc Mỹ lại càng cô lập trên thế giới, và cả ở ngay nước Mỹ “Nhân lúc Mỹ mắc kẹt ở Việt nam, các đồng minh của chúng lại vươn lên trở thành thế lực mạnh cạnh tranh với Mỹ về kinh tế”. Càng kéo dài chiến tranh, Mỹ càng gặp nhiều khó

khăn. Chủ tịch Hồ Chí Minh nói: “Ta thấy chỗ mạnh của nó, vũ khí của nó mới, tiền của nó nhiều, nhưng ta biết những khuyết điểm của nó mà là khuyết điểm lớn, cơ bản. Bây giờ tất cả thiên hạ đều chống nó, nhân dân Mỹ, thanh niên, trí thức Mỹ cũng chống nó, mà chống mạnh. Đã có những thanh niên tự đốt mình để chống lại chính sách xâm lược của Chính phủ Mỹ. Xưa nay chưa từng thấy, bây giờ thấy như thế”.

Trên chiến trường, cuộc đo sức không phải chỉ là vũ khí, cuộc đấu tranh chính trị và sức mạnh tinh thần luôn luôn quan trọng. Trong chiến đấu, còn có những yếu tố khác như: tổ chức, chỉ huy, cách đánh, v.v. Bằng những lời giản dị, dễ hiểu, Chủ tịch Hồ Chí Minh chỉ rõ: “Mỹ đưa quân vào miền Nam, đời sống của một tên lính Mỹ nào bánh, thịt, thuốc lá, kẹo cao su, đủ thứ. Một tên lính Mỹ đi đánh so với một tên lính ngụy tốn gấp 15 lần. Chúng dùng sư đoàn không vận số 1 đi bằng máy bay lên thẳng nhanh thật, nhưng lúc xuống bộ, nó không cơ động. Lính Mỹ to xác, trang bị đủ thứ, kèn càng nặng nề, còn quân giải phóng của ta tuy nhỏ bé nhưng rất nhanh nhẹn; đánh giáp lá cà thì lính Mỹ không ăn thua gì lắm”. Đây là một sự đánh giá khoa học.



Vấn đề thứ hai, vấn đề quan trọng bậc nhất là việc định ra đường lối chống Mỹ, cứu nước.

Sau Hiệp nghị Giơ-ne-vơ, được sự ủy nhiệm của Trung ương Đảng, đồng chí Lê Duẩn đã thảo ra Đề cương cách mạng miền Nam và sau đó, chuẩn bị nghị quyết Hội nghị thứ 15 của Trung ương Đảng.

Hội nghị thứ 15 của Trung ương tháng 1 năm 1959 và tiếp đó là Đại hội đại biểu toàn quốc thứ III của

Đảng tháng 9 năm 1960 đã quyết định đường lối của cách mạng Việt nam với hai nhiệm vụ chiến lược phải đồng thời thực hiện là : xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc và tiếp tục cuộc cách mạng dân tộc, dân chủ nhân dân ở miền Nam. Đó là đường lối giương cao ngọn cờ độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, một đường lối độc lập tự chủ, đúng đắn và sáng tạo cho phép huy động đến mức cao nhất mọi lực lượng của dân tộc và kết hợp được lực lượng cách mạng của dân tộc với các lực lượng cách mạng của thời đại, để đánh thắng đế quốc Mỹ xâm lược.

Nghị quyết của Đảng xác định : xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc vừa là theo quy luật phát triển khách quan của xã hội đã được giải phóng vừa là yêu cầu cách mạng chung của cả nước, bởi vì xây dựng miền Bắc chính là xây dựng « thành trì cách mạng của cả nước », « xây dựng cơ sở vững chắc để đấu tranh giải phóng miền Nam, thống nhất nước nhà ».

Tiếp tục cách mạng dân tộc, dân chủ nhân dân ở miền Nam cũng vừa là theo quy luật phát triển khách quan của xã hội đang còn bị đế quốc Mỹ và tay sai thống trị, vừa là theo yêu cầu của cả nước là phải bảo vệ miền Bắc và tạo điều kiện thuận lợi cho miền Bắc xây dựng chủ nghĩa xã hội.

Đường lối giương cao ngọn cờ độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội là đường lối độc lập tự chủ đúng đắn và sáng tạo.

Đường lối của Đảng thể hiện những yêu cầu và nguyện vọng bức thiết nhất của dân tộc ta lúc bấy giờ.

Ở miền Nam, với lực lượng cách mạng ngày càng phát triển về mọi mặt, quân và dân ta đã lần lượt đánh bại bốn chiến lược chiến tranh của bốn đời tổng thống Mỹ và bằng cuộc tổng tiến công mùa Xuân năm 1975 mà đỉnh cao là chiến dịch Hồ Chí Minh

lịch sử đã đem lại sự toàn thắng cho sự nghiệp chống Mỹ, cứu nước.

Ở miền Bắc, với những kết quả mới chỉ là bước đầu của công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội trong chiến tranh, quân dân ta đã đánh thắng một cách oanh liệt chiến lược chiến tranh phá hoại của kẻ địch, đồng thời chi viện ngày càng đắc lực cho sự nghiệp giải phóng miền Nam.

Sự hợp đồng chiến đấu của quân dân cả nước đã dẫn đến thắng lợi của dân tộc Việt nam ta ở cả hai miền đất nước. Lại nhờ có đường lối đối ngoại đúng đắn gắn liền cách mạng giải phóng miền Nam với các trào lưu cách mạng thế giới, đấu tranh cho các mục tiêu của thời đại là : hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và chủ nghĩa xã hội, Đảng ta đã tranh thủ được sự ủng hộ rất to lớn về tinh thần và vật chất của Liên xô và các nước xã hội chủ nghĩa anh em, của tất cả các lực lượng cách mạng và tiến bộ trên thế giới, góp phần tạo nên sức mạnh vô địch của nhân dân ta trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước.



Chiến lược chung của Đảng ta trong suốt thời kỳ chống Mỹ, cứu nước là *chiến lược tiến công*.

Từ khi Mỹ - Diệm đã ra mặt phát xít hóa, thủ tiêu mọi quyền tự do dân chủ, và giày xéo lên cơ sở pháp lý của Hiệp nghị Giơ-ne-vơ, là máy chém đi khắp nơi để giết hại cán bộ và quần chúng cách mạng, Đảng ta thấy rõ thế yếu của đế quốc Mỹ và nguy quyền đã kịp thời chuyển từ thế giữ gìn lực lượng sang thế tiến công, lãnh đạo nhân dân vùng dậy, kết hợp đấu tranh chính trị với đấu tranh vũ trang.

Chiến lược tiến công của cách mạng là chiến lược tiến công toàn diện, tiến

công bằng quân sự, chính trị và ngoại giao, cả ở miền Nam và miền Bắc. Chiến lược đó được thực hiện không chỉ trong lúc địch « xuống thang » chiến tranh mà cả trong lúc chúng « leo thang ». Khi địch đưa quân vào trực tiếp xâm lược miền Nam nước ta bằng chiến tranh cục bộ và đánh phá miền Bắc bằng chiến tranh phá hoại thì Đảng ta chủ trương vẫn tiếp tục giữ vững và đẩy mạnh thế tiến công để giáng cho địch những đòn phủ đầu địch đáng. Những trận đánh đầu tiên ở Núi Thành, Vạn Tường khẳng định khả năng đánh thắng quân Mỹ. Ở miền Bắc, quân và dân ta đã giáng cho không lực Hoa kỳ những đòn địch đáng bằng cả súng bộ binh.

Chiến lược tiến công được thực hiện với phương châm « đánh lùi từng bước, đánh dần từng bộ phận, tiến lên đánh đổ hoàn toàn » là chiến lược tiến công kết hợp với *nghe thuật biết kéo địch xuống thang và thắng địch từng bước.*



Phương pháp cách mạng của Đảng ta trong chống Mỹ, cứu nước về cơ bản đã được xác định ngay từ Hội nghị thứ 15 của Trung ương Đảng. Đó là phương pháp dùng bạo lực tổng hợp của cách mạng với hai lực lượng chủ yếu là lực lượng chính trị và lực lượng quân sự và hai hình thức đấu tranh chủ yếu là đấu tranh quân sự và đấu tranh chính trị.

Toàn bộ diễn biến của cuộc kháng chiến và sự kết thúc của cuộc tổng tiến công mùa Xuân năm 1975 chứng minh hùng hồn sự đúng đắn và tác dụng to lớn của phương pháp cách mạng và phương pháp tiến hành chiến tranh của ta

Dùng sức mạnh tổng hợp của cách mạng, kết hợp nhiều lực lượng, nhiều hình thức đấu tranh, trong nhiều lĩnh

vực và ở nhiều vùng khác nhau để đạt tới những mục tiêu của cách mạng trong từng thời kỳ và đưa chiến tranh cách mạng tiến đến thắng lợi cuối cùng. Đó là đặc trưng, phương pháp chiến tranh cách mạng, chiến tranh nhân dân của Việt nam ta.

Chủ trương đấu tranh trên hai mặt trận quân sự và chính trị bằng ba mũi giáp công (quân sự, chính trị và binh vận) mà ta thường gọi là « hai chân, ba mũi » là sự thể hiện tập trung của phương pháp cách mạng, phương pháp chiến tranh. Cách mạng miền Nam đã sáng tạo ra biết bao hình thức vô cùng phong phú và linh hoạt về xây dựng, tổ chức lực lượng và đấu tranh.

Hầu như tất cả các nghị quyết, chỉ thị của Trung ương Đảng ta trong tập sách này đều nói đến vấn đề phương pháp cách mạng và phương pháp tiến hành chiến tranh giải phóng. Cách mạng giải phóng miền Nam diễn ra rất linh hoạt, rất phong phú về hình thức: cao trào đồng khởi năm 1959 - 1960, cao trào phá ấp chiến lược, đội quân tóc dài, tổng tiến công và nổi dậy Tết Mậu Thân v.v

Tiến công về ngoại giao cũng là một mặt của cuộc tiến công.

Hội nghị thứ 13 của Trung ương (khóa III) tháng 1 năm 1967 quyết định phải tiến công địch về mặt ngoại giao và cho rằng thắng lợi ở chiến trường là cơ sở cho thắng lợi ngoại giao, nhưng đấu tranh ngoại giao không phải chỉ phản ánh đơn thuần đấu tranh ở chiến trường mà phải « phát huy thế mạnh, thế thắng, thế chủ động tiến công của ta » để tố cáo tội ác của giặc, vạch trần sự bịp bợm của chúng và làm sáng tỏ chính nghĩa và thế tất thắng của ta trước dư luận toàn thế giới

Đối với nhân dân yêu chuộng hòa bình và tiến bộ ở nước Mỹ, Đảng ta

chủ trương làm cho họ hiểu rằng: bọn đế quốc hiếu chiến Mỹ chính là kẻ thù của họ và chính phủ Mỹ bằng các cuộc phiêu lưu chiến tranh ở Việt nam đã đi ngược lại quyền lợi của họ và bởi họ thanh danh của nước Mỹ. Chủ tịch Hồ Chí Minh, trong bài trả lời tạp chí Mai-nô-ri-ty Ôp-oản do một số nhân sĩ, trí thức tiến bộ Mỹ xuất bản đã chỉ rõ: « Nhân dân Việt nam không bao giờ làm lẫn nhân dân Mỹ yêu chuộng công lý với những chính phủ Mỹ đã phạm nhiều tội ác với nhân dân chúng tôi từ mười năm nay. Chính những kẻ đang phá hoại nền độc lập, tự do của dân tộc chúng tôi cũng là những kẻ đã phản bội bản Tuyên ngôn độc lập của nước Mỹ trong đó đã nêu cao chân lý « Tất cả mọi người sinh ra đều bình đẳng » và nêu cao những quyền bất khả xâm phạm của con người: « quyền sống, quyền tự do và quyền mưu cầu hạnh phúc ». Người khẳng định: « Nhân dân Mỹ cũng là nạn nhân của đế quốc Mỹ », cần đấu tranh chống bọn quân phiệt hiếu chiến Mỹ và đòi chấm dứt cuộc chiến tranh tàn khốc của Mỹ ở miền Nam Việt nam.

Chủ trương tiến công về ngoại giao của ta đã làm cho đế quốc Mỹ phải lúng túng và bị động đối phó với phong trào phản đối cuộc chiến tranh xâm lược của chúng ở khắp nơi trên thế giới và ngay ở nước Mỹ.



Tập văn kiện này còn làm nổi bật lên một trong những nhân tố quyết định thắng lợi của sự nghiệp chống Mỹ, cứu nước là sự chỉ đạo chiến lược sắc bén của Trung ương Đảng ta, đứng đầu là Chủ tịch Hồ Chí Minh và Bộ chính trị. Tư tưởng của sự chỉ đạo chiến lược đó của Đảng như nghị quyết Hội nghị thứ 9 của Trung ương tháng 12 năm 1963 đã nêu rõ là: *tích cực, chủ động, cơ động, linh hoạt và phối*

hợp chặt chẽ các mặt, Còn phương châm của sự chỉ đạo đó thì qua các văn kiện có thể thấy nổi lên những nét sau đây:

— Đấu tranh chính trị và đấu tranh quân sự song song, kết hợp và đều là những hình thức đấu tranh cơ bản, có ý nghĩa quyết định. Đấu tranh vũ trang càng về cuối cuộc chiến tranh càng đóng vai trò quyết định trực tiếp.

— Đấu tranh trường kỳ, giành thắng lợi từng bước, tiến tới giành thắng lợi hoàn toàn, nhưng phải luôn luôn chủ động tạo ra thời cơ và nắm lấy thời cơ để giành thắng lợi quyết định trong một thời gian tương đối ngắn.

— Dựa vào sức mình là chính, đồng thời phải ra sức tranh thủ sự giúp đỡ của bạn bè trên thế giới.

Vận dụng những tư tưởng và phương châm chỉ đạo nói trên, Chủ tịch Hồ Chí Minh và Trung ương Đảng ta đã đề ra những chủ trương rất đúng đắn cho mỗi bước phát triển của cách mạng và chiến tranh chống Mỹ, cứu nước như: Ngay sau khi ký Hiệp nghị Giơ-ne-vơ năm 1954 Đảng ta chủ trương bảo tồn thực lực cách mạng ở miền Nam bằng đấu tranh chính trị hợp pháp và không hợp pháp của quần chúng là chủ yếu với sự yểm trợ của lực lượng tuyên truyền và lực lượng tự vệ có vũ trang.

Khi Mỹ—Diệm đã ra mặt phát xít hóa, thì Đảng ta chuyển hẳn sang chiến lược tiến công, phát động quần chúng khởi nghĩa từng phần và từ đó tiến đến cao trào đồng khởi năm 1959—1960.

Khi Mỹ tiến hành chiến tranh đặc biệt, Đảng ta chủ trương phá ấp chiến lược, giành quyền làm chủ của quần chúng ở nông thôn; phát triển nhanh các lực lượng quân sự và đẩy mạnh đấu tranh vũ trang nhằm tiêu diệt nhiều quân chủ lực nguy, đánh bại

các chiến thuật mới của địch, đồng thời đẩy mạnh đấu tranh chính trị ở đô thị làm sụp đổ các chính quyền tay sai Mỹ.

Khi Mỹ tiến hành chiến tranh cục bộ ở miền Nam và chiến tranh phá hoại ở miền Bắc, ta kiên quyết giữ vững thế chiến lược tiến công vừa đánh Mỹ, vừa diệt ngụy ở miền Nam và sau khi đã đập tan hai cuộc phản công chiến lược mùa khô của Mỹ thì chủ trương tổng công kích, tổng khởi nghĩa để giành thắng lợi quyết định. Ở miền Bắc, quân dân ta cũng kiên quyết đánh trả không quân địch những đòn đau, kiên quyết bảo vệ công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc, tiếp tục tăng cường chi viện cho tiền tuyến lớn miền Nam.

Sau cuộc tổng tiến công và nổi dậy năm 1968 của quân và dân ta, Mỹ buộc phải « phi Mỹ hóa » đề « Việt nam hóa » trở lại cuộc chiến tranh ở miền Nam và phải chấm dứt việc ném bom đánh phá miền Bắc. Đảng ta chủ trương phát triển chiến lược tiến công một cách toàn diện, liên tục và mạnh mẽ. Một mặt trận tiến công mới, mặt trận ngoại giao được mở thêm ra để làm rõ chính nghĩa và thiện chí của ta, tranh thủ sự đồng tình và ủng hộ rộng rãi hơn nữa của nhân dân Mỹ, nhân dân thế giới và buộc Mỹ phải vừa đánh, vừa đàm với ta một cách bị động.

Khi Hiệp định Pa-ri đã được ký kết, bọn ngụy tay sai Mỹ được chủ tiếp sức định lần chiếm các vùng giải phóng của ta, Đảng ta chủ trương: kiên quyết phản công và tiến công lại chúng, giữ vững các vùng giải phóng và chuyển lên ở các vùng tranh chấp, đồng thời đẩy mạnh đấu tranh chính trị ở các đô thị để chuẩn bị đón thời

cơ, đánh đòn quyết định. (Xem Nghị quyết hội nghị thứ 21 của Trung ương Đảng, khóa III).

Vào cuối năm 1974 và đầu năm 1975, sau khi đã đánh cho quân ngụy nhiều đòn đau, giải phóng thêm nhiều vùng đất và thấy thời cơ chiến lược lớn đang đến, Bộ chính trị Trung ương Đảng thông qua phương án giải phóng miền Nam trong hai năm 1975 - 1976, rồi tiếp đó lại kịp thời chuyển thành phương án giải phóng miền Nam ngay trong năm 1975. Kết quả là các cánh quân của ta với phương châm *thần tốc, táo bạo, bất ngờ* đã giáng cho địch những đòn sấm sét và sự nghiệp chống Mỹ, cứu nước thiêng liêng của nhân dân ta đã giành thắng lợi trọn vẹn.



Mười năm đã qua đi, nhưng thắng lợi vĩ đại của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước và những kinh nghiệm phong phú của nó càng được thời gian làm sáng tỏ thêm.

Đọc lại những văn kiện của Đảng và của Bác Hồ về chống Mỹ, cứu nước, mọi người càng thấy tự hào, càng thấy sâu sắc hơn tầm vóc trí tuệ của Đảng và dân tộc ta. Trí tuệ và ý chí cách mạng của Đảng và dân tộc ta phải trở thành một động lực to lớn của nhân dân ta trong sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa.

VIỆN MÁC - LÊ-NIN

trực thuộc

BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG
ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

Từ Điện biên phủ đến chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử

Đại tướng **HOÀNG VĂN THÁI**

MƯỜI năm đã trôi qua, kể từ mùa Xuân 1975 kết thúc toàn thắng hai mươi năm chống Mỹ, cứu nước bằng cuộc tổng tiến công và nổi dậy của quân và dân ta mà đỉnh cao là chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử. Thắng lợi vĩ đại ấy khắc sâu vào ký ức mỗi người Việt nam ta như một trong những trang đẹp nhất của lịch sử bốn nghìn năm giữ nước và dựng nước của dân tộc.

Chiến công kỳ diệu ấy là thành quả tổng hợp do hàng loạt nhân tố tạo thành. Sự *chỉ đạo chiến lược* tài giỏi, sắc bén, kịp thời của Đảng ta trong cách mạng và chiến tranh cách mạng ở miền Nam, trong kháng chiến chống Mỹ trên phạm vi cả nước không những là một trong những nhân tố chủ yếu nhất quyết định thắng lợi, mà còn là một trong những nét đặc sắc nhất của tài thao lược trong đánh giặc, cứu nước của dân tộc Việt nam ta.

Từ Điện biên phủ tháng 5 năm 1954 đến chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử tháng 4 năm 1975 là quá trình hơn 20 năm cách mạng và chiến tranh cách mạng Việt nam không ngừng phát triển, đồng thời nghệ thuật chỉ đạo chiến lược chiến tranh nhân dân của Đảng ta cũng có bước phát triển lớn.

Trong kháng chiến chống Pháp, sự chỉ đạo chiến lược đúng đắn của Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh đã có tầm

quan trọng quyết định đánh bại các kế hoạch chiến lược của địch, từ kế hoạch đánh nhanh thắng nhanh (1945 – 1947), kế hoạch bao vây biên giới, mở rộng phạm vi chiếm đóng ở Bắc bộ (1948 – 1950), kế hoạch giành lại quyền chủ động chiến lược (1951 – 1952), đến kế hoạch Na-va (1953 – 1955) – kế hoạch chiến lược bị phá sản cuối cùng của thực dân Pháp ở Đông dương.

Chúng ta đều biết rằng, đông xuân 1953 – 1954, tuy bị thất bại liên tiếp, kế địch vẫn chủ quan vạch ra và triển khai một kế hoạch chiến lược đầy tham vọng 3 năm 1953 – 1955 hòng giữ vững thế phòng ngự chiến lược ở miền Bắc, thực hiện tiến công chiến lược ở miền Nam, tăng thêm khối chủ lực cơ động, đề mùa khô 1954 – 1955 chuyển sang tiến công chiến lược trên chiến trường Bắc bộ, giành thắng lợi quyết định về quân sự, làm áp lực cho một giải pháp chính trị có lợi nhất cho chúng.

Để đánh bại kế hoạch chiến lược này của địch, tạo điều kiện giành thắng lợi quyết định, trên cơ sở phân tích chính xác so sánh lực lượng giữa ta và địch, Đảng ta đã thấy rõ những chỗ mạnh và chỗ yếu của địch, thấy khả năng của ta có thể hạn chế chỗ mạnh của địch, khoét sâu chỗ yếu của chúng, đẩy chúng tới những sai lầm về chiến lược. Thực hiện sự *chỉ đạo chiến lược* trong thời kỳ này, Đảng ta

đã có những thành công nổi bật. Ta đã mở nhiều hướng tiến công, bằng những lực lượng tại chỗ là chủ yếu. bước chủ lực địch phải phân tán đối phó trên tất cả các hướng, đến mức chúng không còn trong tay lực lượng chủ lực cơ động lớn nữa; và khi chúng tung lực lượng chủ lực cơ động còn lại lên thung lũng Điện Biên phủ, ta đã kịp thời chọn đúng điểm quyết chiến chiến lược trên một chiến trường có lợi cho ta nhiều hơn, đưa ra một lực lượng chủ lực cơ động mạnh hơn hẳn địch, tiến hành thắng lợi một trận tranh diệt lớn nhất trong lịch sử chiến tranh chống Pháp, giành thắng lợi to lớn về quân sự và chính trị, làm thay đổi hẳn so sánh lực lượng giữa ta và địch, tạo bước ngoặt căn bản của cục diện chiến tranh, dẫn đến kết thúc thắng lợi cuộc kháng chiến chống Pháp

Thắng lợi rực rỡ của cuộc tiến công đông xuân 1953 - 1954 và của chiến dịch Điện Biên phủ đánh dấu một đỉnh cao của nghệ thuật chỉ đạo chiến lược của Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh đối với cuộc chiến tranh nhân dân 9 năm chống Pháp, cuộc chiến tranh nhân dân toàn dân, toàn diện đầu tiên của dân tộc ta từ khi có Đảng Mác - Lênin lãnh đạo. Thắng lợi ấy đã chỉ ra nhiều bài học kinh nghiệm quý báu về chỉ đạo chiến lược để chúng ta có thể vận dụng và phát triển lên một bước cao hơn nữa trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cuộc đụng đầu lịch sử giữa dân tộc Việt nam ta với đế quốc Mỹ, tên đế quốc đầu sỏ, kẻ thù lớn nhất của cả loài người tiến bộ.



Bước sang thời kỳ kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, sự chỉ đạo chiến lược của Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh, như thực tiễn đã chứng minh, rõ ràng càng thêm già dặn, sắc sảo. Tài nghệ chỉ đạo chiến lược của Đảng ta đã được thể hiện một cách xuất sắc trong

trận quyết chiến chiến lược cuối cùng của ba mươi năm chiến tranh giải phóng, trong cuộc tổng tiến công và nổi dậy mùa Xuân 1975 mà đỉnh cao là chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử.

Một trong những thành công nổi bật của Đảng ta trong chỉ đạo chiến lược là đã đánh giá đúng so sánh lực lượng địch ta, hạ quyết tâm chiến lược kịp thời, chính xác, nhất là trong những thời điểm có tính chất bước ngoặt của cách mạng và chiến tranh cách mạng ở miền Nam. Có thể tập trung nêu lên mấy thời điểm có tính chất điển hình: lúc khó khăn nhất (1958 - 1959), khi địch leo thang chiến tranh đến mức cao nhất (1966 - 1968), thời điểm cách mạng và chiến tranh cách mạng thuận lợi nhất (1973 - 1975).

Những năm 1958 - 1959 là thời kỳ khó khăn nghiêm trọng nhất của cách mạng miền Nam. Đó là thời kỳ mà đế quốc Mỹ, tên đế quốc đầu sỏ hiếu chiến dùng chính quyền Ngô Đình Diệm làm công cụ nô dịch cực kỳ hung bạo, thẳng tay chém giết những người cách mạng, kháng chiến, yêu nước, trắng trợn khủng bố nhân dân. Có thể nói, đó là thời kỳ cả miền Nam như phải sống lại thời trung cổ. Nơi nơi vang lên những tiếng gào thét căm thù của nhân dân chống lại chính sách «tổ cộng, diệt cộng» của địch, đâu đâu cũng diễn ra những cảnh máu chảy, đầu rơi, tác động cực kỳ nghiêm trọng đến cả đời sống tinh thần và đời sống vật chất của đồng bào ta ở miền Nam. Lúc đó kẻ địch tưởng rằng chúng đã mạnh tuyệt đối, rằng phong trào cách mạng miền Nam sẽ tàn lụi và suy sụp.

Đảng ta nhận định rằng địch không mạnh như chúng tưởng, và luôn luôn tin chắc rằng đồng bào miền Nam nhất định không bao giờ chấp nhận chế độ thực dân, dù là thực dân cũ hay thực dân mới. Địch có quân đông nhưng không có cơ sở chính

trị - xã hội sâu rộng và vững chắc. *Quân sự của chúng còn mạnh, nhưng chính trị của chúng lại rất yếu, mà yếu nhất là ở nông thôn.* Một chế độ cai trị bằng tàn sát đẫm máu không phải là một chế độ mạnh. Khi chúng phải lê máy chém đi khắp miền Nam để giết hại và hăm dọa nhân dân, chính là lúc chính trị của chúng yếu nhất.

Như ngọn đuốc soi sáng con đường tiến lên của cách mạng miền Nam, nghị quyết Hội nghị thứ 15 của Trung ương Đảng (khóa II) về đường lối cách mạng miền Nam đã ra đời. Nghị quyết chỉ rõ: « Chỉ có thắng lợi của cách mạng mới chấm dứt cảnh cùng khổ của nhân dân miền Nam, mới triệt để đánh bại mọi chính sách nô dịch, chia cắt, gây chiến của đế quốc Mỹ và bè lũ tay sai ở miền Nam... Con đường phát triển cơ bản của cách mạng miền Nam là khởi nghĩa giành chính quyền về tay nhân dân... Theo tình hình cụ thể hiện nay của cách mạng thì con đường đó là lấy sức mạnh của quần chúng, dựa vào lực lượng chính trị của quần chúng là chủ yếu, kết hợp với lực lượng vũ trang để đánh đổ chính quyền thống trị của đế quốc và phong kiến, dựng nên chính quyền cách mạng của nhân dân... ». Sự chỉ đạo chiến lược đúng đắn của Đảng đã đáp ứng nguyện vọng thiết tha và yêu cầu hết sức khẩn cấp của quần chúng. Nó đến với cán bộ và đồng bào miền Nam như mưa rào giữa cơn hạn hán, và thổi bùng lên ngọn lửa đấu tranh cách mạng của 14 triệu đồng bào miền Nam. Những cuộc khởi nghĩa vũ trang từng phần mà ta thường gọi là đồng khởi, nổ ra ở Bến tre, Minh hải và nhiều nơi khác vào những ngày đầu năm 1960, đã nhanh chóng loang ra khắp nông thôn miền Nam, đã nâng sức mạnh của cách mạng lên gấp nhiều lần, đẩy quần thù bắt đầu lâm vào cuộc khủng hoảng trầm trọng. Rõ ràng nhờ sự chỉ đạo chiến lược cách mạng và chiến tranh cách mạng sáng

suốt đó của Đảng mà cách mạng miền Nam đã kịp xoay chuyển từ tình thế khó khăn nghiêm trọng tiến lên cao trào, từ chỗ phong trào cách mạng miền Nam đứng trước nguy cơ bị đè bẹp, không gượng lên nổi đến chỗ quần chúng đã vùng dậy và về lực lượng chính trị ta đã chiếm ưu thế tuyệt đối so với Mỹ - Diệm.

Những năm 1966 - 1968, sau khi đánh thắng chiến lược « chiến tranh đặc biệt », cách mạng miền Nam lại đứng trước một thử thách mới: đế quốc Mỹ đã đưa mấy chục vạn quân vào miền Nam, thực hiện chiến lược chiến tranh cục bộ ở miền Nam, tiến hành « chiến tranh phá hoại » miền Bắc bằng không quân, hải quân, đẩy chiến tranh phát triển đến mức cao nhất. Lúc đầu, khi đưa 20 vạn quân viễn chinh vào miền Nam nước ta, đế quốc Mỹ ngạo mạn về « sức mạnh vạn năng của quân đội Mỹ », mơ tưởng « nghiền nát quân giải phóng miền Nam », hợm hình về « sức mạnh không thể tưởng tượng nổi của không lực Hoa kỳ », đe dọa « đẩy miền Bắc trở lại thời kỳ đồ đá ».

Đảng ta, ngay từ đầu đã khẳng định: *Mỹ giàu nhưng không mạnh.* Nhận định rất đúng đắn và sáng suốt đó, ngày nay mọi người đều rõ, nhưng hồi đó, không phải ai cũng đồng tình. Đảng ta cho rằng *quân Mỹ vào không phải trong thế mạnh, mà trong thế thua, thế yếu, thế bị động,* vào để cứu quân nguy khỏi sụp đổ. Quân Mỹ vào là « hạ sách » của chủ nghĩa thực dân mới, một thử thách dân phải giấu mặt, trá hình để lừa bịp nhân dân. Quân Mỹ vào càng làm gay gắt thêm những mâu thuẫn vốn sâu sắc giữa nhân dân ta với đế quốc Mỹ, giữa đế quốc Mỹ với chính nhân dân Mỹ và cả nhân dân thế giới. Chỗ yếu cơ bản nhất của địch từ trước đến nay vẫn là về chính trị, *lúc này quân Mỹ vào, chỗ yếu đó lại càng yếu hơn.* Về quân sự, ta không chủ quan, đơn giản coi thường những chỗ mạnh của mấy

chục vạn quân xâm lược có vũ khí trang bị rất hiện đại. Nhưng khi quân Mỹ vào ta đã mạnh lên nhiều về mặt vũ trang, lúc đó cách mạng miền Nam không còn trong thời kỳ trứng nước mà đã trở thành cao trào cách mạng, chiến tranh cách mạng đã và đang diễn ra mạnh mẽ và rộng khắp từ Quảng trị đến Cà mau, từ rừng núi, nông thôn đồng bằng đến các đô thị. Lực lượng chính trị và lực lượng vũ trang của ta đã triển khai ở khắp miền Nam, ba thứ quân đã hình thành và phát triển, đang đứng vững trên những địa bàn chiến lược. Ta không còn trong thế giữ gìn lực lượng mà đã giành được thế chủ động chiến lược. Quân Mỹ vào, ta vẫn tiếp tục thực hành chiến lược tiến công, kiên quyết tiến công và phản công, tạo thế trận căng địch ra mà đánh, kiểm địch lại mà diệt, buộc địch phải đánh theo cách đánh của ta.

Nghị quyết Hội nghị thứ 12 của Ban chấp hành trung ương Đảng (khóa III) năm 1966 về tình hình và nhiệm vụ mới, đã khẳng định: « Dù đế quốc Mỹ có đưa vào miền Nam mấy chục vạn quân đội viễn chinh, lực lượng so sánh giữa ta và địch vẫn không thay đổi lớn, tuy mức độ chiến tranh giữa ta và địch ngày càng trở nên gay go, ác liệt, nhưng nhân dân ta đã có cơ sở vững chắc để giữ vững và tiếp tục giành thế chủ động trên chiến trường, có lực lượng và điều kiện để đánh bại âm mưu trước mắt và lâu dài của địch... ».

Trong lúc địch leo thang chiến tranh đến mức cao nhất như vậy, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã chỉ cho toàn Đảng, toàn quân, toàn dân ta một quyết tâm chiến lược, một động lực tinh thần vô cùng mạnh mẽ để đánh thắng Mỹ: « Chúng có thể đưa 50 vạn quân, 1 triệu quân hoặc nhiều hơn nữa để đẩy mạnh chiến tranh xâm lược ở miền Nam Việt nam. Chúng có thể dùng hàng nghìn máy bay, tăng

cường đánh phá miền Bắc. Nhưng chúng quyết không thể lay chuyển được chí khí sắt đá, quyết tâm chống Mỹ, cứu nước của nhân dân Việt nam anh hùng. Chúng càng hung hăng thì tội của chúng càng thêm nặng. Chiến tranh có thể kéo dài 5 năm, 10 năm, 20 năm hoặc lâu hơn nữa. Hà nội, Hải phòng và một số thành phố, xí nghiệp có thể bị tàn phá, song nhân dân Việt nam quyết không sợ! Không có gì quý hơn độc lập, tự do. Đến ngày thắng lợi, nhân dân ta sẽ xây dựng lại đất nước ta đàng hoàng hơn, to đẹp hơn » (1).

Đầu năm 1968, khi đế quốc Mỹ đổ vào miền Nam nước ta hơn 50 vạn quân, nâng tổng số quân địch ở miền Nam, cả quân Mỹ, quân ngụy, quân chư hầu lên đến 1,2 triệu tên, chiến lược « chiến tranh cục bộ » của đế quốc Mỹ đã phát triển đến mức cao nhất, với lực lượng vũ trang lớn nhất. Đảng ta đã phát hiện ngay, tuy quân địch rất đông, nhưng lại có nhiều sơ hở, mà nơi sơ hở nhất là thành thị. Cuộc tiến công và nổi dậy bất ngờ đồng loạt của ta ở hầu khắp các thành thị miền Nam Tết Mậu Thân (1968) đã giáng những đòn sấm sét vào các trung tâm đầu não chiến tranh của Mỹ - ngụy, làm cho quân thù kinh hoàng, rối loạn. Ngay từ năm 1965, khi Mỹ bắt đầu đưa quân vào miền Nam nước ta, đồng chí Lê Duẩn đã nhắc nhở: « *Biết thắng địch một cách bất ngờ* là một trong những nhân tố quan trọng để giành thắng lợi, mọi phương châm tác chiến mà tất cả những người cầm quân đều phải nhuần nhuyễn... ».

« Thắng địch một cách bất ngờ không có nghĩa là thắng một cách tình cờ hoặc cầu may, mà phải có ý thức, có chuẩn bị trước, có kế hoạch khắc phục mọi khó khăn, trở ngại và phải có tinh thần triệt để

(1) Hồ Chí Minh: *Tuyên tập*. Nxb Sự thật. Hà nội, 1980, tập 2, tr. 430.

cách mạng, tinh thần quyết chiến, quyết thắng rất cao... phải giữ tuyệt đối bí mật phương hướng và ý định chiến lược của ta... Lại còn phải biết nắm thời cơ, tranh thủ thời cơ mà tiến công khi quân địch hoang mang, tan rã trên chiến trường hoặc khi chính quyền Mỹ, nguy bị khủng hoảng nghiêm trọng về chính trị, kinh tế» (2). *Thắng lợi to lớn của cuộc tiến công và nổi dậy Tết Mậu Thân (1968) của ta là một đòn quyết định làm phá sản chiến lược «chiến tranh cục bộ» của địch*, khiến cho kẻ thù lại lâm vào cuộc khủng hoảng mới về chiến lược, buộc chúng phải bắt đầu từng bước xuống thang chiến tranh, phải bị động chuyển sang một chiến lược khác — «phi Mỹ hóa chiến tranh» rồi «Việt nam hóa chiến tranh» — một sản phẩm của cuộc khủng hoảng chiến lược, mà nhiều nhà bình luận quân sự hồi đó gọi là một chiến lược «nửa dơi, nửa chuột», vừa có tính chất «chiến tranh cục bộ» ở mức hạn chế, vừa mang dáng dấp «chiến tranh đặc biệt» có cải tiến và nâng cao, một chiến lược ngay từ khi xuất hiện đã bộc lộ những yếu tố thất bại, phá sản không thể tránh khỏi.

Những năm 1973—1975 là thời kỳ cách mạng và chiến tranh cách mạng miền Nam phát triển mạnh mẽ, làm thay đổi đối sánh lực lượng giữa ta và địch: ta đã mạnh hơn địch. Đó là kết quả tổng hợp của 18 năm đánh Mỹ và thắng Mỹ, bước Mỹ phải ký Hiệp định Pa-ri năm 1973, trong đó có một vấn đề cực kỳ quan trọng về mặt chỉ đạo chiến lược của Đảng ta là: Mỹ phải rút hết mấy chục vạn quân ra khỏi miền Nam Việt nam, lực lượng vũ trang và lực lượng chính trị của ta ở miền Nam được củng cố và phát triển. Trong hoàn cảnh đấu tranh mới rất phức tạp, nửa đầu năm 1973, tuy nhiều nơi lực lượng và thế trận của ta vẫn giữ vững, nhưng có một số nơi phong trào cách mạng lại gặp khó khăn, tồn thất. Đảng ta đã kịp

thời khẳng định: địch còn chống phá được phong trào ở một số nơi không phải do địch mạnh, mà do ta có sai sót; cách mạng miền Nam đã có thể và lực mạnh hơn trước.

Nghị quyết Hội nghị thứ 21 của Ban chấp hành trung ương Đảng (khóa III) năm 1973 đã chỉ rõ: «Con đường của cách mạng miền Nam là con đường bạo lực cách mạng...»; đường lối chiến lược của cách mạng miền Nam là «đường lối chiến lược tiến công» và vạch rõ phương hướng tư tưởng và hành động của toàn quân và toàn dân ta là nhanh chóng tạo thế mới, lực mới, trong mọi khả năng, quyết tiến lên giành thắng lợi cuối cùng, giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước. Nếu nghị quyết Hội nghị thứ 12 của Trung ương Đảng vạch ra phương hướng cơ bản để thực hiện một bước nhiệm vụ lịch sử: «Đánh cho Mỹ cút» thì Nghị quyết Hội nghị thứ 21 của Trung ương Đảng chỉ rõ con đường đi tới để hoàn thành nốt nhiệm vụ lịch sử: «Đánh cho nguy nhào» như Chủ tịch Hồ Chí Minh đã sớm chỉ rõ từ mùa xuân 1968.

Bước vào đông xuân 1974—1975, nhất là mùa xuân 1975, sự chỉ đạo chiến lược của Đảng ta, trực tiếp là Bộ chính trị Trung ương Đảng, đứng đầu là đồng chí Tổng bí thư Lê Duẩn, đã có bước phát triển lớn chưa từng có. Sự chỉ đạo chiến lược trong thời điểm lịch sử đó rất đúng đắn và kịp thời, rất sắc sảo và già dặn. Bộ chính trị đã đánh giá đúng tình thế mới của cách mạng và chiến tranh cách mạng ở miền Nam, nắm bắt nhạy bén những động thái mới trên chiến trường, phân đoán đúng chiều hướng phát triển của tình hình địch ta, hạ quyết tâm chiến lược rất chính xác, kịp thời và linh hoạt, đưa ra dự kiến hai năm nỗ lực vượt bậc để kết thúc cuộc chiến tranh chống Mỹ, cứu nước, đồng thời cũng

(2) Lê Duẩn: *Thư cáo Nam*. Nxb Sự thật Hà Nội 1985, tr. 150.

đự kiến nếu thời cơ lịch sử xuất hiện sớm hơn sẽ hoàn thành nhiệm vụ giải phóng miền Nam nhanh hơn, ngay trong năm 1975. Khi bắt đầu thực hiện quyết tâm chiến lược ấy, Bộ chính trị nắm rất sát những biến chuyển quan trọng trên chiến trường từng ngày, có khi từng giờ, quyết đoán xử lý rất nhanh những tình huống chiến lược, có khi cả tình huống chiến dịch có quan hệ đến chiến lược, càng đẩy nhanh tốc độ tiến công của ta, đã tan rã, suy sụp của địch, khiến cho bọn cầm đầu Mỹ, ngụy không kịp trở tay, không kịp đối phó, làm cho chúng phạm hết sai lầm này đến sai lầm khác. Như ta đã thấy, Bộ chính trị đã chỉ đạo tài tình trận quyết chiến chiến lược cuối cùng với thời gian ngắn nhất, tổn thất thấp nhất, đạt hiệu quả cao nhất: chưa đầy hai tháng đã hoàn thành toàn bộ kế hoạch chiến lược hai năm, kết thúc trọn vẹn cuộc chiến tranh chống Mỹ, cứu nước hai mươi năm.

Một thành công nổi bật nữa của Đảng ta trong chỉ đạo chiến lược là đã thực hành chiến lược tổng hợp của chiến tranh cách mạng Việt nam đánh thắng giặc Mỹ xâm lược.

Đây không chỉ là nghệ thuật quân sự, mà là phương pháp cách mạng, nghệ thuật điều khiển chiến tranh cách mạng trong điều kiện kẻ địch có quân đông, có tiềm lực quân sự và kinh tế lớn, tiến hành chiến tranh xâm lược thực dân mới.

Về lực lượng, ta tiếp tục huy động toàn dân đánh giặc với lực lượng vũ trang làm nòng cốt trong điều kiện của cuộc chiến đấu mới. Ta không chỉ xây dựng lực lượng vũ trang ba thứ quân với sự ủng hộ, giúp đỡ và phục vụ chiến đấu của nhân dân, mà còn xây dựng lực lượng chính trị của quần chúng đông hàng triệu người thành lực lượng trực tiếp chiến đấu, ngày đêm trực diện đấu tranh với quân

thù, thành đội quân chính trị rất to lớn, có tổ chức chặt chẽ, có « vũ khí », đấu tranh sắc bén, có phương pháp đánh địch cực kỳ dũng cảm và thông minh, phong phú và linh hoạt. Do đó, trong chiến tranh cách mạng ở miền Nam, cả lực lượng chính trị và lực lượng vũ trang đều là lực lượng chiến lược, đều đóng vai trò rất cơ bản và rất quyết định. Không chỉ quân giải phóng miền Nam mà cả lực lượng đấu tranh chính trị đều trở thành những đội quân hùng mạnh của cách mạng, những đối thủ đáng sợ của cả quân ngụy và quân Mỹ. Rõ ràng đây là một bước phát triển mới của phong trào toàn dân đánh giặc của nhân dân ta, một đỉnh cao mới của tính nhân dân sâu rộng trong chiến tranh cứu nước của dân tộc ta, một sức mạnh mới của chiến tranh cách mạng ở miền Nam nước ta. Về lực lượng vũ trang, ta ra sức xây dựng quân địa phương, hình thành lực lượng tại chỗ đánh địch ở khắp mọi nơi, xây dựng nguồn hậu cần tại chỗ, đồng thời hết sức coi trọng tăng cường quân chủ lực, hình thành những « quả đấm » mạnh nhằm thực hiện những trận tiêu diệt lớn, quân chủ lực địch. Chúng ta đã xây dựng quân chủ lực với tốc độ cao trên cơ sở những phân đội bộ binh, các binh chủng, những binh đoàn chiến lược binh chủng hợp thành hoàn chỉnh, được huấn luyện chu đáo, trang bị vũ khí kỹ thuật tương đối hiện đại và hiện đại, đưa từ hậu phương lớn miền Bắc xã hội chủ nghĩa vào tác chiến được ngay trên tiền tuyến lớn miền Nam. Tuy nhiên, việc xây dựng lực lượng vũ trang địa phương tại chỗ lúc này còn chưa được đều khắp, do đó có nơi, có lúc đã hạn chế phong trào chiến tranh nhân dân ở địa phương, hạn chế ngay cả hoạt động của bộ đội chủ lực.

Về thế trận, ta tiếp tục xây dựng và ngày càng hoàn thiện thế trận của chiến tranh nhân dân trong những điều kiện mới của cuộc kháng chiến

chống Mỹ. Thế trận được xây dựng trên cả ba vùng chiến lược rừng núi, nông thôn đồng bằng và thành thị, liên hoàn với nhau thành thế trận chung, đồng thời tạo được thế hiểm hóc, xen kẽ, đan cài với địch, cắm sâu trong lòng địch, áp sát mọi sào huyệt của chúng, làm cho địch bị phân tán, chia cắt, bao vây và có thể bị tiêu diệt ở khắp mọi nơi. Ta đã xây dựng thế trận một cách toàn diện, vừa có thể tiến hành thắng lợi những chiến dịch tiến công quân sự, chiến dịch tiến công tổng hợp kết hợp cả vũ trang, chính trị và binh vận, vừa có thể thực hiện những đợt đấu tranh chính trị, nổi dậy vũ trang của quần chúng ở từng địa phương, trên từng địa bàn chiến lược.

Về cách đánh, với tư tưởng chỉ đạo quyết đánh và biết đánh, biết thắng, ta đã vận dụng và phát triển lên một trình độ mới các cách đánh của chiến tranh nhân dân trong kháng chiến chống Pháp. Cách đánh của chiến tranh cách mạng ở miền Nam là cách đánh của chiến lược tổng hợp, kiên quyết và liên tục tiến công, đồng thời biết đánh thắng địch từng bước, đánh bại từng âm mưu, thủ đoạn chiến lược của địch, tiến tới đánh bại hoàn toàn cuộc chiến tranh xâm lược thực dân mới của chúng. Cách đánh ấy huy động tất cả các lực lượng cách mạng và chiến tranh cách mạng lên trận tuyến chiến đấu, sử dụng mọi hình thức và phương pháp đấu tranh phong phú và linh hoạt, phát huy sức mạnh đồng hợp nhất, nhằm đạt thành quả cao nhất. Đó còn là cách đánh kết hợp cả vũ trang và chính trị, chiến tranh cách mạng và khởi nghĩa vũ trang, từ khởi nghĩa vũ trang tiến lên chiến tranh cách mạng, tiếp tục khởi nghĩa vũ trang ngay trong quá trình chiến tranh cách mạng, kết hợp tiến công và nổi dậy, nổi dậy và tiến công, kết hợp tiến công cả về quân sự, chính trị và binh vận, cả quân sự, chính trị và ngoại giao (khi có điều kiện), cả pháp lý (khi có Hiệp định Pa-ri), kết hợp

tiến công địch cả trên chiến trường và trong đàm phán; tranh thủ sự đồng tình và ủng hộ của các nước xã hội chủ nghĩa, các đảng cộng sản, các phong trào cách mạng và nhân dân yêu chuộng hòa bình trên thế giới, kẻ thù của nhân dân Mỹ. Trong đấu tranh quân sự, tiến hành chiến tranh, cách đánh là kết hợp cả hai phương thức chiến tranh du kích và chiến tranh chính quy (ngày nay, trong chiến tranh bảo vệ Tổ quốc là chiến tranh nhân dân địa phương và chiến tranh bằng các binh đoàn chủ lực); kết hợp tác chiến của cả ba thứ quân: bộ đội chủ lực, bộ đội địa phương và dân quân tự vệ; kết hợp cả đánh lớn, đánh vừa và đánh nhỏ, đánh tiêu diệt lớn và đánh tiêu hao rộng rãi, đánh tiêu diệt và đánh tan rã địch. Đó còn là cách đánh kết hợp chặt chẽ cả thế trận hiểm, lực lượng mạnh với thời cơ tốt, biết tạo thời cơ, nắm thời cơ, thúc đẩy thời cơ và tận dụng thời cơ; kết hợp cả lòng dũng cảm, trí thông minh với lực lượng tinh và vũ khí ngày càng hiện đại, cả mưu cao, mẹo giỏi của chỉ huy và tham mưu với sự kiên cường, sáng tạo của bộ đội và nhân dân. Cách đánh của ta trong kháng chiến chống Mỹ thiên biến vạn hóa, phát triển khôn cùng, khiến cho cả quân nguy và quân Mỹ không sao lường hết được. Chúng bị hết bất ngờ này đến bất ngờ khác, bị thua trận trước, lại bị thất bại trận sau. Kẻ địch rất奸 hiểm, quỷ quyết nhưng vẫn bị sai lầm, mắc bẫy. Chúng điên cuồng chống trả, tiến công hoặc phản công, nhưng vẫn phải quay về co cụm, phòng ngự, rút lui và cuối cùng hoàn toàn suy sụp...

Chiến lược tổng hợp của chiến tranh cách mạng ở miền Nam được thể hiện cao nhất trong cuộc tổng tiến công và nổi dậy mùa xuân 1975, trong chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử. Đó chính là lúc, dưới sự chỉ đạo chiến lược của Đảng ta, trực tiếp là Bộ chính trị Trung ương Đảng, lực lượng cách mạng ở miền Nam, trên cả nước đã

được huy động đến mức lớn nhất, thế trận của ta ở miền Nam đã được phát triển đến mức hoàn chỉnh nhất và cách đánh của chiến tranh nhân dân Việt nam đã đạt đến trình độ cao nhất trong suốt hai mươi năm kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, trong cả ba mươi năm chiến tranh giải phóng dân tộc.



Những kinh nghiệm về chỉ đạo chiến lược cũng như về các lĩnh vực khác, từ chiến dịch Điện biên phủ đến chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử là rất phong phú và quý báu. Nổi bật là Đảng ta đã luôn luôn nắm vững tư tưởng cách mạng liên công, thực hành chiến lược liên công, trong từng thời kỳ đánh giá đúng đối sánh lực lượng địch - ta, vận dụng và không ngừng hoàn chỉnh chiến lược tổng hợp, tạo thành sức mạnh lớn nhất đánh thắng giặc Mỹ xâm lược.

Ngày nay, chúng ta đang phải thực hiện hai nhiệm vụ chiến lược: xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội và bảo vệ vững chắc Tổ quốc xã hội chủ nghĩa. Chúng ta vừa phải ra sức xây dựng nền kinh tế phát triển, vừa phải thường xuyên củng cố quốc phòng vững mạnh, kết hợp chặt chẽ kinh tế với quốc phòng, quốc phòng với kinh tế, tạo nên sức mạnh tổng hợp mới trong điều kiện mới. Đây là một vấn đề cực kỳ quan trọng về chỉ đạo chiến lược của Đảng trong cách mạng xã hội chủ nghĩa ở nước ta ngày nay. Chúng ta phải kiên quyết đánh bại kiểu chiến tranh phá hoại nhiều mặt và kiểu chiến tranh lấn chiếm của địch, đồng

thời không ngừng hoàn thiện công cuộc chuẩn bị đất nước về mọi mặt, sẵn sàng đánh thắng chiến tranh xâm lược với quy mô lớn nếu chúng liều lĩnh gây ra trong bất cứ tình huống nào. Đây cũng là một vấn đề hết sức hệ trọng về chỉ đạo chiến lược trong công cuộc bảo vệ Tổ quốc ngày nay. Chúng ta cần luôn luôn chăm lo xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân, cả quân chủ lực và quân địa phương, không ngừng hoàn thiện khoa học, nghệ thuật quân sự của chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc. Từ sau ngày thắng Mỹ, vũ khí trang bị của quân đội ta đã và đang được tăng cường, đổi mới ngày càng hiện đại. Quân và dân ta một mặt tiếp tục học tập và vận dụng sáng tạo những kinh nghiệm liên tiến của quân đội các nước xã hội chủ nghĩa anh em, mặt khác coi trọng việc tổng kết những kinh nghiệm của thời kỳ kháng chiến cứu nước trước đây, nhất là từ chiến dịch Điện biên phủ đến chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử để nâng cao bản lĩnh chiến đấu, đáp ứng những yêu cầu mới của cuộc chiến tranh bảo vệ Tổ quốc ngày nay.

Toàn Đảng, toàn quân, toàn dân ta, dưới sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng, với kinh nghiệm dày dặn của ba mươi năm chiến tranh giải phóng, của hai mươi năm kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, của mười năm xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, nhất định sẽ xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội và bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt nam xã hội chủ nghĩa.



Hậu phương miền Bắc xã hội chủ nghĩa đối với sự nghiệp chống Mỹ, cứu nước, giải phóng miền Nam, thống nhất Tổ quốc

Đại tướng LÊ TRỌNG TẤN

MƯỜI năm đã qua kể từ đại thắng mùa xuân 1975, miền Nam hoàn toàn giải phóng, sự nghiệp chống Mỹ, cứu nước của nhân dân ta giành được thắng lợi vẻ vang, trọn vẹn, cả nước ta độc lập, thống nhất và cùng đi lên chủ nghĩa xã hội.

Nhân kỷ niệm mười năm Xuân đại thắng, nhìn lại những nhân tố đã tạo nên thắng lợi vĩ đại đó, chúng ta đi sâu tìm hiểu vai trò của hậu phương miền Bắc xã hội chủ nghĩa — một trong những nhân tố thường xuyên quyết định thắng lợi của chiến tranh cách mạng — trong sự nghiệp giải phóng miền Nam, thống nhất Tổ quốc. Bước sang giai đoạn mới của cách mạng nước ta, bài học về vai trò của hậu phương trong chiến tranh vẫn rất bổ ích đối với việc thực hiện thắng lợi hai nhiệm vụ chiến lược hiện nay là xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội và bảo vệ vững chắc Tổ quốc xã hội chủ nghĩa.



Sau cuộc kháng chiến chống Pháp thắng lợi, miền Bắc hoàn toàn giải phóng, Đảng ta đã xác định: « Cách mạng Việt nam trong giai đoạn hiện tại có hai nhiệm vụ chiến lược :

« Một là, tiến hành cách mạng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc.

« Hai là, giải phóng miền Nam khỏi ách thống trị của đế quốc Mỹ và bọn tay sai, thực hiện thống nhất nước nhà, hoàn thành độc lập và dân chủ trong cả nước.

« Hai nhiệm vụ chiến lược ấy có quan hệ mật thiết với nhau và có tác dụng thúc đẩy lẫn nhau.

« ... Tiến hành cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc là nhiệm vụ quyết định nhất đối với sự phát triển của toàn bộ cách mạng Việt nam, đối với sự nghiệp thống nhất nước nhà » (1).

Xác định đưa miền Bắc từ cách mạng dân tộc dân chủ tiến lên cách mạng xã hội chủ nghĩa là phù hợp với quy luật phát triển của cách mạng nước ta. Đồng thời, trong điều kiện miền Nam còn bị đế quốc Mỹ thống trị, cả nước chưa được độc lập hoàn toàn, việc xác định đó cũng chính là xác định vai trò và trách nhiệm của hậu phương miền Bắc đối với tiền tuyến miền Nam. Thực tiễn 10 năm đánh Mỹ và thắng Mỹ chứng minh rằng miền Bắc, pháo đài vô địch của

(1) Văn kiện Đại hội III, BCHTƯ ĐLĐ Việt nam xuất bản, Hà-nội, 1960, tập I, tr. 374.

chủ nghĩa xã hội, đã làm tròn xuất sắc nghĩa vụ là căn cứ địa hùng mạnh của cách mạng cả nước, đồng thời là hậu phương vững chắc của tiền tuyến miền Nam trung dũng, kiên cường, thành đồng Tổ quốc. Miền Bắc chẳng những hoàn thành tốt nhiệm vụ hậu phương chiến lược của cả nước, mà còn hoàn thành tốt nhiệm vụ tiền tuyến trực tiếp bảo vệ mình và chia lửa với đồng bào miền Nam. Đúng như Hồ Chủ tịch đã nói: «Đế quốc Mỹ tưởng lầm với sức tàn phá dã man của bom đạn, chúng có thể làm suy yếu miền Bắc, ngăn chặn sự ủng hộ của hậu phương lớn đối với tiền tuyến lớn và làm giảm sút sức chiến đấu của miền Nam. Sự thật là: càng chiến đấu chống giặc Mỹ, miền Bắc càng vững mạnh về mọi mặt và luôn luôn hết lòng hết sức ủng hộ cuộc đấu tranh giải phóng của đồng bào miền Nam anh hùng. Càng chiến đấu chống giặc Mỹ, đồng bào miền Nam càng đoàn kết chặt chẽ, sức càng mạnh, thắng càng to» (2).

Nói đến hậu phương chiến tranh là nói đến cơ sở chính trị - tinh thần, cơ sở vật chất kỹ thuật được xây dựng và động viên ra tiền tuyến, là nguồn sức người sức của trực tiếp chi viện cho chiến trường, đáp ứng đúng, đầy đủ và kịp thời yêu cầu của tiền tuyến. Tiền tuyến càng đánh to thắng lớn, đặc biệt là với những trận quyết chiến chiến lược giành thắng lợi quyết định, thì yêu cầu chi viện của hậu phương càng lớn cả về số lượng và chất lượng, càng khẩn trương về thời gian và tốc độ. Có thể nói, suốt từ cuối những năm 60 cho đến đại thắng mùa xuân 1975, khí thế cả nước ra trận ngày càng dâng lên sôi nổi, dồn dập. Hướng ra tiền tuyến, hướng về miền Nam ruột thịt đã trở thành nguyện vọng, ý chí, sự mệnh lịch sử thiêng liêng của mấy chục triệu đồng bào và chiến sĩ miền Bắc. «Tất cả cho tiền tuyến, tất cả để đánh thắng giặc Mỹ

xâm lược» trở thành mệnh lệnh của hàng triệu trái tim đập cùng một nhịp. Câu nói thiêng liêng tiêu biểu của Bác Hồ «miền Nam ở trong trái tim tôi» đã cổ vũ đồng bào và chiến sĩ cả nước, trở thành biểu tượng của niềm tin và sức mạnh chiến đấu ở cả hai miền Nam Bắc, cổ vũ mạnh mẽ hậu phương hết lòng hết dạ chi viện cho tiền tuyến, không nề hy sinh gian khổ, không tiếc tài sản, máu xương, tính mạng. Miền Bắc đã tuyển quân, huấn luyện và tăng cường cho miền Nam hàng triệu cán bộ chiến sĩ, bổ sung cho các binh đoàn chủ lực, cho cả bộ đội địa phương. Chỉ riêng một quân khu ở đồng bằng, trong thời kỳ chống Mỹ, cũng đã cung cấp cho chiến trường hàng triệu chiến sĩ ưu tú. Đặc biệt là từ cuối năm 1974 đến đại thắng mùa xuân 1975, miền Bắc đã tuyển chọn đưa vào miền Nam mấy chục vạn quân chi viện cho Tổng tiến công.

Trong 10 năm đánh Mỹ, với các phong trào «mỗi người làm việc bằng hai», «thóc không thiếu một cân, quân không thiếu một người», «hạt lúa chia hai, năm cơm sẻ nửa»... và trong điều kiện đánh phá quyết liệt liên tục của kẻ thù, bằng mạng đường bộ, đường sông, đường biển, miền Bắc đã chuyển vào chiến trường hàng triệu tấn gạo, đạn, thực phẩm, máy móc, phương tiện kỹ thuật. Riêng hai năm 1973 - 1974 chuẩn bị cho Tổng tiến công, miền Bắc đã chi viện vào chiến trường hàng vạn tấn vật chất các loại. Việc vận chuyển tiếp tế lương thực, đạn dược, thuốc men, việc bổ sung người từ hậu phương ra tiền tuyến trong điều kiện chiến tranh hủy diệt rất ác liệt của đế quốc Mỹ trên cả hai miền Nam Bắc là những cuộc chiến đấu liên tục suốt ngày đêm trong nhiều năm tháng căng thẳng.

(2) Hồ Chí Minh: *Tuyển tập*, Nhà S. v. t. H. n. g. 1980, tập 2, tr. 503-504.

nhưng cũng vô cùng anh dũng, kiên cường, mưu trí của bộ đội, thanh niên xung phong, của toàn quân và toàn dân ta.

Các binh đoàn vận tải cơ giới có sức vận chuyển mạnh, sức cơ động cao, bảo đảm việc cơ động bộ đội và vật chất kỹ thuật với khối lượng rất lớn và yêu cầu rất khẩn trương, đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ không ngừng vươn tới chiến trường, vào tận sâu huyết, tận cơ quan đầu não của kẻ thù. Nhờ thế các đơn vị, các binh đoàn chủ lực lớn mạnh với trang bị vũ khí và cơ sở vật chất kỹ thuật hiện đại được tung ra tiền tuyến, hàng vạn cán bộ được bổ sung cho các lực lượng chính trị, lực lượng vũ trang địa phương, lực lượng an ninh và các cơ sở quần chúng hoạt động ở rừng núi, nông thôn đồng bằng và đô thị; hệ thống căn cứ hậu cần chiến lược và căn cứ hậu cần tại chỗ của các chiến trường với khối lượng dự trữ lớn phục vụ đắc lực cho cơ động, cho tăng cường lực lượng và tác chiến hiệp đồng binh chủng quy mô lớn; hệ thống cơ sở hạ tầng như đường giao thông, đường ống dẫn dầu, đường dây điện thoại tải ba, hệ thống binh trạm, cơ sở điều trị và an dưỡng cho thương binh bệnh binh... được xây dựng và mở rộng.

Trên quan điểm Đồng lương là một chiến trường, được sự đồng tình phối hợp, giúp đỡ hết lòng của Đảng và nhân dân hai nước Lào và Cam-pu-chia anh em, miền Bắc đã tích cực chi viện cho chiến trường Lào, Cam-pu-chia về người và của, cùng với hai nước anh em xây dựng các cơ sở hậu cần kỹ thuật, mở đường chiến lược, chiến dịch dọc Trường sơn, ven sông Mê công, phối hợp chặt chẽ với bạn trong nhiệm vụ tác chiến và xây dựng lực lượng, củng cố vùng giải phóng, bảo đảm vật chất, hậu cần, kỹ thuật để tạo nên sự hoạt động nhịp nhàng trên toàn bộ chiến trường Đông

duong, giành những thắng lợi to lớn cho mỗi dân tộc hoàn thành vẻ vang sự nghiệp giải phóng của mình.

Có thể nói mỗi tấn hàng, mỗi con người từ hậu phương đến được chiến trường là mồ hôi, xương máu, là sự hy sinh xả thân của đồng bào, chiến sĩ miền Bắc trên các nẻo đường của đất nước.

Cả miền Bắc đều ra trận, sôi động hào hùng nhất là mùa xuân tổng tiến công và nổi dậy năm 1975, cùng với đồng bào và chiến sĩ miền Nam, làm nên đại thắng oai hùng, tổ thẩm lịch sử cách mạng và chiến tranh cách mạng vẻ vang của dân tộc ta dưới sự lãnh đạo tài tình của Đảng cộng sản Việt nam quang vinh.

Nhận biết tầm quan trọng có ý nghĩa quyết định của hậu phương miền Bắc xã hội chủ nghĩa đối với cuộc chiến tranh cách mạng ở miền Nam, đế quốc Mỹ và bè lũ tay sai luôn luôn tìm mọi thủ đoạn thâm độc, đã man rợ đánh phá miền Bắc, hòng hủy diệt tận gốc hậu phương của ta, đập nát đầu não của cuộc kháng chiến, cắt đứt chỗ dựa vững chắc của cách mạng miền Nam. Vì vậy, miền Bắc vừa phải dốc sức người sức của chi viện tiền tuyến lớn, đồng thời phải thường xuyên cảnh giác sẵn sàng chiến đấu và chiến đấu bảo vệ hậu phương lớn. Cuộc chiến đấu chống chiến tranh phá hoại bằng không quân và hải quân của đế quốc Mỹ diễn ra nhiều đợt gay go, quyết liệt từ 1964 đến cuối 1972 đã giành được những thắng lợi liên tiếp vang dội, bắn rơi hàng ngàn máy bay hiện đại của không lực Hoa kỳ, điển hình là trận «Điện biên phủ trên không» tháng 12 năm 1972, buộc đế quốc Mỹ phải xuống thang chiến tranh và chịu ngồi vào bàn đàm phán theo điều kiện của ta.

Như vậy, miền Bắc xã hội chủ nghĩa đã hoàn thành rất vẻ vang

nhiệm vụ của hậu phương lớn đối với tiền tuyến lớn miền Nam trong suốt quá trình kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, đặc biệt là trong cuộc tổng tiến công và nổi dậy mùa xuân 1975, và làm tròn nghĩa vụ quốc tế đối với cách mạng hai nước Lào và Cam-pu-chia anh em.



Việc miền Bắc đảm nhiệm và hoàn thành xuất sắc vai trò, nhiệm vụ của hậu phương lớn trong sự nghiệp chống Mỹ, cứu nước có nhiều nguyên nhân và có thể rút ra những kinh nghiệm bổ ích cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa ngày nay.

Nguyên nhân bao trùm cơ bản nhất là do Đảng ta có đường lối đúng đắn và sáng tạo. Đường lối chính trị được Đại hội thứ ba của Đảng xác định và được các hội nghị của Trung ương (khóa III) phát triển và cụ thể hóa là phương hướng cơ bản đưa dân tộc ta tiến lên những đỉnh cao thắng lợi trong sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc, hoàn thành cách mạng dân tộc dân chủ trong cả nước và làm tròn nghĩa vụ quốc tế.

Đó là đường lối độc lập tự chủ, giương cao ngọn cờ độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, kết hợp và giải quyết đúng đắn hai nhiệm vụ chiến lược xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc và giải phóng miền Nam khỏi ách thống trị của đế quốc Mỹ và bọn tay sai, giành độc lập và thống nhất trong cả nước, kết hợp và huy động sức mạnh tổng hợp của dân tộc với sức mạnh của thời đại, sức mạnh trong nước với sức mạnh quốc tế, tạo thành một sức mạnh tổng hợp to lớn để đánh Mỹ và thắng Mỹ. Đó là đường lối quân sự đúng đắn, sáng tạo, tiến hành chiến tranh nhân dân toàn dân, toàn diện, xây dựng và phát huy vai trò hậu phương lớn đối với tiền tuyến lớn, thực hiện chiến lược Đồng lương

là một chiến trường. Đó còn là đường lối kinh tế phù hợp với quy luật đưa miền Bắc tiến lên chủ nghĩa xã hội, xây dựng miền Bắc trở thành hậu phương vững mạnh của cách mạng miền Nam.

Với đường lối đúng đắn, sáng tạo đó, Đảng ta đã có chủ trương đúng đắn xây dựng miền Bắc thành hậu phương vững mạnh của chiến tranh nhân dân giải phóng miền Nam, bảo vệ miền Bắc. Đảng ta đã nắm vững, vận dụng và kết hợp một cách sáng tạo những quy luật cách mạng, quy luật chiến tranh với quy luật kinh tế trong hoàn cảnh một đất nước bị chia cắt: một nửa xây dựng chủ nghĩa xã hội, một nửa tiến hành chiến tranh giải phóng, đề xây dựng hậu phương vững mạnh chi viện tích cực cho tiền tuyến. Lê-nin đã từng khẳng định: « Muốn tiến hành chiến tranh một cách thật sự, phải có một hậu phương được tổ chức vững chắc. Một đội quân giỏi nhất, những người trung thành nhất với sự nghiệp cách mạng cũng đều sẽ lập tức bị kẻ thù tiêu diệt, nếu họ không được vũ trang, tiếp tế lương thực và huấn luyện đầy đủ » (3). Việc đưa miền Bắc tiến lên chủ nghĩa xã hội là bảo đảm vững chắc nhất để xây dựng thành hậu phương lớn cho tiền tuyến lớn miền Nam. Và miền Bắc làm tròn được vai trò hậu phương lớn cũng chính là kết quả của việc xây dựng chế độ xã hội chủ nghĩa. Xây dựng miền Bắc xã hội chủ nghĩa thành hậu phương vững mạnh không những nhằm phát huy tác dụng quyết định của nó đối với công cuộc giải phóng miền Nam, đối với sự nghiệp phát triển cách mạng của cả nước, mà còn nhằm tiếp nhận tốt sự chi viện to lớn của Liên xô và các nước xã hội chủ nghĩa khác cũng các lực lượng tiến bộ trên thế giới đối với cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước của

(3) V.I. Lê-nin: *Tuyển tập*, Nxb Tiến bộ, Mát-xcơ-va, 1978, tập 35, tr. 497.

nhân dân ta. Xây dựng hậu phương xã hội chủ nghĩa miền Bắc còn là đề sẵn sàng trở thành chiến trường trực tiếp chia lửa với chiến trường miền Nam. Đi đôi với việc xây dựng hậu phương miền Bắc xã hội chủ nghĩa, Đảng ta còn chú trọng xây dựng hậu phương tại chỗ, các căn cứ địa an toàn ở miền Nam để có điều kiện tiếp nhận tốt sự chi viện của hậu phương miền Bắc và huy động tại chỗ.

Có thể nói, trên cơ sở đường lối đúng đắn, Đảng ta đã đề ra những chủ trương sáng tạo, toàn diện giải quyết vấn đề hậu phương lớn đối với tiền tuyến lớn.

Với đường lối, chủ trương đúng đắn và sáng tạo đó, Đảng đã thành công lớn trong công tác tổ chức thực hiện thông qua bộ máy Nhà nước, tổ chức Mặt trận và các đoàn thể quần chúng. Đảng đã tiến hành công tác tổ chức thực tiễn rất rộng lớn nhằm huy động và tận dụng mọi lực lượng xã hội, mọi khả năng vật chất cũng như tinh thần hướng vào giải quyết những nhiệm vụ cụ thể. Điều quan trọng trước hết là phải phát huy mạnh mẽ tinh ưu việt của chế độ xã hội chủ nghĩa, xây dựng miền Bắc vững mạnh cả về chính trị, kinh tế và quốc phòng. Ngay trong chiến tranh, miền Bắc vừa chiến đấu vừa xây dựng, luôn luôn tăng cường tiềm lực về mọi mặt của mình để có đủ sức người, sức của đưa chiến tranh đến thắng lợi.

Về chính trị - tinh thần, bằng các phong trào cách mạng, đấu tranh chính trị của quần chúng, phong trào thanh niên ba sẵn sàng, phụ nữ ba đảm đang và phong trào «đầu có giặc là ta cứ đi» của các lực lượng vũ trang, các cuộc vận động « vì miền Nam ruột thịt », các biện pháp tuyên truyền giáo dục sinh động, phong phú, chúng ta đã tạo được sự nhất trí về chính trị tinh thần rất cao trong nhân dân, một lòng thực hiện đường lối chủ trương của

Đảng, nung nấu tinh cảm ruột thịt Bắc Nam sum họp một nhà, thống nhất Tổ quốc, quyết tâm hy sinh chiến đấu cho chân lý « Không có gì quý hơn độc lập tự do », cho mục tiêu thiêng liêng, cao quý: cả nước độc lập, thống nhất và đi lên chủ nghĩa xã hội. Hậu phương miền Bắc lúc này đã thật sự có một động lực tinh thần vô cùng mạnh mẽ, đủ sức gạt bỏ mọi khó khăn, trở ngại để nhất định giải phóng miền Nam. Đồng bào và chiến sĩ miền Bắc cùng cả nước ra trận để bảo vệ miền Bắc, giải phóng miền Nam, cùng với miền Nam quyết tâm giành lại cho được ngày vui trọn vẹn cho toàn dân tộc. Ngày nay, nhìn lại quá trình chống Mỹ, cứu nước về vang của dân tộc, chúng ta càng rất tự hào rằng trong lịch sử giữ nước và dựng nước của dân tộc, kể cả trong lịch sử chiến tranh cách mạng do Đảng ta lãnh đạo, chưa bao giờ hào khí dân tộc, chủ nghĩa yêu nước, chủ nghĩa anh hùng cách mạng cao đẹp được phát huy cao độ và mạnh mẽ như những năm tháng đánh Mỹ và thắng Mỹ, chưa bao giờ sức mạnh tổng hợp của toàn dân đánh giặc được động viên và nâng lên đến đỉnh cao như trong thời kỳ đánh Mỹ mà nổi bật nhất là trong những năm chuẩn bị và tiến hành cuộc tổng tiến công và nổi dậy mùa xuân 1975. Động lực tinh thần chính trị to lớn đó thông qua sự lãnh đạo sáng suốt của Đảng, sự tổ chức thực hiện rất sáng tạo và tài năng của bộ máy Nhà nước cùng các đoàn thể quần chúng trong sự nghiệp bảo vệ miền Bắc, giải phóng miền Nam, đã thật sự trở thành sức mạnh to lớn nhất xé núi, mở đường, vượt lên mọi gian khổ hy sinh, giành thắng lợi hoàn toàn và triệt để.

Về kinh tế, với những nhiệm vụ cơ bản của kế hoạch 5 năm thứ nhất (1961 - 1965) và những kế hoạch hằng năm tiếp theo, được sự giúp đỡ to lớn của các nước xã hội chủ nghĩa, Đảng

và Nhà nước ta đã lãnh đạo và tổ chức việc "thực hiện một bước công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa, xây dựng bước đầu cơ sở vật chất và kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội, đồng thời hoàn thành cái tạo xã hội chủ nghĩa, làm cho kinh tế miền Bắc nước ta thành một nền kinh tế xã hội chủ nghĩa" (4). Nhờ đó tiềm lực kinh tế, vật chất kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc không ngừng được tăng cường để cùn viện ngày càng lớn cho chiến trường. Tiềm lực to lớn này kể cả sự đóng góp trực tiếp rất lớn của nhân dân, được chính quyền các cấp huy động và tổ chức vận chuyển ra tiền tuyến một cách rất tài tình, phối hợp chặt chẽ với nhau, trong đó lực lượng vũ trang là nòng cốt. Nhờ vậy đã đạt hiệu quả cao, bảo đảm số lượng đủ, chất lượng tốt để phục vụ cho chiến trường.

Về quân sự, miền Bắc đã thường xuyên nâng cao cảnh giác, sẵn sàng chiến đấu, tiến hành thắng lợi cuộc chiến tranh nhân dân chống chiến tranh phá hoại quyết liệt bằng không quân và hải quân của địch, làm thất bại mọi âm mưu và thủ đoạn xảo quyệt của đế quốc Mỹ mưu toan hủy diệt miền Bắc, đưa miền Bắc trở về thời kỳ đồ đá, chặn đứng và thủ tiêu sự chi viện của hậu phương lớn đối với tiền tuyến lớn miền Nam. Đồng thời miền Bắc là nơi tuyển chọn và rèn luyện bộ đội đưa vào miền Nam chiến đấu, là nguồn bổ sung không ngừng sức chiến đấu cho tiền tuyến.

Sức mạnh bảo vệ miền Bắc, chi viện miền Nam thật sự là sức mạnh vô địch của chiến tranh nhân dân Việt nam trong thời đại mới, là sức mạnh của đất nước ta, của hệ thống xã hội chủ nghĩa và của thời đại mới, là hiện thực rực rỡ của đường lối chiến tranh cách mạng và chủ trương xây dựng, bảo vệ hậu phương của Đảng.

Đi đôi với việc không ngừng phát huy vai trò to lớn của hậu phương

miền Bắc, Đảng ta đã coi trọng kết hợp với việc xây dựng hậu phương tại chỗ ở miền Nam, bao gồm những vùng giải phóng, những căn cứ ở rừng núi Tây nguyên và miền Đông Nam bộ, căn cứ ven biển và đồng bằng sông Cửu long, các cơ sở cách mạng ở đô thị. Những căn cứ lớn nhỏ ấy được từng bước nối liền với nhau và với hậu phương lớn miền Bắc, tạo thành thế chiến lược liên hoàn vững và hiểm, tạo điều kiện xây dựng hệ thống căn cứ để tiếp nhận dự trữ lớn về hậu cần vật chất kỹ thuật phục vụ đắc lực cho các lực lượng vũ trang và lực lượng chính trị hoạt động và chiến đấu. Đặc điểm nổi bật và cơ sở vững chắc nhất của hậu phương tại chỗ ở miền Nam vẫn là tấm lòng của hàng triệu đồng bào và chiến sĩ miền Nam anh dũng, hy sinh chiến đấu dưới lá cờ cách mạng của Đảng, của hàng vạn dũng sĩ diệt Mỹ trên các chiến trường của thành đồng Tổ quốc.

Với miền Bắc xã hội chủ nghĩa ngày càng vững mạnh về mọi mặt, chúng ta có thêm điều kiện thuận lợi và có những khả năng mới để tiếp nhận và sử dụng có hiệu quả hơn sự giúp đỡ to lớn của các nước xã hội chủ nghĩa anh em và bè bạn. Từ 1964 đến 1975, riêng lực lượng vũ trang ta đã tiếp nhận một khối lượng vật chất kỹ thuật to lớn và thiết thực để trang bị hiện đại cho quân đội, cung cấp thêm cơ sở vật chất kỹ thuật cần thiết, góp phần nâng cao sức mạnh và hiệu quả chiến đấu thực tế trên chiến trường, thực hiện quyết tâm chiến lược của Đảng. Nhờ có sự vững mạnh về mọi mặt của miền Bắc xã hội chủ nghĩa mà hậu phương rộng lớn cộng đồng xã hội chủ nghĩa mới có thể phát huy vai trò to lớn của mình trong việc ủng hộ và giúp đỡ có hiệu quả

(4) Văn kiện Đại hội III. BCH TƯ ĐLĐ Việt nam xuất bản, Hà nội. 1960. tập I. tr. 85—96.

đối với sự nghiệp chống Mỹ, cứu nước của nhân dân ta. Rõ ràng là chúng ta đã thực hiện tốt chủ trương rất đúng đắn và sáng tạo của Đảng ta « *kết hợp xây dựng hậu phương lớn miền Bắc với việc xây dựng hậu phương tại chỗ ở miền Nam*. Sự kết hợp đó bảo đảm phát huy được sức mạnh của cả nước, của chế độ xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc và của chế độ dân chủ nhân dân được thiết lập trong vùng giải phóng miền Nam, phát huy sức mạnh của toàn bộ thành quả cách mạng mà nhân dân ta đã giành được qua mấy chục năm chiến đấu để đánh thắng hoàn toàn đế quốc Mỹ và bè lũ tay sai của chúng » (5).

Miền Bắc làm tròn nhiệm vụ về vang của mình còn là do đã kết hợp chặt chẽ việc xây dựng hậu phương của cả nước với việc xây dựng hậu phương chiến lược của cả 3 nước Đông dương, giúp Lào và Cam-pu-chia xây dựng hậu phương trực tiếp của mình, phục vụ cho thắng lợi của cách mạng Lào và cách mạng Cam-pu-chia, đồng thời phục vụ cho yêu cầu Đông dương là một chiến trường, củng cố liên minh chiến lược và chiến đấu giữa 3 nước Việt nam - Lào - Cam-pu-chia.

Những nguyên nhân cơ bản trên đây chứa đựng những bài học kinh nghiệm phong phú cho các cấp, các ngành trong việc thực hiện hai nhiệm vụ chiến lược trong giai đoạn cách mạng hiện nay nói chung và trong công tác xây dựng hậu phương của chiến tranh nhân dân giải phóng dân tộc và bảo vệ Tổ quốc nói riêng. Những bài học kinh nghiệm đó không chỉ cần thiết cho các lực lượng vũ trang nhân dân, mà cũng rất bổ ích cho các cấp ủy Đảng, các cấp chính quyền Nhà nước có nhiệm vụ tổ chức, điều hành, quản lý công tác xây dựng hậu phương vững mạnh toàn diện và sẵn sàng động viên cho tiền tuyến, cho chiến tranh.



Ngày nay, bước sang giai đoạn mới của cách mạng Việt nam, chúng ta đang ra sức phấn đấu thực hiện tốt hai nhiệm vụ chiến lược: xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội và bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt nam xã hội chủ nghĩa. Trong tình hình nước ta vừa có hòa bình, vừa phải đương đầu và sẵn sàng đối phó với các tình huống chiến tranh mà bọn bành trướng bá quyền Trung quốc câu kết với đế quốc Mỹ và các loại phản động, tay sai gây ra, mục tiêu « xây dựng nước Việt nam trở thành một nước xã hội chủ nghĩa, có kinh tế công nông nghiệp hiện đại, văn hóa và khoa học kỹ thuật tiên tiến; quốc phòng vững mạnh, có đời sống văn minh và hạnh phúc » cũng chính là mục tiêu và nội dung xây dựng hậu phương của chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa trong giai đoạn mới hiện nay. Hậu phương ngày nay của nước ta không giống như thời đánh Mỹ, mà đã thành hậu phương của một quốc gia hoàn chỉnh, một Tổ quốc Việt nam xã hội chủ nghĩa có lãnh thổ và chủ quyền toàn vẹn, có Đảng cộng sản Việt nam lãnh đạo, có Nhà nước chuyên chính vô sản tổ chức và quản lý, có gần 60 triệu nhân dân làm chủ, có sự hợp tác toàn diện và giúp đỡ có hiệu quả của Liên xô và các nước xã hội chủ nghĩa anh em. Xây dựng hậu phương ngày nay có quy mô rộng, tầm vóc lớn hơn nhiều so với xây dựng hậu phương miền Bắc trước đây. Trước những âm mưu và thủ đoạn phá hoại, xâm lược của kẻ thù, vấn đề củng cố và tăng cường quốc phòng, chuẩn bị đất nước sẵn sàng chống ngoại xâm, sẵn sàng động viên chuyển từ thời bình sang thời chiến là những nội dung mới của đường lối xây dựng hậu phương chiến tranh trong giai

(Xem tiếp trang 78)

(5) Trường Chinh: *Mấy vấn đề quân sự trong cách mạng Việt nam*, Nxb Quân đội nhân dân, Hà nội, 1983, tr. 252 - 253.

Xuân 1975, đỉnh cao mới của nghệ thuật quân sự Việt nam

Thượng tướng **HOÀNG MINH THẢO**

Sự phát triển của nghệ thuật quân sự trong các cuộc chiến tranh chính nghĩa, như vẫn thấy trong lịch sử, thường vươn tới đỉnh cao vào giai đoạn cuối cùng của nó sau khi đã trải qua một quá trình vận động và phát triển theo thời gian. Chiến cuộc mùa xuân 1975 với các chiến dịch tiến công kết thúc thắng lợi về vang cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước là một ví dụ.

Đỉnh cao mới của nghệ thuật quân sự của Đảng ta mùa xuân 1975 đã được thể hiện trong những đặc điểm mới của tình hình.

Một là, nhờ đường lối chiến tranh nhân dân đúng đắn, sự chỉ đạo chiến tranh sáng suốt của Đảng, sau chặng đường dài 30 năm đánh giặc, cả ba thứ quân của lực lượng vũ trang nhân dân và hai lực lượng chính trị và vũ trang của ta đều lớn mạnh vượt bậc. Đi đôi với quy mô tổ chức mới của bộ đội chủ lực, bộ đội địa phương, dân quân du kích và cả lực lượng chính trị cũng phát triển rất sâu rộng. Vào đầu năm 1975, trên tất cả các địa bàn rừng núi, nông thôn đồng bằng và thành thị ở miền Nam, lực lượng vũ trang và lực lượng chính trị của ta đều có chỗ đứng vững chắc, tạo thành thế chiến tranh nhân dân cài xen sâu hiểm trong lòng địch và trên toàn bộ cơ thể địch. Những xoáy lốc tiến công và nổi dậy, nổi dậy và tiến công ngày

càng dồn dập, càng tích tụ lại, lan rộng ra, sẵn sàng dâng thành bão táp tổng tiến công và nổi dậy đồng loạt. Lực lượng tổng hợp của chiến tranh nhân dân mà Đảng ta tạo được lúc đó là lực lượng đông đảo, mạnh mẽ và có tổ chức cao nhất từ trước tới nay ở nước ta.

Hai là, lần đầu tiên trong lịch sử quân sự nước ta, cấp quân đoàn chủ lực đã được thành lập vào thời điểm sát gần với cuộc tổng tiến công và chuẩn bị trực tiếp cho cuộc tổng tiến công. Cùng với sự ra đời và lớn mạnh của các quân chủng, binh chủng kỹ thuật, sự có mặt của các quân đoàn chủ lực đã đưa sức chiến đấu của quân đội ta lên một chất lượng mới. Bộ đội ta vừa có sức cơ động cao, khả năng đột phá mạnh, vừa có năng lực tác chiến liên tục, đáp ứng được những diễn biến mau lẹ của thời cơ. Nó cho phép chúng ta có thể tổ chức những tập đoàn chiến lược lớn để tổ chức các chiến dịch lớn gối tiếp nhau, có thể cơ động lực lượng đánh địch trên nhiều địa bàn chiến lược trong một thời gian ngắn, đánh vào những cụm phòng thủ kiên cố, phá vỡ toàn bộ thế trận cố thủ của địch ở miền Nam. Đó là năng lực tác chiến chưa từng có của quân đội ta.

Ba là, sau gần 20 năm đánh Mỹ, ta đã tạo lập được mạng đường chiến lược và đường ống dẫn dầu vươn dài

từ hậu phương lớn đến những địa bàn trọng yếu của tiền tuyến lớn. Nó cho ta khả năng thực hiện cơ động dễ dàng những binh đoàn lớn, những khối lượng binh chủng, kỹ thuật lớn bằng phương tiện cơ giới trong tác chiến. Đồng thời việc bảo đảm hậu cần, kỹ thuật cho tác chiến hiệp đồng binh chủng quy mô lớn, việc dồn sức mạnh vật chất mà miền Bắc xã hội chủ nghĩa, Liên xô và cộng đồng xã hội chủ nghĩa thế giới dành cho sự nghiệp giải phóng miền Nam cũng có điều kiện thực hiện với hiệu lực cao. Đó là điều kiện mới mà ta đã tạo lập được cho mối quan hệ chiến lược giữa hậu phương và tiền tuyến trên quãng đường dài hơn nghìn ki lô mét.

Bốn lá, quyết tâm giải phóng miền Nam của Bộ chính trị Trung ương Đảng đặt ra cho lực lượng vũ trang một trách nhiệm lớn lao và triệt để nhất: phải cùng lực lượng chính trị của nhân dân đập tan toàn bộ máy nguy quyền, đập nát đội quân khổng lồ trên một triệu 35 vạn tên, có trang bị kỹ thuật hiện đại của Mỹ, được phòng thủ trong một hệ thống khá chặt chẽ, liên kết với nhau bởi những tập đoàn căn cứ quân sự khổng lồ, những ổ đề kháng rắn chắc và phức tạp trên suốt cả bề rộng và chiều sâu chiến trường như: Đà Nẵng, Quy Nhơn, Nha Trang, Plây cu, Công tum, Sài gòn, Gia định, Cần thơ, v.v. Trong lịch sử chiến tranh, hai bên cân sức nhau thì hiếm có một thế trận chiến lược như chúng ta đã xây dựng được trong lúc này là trải dài từ đầu đến chân kẻ thù (từ Quảng trị đến Sài gòn), từ tiền duyên phòng ngự đến tuyến sâu nhất của thế trận phòng thủ. Do đó, khi cuộc tổng tiến công và nổi dậy được phát động thì các chiến trường, các hướng chiến lược đều phối hợp được một cách nhịp nhàng và làm cho địch không thể đối phó một cách có hiệu quả, không thể ứng cứu lẫn nhau mà chỉ bị động đối phó tại chỗ. Đó là một trong nhiều điều giải thích về

sự sụp đổ của địch chỉ trong 55 ngày đêm.

Trong những điều kiện thuận lợi cơ bản như vậy, nghệ thuật quân sự có thể phát huy cao độ sức sáng tạo của mình để phục vụ nhiệm vụ chính trị đã đề ra, từ việc dùng mưu kế, bày thế trận ta, phá thế trận địch, tạo ưu thế chiến trường, sáng tạo và sử dụng thời cơ, đến việc đánh đòn mở đầu, thực hiện cơ động chiến lược và đánh đòn quyết chiến chiến lược, v.v. Trong vòng 55 ngày đêm ấy, chúng ta đã vận dụng toàn bộ kinh nghiệm được tích lũy từ trong lịch sử để thực hiện những nội dung đó. Vì vậy, nghệ thuật quân sự của ta xuân 1975 thể hiện tính cách mạng, tính nhân dân cũng như tính hiện đại và sáng tạo cao.

Về nghệ thuật quân sự của giai đoạn này, có nhiều vấn đề cần nghiên cứu; ở đây chỉ nói đến một số vấn đề trong phạm vi chiến lược và nghệ thuật chiến dịch.



Trước hết là nghệ thuật dùng mưu kế để giành thế chủ động đánh địch.

Nghệ thuật dùng mưu kế của ta là nghệ thuật buộc địch phải bố trí lực lượng, điều động lực lượng theo ý định của ta. Từ đó ta bắt địch phải bộc lộ sơ hở trong thế trận. Ta bí mật tập trung lực lượng đủ mạnh đánh đòn đầu tiên vào chỗ sơ hở nhưng lại hiểm yếu của địch. Khi ta đã trói chặt lực lượng cơ động chiến lược của địch ở một địa bàn hiểm yếu khác, chúng không thể tự do điều động để phản kích, hàn vá chỗ bị phá vỡ, bị chia cắt, buộc chúng phải đi đến quyết định thay đổi tình thế bố trí hoặc cải tạo lại thế trận. Do đó địch tiếp tục bộc lộ sơ hở mới để ta đánh các đòn tiếp theo, đập tan thế trận chiến lược cơ bản của chúng, dẫn chúng đi từ thất

bại này đến thất bại khác cho đến thất bại hoàn toàn.

Mưu kế tạo ra thế trận chủ động, tạo ra tình huống vận động. Vận động của tình huống sinh ra thời cơ. Năm bất thời cơ đề đánh đòn quyết định tạo ra sự chuyển biến nhanh chóng về thế trận và sự chuyển hóa về so sánh lực lượng, hình thành cục diện mới, tạo ra một chất mới. Mỗi quan hệ biện chứng và tác động lô gích của các yếu tố nghệ thuật quân sự Việt nam đã được thực hiện rất sắc sảo khi bước vào cuộc tổng tiến công chiến lược Xuân 1975 là như vậy.

Sau Hiệp định Pa-ri, quân Mỹ buộc phải rút khỏi chiến trường, quân ngụy mất đi chỗ dựa chủ yếu trong tác chiến. Mỹ lại chỉ có thể viện trợ ở mức độ hạn chế, bởi vậy khả năng chiến đấu của lực lượng ngụy giảm sút hẳn (thật là hải hước khi Thiệu hờ hào quân lính của chúng "phải đánh giặc theo kiểu con nhà nghèo"!). Tuy đã hụt hơi, nhưng đến trước chiến cuộc 1975, địch còn đông và khá mạnh, vẫn được tăng cường ở mặt này hoặc mặt khác.

Bằng các đòn tác chiến liên tiếp và với thế bố trí lực lượng của ta (hai quân đoàn chủ lực của ta ở Nam-Bắc sông Bến Hải và một quân đoàn ở ngoại vi Sài Gòn), ta đã căng địch ra hai đầu, buộc chúng phòng bị ở hai đầu (Huế - Đà Nẵng và Sài Gòn). Vì thế, địch bị mất quyền chủ động chiến trường. Chúng bị tước luôn cơ hội nắm lực lượng dự bị mạnh (khi đòn tổng tiến công của ta đang còn ở phía trước, có những lúc cả sư đoàn dù lẫn sư đoàn thủy quân lục chiến ngụy đã phải làm nhiệm vụ thế đội một tác chiến; đây là điều trở trêu đối với nguyên tắc sử dụng lực lượng tổng dự bị chiến lược!). Điều chủ yếu ở đây là địch đã để hở quãng giữa miền Trung tại một địa bàn chiến lược rất quan trọng: Tây nguyên. Nhằm sơ hở ấy, ta bí mật tập trung một số sư đoàn

ở Tây nguyên, phá vỡ thế trận địch ở chỗ xung yếu, tạo ra một chuyển biến lớn về chiến lược. Địch bị bất ngờ, bị động đối phó và không gượng lại được.

Do địch bị lừa, mắc phải mưu kế chiến lược của ta, cho nên ta điều động được địch, điều khiển được địch theo ý định của mình. Như vậy ta đã làm chủ được tình thế, và giành được chủ động. Chủ động là mạch sống của tác chiến.

Thứ hai là, nghệ thuật lập thế trận chiến lược. Xác lập thế trận, chủ yếu là ở việc tổ chức, bố trí lực lượng trong những không gian thích hợp, vào thời gian thích hợp, với những khả năng thích hợp. Khi nói đến thế trận cần phải xem xét trước hết yếu tố cơ bản tạo thành thế trận - đó là lực lượng -, và xem xét yếu tố ấy được sắp đặt như thế nào? Cho đến sát cuộc tổng tiến công 1975, chúng ta đã bố trí được những lực lượng mạnh và năng động trên tất cả các hướng chiến trường. Cùng với việc bổ sung quân số, trang bị đủ theo biên chế, lần đầu tiên ta đã thành lập và bố trí được các quân đoàn binh chủng hợp thành trên các mặt trận chủ yếu: Trị-Thiên, Đông Nam bộ, và các sư đoàn độc lập ở Quân khu 5 và Tây nguyên. Các binh đoàn ấy vừa là quả đấm thép cơ động chiến lược, vừa là lực lượng chủ lực tập trung tại chỗ, với trang bị binh khí kỹ thuật mạnh chưa từng thấy, được huấn luyện tác chiến theo hướng hợp đồng binh chủng cấp chiến dịch, có thể đội dự bị theo chiều sâu bảo đảm chiến đấu trong một thời gian và không gian cần thiết, đã tạo nên so sánh lực lượng tổng quát hơn hẳn địch trên từng hướng. Sự bố trí binh lực này đã không có được hồi năm 1972. Chúng ta cũng đã hoàn chỉnh cả một mạng lưới đường sá và căn cứ hậu cần cấp chiến lược và cấp chiến dịch bảo đảm cung ứng vật chất và cơ động. Sau

Hiệp định Pa ri, ta đã tổ chức được mạng lưới ấy một cách nhanh chóng và rộng lớn, đặc biệt là hoàn chỉnh mạng đường chiến lược Hồ Chí Minh kỳ diệu và công phu với đường ống dẫn dầu thần kỳ trong hai năm 1973-1974, nhờ đó chúng ta đã đưa đến các hướng chiến trường một khối lượng vật chất gấp 8-9 lần khối lượng của năm 1972. Điều đó không những tạo khả năng bảo đảm nhiệm vụ tác chiến trước mắt, mà còn bảo đảm cho ta có lực lượng dự trữ tăng cường thế trận theo chiều sâu. Từ nửa cuối năm 1973, việc chỉ đạo kiên quyết phản công đánh bại các hoạt động lấn chiếm của địch, phản công tận hang ổ chúng, cùng với những chiến thắng liên tiếp của chúng ta giành quyền chủ động cả về chiến lược lẫn chiến đấu, nhất là trong năm 1974, đã tạo cho bộ đội ta một tâm lý tốt và góp phần xác lập thế trận có lợi trước chiến cuộc Xuân 1975. Ở mặt trận Trị - Thiên, với việc phá vỡ một phần tuyến phòng ngự thành phố Huế, chúng ta uy hiếp địch không những từ hướng bắc, mà còn từ hướng tây và hướng nam. Các căn cứ của lực lượng đặc biệt của địch cắm trong vùng giải phóng và giáp ranh trên mặt trận Trung Trung bộ và Tây nguyên đã bị nhử bắt, nhử gọn, làm cho khu giải phóng của ta được liên hoàn, căn cứ hậu phương chiến lược, chiến dịch được mở rộng. Nói một cách khác, chúng ta đã xóa bỏ các mũi vu hồi dùng lực lượng tại chỗ của địch, buộc chúng phải phòng ngự và tác chiến theo những hướng xác định. Trên mặt trận Nam bộ, một thế trận có lợi cho ta đã được củng cố theo đà tiến công phá bốt, mở vùng giải phóng liên tiếp giành được thắng lợi, nhất là trên chiến trường khu 9.

Như vậy, dựa vào việc triển khai binh lực, tổ chức bảo đảm hậu cần, giành quyền chủ động tác chiến, mở rộng vùng giải phóng, tạo nên một hậu phương trực tiếp đáng tin cậy trên từng hướng chiến lược..., chúng

ta đã xác lập một thế trận sâu hiểm và vững chắc.

Một thế trận chưa hề xuất hiện trước kia trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước ấy chính là bắt nguồn từ thế trận chiến tranh nhân dân với hai phương thức đánh địch, thế trận chiến tranh nhân dân đã được xây dựng hàng chục năm của cuộc chiến tranh chính nghĩa cả nước đánh giặc, bằng cả chính trị và quân sự, bằng ba thứ quân với tư tưởng tiến công và phương pháp của một cuộc chiến tranh cách mạng là tiến công và nổi dậy, nổi dậy và tiến công, tiêu diệt và làm chủ, làm chủ và tiêu diệt. Khó tưởng tượng được rằng, ta đã xây dựng thế trận sâu hiểm xen kẽ với địch từ Trị - Thiên đến Sài Gòn và đồng bằng sông Cửu long. Quân địch không chỉ buộc phải đối phó ở Trị - Thiên - Huế, mà còn phải đối phó đồng thời ở ngay sát cửa ngõ Sài Gòn, sào huyệt cuối cùng của chúng. Do đó, lực lượng của chúng bị phân tán, bị căng mỏng ra, tạo thành một trận tuyến vừa dài vừa mỏng, không có lực lượng dự bị hùng hậu, không thể cơ động ứng cứu lẫn nhau, bị đánh ở đâu đối phó ở đó.

Thứ ba là, nghệ thuật giành và nắm thời cơ, chuyển hóa thế trận. Chúng ta đã có một kế hoạch hai năm 1975-1976 cho việc giải phóng hoàn toàn miền Nam. Kế hoạch ấy là kết quả của việc nắm thời cơ trên cơ sở phân tích tình thế lúc ấy. Sự phát triển của cách mạng, cũng như sự tiến triển chung của lịch sử loài người, thường đi từ tiệm tiến đến bột phát. Nhưng khác với nhiều lĩnh vực khác trong xã hội, sự bột phát trong chiến tranh cách mạng tạo ra thời cơ đầy nhanh tới một sự bột phát khác có tính chất dây chuyền đem lại một sự nhảy vọt về chất, thời cơ ấy chỉ xuất hiện trong khoảnh khắc, và không phải tầm nhìn chiến lược nào cũng có thể nhạy bén nắm bắt được nó. Chúng ta đều biết,

các tình huống trong chiến tranh và các kết quả cụ thể của các chiến dịch mà ta giành được đã tạo ra thời cơ. Xuân 1975, cách mạng miền Nam đã đi những bước "một ngày bằng hai mươi năm". Sau chiến dịch Tây nguyên, thời cơ chiến lược đến không phải từng ngày nữa mà từng giờ. Thời cơ đã được tạo ra, thời cơ phải được nắm lấy. Theo sát sự phát triển biến chứng của tình hình, trên cơ sở phân tích chính xác các sự kiện, ngày 18-3-1975, Bộ chính trị Trung ương Đảng ta đã khẳng định cuộc tổng tiến công chiến lược diễn ra ngay trong năm 1975 bằng chiến dịch khởi đầu Tây nguyên, và quyết định rút kế hoạch hai năm xuống còn một nửa thời gian. Ngày 25-3, thấy trước sự thất bại của địch không thể tránh khỏi ở Huế, Đà-nẵng, nắm bắt thời cơ mới, Bộ chính trị Trung ương Đảng lại quyết định giải phóng miền Nam trước mùa mưa. Chưa dừng lại, ngày 31-3, Bộ chính trị đã ấn định thời điểm cuối cùng: kết thúc chiến tranh ngay trong tháng tư. Mười năm đã trôi qua, nhìn lại các sự kiện năm 1975 bằng con mắt phê phán của lịch sử, chúng ta có thể khẳng định: việc co ngắn thời gian cho các kế hoạch chiến lược được quyết định tuyệt đối đúng. Năm thời cơ là một nội dung của nghệ thuật chỉ huy, trong đó có yếu tố tính năng động chủ quan. Nghệ thuật nắm bắt thời cơ Xuân 1975 không hề bắt nguồn từ sự phiêu lưu quân sự, trái lại nó bắt nguồn từ sự quyết đoán chính xác trên cơ sở phân tích khoa học khả năng thực tế giành thắng lợi chắc chắn. Đó là một vấn đề thuộc về phương pháp luận. Chúng ta đã trải qua một cuộc chiến tranh, cách mạng lâu dài, rất dài, một cuộc chiến tranh phải giành thắng lợi từng bước. Bởi vậy, chúng ta đã quen đặt kế hoạch chiến lược theo một quá trình nhất định, tạo và nắm thời cơ theo các chiến cuộc. Nhưng Xuân 1975, khi xuất hiện những nhân

tố rất mới, những nhân tố do chính chúng ta tạo nên, đem lại thời cơ có thể nói là trong khoảnh khắc, Đảng ta đã nhạy bén nắm lấy nó. Buồn ma thuật, trận đánh mở đầu cho chiến dịch Nam Tây nguyên, đã làm rung chuyển chiến lược địch. Địch hoảng loạn rút khỏi Tây nguyên trong một cuộc hành quân được thiết kế vội vã. Tầm lấy sai lầm của địch, chớp lấy thời cơ chiến dịch do thời cơ chiến thuật dễ ra, chúng ta nhanh chóng giải phóng toàn bộ Tây nguyên. Thời cơ chiến dịch dễ ra thời cơ chiến lược, chúng ta giải phóng hoàn toàn miền Nam trong một thời gian ngắn nhất. Nói một cách khách quan, năm 1975, thời cơ mới xuất hiện là kết quả chín muồi của quá trình chiến tranh cách mạng lâu dài và của sự thay đổi so sánh lực lượng có lợi cho ta từ sau Hiệp định Pa-ri, cộng với những thất bại nặng nề của quân ngụy trong hai năm 1973 - 1974. Thời cơ đó đã có bước nhảy vọt ngay từ trận mở đầu then chốt đánh vào thành phố hiểm yếu Buồn mê thuật. Phải có cách nhìn táo bạo, năng động, không cứng nhắc mới nhận ra từ đây một thời cơ chiến lược.

Nhưng thời cơ tự, nó không phải là một yếu tố vật chất đem lại chiến thắng. Đi đôi với việc nắm bắt thời cơ, là nghệ thuật tổ chức chiến cuộc. Chưa bao giờ trong một thời gian ngắn như vậy, chúng ta đã mở một loạt các chiến dịch cỡ trên quân đoàn và nhiều quân đoàn, và giành thắng lợi triệt để. Để có một loạt chiến dịch như thế, trước hết ở cấp chiến lược phải có sự huy động và tập trung binh lực to lớn và cung cấp một khối lượng vật chất khổng lồ. Chiến dịch Tây nguyên, chiến dịch mở đầu, chúng ta tập trung 5 sư đoàn, đến chiến dịch Hồ Chí Minh, chiến dịch cuối cùng, con số đó là 5 quân đoàn. Trong điều kiện lực lượng có hạn (cuộc chiến tranh nào cũng nhận ra sự hạn chế của lực lượng) thì kiên quyết và tích

ực huy động, tăng tốc độ và cường độ cơ động sẽ có thể có lực lượng mạnh ở khắp nơi, lực lượng một hỏa mìn. Trong chiến cuộc 1975, bằng cơ động nhanh, nhiều quân đoàn, sư đoàn đã tham gia 2 - 3 chiến dịch (kể cả những chiến dịch thuộc phạm vi quân khu) trong một thời gian ngắn. Đó là kết quả của năng lực tổ chức và điều hành chiến cuộc.

Chúng ta cũng đã nắm vững đặc điểm của địch ở từng khu vực để chỉ đạo cụ thể từng chiến dịch, không máy móc. Đối với Tây nguyên, địch ở trạng thái tĩnh, bố trí ổn định, ta đã chỉ đạo công tác chuẩn bị thật chặt chẽ, tiến hành từng bước. Khi đánh, nắm lực lượng dự bị mạnh, sẵn sàng ứng phó với mọi tình huống. Đối với Huế - Đà Nẵng, địch ở trạng thái động, đang hoang mang rối loạn, ta đã nhấn mạnh đến yếu tố thời cơ, khẩn trương đánh thẳng vào trung tâm ngay cả khi ta chưa kịp tập trung đủ lực lượng. Đối với Sài Gòn, địch tuy đã bị rung động chiến lược, ở trong thế thất bại chiến lược, nhưng vì đó là sào huyệt cuối cùng, chúng phải bảo vệ bằng mọi giá, ta đã huy động mọi khả năng, tập trung lực lượng áp đảo tuyệt đối, đánh chắc thắng. Đó là sự chỉ đạo đúng đắn, khoa học và táo bạo của bộ chỉ huy, tham mưu chiến lược. Những thắng lợi của chiến dịch tiến công ấy là những đòn chí tử đối với địch, có tác dụng thúc đẩy mạnh sự phát triển của chiến lược ta. Một « Nam Tây nguyên » dẫn đến giải phóng toàn bộ Tây nguyên, bẻ gãy chiến tranh vào một đại lộ mới. Một « Huế - Đà Nẵng » đã làm chủ hoàn toàn miền Trung và Nam Trung bộ, đây tiền duyên chiến lược về phía trước nửa nghìn ki lô mét. Một « Hồ Chí Minh » mở ra cả Nam bộ giải phóng, kết thúc chiến tranh. Cần nhấn mạnh thêm là chúng ta đã vận dụng và kết hợp chặt chẽ những quy luật chủ yếu chi phối cuộc kháng chiến lâu dài của dân tộc. Tác chiến

của bộ đội địa phương và sự nổi dậy của quần chúng nhân dân đã hỗ trợ và phát huy kết quả các chiến dịch tiến công. Trong thực tế, trên cơ sở tác chiến nhỏ kết hợp với nổi dậy, ở nhiều thành phố, thị xã và vùng nông thôn rộng lớn, chính quyền đã về tay nhân dân.

Nghệ thuật điều hành chiến cuộc Xuân 1975 còn nổi bật trong khâu tổ chức hậu phương. Chúng ta đã thành lập ngay trên miền Bắc vào thời điểm đang tiến hành các chiến dịch tiến công ở miền Nam nhiều sư đoàn bộ binh và nhiều trung đoàn phòng không, vừa làm dự bị chiến lược, vừa sẵn sàng đối phó với khả năng xảy ra một cuộc chiến tranh phá hoại và một cuộc tập kích chiến lược vào hậu phương. Cùng với các binh đoàn tác chiến, hàng chục vạn tân binh mới tuyển được đưa ra tiền tuyến. Trong một thời gian rất ngắn, chúng ta đã huy động mọi phương tiện cần thiết để bảo đảm vật chất cho chiến trường và thành lập ngay ở trung ương Ban chỉ viện chiến trường. Tất cả những điều đó chứng tỏ guồng máy của Bộ tham mưu chiến lược đã chạy một cách khẩn trương, chính xác và có hiệu quả.



Ngày nay, mười năm sau ngày chiến thắng để quốc Mỹ xâm lược, giải phóng hoàn toàn miền Nam, chúng ta lại đang đứng trước những âm mưu và hành động phá hoại, xâm lược của kẻ thù mới - bọn bành trướng bá quyền Trung quốc. Nền nghệ thuật quân sự của chúng ta luôn luôn là nền nghệ thuật quân sự chống ngoại xâm. Nó kế thừa những kinh nghiệm bốn nghìn năm của ông cha ta và được Đảng ta đưa lên một đỉnh cao mới. Ngày nay, nó cần được nâng cao và phát huy hơn nữa để đáp ứng những yêu cầu mới của sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc Việt nam xã hội chủ nghĩa.

Quảng nam — Đà nẵng qua bước đường mười năm xây dựng chủ nghĩa xã hội

HOÀNG MINH THẮNG

Bí thư Tỉnh ủy Quảng nam — Đà nẵng

Những thành tựu bước đầu.

QUẢNG nam — Đà nẵng bắt tay xây dựng cuộc sống mới trong hoàn cảnh quê hương vừa thoát ra khỏi cuộc chiến tranh cực kỳ ác liệt. 3/4 thôn xóm bị hủy diệt, 2/3 ruộng đất canh tác bị hoang hóa, 25% dân số bị thương vong. Với chính sách « tổ cộng » và « bình định » tàn bạo và nham hiểm, Mỹ — ngụy đã triệt phá mọi phương tiện sinh sống, cưỡng bức 70 vạn đồng bào nông thôn vào sống tập trung trong các khu dồn dân, áp chiến lược. Hơn 11 vạn ngụy quân, nhân viên ngụy quyền tan rã tại chỗ cùng cả gia đình nay không có công ăn việc làm. Nửa triệu người đang lâm vào cảnh thiếu ăn, phải cứu tế hằng ngày. Đế quốc Mỹ không những dùng bom đạn để tàn phá môi sinh, mà còn gieo rắc nọc độc văn hóa suy đồi phân động, cổ súy lối sống hưởng thụ thấp hèn, truy lạc sa đọa, gây nên tệ nạn xã hội lan tràn.

Nhưng nhờ sự lãnh đạo và chỉ đạo của Trung ương Đảng và Chính phủ, sự quan tâm giúp đỡ, chỉ viện của các ngành ở Trung ương, của các tỉnh, thành phố bạn, đảng bộ và nhân dân Quảng nam — Đà nẵng đã phát huy chủ nghĩa anh hùng cách mạng, truyền

thống đoàn kết nhất trí, nỗ lực khắc phục khó khăn, vượt qua mọi thử thách, đẩy lên liên tục các phong trào hành động cách mạng của quần chúng tiến quân đều khắp trên mọi lĩnh vực sản xuất, chiến đấu, công tác và học tập, giành thắng lợi tương đối toàn diện trong công cuộc cải tạo xã hội chủ nghĩa và xây dựng chủ nghĩa xã hội. Năm 1981 so với năm 1976, tổng sản phẩm xã hội tăng gấp 3,2 lần; giá trị tổng sản lượng nông nghiệp tăng 2,5 lần; giá trị tổng sản lượng công nghiệp tăng gần 5 lần; mức lương thực huy động được tăng gấp 5 lần; giá trị hàng hóa xuất khẩu tăng nhanh, thu ngân sách tăng 2,5 lần; ba người dân có một người đi học. Đời sống nhân dân được ổn định, nhiều vùng được cải thiện rõ rệt. Số gia đình làm nhà ngói tăng gấp 5 lần so với trước ngày giải phóng.

Đạt được những thành tựu kể trên, trước hết là do đảng bộ chúng tôi đã quán triệt đường lối của Trung ương Đảng, phát huy cao độ tinh thần làm chủ tập thể, tinh thần tự lực tự cường, dám nghĩ dám làm, tinh năng động sáng tạo của nhân dân toàn tỉnh.

Dưới đây, chúng tôi xin nêu mấy suy nghĩ bước đầu về công cuộc xây dựng và phát triển kinh tế trong 10 năm qua.

Nắm vững quy luật cách mạng xã hội chủ nghĩa, vận dụng linh hoạt các nghị quyết của Trung ương Đảng vào hoàn cảnh địa phương.

Chủ nghĩa xã hội là lý tưởng, là ước mơ của toàn dân, toàn Đảng ta. Chính vì lý tưởng đó, nhân dân tỉnh chúng tôi đã hy sinh chiến đấu chống Mỹ, cứu nước, bảo vệ quê hương. Giờ đây chúng tôi bước vào thực hiện ước mơ đó trước hết bằng việc khôi phục hai phần ba diện tích canh tác bị hoang hóa, đầy dẫy bom mìn, đầy thép gai. Phần lớn nông dân trước đây bị dịch đồn vào thành phố, thị xã, thị trấn, các khu tập trung, nay trở về quê cũ thiếu lương thực, không nhà cửa, thiếu công cụ lao động. Tỉnh chỉ có hơn chục xí nghiệp, nhà máy của tư nhân, sử dụng nguyên liệu của nước ngoài.

Khắc phục tình hình này, phải từ đất đai và lao động mà đi lên. Do vậy, chúng tôi khẩn trương vận động nhân dân về nông thôn, phá gỡ bom, mìn, phục hóa, khai hoang, đưa hầu hết diện tích vào sản xuất; xây dựng ngay quy hoạch thủy lợi của toàn tỉnh trước khi xây dựng quy hoạch kinh tế tổng thể. Chúng tôi tập trung vốn, công sức xây dựng hàng loạt trạm bơm điện ở vùng trọng điểm lúa thuộc các huyện phía bắc của tỉnh để thâm canh, tăng vụ, đồng thời tranh thủ sự giúp đỡ của trung ương, xây dựng công trình đại thủy nông Phú ninh, biến hàng vạn héc ta đất khô cằn ở các huyện thuộc phía nam của tỉnh, quanh năm chỉ cấy một vụ, năng suất chỉ đạt 7—8 tạ một héc ta, thành ruộng cấy hai, ba vụ, đưa năng suất lên 5—6 tấn một héc ta

Hoàn thành nhiệm vụ giải phóng dân tộc, quy luật tất yếu của cách mạng là phải chuyển ngay sang thực hiện nhiệm vụ cách mạng xã hội chủ nghĩa. Chúng tôi nhận thức rằng muốn có chủ nghĩa xã hội phải có cơ sở vật

chất kỹ thuật hiện đại, phải có một nền sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa; trong điều kiện của tỉnh chúng tôi, muốn đi lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa, có công — nông nghiệp hiện đại, trước hết phải tập trung đầy mạnh sản xuất nông nghiệp, coi nông nghiệp là mặt trận hàng đầu để giải quyết cho được vấn đề lương thực. Đồng thời, chúng tôi rất coi trọng phát triển công nghiệp, tiểu công nghiệp, thủ công nghiệp, nghề rừng, nghề biển, nhằm thúc đẩy nhanh quá trình hình thành cơ cấu kinh tế công — nông nghiệp trong tỉnh. Nhưng muốn thực hiện đường lối phát triển kinh tế nói trên, tỉnh chúng tôi cần phải tiến hành cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với nông nghiệp, công thương nghiệp. Vì vậy, trong những năm đầu khôi phục và phát triển kinh tế, tỉnh chúng tôi đã nắm vững phương châm “kết hợp cải tạo với xây dựng, lấy xây dựng làm chính”. Trong thời kỳ từ đại hội thứ 11 của đảng bộ tỉnh (tháng 4-1977) qua đại hội thứ 12 (1979) đến đại hội thứ 13 (1981), toàn bộ công cuộc cải tạo, xây dựng và phát triển kinh tế trong tỉnh đều tập trung khai thác 4 thế mạnh của nền kinh tế địa phương là nông nghiệp, công nghiệp và tiểu công nghiệp, thủ công nghiệp, nghề rừng.

Căn cứ vào phương hướng phân vùng kinh tế của Trung ương, quy hoạch công — nông nghiệp của tỉnh và quy hoạch tổng thể từng huyện, từng bước phân công lại lao động, tổ chức lại sản xuất theo hướng sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa, từng bước hình thành các vùng chuyên canh lớn, nhằm ngay từ đầu xây dựng cơ cấu nông — công nghiệp trên địa bàn huyện và cơ cấu công — nông nghiệp trên địa bàn tỉnh.

Trong hoàn cảnh có khó khăn về vốn và vật tư, tỉnh đã mạnh dạn đầu tư xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật cho nông nghiệp, nhất là đầu tư cho thủy lợi, phục hóa khai hoang

mở rộng diện tích, xây dựng các trạm, trại nông nghiệp... Ba biện pháp thâm canh, tăng vụ, mở rộng diện tích đều được coi trọng và được thực hiện bằng phong trào cách mạng của quần chúng. Nhờ phục hóa, khai hoang và tăng vụ, đặc biệt là đưa vụ xuân hè thành vụ chính và trồng ba vụ lúa trong năm, cho nên đến nay diện tích gieo trồng trong tỉnh đã tăng gấp đôi so với năm 1976. Các biện pháp khoa học kỹ thuật đã từng bước được quần chúng áp dụng rộng rãi và đem lại hiệu quả rõ rệt. Đặc biệt hệ thống thủy lợi đã được xây dựng khẩn trương với nhiều công trình nhỏ, vừa, lớn, do Nhà nước và nhân dân cùng làm, trong đó nổi bật là công trình hồ chứa nước Phú ninh, sau hai năm khẩn trương xây dựng, đã phát huy tác dụng.

Đi đôi với việc đầu tư xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật cho nông nghiệp, chúng tôi tiến hành cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với nông nghiệp theo tinh thần nghị quyết số 254 của Bộ chính trị Trung ương Đảng và Nghị quyết của Ban thường vụ Tỉnh ủy ngày 10-4-1977. Chúng tôi đã chuẩn bị điều kiện cho phong trào hợp tác hóa nông nghiệp: hoàn thành nhanh gọn việc xóa bỏ tàn dư bóc lột của địa chủ, phong kiến, chia cấp và điều chỉnh lại ruộng đất cho nông dân thiếu ruộng hoặc không có ruộng, bảo đảm « người cày có ruộng ». Chúng tôi tập dượt nông dân đi vào sản xuất tập thể bằng lối đoàn kết sản xuất có định mức, khoán việc, ngay trong phong trào khai hoang phục hóa, phá vỡ bom mìn, làm thủy lợi. Chuẩn bị cho việc cải tạo, xây dựng đồng ruộng để thực hiện cơ giới hóa nông nghiệp, chúng tôi đã bố trí các cụm dân cư tập trung ngay từ khi chuyển 700 nghìn dân từ thành thị về nông thôn và vận động di chuyển, tập trung hàng chục vạn mô mã lên gò, đồi, để dành đất màu mỡ cho sản xuất. Chúng tôi sớm chỉ đạo xây dựng thử hợp tác xã ở một số

vùng trong tỉnh để có kinh nghiệm chỉ đạo mở rộng diện. Căn cứ vào thực trạng ruộng đất và tình hình giải cấp ở nông thôn và sự giác ngộ cách mạng của đông đảo nông dân, dựa vào kinh nghiệm xây dựng hợp tác xã nông nghiệp ở miền Bắc, cuối năm 1977, tỉnh tiến hành làm thử việc xây dựng hợp tác xã ở Duy phước (Duy xuyên), sau đó tiếp tục xây dựng 6 hợp tác xã nữa ở các huyện khác, đồng thời chọn Duy xuyên làm huyện trọng điểm tổ chức hợp tác xã trên địa bàn huyện. Trên cơ sở thành công của các hợp tác xã được xây dựng thử, với sự chuẩn bị tập trung tích cực về nhiều mặt, trong đó có việc khẩn trương đào tạo trên một vạn cán bộ cho hợp tác xã, mùa thu năm 1978, toàn tỉnh đã phát động phong trào hợp tác hóa nông nghiệp, và đã hoàn thành cơ bản công cuộc hợp tác hóa ở nông thôn đồng bằng và trung du vào năm 1979 với 251 hợp tác xã nông nghiệp, bao gồm trên 95% tổng số ruộng đất và 96,8% lao động nông nghiệp trên địa bàn tỉnh, vượt thời gian kế hoạch của tỉnh một năm. Đây là một bước ngoặt có ý nghĩa lịch sử.

Trong khi vận động nông dân vào hợp tác xã, chúng tôi định giá để công hữu hóa trâu bò, công cụ một cách thỏa đáng, được bà con nông dân đồng tình, và họ đã hăng hái gia nhập hợp tác xã. Làm ăn tập thể phải hơn hẳn làm ăn cá thể, vì vậy chúng tôi vận động nông dân ra sức làm thủy lợi, bảo đảm đúng ý nghĩa của thủy lợi là biện pháp hàng đầu trong sản xuất, trong thâm canh; bảo đảm thủy lợi hóa đi trước hợp tác hóa một bước, hoặc hợp tác hóa đi đôi với thủy lợi hóa, đồng thời đưa nhanh các tiến bộ khoa học kỹ thuật vào đồng ruộng để phát triển sản xuất theo hướng tập trung, chuyên canh, thâm canh; mặt khác mở rộng diện tích bằng tăng vụ và khai hoang để nhanh chóng có đủ lương thực trang trải cho nhu cầu của nhân dân, có nhiều nông sản hàng hóa

phục vụ cho sự nghiệp công nghiệp hóa đất nước, và bảo đảm nhu cầu của quốc phòng. Để tạo cơ sở vật chất kỹ thuật ban đầu cho hợp tác xã đi lên, mặc dù vừa ra khỏi chiến tranh, thiếu thốn đủ thứ, ngân sách còn nghèo, chúng tôi vẫn kiên quyết cấp cho các hợp tác xã không phải hoàn lại hàng nghìn tấn nguyên liệu, vật liệu. Tỉnh đã đầu tư hàng chục triệu đồng và những vật tư cần thiết, giúp bà con nông dân các dân tộc miền núi (vùng căn cứ địa cách mạng trước đây) xây dựng giao thông và hàng trăm hecta ruộng nước, tạo cơ sở bước đầu định cư định canh, từng bước cải tiến công việc làm ăn và cải thiện sinh hoạt vật chất, tinh thần của đồng bào.

Với các chủ trương, biện pháp đúng đắn, tích cực đó, phong trào hợp tác hóa nông nghiệp ở Quảng nam - Đà Nẵng phát triển nhanh, mạnh và vững chắc. Tinh ưu việt của chế độ làm ăn tập thể cộng với sự giác ngộ xã hội chủ nghĩa đã nhân lên gấp bội sức mạnh của giai cấp nông dân tập thể, đẩy sản xuất phát triển. Do vậy, Quảng nam - Đà Nẵng đã tự bảo đảm lương thực cho nhân dân toàn tỉnh, đóng góp cho Nhà nước mỗi năm một nghìn và có lương thực giúp đỡ một số nơi, hình thành vùng chuyên canh cây công nghiệp, cây xuất khẩu, tạo cơ sở cho công nghiệp, tiểu công nghiệp, thủ công nghiệp phát triển. Trong một thời gian ngắn tự giải quyết được vấn đề lương thực, không phải yêu cầu Nhà nước chi viện như trước đây, mở ra khả năng và triển vọng cho nền kinh tế phát triển hài hòa, là một thắng lợi có ý nghĩa sâu sắc của tỉnh chúng tôi.

Dưới sự lãnh đạo của Đảng, Quảng nam - Đà Nẵng đã xóa bỏ bóc lột và nguồn gốc sinh ra bóc lột ở nông thôn, xác lập quan hệ sản xuất mới. Giai cấp nông dân tập thể bình thành, tạo ra thế và lực mới, đưa nền sản xuất nông nghiệp trong tỉnh từng bước đi

lên vững chắc. Mười năm qua, phần lớn các hợp tác xã nông nghiệp đã được xây dựng không ngừng phát triển, cơ sở vật chất kỹ thuật được tăng cường, đời sống xã viên được cải thiện. Nét nổi bật là các hợp tác xã nông nghiệp đã đi vào cung cách làm ăn mới, thực hiện khoán sản phẩm đến nhóm và người lao động, đưa khoa học kỹ thuật vào đồng ruộng, thâm canh tăng vụ, phát triển chăn nuôi, mở rộng ngành nghề, từng bước đưa năng suất, sản lượng tăng lên một cách vững chắc. Đến nay nhiều câu lạc bộ 10 tấn, 20 tấn/hectar/năm đã ra đời.

Đồng thời với việc cải tạo và phát triển nông nghiệp theo hướng sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa, trong mười năm qua, Quảng nam - Đà Nẵng đã coi trọng việc phát triển công nghiệp, tiểu công nghiệp và thủ công nghiệp.

Trước ngày giải phóng, công nghiệp Quảng nam - Đà Nẵng rất nhỏ bé, lệ thuộc vào nguồn vật tư nguyên liệu của nước ngoài; tiểu công nghiệp, thủ công nghiệp không đáng kể. Ngay sau ngày giải phóng, đảng bộ tỉnh đã thấy được những thuận lợi cơ bản để khôi phục, xây dựng và phát triển kinh tế công nghiệp, tiểu, thủ công nghiệp. Quảng nam - Đà Nẵng ở vào vị trí trung độ của cả nước, Đà Nẵng là thành phố lớn thứ hai ở miền Nam và là cảng biển lớn, cùng với hai thị xã Tam kỳ, Hội an có lực lượng lao động đông đảo có tay nghề khá; tỉnh lại có vùng nông nghiệp, lâm nghiệp và biển rộng. Nếu các khả năng kinh tế đó được khai thác tốt sẽ có điều kiện để phát triển công nghiệp. Chính từ sự nhận định này mà đại hội thứ 11 của tỉnh đã xác định tiềm năng, thế mạnh của công nghiệp, tiểu công nghiệp, thủ công nghiệp và đề ra mục tiêu "Từng bước xây dựng tỉnh nhà thành tỉnh công - nông nghiệp tương đối toàn diện để từng bước thỏa mãn

nhu cầu đời sống nhân dân và tích lũy cho công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa.

Trong điều kiện vốn liếng ban đầu còn ít ỏi, chúng tôi chủ trương dựa vào dân, phát huy năng lực sáng tạo của nhân dân, của đội ngũ cán bộ khoa học kỹ thuật và thợ lành nghề sẵn có, tổ chức nhiều hình thức: xí nghiệp quốc doanh, công tư hợp doanh, hợp tác xã, tổ hợp tác, v.v. Đồng thời, tranh thủ sự viện trợ của trung ương để phát triển thật nhanh, thật mạnh ngành sản xuất này. Ngay từ đầu, chúng tôi ý thức được mối quan hệ, sự tác động qua lại giữa nông nghiệp và công nghiệp, con đường từ sản xuất nhỏ đi lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa; cho nên, *trong khi tiến hành hợp tác hóa nông nghiệp đã chú trọng quy hoạch phát triển ngành nghề trong hợp tác xã nông nghiệp, kết hợp nông nghiệp với công nghiệp ngay từ đầu, từ cơ sở, trên địa bàn huyện.* Chúng tôi tập trung khai thác nguyên liệu của địa phương, đồng thời bắt đầu mở rộng trao đổi, liên kết với các địa phương khác để tạo thêm nguồn vật tư, nguyên liệu cho công nghiệp và tiểu công nghiệp, thủ công nghiệp phát triển. Bên cạnh việc phát triển công nghiệp nhẹ là chủ yếu, chúng tôi cũng tranh thủ xây dựng một số cơ sở công nghiệp nặng. Ngoài kế hoạch cấp trên giao, ngay từ năm 1982, chúng tôi khuyến khích mọi ngành mọi cấp, các đơn vị sản xuất kinh doanh (kể cả tư nhân) tìm mọi cách khai thác vật tư, nguyên liệu, thiết bị, kỹ thuật, liên vốn, và đãi ngộ thích đáng những người có tay nghề giỏi để tăng nhanh sản phẩm cả về số lượng và chất lượng.

Đặc biệt, suốt trong quá trình cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với công thương nghiệp, đảng bộ Quảng nam - Đà Nẵng đã bám sát nội dung quan trọng nhất và yêu cầu hàng đầu của cải tạo xã hội chủ nghĩa là *tổ chức lại sản xuất và phân phối theo hướng xã hội chủ nghĩa bằng những hình thức*

và phương pháp quản lý thích hợp với từng ngành nghề để sử dụng tối, đồng thời hạn chế và cải tạo từng bước những thành phần kinh tế phi xã hội chủ nghĩa vì lợi ích khôi phục và phát triển kinh tế - xã hội.

Quan triệt quan điểm của Đảng về sử dụng 5 thành phần kinh tế trong một thời gian nhất định của thời kỳ quá độ, tỉnh chúng tôi đã tập trung sức xây dựng, củng cố và phát triển kinh tế quốc doanh và kinh tế tập thể ngày càng lớn mạnh để giữ vai trò chủ đạo trong nền kinh tế của tỉnh; kiên quyết cải tạo kinh tế tư bản chủ nghĩa bằng nhiều biện pháp theo từng đối tượng: xóa bỏ tư sản mại bản, dùng hình thức công tư hợp doanh trong khu vực sản xuất và ở những ngành cần thiết để sử dụng được vốn và kinh nghiệm kinh doanh của người tư sản; đối với những người lao động làm trong ngành tiểu công nghiệp, thủ công nghiệp thì vận động họ vào hợp tác xã, tổ hợp tác sản xuất hoặc vào các hình thức xí nghiệp tư nhân, kinh tế gia đình, gia công làm vệ tinh cho các xí nghiệp quốc doanh, công tư hợp doanh...

Theo quan điểm « kết hợp cải tạo với xây dựng, lấy xây dựng làm chính », chúng tôi đã tổ chức lại các cơ sở công nghiệp, tiểu công nghiệp và thủ công nghiệp trong tỉnh, tạo mọi điều kiện vật chất để mở rộng quy mô, phát triển sản xuất.

Bằng các biện pháp giáo dục, vận động và vận dụng một số chính sách thích hợp, tỉnh khuyến khích 459 hộ thương nghiệp lớn chuyển vốn sang xây dựng 400 cơ sở sản xuất, khuyến khích thợ thủ công góp vốn xây dựng hàng nghìn cơ sở sản xuất nhỏ. Ngoài việc quốc hữu hóa các cơ sở sản xuất kinh doanh của 14 tư sản mại bản, tỉnh đã áp dụng hình thức công tư hợp doanh đối với 23 xí nghiệp thuộc các ngành công nghiệp, vận tải, dịch vụ, có ban hành chính sách công nhận

vốn và trả lãi (trả lãi riêng không trừ vào vốn; mức trả lãi từ 8 đến 15%, có phân biệt vốn đưa vào công tư hợp doanh trước, trong hay sau thời gian cải tạo). Đối với thợ thủ công, thì năng suất miễn thu gấp đôi mức quy định chung trước đó. Cá nhân những nhà tư sản hay tiểu chủ đã vào xí nghiệp công tư hợp doanh am hiểu kỹ thuật, có tay nghề, biết quản lý đều được sử dụng và mạnh dạn giao làm giám đốc hoặc phó giám đốc xí nghiệp. Hàng trăm hộ buôn bán lớn và hàng nghìn tiểu thương đã chuyển sang sản xuất tiểu công nghiệp, thủ công nghiệp. Hàng chục nghìn thợ thủ công góp vốn, đồ nghề xây dựng hàng nghìn cơ sở sản xuất tiểu công nghiệp, thủ công nghiệp. Với mấy chục cơ sở công nghiệp, tiểu công nghiệp, thủ công nghiệp được xây dựng bằng vốn liếng, sức lực của dân, và 23 xí nghiệp công tư hợp doanh, Quảng nam - Đà Nẵng đã có các ngành: năng lượng, cơ khí, vật liệu xây dựng, chế biến nông, lâm, hải sản, hàng tiêu dùng, công cụ lao động, khai khoáng, xuất khẩu, v.v. Với ý thức chất chiu, nhất nhạnh từng thanh sắt, từng chi tiết máy cộng với tinh thần lao động sáng tạo, giai cấp công nhân và nhân dân lao động trong tỉnh đã đưa công nghiệp, tiểu công nghiệp và thủ công nghiệp phát triển với nhịp độ nhanh. Giá trị tổng sản lượng của toàn ngành năm 1983 tăng gấp 4,65 lần so với năm 1976.

Đến năm 1985, ở Quảng nam - Đà Nẵng đã hình thành mạng lưới cơ khí từ tỉnh đến huyện và xã, hợp tác xã, gồm 19 xí nghiệp quốc doanh, 77 hợp tác xã, 297 cơ sở cơ khí tư nhân, 366 lò rèn và 50 xí nghiệp thuộc các ngành năng lượng, hóa chất, vật liệu xây dựng, dệt, da, may, nhuộm, chế biến lương thực thực phẩm, v.v. tạo nên một cơ cấu tương đối hợp lý giữa công nghiệp sản xuất tư liệu sản xuất và công nghiệp sản xuất tư liệu tiêu dùng; đáp ứng ngày càng tốt yêu

cầu về nguyên liệu, công cụ lao động sản xuất, hàng công nghiệp tiêu dùng... trong tỉnh. Tỷ trọng ngành công nghiệp trong giá trị tổng sản lượng công nông nghiệp từ 12,8% năm 1976 đã lên đến 60% năm 1985, trong đó nhóm A từ 12,7% giá trị sản lượng công nghiệp năm 1976 tăng lên 30% năm 1985.

Quảng nam - Đà Nẵng có một ngư trường rộng 62 000 ki lô mét vuông, với các loại hải sản rất dồi dào, phong phú, là một nguồn to lớn về thực phẩm và hàng xuất khẩu có giá trị. Tuy nhiên, ngành hải sản có rất nhiều khó khăn, nhất là các loại máy tàu, xăng dầu, lưới, ngư cụ, phụ tùng thay thế, v.v. đều phải nhập của nước ngoài. Trước tình hình đó, đại hội thứ 12 của đảng bộ tỉnh (12-1979) đã đề ra chủ trương « Phải chủ động chuyển hướng nghề nghiệp, đặc biệt coi trọng khai thác chế biến hải sản xuất khẩu. Dựa vào xuất khẩu hải sản để duy trì phát triển nghề cá ». Đại hội thứ 12 còn quyết định « Đưa nghề nuôi cá nước lợ, nước ngọt thành ngành kinh tế quan trọng, đạt hiệu quả kinh tế cao, bù đắp một phần lượng cá biển thiếu hụt vì thiếu xăng dầu ». Làm theo phương hướng đó, ngành hải sản đã tăng nhanh sản lượng khai thác hải sản: từ 28 000 tấn năm 1981 lên 35 000 tấn năm 1984. Kim ngạch hải sản xuất khẩu năm 1984 so với năm 1976 tăng gấp 7 lần. Nhờ có ngoại tệ, hằng năm tỉnh nhập thêm hàng nghìn tấn xăng dầu và công cụ nghề cá.

Đi đôi với việc chuyển hướng chỉ đạo nghề cá, công tác cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với nghề cá cũng được làm từng bước để rút kinh nghiệm. Đến nay, đã có một số hợp tác xã ngư nghiệp và tổ hợp tác sản xuất nghề cá, ăn chia theo lao động và tư liệu sản xuất, và hợp tác xã hậu cần nghề cá, kết hợp dưới nước với trên bờ, kết hợp kinh tế với quốc phòng, kết hợp ngư nghiệp với nông nghiệp và lâm nghiệp. Tuy kết quả đạt được

chưa cao, nhưng từ những tổ chức này có thể rút ra những kinh nghiệm bước đầu có ích và có thể thấy một số mô hình tổ ra thích hợp trong thời kỳ quá độ.

Cũng như ngành kinh tế biển, tiềm năng, thế mạnh của *kinh tế rừng* được đảng bộ tỉnh xác định rất sớm và đã có chủ trương cụ thể. Nghị quyết thứ 11 của đảng bộ tỉnh (4-1977) đã đề ra nhiệm vụ của ngành lâm nghiệp là: « Phải kết hợp tốt nghề rừng (cả bảo vệ, tu bổ rừng, trồng rừng, khai thác chế biến gỗ và lâm sản) với trồng cây công nghiệp và chăn nuôi, đồng thời phải có biện pháp giải quyết thật vững chắc lương thực cho nhân dân miền núi nhằm chấm dứt nạn phá rừng bừa bãi. Theo hướng trên đây, cần ổn định từng bước việc định canh định cư đồng bào các dân tộc, có kế hoạch giao rừng và đất rừng cho xã kinh doanh theo quy hoạch, kế hoạch và chính sách của Nhà nước ». Đến tháng 12-1979, nghị quyết đại hội thứ 12 của đảng bộ tỉnh lại nhấn mạnh « nông lâm kết hợp trong toàn bộ kinh tế rừng, đặc biệt đẩy mạnh phong trào trồng cây gây rừng phủ xanh đồi trọc ở vùng ranh ».

Trên mặt trận cải tạo và phát triển kinh tế rừng của tỉnh trong 10 năm qua, thành tựu đáng chú ý là, với *phong trào nhân dân trồng rừng rộng lớn*, vùng cát đã cơ bản được phủ xanh, vành đai rừng phòng hộ ven biển đã hình thành. Việc quy hoạch chia đất để nhân dân lập vườn ở (vùng cát mỗi hộ 1 500 m², vùng đồng bằng 500 m², miền núi từ 1000 đến 2000 m²) đã đem lại kết quả tốt.

Trong vòng 9 năm (1976 - 1984), diện tích rừng trồng tập trung với vốn của Nhà nước lên tới 22 000 ha, trong đó diện tích thành rừng là 6 000 ha. Năm 1982, tỉnh bắt đầu làm thử việc giao rừng và giao đất rừng cho xã và hợp tác xã, và đến năm 1984 đã giao được 86 000 ha. Việc kết hợp định canh

định cư với phát triển nghề rừng đã bước đầu được triển khai và thu được kết quả ở một số nơi thuộc Giảng, Trà my, Phước sơn. Nạn du canh đốt rừng làm rẫy bị hạn chế nhiều so với trước. Đi đôi với việc đẩy mạnh khai thác, vận chuyển, chế biến gỗ, củi, đáp ứng một phần nhu cầu sản xuất, xây dựng, đời sống, và khai thác một số lâm sản xuất khẩu như: quế, mây song, dược liệu v.v. góp phần đáng kể vào kim ngạch xuất khẩu, trong tỉnh đã dần dần hình thành một số *xí nghiệp liên hiệp lâm nghiệp*, kết hợp được các khâu trồng rừng, khai thác, vận chuyển và chế biến.

Nét nổi bật trong cải tạo và phát triển kinh tế ở Quảng nam - Đà nẵng là đảng bộ tỉnh đã có quan điểm đúng dân và kiến định về phát triển kinh tế tương đối toàn diện đi đôi với tích lũy từ nội bộ nền kinh tế để xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật, tạo điều kiện mở rộng sản xuất, trên cơ sở đó từng bước cải thiện đời sống nhân dân.

Những năm qua, tỉnh đã đầu tư hơn nửa tỷ đồng (kể cả vốn ngân sách địa phương và vốn vay đầu tư chiều sâu) để xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật, trong đó dành 80% cho các ngành sản xuất vật chất và 20% cho các ngành khác. Trong khi đó, nhờ hết lòng chăm lo đời sống nhân dân và có những chính sách hợp lý, sớm thực hiện phương châm « Nhà nước và nhân dân cùng làm » cho nên đã thu hút được trên 2 tỷ đồng của tập thể và nhân dân đóng góp vào công cuộc xây dựng lại quê hương, số tiền này nhiều gấp 5 lần số vốn của Nhà nước đầu tư. Chính nhờ có những yếu tố nói trên, đến nay tỉnh chúng tôi đã *xây dựng được những nền móng đầu tiên cho một lĩnh vực - nông nghiệp.*

Có đường lối phương hướng phát triển kinh tế đúng, lại phải có cơ chế quản lý kinh tế đúng.

V.I. Lê-nin đã từng nói: « Ngày nay, nhiệm vụ quản lý đã trở thành

nhiệm vụ chủ yếu và trung tâm?...
 « Chúng ta phải *hiểu* rằng muốn *quản lý* được tốt, mà chỉ biết thuyết phục, biết chiến thắng trong cuộc nội chiến mà thôi thì *chưa đủ*; còn cần phải biết *tổ chức về mặt thực tiễn* nữa. Đó là nhiệm vụ khó khăn nhất, vì vấn đề là phải tổ chức một cách mới mẻ những cơ sở sâu xa nhất, những cơ sở kinh tế của đời sống hàng chục và hàng chục triệu con người » (1). Và cũng theo V.I. Lê-nin thì cái bảo đảm cho sức sống và thắng lợi của chủ nghĩa xã hội chính là việc giai cấp vô sản đưa ra được và thực hiện được kiểu tổ chức xã hội về lao động cao hơn so với chủ nghĩa tư bản, và « xét đến cùng, thì năng suất lao động là cái quan trọng nhất, căn bản nhất cho thắng lợi của trật tự xã hội mới » (2). Kinh nghiệm thực tế của 10 năm xây dựng kinh tế ở tỉnh chúng tôi đã góp phần chứng minh lời nói trên đây của V.I. Lê-nin là hoàn toàn đúng đắn. Chúng tôi nhận thức sâu sắc rằng: một khi đã có đường lối phương hướng phát triển kinh tế đúng, thì phải biết *tổ chức quản lý*, có chính sách kinh tế và cơ chế quản lý kinh tế đúng đắn. Đảng ta đã đề ra cơ chế: *Đảng lãnh đạo, nhân dân làm chủ, Nhà nước quản lý*. Trong lĩnh vực kinh tế, cơ chế đó bảo đảm cho việc thực hiện quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động trong việc tổ chức và quản lý sản xuất và phân phối. Với ý nghĩa đó, cơ chế quản lý này bao gồm các quan hệ *lợi ích* mà Đảng ta cụ thể hóa thành quan điểm ba lợi ích kinh tế: *lợi ích toàn xã hội, lợi ích tập thể và lợi ích cá nhân người lao động*. Kết hợp đúng đắn ba lợi ích kinh tế đó là *nội dung kinh tế cơ bản* của mối quan hệ giữa Nhà nước và các tầng lớp nhân dân lao động, là *động lực* thúc đẩy nhân dân lao động phát huy mạnh mẽ quyền làm chủ tập thể trong công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội với năng suất lao động ngày càng cao.

Do đó, một cơ chế quản lý đúng phải thể hiện sự *kết hợp hài hòa* ba lợi ích kinh tế và bảo đảm sự thống nhất giữa ba lợi ích đó. Sự thống nhất giữa ba lợi ích kinh tế trên đây là *nội dung cơ bản* của mối quan hệ giữa Nhà nước và nhân dân lao động trong lĩnh vực kinh tế. Chính sự thống nhất ba lợi ích kinh tế đó là *cơ sở để tạo ra sức mạnh tổng hợp* trong công cuộc xây dựng kinh tế. Kinh nghiệm thực tế trong công tác quản lý kinh tế 10 năm qua ở tỉnh chúng tôi đã cho thấy phải tạo ra *tiền đề cho người lao động thực hiện quyền làm chủ về kinh tế, trước hết là xây dựng được một hệ thống hoàn chỉnh các quan hệ kinh tế phù hợp giữa Nhà nước và nhân dân lao động* trong các đơn vị sản xuất và kinh doanh. Tiêu chuẩn cao nhất đối với việc tạo ra tiền đề đó là *tính hiện thực của hệ thống các chính sách, biện pháp thúc đẩy sản xuất phát triển, bảo đảm kết hợp được ba loại lợi ích kinh tế*. Cơ chế quản lý kinh tế quan liêu bao cấp, một mặt, làm mất tính năng động của các cơ sở sản xuất, kìm hãm sáng kiến, tính chủ động sáng tạo của các cơ sở sản xuất, mặt khác thu hẹp mối quan hệ giữa cơ sở sản xuất và cơ quan quản lý Nhà nước.

Để quản lý kinh tế, tỉnh chúng tôi đã xây dựng một *hệ thống các chính sách và biện pháp đòn bẩy; những hình thức, bước đi trong chặng đường đầu tiên của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội*, đi đôi với xác lập cơ chế Đảng lãnh đạo, nhân dân làm chủ, Nhà nước quản lý. Trong cơ chế này, *chính quyền đã giữ vai trò và vị trí đặc biệt quan trọng*, từ việc tổ chức điều hành nền kinh tế bằng kế hoạch gắn liền với hạch toán kinh tế, đến việc thực hiện các chính sách đòn bẩy, với một tổ chức mạnh, một đội

(1) V.I. Lê-nin: *Tuyên tập*. Nxb Sự thật. Hà Nội, 1959, quyển II, phần I, tr. 401-402.

(2) V.I. Lê-nin: *Tuyên tập*. Nxb Sự thật. Hà Nội, 1968, tập 29, tr. 478.

ngũ cán bộ am hiểu kinh tế, nắm được thực tế ở địa phương. Trong cơ chế này, *tinh thần làm chủ tập thể của nhân dân lao động trở thành một động lực mạnh mẽ*. Điều đó thể hiện tập trung, điển hình ở công trường xây dựng công trình đại thủy nông Phú Ninh; ở đây, nhân dân lao động đất Quảng tuy bữa đói, bữa no và hằng ngày thường bị sự tuyên truyền xuyên tạc của bọn phản cách mạng, nhưng dưới sự lãnh đạo của tỉnh đảng bộ, họ đã đem hết sức mình lao động hăng say “sáng sớm cơm dùm, cơm gỏi đi làm thủy lợi, tối về làm ruộng cho mình”, không biết mệt mỏi, và do đó đã hoàn thành xuất sắc công trình đại thủy nông. Đây chính là *tinh thần lao động cộng sản chủ nghĩa* mà V.I. Lê-nin đã từng ca ngợi.

Bài học kinh nghiệm trong công tác quản lý kinh tế 10 năm qua mà tỉnh chúng tôi có thể rút ra là, tuy trình độ cán bộ quản lý còn non kém, tình hình các mặt cân đối vật chất còn thiếu thốn, nhưng nếu biết vận dụng đúng đắn cơ chế: *Đảng lãnh đạo, nhân dân làm chủ, Nhà nước quản lý*, thì có thể phát động được một phong trào quần chúng rộng rãi, tham gia tích cực công cuộc xây dựng kinh tế, và do đó có thể khắc phục được nhiều khó khăn tưởng chừng không vượt qua nổi để đi đến những thành tựu khả quan.

Quán triệt các nghị quyết của Trung ương, chúng tôi đã thực hiện nguyên tắc *tập trung dân chủ trong quản lý, lấy kế hoạch làm trung tâm, kết hợp với quan hệ thị trường và mở rộng liên kết kinh tế, kết hợp quản lý theo ngành với quản lý theo địa phương và vùng lãnh thổ*. Chúng tôi đã thực hiện việc xây dựng kế hoạch từ cơ sở, xuất phát từ nhu cầu của cơ sở, phát huy mọi khả năng của địa phương để xây dựng kế hoạch, và tổ chức chỉ đạo thực hiện kế hoạch thường cao hơn chỉ tiêu kế hoạch trên giao. Kết quả thực hiện

các kế hoạch ở tỉnh chúng tôi đã chứng minh *tính tích cực của kế hoạch và đặc biệt là tính quần chúng của kế hoạch*, chứng minh sức dân là *chỗ dựa chủ yếu của kế hoạch*. Chính sức người, sức của của nhân dân đã làm nên bao nhiều công trình, nhà máy như: xí nghiệp dệt Hòa khánh, 29-3, xí nghiệp nhựa, các công ty vận tải, các xí nghiệp chế biến hải sản, các trường học, bệnh xá, các bến xe, các cơ sở phúc lợi xã hội v.v. Nhiều cơ sở sản xuất chỉ được Nhà nước cấp 30 - 40% vốn và vật tư, thậm chí có cơ sở sản xuất không được Nhà nước cấp vốn mà vẫn giữ vững và đi lên.

Trong việc điều hành kế hoạch, chúng tôi *vừa bảo đảm tính pháp lệnh của kế hoạch, vừa phát huy tính năng động của cơ sở, tập trung dứt điểm những kế hoạch then chốt, vừa mạnh dạn phân cấp cho huyện và cơ sở, giúp huyện và cơ sở thực hiện tốt kế hoạch của mình*.

Việc *kế hoạch hóa gắn liền với hạch toán kinh tế ở tỉnh chúng tôi cũng đã được tiến hành một cách có hiệu quả*, có nhiều tiến bộ, tuy nhiên vẫn còn nhiều nhược điểm, khuyết điểm do cơ chế quan liêu bao cấp trong công tác quản lý hiện nay vẫn còn khá nặng.

Nét nổi bật trong công tác quản lý kinh tế ở Quảng nam - Đà Nẵng là *đảng bộ tỉnh đã áp dụng nhiều chính sách đòn bẩy để kích thích sản xuất phát triển, tạo công ăn việc làm và thu nhập cho một khối lượng lớn những người lao động ở thành phố và các thị xã, thị trấn, mở ra hướng kết hợp toàn diện lao động, đất đai, ngành nghề để phát triển kinh tế ở nông thôn*. Trong nông nghiệp có chủ trương *ai có công phục hóa ruộng đất lúc mới giải phóng thì được quyền sử dụng một số năm*. Thực chất của chủ trương này là xóa bỏ quyền chiếm hữu tư nhân về ruộng đất, động viên nông dân lao động nỗ

lực phục hóa khai hoang, đưa diện tích canh tác từ 57 000 ha sau giải phóng lên 120 000 ha năm 1977. Trong vận động đưa hợp tác hóa, tỉnh chúng tôi chủ trương không hóa giá trâu bò thịt, chỉ hóa giá trâu bò cày, công cụ lao động đưa hợp tác xã không tính thấp hơn 85% giá thị trường lúc bấy giờ. Chính nhờ có chủ trương này mà tránh được tình trạng nông dân bán chạy trâu bò, máy móc và nông cụ trước khi vào hợp tác xã (đàn trâu bò năm 1978, trước khi hợp tác hóa, có 120 000 con, năm 1983 đã có 164 000 con). Chính sách mua phân bằng thóc (mỗi tấn phân trả 35 đến 40 kg thóc), trợ cấp vật tư ban đầu (trợ cấp cho mỗi hợp tác xã nông nghiệp 10 mét khối gỗ, 10 tấn xi măng, 100 tấn vôi...) và bán máy kéo loại lớn cho hợp tác xã nông nghiệp đã tạo điều kiện cho hợp tác xã vững bước đi lên.

Trong các ngành công nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp, thương nghiệp..., chúng tôi áp dụng chính sách trả lương theo sản phẩm, lương doanh số, công nhận vốn và định mức lãi khác nhau đối với cổ đông trong xí nghiệp công tư hợp doanh; khuyến khích kinh doanh nhiều ngành nghề và áp dụng chính sách giảm bớt thuế ban đầu đối với hợp tác xã mua bán v.v. Đối với những người buôn bán nhỏ có tham gia cách mạng, Tỉnh ủy có chính sách đối xử thỏa đáng như nâng định mức trưng thu, trưng mua hàng của họ cao hơn định mức của trung ương. Để tránh tình trạng bao cấp trong thương nghiệp, tỉnh ủy đã chủ trương thực hiện *chính sách trả lương theo doanh số*. Người mẫu dịch viên được hưởng lương theo doanh số và mức lãi của doanh số thực hiện. Cùng với việc xây dựng và phát triển mẫu dịch quốc doanh, Tỉnh ủy chủ trương đẩy mạnh hoạt động của mạng lưới hợp tác xã mua bán. Duy hòa là lá cờ đầu của ngành hợp tác xã mua bán toàn quốc. Tỉnh ủy

đang phát động phong trào « Duy hòa hóa » trong toàn ngành thương nghiệp. Đồng thời bỏ những quy định bất hợp lý về việc cho hợp tác xã mua bán vay (theo nguyên tắc cho vay không quá số vốn hiện có của hợp tác xã mua bán) và quyết định từ đầu năm 1984 cho hợp tác xã mua bán vay theo yêu cầu kinh doanh.

Trong điều kiện nền kinh tế còn nhiều thành phần, cuộc đấu tranh giữa hai con đường xã hội chủ nghĩa và tư bản chủ nghĩa còn phức tạp, nhiệm vụ quản lý công tác phân phối, lưu thông hết sức khó khăn. Kinh nghiệm 10 năm qua đã cho chúng tôi thấy rõ: muốn quản lý tốt công tác này, Nhà nước phải nắm hàng, nắm tiền, quản lý chặt thị trường. Phải chỉ đạo mọi hoạt động của bốn khâu cơ bản của quá trình tái sản xuất xã hội, từ sản xuất đến phân phối, lưu thông, tiêu dùng, phải nắm sản phẩm của nền kinh tế trong toàn tỉnh, nắm đại bộ phận hàng nông sản, hàng công nghiệp, tiểu công nghiệp, thủ công nghiệp. Riêng về lương thực, phải từng bước nắm độc quyền. Trên cơ sở đó, chúng tôi đã vận dụng linh hoạt *việc kết hợp kế hoạch với thị trường, áp dụng hai hình thức kế hoạch: kế hoạch pháp lệnh và kế hoạch phấn đấu (có tính hướng dẫn) và dùng ba hình thức lưu thông: lưu thông thông qua thương nghiệp quốc doanh, qua hợp tác xã mua bán, qua trao đổi hàng hóa theo hợp đồng hai chiều giữa các đơn vị, các ngành và hợp tác kinh doanh với các ngành dịch vụ, với thương nghiệp tư nhân để nắm hàng, nắm tiền, không để cho thị trường tự do lũng đoạn giá cả bằng các hoạt động đầu cơ buôn lậu gây đảo lộn trật tự kinh tế, nhờ đó giảm được những khó khăn trong đời sống của nhân dân, hạn chế bớt gánh nặng « bao cấp » của Nhà nước.*

Tổ chức quản lý kinh tế là một nghệ thuật, là công việc mới mẻ,

phức tạp đối với chúng tôi. Vì vậy, đảng bộ chúng tôi đặt thành nền nếp là, mỗi khi chấp hành một chủ trương, chính sách lớn và mới của Trung ương Đảng và Chính phủ, hoặc áp dụng một kinh nghiệm tiên tiến của tỉnh, thành phố bạn, đều tổ chức làm thử và tổng kết kinh nghiệm thực tiễn trước khi mở rộng diện. Trong những năm qua, tỉnh đã tổ chức làm thử 7 hợp tác xã nông nghiệp, hợp tác xã nghề cá Điện dương, hợp tác xã mua bán Duy hòa, mô hình nông - lâm nghiệp kết hợp Bình dương v.v. Đặc biệt, mô hình Bình dương nổi bật lên như một dạng "mô hình kinh tế - xã hội cấp xã". Là một xã vùng cát ven biển huyện Thăng bình, toàn bộ mọi sinh và hai phần ba số dân đã bị hủy diệt trong chiến tranh, Bình dương đã vươn lên xây dựng hợp tác xã theo hướng thâm canh, tăng năng suất, kết hợp lao động với đất đai, biển cả, kết hợp trồng trọt với chăn nuôi, đánh bắt với chế biến hải sản, kết hợp kinh tế với quốc phòng... Bình dương đã phát động phong trào trồng cây gây rừng, làm thủy lợi, trồng cây lương thực, cây xuất khẩu, chăn nuôi tập thể và gia đình, làm tròn nghĩa vụ đối với Nhà nước. Bình dương đã tạo nên một rừng phi lao chắn gió, chắn cát ngót 9 triệu cây và trên 20 nghìn cây dừa, cây đào lộn hột - một nguồn lợi kinh tế quan trọng của địa phương. Sản lượng đánh bắt hải sản đạt mức trên 300 tấn/năm. Việc liên kết sản xuất nông - lâm - ngư nghiệp theo hướng coi trọng xuất khẩu đã mở ra một bước phát triển mới cho các ngành sản xuất kinh doanh của địa phương. Đến nay, nếu tính cả sản lượng lương thực trong khu vực kinh tế gia đình, Bình dương đã vượt mức bình quân 300 kg/đầu người/năm. Đây là một bài học kinh nghiệm về cung cách làm ăn mới rất sinh động và phong phú.

Hợp tác xã mua bán Duy hòa là một mô hình tốt về thương nghiệp.

Với tinh thần phục vụ sản xuất và phục vụ nhân dân cao, hợp tác xã mua bán Duy hòa đã làm thật tốt dịch vụ mua bán: bán tại chỗ, mua tại chỗ, nông dân bán gì cũng mua, mua gì cũng bán, bán bao nhiêu cũng mua, mua bao nhiêu cũng bán, bán lúc nào cũng được, mua lúc nào cũng được... thừa hoặc thiếu thì thanh toán bằng tiền mặt, mua chịu cũng bán, trả tiền trước lấy hàng sau cũng được, đưa hàng đến tận tay người tiêu dùng, bán những mặt hàng theo yêu cầu, sở thích của người mua. Đó là cung cách mua bán linh hoạt, phù hợp với chức năng nhiệm vụ của một tổ chức kinh tế tập thể của nông dân lao động, tạo nhiều điều kiện thuận lợi cho người tiêu dùng, nắm được hàng được tiền, quay vòng vốn nhanh, góp phần quản lý thị trường nông thôn, loại trừ các hiện tượng tiêu cực tranh mua, tranh bán, đầu cơ, tích trữ hàng hóa của tư thương, thu hút mọi xã viên nông dân tham gia hợp tác xã mua bán một cách dân chủ và tự nguyện. Phát huy những kinh nghiệm đầy sức thuyết phục của những điển hình tiên tiến nói trên, các phong trào cách mạng của quần chúng đã phát triển sâu rộng, nhanh chóng và vững chắc.

Nâng cao vai trò lãnh đạo của đảng bộ trong công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội.

Đề nghị quyết của Đảng thành hành động cách mạng của quần chúng, đảng bộ chúng tôi đặt lên hàng đầu nhiệm vụ không ngừng nâng cao vai trò lãnh đạo của đảng bộ trong mọi công tác cách mạng.

Phát huy truyền thống "bám dân, bám đất, bám cơ sở", "dựa vào dân, lấy dân làm gốc" trong hai cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ, đảng bộ đã đề ra phương châm hành động trong giai đoạn mới là "Do người lao động, vì người lao động". Xuất phát từ phương châm ấy, ngay từ những ngày đầu sau giải phóng, đảng bộ đã

phát động phong trào quần chúng xây dựng kinh tế, xây dựng đảng bộ. Nhờ đó, nhiều chủ trương chính sách của Trung ương Đảng và Chính phủ, nhiều nhiệm vụ, chính sách cụ thể của tỉnh, được đảng viên và quần chúng hăng hái thực hiện và mang lại hiệu quả rõ rệt.

Đảng bộ không ngừng *chăm lo đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao trình độ mọi mặt cho đội ngũ cán bộ*, để đáp ứng yêu cầu của nhiệm vụ. Đảng bộ yêu cầu cán bộ các cấp các ngành trong tỉnh phải có năng lực và phẩm chất cách mạng, phải liên hệ chặt chẽ với quần chúng, hiểu đúng tâm trạng của quần chúng, biết khơi dậy và lắng nghe tiếng nói trung thực của quần chúng, hiểu sâu sắc những lợi ích và nhu cầu chính đáng của quần chúng, để có chủ trương và hành động đúng đắn, kịp thời.

Những thành tích mà Quảng nam - Đà Nẵng đạt được trong 10 năm qua là biểu hiện sinh động phẩm chất chính trị, năng lực lãnh đạo, ý chí chiến đấu của đảng bộ đã được rèn luyện, thử thách trong chiến đấu trước đây cũng như trong lao động xây dựng ngày nay. Có được phẩm chất chính trị, năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu đó là do đảng bộ *độc biệt quan tâm chỉ đạo thực hiện các chỉ thị, nghị quyết của Trung ương Đảng về công tác xây dựng Đảng, bảo đảm sự lãnh đạo của Đảng thật sự là nhân tố quyết định mọi thắng lợi*. Đây là mối quan hệ nhân quả của việc kết hợp nhiệm vụ chính trị với công tác xây dựng Đảng.

Thời gian gần đây chúng tôi hướng mọi hoạt động của công tác xây dựng Đảng vào mục tiêu thực hiện thắng lợi nhiệm vụ chính trị do đại hội thứ 13 của đảng bộ tỉnh đề ra. Đi đôi với việc học tập chủ nghĩa Mác - Lênin để nắm quy luật, phương pháp cách mạng, chúng tôi chú ý chỉ đạo các cấp bộ Đảng đi sâu vào thực tiễn tháo gỡ những vướng mắc, đưa nền

kinh tế phát triển, giáo dục cán bộ, đảng viên phát huy vai trò tiên phong, gương mẫu lãnh đạo quần chúng thực hiện tốt các nhiệm vụ đã đề ra, đẩy lên phong trào hành động cách mạng sôi nổi, phục hồi khai hoang, làm thủy lợi, thâm canh, tăng vụ, phát triển công nghiệp, tiểu công nghiệp và thủ công nghiệp, làm hàng xuất khẩu, làm tròn nghĩa vụ quân sự, sẵn sàng chiến đấu, góp phần đánh bại mọi âm mưu, hành động xâm lược của kẻ thù.

Trên cơ sở làm tốt công tác chính trị, tư tưởng, chúng tôi dành nhiều công sức vào việc xây dựng Đảng về mặt tổ chức. Sau ngày giải phóng, cán bộ, đảng viên ít, chúng tôi đã biết sử dụng, *phát huy năng lực của cán bộ, đảng viên tại chỗ và những cán bộ tập kết ở miền Bắc về có trình độ, năng lực và kinh nghiệm công tác* để bảo đảm cho mọi hoạt động của cơ sở, của các ban, ngành được triển khai thuận lợi và có hiệu quả. Công tác phát triển Đảng và nâng cao chất lượng đảng viên được tiến hành khẩn trương tích cực. Do vậy chúng tôi đã xây dựng được tổ chức cơ sở Đảng ở hầu hết các cơ quan, đơn vị, địa phương (kể cả các nơi thuộc miền núi xa xôi, hẻo lánh trước đây không có đảng viên) làm hạt nhân lãnh đạo phong trào cách mạng của quần chúng, *trẻ hóa đội ngũ đảng viên, trẻ hóa các cấp ủy Đảng và tăng cường năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu, trình độ quản lý kinh tế, kỹ thuật của các cấp ủy Đảng, của bộ máy Nhà nước từ tỉnh đến cơ sở*. Chúng tôi đặc biệt quan tâm nâng cao sức chiến đấu, tinh năng động, sáng tạo của các tổ chức cơ sở Đảng, từng bước xác định chức trách và phương pháp hoạt động của các tổ chức cơ sở Đảng trong các ngành, các lĩnh vực hoạt động kinh tế, xã hội và sáng tạo, cấm dùng cốt cán lãnh đạo ở các cơ sở. Các đoàn thể quần chúng được củng cố, tăng cường thêm một bước.

(Xem tiếp trang 72)

Nhìn lại chặng đường mười năm cải tạo và phát triển sản xuất nông nghiệp của Hậu giang

LÊ PHƯỚC THỌ

Bí thư Tỉnh ủy Hậu giang

DÂN tộc ta, non sông đất nước ta bước sang trang sử mới sau chiến thắng vĩ đại mùa xuân 1975, đến nay đã tròn mười năm. Mười năm là đoạn đường ngắn ngủi so với lịch sử ngàn năm dựng nước và giữ nước oanh liệt của tổ tiên, nhưng đó cũng là khoảng thời gian đủ để chúng tôi có thể xem xét, đánh giá những thành tựu đã đạt được, khẳng định những ưu điểm và những bài học kinh nghiệm tốt trong mọi mặt hoạt động, nhằm củng cố niềm lạc quan cách mạng; đồng thời tự phê bình một cách nghiêm túc về những gì còn non yếu đề ra sức khắc phục, sửa chữa, đưa công cuộc cải tạo xã hội chủ nghĩa và xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Hậu giang tiếp tục tiến lên một cách vững vàng và thắng lợi, đóng góp xứng đáng hơn nữa vào sự nghiệp cách mạng chung của cả nước.

Sự phát triển của Hậu giang mười năm qua vừa là vấn đề lịch sử, vừa là vấn đề lô gích. Trong sự vận động và phát triển ấy có rất nhiều cái tốt và cả cái chưa tốt, có biết bao khó khăn khách quan và cũng lắm cái mình làm còn dở. Quả thật, 10 năm qua, ở Hậu giang xuất hiện nhiều cái mới chưa từng có trong lịch sử của nó, nhưng so với yêu cầu của nhiệm vụ xây dựng chủ nghĩa xã hội thì đó mới chỉ là những hoa quả đầu mùa.

Đại thắng mùa xuân 1975 chấm dứt vĩnh viễn ách nô dịch hàng trăm năm của kẻ thù trên đất nước ta. Được sự chỉ dẫn của Nghị quyết số 254 của Bộ chính trị, Nghị quyết số 24 của Trung ương, và từ năm 1976, dưới ánh sáng rực rỡ của Nghị quyết Đại hội thứ IV của Đảng, đảng bộ Hậu giang bắt tay ngay vào lãnh đạo sự nghiệp cải tạo xã hội chủ nghĩa và xây dựng chủ nghĩa xã hội — một sự nghiệp hoàn toàn mới mẻ, đầy khó khăn, phức tạp.

Đặc điểm khách quan bao trùm lên toàn bộ hoạt động kinh tế ở Hậu giang (cũng như cả nước) mười năm qua là đi lên chủ nghĩa xã hội từ một nền kinh tế mà sản xuất nhỏ là phổ biến, bỏ qua giai đoạn phát triển tự bản chủ nghĩa. Mặt khác, các vết thương chiến tranh, những hậu quả tai hại về chính trị và kinh tế, về tư tưởng và tâm lý, về văn hóa và lối sống mà chủ nghĩa thực dân mới của Mỹ để lại không thể một sớm một chiều khắc phục ngay được. Cho nên, thật hoàn toàn đúng đắn và sáng suốt khi Đại hội thứ IV của Đảng nhận định rằng, cuộc cách mạng mà chúng ta đang tiến hành là một quá trình cải biến cách mạng toàn diện, sâu sắc và triệt để, quá trình kết hợp cải tạo với xây dựng, xây dựng với cải tạo, mà xây dựng là chủ yếu, xây dựng từ gốc tới ngọn, từ cơ sở hạ tầng đến siêu

rúc thượng tầng, từ lực lượng sản xuất đến quan hệ sản xuất, từ đời sống vật chất đến đời sống văn hóa và tinh thần... Ra khỏi chiến tranh, đi ngay vào xây dựng trong hòa bình, thực hiện nhiệm vụ quản lý kinh tế - xã hội theo những quy luật kinh tế - xã hội chủ nghĩa, "thiết lập một mạng lưới các quan hệ tổ chức mới, một mạng lưới cực kỳ phức tạp và tinh tế, bao trùm sự sản xuất và phân phối một cách có kế hoạch các sản phẩm cần thiết cho đời sống của hàng chục triệu người..." (1) đối với số đông cán bộ, đảng viên của Hậu giang là điều hết sức mới mẻ, cho nên không tránh khỏi ngỡ ngàng, lúng túng. Đối với số đông nhân dân lao động trong tỉnh (ở Hậu giang chủ yếu là nông dân), xây dựng cho được ý thức giác ngộ về vai trò làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa, không phải là điều đơn giản.

Song, đảng bộ Hậu giang, chấp hành nghiêm chỉnh các nghị quyết, chỉ thị của Trung ương, đã đánh giá đúng những thuận lợi cơ bản - đó là tinh thần đồng tâm hiệp lực của cả đảng bộ, đặc biệt là từ sau khi hợp nhất tỉnh, là sự nhất trí cao về chính trị và tinh thần trong đảng bộ và nhân dân, là truyền thống yêu nước, lòng tin tưởng của nhân dân Hậu giang vào đường lối cách mạng xã hội chủ nghĩa của Đảng; đồng thời nhận rõ những khó khăn trước mắt và lâu dài. Trong bước ngoặt của cách mạng, đảng bộ chúng tôi biết tìm ra cái mất xích chủ yếu, những khâu then chốt, dốc toàn lực thực hiện những nhiệm vụ chính trị do Đảng đề ra.

Thành công bước đầu có ý nghĩa to lớn của đảng bộ chúng tôi là đã nhận thức và vận dụng đúng quy luật về sự phù hợp của quan hệ sản xuất với tính chất và trình độ của lực lượng sản xuất. Với tất cả sự khiêm tốn của mình, chúng tôi có thể tự hào báo cáo với Đảng và nhân dân cả nước: 10 năm qua, nhất là từ năm 1980 đến

nay, quan hệ sản xuất mới ở nông thôn và cả ở các thành phố, thị xã, thị trấn trong tỉnh đã từng bước được xác lập, cũng có một cách vững chắc: lực lượng sản xuất xã hội chủ nghĩa được tăng cường một cách đáng kể và có bước phát triển đáng mừng. Đã có lúc, do nhận thức chưa đúng, ở nơi này, nơi khác, nảy sinh tư tưởng nóng vội, gò ép nông dân đi vào tập đoàn sản xuất. Nhưng nhìn chung, đảng bộ Hậu giang, suốt mấy năm thực hiện nhiệm vụ cải tạo nông nghiệp, đã tránh được hai khuynh hướng sai lầm: *một là*, chỉ thấy chủ nghĩa xã hội ở khía cạnh chế độ sở hữu công cộng một cách đơn giản, chạy theo số lượng, xây dựng cho được càng nhiều tập đoàn sản xuất càng hay, bất kể sản xuất có phát triển hay không, đời sống nông dân lao động và sự giác ngộ xã hội chủ nghĩa của họ ra sao cũng mặc; *hai là*, khuynh hướng chạy theo cái gọi là phát triển sản xuất với bất kỳ hình thức nào. Cuộc sống ngày càng làm rõ những ai nhận thức như thế cũng chỉ dẫn đến con đường tự phát, vô chính phủ, nếu có đạt được kết quả nào đó thì cũng không có lợi gì cho sự nghiệp chung.

Thành công bước đầu của Hậu giang là trong thời kỳ thử nghiệm và lựa chọn, đã xác định và sử dụng đúng đắn các loại hình và bước đi quá độ sát hợp sau một thời gian mò mẫm không quá kéo dài. Đáng mừng là từ phong trào cách mạng của quần chúng ở Hậu giang đã xuất hiện hàng loạt kiểu cách đi lên phong phú. Đảng bộ chúng tôi kịp thời theo dõi và chăm sóc những mầm non ấy với đầy đủ ý thức trách nhiệm của mình. Qua thử thách của thời gian, không ít những cái già cỗi, những cái không phù hợp tự đào thải, đồng thời khá nhiều chồi xanh vươn lên với sức sống mãnh liệt

(1) V.I. Lê-nin: *Những nhiệm vụ trước mắt của chính quyền Xô viết*. Nxb Sự thật, Hà Nội, 1975, tr. 60.

ở khắp mọi nơi trong tỉnh. Một tổ đoàn kết từ văn công, đội công tiến lên tập đoàn 9, nay trở thành hợp tác xã nông nghiệp 19-5 ở xã Kế an huyện Kế sách, liên tiếp được mùa 12 vụ liền với năng suất hơn 10 tấn thóc/ha/năm. Một tập đoàn sản xuất ở thị trấn Long phú nay là hợp tác xã Khuân tang nêu gương về trình độ thâm canh, tăng vụ cho cả vùng đất nhiễm mặn. Nông trường Sông Hậu nổi lên với phương thức quản lý thích hợp, vận dụng đúng đắn cơ chế khoán sản phẩm, thực hiện có kết quả các mối quan hệ lợi ích và liên kết kinh tế, đã khai thác tốt tiềm năng về lao động, đất đai, tự khẳng định là một cơ sở kinh tế nông nghiệp quốc doanh làm ăn có lời, đáng để các nông trường khác trong tỉnh học tập v.v. Đến nay, vượt qua nhiều khó khăn, phức tạp, Hậu giang đã hoàn thành việc điều chỉnh ruộng đất, xây dựng hơn 5000 tập đoàn sản xuất và 26 hợp tác xã nông nghiệp, đạt 62,27% diện tích đất lúa. Nếu tính cả 5% diện tích của các nông trường quốc doanh thì thành phần kinh tế xã hội chủ nghĩa chiếm 67,27% diện tích đất trồng lúa của cả tỉnh. Sự thật, tuy chưa phải tất cả các đơn vị sản xuất tập thể đều đạt tiên tiến, nhưng nhìn chung, quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa tỏ rõ tính hơn hẳn so với lối sản xuất cá thể về nhịp độ phát triển kinh tế, nâng cao đời sống và đóng góp lương thực cho Nhà nước. Đó là kết quả đáng mừng, làm cho Hậu giang hoàn thành cơ bản nhiệm vụ cải tạo nông nghiệp vào cuối năm nay.

Đặt Hậu giang trong hoàn cảnh cụ thể vừa phải ra sức hàn gắn vết thương chiến tranh, vừa khôi phục, ổn định sản xuất, ổn định đời sống, mấy năm 1977 - 1978 lại bị lũ lụt lâu chưa từng có, nạn sâu rầy phá hoại sản xuất hết sức nặng nề, và trong khi việc cân đối vật tư nông nghiệp từ phía Nhà nước ngày càng giảm dần, thì những kết quả thu được trên mặt trận sản xuất

nông nghiệp, nhất là sản xuất lương thực, thể hiện sự nỗ lực vượt bậc của nhân dân và đảng bộ Hậu giang.

Cả ba chỉ tiêu diện tích, năng suất và sản lượng, trừ những năm có thiên tai lớn, đều được thực hiện một cách tích cực, nhịp nhàng. Năm 1976, sản lượng thóc của Hậu giang mới đạt hơn 80 vạn tấn, năm 1984 đã vọt lên 1,52 triệu tấn, trong 5 năm (1980 - 1984) nhịp điệu tăng bình quân hằng năm là 10%. Lần đầu tiên trong lịch sử phát triển sản xuất, Hậu giang đã đưa thu nhập bình quân về lương thực tính theo đầu người lên 616 ki lô gam, tạo tiền đề để cải thiện đời sống nhân dân, phát triển mạnh chăn nuôi và các ngành nghề khác, xây dựng cơ cấu kinh tế công - nông nghiệp trong tỉnh. Chiếm 6% diện tích gieo trồng của cả nước, Hậu giang hiện nay có sản lượng lương thực bằng 10% tổng sản lượng của cả nước.

Với tấm lòng vì cả nước, cùng cả nước, Hậu giang đóng góp ngày càng nhiều lương thực cho nhu cầu chung. Khối lượng lương thực huy động mỗi năm một tăng. Năm đầu tiên sau giải phóng, kể cả số thóc tịch thu của công ty mề cốc miền tây của bọn ngụy, mới chỉ 24 vạn tấn; năm 1984 con số đó đã lên tới 42 vạn tấn. Nhân dân Hậu giang rất phấn khởi vì tình nhà đang dần dần về khối lương lương thực tuyệt đối, chiếm 10% tổng mức huy động của cả nước.

Cách mạng về quan hệ sản xuất trong nông nghiệp Hậu giang đã và đang tạo điều kiện cho nhân dân lao động làm chủ về tư liệu sản xuất, về lao động, về phân phối và lưu thông. Trong các nhân tố thúc đẩy sản xuất phát triển, không nghi ngờ gì nữa, công cuộc cải tạo nông nghiệp đóng vai trò mở đường và là động lực to lớn.

Những thành tựu về sản xuất nông nghiệp, nhất là sản xuất lương thực ở Hậu giang giúp chúng tôi khẳng

định phương hướng, phương pháp và bước đi đã đề ra là phù hợp với chặng đường đầu tiên của thời kỳ quá độ, sát đúng với điều kiện cụ thể của Hậu giang; đó cũng là kết quả của việc áp dụng một cách tích cực và sâu rộng những tiến bộ kỹ thuật vào sản xuất nông nghiệp.

Sau mấy năm đầu tập trung lực lượng khai hoang, phục hóa, các năm sau tỉnh chúng tôi đi vào thâm canh, tăng vụ, mạnh dạn xây dựng và mở rộng vùng lúa cao sản ngay trong điều kiện vật tư nông nghiệp còn hạn chế. Năm 1979 bắt đầu làm thử, đến nay chúng tôi đã mở rộng vụ mùa ăn chắc trên 100 000 ha, ngoài ra dành một số diện tích làm lúa cao sản vụ đông xuân và vụ hè thu. Các cấp Đảng và chính quyền trong tỉnh quan tâm chỉ đạo chặt chẽ việc thực hiện đồng bộ các biện pháp kỹ thuật liên hoàn, từ khâu làm thủy lợi đến khâu làm đất và cải tạo mặt bằng, từ việc chọn lựa, phục hồi các giống lúa truyền thống của địa phương đến sử dụng đại trà các giống lúa mới phù hợp với các vùng sinh thái khác nhau, từ việc đổi mới cơ cấu mùa vụ từng vùng đến áp dụng các biện pháp phòng trừ sâu bệnh, bảo vệ cây trồng, con vật nuôi v.v.

Đề có sự phát triển liên tục sản xuất nông nghiệp của tỉnh trong mấy năm qua, ngoài nhân tố lãnh đạo, phải kể lên hàng đầu tinh thần làm chủ tập thể, lao động cần cù, lòng ham chuộng khoa học kỹ thuật của giai cấp nông dân tập thể Hậu giang. Và sẽ là thiếu sót lớn nếu không nói đến sự đóng góp to lớn của cán bộ và học sinh Trường đại học Cần thơ, Viện nghiên cứu cây lúa đồng bằng sông Cửu long trong việc phổ biến các giống lúa mới, đào tạo cán bộ khoa học, kỹ thuật cho tỉnh nhà và bồi dưỡng về nghiệp vụ cho mạng lưới kỹ thuật viên nông nghiệp nhiều mặt khắp các huyện, xã của Hậu giang.

Cùng với sự phát triển sản xuất lương thực, chủ yếu là cây lúa, ngành chăn nuôi heo, vịt, cá, gia cầm của tỉnh cũng có bước phát triển khá. Các loại cây công nghiệp ngắn ngày như mía, dừa, đậu, đậu và vườn cây ăn trái với tổng diện tích hơn 50 000 héc ta đang trở thành nguồn nguyên liệu quan trọng cung cấp cho công nghiệp địa phương và xuất khẩu của tỉnh. Việc tổ chức sản xuất các loại nguyên liệu nói trên đang được quy hoạch một cách cụ thể.

Nhân dân và đảng bộ Hậu giang cũng hết sức vui mừng trước sự phát triển của ngành thủy sản đang ngày càng được khẳng định là thế mạnh thứ hai về kinh tế của tỉnh. Nhân tố mới bắt đầu xuất hiện từ đoàn tàu đánh cá quốc doanh Côn đảo trước kia (khi còn thuộc tỉnh Hậu giang) đang được ngành thủy sản Hậu giang phát huy mạnh mẽ trên các mặt hoạt động của ngành từ khai thác, đánh bắt, nuôi trồng, đến thu mua, chế biến, xuất khẩu. Năm 1984, Hậu giang khai thác tôm, cá gấp 5 lần, nuôi trồng gấp 5,7 lần (về diện tích) so với năm 1980. Nhờ áp dụng cơ chế khoán sản phẩm và thực hiện phân cấp quản lý phù hợp giữa tỉnh với huyện, ngành thủy sản Hậu giang liên tục hoàn thành chỉ tiêu kế hoạch, từ chỗ làm ăn thua lỗ, mấy năm nay đã tự cân đối được trong nội bộ ngành và góp phần cân đối chung trong tỉnh. Các mặt hàng thủy sản giữ vị trí trọng yếu nhất trong kim ngạch xuất khẩu của tỉnh chúng tôi, và đang đứng trước triển vọng rất sáng sủa.

Sự phát triển sản xuất nông nghiệp 10 năm qua của Hậu giang có mối quan hệ hữu cơ với sự phát triển công nghiệp ở địa phương. Đương nhiên, so với tiềm năng to lớn về kinh tế của tỉnh, một tỉnh nằm ở vị trí trung tâm khu vực đồng bằng miền Tây Nam bộ, sự phát triển các ngành công nghiệp trong tỉnh, nhất là công nghiệp

phục vụ sản xuất nông nghiệp, chế biến nông sản thực phẩm và sản xuất hàng tiêu dùng chưa tương xứng, song nhìn chung đã có tiến bộ. Nếu năm 1976, giá trị sản lượng công nghiệp chỉ chiếm 7% giá trị tổng sản lượng nông - công nghiệp thì đến năm 1984 đã chiếm tới 33,53%. Công nghiệp quốc doanh mới chiếm 18,3% giá trị sản lượng công nghiệp chung, tuy đã tiến bộ hơn nhiều so với trước, nhưng vẫn còn chậm.

Một kết quả quan trọng nữa là, chấp hành các nghị quyết, chỉ thị của Trung ương, Hậu giang đã tiến hành cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với công thương nghiệp tư bản tư doanh, xóa bỏ giai cấp tư sản mại bản, loại trừ bọn gian thương lớn, đưa một bộ phận tiểu thương sang sản xuất; đồng thời ra sức xây dựng lực lượng thương nghiệp xã hội chủ nghĩa rộng khắp. Năm chắc quan điểm, đường lối, chủ trương của Đảng và Nhà nước, Hậu giang không thụ động ngồi chờ sẵn một nền thương nghiệp xã hội chủ nghĩa lớn mạnh, mà tích cực tổ chức lực lượng đấu tranh quyết liệt với thị trường tự do và bằng cách đó, thị trường có tổ chức của tỉnh ngày càng lớn mạnh. Đến nay đã chiếm 41,33% tổng mức bán lẻ, chi phối 50 - 60% tổng mức bán buôn.

Mấy năm qua, Hậu giang nhận thức rõ hơn về vấn đề liên kết kinh tế, và đã thực hiện liên kết kinh tế đúng hướng nhằm trúng mục tiêu là phát triển sản xuất, giải quyết việc làm, tạo ra nhiều của cải vật chất cho xã hội, cải thiện đời sống nhân dân. Nghị quyết Hội nghị thứ 6 của Trung ương Đảng (khóa IV) là một cái mốc quan trọng trên con đường xóa bỏ cơ chế quản lý hành chính, quan liêu bao cấp. Nghị quyết giúp chúng tôi tự khẳng định những việc Hậu giang đã làm và vững tâm triển khai công việc theo hướng đó. Việc

thực hiện phương thức quản lý như ở đoàn tàu đánh cá Côn đảo, nông trường Sông Hậu, ngành thủy sản, việc mở rộng vùng lúa cao sản, công tác phân phối lưu thông ở Hậu giang mấy năm qua thể hiện tinh thần dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm của đảng bộ Hậu giang.

Đi liền theo sự phát triển sản xuất, chúng tôi hết sức quan tâm chăm lo các mặt đời sống, từ ăn, mặc, ở, học hành, đi lại, trị bệnh, từ đời sống vật chất đến đời sống tinh cảm, tinh thần của nhân dân, nhất là ở vùng nông thôn. Thực hiện phương châm "Nhà nước và nhân dân cùng làm", Hậu giang đã tạo được nhiều chuyển biến trên các lĩnh vực y tế, giáo dục, văn hóa, thể dục thể thao, đã làm cho bộ mặt nông thôn Hậu giang có nhiều đổi mới. Tất nhiên còn phải làm nhiều hơn nữa mới đáp ứng được yêu cầu và nguyện vọng của nhân dân.

Năm 1977, Hậu giang đã căn bản xóa xong nạn không biết chữ. Số học sinh phổ thông không ngừng tăng lên, số cán bộ được đào tạo, bồi dưỡng về chính trị, nghiệp vụ, quản lý kinh tế ngày càng nhiều. Mạng lưới giao thông thủy bộ, nhất là giao thông nông thôn đã được mở rộng, nối liền các ấp, xã trong tỉnh, tạo điều kiện mở rộng giao lưu kinh tế, văn hóa và xây dựng nếp sống văn minh.

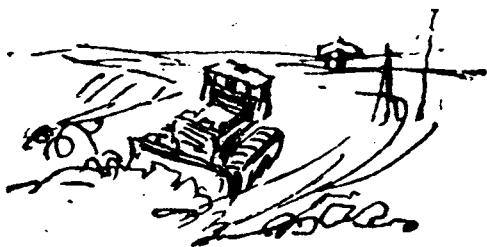
Những thành tựu trên mặt trận cải tạo và phát triển sản xuất nông nghiệp cũng như sự đổi mới bộ mặt đời sống xã hội ở Hậu giang 10 năm qua là kết quả tổng hợp của việc đảng bộ chúng tôi nắm vững chuyên chính vô sản, phát huy quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động, phát huy tinh năng động, sáng tạo, tinh thần tự lực tự cường, vận dụng đường lối chủ trương của Đảng sát hợp với đặc điểm tình hình địa phương, đề khai thác tiềm năng sẵn có, thực hiện nhiệm vụ đã đề ra. Công cuộc cải tạo

và xây dựng kinh tế - xã hội gắn liền với việc giữ vững an ninh quốc phòng, nâng cao cảnh giác, sẵn sàng đánh thắng kiểu chiến tranh phá hoại nhiều mặt của kẻ thù, phục vụ và bảo vệ sự nghiệp lao động sáng tạo và cuộc sống yên vui, hạnh phúc của nhân dân. Đó là kết quả của việc kiên trì xây dựng đảng bộ vững mạnh, về chính trị, tư tưởng và tổ chức, là biểu hiện sự trưởng thành của đội ngũ cán bộ, đảng viên, nhất là ở cơ sở về lập trường giai cấp, về trình độ lý luận và tổ chức thực tiễn, về quản lý kinh tế, xã hội, biểu hiện sự giác ngộ xã hội chủ nghĩa của nhân dân Hậu giang.

Đương nhiên, trên bước đường trưởng thành, Hậu giang không tránh khỏi những sai sót, vấp vấp do sự non yếu về trình độ và năng lực quản lý kinh tế - xã hội.

Bước sang năm 1985, chấp hành Nghị quyết Đại hội thứ V của Đảng, nghị quyết các hội nghị của Trung ương Đảng, quán triệt sâu sắc hơn nữa

hai nhiệm vụ chiến lược của cả nước. Hậu giang ra sức phát huy sức mạnh tổng hợp của chuyên chính vô sản cùng những ưu điểm, thành tích đã đạt được trong chặng đường gian khổ đã qua, khắc phục những mặt thiếu sót, yếu kém, nêu cao nhiệt tình cách mạng, khơi dậy mọi tài năng sáng tạo của cả đảng bộ và nhân dân Hậu giang tiếp tục phấn đấu thực hiện tốt chương trình 5 mục tiêu do Tỉnh ủy đề ra, đồng thời đẩy mạnh xây dựng huyện và tăng cường cấp huyện, ra sức cải tiến quản lý kinh tế, nhằm đạt được nhiều thành tích hơn nữa trong công cuộc cải tạo xã hội chủ nghĩa và xây dựng chủ nghĩa xã hội trên lĩnh vực của cuộc sống ở tỉnh nhà, góp phần to lớn hơn nữa vào sự nghiệp cách mạng xã hội chủ nghĩa của cả nước, đề chào mừng Đảng ta tròn 55 tuổi, nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt nam tròn 40 năm và kỷ niệm lần thứ 10 ngày đánh thắng hoàn toàn đế quốc Mỹ, giải phóng miền Nam, thống nhất nước nhà.



Nông nghiệp Tiền giang 10 năm sau giải phóng

HUYỀN VĂN NIÊM

Phó bí thư Tỉnh ủy Tiền giang

TRONG 30 năm chiến tranh, bọn đế quốc xâm lược, đặc biệt là đế quốc Mỹ, đã phá hoại nghiêm trọng nền nông nghiệp của cả miền Nam nước ta. Ở Tiền giang, nơi trọng điểm binh định của địch, màu xanh thật sự bị địch xem là kẻ thù. Trong giai đoạn chiến tranh khai âm mưu binh định, đế quốc Mỹ và tay sai đưa ra cái gọi là chương trình 3 năm xuất khẩu gạo (tức là từ chỗ phải nhập gạo chuyển lên sản xuất có dư gạo để xuất khẩu) và thực hiện chính sách "hữu sản hóa" nông dân: ở một vài vùng bị chiếm, địch cho vay vốn, phổ biến kỹ thuật mới để tăng vụ, tăng năng suất nhằm lừa mỵ nhân dân và tuyên truyền cho chủ nghĩa thực dân của chúng. Trong lúc đó chúng ra sức đánh phá các vùng nông thôn rộng lớn ở miền Nam.

Ba mươi năm chiến tranh là ba mươi năm nhân dân Tiền giang đấu tranh quyết liệt với địch, kiên trì bám ruộng vườn chiến đấu và sản xuất. Bằng ba mặt đấu tranh, họ đã buộc địch phải chấp nhận cho nhân dân (chủ yếu là phụ nữ và thiếu nhi) làm lụng trên đồng ruộng của mình. Nhiều lúc trong các vùng chiến sự đang diễn ra, ban ngày cả nhân dân và bộ đội tham gia chiến đấu và phục vụ chiến đấu, còn ban đêm thì lo cây cấy hoặc gặt hái cho kịp thời vụ. Cơ quan và đơn vị bộ đội đi đến đâu đều khuyến khích nhân dân trồng tía và tự mình sản xuất để đỡ gánh nặng cho nhân

dân. Vì vậy trong những năm tháng ấy, ở các vùng tranh chấp và vùng giải phóng mà người ta tưởng như không thể có sự sống, thì bộ đội và nhân dân đều dựa vào nguồn lương thực tại chỗ để sống và chiến đấu.

Sau khi miền Nam được hoàn toàn giải phóng, nền nông nghiệp của tỉnh chúng tôi đứng trước tình trạng đình đốn và hết sức khó khăn. Một phần tư diện tích trồng lúa trong tỉnh bị bỏ hóa nhiều năm, liều hết vườn tược cây trái bị triệt hạ, các kênh rạch bị bồi lấp phần lớn, đường sá đi vào thôn xóm bị phá nát toàn bộ, khắp nơi nhan nhản những hố bom, những bãi mìn. Điều đáng chú ý là trong khi nhiều nơi trên thế giới cuộc cách mạng xanh đang tạo ra những bước phát triển mạnh mẽ về nông nghiệp thì trên đất Tiền giang, chỉ có hơn 30 000 ha mới bắt đầu làm một năm hai vụ với giống lúa ngắn ngày, với những biện pháp thâm canh đạt năng suất cao, còn đại bộ phận (80 000 ha) vẫn làm mỗi năm một vụ với giống lúa địa phương dài ngày, với lối canh tác mà ông cha ta đã áp dụng từ hàng trăm năm trước, năng suất không năm nào đạt được bình quân 2 tấn/ha.

Mười năm đã qua sau ngày giải phóng, nền nông nghiệp tỉnh Tiền giang đã có bước thay đổi rất to lớn. Đến năm 1984, diện tích gieo trồng đạt 205 000 ha (vòng quay: 1,86), tăng 85 000 ha so với năm 1975, sản lượng đạt gần 800 000 tấn, tăng gấp đôi so

với năm 1976 (390 000 tấn), năng suất đạt bình quân 7,27 tấn/ha/năm, tăng 4,02 tấn/ha so với năm 1976; cơ cấu cây trồng phong phú hơn trước chiến tranh. Hiện nay ngoài lúa, Tiền giang có thêm nhiều loại rau màu, đậu, phần lớn dư dùng trong địa phương. Những vườn cây ăn quả trong tỉnh đã được sửa sang và trồng mới, cây công nghiệp: dừa, mía, đào lộn hột, cùi, bàng... đang có xu thế phát triển. Trong vài ba năm trở lại đây, tỉnh đã đẩy mạnh việc trồng rừng (tràm, đước, dừa nước, so đũa, bạch đàn, sao...). Đàn heo, đàn vịt và các loại gia súc, gia cầm khác của tỉnh hầu như bị diệt trong thời chiến tranh, nay đã phát triển khá: năm 1984 đàn heo đạt 200 000 con (không kể heo sữa), đàn vịt: 2 triệu con. Hơn 30 000 ha đất chưa mặn bị bỏ hoang lâu năm nay đã được phục hồi hóa từng bước: trên vùng đất này tỉnh đã xây dựng 9 nông trường và các nông trường đó đã làm ra sản phẩm 3-4 năm nay.

Nền nông nghiệp của tỉnh chúng tôi nói chung đang trên đà phát triển và đi vào thâm canh, chuyên canh một cách vững chắc. Việc cải tạo nông nghiệp đã cơ bản hoàn thành, đưa 87 phần trăm hộ nông dân vào làm ăn tập thể dưới hình thức tập đoàn sản xuất và hợp tác xã. Hiện nay toàn tỉnh có 9 nông trường quốc doanh, 67 hợp tác xã và 2 000 tập đoàn sản xuất.

Các cơ sở vật chất kỹ thuật được phục hồi và xây dựng mới từ sau ngày giải phóng đã và đang phục vụ đắc lực cho sản xuất nông nghiệp trong tỉnh. Mười năm qua, toàn tỉnh đã cơ bản hoàn thành việc nạo vét hệ thống kênh rạch cũ, và đào thêm 1274 con kênh mới, xây dựng được 11 trạm bơm điện lớn, vừa và nhỏ, 413 cống, đập. Việc làm thủy lợi nội đồng được kết hợp chặt chẽ với việc san bằng mặt ruộng và đắp bờ vùng, bờ thửa.

Việc tưới tiêu cho 2 vụ lúa, 1 vụ màu hoặc 3 vụ lúa ở 3 huyện phía tây và thành phố Mỹ Tho đã được giải quyết một bước. Ở 3 huyện phía đông, bước đầu đã xây dựng được hệ thống thủy lợi phục vụ cho làm 2 vụ lúa hoặc 1 vụ lúa ăn chắc. Ở đây cũng còn nhiều việc phải làm để giải quyết cơ bản vấn đề nước.

Tỉnh đã chú ý phát triển lực lượng cơ giới. Đội máy kéo của tỉnh và các trạm máy kéo của huyện, hằng năm bảo đảm được 35 - 40 phần trăm diện tích cây, cối; số máy bơm nhỏ có trước giải phóng được bảo tồn, hằng năm được bổ sung thêm máy mới; máy tuốt lúa được sử dụng rộng rãi; máy phun thuốc diệt sâu rầy không ngừng tăng lên. Từ thủ công tiến lên cơ giới, tỉnh vẫn coi trọng việc phát triển đàn trâu, bò cày kéo, coi trọng việc cải tiến các công cụ thủ công dùng trong việc đưa nước lên ruộng, thu hoạch và vận chuyển lúa.

Hệ thống bảo vệ thực vật, công tác chống lũ lụt của Tiền giang có một bước phát triển đáng kể. Ngày nay, với giống mới kháng được rầy, sâu, với mạng lưới bảo vệ thực vật từ tỉnh đến huyện và cơ sở, với phương tiện vật tư kỹ thuật hiện có, với những hợp đồng bảo vệ thực vật giữa cơ quan bảo vệ thực vật và các đơn vị sản xuất, việc phòng trừ sâu bệnh trong tỉnh được tiến hành kịp thời và có hiệu quả, cho nên đã hạn chế được thiệt hại ngay cả ở những thời điểm sâu bệnh phát triển mạnh.

Thắng lợi đáng chú ý nhất trong sản xuất lương thực mấy năm gần đây của tỉnh chúng tôi là việc sử dụng giống lúa mới ngắn ngày, kháng được rầy, sâu và cho năng suất cao ngày càng được mở rộng. Ở những vùng phía bắc kênh Nguyễn Văn Tiếp, mùa nắng đất khô nẻ, mùa mưa nước ngập đến 1 mét, và vùng gần biển nhiễm nước mặn, chỉ sử dụng nước mưa, là những vùng mà trước đây

người ta cho là không thể trồng lúa 'lùn' ngắn ngày, thì ngày nay, sau khi cải tạo và kiến thiết đồng ruộng, áp dụng những phương pháp trồng trọt phù hợp, đã trở thành vùng lúa cao sản, thành vựa lúa lớn nhất của tỉnh.

Hơn 5 năm qua, việc huy động nông sản thực phẩm cho Nhà nước mỗi năm một tăng. So với năm 1976, năm 1984 số lương thực của tỉnh huy động được tăng gần gấp 4 lần (231 000 tấn so với 59 000 tấn), số heo tăng gấp 40 lần (8000 tấn so với 200 tấn), đường kính từ chỗ không có, nay huy động được 4361 tấn.

Qua 10 năm xây dựng cuộc sống mới, nhân dân Tiền giang (đa số là nông dân), đã có đời sống tương đối ổn định. Việc ăn ở, đi lại, học hành, chữa bệnh của nhân dân nông thôn, tuy còn khó khăn nhưng đã có nhiều tiến bộ. Với phương châm « Nhà nước và nhân dân cùng làm » các địa phương trong tỉnh đã từng bước xây dựng nông thôn mới đạt được thành tích to lớn. Từ một ít cơ sở nhỏ hẹp của địch để lại trong vùng tạm bị chiếm trước đây, đến nay mỗi xã đều xây dựng được trụ sở, trạm y tế, nhà hộ sinh, trường học cấp II, hệ thống đường giao thông trong xã. Một số xã đã xây dựng được nhà hát, cửa hàng hợp tác xã mua bán. Phần lớn các xã có đường xe ô tô vào tận xã. Các hoạt động văn hóa văn nghệ, thể thao đang được đẩy mạnh. Hiện nay ở các xã tuy còn có sự chênh lệch về mặt này mặt khác, nhưng nói chung cuộc sống ở tất cả các xã trong tỉnh đã có nhiều biến đổi đáng phấn khởi. Qua 10 năm, ở cấp huyện, những cơ sở vật chất kỹ thuật đáng kể đã được xây dựng như hệ thống trạm trại phục vụ sản xuất nông nghiệp, các cơ sở công nghiệp chế biến nông sản thực phẩm, các lực lượng vận tải công cộng và những công trình văn hóa, xã hội... Những cái vốn ban đầu đó đã giúp

cho huyện chủ động tổ chức quản lý điều hành các mặt kinh tế, văn hóa, xã hội, an ninh quốc phòng trên địa bàn huyện. Ở cấp xã, xã nào cũng có vốn để xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật và những công trình phúc lợi công cộng. Ở mỗi hợp tác xã và tập đoàn sản xuất đều có vốn tích lũy.

Những thành tựu bước đầu nói trên của tỉnh chúng tôi đã chứng minh những điều sau đây:

Một là, Tiền giang từ đầu đã xác định rõ thế mạnh của địa phương là phát triển nông nghiệp toàn diện, trước hết là lương thực, đề ra cho mình nhiệm vụ tập trung phát triển nông nghiệp, lấy nông nghiệp làm cơ sở để phát triển công nghiệp, từng bước xây dựng cơ cấu công - nông nghiệp. Với tất cả nhiệt tình và sự hiểu biết của mình, ngay sau khi miền Nam được giải phóng, tỉnh ủy đã động viên toàn đảng bộ, toàn dân trong tỉnh dồn toàn lực cho mặt trận sản xuất lương thực. Mười năm qua là một quá trình cố gắng liên tục của các cấp, các ngành nhằm xóa bỏ hậu quả của chiến tranh. Thắng lợi trên mặt trận nông nghiệp vừa qua trước hết là thắng lợi của ý chí và hành động cách mạng sôi nổi, kiên trì, sáng tạo của nhân dân trong tỉnh chúng tôi.

Hai là, việc tiến hành đồng thời ba cuộc cách mạng phù hợp với đặc điểm của địa phương có ý nghĩa rất quan trọng. Thắng lợi mà tỉnh chúng tôi đã đạt được cũng là thắng lợi của cuộc cách mạng khoa học kỹ thuật trong phạm vi Tiền giang. Đó là việc đổi mới các quy trình kỹ thuật, đưa các tiến bộ khoa học - kỹ thuật vào sản xuất, không ngừng tăng cường các phương tiện kỹ thuật. Tiền giang đã tiến hành quy hoạch và xây dựng phương án kinh tế kỹ thuật cho toàn tỉnh, cho từng huyện, từng tiểu vùng, từng ngành: thủy lợi, giao thông, điện lực. Các phương án đó gần đây được

bổ sung, điều chỉnh và trở thành mục tiêu của các kế hoạch dài hạn và hằng năm. Gần đây việc cải tiến kỹ thuật được phát triển thành chương trình thâm canh lúa với năng suất cao, từng bước hình thành tổ chức chọn và nhân các giống lúa, giống heo, giống dừa..., nghiên cứu và khai thác có kết quả vùng đất hoang, đất phèn, mặn. Sự phát triển của nông nghiệp Tiền giang ngày nay đang đòi hỏi các cán bộ khoa học, kỹ thuật không ngừng có những cống hiến mới.

Công cuộc hợp tác hóa nông nghiệp ở Tiền giang những năm qua có tác động to lớn đối với quá trình phát triển nông nghiệp của tỉnh. Nhưng trong quá trình đó, Tiền giang đã trải qua những bước thăng trầm đầy khó khăn. Lúc đầu vì nóng vội đã đưa nông dân đi vào làm ăn tập thể trong khi họ chưa thông suốt, nên họ tỏ ra liêu cực và bất mãn, kết quả là sản xuất bị đình đốn, mùa vụ thất bát, ruộng đất bị bỏ hoang. Đến khi thực hiện đúng các nguyên tắc hợp tác hóa, kiên trì tiến hành những bước đi từ thấp đến cao, cộng với áp dụng phương thức khoán sản phẩm đến nhóm và người lao động, chúng tôi đã tạo được cao trào cách mạng trong toàn tỉnh. Với cái nền rộng khắp tổ đoàn kết sản xuất và một số tập đoàn sản xuất, hợp tác xã đã được tổ chức thử, trong khoảng hai năm (1982—1984) chúng tôi đã đưa 87 phần trăm diện tích vấ hộ nông dân làm lúa vào làm ăn tập thể, cơ bản hoàn thành hợp tác hóa chủ yếu với hình thức tập đoàn sản xuất. Hiện nay, toàn tỉnh đang thực hiện kế hoạch nâng cao chất lượng tập đoàn sản xuất và từng bước hợp nhất các tập đoàn sản xuất để thành lập hợp tác xã, đồng thời tiến hành những biện pháp phù hợp để cải tạo vườn cây ăn trái và diện tích trồng cây công nghiệp. Đi đôi với phong trào hợp tác hóa, tỉnh chúng tôi ra sức kiện toàn và đẩy mạnh hoạt động của các nông trường quốc doanh và hệ

thống các trạm trại, xí nghiệp phục vụ sản xuất nông nghiệp. Trong cao trào hợp tác hóa, năng suất và sản lượng lúa trong toàn tỉnh đã tăng lên khá nhanh, nhờ đó sự chênh lệch về trình độ thâm canh giữa các cánh đồng, các vùng được xóa bỏ dần.

Kết quả của công cuộc cải tạo quan hệ sản xuất và áp dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất vừa qua cũng là kết quả của cuộc cách mạng về tư tưởng và văn hóa. Đó là quá trình giáo dục về chủ nghĩa xã hội, nâng cao kiến thức khoa học kỹ thuật, tổ chức quản lý kinh tế xã hội chủ nghĩa, đấu tranh với các hiện tượng tự phát, các phương pháp canh tác bảo thủ trì trệ, các kiểu cách làm ăn cũ kỹ hoặc không có hiệu quả. Vì vậy, qua thời gian cải tạo và phát triển nông nghiệp, trong quần chúng có được sự nhất trí về tư tưởng và tinh thần hơn trước, và đó cũng là cơ sở nảy sinh nhiều sáng tạo trong tổ chức sản xuất và cải tiến kỹ thuật của nền nông nghiệp Tiền giang.

Ba là, việc chăm lo đời sống vật chất và tinh thần cho nhân dân mà đại bộ phận là nông dân. Trong hai cuộc chiến tranh chống Pháp và chống Mỹ, nông dân Tiền giang đã tích cực tham gia kháng chiến và đã có sự hy sinh to lớn. Sau giải phóng, đảng bộ Tiền giang xác định đề tiếp tục động viên nông dân tiến hành cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa, phải nhanh chóng ổn định và không ngừng cải thiện đời sống cho họ. Mọi nỗ lực của tỉnh trước hết tập trung vào việc chăm lo phát triển sản xuất nông nghiệp, ổn định đời sống cho các gia đình nông dân, tăng mức đóng góp cho Nhà nước, xây dựng xóm, làng. Nhờ có sự quan tâm chăm sóc đó, cuộc sống của bà con nông dân, trong đó có các gia đình liệt sĩ, gia đình có công với cách mạng... ngày càng tốt hơn. Điều đó đã làm cho nông dân ngày càng gắn bó hơn với chế độ mới.

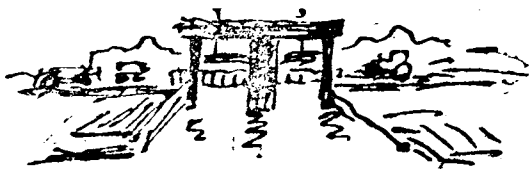
hàng hải sản xuất, đưa nông nghiệp tiến lên không ngừng.

Nói chung nông nghiệp Tiền giang qua gần 10 năm xây dựng đã có bước tiến vượt bậc và đang trên đà tiến lên. Tuy nhiên, hiện nay nó vẫn còn là sản xuất nhỏ, cần tiếp tục được tổ chức lại để từng bước đi lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa. Trước mắt, Tiền giang còn phải có những cố gắng to lớn để thực hiện thâm canh đồng đều trên các vùng, chú ý 3 huyện đất bị nhiễm mặn, phấn đấu cả tỉnh đạt 1 triệu tấn lương thực/năm. Chúng tôi cần phải quan tâm nhiều hơn nữa đến việc cải tiến công cụ sản xuất để lao động bớt nặng nhọc, thực hiện dần dần việc cơ giới hóa nông nghiệp, đồng thời tăng cường hoạt động của các trạm trại quốc doanh, đặc biệt là trại giống, trạm bảo vệ thực vật, bảo đảm cho lúa và các cây khác phát triển tốt. Để khắc phục nhược điểm hiện nay của Tiền giang là nông nghiệp phát triển chưa toàn diện, chúng tôi cần phải nhanh chóng mở rộng các loại cây trồng, đẩy mạnh chăn nuôi, đồng thời hình thành các vùng chuyên canh có khối lượng sản phẩm lớn và chất lượng cao để có nhiều nguyên liệu cho

công nghiệp và sản phẩm hàng hóa cho xuất khẩu.

Chúng tôi sẽ chú trọng hoàn thiện quan hệ sản xuất mới ở nông thôn, đưa từng bước vững chắc các tập đoàn sản xuất lên hợp tác xã, hoàn thành cải tạo vườn cây ăn trái và đất trồng cây công nghiệp, kết hợp chặt với cải tạo công thương nghiệp, tạo ra một sự phân bố lao động mới hợp lý và có hiệu quả cao hơn, xây dựng nông thôn xã hội chủ nghĩa ngày càng tốt hơn. Những năm sắp tới, Tiền giang vẫn còn phải tiếp tục chăm lo tổ chức lại sản xuất, xây dựng nông thôn trên địa bàn xã, đồng thời ra sức xây dựng cơ cấu nông - công nghiệp trên địa bàn huyện và tăng cường cấp huyện,

Trên đây là quyết tâm lớn của đảng bộ và nhân dân Tiền giang. Để đạt được mục tiêu đã đề ra trên mặt trận nông nghiệp, đảng bộ tỉnh chúng tôi tiếp tục động viên phong trào cách mạng mạnh mẽ của giai cấp nông dân tập thể, tiếp tục đào tạo và động viên đội ngũ trí thức cống hiến thiết thực và toàn diện hơn nữa trên lĩnh vực sản xuất nông nghiệp và thắt chặt hơn nữa liên minh công - nông.



Ba văn kiện quý được xuất bản nhân kỷ niệm ngày miền Nam hoàn toàn giải phóng

PHẠM THÀNH

NGÀY 30 tháng 4 năm 1975, chính quyền ngụy đầu hàng, Sài Gòn hoàn toàn giải phóng, miền Nam hoàn toàn giải phóng. Tin vui ấy nhanh chóng lan đi khắp đất nước ta và toàn thế giới. Nhân dân ta từ Bắc chí Nam vui mừng, phấn khởi lạ thường. Bận bè ta khắp năm châu chia sẻ niềm vui với chúng ta, lòng đầy kinh ngạc và mến phục. Kẻ thù bàng hoàng trước một sự thật phũ phàng đối với chúng: chúng đã thua, nhân dân Việt nam đã thắng. Một câu hỏi đặt ra: tại sao điều kỳ diệu ấy lại xảy ra được? Tại sao một dân tộc không đông lắm, với một nền kinh tế lạc hậu, lại có thể thắng tên đế quốc đầu sỏ có tiềm lực kinh tế và quân sự lớn hơn mình nhiều lần? Khó có sự phân tích nào đem lại cho chúng ta một câu trả lời chính xác bằng ba quyền sách quý do Nhà xuất bản Sự thật xuất bản nhân dịp kỷ niệm lần thứ 10 ngày miền Nam hoàn toàn giải phóng: *Miền Nam, thành đồng Tờ quốc* của Chủ tịch Hồ Chí Minh, *Văn kiện chủ yếu về chống Mỹ, cứu nước* của Đảng ta và *Thư vào Nam* của đồng chí Lê Duẩn, Tổng bí thư Ban chấp hành trung ương Đảng.



Như chúng ta đều biết, với quyết tâm đi tìm đường cứu nước, vào năm 1920, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã đến

với chủ nghĩa Mác - Lê-nin và đã tìm ra con đường giải phóng dân tộc. Đó là con đường cách mạng vô sản. Từ đó, ở Người quyết tâm giải phóng đất nước đã được xây dựng trên cơ sở lý luận cách mạng duy nhất khoa học mà Người đem truyền bá không mệt mỏi trong nhân dân ta.

Với quyết tâm ấy, Chủ tịch Hồ Chí Minh cùng Đảng ta đã kiên trì lãnh đạo nhân dân ta đấu tranh 15 năm trời để đem lại độc lập cho dân tộc bằng cuộc Cách mạng Tháng Tám năm 1945. Tuyên ngôn Độc lập ngày 2-9-1945 khẳng định: « Một dân tộc đã gan góc chống ách nô lệ của Pháp hơn 80 năm nay, một dân tộc đã gan góc đứng về phía đồng minh chống phát xít mấy năm nay, dân tộc đó phải được tự do! Dân tộc đó phải được độc lập ». « Nước Việt nam có quyền hưởng tự do và độc lập, và sự thật đã thành một nước tự do độc lập. Toàn thể dân tộc Việt nam quyết đem tất cả tinh thần và lực lượng, tính mạng và của cải để giữ vững quyền tự do và độc lập ấy ». Đó là lời tuyên bố đánh thép của một dân tộc đã giành được độc lập, nêu cao ý chí giữ vững nền độc lập của mình.

Trong suốt quá trình kháng chiến chống thực dân Pháp, ý chí đấu tranh cho độc lập dân tộc luôn luôn gắn liền với ý chí thống nhất đất nước. Trước âm mưu của đế quốc Pháp chia cắt

Nam bộ ra khỏi nước ta, Chủ tịch Hồ Chí Minh khẳng định: “Đồng bào Nam bộ là dân nước Việt nam. Sống có thể cạn, núi có thể mòn, song chân lý đó không bao giờ thay đổi!”.

Quyết tâm giành và giữ độc lập, thống nhất của đất nước bắt nguồn từ tình cảm yêu nước nồng nàn, sâu sắc. Tiêu biểu cho tình cảm cách mạng ấy của Đảng và dân tộc ta, Chủ tịch Hồ Chí Minh nói: “Một ngày mà Tổ quốc chưa thống nhất, đồng bào còn chịu khổ, là một ngày tôi ăn không ngon, ngủ không yên. Tôi trân trọng hứa với đồng bào rằng: Với quyết tâm của đồng bào, với quyết tâm của toàn thể nhân dân, Nam bộ nhất định trở lại trong lòng Tổ quốc”.

Quyết tâm kháng chiến lâu dài chống thực dân Pháp của dân tộc ta mà Chủ tịch Hồ Chí Minh là người tiêu biểu đã đưa đến chiến thắng vang dội Điện Biên phủ, buộc đế quốc Pháp phải ký Hiệp nghị Giơ-ne-vơ năm 1954 thừa nhận độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ của nước ta. Nhưng với Hiệp nghị Giơ-ne-vơ, đất nước ta còn miền Nam chưa được giải phóng. Trong tình hình đó, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã khẳng định: “Trung Nam Bắc đều là bờ cõi của ta, nước ta nhất định sẽ thống nhất, đồng bào cả nước nhất định được giải phóng”.

Đế quốc Mỹ đã hất cẳng đế quốc Pháp và dựng lên một chính quyền tay sai hòng biến miền Nam Việt nam thành thuộc địa kiểu mới của Mỹ. Đứng trước đế quốc Mỹ, một kẻ thù lớn mạnh hơn đế quốc Pháp nhiều, toàn Đảng và toàn dân ta vẫn giữ vững quyết tâm giải phóng phần còn lại của Tổ quốc.

Trước thái độ ngoan cố của chính quyền Ngô Đình Diệm cự tuyệt thi hành Hiệp nghị Giơ-ne-vơ, Chủ tịch Hồ Chí Minh nói: “*Đồng bào ta ở miền Nam và trong cả nước phải tiếp tục kiên trì đấu tranh đòi chính quyền miền*

Nam phải tôn trọng ý chí của nhân dân. Nước Việt nam là một nước thống nhất, Nam Bắc một nhà, không một lực lượng phản động nào có thể chia cắt được. Nước Việt nam ta nhất định phải thống nhất”.

Khi đế quốc Mỹ ráo riết tiến hành cuộc chiến tranh đặc biệt, gây ra bao cảnh đau thương tang tóc, nhằm khuất phục nhân dân ta ở miền Nam, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nói lên quyết tâm kháng chiến chống Mỹ của nhân dân ta: “Cho tới khi hàng vạn người đã bị giết hại một cách tàn nhẫn và hàng chục vạn người khác bị giam cầm chết dần chết mòn trong các nhà tù và trại tập trung của bọn Ngô Đình Diệm, đồng bào chúng tôi ở miền Nam mới thấy không có con đường nào khác, ngoài con đường chiến đấu để bảo vệ đời sống của mình và gia đình mình. Họ đau đớn phải lựa chọn giữa hai con đường, hoặc là cầm vũ khí chiến đấu hoặc là bị tiêu diệt”.

Sau thất bại trong chiến tranh đặc biệt, đế quốc Mỹ chuyển sang tiến hành chiến tranh cục bộ với sự tham gia trực tiếp của hàng chục vạn quân Mỹ và quân chư hầu, và tiến hành chiến tranh phá hoại miền Bắc với mưu đồ đưa miền Bắc “trở về thời kỳ đồ đá”. Nhưng kẻ thù càng thâm độc, tàn bạo thì quyết tâm của toàn Đảng toàn dân ta càng cao, càng mãnh liệt. Những hành động chiến tranh hủy diệt của đế quốc Mỹ đối với hai miền đất nước chỉ càng nâng cao thêm quyết tâm của nhân dân ta chấp nhận mọi hy sinh và chiến đấu đến thắng lợi cuối cùng. Quyết tâm ấy được thể hiện trong những câu nói nổi tiếng của Chủ tịch Hồ Chí Minh, những câu nói đã trở thành lời hịch của non sông đất nước. Người cảnh cáo đế quốc Mỹ: “Giờ-xơ và bè lũ phải biết rằng: chúng có thể đưa 50 vạn quân, 1 triệu quân hoặc nhiều hơn nữa để đẩy mạnh chiến tranh xâm lược miền Nam Việt nam.

Chúng có thể dùng hàng nghìn máy bay, tăng cường đánh phá miền Bắc. Nhưng chúng quyết không thể lay chuyển được ý chí sắt đá, quyết tâm chống Mỹ, cứu nước của nhân dân Việt nam anh hùng. Chúng càng hung hăng thì tội của chúng càng thêm nặng. Chiến tranh có thể kéo dài 5 năm, 10 năm, 20 năm hoặc lâu hơn nữa. Hà nội, Hải phòng và một số thành phố, xí nghiệp có thể bị tàn phá, song nhân dân Việt nam quyết không sợ! Không có gì quý hơn độc lập, tự do. Đến ngày thắng lợi, nhân dân ta sẽ xây dựng lại đất nước ta đàng hoàng hơn, to đẹp hơn».

Trước lúc đi xa, Chủ tịch Hồ Chí Minh còn dặn lại nhân dân ta phải giữ vững quyết tâm ấy: «Cuộc kháng chiến chống Mỹ có thể còn kéo dài. Đồng bào ta có thể phải hy sinh nhiều của, nhiều người. Dù sao chúng ta phải quyết tâm đánh giặc Mỹ đến thắng lợi hoàn toàn.

Còn non, còn nước, còn người,
Thắng giặc Mỹ, ta sẽ xây dựng hơn
mười ngày nay!».

Lời căn dặn xúc động lòng người ấy của Chủ tịch Hồ Chí Minh kính yêu cũng chính là lời thề son sắt của toàn dân ta quyết giành và giữ độc lập, thống nhất cho Tổ quốc.



Quyết tâm của toàn Đảng và toàn dân ta trong sự nghiệp giải phóng dân tộc, đặc biệt trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, là một quyết tâm hoàn toàn chính xác. Nó đã được chứng minh đầy đủ trong thực tế. Tinh chính xác trong quyết tâm của nhân dân ta thể hiện ở chỗ Đảng ta luôn luôn đánh giá đúng tình hình và lực lượng so sánh giữa ta và địch, trên cơ sở đó đề ra được đường lối cách mạng và phương pháp cách mạng đúng đắn.

Sau hiệp nghị Giơ-ne-vơ, Mỹ từng bước hất cẳng Pháp, đưa tên độc tài

Ngô Đình Diệm lên làm tổng thống bù nhìn ở miền Nam để biến miền Nam thành thuộc địa kiểu mới của nó. Đảng ta đã kịp thời nhận định: «Đế quốc Mỹ là kẻ thù chính của nhân dân yêu chuộng hòa bình thế giới và hiện đang trở thành kẻ thù trực tiếp của nhân dân Đông dương». Năm 1959, trước chính sách xâm lược ngày càng trắng trợn của đế quốc Mỹ và chính sách đàn áp khủng bố của tập đoàn Ngô Đình Diệm ở miền Nam, Nghị quyết Hội nghị thứ 15 của Ban chấp hành trung ương Đảng đánh dấu một bước ngoặt quan trọng trong việc chỉ đạo cách mạng miền Nam. Nghị quyết đã sáng suốt chỉ rõ, mặc dù cách mạng ở miền Nam có khả năng hòa bình phát triển, nhưng «vì Mỹ - Diệm quyết tâm băm lấy miền Nam, chúng không thể tự nguyện từ bỏ chính quyền, từ bỏ hành động bạo lực nhằm tiêu diệt cách mạng ở miền Nam và xâm lược miền Bắc, cho nên Đảng ta vẫn phải tích cực chuẩn bị về mọi mặt theo phương hướng căn bản là khởi nghĩa đánh đổ chế độ Mỹ - Diệm». Đồng thời, Nghị quyết còn dự kiến «cuộc khởi nghĩa của nhân dân miền Nam cũng có khả năng chuyển thành cuộc đấu tranh vũ trang trường kỳ».

Xác định đúng đắn đường lối cách mạng ở miền Nam và kiên trì đường lối ấy đến thắng lợi là một thành công vĩ đại của Đảng ta. Nhưng đường lối dù có đúng đến đâu, mà không có phương pháp cách mạng đúng thì cũng khó biến thành hiện thực. Qua quyền Văn kiện chủ yếu về chống Mỹ, cứu nước, chúng ta thấy rõ Đảng ta đã có những sáng tạo rất to lớn về phương pháp cách mạng. Nhờ đó, cách mạng miền Nam đã phát triển mạnh mẽ, từng bước tiến đến thắng lợi một cách vững chắc.

Vấn đề đặt ra đối với nhân dân ta là: đứng trước một kẻ thù lớn mạnh như đế quốc Mỹ, chúng ta có thể thắng

nó không và phải có cách đánh như thế nào để thắng nó?

Phân tích tình hình và lực lượng so sánh giữa ta và địch lúc bấy giờ, Đảng ta khẳng định để quốc Mỹ không mạnh, nhân dân ta có thể thắng Mỹ, nếu chúng ta biết cách đánh. Và trên cơ sở thực tiễn của cuộc kháng chiến, Đảng ta đã từng bước tìm ra cách đánh có hiệu quả để thắng Mỹ. Mỗi nghị quyết của Đảng là một sự tìm tòi sáng tạo để cụ thể hóa thêm về phương pháp cách mạng, về cách đánh.

Xét mục tiêu, ý đồ của đế quốc Mỹ, tên đế quốc đầu sỏ có nhiều tiềm lực kinh tế, quân sự và có tham vọng làm bá chủ thế giới bằng chủ nghĩa thực dân mới, Đảng ta chủ trương kiềm chế nó trong cuộc chiến tranh đặc biệt ở miền Nam để thắng nó trong cuộc chiến tranh ấy. Khi nó chuyển sang chiến tranh cục bộ và leo thang chiến tranh ra miền Bắc thì Đảng ta chủ trương kéo nó xuống thang và kiềm chế nó trong cuộc chiến tranh cục bộ để thắng nó ở miền Nam. Do tính chất lâu dài, gay go, phức tạp của cuộc chiến tranh, Đảng ta còn chủ trương « kiên quyết đưa cách mạng miền Nam phát triển theo hướng giành thắng lợi từng phần, đẩy lùi địch từng bước, tiến tới tổng công kích, tổng khởi nghĩa, nhưng cũng có thể thông qua một bước quá độ trước khi thắng lợi hoàn toàn ».

Trong khi khẳng định tính chất lâu dài của cuộc kháng chiến, nhiều nghị quyết của Đảng nhấn mạnh « bất kỳ trường hợp nào cũng phải quyết tâm giành cho được thắng lợi tối đa », và phải biết tranh thủ thời cơ để giành thắng lợi trong một thời gian tương đối ngắn.

Tư tưởng cơ bản của các nghị quyết của Đảng về cách mạng miền Nam là quan điểm tiến công và cách mạng bạo lực. Tư tưởng đó là linh hồn của phương pháp cách mạng mà Đảng ta đã vận dụng qua các thời kỳ phát triển của cách mạng miền Nam.

Trong điều kiện kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, một cuộc kháng chiến chống chiến tranh xâm lược của chủ nghĩa thực dân mới, đồng thời là một cuộc chiến tranh có tính chất nội chiến thì bạo lực cách mạng phải có những hình thức đặc biệt. Đảng ta đã thành công trong việc sáng tạo ra những hình thức bạo lực cách mạng phù hợp với quy luật của chiến tranh cách mạng ở miền Nam nước ta. Nghị quyết của Bộ chính trị (29-10 đến 5-11-1963) chỉ rõ: « phương châm chiến lược cơ bản của cuộc đấu tranh cách mạng của nhân dân miền Nam là: đấu tranh chính trị và đấu tranh vũ trang đi đôi. Đấu tranh chính trị đóng vai trò cơ bản và rất quyết định. Nhưng đấu tranh vũ trang cũng đóng vai trò rất cơ bản và rất quyết định. Đấu tranh quân sự đóng vai trò quyết định trực tiếp ».

Trong quá trình lãnh đạo cuộc cách mạng miền Nam, Đảng ta đã phát triển đến mức cao khoa học và nghệ thuật quân sự Việt nam. Đảng ta đã điều khiển được cuộc chiến tranh theo ý đồ của mình và buộc địch phải hành động một cách bị động theo ý đồ ấy để cuối cùng rơi vào thất bại hoàn toàn. Sự chỉ đạo chiến tranh của Đảng ta càng về sau càng chính xác, càng tài tình. Hãy đọc Nghị quyết 20 của Bộ chính trị Trung ương Đảng tháng 10-1974, nghị quyết dẫn tới cuộc tổng tiến công và nổi dậy mùa xuân 1975, chúng ta sẽ thấy rõ điều đó. Nghị quyết nhận định: « Ngụy Sài Gòn đã suy yếu nhanh chóng và toàn diện, dần dần đi vào thế phòng ngự, ta đã giành được thắng lợi lớn, tuy là mới thắng lợi một bước nhưng vững chắc, có ý nghĩa quan trọng, để quốc Mỹ còn âm mưu tiếp tục thực hiện chủ nghĩa thực dân mới ở miền Nam, nhưng khả năng trực tiếp can thiệp của Mỹ hiện nay khó khăn hơn trước nhiều, mà dù chúng có trực tiếp can thiệp, ta cũng quyết đánh thắng, và

quyết giải phóng miền Nam». Nghị quyết dự kiến: «Tình hình cũng có thể có những phát triển nhảy vọt và cho phép ta chuyển cuộc chiến tranh cách mạng của ta sang thời kỳ giành thắng lợi quyết định. Chúng ta đang đứng trước những triển vọng và thời cơ chiến lược lớn». Trên cơ sở nhận định ấy, nghị quyết nêu ra quyết tâm: «Động viên những nỗ lực lớn nhất của toàn Đảng, toàn quân, toàn dân ở cả hai miền, đưa cuộc chiến tranh cách mạng của ta lên bước phát triển cao nhất, bằng phương pháp tổng công kích, tổng khởi nghĩa, tiêu diệt và làm tan rã tuyệt đại bộ phận ngụy quân, đánh đổ ngụy quyền các cấp và giành toàn bộ chính quyền về tay nhân dân, giải phóng miền Nam, hoàn thành cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân ở miền Nam, tiến tới hòa bình thống nhất đất nước».

Và nghị quyết đã biến thành hiện thực, đúng như dự kiến của Bộ chính trị.



Sẽ không thấy hết sự sáng tạo của Đảng ta trong việc đề ra đường lối cách mạng và điều khiển cuộc chiến tranh cách mạng ở miền Nam nếu chúng ta chỉ dừng lại ở những câu chữ của nghị quyết của Đảng. Vì cũng như bất cứ một nghị quyết nào, các nghị quyết về chống Mỹ, cứu nước chủ yếu chỉ ghi lại những kết luận đã được khẳng định để chỉ đạo hành động, chứ không luận chứng một cách chi tiết về những kết luận ấy.

Quyền sách *Thư vào Nam* của đồng chí Lê Duẩn, Tổng bí thư Ban chấp hành trung ương Đảng, một tập văn kiện quan trọng làm sáng tỏ cơ sở lý luận của đường lối kháng chiến chống Mỹ, cứu nước của Đảng, đem lại cho chúng ta những hiểu biết đầy đủ và sâu sắc hơn về các nghị quyết của Đảng. Trong những bức thư này, đồng

chí Lê Duẩn, người chịu trách nhiệm chủ yếu trước Bộ chính trị và Ban chấp hành trung ương Đảng về phong trào cách mạng miền Nam, đã cùng các đồng chí khác trong Bộ chính trị góp phần to lớn vào việc phát triển và hoàn chỉnh lý luận và đường lối cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân, lý luận và đường lối chiến tranh cách mạng, cũng như vào việc tổ chức thực hiện đường lối đó.

Những bức thư vào Nam thể hiện tinh thần độc lập tự chủ của Đảng ta trong việc đề ra đường lối cách mạng và phương pháp cách mạng của Việt nam. Chính nhờ độc lập suy nghĩ trên mảnh đất hoạt động của mình, Đảng ta đã giải quyết đúng đắn một loạt vấn đề đề đưa cách mạng miền Nam đến thắng lợi hoàn toàn: đánh giá so sánh lực lượng giữa ta và địch để hạ quyết tâm đánh địch, tìm ra đường lối cách mạng và phương pháp cách mạng đúng đắn cho cách mạng miền Nam, xây dựng khoa học và nghệ thuật chỉ đạo chiến tranh cách mạng.

Đề đánh giá đúng lực lượng so sánh giữa ta và địch, trước hết phải có quan điểm đúng đắn về so sánh lực lượng. Trong nhiều bức thư gửi các cấp ủy Đảng ở miền Nam, đồng chí Lê Duẩn đã làm sáng tỏ quan điểm của Đảng ta về so sánh lực lượng giữa ta và địch trên địa bàn Việt nam. Đồng chí chỉ rõ, chúng ta «nói đến mạnh, yếu là nói về lực lượng so sánh cụ thể trong thời gian và không gian nhất định, chứ không phải là làm một bài tính đơn giản máy móc». «Đề đánh giá lực lượng so sánh giữa ta và địch, cũng như triển vọng của sự biến đổi của lực lượng so sánh đó, chúng ta cần đứng trong khuôn khổ của cuộc chiến tranh thuộc loại «đặc biệt» (hoặc loại 3) do đế quốc Mỹ tiến hành ở Đông Nam Á» (sau này là trong khuôn khổ chiến tranh cục bộ do Mỹ tiến hành ở miền Nam).

Đứng trong khuôn khổ đó, trước hết, xét lực lượng so sánh giữa địch và ta trong lực lượng so sánh giữa cách mạng và phản cách mạng trên thế giới, sau đó xét lực lượng so sánh theo ý đồ và những thủ đoạn của đế quốc Mỹ trong cuộc chiến tranh ấy, rồi xét lực lượng so sánh trong trạng thái động, không phải trong trạng thái tĩnh, trong triển vọng của sự biến đổi của nó.

Khái quát quan điểm về so sánh lực lượng, đồng chí Lê Duẩn đã phát biểu hết sức sâu sắc: « Thành bại của một cuộc cách mạng, nói cho cùng là do lực lượng so sánh quyết định. Trong chiến tranh kẻ nào mạnh thì thắng, kẻ nào yếu thì thua. Song nói mạnh, yếu là nói theo quan điểm cách mạng, quan điểm phát triển, là căn cứ vào sự đánh giá tổng hợp cả quân sự và chính trị, cả thế lực và thời cơ, các điều kiện khách quan và nghệ thuật lãnh đạo; là xem xét các yếu tố ấy trong quá trình vận động, trong không gian và thời gian nhất định ».

Điều quan tâm lớn nhất của đồng chí Lê Duẩn trong các bức thư gửi vào Nam là làm sáng tỏ phương pháp cách mạng của Đảng ta. Bởi vì chúng ta « phải thắng và có thể thắng Mỹ nếu biết điều khiển cách mạng một cách kiên quyết và khôn khéo ».

Phương pháp cách mạng mà Đảng ta vận dụng trong suốt quá trình tiến hành cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân ở miền Nam có thể tóm gọn trong một câu là: *sử dụng lực lượng tổng hợp của chiến tranh nhân dân để chiến thắng chiến tranh xâm lược của đế quốc Mỹ*.

Lực lượng tổng hợp của chiến tranh nhân dân bắt nguồn từ trong tính chất chính nghĩa của chiến tranh cách mạng và trong sức mạnh của bạo lực cách mạng. Đồng chí Lê Duẩn chỉ rõ bạo lực cách mạng là biện pháp căn bản trong cuộc đấu tranh cách mạng của

nhân dân ta để đánh bại kẻ thù, giành giải phóng dân tộc. Bạo lực cách mạng là bạo lực của quần chúng. Bạo lực của quần chúng, *cách mạng luôn luôn ở thế tiến công*. Khi địch mạnh thì tiến công để ngăn chặn địch, khi địch yếu thì tiến công để đẩy lùi địch.

Sử dụng lực lượng tổng hợp của chiến tranh nhân dân trước hết là *khéo kết hợp hai mặt của bạo lực cách mạng: đấu tranh chính trị và đấu tranh quân sự*. Trong nhiều bức thư, đồng chí Lê Duẩn đã phân tích sâu sắc tầm quan trọng và khả năng đấu tranh chính trị, chỉ ra những hình thức đấu tranh chính trị rất phong phú, linh hoạt, đa dạng. Đồng thời đồng chí lại chỉ rõ thủ đoạn chủ yếu mà kẻ thù dùng để khuất phục nhân dân ta là sức mạnh quân sự, cho nên đấu tranh quân sự để đánh bại kẻ thù là có ý nghĩa quyết định.

Trong đấu tranh chính trị, đồng chí Lê Duẩn nhấn mạnh việc xây dựng mặt trận đoàn kết dân tộc rộng rãi làm tăng sức mạnh của cách mạng, và đề ra những hình thức mặt trận rất linh hoạt, thậm chí cả đến « mặt trận trung lập » để lôi kéo mọi lực lượng dù bất bình nhất đi theo cách mạng, vừa lập mặt trận ở trong nước, vừa lập mặt trận nhân dân thế giới ủng hộ cách mạng Việt nam.

Trong đấu tranh quân sự, đồng chí Lê Duẩn nêu lên tầm quan trọng của việc xây dựng lực lượng quân sự bao gồm ba thứ quân và sự phối hợp hoạt động giữa ba thứ quân trong một chiến lược với những chiến thuật, cách đánh thích hợp để phát huy sức mạnh tổng hợp của lực lượng quân sự nhằm nâng cao hiệu suất chiến đấu. Binh vận để làm tan rã quân đội địch cũng là một mũi tiến công lợi hại. Đồng chí dẫn chứng Cách mạng Tháng Mười Nga và Cách mạng Tháng Tám, để thuyết minh sự cần thiết lập mặt trận công nông binh liên hợp.

Như vậy sức mạnh tổng hợp của chiến tranh cách mạng nằm trong sự kết hợp của ba mũi giáp công: đấu tranh chính trị, đấu tranh quân sự và binh vận.

Sự kết hợp của ba mũi đấu tranh ấy không phải đồng đều nhau trên mọi địa bàn, mọi vùng của miền Nam. Căn cứ tính chất đặc thù của từng vùng, Đảng ta đề ra việc xây dựng ba vùng chiến lược: rừng núi, nông thôn đồng bằng và thành thị với phương châm đấu tranh bằng hai chân, ba mũi và sự phối hợp các hình thức đấu tranh đó ở ba vùng có khác nhau. Sức mạnh tổng hợp ở đây được tạo nên trong sự phối hợp đấu tranh trên cả ba vùng chiến lược một cách thích hợp nhất để giành thắng lợi tối đa trên từng địa bàn, trong từng trận chiến đấu, từng chiến dịch, tiến lên trên toàn chiến trường miền Nam.

Gắn với ba vùng chiến lược có vấn đề căn cứ địa mà đồng chí Lê Duẩn coi là có tầm quan trọng chiến lược to lớn đối với chiến tranh nhân dân. Ở miền Bắc là căn cứ địa cho cuộc chiến tranh cách mạng trong cả nước. Miền Nam thì vùng rừng núi là nơi có điều kiện thuận lợi nhất để xây dựng căn cứ địa cho toàn miền. Ở từng vùng, cũng có căn cứ địa riêng. Sức mạnh tổng hợp ở đây là sức mạnh kết hợp của căn cứ địa, của hậu phương và của tiền phương.

Trong suốt quá trình cuộc kháng chiến, đấu tranh ngoại giao là một yêu cầu cần thiết. Đặc biệt là đến một giai đoạn nhất định thì nó có vị trí quan trọng. Vì vậy, sức mạnh tổng hợp của chiến tranh nhân dân còn thể hiện ở sự kết hợp giữa đấu tranh chính trị, đấu tranh quân sự với đấu tranh ngoại giao. Đồng chí Lê Duẩn nói: "Trong khi khẳng định đấu tranh quân sự và chính trị trên chiến trường là quyết định, ta phải biết nắm thời cơ, sử dụng linh hoạt vũ khí ngoại

giao để góp phần đánh và thắng địch một cách có lợi nhất, coi đây là một mặt trận đấu tranh quan trọng".

Khái quát lại, đồng chí Lê Duẩn nói: "Sử dụng lực lượng tổng hợp của chiến tranh nhân dân là vận dụng quy luật chiến tranh cách mạng ở nước ta cũng như ở cả Đông dương là nổi dậy và tiến công, tiến công và nổi dậy, đi đến tổng công kích và nổi dậy để đánh bại quân thù. Nói một cách khác, đây là một quá trình kết hợp đấu tranh chính trị với đấu tranh quân sự, đấu tranh quân sự với đấu tranh chính trị (chính trị bao gồm cả binh vận và ngoại giao), là quá trình quần chúng đứng lên làm chủ để tiêu diệt địch, tiêu diệt địch để củng cố và mở rộng làm chủ, là kết hợp khởi nghĩa của quần chúng với chiến tranh cách mạng, giành thắng lợi từng bước tiến lên giành thắng lợi hoàn toàn".

Những bức thư gửi vào Nam của đồng chí Tổng bí thư còn nêu ra một kiểu mẫu về nghệ thuật lãnh đạo cách mạng và chỉ đạo chiến tranh. Nghệ thuật lãnh đạo cách mạng và chỉ đạo chiến tranh của Đảng ta biểu hiện trước hết ở chỗ Đảng ta đã biết đề ra yêu cầu đánh địch và thắng địch một cách có lợi nhất.

Nghệ thuật lãnh đạo cách mạng và chỉ đạo chiến tranh của Đảng ta còn biểu hiện ở chỗ biết đề ra yêu cầu đánh địch ở từng nơi, từng thời kỳ. Từ việc đề ra yêu cầu đúng trong đánh địch, Đảng ta đã đề ra được những khẩu hiệu đúng đắn, sát hợp, những hình thức tổ chức và hình thức đánh địch phù hợp, đặc biệt khéo vận dụng sức mạnh tổng hợp của chiến tranh nhân dân để đạt yêu cầu đó.

Nghệ thuật lãnh đạo cách mạng và chỉ đạo chiến tranh của Đảng thể hiện đặc biệt nổi bật qua những bước ngoặt của chiến tranh. Đó là những bước ngoặt « đồng khởi » cuối 1959 đầu 1960, Tết Mậu Thân (1968) và Xuân 1975.

Năm thời cơ và tạo bất ngờ là một nét đặc sắc trong nghệ thuật lãnh đạo cách mạng và chỉ đạo chiến tranh của Đảng ta. Vận dụng khái niệm thời cơ của Lê-nin, đồng chí Lê Duẩn đã xuất phát từ thực tiễn cách mạng của miền Nam trong thời kỳ này đề nêu ra một loạt nhân tố chủ quan và khách quan trùng hợp với nhau tạo nên thời cơ của cách mạng, đồng thời nhấn mạnh những nỗ lực chủ quan và nhân tố chủ yếu. Cùng với việc nắm thời cơ, Đảng ta đã biết thắng địch một cách bất ngờ. Đồng chí Lê Duẩn coi "biết thắng địch một cách bất ngờ là một trong những nhân tố quan trọng để giành thắng lợi, một phương châm tác chiến mà tất cả những người cầm quân đều phải nhuần nhuyễn". Ngay "những trận đánh cuối cùng của ta cũng phải là những trận bất ngờ được tính toán, chuẩn bị chu đáo, đầy đủ nhất". Đúng như đồng chí Tổng bí thư dự kiến,

cuộc tổng tiến công và nổi dậy mùa xuân 1975 với chiến thắng vĩ đại và trọn vẹn của ta là một bất ngờ lớn đối với kẻ thù.



Ba quyển sách được xuất bản lần này chứa đựng những giá trị tư tưởng và lý luận hết sức quý báu. Một bài giới thiệu ngắn không sao nói hết nội dung và giá trị của bộ sách này. Để thấy hết giá trị, hiểu hết nội dung của những quyển sách ấy, cần có những công trình nghiên cứu chuyên đề. Điều quan trọng đối với chúng ta không phải là nghiên cứu đề chiêm ngưỡng một thành tựu kỳ diệu đã qua, mà chính là đề từ đó rút ra những bài học cho hiện tại và sau này. Chúng ta sẽ tìm thấy trong đó những bài học bổ ích cho sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc của nhân dân ta hiện nay.

Quảng nam — Đà Nẵng...

(Tiếp theo trang 53)

Chúng tôi đã từng bước thực hiện nhiệm vụ có tính chất chiến lược của Đảng là xây dựng huyện và tăng cường cấp huyện, làm cho cấp huyện trở thành cấp quản lý kế hoạch toàn diện và có ngân sách, là cấp quản lý sản xuất, lưu thông phân phối, chăm lo đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân và bảo đảm giữ gìn tốt an ninh chính trị, trật tự xã hội, tăng cường quốc phòng, xây dựng các huyện trở thành pháo đài quân sự. Chúng tôi coi việc xây dựng các đảng bộ huyện theo tiêu chuẩn «đảng bộ huyện vững mạnh» là vấn đề cốt lõi trong xây dựng huyện; chú ý tăng cường cán bộ có phẩm chất chính trị, có năng lực cho cấp huyện đủ sức quản lý, điều hành kinh tế — xã hội trên

địa bàn, làm cho huyện thật sự là chỗ dựa cho cơ sở để tiến lên. Huyện Điện Bàn và huyện Hòa Vang là hai huyện trọng điểm của tỉnh đang trở thành cấp quản lý toàn diện, hai đảng bộ ở đây đã được Trung ương Đảng công nhận là đảng bộ huyện vững mạnh.

Để làm tròn những nhiệm vụ nặng nề trong giai đoạn mới mà nội dung chủ yếu là quản lý kinh tế — xã hội, đảng bộ chúng tôi vừa phải không ngừng nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của mình, vừa phải nâng cao trình độ giác ngộ xã hội chủ nghĩa, năng lực làm chủ tập thể và tinh tổ chức cho quần chúng, vừa phải nâng cao vai trò và trách nhiệm của các cơ quan Nhà nước và các tổ chức quần chúng, mở rộng chức năng, quyền hạn, nhiệm vụ, cải tiến phương thức hoạt động và phát huy tinh năng động sáng tạo của những cơ quan và tổ chức này.

Con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở huyện Hòa thành

TRẦN VĂN LÊN

Bí thư Huyện ủy Hòa thành

HÒA THÀNH có núi Bà đen là căn cứ cách mạng suốt hai cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ, có diện tích tự nhiên 19 500 héc ta và 158 000 dân mà 95% là người theo đạo. Hòa thành có 11 000 héc ta đất canh tác, trong đó chỉ có 4 300 héc ta ruộng; có gần 500 cơ sở sản xuất công nghiệp và tiểu công nghiệp, thủ công nghiệp; có 12 chợ, mà lớn nhất là chợ Hòa thành (chợ Long hoa cũ), đầu mối giao lưu hàng hóa giữa thành phố Hồ Chí Minh và các nơi trong tỉnh. Hòa thành cũng là vùng trung tâm đạo Cao đài, có tòa thánh Tây ninh và các cơ quan trung ương đạo này với 3 000 chức sắc cao cấp và 7 000 chức việc khác. Hòa thành trước đây lại là vùng bị địch chiếm đóng lâu ngày, là khu bình định kiểu mẫu của chúng, là nơi có tới 16 700 binh sĩ của chế độ cũ tan rã tại chỗ vào mùa xuân năm 1975.

Sau thắng lợi hoàn toàn của cuộc kháng chiến chống Mỹ, bắt tay vào xây dựng lại địa phương, đảng bộ huyện chúng tôi gặp không ít khó khăn: thiên tai, chiến tranh biên giới tây nam chống bọn Pôn Pốt, chiến tranh phá hoại nhiều mặt của bọn bành trướng Trung quốc cầu kết với đế

quốc Mỹ, các tổ chức nhen nhóm phản động và những sơ hở, non yếu của chúng tôi về quản lý kinh tế. Trong thực tiễn đấu tranh giữa hai con đường xã hội chủ nghĩa và tư bản chủ nghĩa, chúng tôi ngày càng thấy rõ vị trí, chức năng của cấp huyện, dần dần biết vận dụng chủ động và sáng tạo đường lối cách mạng của Đảng vào tình hình cụ thể của địa phương, tìm ra cho mình con đường đi lên đúng hướng và có hiệu quả rõ rệt. Đó là con đường tổ chức lại sản xuất và đời sống của nhân dân trên địa bàn huyện bằng những hình thức thích hợp, tiến hành đồng thời ba cuộc cách mạng, kết hợp cải tạo với xây dựng, cải tạo đến đâu xây dựng đến đấy, cải tạo để xây dựng, lấy xây dựng làm chính, trên cả 5 mặt: công nghiệp, tiểu công nghiệp, thủ công nghiệp, nông nghiệp, thương nghiệp, giao thông vận tải và văn hóa xã hội, hình thành và phát triển cơ cấu công - nông nghiệp thống nhất trong toàn huyện.

Hai năm qua Hòa thành đã có những chuyển biến đáng mừng.

Trong công nghiệp và tiểu công nghiệp, thủ công nghiệp, 95% tư liệu sản xuất đã được đưa vào trong

các tổ chức quốc doanh, công tư hợp doanh và hợp tác xã, trong đó hệ thống quốc doanh thật sự đóng vai trò chủ đạo. Hiện đã xây dựng được 10 cơ sở quốc doanh thuộc các ngành cơ khí, vật liệu xây dựng, chế biến đường, khai thác và chế biến lâm sản v.v. Ngành chế biến sản có 50 lò mỗi lò có công suất 20 tấn/ngày, trong đó 1/3 là quốc doanh, còn lại là công tư hợp doanh mà tính bột chế biến ra đều giao nộp cho công ty bột sản huyện (năm 1981 là trên 5000 tấn). Ngành xay xát có 25 cơ sở quốc doanh, số còn lại công suất dưới 4 tấn/ngày do các hợp tác xã nông nghiệp và tập đoàn sản xuất quản lý.

Hợp tác xã tiểu công nghiệp, thủ công nghiệp được tổ chức đều khắp ở tất cả các xã, trong đó có 10 hợp tác xã tổng hợp nhiều ngành nghề, mỗi ngành nghề chỉ một vài chục hộ. Hợp tác xã «tổng hợp» này có tác dụng liên kết, tập trung được nguồn vốn lớn, bớt được bộ phận không trực tiếp sản xuất và điều hòa được thu nhập của xã viên.

Vận dụng chính sách cải tạo của Đảng phù hợp với tình hình cụ thể của địa phương, chúng tôi đã tập hợp được phần lớn tiểu chủ, khuyến khích họ đưa công cụ sản xuất vào làm ăn với Nhà nước. Tổng giá trị tài sản cố định của ngành tiểu công nghiệp, thủ công nghiệp đưa vào công tư hợp doanh hiện nay là 500 triệu đồng. Hầu hết những người có tay nghề, có kỹ thuật cao đều tiếp tục tham gia sản xuất và trở thành công nhân, nhân viên Nhà nước. Trên cơ sở quan hệ sản xuất mới, việc tăng cường cơ sở vật chất kỹ thuật, ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật và phát huy quyền làm chủ tập thể của người lao động đã thúc đẩy sản xuất phát triển. Có những sản phẩm cơ khí như che ép mía 50 tấn/ngày, cối kết tinh đường cát, máy tuốt lúa, vỏ máy bơm, sơ mi máy nổ các loại... Giá trị tổng sản lượng tiểu công nghiệp, thủ công nghiệp năm

1982 là 420 triệu đồng, trong đó Nhà nước chỉ quản lý được 11 triệu đồng, năm 1983 là 650 triệu đồng và Nhà nước quản lý được 500 triệu đồng. Sau khi tổ chức lại sản xuất, tất cả các xí nghiệp quốc doanh và công tư hợp doanh đều làm ăn có lãi. Năm 1983, xí nghiệp cơ khí nộp ngân sách 30.363 đồng nhưng chỉ 10 tháng năm 1984 đã nộp ngân sách 800.000 đồng. Sản xuất ở các hợp tác xã tiểu công nghiệp, thủ công nghiệp cũng không ngừng phát triển, giá trị tổng sản lượng năm 1983 là gần 12 triệu đồng, 10 tháng năm 1984 đã lên tới 38 triệu đồng. Thu nhập của người lao động, do đó cũng tăng hơn trước: trung bình trong các cơ sở quốc doanh là 1.500 đồng/tháng (không kể tiền thưởng), trong các hợp tác xã là từ 1.500 đến 2.500 đồng/tháng.

Trên mặt trận nông nghiệp, công cuộc cải tạo xã hội chủ nghĩa cũng được đẩy mạnh. Đến tháng 10 năm 1984, Hòa Thành đã hoàn thành về cơ bản hợp tác hóa nông nghiệp. Hiện nay, trong huyện có 170 tập đoàn và 3 hợp tác xã sản xuất nông nghiệp bao gồm 80% diện tích ruộng đất và 94% số hộ nông dân. Toàn bộ đất trồng mía, trồng sản đều hợp tác hóa. 76 máy cày từ 50 mã lực trở lên đã được tổ chức thành 3 tập đoàn máy và được sử dụng hợp lý. Các hình thức làm ăn tập thể và việc thực hiện chế độ khoán sản phẩm đến nhóm và người lao động đã động viên nông dân hăng hái sản xuất, ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật (như cấy giống mới, làm thủy lợi nhỏ...), tăng năng suất cây trồng. Giá trị tổng sản lượng nông nghiệp năm 1981 lên tới 300 triệu đồng. Thu nhập từ một ngày công trong nông nghiệp là 15—17 ki lô gam thóc, cá biệt có nơi lên tới 20—25 ki lô gam, và bình quân lương thực đầu người trong huyện là 279 ki lô gam/năm. Từ chỗ thiếu ăn, nay huyện đã tự trang trải được nhu cầu và làm nghĩa vụ lương thực đối với Nhà nước ngày một nhiều hơn.

Về thương nghiệp và quản lý thị trường, trước đây do buông lỏng quản lý nên thị trường không có tổ chức phát triển mạnh, lẩn át thị trường có tổ chức. Mặt khác, do trình độ quản lý kinh doanh non kém, hợp tác xã mua bán chỉ biết ngồi chờ trên rớt hàng xuống để phân phối nên 9/10 là yếu kém; gây mất lòng tin trong quần chúng. Những biện pháp hành chính như cấm đoán, niêm yết giá đều vô hiệu, tư thương ngày càng phát triển gây khó khăn cho sản xuất và đời sống. Năm 1976 cả huyện có 5000 hộ tư thương, đến đầu năm 1980 có tới 7000 hộ. Tình hình này đặt ra vấn đề cấp bách là đi đôi với cải tạo, tổ chức lại sản xuất trên lĩnh vực công nghiệp, tiểu công nghiệp, thủ công nghiệp và nông nghiệp, tất yếu phải tiến hành cải tạo tư thương và quản lý thị trường.

Muốn cải tạo tư thương, quản lý thị trường, ổn định giá cả thị trường nghiệp xã hội chủ nghĩa phải đủ sức mạnh để nắm được hàng. Cho nên, đi đôi với việc tổ chức tư thương đăng ký lại kinh doanh, chúng tôi ra sức củng cố các hợp tác xã mua bán từ huyện đến xã. Hiện nay, trong toàn huyện có 200 điểm bán hàng, tất cả các hợp tác xã mua bán từ chỗ yếu kém đã vươn lên phát triển vững mạnh đồng đều, làm ăn có lãi. Ngoài các cửa hàng bán lẻ hình thành đến tận ấp xóm, các hợp tác xã mua bán còn tổ chức các xe đẩy hàng lưu động đến những vùng hẻo lánh, vừa bán hàng vừa thu mua nguyên liệu, phế liệu. Các hợp tác xã mua bán trong huyện có 40968 xã viên, 50 nghìn cổ phần (đạt 65% số người trong độ tuổi buy động cổ phần) và mỗi cổ phần đã từ 5 đồng năng lên 25 đồng.

Chúng tôi đã tổ chức, sắp xếp lại những người buôn bán, chuyển một số sang sản xuất và các hoạt động dịch vụ. Số còn lại, chúng tôi thu hút vào các hình thức quá độ như hợp tác, liên doanh với Nhà nước, nhằm khai

thác và sử dụng nguồn vốn và tay nghề của tư nhân. Hình thức này giúp Nhà nước nắm tiền và hàng, quản lý giá cả, ổn định việc thu thuế và đưa dần tư thương vào làm ăn tập thể, bảo đảm hài hòa ba lợi ích (của Nhà nước, tập thể và cá nhân người lao động) cho nên tư thương cũng dễ chấp nhận. Đã có 7 công ty liên doanh như vậy, vốn chủ yếu là do tư nhân góp.

Hiện nay, tổng doanh số thương nghiệp ở huyện chúng tôi lên tới 600 triệu đồng. Nhà nước nắm chặt các mặt hàng chiến lược như gạo, thịt, vải, đậu, đường, khô mắm, rau quả v.v. Thương nghiệp xã hội chủ nghĩa đã làm chủ thị trường, chiếm 75—80% trong khâu bán lẻ và 70—75% trong khâu bán buôn, tạo điều kiện thuận lợi để phát triển sản xuất, ổn định và nâng cao đời sống nhân dân.

Về giao thông vận tải, sau khi được phân bổ lại theo yêu cầu chung của tỉnh, số phương tiện vận chuyển còn lại ở Hòa thành đã được tổ chức thành 1 đội xe quốc doanh huyện gồm 7 chiếc có trọng tải từ 5 đến 7 tấn, 1 hợp tác xã đường bộ gồm 70 xe dưới 2,5 tấn và 1 hợp tác xã đường sông gồm 33 tàu thuyền trọng tải từ 2,5 đến 50 tấn. Bên cạnh các đội xe quốc doanh và hợp tác xã, huyện có 1 đội xe chuyên dùng 15 chiếc ở các xí nghiệp, có trọng tải từ 5 đến 7 tấn.

Về văn hóa xã hội, Hòa thành phải luôn luôn đấu tranh chống lại những hành động lợi dụng thần quyền giáo lý, những tệ tục mê tín, những tàn dư, nọc độc của chế độ cũ. Công tác cải tạo và xây dựng văn hóa xã hội, xây dựng con người mới và nông thôn mới được coi là một công tác trọng tâm.

Trong những năm qua, chúng tôi đã truy quét, thu gom hàng chục nghìn bản sách báo, băng nhạc phản động, đòi truy các loại, xóa bỏ hệ thống hành chính đạo Cao đài từ trung ương đến cơ sở, để cho tôn giáo

này chỉ lo "việc đạo". Chúng tôi cũng đã nhanh chóng xây dựng thư viện, bãi xem biểu diễn nghệ thuật, hội trường, công ty chiếu bóng, công ty dịch vụ văn hóa tổng hợp, quốc doanh nhiếp ảnh mỹ thuật, 15 đội ca khúc chính trị và văn nghệ nghiệp dư. Hệ thống truyền thanh đã tỏa về khắp các xã, ngoài loa công cộng còn có hệ thống loa đến các gia đình, nhiều xã có đến 200 loa. Hệ thống này phục vụ kịp thời việc tuyên truyền chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước, thông tin trong xã ấp, mang tiếng nói cách mạng đến quần chúng. Chúng tôi đã xây dựng đủ trường lớp, trang bị đủ phương tiện dạy, học và hằng năm lại xây dựng, trang bị thêm để đáp ứng nhu cầu ngày càng tăng. Hai năm qua, tổng kinh phí xây dựng trường lớp là 19 triệu đồng, trong đó Nhà nước phải cấp 590 nghìn đồng. Hiện nay, huyện có 2 trường phổ thông trung học, 30 trường phổ thông cơ sở, 16 trường mẫu giáo, 10 nhà trẻ và 1 trường bổ túc văn hóa tập trung, tính trung bình cứ 3 người dân có 1 người đi học. Chúng tôi còn tổ chức các "lớp học tình thương" ở các xã dành cho những em không có điều kiện đến trường ban ngày, do các thầy, cô giáo là đoàn viên thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh tự nguyện giảng dạy.

Cùng với mạng lưới y tế được xây dựng đều khắp các xã, còn có bệnh viện huyện 130 giường, có Hội y được học dân tộc huyện quy tụ gần 300 lương y và mạng lưới y học dân tộc ở tất cả các xóm ấp. Nhờ chú trọng chỉ đạo phong trào thực hiện sinh đẻ có kế hoạch, tỷ lệ phát triển dân số từ 2,6% (1976) đã hạ xuống còn 1,8% (1984).

Cuộc vận động xây dựng nếp sống văn minh, gia đình văn hóa mới được đẩy mạnh, cán bộ đảng viên nêu gương. Đoàn thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh làm lực lượng xung kích.

Trước đây, việc cưới, việc tang do tổ chức đạo lo, nay do Mặt trận Tổ quốc, Hội chữ thập đỏ và các đoàn thể đứng ra tổ chức...

Tóm lại, dưới ánh sáng nghị quyết Đại hội thứ V của Đảng và các nghị quyết tiếp theo đó của Ban chấp hành trung ương Đảng, theo sự chỉ đạo của Tỉnh ủy Tây ninh, huyện Hòa thành chúng tôi đã xuất phát từ tình hình cụ thể của mình, tích cực và chủ động tổ chức lại sản xuất và đời sống hướng theo những mục tiêu kinh tế - xã hội mà Đảng đã đề ra, hình thành và phát triển dần từng bước cơ cấu công - nông nghiệp trên địa bàn huyện. Huyện đã tổ chức mối quan hệ chặt chẽ giữa sản xuất, phân phối, lưu thông và tiêu dùng; hợp tác xã tiểu công nghiệp, thủ công nghiệp, hợp tác xã nông nghiệp, hợp tác xã tín dụng, hợp tác xã mua bán gắn liền với nhau, gắn với hệ thống các công ty, xí nghiệp quốc doanh của huyện và cùng phát triển. Đời sống của nhân dân trong huyện về vật chất và tinh thần được ổn định và từng bước nâng cao. An ninh quốc phòng được giữ vững. Công tác xây dựng Đảng được tăng cường. Đội ngũ cán bộ được rèn luyện và trưởng thành. Nhiều cán bộ trẻ, khỏe, có năng lực lãnh đạo, tổ chức đã xuất hiện.

Được như vậy là do đảng bộ huyện chúng tôi đoàn kết nhất trí, nghiêm chỉnh thực hiện đường lối chung và đường lối phát triển kinh tế của Đảng thể hiện trong các nghị quyết của Đại hội Đảng, của Ban chấp hành trung ương Đảng và của Tỉnh ủy Tây ninh, với tinh thần chủ động, sáng tạo, tự lực tự cường.

Đại hội thứ ba của đảng bộ huyện Hòa thành đầu năm 1983 đã nghiêm khắc kiểm điểm những thiếu sót trong lãnh đạo, đánh giá lại tiềm năng và thế mạnh của địa phương, nhất trí xác định cơ cấu kinh tế của huyện là

công - nông nghiệp, đề ra kế hoạch và biện pháp thực hiện, động viên ý thức trách nhiệm, tinh thần dám nghĩ dám làm của cán bộ, đảng viên. Chương trình hành động của huyện ủy đề ra được thảo luận rộng rãi từ trong Đảng ra đến các tổ chức quần chúng.

Gắn liền với công tác tư tưởng phát động quần chúng là công tác xây dựng tổ chức. Ủy ban nhân dân huyện và các ban tham mưu của huyện được củng cố, cấp xã được tăng cường, hầu như mỗi xã đều có huyện ủy viên phụ trách. Xã điền do ủy viên thường vụ huyện ủy trực tiếp chỉ đạo. Các đoàn thể quần chúng được kiện toàn. Các tổ chức kinh tế, các cơ sở vật chất bảo đảm cho hệ thống quốc doanh nắm vai trò chủ đạo được xây dựng nhanh chóng, có sức mạnh thu hút quần chúng. Nhằm đáp ứng yêu cầu sản xuất ngày càng mở rộng, chúng tôi mạnh dạn đưa các cán bộ trẻ, có trình độ, đã được thử thách và trưởng thành từ cơ sở vào bộ máy quản lý các ngành. 1985 cán bộ, trong đó có 673 cán bộ khoa học kỹ thuật từ sơ cấp đến đại học, 776 cán bộ quản lý kinh tế hầu hết là sơ cấp, 326 cán bộ quản lý Nhà nước v.v. đã được đào tạo theo quy hoạch. Sinh hoạt Đảng trong huyện đi vào nền nếp. Nguyên tắc tập trung dân chủ được giữ vững, lãnh đạo có kiểm tra. Các tổ chức quần chúng lớn mạnh không ngừng, giới thiệu những người ưu tú cho Đảng và 220 trong số đó đã trở thành đảng viên trong năm 1984. 30 trong số 37 chi bộ đã được đề nghị xét công nhận là chi bộ trong sạch vững mạnh. Từ khi thực hiện nghị quyết Hội nghị thứ tư của Ban chấp hành trung ương Đảng (khóa V) đến nay chưa có cán bộ đảng viên nào vi phạm kỷ luật Đảng.

Tin quần chúng, tôn trọng quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động, chúng tôi coi trọng công tác vận động

quần chúng, triển khai cả về chiều rộng lẫn chiều sâu. Chúng tôi kiên trì tuyên truyền giải thích đường lối chính sách của Đảng, đặc biệt là chính sách tôn trọng tự do tín ngưỡng và tự do không tín ngưỡng, phát động lòng yêu nước xã hội chủ nghĩa của quần chúng, tổ chức quần chúng tham gia các phong trào cách mạng xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Hiểu và thấy được vai trò làm chủ tập thể của mình trong xã hội mới, từ đó xóa bỏ được những định kiến sai lầm do kẻ địch dựng lên, lại được bảo đảm về lợi ích kinh tế, quần chúng (tuyệt đại bộ phận là người theo đạo) đã hăng hái phấn khởi đi vào làm ăn tập thể, tích cực tham gia xây dựng quê nước Dầu tiêng (đào đắp trên 1 triệu mét khối đất đá và đắp trên 5000 mét khối bê tông), thực hiện nghĩa vụ lương thực, bảo vệ an ninh, góp phần củng cố quốc phòng v.v. Nhờ vậy mà sản xuất phát triển, đời sống ổn định, Hòa thành đóng góp cho Nhà nước ngày càng nhiều, năm nào cũng vượt chỉ tiêu nghĩa vụ lương thực, nghĩa vụ quân sự, mỗi xã có từ 5 đến 8 đại đội dân quân, toàn huyện có 1800 tổ an ninh nhân dân. Quần chúng ngày càng tin tưởng vào cách mạng, tố cáo những hiện tượng tiêu cực, những thói buôn gian bán lận, tố cáo những hành động phi pháp, phản động. 31 vụ nhen nhóm phản động lớn nhỏ trong huyện đã được phát hiện và xử lý. Đặc biệt là trong năm 1983 đã phá 2 tổ chức của bọn phản động đội lốt tôn giáo là tổ chức « Hòa giải quốc tế » và « Thiên khai huỳnh đạo » do Hồ Tấn Khoa đứng đầu đạo Cao đài chủ mưu. Hồ Tấn Khoa đã bị đưa ra xét xử công khai trước 50 nghìn quần chúng và chính quần chúng tin đồ Cao đài đã yêu cầu đuổi tên Khoa ra khỏi đạo Cao đài.

Huyện Hòa thành cũng còn nhiều khó khăn, khuyết điểm. Chúng tôi cần đưa nhanh hơn nữa tiến bộ khoa học

kỹ thuật vào sản xuất và đời sống, xây dựng thêm cơ sở vật chất, trạm trại cho khu vực nông nghiệp, nâng cao năng suất cây trồng; củng cố các hình thức và cơ sở kinh tế đã bước đầu được xây dựng theo hướng xã hội chủ nghĩa; tăng cường cán bộ nghiệp vụ chuyên môn cho công việc kinh doanh hạch toán kinh tế; đưa đến trường 8 200 trẻ em còn thất học, trong đó 2 000 em chưa biết chữ; tiếp tục

nâng cao cảnh giác, truy quét những nọc độc văn hóa phản động và đồi trụy v.v. Nhưng dù sao thì những kết quả bước đầu rất đáng phấn khởi của huyện chúng tôi trong vài ba năm nay cũng đã chứng minh hùng hồn, sinh động rằng huyện là địa bàn thích hợp để tổ chức lại sản xuất và đời sống, để tiến hành đồng thời ba cuộc cách mạng, rằng con đường đi lên chủ nghĩa xã hội của Hòa thành đã sáng tỏ, mở ra nhiều triển vọng tốt đẹp.

HẬU PHƯƠNG MIỀN BẮC...

(Tiếp theo trang 35)

đoạn mới. Trong lịch sử dân tộc ta, chưa bao giờ công cuộc xây dựng đất nước, củng cố quốc phòng và chuẩn bị sẵn sàng động viên chiến tranh lại dễ ra những yêu cầu to lớn và cấp bách như ngày nay. Mặt khác, cũng chưa bao giờ chúng ta có những điều kiện chủ quan và khách quan thuận lợi để xây dựng nước ta thành một nước xã hội chủ nghĩa có hậu phương vững chắc tự bảo vệ được mình như ngày nay.

Chúng ta xây dựng cả nước ta thành một hậu phương phát triển toàn diện, có chính trị tinh thần vững, kinh tế giàu, quốc phòng mạnh, khoa học kỹ thuật tiên tiến, có đời sống ấm no hạnh phúc. Đồng thời, căn cứ vào quyết tâm chiến lược và kế hoạch chiến lược của Đảng để xây dựng hậu phương chiến lược của quốc gia, của chiến trường ba nước Đông dương, hậu phương của từng chiến trường, phù hợp với từng tình huống chiến tranh có thể xảy ra. Mọi người cần nhận rõ tầm quan trọng và yêu cầu khắt khe của việc xây dựng hậu phương trên cả nước, trên từng chiến trường, từng địa phương và cơ sở, nhất là việc xây dựng hậu phương trực tiếp ở tuyến biên giới phía Bắc, ở ven biển và hải đảo để góp phần đánh bại kiểu chiến tranh lấn chiếm

và kiểu chiến tranh phá hoại nhiều mặt của địch hiện nay.

Dưới sự lãnh đạo thống nhất, trực tiếp của các cấp ủy Đảng, chính quyền các cấp cần thường xuyên kết hợp chặt chẽ giữa xây dựng kinh tế với củng cố quốc phòng, có kế hoạch chu đáo, biện pháp cụ thể, có sự tổ chức điều hành có hiệu lực đối với các ngành, các cơ quan quân sự các cấp. Như vậy, chúng ta mới xây dựng được hậu phương có sức mạnh tổng hợp của cả nước, sẵn sàng động viên cho chiến tranh, đánh thắng mọi cuộc chiến tranh xâm lược.

Ôn lại bài học và vai trò của hậu phương trong chiến tranh, chúng ta càng vững tin vào sự lãnh đạo đúng đắn, sáng tạo của Đảng, vững tin vào sức mạnh vĩ đại và lòng yêu nước, yêu chủ nghĩa xã hội của nhân dân và quân đội ta trong sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa. Mỗi người chúng ta cần nêu cao tinh thần cảnh giác, ý thức trách nhiệm, làm tròn nghĩa vụ xây dựng hậu phương vững mạnh của cả nước, đủ sức đánh bại chiến tranh xâm lược của bọn hành tẩu bá quyền Trung quốc câu kết với đế quốc Mỹ và các thế lực phản động tay sai có thể gây ra đối với đất nước ta, trong bất cứ tình huống nào, với bất cứ quy mô nào.

Chủ nghĩa Lê-nin trong cuộc đấu tranh tư tưởng hiện nay

V. GÔ-LÔ-BÔ-CÔP

Phó tiến sĩ triết học

Biên tập viên tạp chí *Người cộng sản* (Liên xô)

CHỦ nghĩa Mác — Lê-nin thể hiện bằng lý luận một cách đầy đủ và nhất quán tư tưởng của quần chúng lao động đang đấu tranh cho sự giải phóng dân tộc và giải phóng xã hội của mình; nó đang bị những kẻ trung thành với xã hội cũ — xã hội được dựng trên cơ sở người áp bức và nô dịch người, dân tộc này áp bức và nô dịch dân tộc khác — công kích kịch liệt. Giai cấp tư sản và những nhà tư tưởng của nó, những kẻ cơ hội và xét lại đủ màu sắc đang tăng cường đấu tranh chống chủ nghĩa cộng sản, mưu toan xuyên tạc chủ nghĩa Mác — Lê-nin, tước bỏ bản chất cách mạng của nó, cố tìm ra cái vực thẳm tưởng tượng ngăn cách lý luận chủ nghĩa xã hội khoa học và thực tiễn thực hiện lý luận ấy ở các nước xã hội chủ nghĩa, phá hoại tình đoàn kết quốc tế giữa các đội ngũ của phong trào cộng sản quốc tế.

Cuộc cách mạng của giai cấp công nhân Nga Tháng Mười năm 1917 thắng lợi, đánh dấu một kỷ nguyên mới trong sự phát triển của loài người — kỷ nguyên những lý tưởng xã hội chủ nghĩa được thực hiện trong thực tiễn, kỷ nguyên giải phóng dân tộc và giải phóng xã hội của nhân dân các nước, kỷ nguyên xây dựng công bằng xã hội. Do hoàn cảnh lịch sử, nhân dân Liên

xô là người đi tiên phong. Mỗi bước trên con đường mới là mỗi bước đi vào nơi chưa từng được khám phá, và những kinh nghiệm, thường phải trả giá bằng nỗ lực phi thường và hy sinh lớn lao thì thật sự là kinh nghiệm vô giá, là tài sản chung của toàn bộ loài người. Những kinh nghiệm ấy là cơ sở của chủ nghĩa Lê-nin — giai đoạn phát triển mới của chủ nghĩa Mác, chủ nghĩa Mác của thời đại cách mạng vô sản, thời đại sụp đổ của chủ nghĩa thực dân, và thắng lợi của phong trào giải phóng dân tộc, thời đại loài người chuyển từ chủ nghĩa tư bản sang chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản.

Việc nắm vững và áp dụng sáng tạo chủ nghĩa Lê-nin trong những điều kiện khác nhau nhất, làm cho chủ nghĩa Lê-nin trở thành vũ khí hùng mạnh trong cuộc đấu tranh chống chủ nghĩa đế quốc, công cụ có hiệu lực trong công cuộc cải tạo xã hội theo hướng cách mạng. Một trong những nhiệm vụ chính của công tác tư tưởng và tuyên truyền của giai cấp tư sản là đánh bật vũ khí này khỏi tay phong trào cộng sản quốc tế. Để đạt mục đích đó, chúng sử dụng mọi thứ: từ những cuộc "hội thảo" có vẻ khoa

(*) Bài viết cho Tạp chí *Cộng sản*.

học trong lĩnh vực lý luận, đến việc xuyên tạc trắng trợn những luận điểm cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lê-nin, từ sự phê phán khách quan chủ nghĩa của các « học giả » tay sai của giai cấp tư sản đối với lý luận và thực tiễn của chủ nghĩa Lê-nin, đến việc bóp méo trắng trợn sự thật, vu cáo và bịa đặt bĩ đố, khiêu khích đủ kiểu. Trong cuộc đấu tranh tư tưởng hiện nay, việc công kích kịch liệt chủ nghĩa Lê-nin gắn chặt với hoạt động chống Liên xô với lòng hằn thù đất nước xã hội chủ nghĩa đầu tiên trên thế giới, với việc xuyên tạc chính sách của Đảng cộng sản Liên xô và Nhà nước xô viết.

Xây dựng xã hội mới là sự nghiệp sáng tạo có ý thức của đông đảo quần chúng lao động được thực hiện dưới sự lãnh đạo của các đảng cộng sản và công nhân, phù hợp với những quy luật khách quan của lịch sử đã được chủ nghĩa Mác - Lê-nin nhận thức. Việc hiểu biết một cách khoa học những quy luật này làm cho những hoạt động thực tiễn của quần chúng có mục đích rõ ràng, biến họ trở thành những chủ thể thật sự của lịch sử, nghĩa là những người tích cực sáng tạo ra lịch sử. Đồng thời việc áp dụng tri thức này trong cuộc sống lại làm cho tri thức đó giàu thêm. Sự thống nhất giữa lý luận và thực tiễn là nét cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lê-nin, làm cho nó trở thành một học thuyết sinh động, phát triển không ngừng, trả lời một cách sâu sắc, khoa học những vấn đề nóng hổi nhất của thời đại. Vì thế, một khát vọng to lớn của các nhà tư tưởng tư sản là chứng minh rằng tình hình không như thế, rằng lý luận Mác - Lê-nin hình như tách khỏi cuộc sống, và hiện thực dường như không xác nhận những dự kiến cơ bản bằng lý thuyết của chủ nghĩa Lê-nin. Lợi dụng những khó khăn trong công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng

sản, lợi dụng những vấn đề chưa được giải quyết thường xảy ra do sức ép thù địch từ bên ngoài, các nhà tư tưởng tư sản và bọn xét lại thường làm ngơ không nói đến, hay bằng mọi cách, hạ thấp những thành quả của chế độ xã hội mới. Qua một lăng kính méo mó như vậy, cuộc sống của các nước xã hội chủ nghĩa bị miêu tả trái với những lý tưởng mà học thuyết Mác - Lê-nin đã vạch ra. Đây là một trong những hướng chính công kích chủ nghĩa Mác - Lê-nin, chủ nghĩa xã hội hiện thực, lực lượng chính của quá trình cách mạng thế giới.

Bản thân những lý tưởng cộng sản cũng được mô tả hoặc như những ước muốn tốt đẹp của những kẻ hay mơ mộng tách rời cuộc sống hoặc như những khẩu hiệu được tuyên bố một cách hình thức, để che đậy những mục đích thuần túy thực dụng chủ nghĩa nào đó. Chính chủ nghĩa Lê-nin thường bị giải thích theo kiểu ấy: thật ra, đây là học thuyết của Lê-nin, người đã phát triển sáng tạo trong điều kiện lịch sử mới tất cả những bộ phận cấu thành của chủ nghĩa Mác - triết học, chính trị kinh tế học và chủ nghĩa cộng sản khoa học. Đồng chí Hồ Chí Minh, nhà hoạt động lỗi lạc của phong trào cộng sản Việt nam và thế giới nói: « Đấu tranh một cách không điều hòa chống bọn cải lương và bọn xuyên tạc chủ nghĩa Mác đủ các loại, Lê-nin đã nâng chủ nghĩa xã hội khoa học lên một giai đoạn mới. Người đã làm phong phú chủ nghĩa Mác, vũ khí tư tưởng vĩ đại của giai cấp vô sản, đã góp phần cống hiến lớn lao vào việc đề ra lý luận về chuyên chính vô sản, đã phát triển nguyên lý mác xít về khối liên minh công nông, về vấn đề dân tộc và thuộc địa, về chủ nghĩa quốc tế vô sản, về việc xây dựng và củng cố đảng vô sản kiểu mới là tổ chức duy nhất đủ sức lãnh đạo cuộc đấu tranh muốn

hình mẫu về của giai cấp công nhân và của các dân tộc bị nô dịch" (1).

Chiến công sáng tạo vĩ đại của Lê-nin với tính cách một nhà bác học và một nhà chính trị, trước hết là ở chỗ Người hiểu sâu sắc những đặc điểm và tính chất của thời đại lịch sử mới, những đòi hỏi bức thiết của sự phát triển xã hội trong hoàn cảnh lịch sử mới đã hình thành. Lê-nin đã vạch ra một cách khoa học chiến lược xây dựng chủ nghĩa xã hội. Xã hội Liên xô đã tiến tới giai đoạn chủ nghĩa xã hội phát triển, trong đó sức mạnh sáng tạo của chế độ mới, bản chất nhân đạo chân chính của nó ngày càng được bộc lộ đầy đủ; đó là kết quả có ý nghĩa lịch sử toàn thế giới của những hoạt động của Đảng cộng sản Liên xô và nhân dân xô viết về mặt thể hiện những tư tưởng của Lê-nin trong cuộc sống.

Những nhà tư tưởng tư sản và bọn xét lại thường cường điệu những khó khăn và những tổn thất trong quá trình khắc phục khó khăn, mà "quên" không nhận thấy những thành tựu hiện thực của chủ nghĩa xã hội. Ví dụ, họ mưu toan bằng mọi cách hạ thấp những sự kiện như: chiến thắng trong cách mạng; đẩy lùi bọn can thiệp nước ngoài; khắc phục tình trạng kinh tế đổ nát và xây dựng được một nền kinh tế hiện đại trong một thời hạn lịch sử ngắn chưa từng thấy; đập gãy xương sống con thú phát xít; thêm khát thống trị thế giới; từ đồng tro tàn của chiến tranh thế giới thứ hai phục hồi được lực lượng và sức mạnh đủ để cùng các dân tộc khác trong cộng đồng xã hội chủ nghĩa và cùng tất cả các lực lượng yêu chuộng hòa bình trên thế giới trở thành vật cản vững chắc trên đường đi xâm lược của chủ nghĩa đế quốc đang sẵn sàng ném loài người vào một cuộc giao tranh hạt nhân thiêu trụi tất cả— chỉ có một dân tộc tin tưởng vững chắc vào lẽ phải của sự nghiệp của mình

mới có thể thực hiện được tất cả những điều đó. Và niềm tin này được hình thành không phải trên sự tin ngưỡng mù quáng, mà trên sự am hiểu triền vọng lịch sử của sự phát triển của chính mình và của toàn thể loài người. Toàn bộ chân lý của chủ nghĩa Lê-nin ở trong niềm tin như vậy: Những tư tưởng của Lê-nin đã vượt qua thử thách của thời gian, trở thành một sức mạnh vật chất, vì thể hiện những lợi ích cơ bản chứ không phải lợi ích tạm thời của quần chúng lao động, thể hiện những mục tiêu chiến lược trong hoạt động của họ. Thực tiễn lịch sử của nhân dân xô viết, nhân dân các nước anh em trong khối cộng đồng xã hội chủ nghĩa là bằng chứng không thể bác bỏ về tính chân lý của chủ nghĩa Lê-nin.

Chỉ với hoạt động lãnh đạo và chỉ đạo của Đảng cộng sản thì sự nghiệp sáng tạo lịch sử của đồng đảo quần chúng lao động mới có thể trở thành có tổ chức và nhất quán trước sau như một, thậm chí nhìn thấy cả triền vọng xa xôi nhất. Đảng kiểu mới do Lê-nin sáng lập phù hợp với những cơ sở lý luận và tổ chức mà Người đã soạn thảo, là đảng thể hiện sinh động sự thống nhất keo sơn giữa lý luận khoa học và thực tiễn cách mạng. Trong hoàn cảnh hiện nay, khi chủ nghĩa đế quốc luôn luôn gây sức ép đối với các nước xã hội chủ nghĩa, tiến hành những chiến dịch tập trung vu cáo và bịa đặt chống các nước xã hội chủ nghĩa, hòng làm suy yếu vai trò lãnh đạo của Đảng thì những sai sót trong công tác tư tưởng, những lỗi lầm trong chính sách thường bị kẻ thù của chúng ta lợi dụng ngay để chống chủ nghĩa xã hội. Trung thành với những nguyên tắc của chủ nghĩa Lê-nin, tính toán đúng những quy luật chung của công cuộc xây dựng xã hội mới và những đặc điểm của

(1) Hồ Chí Minh: *Tuyên tập*, Nxb Sự thật, Hà Nội, 1980, tập 2, tr. 15.

từng nước, xây dựng mối quan hệ chặt chẽ giữa các đảng mácxít — lê nin nít với quần chúng — đó là điều kiện nhất thiết phải có để xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội.

Chủ nghĩa Mác — Lê-nin là một học thuyết hoàn chỉnh đang phát triển, tính chất nguyên khối của nó không có nghĩa là tính cứng nhắc, tính bất động. Đây không phải là tính nguyên khối của hòn đá, mà là da thịt có mạch đập và đang thay đổi của một cơ thể sống; với tất cả sự thay đổi của mình, cơ thể ấy vẫn là một khối nhất định. Phân chia nguyên khối này ra từng mảnh, bố trí những mảnh đó vào những «căn phòng» khu vực và dân tộc, rút tĩa «linh hồn sống» ra khỏi nó — tóm lại, làm chết nó — đó là ước nguyện điên cuồng của bọn chống chủ nghĩa cộng sản, bọn xét lại và bọn giáo điều. Những mưu toan thực hiện ước vọng này cũng rất đa dạng, nhiều mặt. Thường xuyên hơn cả là mưu toan đưa ra tính đa dạng đủ kiểu để đối lập với tính thống nhất. Trong phương pháp luận, đó là sự thay thế phép biện chứng bằng chủ nghĩa chiết trung, thuyết nhất nguyên bằng thuyết đa nguyên. Trong khoa học xã hội, đó là sự phủ định quy luật thống nhất của lịch sử, là mưu toan lấy sự khác nhau về điều kiện xã hội và điều kiện tự nhiên của các nước và các dân tộc để che lấp số phận chung của loài người, che lấp mối quan hệ phụ thuộc lẫn nhau của các nước và các dân tộc và tương lai chung của họ. Trong chính trị, đó là khát vọng đối lập chủ nghĩa dân tộc và chủ nghĩa số vánh với chủ nghĩa quốc tế.

Tất nhiên, các dân tộc, trong đó có các dân tộc các nước trong cộng đồng xã hội chủ nghĩa, đang ở trong những điều kiện xã hội khác nhau và có mức phát triển xã hội khác nhau. Điều này quy định tính đặc thù trong sự phát triển lịch sử của mỗi dân tộc,

đặc điểm về những nhiệm vụ và những khó khăn xuất hiện trên con đường cải tạo xã hội theo hướng tiến bộ. Nhưng, như Lê-nin đã nhấn mạnh, nhiệm vụ là bao giờ cũng phải «biết áp dụng những nguyên tắc phổ biến và cơ bản của chủ nghĩa cộng sản vào đặc điểm của những mối quan hệ giữa các giai cấp và các đảng, vào đặc điểm của sự phát triển khách quan hướng tới chủ nghĩa cộng sản, những đặc điểm riêng của mỗi nước, mà chúng ta phải biết nghiên cứu, phát hiện và dự đoán» (2).

Việc hiểu biết những quy luật chung của lịch sử, những quy luật chung của cách mạng xã hội chủ nghĩa và xây dựng chủ nghĩa xã hội đã được chủ nghĩa Mác — Lê-nin phát hiện và được những cố gắng chung về lý luận của các đảng cộng sản anh em phát triển, đã vạch ra những phương hướng rõ ràng để tiến lên phía trước, cho phép chúng ta đánh giá một cách tỉnh táo những gì đã làm được, cho phép xác định hoàn toàn sáng tỏ giai đoạn đã đạt được của sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội. Trong thư gửi bạn đọc Việt nam nhân dịp xuất bản cuốn «Những vấn đề công tác của bộ máy Nhà nước và của Đảng» của mình bằng tiếng Việt, đồng chí C.U. Tréc-nen-cô — Tổng bí thư Ủy ban trung ương Đảng cộng sản Liên xô, Chủ tịch Đoàn chủ tịch xô viết tối cao Liên xô đã viết: «Chúng tôi biết rằng, những người cộng sản Việt nam và toàn thể nhân dân lao động của nước cộng hòa đang giải quyết những nhiệm vụ cải tạo xã hội chủ nghĩa trong điều kiện khác chúng tôi. Nhưng chúng ta có những mục tiêu và lý tưởng chung. Trong các vấn đề của công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản, cũng như trong việc giải quyết những nhiệm vụ đối ngoại của Đảng cộng sản Liên xô và Đảng cộng

(2) V.I. Lê-nin: *Tư tưởng*. Nxb Tiến bộ, Mát-xcơ-va, 1978, tập 41, tr. 93.

sản Việt nam, Liên xô và Việt nam thống nhất về những quan điểm giai cấp rõ ràng và tình đoàn kết quốc tế » (3).

Chủ nghĩa quốc tế vô sản, xã hội chủ nghĩa! hình như không có một nguyên tắc Mác - Lê-nin nào khác bị kẻ thù giai cấp của chúng ta dùng trăm phương nghìn kế tiến công liên tục, mãnh liệt và tinh vi đến thế! Điều này hoàn toàn dễ hiểu: chính việc thực hiện nhất quán nguyên tắc này không cho phép thọc gậy vào giữa các đội tiên phong riêng lẻ của phong trào cộng sản thế giới, giữa các nước cộng đồng xã hội chủ nghĩa và do đó không cho phép làm suy yếu phong trào và cộng đồng đó. Tính chất quốc tế của học thuyết Mác - Lê-nin xuất phát từ tính chất quốc tế của vai trò lãnh đạo của giai cấp công nhân trong sự phát triển xã hội, từ những mục tiêu chung và thống nhất của những người vô sản ở tất cả các nước. V.I. Lê-nin nhấn mạnh: « Có một và chỉ có một chủ nghĩa quốc tế thật sự là: làm việc quên mình nhằm phát triển phong trào cách mạng và cuộc đấu tranh cách mạng ở *trong nước mình*, ủng hộ (bằng sự tuyên truyền, bằng sự đồng tình, bằng sự giúp đỡ về vật chất) *chính cuộc đấu tranh ấy*, chính đường lối ấy, và *chỉ đường lối ấy thôi*, trong *tất cả* các nước, không trừ một nước nào » (4). Trung thành với lời dạy của Lê-nin, Đảng cộng sản Liên xô, toàn thể nhân dân xô viết tiếp nhận những cuộc cải tạo xã hội chủ nghĩa ở nước mình như một nghĩa vụ quốc tế.

Việc xây dựng chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản ở nước này hay nước khác của cộng đồng xã hội chủ nghĩa đều có ý nghĩa quốc tế, vì một là, làm được như vậy thì chính cộng đồng được củng cố, lực lượng và sức mạnh của cộng đồng tăng lên, toàn bộ phong trào cộng sản và công nhân

được củng cố. Hai là, mỗi nước, mỗi dân tộc trong khi thể hiện những tư tưởng xã hội chủ nghĩa và cộng sản chủ nghĩa vào cuộc sống trong những điều kiện lịch sử - cụ thể riêng của mình, sẽ đóng góp vào sự phát triển học thuyết Mác - Lê-nin, soi sáng vấn đề này hay vấn đề khác của học thuyết đó, đặt ra những vấn đề mới trong chương trình nghị sự.

Và tất nhiên, công cuộc cải tạo xã hội chủ nghĩa ở mỗi nước, công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội của mỗi dân tộc không thể tách rời sự ủng hộ (bằng sự tuyên truyền, bằng sự đồng tình, bằng sự giúp đỡ về vật chất) của cuộc đấu tranh của giai cấp công nhân các nước khác, của phong trào giải phóng dân tộc của các dân tộc khác. Nhân dân Liên xô, trong tất cả các giai đoạn phát triển chủ nghĩa xã hội của mình đều nhận được sự ủng hộ của giai cấp vô sản thế giới, của tất cả các lực lượng tiến bộ của loài người. Và về phần mình, nhân dân Liên xô cũng thấy có nghĩa vụ giúp đỡ cuộc đấu tranh chính nghĩa của các dân tộc khác. Bộ máy tuyên truyền của bọn đế quốc, các nhà tư tưởng tư sản, bọn xét lại đủ màu sắc mưu toan xuyên tạc sự giúp đỡ, sự ủng hộ này, cho đó là xuất khẩu cách mạng, hòng bắn một mũi tên trúng hai đích. Một mặt, chúng mô tả các nước xã hội chủ nghĩa, phong trào cộng sản như một tên khổng bố quốc tế gây thù hằn và chia rẽ ở khắp nơi trên thế giới, như một trung tâm gây tai họa nào đó. Còn về sự giúp đỡ nói trên đối với các dân tộc nhằm chống lại sự cướp bóc của chủ nghĩa đế quốc quốc tế, chống lại những hành động khủng bố, đàn áp mọi sự phản kháng, mọi cuộc đấu tranh vì độc lập, tự do, chống lại nạn diệt

(3) Báo « Sự thật » (Liên xô) số ra ngày 29-12-1984.

(4) V. I. Lê-nin : *Tổng tập*, Nxb Tiến bộ. Mát-xcơ-va, 1981, tập 31, tr. 207.

chúng và hủy diệt môi trường do chúng gây ra, thì các nhà tư tưởng và các nhà chính trị tư sản thích im lặng hơn. Mặt khác, khái niệm xuất khẩu cách mạng tạo ra cảm giác là, ở những nước được giúp đỡ, không có nguyên nhân nội tại khiến phải tiến hành những cải tạo cách mạng, không có những đối kháng về giai cấp, về xã hội. Vì mục đích xuyên tạc như vậy, người ta đang tô điểm cho bộ mặt của các chế độ phát xít tàn bạo nhất đang tiến hành chiến tranh chống lại chính dân tộc mình, người ta lấp liếm cuộc đấu tranh giai cấp trong lòng các nước tư bản chủ nghĩa, người ta phủ nhận sự tồn tại những vấn đề xã hội ở các nước đó mà chỉ bằng con đường cải tạo xã hội chủ nghĩa mới giải quyết được.

Những vấn đề này hết sức bức thiết, có khi vận mệnh cả loài người phụ thuộc vào việc giải quyết những vấn đề này. Vì rằng quân sự hóa nền kinh tế ở các nước tư bản phát triển là gì? Phải chăng đây chỉ là vấn đề nội bộ của bản thân những nước ấy? Nền biết rằng cuộc chạy đua vũ trang làm cho hòa bình trên trái đất ngày càng mong manh là có mối liên hệ chặt chẽ với việc quân sự hóa nền kinh tế! * Ngăn chặn chiến tranh thế giới, ngăn chặn cuộc chạy đua vũ trang của chủ nghĩa đế quốc — trong thư gửi các bạn đọc Việt nam, đồng chí C.U. Tréc-nen-cô nhấn mạnh — bây giờ không có nhiệm vụ nào quan trọng hơn việc ấy. Lịch sử đã giao phó cho chủ nghĩa xã hội sứ mệnh trọng đại và cao cả — đi tiên phong trong cuộc đấu tranh giải quyết nhiệm vụ cực kỳ khó khăn và quan trọng này. Chúng tôi thấy một trong những tiền đề chính để giải quyết thắng lợi nhiệm vụ này là sự tiếp tục củng cố sức mạnh của cộng đồng xã hội chủ nghĩa, sự tăng cường hợp tác và

tương trợ giữa các đảng và các nhà nước anh em. Mỗi một đất nước chúng ta đóng góp không nhỏ vào sự nghiệp vĩ đại đấu tranh vì hòa bình và tiến bộ. Thống nhất các nỗ lực của mình, chúng ta làm tăng sự đóng góp đó lên nhiều lần». Liên xô và tất cả các nước trong cộng đồng xã hội chủ nghĩa triệt để thực hiện chính sách yêu chuộng hòa bình của Lê-nin.

Học thuyết Mác — Lê-nin đã vượt qua mọi thử thách, đã đi sâu vào những miền đất xa nhất của hành tinh chúng ta. Nó đang tiếp tục phát triển trong cuộc đấu tranh với hệ tư tưởng tư sản, chủ nghĩa xét lại và chủ nghĩa giáo điều, tự gột rửa mình khỏi những vết bám có hại và xa lạ. Cuộc sống xã hội hiện nay hoàn toàn khẳng định sức mạnh của những tiên đoán khoa học của Lê-nin về một loạt vấn đề xã hội hết sức quan trọng: về sự quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội được thực hiện không phải ngay lập tức ở tất cả các nước, mà bằng con đường từng nước riêng biệt tách khỏi hệ thống tư bản chủ nghĩa; về sự phong phú về hình thức của những nước khác nhau chuyển từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội; về khả năng của một số nước phát triển theo con đường phi tư bản chủ nghĩa; về sự phát triển mạnh mẽ của cách mạng giải phóng dân tộc; về vai trò ngày càng tăng của quần chúng nhân dân trong việc cải tạo xã hội theo hướng xã hội chủ nghĩa; về vai trò lãnh đạo của Đảng cộng sản. Sự tiến triển của lịch sử, những cuộc cải biến hết sức sâu sắc làm cho bộ mặt của thế giới hiện nay thay đổi tận gốc rễ, càng ngày càng cung cấp thêm những dẫn chứng mới chứng minh sự đúng đắn và sức mạnh không gì phá nổi của những tư tưởng lê nin

Những thành tựu về nông nghiệp ở Hung-ga-ri

HỒ BÁT KHUẤT

NGÀY 4-4-1945, sau nhiều năm đấu tranh gian khổ, nhân dân Hung-ga-ri, được sự giúp đỡ có tính quyết định của Hồng quân Liên xô, đã lật đổ ách thống trị của chế độ độc tài Hoóc-ti và bọn phát xít quốc xã, giải phóng đất nước, đưa đất nước vào kỷ nguyên mới: kỷ nguyên độc lập, tự do và chủ nghĩa xã hội.

Qua bốn thập kỷ xây dựng chủ nghĩa xã hội, Hung-ga-ri đã đạt những thành tựu to lớn về nhiều mặt, trong đó có việc *phát triển nhanh chóng nền nông nghiệp*.

Trước ngày giải phóng, nông nghiệp Hung-ga-ri còn trong tình trạng lạc hậu. Năng suất trồng trọt và chăn nuôi đều thấp so với mức trung bình của thế giới. Sự bất công trong chiếm hữu ruộng đất khá nặng nề, giai cấp địa chủ chỉ chiếm 0,9% số dân nông nghiệp nhưng lại nắm trong tay gần 50% ruộng đất. Tuyệt đại đa số nông dân thiếu ruộng hoặc không có ruộng, phải chịu cảnh đói khổ triền miên, cho nên Hung-ga-ri thường được gọi là đất nước của ba triệu người ăn xin.

Ngày nay, bức tranh âm đạm nói trên đã hoàn toàn bị xóa bỏ. Nông nghiệp Hung-ga-ri đã vươn lên đứng hàng tiên tiến trên thế giới. Diện tích đất nông nghiệp của Hung-ga-ri chỉ chiếm khoảng 0,15% diện tích canh tác trên quả đất, nhưng lại cung cấp 0,8% sản lượng nông nghiệp toàn thế giới. Từ chỗ thiếu ăn, phải nhập lương thực, ngày nay Hung-ga-ri không

những đã đáp ứng đầy đủ nhu cầu lương thực, thực phẩm của nhân dân trong nước, mà còn dành trên 30% tổng sản lượng nông nghiệp cho xuất khẩu. Năm 1984, tính bình quân đầu người, lượng ngũ cốc đạt 1460 ki lô gam, thịt đạt 210 ki lô gam, đứng hàng đầu trên thế giới.

Những thành tựu về nông nghiệp nói trên là kết quả của những chủ trương, biện pháp đúng đắn của Đảng công nhân xã hội chủ nghĩa Hung-ga-ri trên mặt trận nông nghiệp.

Trước hết, đó là việc tiến hành cải tạo, xây dựng, tổ chức và quản lý sản xuất nông nghiệp đúng lúc, đúng chỗ và nhịp nhàng. Ngay sau khi được giải phóng, Hung-ga-ri đã tiến hành cải cách ruộng đất. Trên 1,8 triệu héc ta ruộng đất (tức là gần 20% diện tích đất tự nhiên cả nước), được chia cho 642 000 người cày thiếu ruộng. Mùa thu năm 1948, Hung-ga-ri bắt đầu công cuộc hợp tác hóa nông nghiệp. Hàng trăm hợp tác xã nông nghiệp đã được xây dựng; các xã viên có thu hoạch cao hơn nhiều so với thu hoạch của nông dân cá thể. Đầu năm 1955, các hợp tác xã sản xuất nông nghiệp đã cày cấy gần 20% đất đai trồng trọt trong nước. Trong thời gian nổ ra cuộc bạo loạn phản cách mạng, bọn phản động đã phá hoại một số hợp tác xã nông nghiệp. Nhưng thành phần xã hội chủ nghĩa ở nông thôn đã tỏ rõ sức sống của mình: sau khi cuộc bạo loạn phản cách mạng bị dập

tất, tất cả các hợp tác xã bị kẻ thù phá hoại đều nhanh chóng được khôi phục. Đến tháng 4 năm 1959, 42% số xã ở Hung-ga-ri đã xây dựng được hợp tác xã nông nghiệp. Cuối năm 1961, Hung-ga-ri đã căn bản hoàn thành cải tạo xã hội chủ nghĩa trong nông nghiệp. Từ đó, các hợp tác xã nông nghiệp không ngừng được củng cố, phát triển và đổi mới về chất lượng. Năm 1960 cả nước Hung-ga-ri có 4507 hợp tác xã, đến năm 1983 tập trung lại thành 1300 hợp tác xã. Tính bình quân, hiện nay mỗi hợp tác xã có khoảng 3500 héc ta đất canh tác, và đạt giá trị sản lượng hằng năm khoảng 50 triệu pho rinh. Ở Hung-ga-ri, việc hợp nhất các hợp tác xã không phải là sự ghép lại một cách đơn giản đất đai canh tác và các phương tiện vật chất, kỹ thuật của các hợp tác xã, mà điều quan trọng là tạo ra cơ sở sản xuất mới có tầm vóc và hiệu quả lớn hơn những cơ sở cũ. Các hợp tác xã cũng đã được xây dựng theo hướng là *một trong những hình thức cơ bản của xí nghiệp xã hội chủ nghĩa*. Các hoạt động của hợp tác xã phải ăn khớp với những mục tiêu của nền kinh tế quốc dân và lợi ích của toàn xã hội.

Cùng với việc tiến hành hợp tác hóa nông nghiệp, Hung-ga-ri cũng coi trọng việc thành lập và phát triển các nông trường quốc doanh. Đó là những xí nghiệp sản xuất nông nghiệp do Nhà nước quản lý, ngoài ruộng đất còn bao gồm những cơ sở công nghiệp chế biến. Hiện nay, ở Hung-ga-ri có 130 nông trường quốc doanh với tổng diện tích canh tác khoảng 650 000 héc ta. Bình quân mỗi nông trường có gần 5 000 héc ta và sản xuất một lượng nông sản trị giá 170 triệu pho rinh. Tuy chỉ chiếm 12,1% tổng diện tích đất canh tác, các nông trường đã cung cấp 18% tổng sản lượng nông nghiệp của cả nước.

Trong nông nghiệp Hung-ga-ri, sản xuất ở gia đình xã viên, nông trường

viên và sản xuất của tư nhân cũng là một bộ phận quan trọng, cung cấp hơn 30% tổng sản lượng nông nghiệp. Bộ phận này thường gắn liền với những cơ sở sản xuất lớn, được các cơ sở sản xuất lớn giúp đỡ bằng cách cung cấp hạt giống, con giống, thức ăn cho gia súc v.v. Nó đảm nhiệm những khâu công việc mà những cơ sở sản xuất lớn không thực hiện được như tận dụng mọi khả năng của đất đai bằng lao động ngoài giờ, lao động của những người đã về hưu v.v.

Tổ hợp nông - công nghiệp, hoạt động như một cơ cấu độc lập, là hình thức mới trong sản xuất nông nghiệp ở Hung-ga-ri. Các tổ hợp này do các hợp tác xã nông nghiệp, các cơ sở công nghiệp và thương nghiệp v.v. hợp thành, nhằm phối hợp các hoạt động kinh tế trên nhiều mặt, sử dụng có hiệu quả những khả năng sản xuất mới, có quy mô lớn. Tuy mới ra đời từ năm 1976, các tổ hợp nông - công nghiệp đã có tác dụng thúc đẩy việc tập trung hóa và chuyên môn hóa sản xuất nhằm đưa lại hiệu quả kinh tế ngày càng cao.

Để bảo đảm và nâng cao giá trị của sản phẩm nông nghiệp, việc sản xuất và chế biến nông sản phải là một quá trình liên tục, thống nhất và hợp lý. Vì lẽ đó, ở Hung-ga-ri, ngành công nghiệp chế biến thực phẩm gắn rất chặt với sản xuất nông nghiệp và là một ngành thuộc Bộ nông nghiệp và thực phẩm.

Dưới sự chỉ đạo của đường lối kinh tế của Đảng, các nhà lãnh đạo nông nghiệp Hung-ga-ri đã sử dụng một *hệ thống những nhân tố điều chỉnh kinh tế* khác nhau. Chính sách giá cả đúng đắn là biện pháp quan trọng nhất, tác động mạnh mẽ và trực tiếp đến năng suất và cơ cấu sản xuất. Chính sách thuế, chính sách đầu tư vốn, những phương tiện điều chỉnh về tài chính, các biện pháp tổ chức các công trình nghiên cứu và

thí nghiệm, phổ biến kỹ thuật, thành lập hội đồng kỹ thuật, cũng như các biện pháp quyền lực, hành chính đều có vai trò nhất định đối với việc phát triển sản xuất nông nghiệp. Việc áp dụng các nhân tố điều chỉnh gián tiếp hay trực tiếp không tách rời hệ thống kế hoạch hóa. Ở Hung-ga-ri, trong công tác chỉ đạo sản xuất nông nghiệp, kế hoạch hóa bao giờ cũng đóng vai trò quyết định.

Điều chỉnh cơ cấu sản xuất nông nghiệp cho cân đối, hài hòa là nhân tố quan trọng thúc đẩy nông nghiệp phát triển. Ở Hung-ga-ri tỷ trọng giữa ngành trồng trọt và ngành chăn nuôi năm 1938 là 62:38, năm 1976 là 54,7:45,3; năm 1980 là 51:49; năm 1983 là 47,3:52,7. Có sự thay đổi tỷ trọng như trên là do trong vòng 20 năm gần đây nhịp độ phát triển của ngành chăn nuôi nhanh hơn so với ngành trồng trọt. Điều đó đã khiến cho nhịp độ phát triển của nền nông nghiệp Hung-ga-ri ngày càng cao. Nhưng trong thực tế tỷ trọng của ngành chăn nuôi không thể nâng cao lên mãi, bởi vì trồng trọt và chăn nuôi có quan hệ hữu cơ với nhau, dựa vào nhau mà phát triển. Việc xác định đúng vị trí và tỷ lệ của từng loại cây trồng, con vật nuôi trong cơ cấu nông nghiệp, do vậy có ý nghĩa lớn. Ở Hung-ga-ri trước năm 1965 diện tích dành cho lúa mì và ngô chưa thỏa đáng cho nên hằng năm Hung-ga-ri phải nhập khẩu lúa mì. Sau 1965 diện tích đó được tăng hợp lý, và Hung-ga-ri đã tự túc được lúa mì. Hiện nay, mì, mạch, lúa và ngô chiếm hơn 60% diện tích trồng trọt; còn rau, khoai tây, củ cải đường và các loại cây khác chiếm gần 40%. Với cơ cấu cây trồng như vậy, sản xuất nông nghiệp đã phát triển thuận lợi, phù hợp với điều kiện và khả năng của Hung-ga-ri.

Về chăn nuôi, căn cứ vào điều kiện và hoàn cảnh cụ thể về môi trường, về nguồn thức ăn, Hung-ga-ri coi

trọng phát triển 5 loại gia súc: gia cầm chủ yếu, thứ tự như sau: lợn, bò, gà vịt, cừu, ngựa.

Trong từng xí nghiệp nông nghiệp, cơ cấu sản xuất cũng luôn được thay đổi sát hợp với điều kiện cụ thể từng thời kỳ và được hiện đại hóa theo hướng kinh doanh xã hội chủ nghĩa.

Thực hiện cơ khí hóa, hóa học hóa, thủy lợi hóa nông nghiệp, áp dụng nhanh chóng các tiến bộ khoa học, kỹ thuật, thay đổi giống cây trồng và con vật nuôi v.v. cũng là những yếu tố quan trọng góp phần tạo nên những thành tựu trong nền nông nghiệp Hung-ga-ri. Trước năm 1945, cả nước Hung-ga-ri chỉ có một ít máy cày, máy bừa chạy bằng hơi nước và máy đập lúa, đến tháng 1-1976, đã có gần 50 000 máy kéo với tổng công suất 3 515 000 sức ngựa. Năm 1980 số máy kéo lên tới 56 000 chiếc với 4 760 000 sức ngựa. Các khâu lao động khác trong trồng trọt và chăn nuôi cũng được nhanh chóng cơ khí hóa. Hiện nay việc sản xuất các loại ngũ cốc và nhiều loại cây trồng khác đã được cơ khí hóa hoàn toàn.

Hung-ga-ri đã sử dụng rộng rãi phân bón, thuốc trừ sâu, thuốc diệt cỏ từ hơn 20 năm nay. Năm 1960 Hung-ga-ri chỉ sử dụng 170 000 tấn phân hóa học trong nông nghiệp, những năm gần đây hằng năm sử dụng khoảng một triệu rưỡi tấn, bình quân mỗi héc ta được bón 230 ki lô gam.

Trên đồng ruộng Hung-ga-ri, những biện pháp tưới, tiêu nước hiện đại như hệ thống ống máng ngầm và hệ thống máng trên mặt đất được kết hợp chặt chẽ với những biện pháp tưới nước cổ truyền đã bảo đảm chủ động tưới nước và tiêu nước cho phần lớn diện tích gieo trồng. Các nhà chọn giống Hung-ga-ri cũng đã lai tạo được nhiều giống cây trồng và giống gia súc có chất lượng tốt. Cùng với việc nhập khẩu một số giống như lúa mì (nhập từ Liên

xô), ngô (nhập từ Cộng hòa dân chủ Đức) v.v. Hung-ga-ri không ngừng phấn đấu tạo ra một cơ cấu giống ngày càng hoàn thiện.

Do tác động của các biện pháp khoa học, kỹ thuật, nông nghiệp Hung-ga-ri ngày càng đạt năng suất cao. Về trồng trọt, trong những năm bốn mươi của thế kỷ này, năng suất lúa mì của Hung-ga-ri đạt khoảng 10 tạ/héc ta, giữa những năm 60 đạt 20 tạ/héc ta, hiện nay năng suất trung bình trên toàn bộ đất đai canh tác là 40 tạ/héc ta, có nơi đạt 70—80 tạ/héc ta. Năm 1938 năng suất ngô là 15 tạ/héc ta, năm 1984 đã lên tới 55 tạ/héc ta.

So với cách đây bốn mươi năm, ngày nay, đàn lợn chỉ tăng 50% về số đầu con, nhưng sản lượng thịt đã tăng lên gấp 3,7 lần nhờ thay giống cũ bằng giống lợn trắng và nhờ chăn nuôi theo phương pháp công nghiệp. Đàn bò hầu như không tăng về số lượng nhưng sản lượng thịt và sữa đã tăng lên gần gấp đôi.

Năm 1938 (năm có sản lượng cao nhất trước ngày giải phóng) sản lượng ngũ cốc đạt 7 189 000 tấn, thịt đạt 621 000 tấn. Năm 1984 ngũ cốc đạt 15 700 000 tấn, thịt đạt 2 400 000 tấn, mặc dù so với năm 1938, đất canh tác giảm 10% và lao động nông nghiệp giảm 60%. Điều đó chứng minh năng suất lao động nông nghiệp ở Hung-ga-ri tăng khá-nhanh. Ngày nay bình quân một lao động nông nghiệp Hung-ga-ri bảo đảm cung cấp đủ lương thực, thực phẩm cho 28—30 người.

Trong khi vận dụng nhiều loại yếu tố để tác động vào sản xuất nông nghiệp, Hung-ga-ri coi yếu tố quyết định là *chất lượng hoạt động của con*

người. Hiện nay hơn 80% số người lao động trong sản xuất nông nghiệp ở Hung-ga-ri là những công nhân chuyên nghiệp và lành nghề. Họ đi sâu vào từng ngành, từng nghề: sửa chữa máy, vắt sữa, nuôi lợn, bảo vệ cây trồng, lái máy v.v. Họ không còn là người nông dân theo nghĩa cũ nữa, mà thực chất là những công nhân nông nghiệp. Hơn 12% tổng số cán bộ khoa học, kỹ thuật của Hung-ga-ri, trong đó 50 000 người có trình độ cao đẳng, đại học và trên đại học, hoạt động trong lĩnh vực sản xuất nông nghiệp. Những người lao động nông nghiệp có năng lực và trí tuệ cùng với cách tổ chức sản xuất khoa học, sự phân công lao động hợp lý, là nhân tố chủ yếu tạo nên những thành tựu to lớn, mang lại niềm tự hào cho nền nông nghiệp Hung-ga-ri.

Những kinh nghiệm mà nền nông nghiệp Hung-ga-ri tích lũy được trong bốn mươi năm qua đang được nhiều nước anh em, trong đó có Việt nam, nghiên cứu và vận dụng.

Nhân dân Việt nam rất phấn khởi trước những thành tựu của nhân dân Hung-ga-ri anh em trong sản xuất nông nghiệp cũng như trong các lĩnh vực khác của công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội. Nhân dịp kỷ niệm lần thứ 40 ngày đất nước Hung-ga-ri hoàn toàn giải phóng, chúng ta chân thành chúc nhân dân Hung-ga-ri, dưới sự lãnh đạo của Đảng công nhân xã hội chủ nghĩa Hung-ga-ri, đứng đầu là đồng chí Ca-da-l-a-nốt, tiếp tục giành được những thắng lợi to lớn hơn nữa trong sự nghiệp xây dựng xã hội xã hội chủ nghĩa phát triển, góp phần ngày càng tích cực vào sự lớn mạnh của cộng đồng xã hội chủ nghĩa.

SỬA LẠI

Tạp chí Cộng sản số 3-1985, trang 9, cột 2, dòng 7—8, xin đọc là: ... làm mới đề giảng ta lại.

«ТАПТИ КОНГШАН» № 4 — 1985

ПЕРЕДОВАЯ — Десять лет упорной борьбы, десять лет славных побед. **ХОАНГ ВАН ТХАИ** — От Дьенбьенфу до исторической операции «Хо Ши Мин». **ЛЕ ЧОНГ ТАН** — Социалистический Север как тыл в борьбе против американских агрессоров, за освобождение Южного Вьетнама и воссоединение Родины. **ХОАНГ МИНЬ ТХАО** — Весна 1975 г. — вершина вьетнамского военного искусства. **ХОАНГ МИНЬ ТХАНГ** — Куангнам-Дананг спустя десять лет социалистического строительства. **ЛЕ ФЫОК ТХО** — Оглядываясь на пройденные десять лет преобразования и развития сельского хозяйства провинции Хаузанг. **В. ГОЛОБОКОВ** — Ленинизм в современной идейной борьбе. **ХО БАТ КХУАТ** — Достижения сельского хозяйства Венгрии.

REVIEW OF COMMUNISM № 4-1985

Editorial — Ten years of staunch struggle, ten years of glorious victories. **HOÀNG VĂN THÁI** — From Dien bien phu to the Ho Chi Minh historic campaign. **LÊ TRỌNG TẤN** — Role of the socialist Northern rear in the struggle against US aggression, for national salvation, and in the struggle for the liberation of the South and for national reunification. **HOÀNG MINH THẢO** — Spring 1975 — New Apogee of Vietnamese military art. **HOÀNG MINH THẮNG** — Quảng nam — Đà nẵng province through ten years of socialist construction. **LÊ PHƯỚC THỌ** — Hậu giang province through ten years of agricultural transformation and development. **V. GOLOBOKOV** — Leninism in the present ideological struggle. **HỒ BÁT KHUẤT** — Agricultural achievements in Hungary.

REVUE DU COMMUNISME № 4-1985

Editorial — Dix années d'efforts tenaces, dix années de victoires glorieuses. **HOÀNG VĂN THÁI** — De Dien bien phu à la Campagne Hồ Chi Minh historique. **LÊ TRỌNG TẤN** — Le Nord socialiste, base arrière de la lutte anti-américaine pour le salut national, la libération du Sud, la réunification de la Patrie. **HOÀNG MINH THẢO** — Le Printemps de 1975, nouveau sommet de l'art militaire vietnamien. **HOÀNG MINH THẮNG** — Quang nam — Đà nẵng après dix ans de l'édification du socialisme. **LÊ PHƯỚC THỌ** — Regard rétrospectif sur les dix années de transformation et de développement de la production agricole de la province de Hậu giang. **HUỖNH VĂN NIỀM** — L'agriculture de la province de Tiền giang dix ans après la libération. **V. GOLOBOKOV** — Le Léninisme dans la lutte idéologique actuelle. **HỒ BÁT KHUẤT** — Les acquis de l'agriculture hongroise.

REVISTA DEL COMUNISMO № 4-1985

Editorial — Diez años de tensoos esfuerzos y de victorias gloriosas. **HOÀNG VĂN THÁI** — De Dien bien phu a la histórica campaña Hồ Chi Minh. **LÊ TRỌNG TẤN** — El Norte, la socialista retaguardia para con la resistencia antiyanqui por la salvación nacional, la liberación del Sur y la reunificación de la patria. **HOÀNG MINH THẢO** — Primavera de 1975, nuevo cúspide del arte militar de Viet Nam. **HOÀNG MINH THẮNG** — Quang nam — Đà nẵng a través de la trayectoria de 10 años de construcción socialista. **LÊ PHƯỚC THỌ** — Una mirada retrospectiva a la trayectoria de diez años de transformación y desarrollo de la producción agrícola en Hậu giang. **V. GOLOBOKOV** — El leninismo en la actual lucha ideológica. **HỒ BÁT KHUẤT** — Los logros agrícolas de Hungría.

M ụ c l ụ c

Xã luận — Mười năm phấn đấu kiên cường, mười năm thắng lợi về vang	1
Văn kiện lịch sử : Điện của đồng chí Tổng bí thư Lê Duẩn gửi các đồng chí lãnh đạo ở các chiến trường miền Nam trong cuộc tổng tiến công mùa xuân năm 1975	8
Những văn kiện chủ yếu về chống Mỹ, cứu nước	14
HOÀNG VĂN THÁI — Từ Điện biên phủ đến chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử	21
LÊ TRỌNG TẤN — Hậu phương miền Bắc xã hội chủ nghĩa đối với sự nghiệp chống Mỹ, cứu nước, giải phóng miền Nam, thống nhất Tổ quốc	29
HOÀNG MINH THẢO — Xuân 1975, đỉnh cao mới của nghệ thuật quân sự Việt nam	36
HOÀNG MINH THẮNG — Quảng nam — Đà Nẵng qua bước đường mười năm xây dựng chủ nghĩa xã hội	41
LÊ PHƯỚC THỌ — Nhìn lại chặng đường mười năm cải tạo và phát triển sản xuất nông nghiệp của Hậu giang	54
HUỖN VĂN NIỀM — Nông nghiệp Tiền giang mười năm sau giải phóng	60
PHẠM THÀNH — Ba văn kiện quý được xuất bản nhân kỷ niệm ngày miền Nam hoàn toàn giải phóng	65
TRẦN VĂN LÊN — Con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở huyện Hòa thành	73
V. GÔ-LÔ-BÔ-CÔP — Chủ nghĩa Lê-nin trong cuộc đấu tranh tư tưởng hiện nay	79
HỒ BẮT KHUẤT — Những thành tựu về nông nghiệp ở Hung-ga-ri	85
Bìa 1 — Tranh của <i>LƯƠNG XUÂN HIỆP</i>	
Bìa 3 — <i>Giá trị tổng sản lượng công nghiệp</i>	
Bìa 4 — Tranh của <i>MINH PHƯƠNG</i>	

Trụ sở Bộ biên tập :

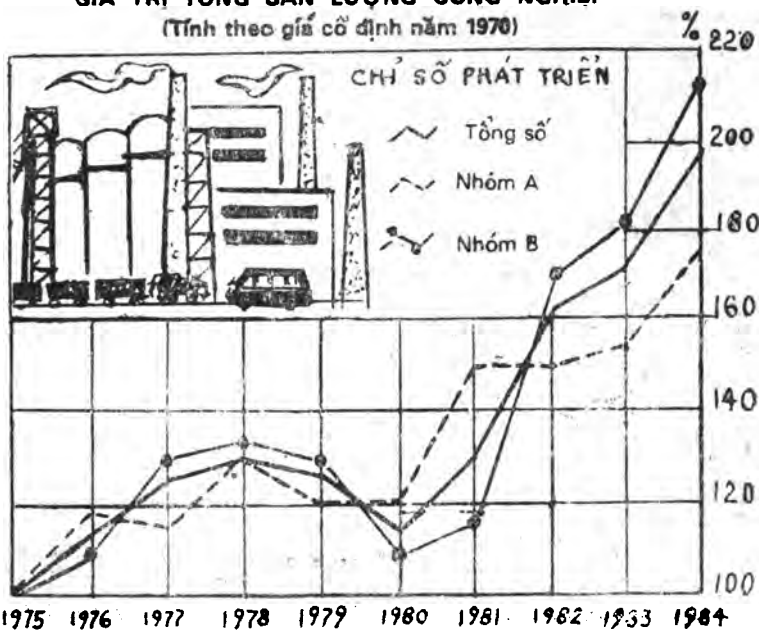
1, Nguyễn Thượng Hiền — Hà nội. Dãy nói : 52061 — 52062

Trụ sở cơ quan thường trú tại miền Nam :

19, Duy Tân — T.P. Hồ Chí Minh. Dãy nói : 25768 — 22040

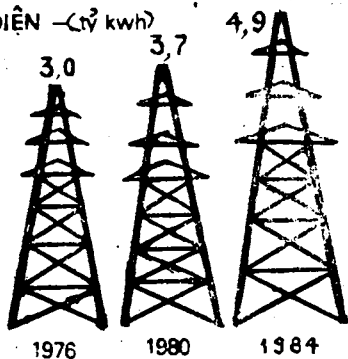
GIA TRỊ TỔNG SẢN LƯỢNG CÔNG NGHIỆP

(Tính theo giá cố định năm 1970)



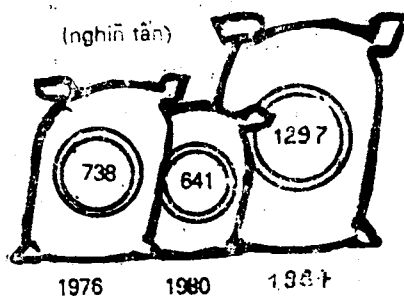
MỘT SỐ SẢN PHẨM CÔNG NGHIỆP

ĐIỆN (tỷ kwh)

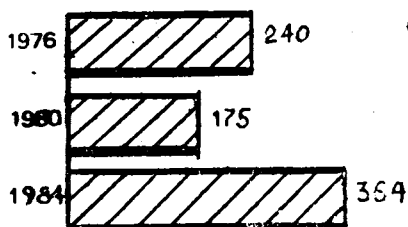


XI MĂNG

(nghìn tấn)

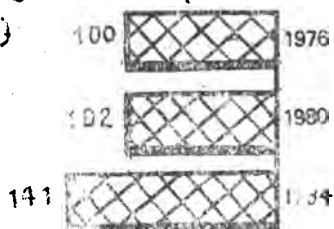


VẢI (triệu mét)

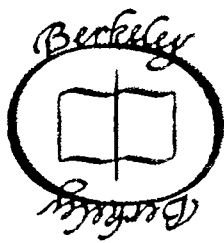


ĐỒ SỬ DÂN DỤNG

(triệu cái)



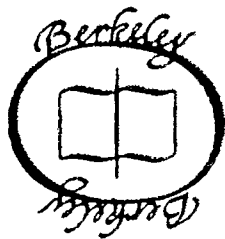




U. C. BERKELEY LIBRARIES



C054306979



U. C. BERKELEY LIBRARIES



C054306979

